

THIỆN PHÚC

**THEO CHÂN
BỒ TÁT**

**FOLLOWING IN
BODHISATTVA'S'
FOOTSTEPS**

**TẬP I
VOLUME I**

Copyright © 2021 by Ngoc Tran. All rights reserved.

No part of this work may be reproduced or transmitted in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying and recording, or by any information storage or retrieval system without the prior written permission of the author, except for the inclusion of brief quotations. However, staff members of Vietnamese temples who want to reprint this work for the benefit of teaching of the Buddhadharma, please contact Ngoc Tran at (714) 778-2832.

Mục Lục Tập I
Table of Content

<i>Mục Lục—Table of Content</i>	3
<i>Lời Đầu Sách—Preface</i>	5
<i>Phần Một—Part One: Sơ Lược Về Bồ Tát—Summaries of Bodhisattvas</i>	9
<i>Chương Một—Chapter One: Nguồn Gốc Của Lý Tưởng Bồ Tát—The Origination of the Bodhisattva Ideal</i>	11
<i>Chương Hai—Chapter Two: Bồ Tát Là Những Ai?—Who Are Bodhisattvas?</i>	19
<i>Chương Ba—Chapter Three: Sự Mâu Thuẫn Giữa Trí Tuệ và Từ Bi—A Contradictory of Wisdom and Compassion</i>	31
<i>Chương Bốn—Chapter Four: Bồ Tát Có Thể Được Xem Như Chư Thiên Hay Không?—Should Bodhisattvas Be Considered As Heavenly Gods?</i>	33
<i>Chương Năm—Chapter Five: Phá Tà Hiện Chánh—Break the False and Make Manifest the Right</i>	37
<i>Chương Sáu—Chapter Six: Bồ Tát Và Chúng Sanh—Bodhisattvas and Living Beings</i>	39
<i>Chương Bảy—Chapter Seven: Cứu Độ Hay Hóa Độ Chúng Sanh?—Salvation or Teaching and Saving of Sentient Beings?</i>	57
<i>Chương Tám—Chapter Eight: Bồ Tát Cứu Hộ Nhứt Thiết Chúng Sanh—Bodhisattvas Save All Sentient Beings</i>	61
<i>Chương Chín—Chapter Nine: Chúng Sanh Bệnh Nên Bồ Tát Bệnh—Sentient Beings Are Subject to Illness, Bodhisattvas are Ill As Well</i>	73
<i>Chương Mười—Chapter Ten: Sự Thanh Tịnh Của Chư Bồ Tát—Bodhisattvas' Purity</i>	77
<i>Chương Mười Một—Chapter Eleven: Bồ Tát Hạnh—Bodhisattva's Practices</i>	93
<i>Chương Mười Hai—Chapter Twelve: Bồ Tát An Lạc Hạnh—Bodhisattvas' Pleasant Practices</i>	103
<i>Chương Mười Ba—Chapter Thirteen: Bồ Tát Nguyện—Bodhisattvas' Vows</i>	109
<i>Chương Mười Bốn—Chapter Fourteen: Bồ Tát Địa—Bodhisattvas' Bhumis</i>	119
<i>Chương Mười Lăm—Chapter Fifteen: Thập Trụ Bồ Tát—Ten Grounds of a Bodhisattva</i>	133
<i>Chương Mười Sáu—Chapter Sixteen: Cha Mẹ Và Quyển Thuộc Của Bồ Tát—Parents and Relatives of Bodhisattvas</i>	137
<i>Chương Mười Bảy—Chapter Seventeen: Đặc Tính Của Chư Bồ Tát—Characteristics of Bodhisattvas</i>	139
<i>Chương Mười Tám—Chapter Eighteen: Bồ Tát Thông Đạt Phật Đạo—Bodhisattvas Enter the Buddha Path</i>	159
<i>Chương Mười Chín—Chapter Nineteen: Sự Tu Hành Của Chư Đại Bồ Tát—Great Bodhisattvas' Cultivations</i>	169
<i>Chương Hai Mươi—Chapter Twenty: Pháp Của Chư Đại Bồ Tát—Great Bodhisattvas' Dharmas</i>	177
<i>Chương Hai Mươi Một—Chapter Twenty-One: Sáu Giai Đoạn Phát Triển Của Bồ Tát—Six Stages of Bodhisattva Developments</i>	221

<i>Chương Hai Mươi Hai—Chapter Twenty-Two: Sự Đạt Ngộ Của Chư Bồ Tát— Bodhisattvas' Attainment of Enlightenment</i>	223
<i>Chương Hai Mươi Ba—Chapter Twenty-Three: Bồ Tát Giới—Bodhisattva Precepts</i>	229
<i>Chương Hai Mươi Bốn—Chapter Twenty-Four: Bồ Tát Thừa và Nhị Thừa— Bodhisattvayana and the Two Vehicles</i>	273
<i>Chương Hai Mươi Lăm—Chapter Twenty-Five: Bồ Tát và Phàm Phu—Bodhisattvas and Ordinary People</i>	281
<i>Chương Hai Mươi Sáu—Chapter Twenty-Six: Xuất Gia Bồ Tát—Monastic Bodhisattvas</i>	287
<i>Chương Hai Mươi Bảy—Chapter Twenty-Seven: Bồ Tát Đạo—Bodhisattva Path</i>	293
<i>Chương Hai Mươi Tám—Chapter Twenty-Eight: Bồ Tát Nghiệp—Bodhisattvas' Karmas</i>	307
<i>Chương Hai Mươi Chín—Chapter Twenty-Nine: Bồ Tát Lực—Powers of Bodhisattvas</i>	317
<i>Chương Ba Mươi—Chapter Thirty: Những Điều Tu Của Chư Đại Bồ Tát Trong Kinh Hoa Nghiêm—Great Bodhisattvas' Things of Cultivation in the Avatamsaka Sutra</i>	325
<i>Chương Ba Mươi Một—Chapter Thirty-One: Cảnh Giới Của Bồ Tát—Bodhisattvas' Realms</i>	345
<i>Chương Ba Mươi Hai—Chapter Thirty-Two: Nhập Kiếp-Nhập Thế Giới-Dần Sanh— Entry into Ages-Entry into Worlds-Birth</i>	349
<i>Chương Ba Mươi Ba—Chapter Thirty-Three: Chỗ Của Chư Đại Bồ Tát—Great Bodhisattvas' Abiding</i>	353
<i>Chương Ba Mươi Bốn—Chapter Thirty-Four: Tâm Bồ Tát—Bodhisattvas' Minds</i>	365
<i>Chương Ba Mươi Lăm—Chapter Thirty-Five: Chư Căn Của Một Vị Bồ Tát— Functions of the Six Faculties of a Bodhisattva</i>	403
<i>Chương Ba Mươi Sáu—Chapter Thirty-Six: Bốn Mươi Tâm Bồ Tát Trong Kinh Phạm Võng—Forty Bodhisattva Positions in Brahma-Net Sutra</i>	415
<i>Chương Ba Mươi Bảy—Chapter Thirty-Seven: Bồ Tát Thập Chung Bất Không— Bodhisattvas' Ten Kinds of Fruitfulness</i>	419
<i>Chương Ba Mươi Tám—Chapter Thirty-Eight: Nhị Chung Bồ Tát—Two Kinds of Bodhisattvas</i>	421
<i>Chương Ba Mươi Chín—Chapter Thirty-Nine: Tại Gia Bồ Tát—Lay Bodhisattvas</i>	425
<i>Chương Bốn Mươi—Chapter Forty: Phật Quốc Bồ Tát—The Buddha Land Sought by all Bodhisattvas</i>	443
<i>Chương Bốn Mươi Một—Chapter Forty-One: Lòng Bi Mẫn Của Bồ Tát— Compassion of Bodhisattvas</i>	461
<i>Chương Bốn Mươi Hai—Chapter Forty-Two: Nhị Tướng Bồ Tát—Two Categories of Bodhisattvas</i>	467
<i>Chương Bốn Mươi Ba—Chapter Forty-Three: Ngũ Ngữ Của Chư Đại Bồ Tát— Great Bodhisattvas' Languages and Written Words</i>	469
<i>Tài Liệu Tham Khảo—References</i>	479

Lời Đầu Sách

Bồ Tát là một chúng sanh giác ngộ và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sanh. Bồ Tát được xem như là một con người cũng với nghiệp của chính mình ở cõi đời này như những người khác, nhưng vị Bồ Tát bằng chính sự nỗ lực của mình, không phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài, tu tập theo phương pháp cụ thể và thực tế để vượt qua những xung đột bên trong chính mình bao gồm những nghiệp xấu và những khổ đau, cũng như những khủng hoảng bên ngoài như môi trường, tai họa... để có thể thay đổi trạng thái mất thăng bằng và để tất cả cùng sống với nhau trong một thế giới bình an, thịnh vượng và hạnh phúc. Bồ Tát Đạo dạy tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sanh và thành Phật quả. Vì mục đích của Bồ Tát thừa là đạt tới Phật tánh tối thượng. Nói cách khác, mục đích của một vị Bồ Tát là tự lợi, lợi tha, giác hạnh viên mãn; và thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.

Theo Phật giáo, Bồ Tát là người có ước vọng thành Phật và cũng là người hết lòng giúp đỡ người khác đạt được sự cứu độ. Những con người đầy lòng bi mẫn này được đề cao trong trường phái Đại Thừa; thật vậy, nét đặc trưng nổi bật nhất của Phật giáo Đại Thừa có thể là sự ủng hộ Bồ Tát Thừa như con đường giải thoát. Vị Bồ Tát đi theo con đường dài và gian khổ thường được mô tả có 10 giai đoạn (thập địa) và trải qua nhiều kiếp sống, cuối cùng vị này đạt được Phật quả. Bồ Tát không bao giờ được xem như là chư thiên hay thần thánh, hoặc một thực thể vĩnh viễn để thờ phượng. Nói về ý tưởng Bồ Tát, có lẽ đây chỉ là một tính chất tượng trưng của Phật pháp được các vị tổ sáng suốt tạo ra sau khi Đức Phật đã nhập diệt, nhằm thích ứng Phật giáo với những hoàn cảnh đặc biệt mà thôi. Khái niệm Bồ Tát đạo xuất hiện trong cả Phật giáo Nguyên Thủy lẫn Phật giáo Đại Thừa. Vì vậy ý tưởng Bồ Tát Đạo trong Phật giáo Đại Thừa không xa lạ với truyền thống Nguyên Thủy. Bồ Tát luôn tu tập theo “Bồ Đề Tâm,” “Lục Độ Ba La Mật,” “Tứ Nhiếp Pháp,” và “Tứ Vô Lượng Tâm.” Đặc biệt nhất là “Tứ Vô Lượng Tâm” vì bốn đức hạnh này không đứng riêng rẽ hoặc rời rạc nhau, trong đó lòng “Bi” có thể được coi là trung tâm, vì “Bi” là nền tảng của “Từ” tượng trưng cho tình thương, sự kính trọng và lòng quan tâm đến chúng sanh mọi loài.

Đối với Phật tử, mỗi Đức Phật đều đã từng nguyện làm một Bồ Tát trong một thời gian lâu dài trước khi giác ngộ. Nhưng tại sao Bồ Tát lại nguyện như vậy? Tại sao Ngài lại muốn đảm nhận một công việc không có ngần mé như vậy? Vì lợi ích cho những kẻ khác, vì Ngài muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi cơn đại hồng thủy của khổ đau phiền não. Nhưng rồi đâu là lợi ích cá nhân mà Ngài tìm thấy trong lợi ích của chúng sanh? Đối với một vị Bồ Tát, lợi ích của chúng sanh chính là lợi ích cá nhân của Ngài, bởi vì Ngài muốn như vậy. Ai có thể tin được điều đó? Thực tình chỉ có những kẻ khô cạn hết lòng thương, những kẻ chỉ nghĩ đến mình, thì thấy khó tin được lòng vị tha của Bồ Tát. Nhưng những người có từ tâm thì có thể tin nó một cách dễ dàng. Nói tóm lại, Bồ Tát là một bậc giác giả trong hàng các chúng sanh. Vị ấy thường lập nguyện đem sự giác ngộ và trí tuệ mà mình đã mở bày ra nhằm giác ngộ tất cả các chúng sanh khác. Công việc của một vị Bồ Tát không dễ chút nào cả. Tuy không hy hữu như một vị Phật, nhưng cũng thật khó để có một vị Bồ Tát thị hiện và cũng thật khó cho phàm phu (người thường) gặp được một vị Bồ Tát thật.

Quyển sách nhỏ có tựa đề “Theo Chân Bồ Tát” này không phải là một nghiên cứu thâm sâu về giáo lý nhà Phật, mà nó chỉ đơn thuần vạch ra hạnh nguyện và con đường tu tập của chư Bồ Tát cho hàng Phật tử chúng ta noi theo. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng mục đích của người tu Phật là tự giác, nghĩa là tự giác hay tự quán sát bằng cái trí của chính mình chứ không dựa vào kẻ khác; giác tha (sau khi tự mình đã giác ngộ lại thuyết pháp để giác ngộ cho người khác, khiến họ được khai ngộ và giúp họ rời bỏ mọi mê lầm và khổ não trong vòng luân hồi) rồi cuối cùng mới đi đến giác hạnh viên mãn, thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử, đó chính là Niết Bàn đạt được ngay trong kiếp này. Cuộc hành trình từ người lên Phật còn đòi hỏi nhiều cố gắng và hiểu biết liên tục. Chính vì thế mà mặc dù hiện tại đã có quá nhiều sách viết về Phật giáo, tôi cũng mạo muội biên soạn tập sách “Theo Chân Bồ Tát” song ngữ Việt Anh nhằm phổ biến giáo lý nhà Phật cho Phật tử ở mọi trình độ, đặc biệt là những người sơ cơ. Những mong sự đóng góp nhoi nầy sẽ mang lại lợi lạc cho những ai mong cầu có được cuộc sống an bình, tỉnh thức và hạnh phúc.

Thiện Phúc

Preface

A Bodhisattva is one whose beings or essence is bodhi whose wisdom is resulting from direct perception of Truth with the compassion awakened thereby. Enlightened being who is on the path to awakening, who vows to forego complete enlightenment until he or she helps other beings attain enlightenment. Bodhisattva is considered as a human being with his own karmas at his very birth as all other creatures, but he can be able to get rid of all his inner conflicts, including bad karmas and sufferings,; and external crises, including environments, calamities and other dilema, can change this unfortunate situation and can make a peaceful, prosperous and happy world for all to live in together by using his effort and determination in cultivating a realistic and practical way without depending on external powers. The Bodhisattva Way teaches the observance of the six paramitas the perfecting of the self and the benefits of others. The objective is the salvation of all beings and attaining of Buddhahood. The aim of Bodhisattvayana is the attainment of Supreme Buddhahood. In other words, the aim of a Bodhisattva is to benefit self and benefit others, leading to Buddhahood; and above to seek bodhi, below to transform all beings.

According to Buddhism, a Bodhisattva is a being who resolves to become a fully enlightened Buddha and who dedicates his efforts to helping other sentient beings to attain salvation. These compassionate beings figure predominantly in the Mahayana tradition; indeed, the most distinguishing feature of Mahayana Buddhism may be its advocacy of the Bodhisattva as the vehicle to liberation. The Bodhisattva follows a long and arduous path, often described as having ten stages and spanning many lives at the end of which he attains complete Buddhahood. Bodhisattvas should never be considered as heavenly gods or devas, or permanent entities for worship. Talking about the idea of Bodhisattva, Buddhists should always remember that the idea of Bodhisattva is only a symbolic method of Buddha-dhamra created by intellectual patriarchs after the Buddha's parinirvana only to satisfy the religious need of followers and to adjust Buddhism in some special circumstances. The concept of Bodhisattvahood appears in both Theravada and Mahayana Buddhism. So the idea of Bodhisattva in Mahayana Buddhism is in no way a strange idea to the Theravada Buddhism. Bodhisattvas always cultivate "the mind to bodhi (bodhicita)," "the six Paramitas," "the four all-embracing virtues," and "the Four Immeasurables." Especially, "the Four Immeasurables" for these four characteristics cannot be viewed in

discreteness or in isolation. Among them, “Compassionate” is the most essential, for “Karuna” or “Compassionate” is the basis of “Maitri” or “Loving-kindness” which stands for “love, respect and care for all living beings.”

For all Buddhists, each Buddha had been, for a long period before his enlightenment, vowed to be a Bodhisattva. But why does a Bodhisattva have such a vow? Why does he want to undertake such infinite labor? For the good of others, because they want to become capable of pulling others out of this great flood of sufferings and afflictions. But what personal benefit does he find in the benefit of others? To a Bodhisattva, the benefit of others is his own benefit, because he desires it that way. Who could believe that? It is true that people devoid of pity and who think only of themselves, find it hard to believe in the altruism of the Bodhisattva. But compassionate people can easily do so. In short, a Bodhisattva is an enlightener of sentient beings. He usually vows to take the enlightenment that he has been certified as having attained and the wisdom that he has uncovered to enlighten all other sentient beings. A Bodhisattva’s job is not easy at all. Though his appearance is not rare as that of a Buddha, but it is extremely difficult for a Bodhisattva to appear, and it is also extremely difficult for ordinary people to encounter a real Bodhisattva.

This little book titled “Following in Bodhisattvas' Footsteps” is not a profound study of Buddhist teachings, but a book that simply points out Bodhisattvas' practices, vows and paths of cultivation for us, Buddhists, to follow. Devout Buddhists should always remember that entering the state of mind of a Nirvana as the Buddha taught does not mean to renounce the world and to enter into a temple as a monk or nun, but it means to enter into practicing well-being exercises that are linked to established daily life patterns, makes our lives more peaceful. Devout Buddhists should always remember the goal of any Buddhist cultivator is to achieve self-enlightening, that is examining with one’s own intelligence, and not depending upon another; enlightening or awakening of others, then achieve the final accomplishment, to go beyond the cycle of births and deaths, that is to reach the state of mind of a Nirvana right in this very life. The journey from man to Buddha still demands continuous efforts with right understanding and practice. Presently even with so many books available on Buddhism, I venture to compose this booklet titled “Following in Bodhisattvas' Footsteps” in Vietnamese and English to spread basic things in Buddhism to all Vietnamese Buddhist followers, especially Buddhist beginners, hoping this little contribution will help Buddhists in different levels to understand on how to achieve and lead a life of peace, mindfulness and happiness.

Thiền Phúc

Phần Một A
Sơ Lược Về Bồ Tát

Part One A
Summaries of Bodhisattvas

Chương Một
Chapter One

Nguồn Gốc Của Lý Tưởng Bồ Tát

Khoảng 200 hay 300 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, một lý tưởng Phật giáo mới bắt đầu vươn lên. Không hài lòng với mục đích giới hạn của một vị A La Hán, cách nhìn mới này nhấn mạnh đến một vị Bồ Tát như là nguyện vọng cao nhất cho tất cả mọi người. Bồ Tát là người có ước vọng thành Phật và cũng là người hết lòng giúp đỡ người khác đạt được sự cứu độ. Những con người đầy lòng bi mẫn này được đề cao trong trường phái Đại Thừa; thật vậy, nét đặc trưng nổi bật nhất của Phật giáo Đại Thừa có thể là sự ủng hộ Bồ Tát Thừa như con đường giải thoát. Vị Bồ Tát đi theo con đường dài và gian khổ thường được mô tả có 10 giai đoạn (thập địa) và trải qua nhiều kiếp sống, cuối cùng vị này đạt được Phật quả. Như vậy Đại Thừa có thể coi như là một trường phái của các vị Bồ Tát, ở những giai đoạn khác nhau trên con đường, như là sự can thiệp vào cuộc sống của con người. Ví dụ, một vị Bồ Tát có thể tạo nên “những vùng đất Phật” mà con người có thể ước nguyện được tái sinh nhờ lòng thành mộ đạo và đức tin chính trực. Khái niệm Bồ Tát có khi được kết hợp với giáo lý “Tam Thân” của Đức Phật. Thuyết này cho rằng hình thức tối cao của tính Phật là bản chất thật của vạn vật, là Pháp Thân. Pháp thân được thể hiện bằng cách tiến đến hai thân khác: Thân Hưởng Thọ, một hình thức vi tế mà những người tiến bộ trên con đường mới có thể nhận thức, và “Biến Thân,” một hình thức vật lý rõ ràng đối với tất cả mọi người. Theo sự sắp xếp này, Đức Bồ Đề chỉ là một sự Biến Thân của Tính Phật tối cao. Những vị Bồ Tát khác, những Hưởng Thọ Thân có thể truyền dạy giáo pháp và xen ở giữa sự biến thân và hiện thân. Các vị Bồ Tát quan trọng của Đại Thừa gồm có Quán Thế Âm, Văn Thù Sư Lợi, người hiện thân của trí tuệ tối cao và thường được tượng trưng cầm một thanh gươm, ngài dùng nó để phá vỡ bức màn vô minh; Bồ Tát Di Lặc hay Từ Thị, sẽ là vị Phật trong tương lai, sau khi đạt thành Phật quả, ngài sẽ chuyển Biến Thân để truyền bá giáo pháp ở thế gian. Một số vị thầy cao cả khác đôi khi được xem như các vị Bồ Tát, hay sự tái sinh của họ. Một trong những vị này là ngài Long Thọ, ngài là viện trưởng viện Đại Học Na Lan Đà vào thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch. Long Thọ

được xem như là người sáng lập ra tông phái Trung Quán, một trường phái triết học Phật giáo hoạt động trong nền Phật giáo Ấn Độ. Trường phái Trung Quán có ảnh hưởng lớn lao đến một vài truyền thống Phật giáo ở Nhật, chẳng hạn như Thiên tông, và ngày nay nó vẫn còn hưng thịnh ở Tây Tạng.

Trong ngôn ngữ Tây Tạng, danh từ Bồ Tát được dịch là “Đấng Trượng Phu.” Phẩm chất trượng phu của một vị Bồ Tát được nêu ra trong Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa như sau: “Giả sử có một đấng trượng phu với những thành tựu vĩ đại ra khỏi nhà với cha, mẹ, các con trai, và các con gái. Rồi gặp phải trạng huống đi lạc vào một cánh rừng hoang bao la. Người thiếu khôn ngoan trong nhóm họ sẽ hoảng sợ kinh khiếp. Nhưng người anh hùng nói với họ là đừng sợ hãi ‘Đừng sợ! Tôi sắp đưa các người ra khỏi cánh rừng hoang kinh khủng này một cách yên ổn.’ Vì không sợ hãi, dũng mãnh, dịu dàng rất mực, bi mẫn, can trường và đầy sức mạnh, ý nghĩ tìm cách ra khỏi rừng một mình và bỏ lại những người thân không bao giờ có với vị ấy. Trái lại với A La Hán, Phật giáo Đại Thừa chủ trương rằng chúng ta phải mang tất cả chúng sanh để cùng đi với chúng ta trên đường giác ngộ, chúng ta không được bỏ rơi chúng sanh, vì tất cả chúng sanh cũng gần chúng ta như những người thân của chúng ta vậy. Cái mà một người nên làm là không nên phân biệt giữa mình và những người khác, và phải giúp đỡ cho người khác vào Niết Bàn trước khi tự mình đi vào trong đó. Như vậy Phật giáo Đại Thừa cho rằng A La Hán có mục đích chưa đủ cao. Theo Phật giáo Đại Thừa, một con người lý tưởng, mục đích nỗ lực của Phật tử không phải là trở thành một vị A La Hán tự kỷ, lạnh lùng với đầu óc hẹp hòi, mà phải là một vị Bồ Tát có lòng bi mẫn, vị từ bỏ trần tục, nhưng không bỏ rơi chúng sanh ở đó. Với vị A La Hán thì trí tuệ được dạy là đức tính cao cả nhất, và từ bi chỉ là đức tính phụ mà thôi; nhưng với một vị Bồ Tát, từ bi đã vươn lên ngang hàng với trí tuệ. Trong khi trí tuệ của một vị A La Hán mang lại thành quả giải thoát cho chính vị ấy, nhưng lại khô cằn trên phương diện và trong phương tiện giúp đỡ người khác. Bồ Tát là người không những tự giải thoát, nhưng còn khéo léo trong cách mang lại mầm mống tiềm ẩn của chủng tử Bồ Đề nơi người khác nữa. Theo Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, Đức Phật dạy: “Người làm những việc khó làm là chư Bồ Tát, những đấng trượng phu đã đạt giác ngộ tối thượng. Chư vị không muốn đạt Niết Bàn. Ngược lại, chư vị lại chịu kinh qua những khổ đau vô vàn của trần

thế mà không kinh sợ trước sanh tử. Chư vị lên đường vì lợi lạc và an vui của trần thế, vì thương xót trần thế. Chư vị thệ nguyện: ‘Chúng tôi quyết làm nơi an trú cho cả trần thế, nơi cho chúng sanh về nương, nơi an nghỉ cho trần gian, là niềm tin tối hậu của mọi người, là hải đảo, là ánh sáng, là người hướng dẫn, và là phương tiện cứu khổ chúng sanh.

Theo Phật giáo Đại Thừa, lý tưởng Bồ Tát một phần do áp lực xã hội trên Giáo hội, nhưng phần lớn lý tưởng này liên kết với sự tu tập những ‘Vô Lượng’ đã huấn luyện chư Tăng không được biện biệt mình với người khác. Như chúng ta đã thấy, Phật giáo có hai phương pháp nhằm giảm thiểu cảm thức chia ly nơi những cá nhân. Một là sự vun xới những cảm xúc xã hội, hay những tình cảm như từ và bi. Phương pháp kia bao gồm việc thủ đắc thói quen xem tất cả những điều người ta nghĩ, cảm hay làm như một hồ tương tác dụng của những sức mạnh vô ngã, gọi là pháp, từ từ tháo gỡ những ý tưởng như ‘tôi’ hay ‘của tôi’ hay ‘ngã.’ Có sự mâu thuẫn giữa phương pháp trí tuệ, tức là phương pháp không cần thấy đến người nào cả, nhưng chỉ biết có vạn pháp, và phương pháp của “Vô Lượng” (hay tứ vô lượng tâm-từ-bi-hỷ-xả), mục đích vun xới những liên đới với những người được xem như những cá nhân. Sự tu tập thiền định trên các pháp làm tiêu tan tha nhân cũng như tự ngã trong một hợp khối của những pháp vô ngã và nhất thời. Nó làm giảm thiểu nhân tính của chúng ta thành 5 nhóm, thêm vào đó một thứ nhãn hiệu. Nếu trên trần gian này chẳng có gì ngoài những bó Pháp, nguội lạnh, vô ngã như những nguyên tử thành hoại trong chớp mắt, không có cái gì là từ bi tác dụng lên cả. Người ta không thể ao ước điều tốt lành cho Pháp, cũng như người ta không thể thương xót một cái gọi là Pháp, gọi là ‘pháp giới’ hay một; nhãn căn,’ hay một ‘nhĩ thức giới.’ Trong những đoàn thể Phật giáo nơi người ta tu tập phương pháp của các Pháp rộng rãi hơn những ‘Vô lượng tâm,’ sẽ dẫn tới sự khô khan tâm trí nào đó, tới sự xa cách, và thiếu hơi ấm nhân loại. Nhiệm vụ của Phật tử là thi hành cả hai phương pháp mâu thuẫn một lượt. Cũng như phương pháp của các pháp dẫn tới sự mâu thuẫn vô biên của tự ngã, bởi vì tất cả đều trở nên trống rỗng vì nó, cũng thế phương pháp của các ‘vô lượng tâm’ đưa tới sự trải rộng vô biên của tự ngã, bởi vì người ta ngày càng đồng hóa với chúng sanh. Cũng như phương pháp của trí tuệ chứng minh ý tưởng rằng không có bất cứ một cá nhân nào trên trần gian cả, cũng vậy phương pháp của ‘Vô Lượng’ lại mở rộng ý thức về những vấn đề cá nhân ngày càng liên quan tới

nhều người hơn nữa. Vậy Phật giáo Đại Thừa làm cách nào để giải quyết mỗi mâu thuẫn này? Những triết gia Phật giáo khác với những triết gia được nuôi dưỡng trong truyền thống Aristote ở chỗ họ không sợ, trái lại họ rất thích mâu thuẫn. Họ đề cập tới mâu thuẫn này, hay những mâu thuẫn khác, bằng cách chỉ phát biểu nó trong một hình thức ương ngạnh và rồi họ để nó ở đó. Theo Kinh Kim Cang: “Này Tu Bồ Đề! Một vị Bồ Tát phải nghĩ rằng, ‘Có bao nhiêu chúng sanh trong vũ trụ này, dầu họ thuộc loài noãn sanh, thai sanh, thấp sanh hay hóa sanh; dầu họ thuộc loài có sắc, hay không sắc; dầu họ thuộc loài có tri giác, hay không có tri giác, cho đến bất cứ chúng sanh nào trong vũ trụ mà mình có thể quan niệm được, tất cả đều phải được ta dẫn vào Niết Bàn, vào trong cảnh giới Niết Bàn không để lại chút dấu tích gì. Và mặc dù vô lượng chúng sanh đã được dẫn đến Niết Bàn như vậy, không có một chúng sanh nào được dẫn tới Niết Bàn cả. Tại sao vậy? Nếu một vị Bồ Tát còn thấy có ‘chúng sanh,’ Bồ tát đã không được gọi là người giác ngộ.

Nói tóm lại, lý tưởng Bồ Tát bắt nguồn từ Phật giáo Đại Thừa, nhưng từ Bồ Tát không chỉ hạn hẹp trong Phật giáo Đại Thừa. Theo truyền thống Theravada, thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được coi như một vị Bồ Tát (Đại Sĩ) trong những tiền kiếp trong Kinh Bốn Sanh, trong suốt những tiền kiếp đó, người ta nói Ngài đã từ từ kiện toàn phẩm chất của một vị Phật. Tuy nhiên, trong Phật giáo Đại Thừa, khái niệm Bồ Tát là một sự chối bỏ rõ ràng lý tưởng A La Hán của Phật giáo Nguyên Thủy. Trong Đại Thừa A La Hán được xem như là hạn hẹp và ích kỷ, chỉ lo cho cá nhân giải thoát, ngược lại với một vị Bồ Tát, người làm việc cật lực vì chúng sanh mọi loài. Bắt đầu cuộc hành hoạt của một vị Bồ Tát được đánh dấu bằng “phát tâm giác ngộ” hay “Bồ Đề Tâm,” trong đó Bồ Tát nguyện thành Phật để làm lợi lạc chúng sanh. Trong kinh văn Đại Thừa, việc này thường theo sau một nghi lễ công khai nguyện đạt thành Phật quả để làm lợi lạc chúng sanh. Có nghĩa là: “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Đây là một trong những đại nguyện của một vị Bồ Tát. Sau đó thì vị Bồ Tát theo đuổi mục tiêu Phật quả bằng cách tiến tu từ Lục Ba La Mật hay Thập Ba La Mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vân vân. Hai phẩm chất chính trong đó vị Bồ Tát tu tập là từ bi và trí tuệ, và khi mà các Ba La Mật đã được tu tập kiện toàn, và từ bi cũng như

trí tuệ đã được phát triển đến mức độ cao nhất, thì vị Bồ Tát trở thành một vị Phật.

The Origination of the Bodhisattva Ideal

Some 200 or 300 years after the Buddha's death, a new variation of the Buddhist ideal began to emerge. Dissatisfied with the seemingly limited goal of the arhat, this new vision emphasized the Bodhisattva as the highest aspiration for all. A Bodhisattva is a being who resolves to become a fully enlightened Buddha and who dedicates his efforts to helping other sentient beings to attain salvation. These compassionate beings figure predominantly in the Mahayana tradition; indeed, the most distinguishing feature of Mahayana Buddhism may be its advocacy of the Bodhisattva as the vehicle to liberation. The Bodhisattva follows a long and arduous path, often described as having ten stages and spanning many lives at the end of which he attains complete Buddhahood. The Mahayana is thus able to consider a host of Bodhisattvas, at different stages along the path, as intervening in the lives of sentient beings. An advanced Bodhisattva, for example, can create "Buddha-Fields," to which humans can aspire to be reborn by devotion and righteousness. The notion of the Bodhisattva is at times combined with the doctrine of the "Three Bodies" of the Buddha. This theory maintains that the ultimate form of Buddhahood and the true nature of things is the "Body of Dharma" itself (Dharmakaya). The Body of Dharma is revealed progressively by two other bodies: the "Enjoyment Body" (Sambhogakaya), a subtle form perceptible only to those advanced in the path, and the "Transformation Body" (Nirmanakaya), a physical form apparent to all. According to this scheme, Gautama was merely a Transformation Body, an apparition of ultimate Buddhahood. Other Bodhisattvas, who are Enjoyment Bodies, can also teach and intervene through transformation and apparition. Important Mahayana Bodhisattvas include Avalokitesvara; Manjusri, who personifies great wisdom and is often represented holding a sword, which he uses to cut through the veil of ignorance; and Maitreya, "The Kindly One," who will be the next Buddha and who, after attaining Buddhahood, will send the next Transformation Body to teach on earth. Other great Buddhist teachers are sometimes associated

with Bodhisattvas, and are even seen as their incarnations. One of these is Nagarjuna, who was an abbot at the Buddhist university of Nalanda in the second century A.D. Nagarjuna is considered the founder of the Madhyamaka, a school of Buddhist philosophy that was active in Buddhist India. Madhyamaka greatly influenced certain forms of Chinese and Japanese Buddhism, such as Zen, and still flourishes today in Tibet.

In Tibetan, Bodhisattva is translated as “Heroic Being.” The heroic quality of the Bodhisattva is brought out by the Prajnaparamita: “Suppose a hero, endowed with great accomplishments, had gone out with his mother, father, sons, and daughters. By some set of circumstances, they would get into a huge wild forest. The foolish among them would be greatly frightened. The hero would, however, fearlessly say to them ‘Do not be afraid! I will speedily take you out of this great and terrible jungle, and bring you to safety.’ Since he is fearless, vigorous, exceedingly tender, compassionate, courageous and resourceful, it does not occur to him to take himself alone out of the jungle, leaving his relatives behind. Against the Arhat, Mahayana Buddhism claimed that we must take the whole of the creation with us to enlightenment, that we cannot just abandon any beings, as all beings are as near to us as our relatives are. What a man should do is to make no discrimination between himself and others, and to wait until he had helped everybody into Nirvana before loosing himself into it. The Mahayanists thus claimed that the Arhat had not aimed high enough. According to the Mahayana Buddhism, the ideal man, the aim of the Buddhist effort, was not the rather self-centered, cold and narrow-minded Arhat, but the all compassionate Bodhisattva, who abandoned the world, but not the beings in it. Wisdom had been taught as the highest quality for an Arhat, and compassion as a subsidiary virtue; but to a Bodhisattva, compassion came to rank as equal with wisdom. While the wisdom of an Arhat had been fruitful in setting free in himself. What there was to be set free, it was rather sterile in ways and means of helping ordinary people. The Bodhisattva would be a man who does not only set himself free, but who is also skilful in devising means for bringing out and maturing the latent seeds of enlightenment in others. According to the Prajna-paramita-sutra, the Buddha taught: “Doers of what is hard are the Bodhisattvas, the great beings who have

set out to win supreme enlightenment. They do not wish to attain their own private Nirvana. On the contrary, they have surveyed the highly painful world of being, but they do not tremble at birth-and-death. They have set out for the benefit of the world, for the peace and happiness of the world. They have resolved, and yet desirous to win supreme enlightenment, they do not tremble at birth and death. They have set out for the benefit of the world, for the ease of the world, out of pity for the world. They have resolved: 'We will become a shelter for the world, a refuge for all beings, the world's place of rest, the final belief of all beings, islands of the world, lights of the world, leaders of the world, the world's means of salvation.

According to the Mahayana Buddhism, the ideal of the Bodhisattva was partly due to social pressure on the Order, but to a great extent it was inherent in the practice of the 'Unlimited,' which had trained the monks not to discriminate between themselves and others. As we saw, Buddhism has at its disposal two methods by which it reduces the sense of separateness on the part of individuals. The one is the culture of the social emotions, or sentiments, such as loving-kindness (friendliness) and compassion. The other consists in acquiring the habit of regarding whatever one thinks, feels or does as an interplay of impersonal forces, called 'Dharmas,' weaning oneself slowly from such ideas as 'I' or 'mine' or 'self.' There is a logical contradiction between the method of wisdom, which sees no persons at all, but only Dharmas, and the method of the 'Unlimited' which cultivates relations to people as persons. The meditation on Dharmas dissolves other people, as well as oneself, into a conglomeration of impersonal and instantaneous dharmas. It reduces our manhood into 5 heaps, or pieces, plus a label. If there is nothing in the world except bundles of Dharmas, as cold and as impersonal as atoms, instantaneously perishing all the time, there is nothing which friendliness and compassion could work on. One cannot wish well to a Dharma which is gone by the time one has come to wish it well, nor can one pity a Dharma, say a 'mind-object,' or a 'sight-organ,' or a 'sound-consciousness.' In those Buddhist circles where the method of Dharmas was practiced to a greater extent than the 'Unlimited,' it led to a certain dryness of mind, to aloofness, and to lack of human warmth. The true task of the Buddhist is to carry on with both contradictory methods at the same time. As the method of Dharmas leads to boundless expansion of the self, because one identifies oneself with more and more living beings. As the method of wisdom explodes the idea that there are any persons at all in the world, so the method of the 'Unlimited' increases the awareness of the personal problems of more and more persons. How then does the Mahayana resolve this contradiction? The Buddhist philosopher differs from philosophers bred in the Aristotelean tradition in that they are not

frightened but delighted by a contradiction. They deal with this, as with other contradictions, by merely stating it in an uncompromising form, and then they leave it at that. According to the Diamond Sutra: “Here, oh! Subhuti! A Bodhisattva should think thus ‘As many beings as there are in the universe of beings, be they being egg-born, or from a womb, or moisture-born, or miraculously born; be they with form, or without; be they with perception, without perception, or with neither perception nor no-perception, as far as any conceivable universe of beings is conceived; all these should be led by me into Nirvana, into that realm of Nirvana which leaves nothing behind. And yet, although innumerable beings have thus been led to Nirvana, no being at all has been led to Nirvana. And why? If in a Bodhisattva the perception of a ‘being’ should take place, he would not be called an ‘enlightenment-being’ or a Bodhisattva.’”

In short, the Bodhisattva ideal originated from Mahayana Buddhism, but the term Bodhisattva is not confined solely to Mahayana Buddhism. In Theravada, Sakyamuni Buddha is referred to as “Bodhisatta” (Bodhisattva) in the past lives described in the Jatakas, during which he is said to have gradually perfected the good qualities of a Buddha. In the Mahayana sense, however, the Bodhisattva concept is an explicit rejection of Nikaya Buddhism’s ideal religious paradigm, the Arhat. In Mahayana the Arhat is characterized as limited and selfish, concerned only with personal salvation, in contrast to the Bodhisattva, who works very hard for all sentient beings. The beginning of the bodhisattva’s career is marked by the dawning of the “mind of awakening” (Bodhi-citta), which is the resolve to become a Buddha in order to benefit others. So, Bodhisattva is considered as a human being with his own karmas at his very birth as all other creatures, but he can be able to get rid of all his inner conflicts, including bad karmas and sufferings, and external crises, including environments, calamities and other dilema, can change this unfortunate situation and can make a peaceful, prosperous and happy world for all to live in together by using his effort and determination in cultivating a realistic and practical way without depending on external powers. In Mahayana literature, this is commonly followed by a public ceremony of a vow to attain Buddhahood (Pranidhana) in order to benefit other sentient beings. That is to say: “Above to seek bodhi, below to save (transform) beings.” This is one of the great vows of a Bodhisattva. After that point the bodhisattva pursues the goal of Buddhahood by progressively cultivating the six, sometimes ten, “perfections” (Paramita): generosity, ethics, patience, effort, concentration, and wisdom. The two primary qualities in which the Bodhisattva trains are compassion and wisdom, and when the perfections are fully cultivated and compassion and wisdom developed to their highest level, the Bodhisattva becomes a Buddha.

Chương Hai
Chapter Two

Bồ Tát Là Những Ai?

Bồ Tát, một chúng sanh giác ngộ, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sanh. Từ Bắc Phạn có nghĩa là “Hữu tình giác,” hay “một chúng sanh giác ngộ,” hay “một chúng sanh mà bản chất là trí tuệ” hay “một chúng sanh khao khát giác ngộ.” Như vậy, Bồ Tát được xem như là một con người cũng với nghiệp của chính mình ở cõi đời này như những người khác, nhưng vị Bồ Tát bằng chính sự nỗ lực của mình, không phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài, tu tập theo phương pháp cụ thể và thực tế để vượt qua những xung đột bên trong chính mình bao gồm những nghiệp xấu và những khổ đau, cũng như những khủng hoảng bên ngoài như môi trường, tai họa... để có thể thay đổi trạng thái mất thăng bằng và để tất cả cùng sống với nhau trong một thế giới bình an, thịnh vượng và hạnh phúc. Đây là lý tưởng của Phật giáo Đại Thừa. Bắt đầu cuộc hành hoạt của một vị Bồ Tát được đánh dấu bằng “phát tâm giác ngộ” hay “Bồ Đề Tâm,” trong đó Bồ Tát nguyện thành Phật để làm lợi lạc chúng sanh. Trong kinh văn Đại Thừa, việc này thường theo sau một nghi lễ công khai nguyện đạt thành Phật quả để làm lợi lạc chúng sanh. Có nghĩa là: “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Đây là một trong những đại nguyện của một vị Bồ Tát. Sau đó thì vị Bồ Tát theo đuổi mục tiêu Phật quả bằng cách tiến tu từ từ Lục Ba La Mật hay Thập Ba La Mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vân vân. Hai phẩm chất chính trong đó vị Bồ Tát tu tập là từ bi và trí tuệ, và khi mà các Ba La Mật đã được tu tập kiện toàn, và từ bi cũng như trí tuệ đã được phát triển đến mức độ cao nhất, thì vị Bồ Tát trở thành một vị Phật. Bồ Tát đạo thường được chia làm 10 giai đoạn. Tuy nhiên từ Bồ Tát chỉ hạn hẹp trong Phật giáo Đại Thừa. Theo truyền thống Theravada, thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được coi như một vị Bồ Tát (Đại Sĩ) trong những tiền kiếp trong Kinh Bốn Sanh, trong suốt những tiền kiếp đó, người ta nói Ngài đã từ từ kiện toàn phẩm chất của một vị Phật. Tuy nhiên, trong Phật giáo Đại Thừa, khái niệm Bồ Tát là một sự chối bỏ rõ ràng lý tưởng A La Hán của Phật giáo Nguyên Thủy. Trong Đại Thừa A La Hán được xem như là hạn hẹp và ích kỷ, chỉ lo cho cá nhân giải

thoát, ngược lại với một vị Bồ Tát, người làm việc cật lực vì chúng sanh mọi loài. Như vậy từ “Bồ Tát” nói chung, có nghĩa là một chúng sanh giác ngộ, chúng sanh hướng đến giác ngộ hoàn toàn hay Phật quả. Theo Trường Bộ Kinh, nghĩa đen của “Bồ Tát” là người có trí, hoặc người quyết định hay nắm giữ con đường đi đến giác ngộ.

Vài thế kỷ sau khi Đức Phật nhập diệt, Bồ Tát là một trong những tư tưởng quan trọng nhất của Phật tử Đại Thừa. Tuy nhiên, khái niệm Bồ Tát không phải là sở hữu của riêng trường phái Đại Thừa. Từ “Bồ Tát” đã được nói đến trong kinh điển Pali và xuất phát từ Phật giáo Nguyên Thủy, được dùng riêng để chỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi Ngài giác ngộ. Theo trường phái Thượng Tọa Bộ, Bồ Tát được định nghĩa như là một người chắc chắn sẽ thành Phật. Vị ấy là bậc sáng suốt được người trí bảo vệ và ủng hộ. Theo Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật, không có nghĩa nào thật cho từ Bồ Tát, bởi vì Bồ Tát tu tập không chấp thủ đối với tất cả các pháp. Vì Bồ Tát là bậc đã thức tỉnh không còn tham đắm, đã hiểu tất cả các pháp và giác ngộ là mục đích của Bồ Tát. Nói tóm lại, Bồ Tát là một bậc giác giả trong hàng các chúng sanh. Vị ấy thường lập nguyện đem sự giác ngộ và trí tuệ mà mình đã mở bày ra nhằm giác ngộ tất cả các chúng sanh khác. Công việc của một vị Bồ Tát không dễ chút nào cả. Tuy không hy hữu như một vị Phật, nhưng cũng thật khó để có một vị Bồ Tát thị hiện và cũng thật khó cho phàm phu (người thường) gặp được một vị Bồ Tát thật.

Bồ Tát là một “Ma ha Tát-đỏa” như được định nghĩa theo ngôn ngữ Bắc Phạn. ‘Maha’ nghĩa là ‘lớn’ và ‘sattva’ nghĩa là ‘chúng sanh’ hoặc ‘can đảm’. Ngài Long Thọ đã đưa ra một số nguyên nhân vì sao Bồ Tát được gọi là ‘Mahasattva.’ Bởi vì đại Bồ Tát đã đạt được phạm hạnh cao cả, thượng thủ giữa những Bồ Tát đức hạnh khác. Các đại Bồ Tát rất hoan hỷ, từ bi giúp đỡ vô số chúng sanh một cách tích cực không mỏi mệt. Người Tây Tạng dịch ‘Mahasattvas’ như là những ‘vị anh hùng với tinh thần vĩ đại’ và những nguyện vọng của đại Bồ Tát thật sự là tối thượng cao cả, hy sinh vì việc lớn. Các đại Bồ Tát đi hoằng pháp ở mọi nơi, phụng sự chúng sanh như cúng dường chư Phật và biến Ta bà thành cảnh Tịnh độ. Các đại Bồ Tát luôn thực hành tất cả những lời dạy của chư Phật, quán chiếu tất cả cảnh giới Tịnh độ, để hội tụ quần chúng ở mọi nơi về với Đức Phật bằng cách cảm hóa tư tưởng chúng sanh, loại bỏ phiền não và phát khởi những tiềm năng giải

thoát của họ. Nói cách khác, Ma Ha Tát là Đại Bồ Tát, phẩm hạnh và công đức hơn một Bồ Tát bình thường. Ma Ha Tát là những vị có thể chuyển hóa tất cả nghiệp xấu và khổ đau của chính mình và sẽ chỉ ra con đường giải thoát cho tất cả chúng sanh bằng lòng từ bi hỷ xả vô lượng. Bồ Tát là một chúng sanh vĩ đại, một con người cao thượng hay một người dẫn dắt chúng sanh loài người. Tiếng gọi chung cho chư Thanh Văn, Bồ Tát hay Phật. Một bậc tự lợi lợi tha. Đại hữu tình, toàn thiện hơn bất cứ loài hữu tình nào ngoại trừ Đức Phật. Ma ha tát là vị có tâm đại bi và đại năng lực, người đem đến sự cứu độ cho tất cả chúng sanh. Trong phần bắt đầu của Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật, Đức Phật đã giải thích về ý nghĩa của ‘Ma Ha Tát’ khi ngài Tu Bồ Đề hỏi Đức Phật về điều này. Đức Phật trả lời rằng một Bồ Tát được gọi là Ma Ha Tát trong ý nghĩa bởi vị Bồ Tát ấy đã ban pháp thoại để chuyển hóa các chấp thủ, những quan điểm chấp thủ sai lầm như ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, hiện hữu, không hiện hữu, đoạn diệt, thường hằng, vân vân. Theo Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Ma Ha Tát có phẩm hạnh tốt và tu tập các Ba la mật như Bồ Tát và trồng căn lành nơi hàng trăm ngàn chư Phật.

Trong Phật giáo Nguyên Thủy, Bồ Tát là người tu tập đoạn trừ kiết sử, thanh tịnh tâm để trở thành bậc toàn thiện và giác ngộ. Chính những Bồ Tát như vậy xuất hiện trong kinh điển Pali. Thành tựu như vậy là Bồ Tát đã hoàn toàn thành lý tưởng phạm hạnh của mình. Nhưng lý tưởng Đại Thừa đã đưa Bồ Tát đến những nỗ lực lớn hơn dựa trên những hoạt động tích cực để giúp tất cả chúng sanh đau khổ đạt được hạnh phúc tối hậu mà trước đó Bồ Tát không quan tâm. Không thỏa mãn với những tu tập chỉ làm giảm thiểu tham, sân, si, tiêu trừ kiết sử và hoàn thành đời sống phạm hạnh cho chính mình, nên Bồ Tát chú tâm nỗ lực giúp tất cả chúng sanh vượt qua cuộc phấn đấu tìm an lạc giải thoát cho họ. Còn một chúng sanh nào chưa giải thoát thì Bồ Tát chưa giải thoát. Đó là lý tưởng của Bồ Tát. Trong khi đó, Đức Phật nhắc Mahamati về sự khác biệt giữa Bồ Tát và hàng Nhị Thừa trong Kinh Lăng Già như sau: “Này Mahamati, sự khác biệt giữa Bồ Tát và hàng Nhị Thừa như sau: Nhị Thừa không thể tiến qua địa thứ sáu và tại đó chư vị nhập Niết Bàn. Trong khi vị Bồ Tát ở địa thứ bảy, đi qua một kinh nghiệm tâm linh hoàn toàn mới, được gọi là anabhogacarya và có thể được dịch là một đời sống vô mục đích hay vô công dụng. Nhưng được hộ trì bởi thần lực chư Phật là cái năng lực nhập vào các đại

nguyện mà vị Bồ Tát thiết lập đầu tiên khi ngài mới khởi đầu sự nghiệp của ngài và giờ đây ngài thiết định nhiều phương pháp cứu độ khác hẳn nhau nhằm lợi lạc cho chúng sanh u mê lầm lạc của ngài. Từ quan điểm tuyệt đối về chân lý tối hậu mà vị Bồ Tát đạt được, thì không có sự tiến bộ của tâm linh như thế trong đời sống của ngài, vì ở đây quả thực không có tầng bậc, không có sự thăng tiến tương tục mà riêng chân lý là không có tướng trạng và tách ly hoàn toàn với sự phân biệt.

Theo Đại Trí Độ Luận, chữ Bodhi có nghĩa là con đường hành đạo của chư Phật, chữ sattva là bản chất của thiện pháp. Bồ Tát là vị có tâm cứu giúp tất cả chúng sanh vượt qua dòng sông sanh diệt. Theo lối dịch cũ, Bồ Tát là một vị Đại Đạo Tâm Chúng Sanh. Theo lối dịch mới, Bồ Tát là một bậc Đại Giác Hữu Tình. Bồ Tát là bậc tầm cầu sự giác ngộ tối thượng, không phải chỉ cho chính mình mà cho tất cả chúng sanh. Bồ Tát còn là người tu theo Đại Thừa, xuất gia hay tại gia, thượng cầu đại giác, hạ hóa chúng sanh (tự giác, giác tha). Bồ Tát là chúng sanh tu hành và xem lục độ Ba La Mật như là phương cách cứu độ và giác ngộ. Mục đích của Bồ Tát là cứu độ chúng sanh. Bốn bản chất vô lượng của Bồ Tát là Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng và Xả vô lượng. Một người, hoặc Tăng Ni, hay Phật tử tại gia đạt quả vị Niết bàn trong cương vị một Thanh văn, hay Duyên giác, nhưng vì lòng đại bi thương xót chúng sanh, nên không vào Niết bàn mà tiếp tục đi trong Ta Bà để cứu độ chúng sanh. Trong lòng của Bồ Tát luôn có Bồ Đề Tâm và nguyện lực. Bồ Đề tâm bao gồm trí tuệ siêu việt là lòng đại bi. Nguyện lực là sự quyết tâm kiên định để cứu thoát tất cả chúng sanh. Theo trường phái Đại Thừa, Bồ Tát từ chối nhập Niết Bàn cho đến khi nào thực hiện xong lời nguyện là cứu độ hết thảy chúng sanh. Ngoài ra, Bồ tát còn xem hết thảy chúng sanh như chính mình nên không nỡ ăn thịt. Bồ Tát là một chúng sanh đã có sẵn bản chất hoặc tiềm năng của trí tuệ siêu việt hoặc chánh giác tối thượng, là bậc đang đi trên con đường đạt tới trí tuệ siêu việt. Bồ Tát là một chúng sanh có khả năng thành Phật. Với sự tự tại, trí tuệ và từ bi, Bồ Tát biểu thị một thời kỳ cao của Phật quả, nhưng chưa phải là một vị Phật toàn giác. Sự nghiệp tu hành của bậc Bồ Tát kéo dài nhiều đời nhiều kiếp, mỗi đời Ngài đều thực hành lục độ và thập địa để cầu đắc quả chánh giác tối hậu, đồng thời lấy sự phấn đấu vĩ đại và tâm kiên nhẫn phi thường và không ngừng tự hy sinh để mưu cầu sự tốt đẹp cho tất cả chúng sanh.

Bồ Tát là người đã giác ngộ, tự hiến đời mình trợ giúp người khác đạt giải thoát. Với sự tự tại, trí huệ và từ bi, Bồ Tát biểu thị một giai đoạn cao của Phật quả nhưng chưa phải là một vị Phật giác ngộ vô thượng viên mãn hoàn toàn.

Theo Kinh Duy Ma Cật, Đức Phật bảo Ngài Di Lặc: “Ông phải biết, Bồ Tát có hai tướng. Sao gọi là hai? Một là những người ưa những câu văn hay đẹp, hai là những người không sợ nghĩa sâu xa, hiểu được đúng như thật. Như hạng ưa những câu văn hay đẹp, phải biết đó là Bồ Tát mới học. Nếu ở nơi kinh điển thậm thâm không nhiệm, không trước, không có chút sợ sệt và hiểu rõ được đó, nghe rồi tâm thanh tịnh thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói mà tu hành, phải biết đó là hạng tu hành đã lâu. Này Di Lặc! Lại có hai pháp gọi là Bồ Tát mới học, không thể quyết định pháp thậm thâm. Hai pháp là chi? Một là những kinh điển thậm thâm chưa từng nghe nếu nghe thời sợ sệt sanh lòng nghi, không tùy thuận được, chê bai không tin rồi nói rằng: “Kinh này từ trước đến giờ ta chưa từng nghe, từ đâu đến đây?” Hai là nếu có người hộ trì giải nói những kinh sâu xa như thế, không chịu gần gũi, cúng dường cung kính, hoặc ở nơi đó nói lời xấu xa của người kia. Có hai pháp đấy, phải biết Bồ Tát mới học chỉ là tự tổn hại, chứ không thể ở nơi pháp thậm thâm mà điều phục được tâm mình” Này Di Lặc! Lại có hai pháp, Bồ Tát dẫu tin hiểu thâm pháp, vẫn còn tự tổn hại chớ không thể chứng được vô sanh pháp nhẫn. Hai pháp là chi? Một là khinh dễ các Bồ Tát mới học mà không dạy bảo. Hai là tin hiểu thâm pháp mà lại chấp tướng phân biệt. Sau khi nghe Phật thuyết giảng, Bồ Tát Di Lặc bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Như lời Thế Tôn đã nói, con quyết xa lìa các lỗi như thế, xin vâng giữ pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã chứa nhóm từ vô lượng a tăng kỳ kiếp của Như Lai. Nếu vị lai có người thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào cầu pháp Đại thừa, con sẽ làm cho tay người đó được những kinh như thế và cho họ cái sức ghi nhớ để thọ trì đọc tụng, diễn nói cho người. Bạch Thế Tôn! Nếu đời sau có người thọ trì, đọc tụng, diễn nói kinh này cho người khác, đó chính là thần lực của Di Lặc lập nên.”

Who Are Bodhisattvas?

Bodhisattva is a Sanskrit term for an Enlightened Being. This is the one whose essence is bodhi whose wisdom is resulting from direct

perception of Truth with the compassion awakened thereby. Enlightened being who is on the path to awakening, who vows to forego complete enlightenment until he or she helps other beings attain enlightenment. A Sanskrit term which means “Awakening being” or a “being of enlightenment,” or “one whose essence is wisdom,” or “a being who aspires for enlightenment.” This is the ideal of Mahayana Buddhism. The beginning of the bodhisattva’s career is marked by the dawning of the “mind of awakening” (Bodhi-citta), which is the resolve to become a Buddha in order to benefit others. So, Bodhisattva is considered as a human being with his own karmas at his very birth as all other creatures, but he can be able to get rid of all his inner conflicts, including bad karmas and sufferings, and external crises, including environments, calamities and other dilemmas, can change this unfortunate situation and can make a peaceful, prosperous and happy world for all to live in together by using his effort and determination in cultivating a realistic and practical way without depending on external powers. In Mahayana literature, this is commonly followed by a public ceremony of a vow to attain Buddhahood (Pranidhana) in order to benefit other sentient beings. That is to say: “Above to seek bodhi, below to save (transform) beings.” This is one of the great vows of a Bodhisattva. After that point the bodhisattva pursues the goal of Buddhahood by progressively cultivating the six, sometimes ten, “perfections” (Paramita): generosity, ethics, patience, effort, concentration, and wisdom. The two primary qualities in which the Bodhisattva trains are compassion and wisdom, and when the perfections are fully cultivated and compassion and wisdom developed to their highest level, the Bodhisattva becomes a Buddha. The Bodhisattva path is commonly divided into ten levels (Bhumi). The term Bodhisattva is not, however, confined solely to Mahayana Buddhism: in Theravada, Sakyamuni Buddha is referred to as “Bodhisatta” (Bodhisattva) in the past lives described in the Jatakas, during which he is said to have gradually perfected the good qualities of a Buddha. In the Mahayana sense, however, the Bodhisattva concept is an explicit rejection of Nikaya Buddhism’s ideal religious paradigm, the Arhat. In Mahayana the Arhat is characterized as limited and selfish, concerned only with personal salvation, in contrast to the Bodhisattva, who works very hard for all sentient beings. So the

term "Bodhisattva" in general, means a "Bodhi being". It denotes a being who is destined to obtain fullest Enlightenment or Buddhahood. According to the Digha Nikaya, literally, a "Bodhisattva" means one who is an intellectual, or one who is resolved or maintained only to the paths that lead to enlightenment.

Several centuries after the Buddha's parinirvana, Bodhisattva is one of the most important ideas of Mahayana Buddhists. However, the concept was not a sole creation of the Mahayana. The term "Bodhisattva" had been mentioned in the Pali Canon and it stems from the original Pali Buddhism which is used more or less exclusively to designate Sakyamuni Buddha prior to His Enlightenment. According to Sarvastivada School, "Bodhisattva" is defined as a person who is certain to become a Buddha. He is a person who is born of wisdom and protected and served by the wise. According to the Astasahasrika Prajnaparamita, nothing real is meant by the word "Bodhisattva," because a Bodhisattva trains himself in non-attachment to all dharmas. For the Bodhisattva, the great being awakes in non-attachment to full enlightenment in the sense that he understands all the dharmas, because he has enlightenment as his aim, an enlightened being. In short, a Bodhisattva is an enlightener of sentient beings. He usually vows to take the enlightenment that he has been certified as having attained and the wisdom that he has uncovered to enlighten all other sentient beings. A Bodhisattva's job is not easy at all. Though his appearance is not rare as that of a Buddha, but it is extremely difficult for a Bodhisattva to appear, and it is also extremely difficult for ordinary people to encounter a real Bodhisattva.

A Bodhisattva is a Mahasattva as defined in Sanscrit language. 'Maha' means 'great' and 'sattva' means either 'being' or 'courage'. Nagarjuna gives a number of reasons why Bodhisattvas are called 'great beings'. It is because they achieve a great work, stand at the head of a great many beings, and activate great friendliness and great compassion, save a great number of beings. The Tibetans translate Mahasattvas as 'great spiritual hero' and their aspirations are truly on a heroic scale. They desire to discipline all beings everywhere, to serve and honor all the Buddhas everywhere. They want to retain firmly in their minds all the teachings of the Buddhas, to have a detailed knowledge of all the Buddha-fields to comprehend all the assemblies

which anywhere gather around a Buddha, to plunge into the thoughts of all beings, to remove their defilements and to fathom their potentialities. In other words, Mahasattva is like Bodhisattva who will be able to eliminate all his bad karmas and sufferings and will show the emancipation way to all beings with all skills by his compassion. A Bodhisattva is the one who benefits himself to help others. A great creature, having a great or noble essence, or being. Mahasattva is a perfect bodhisattva, greater than any other being except a Buddha. Also great being is one with great compassion and energy, who brings salvation to all living beings. In the beginning of the Astasahasrika Prajna paramita, the Buddha explained the meaning of 'Mahasattva' (great being) when Subhuti asked about it. The Buddha says that a Bodhisattva is called ' a great being' in the sense that he will demonstrate Dharma so that the great errors should be forsaken, such erroneous views as the assumption of a self, a being, a living soul, a person, of becoming, of not becoming, of annihilation, of eternity, of individuality, etc. According to the Saddharmapundarika Sutra, Mahasattvas have good qualities and method of practice paramita and under many hundred thousands of Buddhas had planted the roots of goodness.

In the Theravada Buddhism, a Bodhisattva is a person in the school of the elders who is desirous of acquiring the characteristics of a perfect being, the enlightened one. It appears as such in the Pali Nikayas. The accomplishment of such a state makes him content. But the ideal of Mahayana induces him to greater effort based on dynamic activity to help other beings attain ultimate bliss; before that he does not lay ore to save beings from the state of suffering. Not satisfied with his own mitigation of desire some actions that make him subjected to malice and all kind of craving, he strives up on helping all other beings to overcome their afflictions. While the Buddha reminded Mahamati in the Lankavatara Sutra as follows: "Oh Mahamati, the distinction between the Bodhisattva and the Two Vehicles is emphasized, as the latter are unable to go up further than the sixth stage where they enter into Nirvana. At the seventh stage, the Bodhisattva goes through an altogether new spiritual experience known as anabhogacarya, which may be rendered "a purposeless life." But, supported by the majestic power of the Buddhas, which enters into the great vows first made by

the Bodhisattva as he started in his career, the latter now devises various methods of salvation for the sake of his ignorant and confused fellow-beings. But from the absolute point of view of the ultimate truth in the Lankavatara Sutra, attained by the Bodhisattva, there is no such graded course of spirituality in his life; for here is really no gradation (krama), no continuous ascension (kramanusandhi), but the truth (dharma) alone which is imageless (nirabhasa), and detached altogether from discrimination.

According to the Mahaprajnaparamita sastra, Bodhi means the way of all the Buddhas, and Sattva means the essence and character of the good dharma. Bodhisattvas are those who always have the mind to help every being to cross the stream of birth and death. According to old translation, Bodhisattvas are beings with mind for the truth. According to new translation, Bodhisattvas are conscious beings of or for the great intelligence, or enlightenment. The Bodhisattva seeks supreme enlightenment not for himself alone but for all sentient beings. Bodhisattva is a Mahayanist, whether monk or layman, above is to seek Buddhahood, below is to save sentient beings (he seeks enlightenment to enlighten others). Bodhisattva is one who makes the six paramitas (lục đô) their field of sacrificial saving work and of enlightenment. The objective is salvation of all beings with four infinite characteristics of a bodhisattva are kindness (từ), pity (bi), joy (hỷ), self-sacrifice (xả). A person, either a monk, a nun, a layman or a laywoman, who is in a position to attain Nirvana as a Sravaka or a Pratyekabuddha, but out of great compassion for the world, he or she renounces it and goes on suffering in samsara for the sake of others. He or she perfects himself or herself during an incalculable period of time and finally realizes and becomes a Samyaksambuddha, a fully enlightened Buddha. He or she discovers the Truth and declares it to the world. His or her capacity for service to others is unlimited. Bodhisattva has in him Bodhicitta and the inflexible resolve. There are two aspects of Bodhicitta: Transcendental wisdom (Prajna) and universal love (Karuna). The inflexible resolve means the resolve to save all sentient beings. According to the Mahayana schools, the bodhisattvas are beings who deny themselves final Nirvana until, accomplishing their vows, they have first saved all the living. An enlightened being who, deferring his own full Buddhahood, dedicates

himself to helping others attain liberation. Besides, the Bodhisattva regards all beings as himself or herself ought not to eat meat. A Bodhisattva is one who has the essence or potentiality of transcendental wisdom or supreme enlightenment, who is on the way to the attainment of transcendental wisdom. He is a potential Buddha. In his self-mastery, wisdom, and compassion, a Bodhisattva represents a high stage of Buddhahood, but he is not yet a supremely enlightened, fully perfect Buddha. His career lasts for aeons of births in each of which he prepares himself for final Buddhahood by the practice of the six perfections (paramitas) and the stages of moral and spiritual discipline (dasabhumi) and lives a life of heroic struggle and unremitting self-sacrifice for the good of all sentient beings. Bodhisattva is an enlightening being who, deferring his own full Buddhahood, dedicates himself to helping others attain liberation. In his self-mastery, wisdom, and compassion a Bodhisattva represents a high stage of Buddhahood, but he is not yet a supreme enlightened, fully perfected Buddha.

According to the Vimalakirti Sutra, the Buddha told Maitreya, “You should know that there are two categories of Bodhisattvas: those who prefer proud words and a racy style, and those who are not afraid (of digging out) the profound meanings which they can penetrate. Fondness of proud words and a racy style denotes the superficiality of a newly initiated Bodhisattva; but he who, after hearing about the freedom from infection and bondage as taught in profound sutras, is not afraid of their deep meanings which he strives to master, thereby developing a pure mind to receive, keep, read, recite and practise (the Dharma) as preached is a Bodhisattva who has trained for a long time. Maitreya, there are two classes of newly initiated Bodhisattvas who cannot understand very deep Dharmas: those who have not heard about profound sutras and who, giving way to fear and suspicion, cannot keep them but indulge in slandering them, saying: ‘I have never heard about them; where do they come from?’, and those who refuse to call on, respect and make offerings to the preachers of profound sutras or who find fault with the latter; these are two classes of newly initiated Bodhisattvas who cannot control their minds when hearing the deep Dharma, thereby harming themselves. Maitreya, further, there are two categories of Boshisattvas who harm themselves and fail to

realize the patient endurance of the uncreate in spite of their belief and understanding of the deep Dharma: they are (firstly) those who belittle newly initiated Boshisattva and do not teach and guide them; and (secondly) those who, despite their faith in the deep Dharma, still give rise to discrimination between form and formlessness.” After hearing the Buddha expound the Dharma, Maitreya said: “World Honoured One, I have not heard all this before. As you have said, I shall keep from these evils and uphold the Dharma of supreme enlightenment which the Tathagata has collected during countless aeons. In future, if there are virtuous men and women who seek for Mahayana, I shall see to it that this sutra will be placed in their hands, and shall use transcendental power to make them remember it so that they can receive, keep, read, recite and proclaim it widely.

Chương Ba
Chapter Three

Sự Mâu Thuẫn Giữa Trí Tuệ Và Từ Bi

Một vị Bồ Tát là một tổng hợp của hai lực mâu thuẫn là trí tuệ và từ bi. Trong trí tuệ của ngài, ngài không thấy người nào; trong từ bi của ngài, ngài quả quyết cứu vớt tất cả. Khả năng phối hợp những thái độ mâu thuẫn này là nguồn gốc của sự vĩ đại, và của khả năng tự độ và độ tha của vị Bồ Tát. Điều mà con người phải làm là không nên phân biệt giữa mình và những người khác và phải đợi cho đến khi mọi người đều được giúp đỡ trước khi nhập diệt. Vậy thì Đại Thừa cho rằng một vị A La Hán nhắm mục đích chưa đủ cao. Theo họ, mục đích nỗ lực của Phật giáo, con người lý tưởng không phải là con người vị kỷ, lạnh lùng với đầu óc hẹp hòi của một vị A La Hán, mà phải là một vị Bồ Tát với lòng từ bi bao la, người đã từ bỏ trần gian, nhưng không bỏ rơi chúng sanh ở đó. Trong khi trí tuệ được giảng dạy là cao tuyệt, và từ bi là đức tính phụ thuộc; thì trong Phật giáo Đại Thừa, từ bi bây giờ được đưa lên ngang hàng với trí tuệ. Trong khi trí tuệ của A La Hán là thành quả trong việc tự mình giải thoát cái phải giải thoát, thì nó có vẻ khô cằn trong những đường hướng liên quan đến việc giúp đỡ mọi người. Trong Phật giáo Đại Thừa, Bồ Tát không những là người tự mình giải thoát, mà còn khéo léo tìm cách tạo và làm nẩy mầm Bồ Đề nơi người khác nữa. Theo Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa: “Những người làm những việc khó khăn là chư Bồ Tát, những chúng sanh vĩ đại đã đạt được giác ngộ tối thượng, nhưng họ không muốn đạt đến Niết Bàn cho riêng mình. Trái lại, các ngài đã trải qua làm chúng sanh của trần gian đầy thống khổ, và tuy vậy, vẫn khao khát đạt được giác ngộ tối thượng, các vị không run sợ trước sanh tử. Vì thương xót trần gian mà các vị lên đường vì lợi ích và hạnh phúc của trần thế. Chư vị quyết định chúng tôi muốn trở thành một nơi an trú cho trần gian, một nơi về nương cho trần gian, một nghỉ ngơi cho trần gian, sự êm ấm cuối cùng của trần gian, hải đảo của trần gian, người hướng đạo cho trần gian, và những phương tiện giải thoát cho trần gian.”

A Contradictory of Wisdom and Compassion

A Bodhisattva is a being compounded of the two contradictory forces of wisdom and compassion. In his wisdom, he sees no persons; in his compassion he is resolved to save them. His ability to combine these contradictory attitudes is the source of his greatness, and of his ability to save himself and others. What a man should do is to make no discrimination between himself and others, and to wait until he had helped everybody into Nirvana before losing himself into it. The Mahayanists thus claimed that the Arhat had not aimed high enough. The ideal man, the aim of the Buddhist effort, was, according to them, not the rather self-centered, cold and narrow-minded Arhat, but the all-compassionate Bodhisattva, who abandoned the world, but not the beings in it. Whereas in Theravada tradition, wisdom had been taught as the highest, and compassion as a subsidiary virtue; in Mahayana, compassion now came to rank as equal with wisdom. While the wisdom of the Arhat had been fruitful in setting free in himself what there was to be set free, it was rather sterile in ways and means of helping ordinary people. In Mahayana Buddhism, the Bodhisattva would be a man who does not only set himself free, but who is also skilful in devising means for bringing out and maturing the latent seeds of enlightenment in others. According to the Prajnaparamita Sutra, "Doers of what is hard are the Bodhisattvas, the great beings who have set out to win supreme enlightenment, but they do not wish to attain their own private Nirvana. On the contrary, they have surveyed the highly painful world of being, and yet, desirous to win supreme enlightenment, they do not tremble at birth-and-death. They have set out for the benefit of the world, for the ease of the world, out of pity for the world. They have resolved: 'We will become a shelter for the world, a refuge for the world, the world's place of rest, the final relief of the world, islands of the world, leaders of the world, the world's means of salvation.'"

Chương Bốn
Chapter Four

Bồ Tát Có Thể Được Xem Như
Chư Thiên Hay Không?

Chư thiên cư ngụ trong cõi trời, bên trên cõi người, nhưng vẫn chưa giác ngộ và hễ còn bị trói buộc vào luân hồi sinh tử. Thiên thể hay thần thánh là những chúng sanh nằm trong ba điều kiện tốt của sự tái sinh do những nghiệp lành đời trước; họ sống lâu dài trong một khung cảnh hạnh phúc trên cõi trời, tuy vẫn còn chịu chu kỳ tái sinh như các chúng sanh khác. Tuy nhiên, đây chính là những trở ngại chính cho bước đường tu tập của họ vì họ bị mải mê trong những hạnh phúc đó, nên không còn nhận chân ra sự thật khổ đau nữa. Chư thiên là những chúng sanh trú ngụ cõi cao nhất trong sáu đường sinh tử luân hồi. Dầu Phật giáo phủ nhận sự hiện hữu của một thượng đế toàn năng, nhưng có một số chư thiên được kể trong Phật giáo. Theo Phật giáo, chư thiên là những chúng sanh chỉ hưởng thụ những đam mê nhằm thỏa mãn giác quan do phước đức tu tập và gieo trồng ở kiếp trước của họ. Niềm vui của chư thiên được xem là vui hơn ở cõi người và những cảnh giới khổ đau khác, nhưng chư thiên không biết đến luật vô thường hay sự chấm dứt không thể tránh được của những phước báo tạm bợ và sau đó họ sẽ rơi vào các đường khổ của con người, a tu la, ngã quỷ, súc sanh, hay ngay cả địa ngục. Trong Phật giáo, đây chính là những trở ngại chính cho bước đường tu tập của họ vì họ bị mải mê trong những hạnh phúc đó, nên không còn nhận chân ra sự thật khổ đau nữa. Sau khi nghiệp lành cạn kiệt, họ lại phải tái sinh vào những đường dữ và chịu khổ. Chính vì thế mà chư thiên không phải là đối tượng để cầu nguyện hay tu tập và chư thiên không có chức năng gì quan trọng trong Phật giáo.

Bồ Tát không bao giờ được xem như là chư thiên hay thần thánh, hoặc một thực thể vĩnh viễn để thờ phượng. Ý tưởng Bồ Tát chỉ là một tính chất tượng trưng của Phật pháp được các vị tổ sáng suốt tạo ra sau khi Đức Phật đã nhập diệt, nhằm thích ứng Phật giáo với những hoàn cảnh đặc biệt mà thôi. Khái niệm Bồ Tát đạo xuất hiện trong cả Phật giáo Nguyên Thủy lẫn Phật giáo Đại Thừa. Vì vậy ý tưởng Bồ Tát Đạo trong Phật giáo Đại Thừa không xa lạ với truyền thống Nguyên

Thủy. Theo giáo điển Phật giáo, cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Đại Thừa đều thừa kế ý tưởng Bồ Tát từ truyền thống trùng tụng xa xưa nhất, chứ không phải ai vay mượn của ai. Theo E. J. Thomas trong tác phẩm nhan đề “Phật Giáo,” không có trường phái Phật giáo nào cho là mình là người đầu tiên khởi xướng ra ý tưởng Bồ Tát, cũng không có bất kỳ tài liệu nào có thể xác nhận trường phái nào vay mượn khái niệm Bồ Tát cả. Theo Phật giáo Đại Thừa, Bồ Tát là những vị phát tâm Bồ Đề, tu tập các hạnh nguyện Ba La Mật để cuối cùng thành Phật. Sự phát Bồ Đề tâm đòi hỏi vị Bồ tát phải hy sinh bản thân trong nhiều đời và khi nào chúng sanh giải thoát hết thì mới đến vị ấy giải thoát. Vì rằng nếu chỉ giải thoát cho riêng mình trước người khác thì ý nghĩa của Bồ Đề tâm sẽ không được phát triển đầy đủ. Cũng theo Phật giáo Đại Thừa, Bồ Tát nhiều vô số không thể đếm được như số cát sông Hằng. Kỳ thật, về bản thể thì mỗi chúng sanh là một vị Bồ Tát, bởi nơi mỗi chúng sanh đều có tiềm năng, chủng tử, hay bản chất để thành Phật. Như vậy theo quan điểm Đại Thừa thì Bồ Tát có thể là một vị Tăng, một vị Ni, hay một người bình thường như chúng ta. Thật vậy, hầu hết các vị Bồ Tát trong lịch sử Phật giáo đều là cư sĩ tại gia. Sỡ dĩ như vậy là vì khi hành Bồ Tát đạo, vị Bồ Tát phải tiếp xúc với mọi người trong xã hội. Tuy nhiên, Phật giáo Nguyên Thủy chỉ tin có Đức Phật Cô Đàm ở những kiếp trước là một vị Bồ Tát mà thôi.

Should Bodhisattvas Be Considered As Heavenly Gods?

Heavenly beings are believed to inhabit the heavens above the human realm, but are still unenlightened and still bound to Samsara (luân hồi) and subject to birth and death. Celestial beings or gods, one of the three good modes of existence as a reward for their previous good deeds. Devas allotted a very long, happy life in the Deva although they are still subject to the cycle of rebirth. However, this happiness may constitute a substantial hindrance on their path to liberation for they cannot recognize the truth of suffering. Gods are beings that inhabit the highest of the six destinies (gati) within cyclic existence (samsara). Although Buddhism denies the existence of an almighty god, but there are a number of mentioned gods in Buddhist literature. According to Buddhism, gods are living beings who can only

enjoy various kinds of pleasure to satisfy their senses brought back as the result of effort and cultivation of their past lives. Their pleasure is considered to be better than human's and other suffering realms, but they are not aware of the law of impermanence or the inevitable end of such temporary bliss, then after that they will fall down to the suffering worlds of human, asura, hungry ghost, animal or even hell. In Buddhism, this happiness may constitute a substantial hindrance on their path to liberation for they cannot recognize the truth of suffering, and after their good karma is exhausted, they will be reborn in one of the lower realms and experience suffering. Therefore, in Buddhism, gods are not objects of prayers or religious cultivation, and they have no important role in Buddhism.

Bodhisattvas should never be considered as heavenly gods or devas, or permanent entities for worship. Buddhists should always remember that the Idea of Bodhisattva is only a symbolic method of Buddha-dhamma created by intellectual patriarchs after the Buddha's parinirvana only to satisfy the religious need of followers and to adjust Buddhism in some special circumstances. The concept of Bodhisattvahood appears in both Theravada and Mahayana Buddhism. So the idea of Bodhisattva in Mahayana Buddhism is in no way a strange idea to the Theravada Buddhism. According to the Buddhist canon, both Theravada and Mahayana Buddhism inherited the idea of Bodhisattva from the oldest oral tradition rather than borrowed from one another. According to E. J. Thomas in a book titled "Buddhism," no school of Buddhism may be called as the originator of the concept of Bodhisattva, nor any document can be justified which school borrowed the idea from the others. According to Mahayana Buddhism, Bodhisattvas are those who develop Bodhicitta, fulfill the paramitas, to eventually become a Buddha. The development of the Bodhicitta requires that the adept must dedicate himself in his several lives to the services of others, and should not desire his own emancipation unless and until all others have attained it, because seeking one's own emancipation before that of others would mean that he has not developed the virtue of self-sacrifice to the fullest extent. Also according to Mahayana Buddhism, Bodhisattvas are unnumerable as sand particles in the Ganges. In fact, ontologically speaking, every human being is a Bodhisattva as he or she has the potentiality to

become a Buddha in this very life or in lives to come. Thus, according to Mahayana Buddhism, a Bodhisattva can be a monk, a nun, or an ordinary person like we are. As a matter of fact, most of the Bodhisattvas in Buddhist history were laity. This is so because to do the deeds a Bodhisattva ought to do, the Bodhisattva should be in close contact with the people in a community. However, Theravada Buddhism believes that only Gotama Buddha was born as Bodhisattva in his previous existences.

Chương Năm
Chapter Five

Phá Tà Hiện Chánh

Chư Phật và chư Bồ Tát cứu độ chúng sanh bằng cách “Phá tà Hiện Chánh”. Phá Tà Hiện Chánh có nghĩa là phá bỏ tà chấp tà kiến tức và làm rõ chánh đạo chánh kiến. Theo Tam Luận Tông, học thuyết Tam Luận Tông có ba khía cạnh chính, khía cạnh đầu tiên là ‘phá tà hiện chánh.’ Phá tà là cần thiết để cứu độ chúng sanh đang đắm chìm trong biển chấp trước, còn hiện chánh cũng là cần thiết vì để xiển dương Phật pháp. **Thứ nhất là phá tà:** Phá tà là phủ nhận tất cả những quan điểm y cứ trên sự chấp trước. Như thế những quan điểm như thuyết về ‘Ngã’ của các triết gia Bà La Môn, thuyết ‘Đa Nguyên Luận’ của các luận sư A Tỳ Đàm và Câu Xá, cũng như những nguyên tắc độc đoán của các luận sư Đại Thừa, không bao giờ được thông qua mà không bị bài bác chi ly. ‘Hữu’ hay tất cả đều có, cũng như ‘không’ hay tất cả đều không đều bị chỉ trích. **Thứ nhì là hiện chánh:** Theo Giáo Sư Takakusu trong Cương Yếu Triết Học Phật Giáo, Tam Luận Tông luận rằng chân lý chỉ có thể đạt được bằng cách phủ định hay bài bác các tà kiến bên trong và bên ngoài Phật giáo, cũng như những sai lầm của Đại thừa và Tiểu thừa. Khi ôm giữ tà kiến sai lầm, con người sẽ mù quáng trong phán đoán. Làm sao mà một người mù có thể có được cái thấy đúng, và nếu không có nó thì không bao giờ tránh được hai cực đoan. Cứu cánh vọng ngôn tuyệt lộ là buổi bình minh của trung đạo. Phá tà và chỉ có phá tà mới dẫn đến cứu cánh chân lý. Con đường giữa hay con đường xa lìa danh và tướng là con đường hiện chánh.

**Break the False
and Make Manifest the Right**

Buddhas and Bodhisattvas save all sentient beings by “Breaking (disproving) the false and making manifest the right.” According to the Madhyamika School, the doctrine of the school has three main aspects, the first aspect is the “refutation itself of a wrong view, at the same time, the elucidation of a right view.” Refutation is necessary to save

all sentient beings who are drowned in the sea of attachment while elucidation is also important in order to propagate the teaching of the Buddha. ***First, refutation of all wrong views:*** Refutation means to refute all views based on attachment. Also views such as the 'self' or atman, the theory of Brahmanic philosophers. The pluralistic doctrines of the Buddhist Abhidharma schools (Vaibhasika, Kosa, etc) and the dogmatic principles of Mahayana teachers are never passed without a detailed refutation. The Realistic or all exists, and the Nihilistic or nothing exists are equally condemned. ***Second, elucidation of a right view:*** According to Prof. Takakusu in *The Essentials of Buddhist Philosophy*, the Madhyamika School strongly believed that the truth can be attained only by negation or refutation of wrong views within and without Buddhism, and of errors of both the Great and Small Vehicles. When retaining wrong views or error, one will be blind to reason. How can a blind man get a right view without which the two extremes can never be avoided? The end of verbal refutation is the dawn of the Middle Path. Refutation and refutation only, can lead to the ultimate truth. The Middle Path, which is devoid of name and character is really the way of elucidation of a right view.

Chương Sáu
Chapter Six

Bồ Tát Và Chúng Sanh

Tổng Quan Về Bồ Tát Và Chúng Sanh: “Bồ Tát” là một thuật ngữ Phật giáo Trung Hoa có nghĩa là một chúng sanh giác ngộ, một vị Phật sẽ thành, hoặc một người mong đạt được giác ngộ, hay một người đang tìm cầu giác ngộ, bao gồm chư Phật, chư Bích Chi Phật, hay chư đệ tử của Đức Phật. Một bậc đại giác không chịu vào Niết bàn mà lựa chọn ở lại trần thế để cứu độ chúng sanh. Bất cứ ai đang tìm cầu quả vị Phật hay Thánh, không vào Niết bàn, nhưng ở lại trần thế giúp người khác giác ngộ. Người nguyện sống vì lợi ích của người khác, nguyện cứu vớt người khác thoát khỏi khổ đau phiền não. Chúng sanh hữu tình giác ngộ nguyện chỉ vào đại giác khi đã giúp những chúng sanh khác giác ngộ. Như vậy Bồ Tát là một người đã giác ngộ, một Đức Phật tương lai, một bậc ao ước trở thành một vị Phật. Thật là sai lầm khi cho rằng Bồ Tát là sáng tạo của Phật giáo Đại Thừa. Đối với Phật tử, mỗi Đức Phật đều đã từng là một Bồ Tát trong một thời gian lâu dài trước khi giác ngộ. Nhưng tại sao Bồ Tát lại nguyện như vậy? Tại sao Ngài lại muốn đảm nhận một công việc không có ngân mế như vậy? Vì lợi ích cho những kẻ khác, vì Ngài muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi cơn đại hồng thủy của khổ đau phiền não. Nhưng rồi đâu là lợi ích cá nhân mà Ngài tìm thấy trong lợi ích của chúng sanh? Đối với một vị Bồ Tát, lợi ích của chúng sanh chính là lợi ích của Ngài, bởi vì Ngài muốn như vậy. Ai có thể tin được điều đó? Thực tình chỉ có những kẻ khô cạn hết lòng thương, những kẻ chỉ nghĩ đến mình, thì thấy khó tin được lòng vị tha của Bồ Tát. Nhưng những người có từ tâm thì tin nó một cách dễ dàng.

Từ “Chúng sanh” nói đến tất cả những vật có đời sống. Mỗi sinh vật đến với cõi đời này là kết quả của nhiều nguyên nhân và điều kiện khác nhau. Những sinh vật nhỏ nhất như con kiến hay con muỗi, hay ngay cả những ký sinh trùng thật nhỏ, đều là những chúng sanh. Mỗi chúng sanh là sự kết hợp của những thành tố, có thể phân biệt thành năm phần: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do đó, chúng sanh này không khác với chúng sanh khác, và con người bình thường không khác với các bậc Thánh nhân. Nhưng do bản chất và hình thể của năm yếu tố

tồn tại trong từng cá thể được thành lập, nên chúng sanh này có khác với chúng sanh khác, con người bình thường có khác với các bậc Thánh. Sự kết hợp năm uẩn này là kết quả của nghiệp và thay đổi từng sát na, nghĩa là chuyển hóa, thành tố mới thay cho thành tố cũ đã tan rã hoặc biến mất. Năm uẩn được kết hợp sẽ thành một hữu tình từ vô thủy, hữu tình ấy đã tạo nghiệp với sự chấp thủ định kiến của cái ngã và ngã sở. Sự hiểu biết của vị ấy bị bóp méo hoặc che mờ bởi vô minh, nên không thấy được chân lý của từng sát na kết hợp và tan rã của từng thành phần trong năm uẩn. Mặt khác, vị ấy bị chi phối bởi bản chất vô thường của chúng. Một người thức tỉnh với sự hiểu biết với phương pháp tu tập của Đức Phật sẽ giác ngộ được bản chất của chư pháp, nghĩa là một hữu tình chỉ do năm uẩn kết hợp lại và không có một thực thể thường hằng hoặc bất biến nào gọi là linh hồn cả. Trong "Bạch Ẩn Tọa Thiền Ca," Thiền sư Bạch Ẩn Huệ Hạc nói: "Chúng sanh bốn lai thị Phật." Mỗi cá nhân thật ra từ khởi thủy đều không có vấn đề. Vì thế, có người gọi bạn thì bạn trả lời. Nếu bạn không trả lời, cũng không sao. Dầu bạn có trả lời hay không căn bản và nguyên lai bạn đều ở trong tình trạng khai ngộ. Chúng ta đang tu tập trong tình trạng bản lai khai ngộ vì đó vốn là cuộc sống của mình. Chúng ta không cần phải tìm cái gì khác nữa vì mọi thứ đã có sẵn ở đây. Tự cuộc đời này, cuộc đời của bạn chính là thung lũng không có tiếng vọng. Khi bạn tìm cái gì khác, tức là bạn đang đặt một cái đầu khác lên trên cái đầu sẵn có của mình. Làm cách nào để biết trân quý cuộc sống mà chúng ta đang có? Bất hạnh thay, chúng ta thường kinh nghiệm cuộc đời này như thể nó là một cỗ xe chạy trên mây, tới lui xoay vần trong lục đạo. Có khi bạn cảm thấy cuộc đời là tuyệt vời, có khi bạn lại rơi xuống vực thẳm. Mỗi ngày, thậm chí chỉ nội trong một ngày thôi, bạn đã từ trên trời rơi xuống địa ngục, và tất cả mọi cảnh giới khác. Bạn phải làm gì đây với cuộc đời này? Bạn tự hỏi: "Tôi thật sự có phải là Phật không?" Rất nhiều người đều trả lời "Hiếm khi lắm." Vậy thì bạn phải làm gì đây? Đó là một hoàn cảnh khó khăn thông thường. Đó cũng là lý do tại sao nếu chúng ta chỉ dựa vào một thứ quan điểm, cho rằng "Chúng tôi đều tốt, chỉ cần anh làm tốt phần anh", là chúng ta sẽ rơi vào bẫy ngay. Quan điểm này nghe qua cũng tốt, nhưng bất hạnh ở chỗ không phải mỗi cá nhân để có thể sống giống như tình trạng ấy. Vẫn còn thứ gì đó không đúng. Chúng ta, những hành giả tu Thiền, phải phải xem xét coi mình là ai và thật sự

mình muốn thấy gì trong cuộc sống này, và ngay cái bản chất của sự sinh tồn là cái gì. Sự tìm kiếm này rất đối tự nhiên.

Hai chữ “Nhân Quả” chẳng những chúng sanh không thể thoát khỏi mà ngay cả chư Bồ Tát và những vị Phật (trước khi đắc quả) cũng không thể chạy ra ngoài được. Chỉ vì Bồ Tát nhìn xa thấy rộng nên Ngài chẳng tạo nhân ác, do vậy thụ hưởng được quả khoái lạc. Trong khi chúng sanh nhân quang thiển cận, chỉ biết thấy những việc trước mắt nên luôn làm những điều xấu ác; bởi thế mới thọ quả báo đau khổ. Bồ Tát vì sợ quả ác về sau, cho nên chẳng những tránh gieo ác nhân trong hiện tại, mà còn tinh tấn tu hành cho nghiệp chướng chóng tiêu trừ, đầy đủ công đức để cuối cùng đạt thành Phật quả. Còn chúng sanh vì vô minh che mờ tâm tánh nên tranh nhau gây tạo lấy ác nhân, vì thế mà phải bị nhận lấy ác quả. Trong khi chịu quả, lại không biết ăn năn sám hối, nên chẳng những sanh tâm oán trách trời người, mà lại còn gây tạo thêm nhiều điều ác độc khác nữa để chống đối. Vì thế cho nên oan oan tương báo mãi không thôi.

Chư Đại Bồ Tát Quán Chúng Sanh: Theo kinh Duy Ma Cật, Chương Bảy, phẩm Quán Chúng Sanh, Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật: “Bồ Tát quán sát chúng sanh phải như thế nào?” Duy Ma Cật đáp: “Vị nhà huyền thuật thấy người huyền của mình hóa ra, Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế. Như người trí thấy trăng dưới nước, thấy mặt trong gương, như ánh nắng dọi, như âm vang của tiếng, như mây giữa hư không, như bọt nước, như bóng nổi, như lõi cây chuối, như ánh điện chớp, như đại thứ năm, như ấm thứ sáu, như căn thứ bảy, như nhập thứ mười ba, như giới thứ mười chín. Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế. Như sắc chất cõi vô sắc, như mộng lúa hư, như thân kiến của Tu Đà Hoàn, như sự nhập thai của A Na Hàm, như tam độc của A la hán, như tham giận phá giới của Bồ Tát chứng vô sanh pháp nhẫn, như tập khí phiền não của Phật, như mù thấy sắc tượng, như hơi thở ra vào của người nhập diệt tận định, như dấu chim giữa hư không, như con của thạch nữ (đàn bà không sanh đẻ), như phiền não của người huyền hóa, như cảnh chiêm bao khi đã thức, như người diệt độ thọ lấy thân, như lửa không khói. Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế đó.”

Khi ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Nếu Bồ Tát quán sát như thế thì phải thực hành lòng từ như thế nào?” Duy Ma Cật đáp: Bồ Tát quán sát như thế rồi phải tự nghĩ rằng: a) Phải vì chúng sanh nói pháp như

trên, đó là lòng từ chân thật. b) Phải thực hành lòng từ tịch diệt, bởi vì không sanh. c) Phải thực hành lòng từ không nóng bức, bởi không có phiền não. d) Phải thực hành lòng từ bình đẳng, bởi ba đời như nhau. e) Phải thực hành lòng từ không đua tranh, bởi không có khởi. f) Phải thực hành lòng từ không hai, bởi trong ngoài (căn trần) không hiệp. g) Phải thực hành lòng từ không hoại, bởi hoàn toàn không còn. h) Phải thực hành lòng từ kiên cố, bởi lòng không hủy hoại. i) Phải thực hành lòng từ thanh tịnh, bởi tánh các pháp trong sạch. j) Phải thực hành lòng từ vô biên, bởi như hư không. k) Phải thực hành lòng từ của A la hán, vì phá các giặc kiết sử. l) Phải thực hành lòng từ Bồ Tát, vì an vui chúng sanh. m) Phải thực hành lòng từ của Như Lai, vì đặng tướng như như. n) Phải thực hành lòng từ của Phật, vì giác ngộ chúng sanh. o) Phải thực hành lòng từ tự nhiên, vì không nhưn đâu mà đặng. p) Phải thực hành lòng từ Bồ Đề, vì chỉ có một vị. q) Phải thực hành lòng từ vô đẳng, vì đoạn các ái kiến. r) Phải thực hành lòng từ đại bi dẫn dắt cho pháp Đại Thừa. s) Phải thực hành lòng từ không nhàm mỏi, quán không, vô ngã. t) Phải thực hành lòng từ pháp thí không có luyến tiếc. u) Phải thực hành lòng từ trì giới để hóa độ người phá giới. v) Phải thực hành lòng từ nhẫn nhục để ủng hộ người và mình. w) Phải thực hành lòng từ tinh tấn để gánh vác chúng sanh. aa) Phải thực hành lòng từ thiên định không thọ mùi thiên. bb) Phải thực hành lòng từ trí tuệ, đều biết đúng nhip. cc) Phải thực hành lòng từ phương tiện, thị hiện tất cả. dd) Phải thực hành lòng từ không ẩn dấu, lòng ngay trong sạch. ee) Phải thực hành lòng từ thâm tâm, không có hạnh xen tạp. ff) Phải thực hành lòng từ không phỉnh dối, không có lừa gạt. gg) Phải thực hành lòng từ an vui, làm cho tất cả được sự an vui của Phật. Lòng từ của Bồ Tát là như thế đó.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Sao gọi là lòng bi?” Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát làm công đức gì cốt để cho chúng sanh.” Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Sao gọi là lòng hỷ?” Duy Ma Cật trả lời: “Có lợi ích gì đều hoan hỷ, không hối hận.” Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Sao gọi là lòng xả?” Duy Ma Cật đáp: “Những phước báo đã làm, không có lòng hy vọng.” Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Sự sanh tử đáng sợ, Bồ Tát phải y nơi đâu?” Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Bồ Tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi đâu?” Ông Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát ở trong sanh tử đáng sợ đó, phải y nơi sức công đức của Như Lai.” Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi chỗ độ thoát tất cả

chúng sanh.” Văn Thù lại hỏi: “Muốn độ chúng sanh phải trừ những gì?” Duy Ma Cật đáp: “Muốn độ thoát chúng sanh trước hết phải trừ phiền não của họ.” Văn Thù hỏi: “Muốn trừ phiền não, phải thực hành những gì?” Duy Ma Cật đáp: “Phải thực hành chánh niệm.” Văn Thù hỏi: “Thế nào là thực hành chánh niệm?” Duy Ma Cật đáp: “Phải thực hành pháp không sanh không diệt.” Văn Thù hỏi: “Pháp gì không sanh, pháp gì không diệt?” Duy Ma Cật đáp: “Pháp bất thiện không sanh, pháp thiện không diệt.” Văn Thù hỏi: “Pháp thiện và pháp bất thiện lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy thân làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Thân lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy tham dục làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Tham dục lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy hư vọng phân biệt làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy tưởng điên đảo làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy không trụ làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Không trụ lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Không trụ thì không gốc. Thừa ngài Văn Thù, ở nơi gốc không trụ mà lập tất cả pháp.” Bấy giờ trong nhà ông Duy Ma Cật có một Thiên nữ thấy các vị trời, người đến nghe Pháp, liền hiện thân ra tung rải hoa trời trên mình các vị Bồ Tát và đại đệ tử. Khi hoa đến mình các vị Bồ Tát đều rơi hết, đến các vị đại đệ tử đều mắc lại. Các vị đại đệ tử dùng hết thân lực phủi hoa mà hoa cũng không rớt.

Lúc ấy, Thiên nữ hỏi ngài Xá Lợi Phất: “Tự sao mà phủi hoa?” Xá Lợi Phất đáp: “Hoa này không như pháp nên phủi.” Thiên nữ nói: “Chớ bảo hoa này là không như pháp. Vì sao? Hoa này nó không có phân biệt, tự nhân giả phân biệt đó thôi! Nếu người xuất gia ở trong Phật pháp có phân biệt là không như pháp, nếu không phân biệt là như pháp. Đấy, xem các vị Bồ Tát, hoa có dính đâu? Vì các ngài đã đoạn hết tướng phân biệt. Ví như người lúc hồi hộp sợ, thời phi nhơn mới thừa cơ hại được. Như thế, các vị đại đệ tử vì sợ sanh tử nên sắc, thanh, hương, vị, xúc mới thừa cơ được, còn người đã lìa được sự sợ sệt thì tất cả năm món dục không làm chi được. Do tập khí kiết sử chưa dứt hết nên hoa mới mắc nơi thân thôi, còn người kiết tập hết rồi, hoa không mắc được.” Xá Lợi Phất hỏi: “Thiên nữ ở nhà này được bao lâu?” Thiên nữ đáp: “Tôi ở nhà này in như Ngài được giải thoát.” Xá Lợi Phất hỏi: “Ở đây đã lâu ư?” Thiên nữ đáp: “Ngài giải thoát đã lâu như thế nào?” Ngài Xá Lợi Phất nín lặng không đáp. Thiên nữ nói: “Tại sao bực kỳ cự đại trí lại nín lặng?” Xá Lợi Phất trả lời: “Giải thoát

không có ngôn thuyết, nên ở nơi đó ta không biết nói làm sao!” Thiên nữ nói: “Ngôn thuyết vẫn tự đều là tướng giải thoát. Vì sao? Vì giải thoát không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên; vẫn tự cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên. Thế nên, ngài Xá Lợi Phất, chớ rời vẫn tự mà nói giải thoát. Vì sao? Vì tất cả pháp là tướng giải thoát.” Xá Lợi Phất hỏi: “Không cần ly dâm, nộ, si, được giải thoát ư?” Thiên nữ nói: “Phật vì kẻ tăng thượng mạn nói ly dâm, nộ, si là giải thoát thôi, nếu kẻ không tăng thượng mạn thời Phật nói tánh của dâm nộ, si là giải thoát.” Xá Lợi Phất nói: “Hay thay! Hay thay! Thiên nữ! Nàng được cái gì, chứng cái gì mà biện tài như thế?” Thiên nữ nói: “Tôi không được, không chứng, mới được biện tài như thế. Vì sao? Nếu có được, có chứng thời ở trong Phật pháp là kẻ tăng thượng mạn.” Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ: “Ở trong ba thừa, ý nàng cầu thừa nào?” Thiên nữ nói: “Cần pháp Thanh Văn để hóa độ chúng sanh, tôi làm Thanh Văn; cần pháp nhơn duyên để hóa độ chúng sanh, tôi làm Bích Chi Phật; cần pháp đại bi để hóa độ chúng sanh, tôi làm Đại thừa. Thừa ngài Xá Lợi Phất! Như người vào rừng chiêm bặc, chỉ ngửi có mùi chiêm bặc, chứ không còn mùi hương nào khác. Cũng như người vào nhà nầy chỉ ngửi mùi hương công đức của Phật chớ không ưa ngửi mùi hương công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật.” Thừa ngài Xá Lợi Phất! Có những vị Đế Thích Phạm Vương, Tứ Thiên Vương và chư Thiên, long thần, quỷ cả thả vào trong nhà nầy nghe thượng nhân đây giảng nói Chánh Pháp, đều ưa mùi hương công đức của Phật phát tâm rời ra. Thừa ngài Xá Lợi Phất! Tôi ở nhà nầy đã mười hai năm chưa từng nghe nói pháp Thanh Văn, hay Bích Chi Phật, chỉ nghe đại từ đại bi của Bồ Tát và những pháp bất khả tư nghì của chư Phật. Thừa ngài Xá Lợi Phất! Nhà nầy thường hiện ra tám pháp ‘chưa từng có, khó được.’ Tám pháp là gì? Thứ nhất là nhà nầy thường dùng ánh sáng sắc vàng soi chiếu ngày đêm không khác, chẳng cần ánh sáng của nhật nguyệt soi chiếu. Thứ hai là nhà nầy hễ ai vào rồi không còn bị các thứ cấu nhiễm làm não loạn. Thứ ba là nhà nầy thường có các vị Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương và các Bồ Tát ở phương khác nhóm họp không ngớt. Thứ tư là nhà nầy thường nói sáu pháp Ba La Mật và pháp bất thối chuyển. Thứ năm là nhà nầy thường trở âm nhạc bậc nhất của trời, người, vang ra vô lượng tiếng pháp. Sáu là, nhà nầy có bốn kho tàng lớn chứa đầy các món báu, giúp khắp cho kẻ nghèo thiếu, hễ cầu liền được, không bao giờ hết.

Thứ bảy là nhà nầy Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật A Súc, Phật Bửu Đức, Phật Bửu Diệm, Phật Bửu Nguyệt, Phật Bửu Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hống, Phật Nhất Thiết Lợi Thành, vô lượng chư Phật trong mười phương, khi Thượng nhân đây niệm đến, liền hiện tới rộng nói tạng pháp bí yếu của chư Phật, khi nói xong, các Ngài đều trở về. Thứ tám là nhà nầy tất cả cung điện tốt đẹp của chư Thiên và các cõi Tịnh Độ của chư Phật đều hiện ở trong đây.

Ngài Xá Lợi Phất! Nhà nầy thường hiện ra tám pháp ‘chưa từng có, khó đặng’ như thế, ai thấy được việc không thể nghĩ bàn đó mà lại còn ham ưa pháp Thanh Văn ư?” Xá Lợi Phất nói: “Vì sao người không chuyển thân nữ kia đi?” Thiên nữ đáp: “Mười hai năm nay tìm kiếm mãi cái tướng nữ nhân hẳn không thể được, phải chuyển đổi cái gì? Ví như nhà huyền thuật hóa ra một người nữ huyền, nếu có người hỏi rằng ‘Sao không chuyển thân nữ đó đi.’ Vậy người hỏi đó có đúng chăng?” Xá Lợi Phất nói: “Không đúng. Huyền hóa không có tướng như đinh còn phải chuyển đổi gì nữa?” Thiên nữ nói: “Tất cả pháp cũng như thế, không có tướng như đinh, tại sao lại hỏi không chuyển thân nữ?” Bấy giờ Thiên nữ dùng sức thần thông biến Ngài Xá Lợi Phất thành ra Thiên nữ, Thiên nữ lại tự hóa mình giống như ngài Xá Lợi Phất mà hỏi rằng: “Tại sao Ngài không chuyển thân nữ đi?” Ngài Xá Lợi Phất mang lấy hình tướng thân nữ mà đáp rằng: “Ta nay không biết tại sao lại biến thành thân đàn bà nầy?” Thiên nữ nói: “Thưa ngài xá Lợi Phất! Nếu ngài chuyển được thân đàn bà đó, thời tất cả người nữ cũng sẽ chuyển được. Như Ngài Xá Lợi Phất không phải người nữ mà hiện thân nữ, thời tất cả người nữ lại cũng như thế, tuy là thân nữ mà không phải người nữ đâu. Vì thế, Phật nói: ‘Tất cả các pháp không phải đàn ông, không phải đàn bà.’” Bấy giờ Thiên nữ thâm nhiếp thần lực, thân ngài Xá Lợi Phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi ngài Xá Lợi Phất: “Tướng đàn bà bây giờ đâu?” Xá Lợi Phất đáp: “Tướng đàn bà không ở đâu, mà ở tất cả.” Thiên nữ nói: “Tất cả các pháp lại cũng như thế, không ở đâu mà ở tất cả. Vả lại không ở đâu mà ở tất cả là lời Phật nói.” Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ: “Nàng ở nơi đây chết rồi sẽ sanh nơi đâu?” Thiên nữ đáp: “Phật hóa sanh thế nào, tôi cũng hóa sanh thế ấy.” Xá Lợi Phất nói: “Phật hóa sanh không phải chết rồi mới sanh.” Thiên nữ nói: “Chúng sanh cũng thế, không phải chết rồi mới sanh.” Xá Lợi Phất hỏi: “Người bao lâu sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?” Thiên nữ đáp: “Khi nào ngài Xá Lợi Phất

trở lại phàm phu, tôi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Xá Lợi Phất nói: “Có khi nào ta trở lại phàm phu.” Thiên nữ nói: “Có khi nào tôi lại được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ Đề không xứ sở nên không có được.” Xá Lợi Phất nói: “Hiện nay các Phật chứng Bồ Đề Vô thượng (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề), các Phật đã chứng, sẽ chứng nhiều như số cát sông Hằng thời gọi là gì?” Thiên nữ đáp: “Đấy là theo số mục văn tự ở đời mà nói có ba đời, chớ không phải nói Bồ Đề có quá khứ, vị lai và hiện tại. Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ngài đắc được đạo A la hán ư?” Xá Lợi Phất đáp: “Không có đặng mà đặng.” Thiên nữ nói: “Chư Phật, Bồ Tát cũng như thế, không đặng mà đặng.” Bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo ngài Xá Lợi Phất: “Thiên nữ đã từng cúng dường 92 ức Đức Phật, đã được thần thông du hý của Bồ Tát, nguyện lực đầy đủ, chứng vô sanh nhẫn không có thối lui, vì theo bốn nguyện nên tùy ý mà hiện ra để giáo hóa chúng sanh.”

Bodhisattvas and Living Beings

An Overview of Bodhisattvas and Living Beings: “Enlightened Being” (Bodhisattva) is a Chinese Buddhist term that means an enlightened being (bodhi-being), or a Buddha-to-be, or a being who desires to attain enlightenment, or a being who seeks enlightenment, including Buddhas, Pratyeka-buddhas, or any disciples of the Buddhas. An enlightened being who does not enter Nirvana but chosen to remain in the world to save other sentient beings. Any person who is seeking Buddhahood, or a saint who stands right on the edge of nirvana, but remains in this world to help others achieve enlightenment. One who vows to live his or her life for the benefit of all sentient beings, vowing to save all sentient beings from affliction and aspiring to attainment of the Buddha-hood. One whose beings or essence is bodhi whose wisdom is resulting from direct perception of Truth with the compassion awakened thereby. Enlightened being who is on the path to awakening, who vows to forego complete enlightenment until he or she helps other beings attain enlightenment. A Bodhisattva is one who adheres to or bent on the ideal of enlightenment, or knowledge of the Four Noble Truths (Bodhi), especially one who is aspirant for full enlightenment (samma sambodhi). A Bodhisattva fully cultivates ten perfections (thập thiện: Parami) which are essential qualities of

extremely high standard initiated by compassion, understanding and free from craving, pride and false views. There are five Bodhisattvas who have cultivated over countless lifetimes and expand in his life for the benefit of others. Therefore, a Bodhisattva is one who is enlightened, literally he is an Enlightenment-being, a Buddha-to-be, or one who wishes to become a Buddha. It would be a mistake to assume that the conception of a Bodhisattva was a creation of the Mahayana. For all Buddhists each Buddha had been, for a long period before his enlightenment, a Bodhisattva. But why does a Bodhisattva have such a vow? Why does he want to undertake such infinite labor? For the good of others, because they want to become capable of pulling others out of this great flood of sufferings and afflictions. But what personal benefit does he find in the benefit of others? To a Bodhisattva, the benefit of others is his own benefit, because he desires it that way. Who could believe that? It is true that people devoid of pity and who think only of themselves, find it hard to believe in the altruism of the Bodhisattva. But compassionate people do so easily.

The term "Living Beings" refer to all creatures that possess life-force. Each individual living being comes into being as the result of a variety of different causes and conditions. The smallest living beings as ants, mosquitoes, or even the most tiniest parasites are living beings. Every being is a combination of five elements: rupa, vedana, sanna, sankhara, and vinnana. Hence, one being is not essentially different from another, an ordinary man is not different from a perfect saint. But is the nature and proportion of each of the five constituents existing in an individual be taken into account, then one being is different from another, an ordinary man is different from a perfect saint. The combination of elements is the outcome of Karma and is happening every moment, implying that the disintegration of elements always precedes it. The elements in a combined state pass as an individual, and from time immemorial he works under misconception of a self and of things relating to a self. His vision being distorted or obscured by ignorance of the truth he can not perceive the momentary combination and disintegration of elements. On the other hand, he is subject to an inclination for them. A perfect man with his vision cleared by the Buddhist practices and culture realizes the real state of empirical things that an individual consists of the five elements and does not possess a

permanent and unchanging entity called soul. In the "Song of Meditation," Hakuin Zenji says, "All sentient beings are intrinsically Buddhas." We are all right to begin with. So when called, just answer. If you cannot answer, that, too, is okay. Regardless of whether you answer or not, you are this fundamentally, originally enlightened ground. We practice on this ground of original enlightenment because that is our life. We do not need to look for anything else because everything is already right here. This life itself, your life itself, is the valley that has no echo. When you look for something else, you are putting another head on top of your own. How do we appreciate the life that we have? Unfortunately, we often experience this life as if it were a roller coaster, spinning around in the six realms. Sometimes you feel marvelous. The next day, you hit bottom. You go from heaven to hell and all kinds of spheres in between from day to day, maybe even in one day. What are you doing with this life? You wonder, "Am I really the same as the Buddhas?" Many of you respond, "Hardly." So what will you do? This is a very common dilemma. That is why if we just rely on one perspective, such as "We are all okay, be just as you are." we fall into a trap. It sounds good, but unfortunately, not all of us can live like that. Something is not quite right. We, Zen practitioners, must examine who we are and truly see what this life is, what is the very nature of existence. This is a very natural inquiry.

The two words of "Cause and Effect", not only living beings who cannot escape them (cause and effect); even the Buddhas (before becoming enlightened) and Bodhisattvas cannot avoid them either. However, because Bodhisattvas have far-ranging vision, they avoid creating bad causes and only receive joyful rewards. Living beings, on the other hand, are very short-sighted. Seeing only what is in front of them, they often plant evil causes, and so they must often suffer the bitter retribution. Because the Bodhisattvas are afraid of bad consequences in the future, not only they avoid planting evil-causes or evil karma in the present, but they also diligently cultivate to gradually diminish their karmic obstructions; at the same time to accumulate their virtues and merits, and ultimately to attain Buddhahood. However, sentient beings complete constantly to gather evil-causes; therefore, they must suffer evil effect. When ending the effect of their actions, they are not remorseful or willing to repent. Not only do they blame

Heaven and other people, but they continue to create more evil karma in opposition and retaliation. Therefore, enemies and vengeance will continue to exist forever in this vicious cycle.

Great Bodhisattvas Look at Living Beings: According to the Vimalakirti Sutra, Chapter Seven, Looking at Living Beings, Manjusri asked Vimalakirti: “How should a Bodhisattva look at living beings?” Vimalakirti replied: “ A Bodhisattva should look at living beings like an illusionist does at the illusory men (he has created); and like a wise man looking at the moon’s reflection in water; at his own face in a mirror; at the flame of a burning fire; at the echo of a calling voice; at flying clouds in the sky; at foam in a liquid; at bubbles on water; at the (empty) core of a banana tree; at a flash of lightning; at the (non-existent) fifth element (beside the four that make the human body); at the sixth aggregate (beside the five that make a sentient being); at the seventh sense datum (beside the six objects of sense); at the thirteenth entrance (ayatana-beside the twelve involving the six organs and six sense date); at the nineteenth realm of sense (beside the eighteen dhatus or fields of sense); at form in the formless world; at the (non-existent) sprout of a charred grain of rice; at a body seen by a srotapanna (who has wiped out the illusory body to enter the holy stream); at the entry of an anagamin (or a non-returning sravaka) into the womb of a woman (for rebirth); at an arhat still preserving the three poisons (of desire, anger and stupidity which he has eliminated forever); at a Bodhisattva realizing the patient endurance of the uncreate who is still greedy, resentful and breaking the prohibitions; at a Buddha still suffering from klesa (troubles); at a blind man seeing things; at an adept who still breathes air in and out while in the state of nirvanic imperturbability; at the tracks of birds flying in the air; at the progeny of a barren woman; at the suffering of an illusory man; at a sleeping man seeing he is awake in a dream; at a devout man realizing nirvana who takes a bodily form for (another) reincarnation; and at a smokeless fire. This is how a Bodhisattva should look at living beings.”

At that time, Manjusri asked Vimalakirti: “When a Bodhisattva so meditates how should he practise kindness (maitri)? Vimalakirti replied: When a Bodhisattva has made this meditation, he should think that: a) Ought to teach living beings to meditate in the same manner; this is true kindness. b) Should practise causeless (nirvanic) kindness

which prevents creativeness. c) Should practice unheated kindness which puts an end to klesa (troubles and causes of troubles). d) Should practice impartial kindness which covers all the three periods of time (which means that it is eternal involving past, future and present). e) Should practice passionless kindness which wipes out disputes. f) Should practice non-dual kindness which is beyond sense organs within and sense data without. g) Should practice indestructible kindness which eradicates all corruption. h) Should practice stable kindness which is a characteristic of the undying self-mind. i) Should practice pure and clean kindness which is spotless like Dharmata. j) Should practice boundless kindness which is all-pervasive like space. k) Should practice the kindness of the arhat stage which destroys all bondage. l) Should practice the Bodhisattva kindness which gives comfort to living beings. m) Should practice the Tathagata kindness which leads to the state of thatness. n) Should practice the Buddha kindness which enlightens all living beings. o) Should practice spontaneous kindness which is causeless. p) Should practice Bodhi kindness which is one flavour (i.e. uniform and unmixed wisdom). q) Should practice unsurpassed kindness which cuts off all desires. r) Should practice merciful kindness which leads to the Mahayana (path). s) Should practice untiring kindness because of deep insight into the void and non-existent ego. t) Should practice Dharma-bestowing (dana) kindness which is free from regret and repentance. u) Should practice precepts (sila) upholding kindness to convert those who have broken the commandments. v) Should practice patient (ksanti) kindness which protects both the self and others. w) Should practice Zealous (virya) kindness to liberate all living beings. aa) Should practice serene (dhyana) kindness which is unaffected by the five senses. bb) Should practice wise (prajna) kindness which is always timely. cc) Should practice expedient (upaya) kindness to appear at all times for converting living beings. dd) Should practice unhidden kindness because of the purity and cleanliness of the straightforward mind. ee) Should practice profound minded kindness which is free from discrimination. ff) Should practice undeceptive kindness which is without fault. gg) Should practice joyful kindness which bestows the Buddha joy (in nirvana). “Such are the specialities of Bodhisattva kindness.”

Manjusri asked Vimalakirti: “What should be his compassion (karuna)?” Vimalakirti replied: “His compassion should include sharing with all living beings all the merits he has won.” Manjusri asked: “What should be his joy (mudita)?” Vimalakirti replied: He should be filled with joy on seeing others win the benefit of the Dharma with no regret whatsoever.” Manjusri asked “What should he relinquish (upeksa)?” Vimalakirti replied: “In his work of salvation, he should expect nothing (i.e. no gratitude or reward) in return.” Manjusri asked: “On what should he rely in his fear of birth and death?” Vimalakirti replied: “He should rely on the power of the Tathagata’s moral merits.” Manjusri asked: “What should he do to win support from the power of the Tathagata’s moral merits?” Vimalakirti replied: “ He should liberate all living beings in order to win support from the power of the Tathagata’s moral merit.” Manjusri asked: “What should he wipe out in order to liberate living beings?” Vimalakirti replied: “When liberating living beings, a Bodhisattva should first wipe out their klesa (troubles and causes of troubles)?” Manjusri asked: “What should he do to wipe out klesa?” Vimalakirti replied: “He should uphold right mindfulness.” Manjusri asked: “What should he do to uphold right mindfulness?” Vimalakirti replied: “He should advocate the unborn and the undying.” Manjusri asked: “What is the unborn and what is the undying?” Vimalakirti replied: “The unborn is evil that does not arise and the undying is good that does not end.” Manjusri asked: “What is the root of good and evil?” Vimalakirti replied: “The body is the root of good and evil.” Manjusri asked: “What is the root of the body?” Vimalakirti replied: “Craving is the root of the body.” Manjusri asked: “What is the root of craving?” Vimalakirti replied: “Baseless discrimination is the root of craving.” Manjusri asked: “What is the root of baseless discrimination?” Vimalakirti replied: “Inverted thinking is the root of discrimination.” Manjusri asked: “What is the root of inverted thinking?” Vimalakirti replied: “Non-abiding is the root of inverted thinking.” Manjusri asked: “What is the root of non-abiding?” Vimalakirti replied: “Non-abiding is rootless. Manjusri, from this non-abiding root all things arise.” A goddess (devakanya) who had watched the gods (devas) listening to the Dharma in Vimalakirti’s room appeared in bodily form to shower flowers on the Bodhisattvas and the chief disciples of the Buddha (in their honour). When the flowers fell

on the Bodhisattvas, they fell to the ground, but when they fell on the chief disciples, they stuck to their bodies and did not drop in spite of all their efforts to shake them off.

At that time, the goddess asked Sariputra why he tried to shake the flowers off. Sariputra replied: "I want to shake off these flowers which are not in the state of suchness." The goddess said: "Do not say these flowers are not in the state of suchness. Why? Because they do not differentiate, and it is you (alone) who give rise to differentiation. If you (still) differentiate after leaving home in your quest of Dharma, this is not the state of suchness, but if you no longer give rise to differentiation, this will be the state of suchness. Look at the Bodhisattvas whose bodies do not retain the flowers this is because they have put an end to differentiation. This is like a man taking fright who invites trouble for himself is like a man taking right and evil (people). So if a disciple fears birth and death, then form, sound, smell, taste and touch can trouble him, but if he is fearless he is immune from all the five sense data. (in your case). It is because the force of habit still remains that these flowers cleave to your body but if you cut it off, they will not stick to it." Sariputra asked: "How long have you been in this room?" The goddess replied: "My stay in this room is just like the Venerable Elder's liberation." Sariputra asked: "Do you then mean that you have stayed here for a long time?" The goddess retorted: "Does your liberation also involve time?" Sariputra kept silent and did not reply. The goddess then asked: "Why is the wise elder silent on this point?" Sariputra replied: "He who wins liberation does not express it in words; hence I do not know what to say!" The goddess said: "Spoken and written word reveal liberation. Why? For liberation is neither within nor without nor in between, and words also are neither inside nor outside nor in between. Therefore, Sariputra, liberation cannot be preached without using words. Why? Because all things point to liberation." Sariputra asked: "Do you then mean that there is no need to keep from carnality, hatred and stupidity to win liberation?" The goddess replied: "In the presence of those who are proud (of their superior knowledge) the Buddha said it is important to keep from carnality, hatred and stupidity in the quest of liberation; but where they are absent, He said that the underlying nature of carnality, hatred and stupidity (i.e. the self-nature) is identical with liberation. Sariputra

exclaimed: “Excellent, goddess, excellent, what have you gained and experienced that gives you such an eloquence?” The goddess replied: “The fact that I neither gain nor experience anything gives me this eloquence. Why is it so? Because he who (claims to) have won and experienced (something) is arrogant in the eye of the Buddha Dharma.” Sariputra asked: “Which of the three vehicles is your aim?” The goddess replied: “When I preach the sravaka Dharma to convert people, I appear as a sravaka; when I expound the (twelve) links in the chain of existence I appear as a pratyeka-buddha; and when I teach great compassion to convert them, I appear as a (teacher of) Mahayana. Sariputra, like those entering a campa grove who smell only the fragrance of campas to the exclusion of all other odours, those entering this room smell only the fragrance of Buddha merits and no longer like the aroma of achievements by sravakas and pratyeka-buddha.” Sariputra, when Indra, Brahma, the four deva kings of the four heavens (guardians of the world), heavenly dragons, ghosts and spirits, etc. entered the room and heard this Upasaka (Vimalakirti) expound the right Dharma, they all took delight in smelling the fragrance of Buddha merits and developed the Mahayana mind before returning to their worlds. Sariputra, I have stayed here for twelve years during which I have never heard the Dharmas of sravakas and pratyeka-buddhas but only the doctrine of great kindness (maitri) and great compassion (karuna) of the Bodhisattvas and the inconceivable Buddha Dharma. Sariputra, in this room there are always eight unusual manifestations: First, this room is illuminated by a golden light, which is the same by day and by night and does not depend on either sunlight or moonlight to light it up. Second, he who enters it is immune from all troubles caused by defilements. Third, this room is visited by Indra, Brahma, the four deva kings of the four heavens and Bodhisattvas from other realms. Fourth, the never-receding Dharma of the six paramitas is always expounded in it. Fifth, the most melodious heavenly music intoning countless Dharma doors (to enlightenment) is heard in it. Sixth, this room contains the four canons (of sutras, vinaya, sastras and miscellaneous scriptures) full of inexhaustible precious treasures for those who are (spiritually) poor. Seventh, when the Venerable Upasaka thinks of Sakyamuni Buddha, Amitabha Buddha, Aksobhya Buddha, the Buddha of Precious Virtues, the Buddha of Precious Flame, the

Buddha of Precious Moonshine, the Buddha of Precious Majesty, the Invincible Buddha, the Buddha of the Lion's Roar, the Buddha of All-Perfection, and countless other Buddhas in the ten directions, they all come to expound the secrets of the esoteric Buddha Dharma, after which they return to their realms. Eighth, all majestic heavenly palaces and all pure lands of Buddhas appear in this room.

Sariputra, after witnessing these eight remarkable things in this room, who still seeks the sravaka Dharma?" Sariputra asked: "Why do not you change your female bodily form?" The goddess replied: "For the last twelve years, I have been looking in vain for a female bodily form; so what do you want me to change? This is like an illusionist who creates an illusory woman; is it correct to ask him to change this unreal woman?" Sariputra said: "No, because it is not a real body; into what then can it be changed?" The goddess said: "All phenomena (including forms) are also unreal. So why have you asked me to change my unreal female body?" At that time, she used her supernatural powers to change Sariputra into a heavenly goddess and herself into a man similar to Sariputra, and asked him: "Why do you change your female form?" Sariputra replied: "I do not know why I have turned into a goddess." The goddess said: "Sariputra, if you can change your female body, all women should also be able to turn into men. Like Sariputra who is not a woman but appears in female bodily form, all women are the same and though they appear in female form, they are fundamentally not women. Hence the Buddha said: 'All things are neither male nor female'." At that time, the goddess again used her supernatural powers to change Sariputra back to his (original) male body, and asked: "Where is your female body now?" Sariputra replied: "The form of a woman neither exists nor is non-existent." The goddess then declared: "Likewise, all things are fundamentally neither existing nor non-existent, and that which neither exists nor is non-existent is proclaimed by the Buddha." Sariputra asked: "When will you leave (die) here and where will you be reborn?" The goddess replied: "I shall be reborn like a Buddha by transformation." Sariputra interjected: "The Buddha's transformation body implies neither birth nor death." The goddess said: "Likewise all living beings (fundamentally) are subject to neither death nor birth." Sariputra asked: "When will you realize supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi)?" The goddess

replied: “I shall realize supreme enlightenment when Sariputra returns to the worldly way of life.” Sariputra retorted: “There is no such thing as myself (a holy man at the sravaka stage) returning to the worldly way of life.” The goddess said: “There is also no such thing as myself realizing enlightenment. Why? Because bodhi (or enlightenment) is not an objective, which can be realized.” Sariputra retorted: “There are Buddhas as countless as sand grains in the Ganges, who have realized and will win supreme enlightenment; what will you say of them?” The goddess said: “The three periods of time (the past, future and present) are spoken of (to the common man) as being in line with worldly thinking but this does not mean that bodhi (which is timeless or eternal) is tied to the past, future and present.” She then asked Sariputra: “Sariputra, have you realized arhatship?” Sariputra replied: “I have realized it because I hold no concept of winning anything.” The goddess said: “Likewise, all Buddhas and great Bodhisattvas achieved their goals because they were free from the idea of winning supreme enlightenment.” At that time, Vimalakirti said to Sariputra: “This goddess has made offering to ninety-two lacs of Buddhas. She is able to play with the Bodhisattva transcendental powers, has fulfilled all her vows, has realized the patient endurance of the uncreate and has reached the never-receding Bodhisattva stage. In fulfillment of a vow, she appears at will (everywhere) to teach and convert living beings.”

Chương Bảy *Chapter Seven*

Cứu Độ Hay Hóa Độ Chúng Sanh?

Cứu độ có thể được hiểu như giải thoát cho ai đó thoát khỏi sự hủy diệt, khổ đau, phiền não, vân vân, để đưa người ấy đến trạng thái an toàn khỏi những lực lượng hủy diệt, thiên nhiên hay siêu nhiên. Đối với các tôn giáo khác, cứu độ có nghĩa là cứu khỏi tội lỗi, chết chóc và nhận vào cái gọi là thiên đường vĩnh cửu. Đây là những tôn giáo cứu độ, vì họ hứa cứu độ chúng sanh trong một hình thức nào đó. Họ cho rằng ý chí của một người là quan trọng, nhưng ân sủng là cần thiết và quan trọng hơn để được cứu độ. Người nào muốn được cứu độ thì phải tin rằng họ thấy được sự cứu độ siêu nhiên của một đấng toàn năng trong cuộc đời mà mình đang sống. Trong đạo Phật, quan niệm cứu độ rất xa lạ đối với những Phật tử thuần thành. Một lần, Đức Phật bảo với tứ chúng: “Mục đích duy nhất Ta ra đời là nhằm giáo hóa chúng sanh. Tuy nhiên, một điều rất quan trọng là các con đừng tin lời Ta giảng là đúng, chỉ đơn giản vì Ta đã nói những lời ấy. Tốt hơn, các con nên thực hành những lời dạy của Ta để biết rằng chúng đúng hay sai. Nếu các con thấy giáo pháp của Ta là phù hợp với chân lý và hữu ích, thì cố gắng làm theo. Nhưng đừng thực hành chỉ vì các con kính trọng Ta. Chính các con mới có thể cứu độ các con mà thôi.” Một lần khác, Đức Phật vỗ về con voi điên và quay sang nói với A Nan: “Duy nhất chỉ có tình thương mới diệt được hận thù. Sự thù hận không thể chấm dứt bằng lòng thù hận. Đây là bài học quan trọng mà con nên nhớ.” Chính Đức Phật đã khuyên chúng đệ tử lần cuối cùng trước khi Ngài nhập diệt: “Khi Ta không còn nữa các con hãy lấy giáo pháp của Ta làm thầy hướng dẫn cho các con. Nếu tâm các con thâm nhập được những lời dạy của Ta thì các con không cần thiết có Ta nữa. Hãy ghi nhớ những lời Ta đã dạy các con. Lòng tham và dục vọng là nguyên nhân của mọi khổ đau phiền não. Cuộc đời luôn biến đổi vô thường, vậy các con chớ nên tham đắm vào bất cứ thứ gì ở thế gian. Mà cần tự nỗ lực tu hành, sửa đổi thân tâm để tìm thấy cho chính mình hạnh phúc chân thật và trường cửu.” Đó là một vài khái niệm về cứu độ trong đạo Phật được nói lên từ kim khẩu của Đức Phật.

Trong Cứu Độ, theo Phật giáo Đại Thừa, có Quyền Hiện và Hóa Độ. Người phàm mắt thịt chúng ta thường không thể hiểu được lòng giáo hóa đại bi vô lượng của chư Phật và chư Bồ Tát. Có khi các Ngài dùng lời thuyết giáo để hóa độ, nhưng lắm khi các Ngài dùng gương sống hằng ngày như lui về tự tịnh hay nghiêm trì giới luật để khuyến khích người khác tu hành. “Quyền Hiện” có nghĩa là tạm thời phương tiện hiện ra để cứu độ chúng sanh. Phật lực hay Bồ Tát lực có thể tự hóa thành bất cứ thân trần tục nào để cứu độ chúng sanh. Hóa Độ có nghĩa là Giáo hóa và cứu độ. Môi trường, điều kiện hay hoàn cảnh nơi Phật hóa độ chúng sanh. Hóa độ còn nghĩa là cõi nước an trụ của biến hóa thân Phật, gồm hai loại: thanh tịnh như cõi trời Đâu Suất và ô trược như cõi Sa Bà. Tông Thiên Thai thì cho rằng Hóa Độ là cõi Tây Phương Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà. Các tông phái khác thì cho rằng đó vừa là hóa độ mà cũng là báo độ. Theo Đạo Xước (562-645), một trong những tín đồ lỗi lạc của Tịnh Độ Tông, trong An Lạc Tập, một trong những nguồn tài liệu chính của giáo pháp Tịnh Độ, chư Phật cứu độ chúng sanh bằng bốn phương pháp. Thứ nhất là bằng khẩu thuyết như được ký tải trong Nhị Thập Bộ Kinh. Thứ nhì là bằng tướng hảo quang minh. Thứ ba là bằng vô lượng đức dụng thần thông đạo lực, đủ các thứ biến hóa. Thứ tư là bằng các danh hiệu của các Ngài, mà, một khi chúng sanh thốt lên, sẽ trừ khử những chướng ngại và chắc chắn sẽ vãng sanh Phật tiền.

Theo Kinh Duy Ma Cật, khi đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật, Duy Ma Cật có nói với ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát về “Độ Thoát Chúng Sanh”. Văn Thù lại hỏi Duy Ma Cật: “Muốn độ chúng sanh, Bồ Tát phải trừ những gì?” Duy Ma Cật đáp: “Muốn độ thoát chúng sanh trước nhất phải trừ phiền não của họ.” Văn Thù hỏi: “Muốn trừ phiền não, phải thực hành những gì?” Duy Ma Cật đáp: “Phải thực hành chánh niệm.” Văn Thù hỏi: “Thế nào là thực hành chánh niệm?” Duy Ma Cật đáp: Phải thực hành pháp không sanh không diệt.” Văn Thù hỏi: “Pháp gì không sanh, pháp gì không diệt?” Duy Ma Cật đáp: “Pháp bất thiện không sanh, pháp thiện không diệt.” Văn Thù hỏi: “Pháp thiện và pháp bất thiện lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy thân làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Thân lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy tham dục làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Tham dục lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy hư vọng phân biệt làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy tướng điên đảo làm gốc.” Văn

Thù hỏi: “Tuởng điên đảo lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Lấy không trụ làm gốc.” Văn Thù hỏi: “Không trụ lấy gì làm gốc?” Duy Ma Cật đáp: “Không trụ thì không gốc. Thừa ngài Văn Thù, ở nơi gốc không trụ mà lập tất cả pháp.”

Salvation or Teaching and Saving of Sentient Beings?

Salvation may be understood as the deliverance of someone from destruction, sufferings, afflictions, and so on, and to bring that person to the state of being safe from destructive forces, natural or supernatural. To other religions, salvation means deliverance from sin and death, and admission to a so-called “Eternal Paradise”. These are religions of deliverance because they give promise of some form of deliverance. They believe that a person’s will is important, but grace is more necessary and important to salvation. Those who wish to be saved must believe that they see a supernatural salvation of an almighty creator in their lives. In Buddhism, the concept of salvation is strange to all sincere Buddhists. One time, the Buddha told His disciples: “The only reason I have come into the world is to teach others. However, one very important thing is that you should never accept what I say as true simply because I have said it. Rather, you should test the teachings yourselves to see if they are true or not. If you find that they are true and helpful, then practice them. But do not do so merely out of respect for me. You are your own savior and no one else can do that for you.” One other time, the Buddha gently patted the crazy elephant and turned to tell Ananda: “The only way to destroy hatred is with love. Hatred cannot be defeated with more hatred. This is a very important lesson to learn.” Before Nirvana, the Buddha himself advised his disciples: “When I am gone, let my teachings be your guide. If you have understood them in your heart, you have no more need of me. Remember what I have taught you. Craving and desire are the cause of all sufferings and afflictions. Everything sooner or later must change, so do not become attached to anything. Instead devote yourselves to clearing your minds and finding true and lasting happiness.” These are the Buddha’s golden speeches on some of the concepts of salvation.

In salvation, Mahayana Buddhism has temporary manifestation for saving, coverting and transporting beings. It is difficult for ordinary people like us to understand the teaching with infinite compassion of Buddhas and Bodhisattvas. Sometimes, they use their speech to preach the dharma, but a lot of times they use their way of life such as retreating in peace, strictly

following the precepts to show and inspire others to cultivate the way. “Temporary manifestation for saving beings” means temporarily appear to save sentient beings. The power of Buddhas and Bodhisattvas to transform themselves into any kind of temporal body in order to aid beings. Salvation includes converting and Transporting (to teach and save, to rescue and teach). To transform other beings. The region, condition, or environment of Buddha instruction or conversion. Salvation also means any land which a Buddha is converting, or one in which the transformed body of a Buddha. These lands are of two kinds: pure like Tusita heaven and vile or unclean like this world. T’ien-T’ai defines the transformation realm of Amitabha as the Pure Land of the West. Other schools speak of the transformation realm as the realm on which depends the nirmanakaya. According to Tao-Ch’o (562-645), one of the foremost devotees of the Pure Land school, in his *Book of Peace and Happiness*, one of the principal sources of the Pure Land doctrine. All the Buddhas save sentient beings in four ways. First, by oral teachings such recorded in the twelve divisions of Buddhist literature. Second, by their physical features of supernatural beauty. Third, by their wonderful powers and virtues and transformations. Fourth, by recitating of their names, which when uttered by beings, will remove obstacles and result their rebirth in the presence of the Buddha.

According to the *Vimalakirti Sutra*, when Manjusri Bodhisattva called to enquire after Vimalakirti’s health, Vimalakirti told Manjusri about “saving sentient beings”. Manjusri asked: “What should a Bodhisattva wipe out in order to liberate living beings?” Vimalakirti replied: “When liberating living beings, a Bodhisattva should first wipe out their klesa (troubles and causes of troubles)?” Manjusri asked: “What should he do to wipe out klesa?” Vimalakirti replied: “He should uphold right mindfulness.” Manjusri asked: “What should he do to uphold right mindfulness?” Vimalakirti replied: “He should advocate the unborn and the undying.” Manjusri asked: “What is the unborn and what is the undying?” Vimalakirti replied: “The unborn is evil that does not arise and the undying is good that does not end.” Manjusri asked: “What is the root of good and evil?” Vimalakirti replied: “The body is the root of good and evil.” Manjusri asked: “What is the root of the body?” Vimalakirti replied: “Craving is the root of the body.” Manjusri asked: “What is the root of craving?” Vimalakirti replied: “Baseless discrimination is the root of craving.” Manjusri asked: “What is the root of baseless discrimination?” Vimalakirti replied: “Inverted thinking is the root of discrimination.” Manjusri asked: “What is the root of inverted thinking?” Vimalakirti replied: “Non-abiding is the root of inverted thinking.” Manjusri asked: “What is the root of non-abiding?” Vimalakirti replied: “Non-abiding is rootless. Manjusri, from this non-abiding root all things arise.”

Chương Tám
Chapter Eight

Bồ Tát Cứu Hộ Nhứt Thiết Chúng Sanh

Theo lời dạy của Đức Thế Tôn trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 25 (Thập Hồi Hương), chư Bồ Tát cứu hộ chúng sanh giải thoát khỏi chúng sanh tướng, chư Bồ Tát nghĩ rằng: *Thứ nhất* là nguyện đem những thiện căn này làm lợi ích khắp chúng sanh, làm cho họ thanh tịnh đến nơi rốt ráo, đến bến bờ rốt ráo, và lìa hẳn vô lượng khổ não của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A-tu-la. *Thứ nhì* là Đại Bồ Tát lúc trông thiện căn, nguyện đem thiện căn của mình hồi hướng như vậy. Tôi sẽ làm nhà cho tất cả chúng sanh để họ thoát khỏi tất cả sự khổ. Tôi sẽ làm chỗ cứu hộ cho tất cả chúng sanh, khiến họ đều được giải thoát phiền não. Tôi sẽ làm chỗ quy-y của tất cả chúng sanh, khiến họ đều được xa lìa sự bố úy. Tôi sẽ làm chỗ xu hướng cho tất cả chúng sanh, khiến họ được đến nơi nhứt thiết trí. Tôi sẽ làm chỗ an ổn cho tất cả chúng sanh, khiến họ được an ổn rốt ráo. Tôi sẽ làm ánh sáng cho tất cả chúng sanh, khiến họ được trí quang diệt si ám. Tôi sẽ làm đèn để phá tối vô minh cho họ. Tôi sẽ làm đèn cho tất cả chúng sanh, khiến họ an trụ nơi rốt ráo thanh tịnh. Tôi sẽ làm Đạo Sư cho tất cả chúng sanh dẫn dắt họ vào pháp chơn thiết. Tôi sẽ làm Đại Đạo Sư cho tất cả chúng sanh, ban cho họ trí huệ lớn vô ngại. *Thứ ba* là Đại Bồ Tát đem những thiện căn hồi hướng như vậy, bình đẳng lợi ích tất cả chúng sanh, rốt ráo đều khiến họ được nhứt thiết trí. Đại Bồ Tát lợi ích hồi hướng cho hàng chẳng phải thân hữu đồng như đối với hàng thân hữu của mình. Bồ Tát đã nhập tánh bình đẳng của tất cả pháp, với tất cả chúng sanh không có một quan niệm là chẳng phải thân hữu. Giả sử có chúng sanh nào đem lòng oán hại Bồ Tát, Bồ Tát này cũng vẫn thương mến họ với tâm bi mẫn, trọn không hờn giận. *Thứ tư* là Bồ Tát luôn làm thiện tri thức cho khắp cả chúng sanh. Bồ Tát luôn đem Chánh Pháp giảng thuyết cho chúng sanh, khiến họ tu tập. *Thứ năm* là Bồ Tát hồi hướng vì chư Bồ Tát như biển cả, không thể biến hoại bởi chất độc. Tất cả những kẻ ngu mê, vô trí, vô ân, sân độc, kiêu mạn, mê tối, không biết pháp lành, cũng không làm bức hại hay loạn động tâm Bồ Tát được; vì chư Bồ Tát ví như mặt nhật hiện ra nơi thế gian chẳng do vì kẻ sanh manh mà lại ẩn đi không sáng, lại cũng chẳng vì sương mù

hay a-tu-la, cây diêm phù đề, gộp cao, hang sâu, bụi khói hay mây mù che chướng, lại cũng chẳng vì thời tiết biến đổi mà ẩn đi không sáng. Chư Bồ Tát hồi hướng với phước đức lớn, với tâm sâu rộng. Hồi hướng vì muốn rớt ráo công đức trí huệ, nên đối với pháp thắng thượng lập chí nguyện pháp quang chiếu khắp thấy tất cả nghĩa, nơi các pháp môn trí huệ tự tại, thường vì lợi ích chúng sanh mà tu pháp lành, chẳng bao giờ làm sanh lòng tổn hại chúng sanh. *Thứ sáu*, chẳng vì chúng sanh tệ ác mà rời bỏ chẳng tu hồi hướng. *Thứ bảy*, chỉ dùng giáp trụ đại nguyện để tự trang nghiêm, luôn cứu hộ chúng sanh không thối chuyển. *Thứ tám*, chẳng vì chúng sanh vô ân mà thối Bồ Tát hạnh, bỏ Bồ Đề đạo. *Thứ chín*, chẳng vì ở chung với kẻ phàm ngu mà lia bỏ tất cả thiện căn như thật. *Thứ mười*, chẳng vì chúng sanh thường sanh lỗi ác khó nhẫn thọ được mà sanh lòng nhàm mỏi. *Thứ mười một*, Bồ Tát chẳng phải chỉ vì cứu hộ một chúng sanh mà tu các thiện căn hồi hướng vô thượng Bồ Đề, mà chính vì cứu hộ khắp tất cả chúng sanh vậy. *Thứ mười hai*, chẳng phải vì thanh tịnh một Phật độ, tin một Đức Phật, thấy một Đức Phật, rõ một pháp, nhưng chính vì thanh tịnh khắp tất cả Phật độ, tin khắp tất cả chư Phật, thấy khắp tất cả chư Phật, hiểu tất cả Phật pháp mà phát khởi đại nguyện tu các thiện căn hồi hướng vô thượng Bồ Đề. *Thứ mười ba*, Bồ Tát nguyện rằng: “Do thiện căn của tôi đây, nguyện tất cả các loài, tất cả chúng sanh đều được thanh tịnh, công đức viên mãn, chẳng bị trở ngại hư hoại, không cùng tận, thường được tôn trọng, chánh niệm chẳng quên, được trí huệ quyết định, đủ vô lượng trí, ba nghiệp thân khẩu ý tất cả công đức viên mãn trang nghiêm.” *Thứ mười bốn*, do những căn lành này khiến tất cả chúng sanh thừa sự cúng dường tất cả chư Phật không bỏ qua, khiến chúng sanh khởi lòng tin chư Phật thanh tịnh không hư hoại, khiến chúng sanh được nghe chánh pháp dứt các sự nghi hoặc và nhớ không quên, khiến chúng sanh tu hành đúng pháp, khiến chúng sanh cung kính chư Phật, khiến thân nghiệp chúng sanh thanh tịnh và an trụ vô lượng thiện căn rộng lớn, khiến chúng sanh lia hẳn sự nghèo cùng, khiến chúng sanh đầy đủ thất thánh tài, khiến chúng sanh thường theo chư Phật tu học, thành tựu vô lượng thiện căn thắng diệu, tỏ ngộ bình đẳng, trụ nhất thiết trí, dùng vô ngại nhãn bình đẳng nhìn chúng sanh, các tướng hảo trang nghiêm thân không tỳ vết, lời nói tinh diệu, công đức viên mãn, các căn điều phục, thành tựu thập lực, tâm lành đầy đủ, không chỗ y trụ, khiến tất cả chúng sanh đều được sự vui của Phật, trụ

nơi chỗ Phật an trụ. *Thứ mười lăm*, chư Bồ Tát thấy chúng sanh gây tạo ác nghiệp, chịu nhiều sự khổ, vì thế mà không thấy được Phật, chẳng nghe được pháp, nên các ngài quyết đi vào ác đạo, thay thế các chúng sanh chịu các sự khổ, khiến họ được giải thoát. *Thứ mười sáu*, Bồ Tát chịu khổ như vậy, nhưng lại chẳng kinh sợ mà còn tinh tấn tu hành chẳng nhàm mỏi vì muốn quyết muốn đảm nhiệm chúng sanh khiến họ được giải thoát; quyết muốn cứu vớt chúng sanh xuất ly khổ nạn và những chỗ sanh già bệnh chết; quyết muốn cứu hộ chúng sanh thoát khỏi cảnh lưu chuyển tà kiến vô trí cũng như mất các pháp lành; quyết muốn cứu hộ các chúng sanh bị lưới ái vấn, bị màn si mê che lấp, nhiễm cõi hữu lậu theo mãi không rời, vào trong lồng củi khổ não, thực hành nghiệp ma, thức trí đều hết, thường ôm lòng nghi hoặc, chẳng thấy chỗ an ổn, chẳng biết đạo xuất ly, ở trong sanh tử luân hồi mãi, và luôn bị ngập chìm trong khổ bùn lầy. *Thứ mười bảy*, Bồ Tát chẳng vì tự thân mà cầu giải thoát, nhưng lại muốn đem chỗ tu hành của mình làm cho chúng sanh được thành bậc trí huệ vô thượng, được nhưt thiết trí, qua khỏi vòng sanh tử, và được thoát tất cả khổ. *Thứ mười tám*, Bồ Tát nguyện vì khắp tất cả chúng sanh chịu đủ sự khổ, khiến họ đều ra khỏi hố sanh tử khổ. *Thứ mười chín*, Bồ Tát luôn nguyện vì khắp tất cả chúng sanh mà tận vị lai kiếp chịu tất cả khổ trong các ác đạo nơi tất cả thế giới, nhưng vẫn luôn vì chúng sanh mà tu thiện căn. *Thứ hai mươi*, Bồ Tát thà riêng mình chịu mọi sự khổ, đem thân chuộc tất cả ác đạo chúng sanh, khiến họ được giải thoát, chớ chẳng để chúng sanh đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, hay a-tu-la. *Thứ hai mươi mốt*, Bồ Tát nguyện bảo hộ tất cả chúng sanh trọn chẳng rời bỏ. Đây là lời nguyện thành thực vì cứu hộ chúng sanh mà phát tâm Bồ Đề, chớ chẳng phải vì tự thân mà cầu đạo vô thượng. *Thứ hai mươi hai*, Bồ Tát chẳng phải vì cầu phước hưởng lạc trong ba cõi mà tu hạnh Bồ Đề. Tại sao vậy? Vì phước lạc thế gian chẳng gì chẳng khổ, vì phước lạc thế gian là cảnh giới ma. Chỉ có kẻ ngu mới tham trước phước lạc thế gian, chứ chư Phật thì thường hay quở trách vì tất cả khổ nạn đều nhưn đó mà sanh. Tất cả ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, đến giận hờn, kiện cáo, hủy nhục đều do tham trước ngũ dục mà ra. Kẻ tham ngũ dục thời xa lìa chư Phật, chướng ngại sanh thiên, huống là được vô thượng Bồ Đề. *Thứ hai mươi ba*, Bồ Tát nguyện đem căn lành hồi hướng như vậy khiến tất cả chúng sanh đều được vui rất ráo, vui lợi ích, vui bất thọ, vui tịch tịnh, vui vô động, vui

vô lượng, vui bất xả ly sanh tử bất thối chuyển niết bàn, vui bất diệt, và vui nhưt thiết trí. *Thứ hai mươi bốn*, Bồ Tát nguyện vì chúng sanh mà làm điều ngự sư, làm chủ binh thần, cầm đuốc đại trí chỉ đường an ổn khiến chúng sanh lìa hiểm nạn, dùng phương tiện khiến chúng sanh biết chơn thiết nghĩa. Nơi biển sanh tử, chư Bồ Tát làm thuyền trưởng khéo giỏi đủ trí đưa các chúng sanh đến bờ kia. *Thứ hai mươi lăm*, Bồ Tát đem thiện căn hồi hướng như vậy, tùy nghi cứu hộ khiến chúng sanh thoát khỏi sanh tử, thờ cúng tất cả chư Phật, được trí vô ngại, lìa các ma, xa bạn ác, gần bạn lành Bồ Tát, dứt trừ tội lỗi, thành tựu tịnh nghiệp, và đầy đủ hạnh nguyện rộng lớn của Bồ Tát và vô lượng thiện căn. *Thứ hai mươi sáu*, vì các chúng sanh không thể tự cứu, huống là cứu người? Thế nên một mình Bồ Tát lập chí nguyện tu tập thiện căn hồi hướng như vậy, vì muốn quảng độ tất cả chúng sanh, vì muốn chiếu khắp tất cả chúng sanh, vì muốn dẫn dắt tất cả chúng sanh, vì muốn khai ngộ tất cả chúng sanh, vì muốn đoái hoài tất cả chúng sanh, vì muốn nhiếp thọ tất cả chúng sanh, vì muốn thành tựu tất cả chúng sanh, vì muốn khiến tất cả chúng sanh hoan hỷ, vì muốn khiến tất cả chúng sanh vui đẹp, và vì muốn khiến tất cả chúng sanh dứt nghi. *Thứ hai mươi bảy*, Bồ Tát hồi hướng như ánh mặt nhưt chiếu khắp tất cả mà chẳng cầu báo ân; chẳng vì một chúng sanh ác hại mình mà bỏ tất cả chúng sanh khác, nên Bồ Tát chỉ siêng tu tập thiện căn hồi hướng, khiến khắp chúng sanh đều được an lạc. Chúng sanh dầu có kẻ ác muốn hại mình, Bồ Tát đều dung thứ, trọn chẳng do đây mà bỏ thế nguyện. Thiện căn dầu ít, nhưng vì nhiếp khắp chúng sanh, nên Bồ Tát luôn dùng tâm hoan hỷ hồi hướng quảng đại. Nếu có thiện căn mà chẳng muốn lợi ích tất cả chúng sanh thì chẳng gọi là hồi hướng. Tùy một thiện căn dùng khắp chúng sanh làm cảnh sở duyên mới gọi là hồi hướng. *Thứ hai mươi tám*, Bồ Tát tu tập hồi hướng đặt để chúng sanh nơi pháp tánh vô trước. *Thứ hai mươi chín*, Bồ Tát tu tập hồi hướng thấy chúng sanh bất động bất chuyển. *Thứ ba mươi*, Bồ Tát tu tập hồi hướng vô y vô thủ đối với sự hồi hướng. *Thứ ba mươi một*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng lấy tướng thiện căn. *Thứ ba mươi hai*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng phân biệt nghiệp báo thể tánh. *Thứ ba mươi ba*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng tham trước tướng ngũ uẩn. *Thứ ba mươi bốn*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng phá hoại tướng ngũ uẩn. *Thứ ba mươi lăm*, Bồ Tát tu tập hồi hướng mà chẳng chấp trước. *Thứ ba mươi sáu*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng cầu quả báo. *Thứ ba mươi bảy*, Bồ

Tát tu tập hồi hướng chẳng nhiễm trước như duyên. *Thứ ba mươi tám*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng phân biệt như duyên khởi. *Thứ ba mươi chín*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng chấp danh tiếng. *Thứ bốn mươi*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng chấp xứ sở. *Thứ bốn mươi một*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng chấp pháp hư vọng. *Thứ bốn mươi hai*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng chấp chúng sanh tướng, thế giới tướng hay tâm ý tướng. *Thứ bốn mươi ba*, Bồ Tát tu tập chẳng khởi tâm điên đảo, tưởng điên đảo, kiến điên đảo. *Thứ bốn mươi bốn*, Bồ Tát tu tập hồi hướng chẳng chấp đường ngôn ngữ. *Thứ bốn mươi lăm*, Bồ Tát quán tánh chơn thật của chư pháp mà tu tập hồi hướng. *Thứ bốn mươi sáu*, Bồ Tát quán tánh bình đẳng của tất cả chúng sanh mà tu tập hồi hướng. *Thứ bốn mươi bảy*, Bồ Tát dùng ấn pháp giới mà ấn các thiện căn mà tu tập hồi hướng. *Thứ bốn mươi tám*, Bồ Tát quán các pháp lìa tham dục, hiểu các pháp không gieo trồng thì thiện căn lại cũng như vậy mà tu tập hồi hướng. *Thứ bốn mươi chín*, Bồ Tát quán các pháp không hai, không sanh, không diệt mà tu tập hồi hướng. *Thứ năm mươi*, Bồ Tát dùng những thiện căn hồi hướng như vậy mà tu hành pháp đối trị thanh tịnh. *Thứ năm mươi một*, bao nhiêu thiện căn thấy đều tùy thuận pháp xuất thế, chẳng làm hai tướng. *Thứ năm mươi hai*, chẳng phải tức nghiệp mà Bồ Tát tu tập nhứt thiết trí. *Thứ năm mươi ba*, Bồ Tát tu tập nhứt thiết trí, chẳng phải lìa nghiệp mà tu tập nhứt thiết trí. Nhứt thiết trí chẳng phải tức nghiệp, cũng chẳng lìa nghiệp mà được; bởi thanh tịnh nghiệp như bóng sáng, nên quả báo cũng thanh tịnh như bóng sáng; báo như bóng sáng thanh tịnh nên nhứt thiết trí cũng thanh tịnh như bóng sáng. Chư Bồ Tát lìa ngã, ngã sở và tất cả loạn động tư duy phân biệt mà đem các thiện căn tu tập hồi hướng. *Thứ năm mươi bốn*, Bồ Tát tu tập hồi hướng như vậy, luôn độ thoát chúng sanh không thôi, chẳng trụ pháp tướng. Dầu biết các pháp không nghiệp không báo mà khéo hay xuất sanh tất cả nghiệp báo không trái nghịch. Bồ Tát tu tập hồi hướng xa lìa các lỗi và được chư Phật khen ngợi.

Bodhisattvas Save and Support All Sentient Beings

According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, chapter 25 (Ten Dedications), Enlightening Beings save other sentient beings without any mental image of sentient beings: *First*, Enlightening Beings think that, they may use these roots of goodness universally to

benefit all sentient beings, causing them to be purified, to reach the ultimate shore, and to forever leave the innumerable pains and afflictions of the realms of hells, hungry ghosts, animals and asuras (titans). *Second*, when the great Enlightening Beings plant these roots of goodness, they dedicate their won roots of goodness thus. I should be a hostel for all sentient beings, to let them escape from all painful things. I should be a protector for all sentient beings, to let them all be liberated from all afflictions. I should be a refuge for all sentient beings, to free them from all fears. I should be a goal for all sentient beings, to cause them to reach universal knowledge. I should make a resting place for all sentient beings, to enable them to find a place of peace and security. I should be a light for all sentient beings, to enable them to attain the light of knowledge to annihilate the darkness of ignorance. I should be a torch for all sentient beings, to destroy all darkness of nescience. I should be a lamp for all sentient beings, to cause them to abide in the realm of ultimate purity. I should be a guide for all sentient beings, to lead them into the truth. I should be a great leader for all sentient beings, to give them great knowledge. *Third*, Great Enlightening Beings dedicate all foundations of goodness in this way, to equally benefit all sentient beings and ultimately cause them all to attain universal knowledge. Enlightening Beings' protection of and dedication to those who are not their relatives or friends are equal to those for their relatives and friends. Enlightening Beings enter the equal nature of all things, they do not conceive a single thought of not being relatives or friends. Even if there be sentient beings, who have malicious or hostile intentions toward the Enlightening Beings, still the Enlightening Beings also regard them with the eye of compassion and are never angered. *Fourth*, Enlightened Beings are good friends to all sentient beings. They always explain the right teaching for sentient beings, so that they may learn and practice it. *Fifth*, Enlightening beings dedicate because they are just as the ocean which cannot be changed or destroyed by all poisons. The various oppressive afflictions of all the ignorant, the unwise, the ungrateful, the wrathful, those poisoned by covetousness, the arrogant and conceited, the mentally blind and deaf, those who do not know what is good, and other such evil sentient beings, cannot disturb the Enlightening Beings; they are just as the sun, appearing in the world not concealed because those

who are born blind do not see it, not hidden by the obstruction of such things as mirages, eclipses, trees, high mountains, deep ravines, dust, mist, smoke, or clouds, not concealed by the change of seasons. Enlightening Beings dedicate with great virtues, with deep and broad minds. They dedicate because they want ultimate virtue and knowledge, their minds aspire to the supreme truth; the light of truth illumines everywhere and they perceive the meanings of everything. Their knowledge freely commands all avenues of teaching, and in order to benefit all sentient beings they always practice virtuous ways, never mistakenly conceiving the idea of abandoning sentient beings. *Sixth*, Enlightening Beings do not reject sentient beings and fail to cultivate dedication because of the meanness of character of sentient beings, or because their erroneous will, ill-will and confusion are hard to quell. *Seventh*, Enlightening Beings just array themselves with the armor of great vows of Enlightening Beings, saving sentient beings without ever retreating. *Eighth*, Enlightening Beings do not withdraw from enlightening activity and abandon the path of enlightenment just because sentient beings are ungrateful. *Ninth*, Enlightening Beings do not get sick of sentient beings just because ignoramuses altogether give up all the foundations of goodness which accord with reality. *Tenth*, Enlightening Beings do not retreat because sentient beings repeatedly commit excesses and evils which are hard to bear. *Eleventh*, Great Enlightening Beings do not cultivate roots of goodness and dedicate them to complete perfect enlightenment just for the sake of one sentient being; it is in order to save and safeguard all sentient beings everywhere that they cultivate roots of goodness and dedicate them to unexcelled complete perfect enlightenment. *Twelfth*, it is not purify just one Buddha-land, not because of belief in just one Buddha, not just to see one Buddha, not just to comprehend one doctrine that they initiate the determination for great knowledge and dedicate it to unexcelled complete perfect enlightenment. It is to purify all Buddha-lands, out of faith in all Buddhas, to serve all Buddhas, to understand all Buddha-teachings, that they initiate great vows, cultivate the foundations of goodness, and dedicate them to unexcelled complete perfect enlightenment. *Thirteenth*, Enlightening Beings vow that: "By my roots of goodness, may all creatures, all sentient beings, be purified! May they be filled with virtues which cannot be ruined and are

inexhaustible! May they always gain respect! May they have right mindfulness and unflinching recollection! May they attain sure discernment! May they be replete with an immeasurable knowledge. May all virtues of physical, verbal and mental action fully adorn them!” *Fourteenth*, Bodhisattvas use these roots of goodness to cause all sentient beings to serve all Buddhas, to their unflinching benefit, to cause all sentient beings’ pure faith to be indestructible, to cause all sentient beings to hear the true teaching, cut off all doubt and confusion, remember the teaching without forgetting it, to cause all sentient beings to cultivate in accord with the teaching, to cause sentient beings to develop respect for the enlightened, to cause sentient beings to act with purity, to rest securely on innumerable great foundations of goodness, to cause all sentient beings to be forever free from poverty, to cause all sentient beings to be fully equipped with the seven kinds of wealth (faith, vigor, shame, learning, generosity, concentration and wisdom), to cause all sentient beings to always learn from the Buddha, to perfect innumerable roots of goodness, to cause sentient beings to attain impartial understanding, to abide in omniscience, to look upon all sentient beings equally with unobstructed eyes, to adorn their bodies with all marks of greatness, without any flaws, beautiful voices, replete with all fine qualities, to have control over their senses, to accomplish the ten powers, to be filled with good will, to dwell or depend on nothing, to cause all sentient beings to attain the enjoyments of Buddhahood and abide in the abode of Buddhas. *Fifteenth*, seeing sentient beings doing all sorts of bad things and suffering all sorts of misery and pain, and being hindered by this from seeing the Buddha, hearing the teaching and recognizing the community, the enlightening beings vow to enter those states of woe, take on the various miseries in place of the sentient beings, to cause them to be free. *Sixteenth*, Enlightening Beings suffer pain in this way, but they are not discouraged. In the contrary, they vigorously cultivate without ceasing because they are determined to carry all sentient beings to liberation. They are determined to save all sentient beings and to enable them to attain emancipation, so that they can be free from the realm of pain and troubles of birth, old age, sickness, and death. They are determined to save all sentient beings from revolving in erroneous views, bereft of qualities of goodness. They are

determined to save all sentient beings who are wrapped up in the web of attachments, covered by the shroud of ignorance, clinging to all existents, pursuing them unceasingly, entering the cage of suffering, acting like maniacs, totally void of virtue or knowledge, always doubtful and confused, do not perceive the place of peace, do not know the path of emancipation, revolve in birth and death without rest, and always submerged in the mire of suffering. *Seventeenth*, Enlightening Beings are not seeking liberation for themselves, but they want to use what they practice to cause all sentient beings become supreme sovereign of knowledge, attain the omniscient mind, cross over the flow of birth and death, and be free from all suffering. *Eighteenth*, Enlightening Beings vow to accept all sufferings for the sake of all sentient beings, and enable them to escape from the abyss of immeasurable woes of birth and death. *Nineteenth*, Enlightening Beings always vow to accept all sufferings for the sake of all sentient beings in all worlds, in all states of misery forever, but still always cultivate foundations of goodness for the sake of all beings. *Twentieth*, Enlightening Beings vow that they would rather take all this sufferings on themselves than allow sentient beings to fall into hell, animal, hungry ghost, and asura realms. *Twenty-first*, Enlightening Beings vow to protect all sentient beings and never abandon them. This is a sincere vow because they set their mind on enlightenment in order to liberate all sentient beings, not seeking the unexcelled way for their own sake. *Twenty-second*, Enlightening Beings do not cultivate enlightening practice in search of pleasure or enjoyment. Why? Because mundane pleasures are all sufferings and mundane pleasures are the realms of maniacs. Only craved by ignorant people, but scorned by Buddhas because all misery arises from them. The anger, fighting, mutual defamation and such evils of the realms of hells, ghosts, animals and asuras are all caused by greedy attachment to objects of desire. By addiction to desires, one become estranged from the Buddhas and hindered from birth in heaven, to say nothing of unexcelled complete perfect enlightenment. *Twenty-third*, Enlightening Beings vow to dedicate roots of goodness to enable all sentient beings to attain ultimate bliss, beneficial bliss, the bliss of nonreception, the bliss of dispassionate tranquility, the bliss of imperturbability, immeasurable bliss, the bliss of not rejecting birth and death yet not regressing from

nirvana, undying bliss, and the bliss of universal knowledge. *Twenty-fourth*, for all sentient beings, Enlightening Beings vow to be a charioteer, to be a leader, to be holding the torch of great knowledge and showing the way to safety and peace, freeing them from danger, to use appropriate means to inform sentient beings of the truth. In the ocean of birth and death, they are skillful captains of the ship, who know how to deliver sentient beings to the other shore. *Twenty-fifth*, Enlightening Beings dedicate all their roots of goodness and save sentient beings by employing means appropriate to the situation to cause them to emerge from birth and death, to serve and provide for all the Buddhas, to attain unhindered, omniscient knowledge, to abandon all maniacs and bad associates, to approach all Enlightening Beings and good associates, to annihilate all error and wrongdoing, to perfect pure behavior, and to fulfill the great practical vows and innumerable virtues of Enlightening Beings. *Twenty-sixth*, sentient beings cannot save themselves, how can they save others? Only Enlightening Beings have this unique determination of cultivating amass roots of goodness and dedicate them in this way to liberate all sentient beings, to illumine all sentient beings, to guide all sentient beings, to enlighten all sentient beings, to watch over and attend to all sentient beings, to take care of all sentient beings, to perfect all sentient beings, to gladden all sentient beings, to bring happiness to all sentient beings, and to cause all sentient beings to become freed from doubt. *Twenty-seventh*, Enlightening Beings' dedications should be like the sun shining universally on all without seeking thanks or reward; not abandoning all sentient beings because one sentient being is evil, just diligently practicing the dedications of roots of goodness to cause all sentient beings to attain peace and ease. Enlightening Beings are able to take care of all sentient beings even if they are bad, never giving up their vows on this account. Even if their roots of goodness be few, but because they want to embrace all sentient beings, so they always make a great dedication with a joyful heart. If one has roots of goodness but does not desire to benefit all sentient beings that is not called dedication. When every single root of goodness is directed toward all sentient beings that is called dedication. *Twenty-eighth*, Enlightening Beings cultivate dedication to place sentient beings in the true nature of things where there is no attachment. *Twenty-ninth*, Enlightening

Beings cultivate dedication to see that the intrinsic nature of sentient beings doesn't move or change. *Thirtieth*, Enlightening Beings cultivate dedication without depending on or grasping dedication. *Thirty-first*, Enlightening Beings cultivate dedication without attachment to the appearances of roots of goodness. *Thirty-second*, Enlightening Beings cultivate dedication without false ideas about essential nature of consequences of actions. *Thirty-third*, Enlightening Beings cultivate dedication without attachment to the characteristics of the five clusters of material and mental existence. *Thirty-fourth*, Enlightening Beings cultivate dedication without destroying the characteristics of the five clusters. *Thirty-fifth*, Enlightening Beings cultivate dedication without grasping action. *Thirty-sixth*, Enlightening Beings cultivate dedication without seeking reward. *Thirty-seventh*, Enlightening Beings cultivate dedication without attachment to causality. *Thirty-eighth*, Enlightening Beings cultivate dedication without imagining what is producing by causality. *Thirty-ninth*, Enlightening Beings cultivate dedication without attachment to reputation. *Fortieth*, Enlightening beings cultivate dedication without attachment to location. *Forty-first*, Enlightening Beings cultivate dedication without attachment to unreal things. *Forty-second*, Enlightening Beings cultivate dedication without attachment to images of sentient beings, the world, or mind. *Forty-third*, Enlightening Beings cultivate dedication without creating delusions of mind, delusions of concepts, or delusions of views. *Forty-fourth*, Enlightening Beings cultivate dedication without attachment to verbal expression. *Forty-fifth*, Enlightening Beings cultivate dedication observing the true nature of all things. *Forty-sixth*, Enlightening beings cultivate dedication observing the aspects in which all sentient beings are equal. *Forty-seventh*, Enlightening Beings cultivate dedication stamping all roots of goodness with the seal of the realm of truth. *Forty-eighth*, Enlightening Beings cultivate dedication observing all things dispassionately; they understand that all things have no propagation and that roots of goodness are also thus. *Forty-ninth*, Enlightening Beings cultivate dedication observing that things are nondual, unborn, and unperishing. *Fiftieth*, Enlightening Beings use such roots of goodness to cultivate and practice pure methods of curing spiritual ills. *Fifty-first*, all of their roots of goodness are in accord with transcendental principles, but they do not conceive of them

dualistically. *Fifty-second*, it is not in their deeds that they cultivate omniscience. *Fifty-third*, Enlightening Beings cultivate omniscience, but it is not apart from deeds that they cultivate omniscience. Omniscience is not identical to action, but omniscience is not attained apart from action either. Because their action is pure as light, the consequences are also pure as light; because the consequences are pure as light, omniscience is also pure as light. They detach from all confusions and thoughts of self and possession, Enlightening Beings skillfully cultivate dedication of all roots of goodness. *Fifty-fourth*, Enlightening Beings cultivate dedication in this way to liberate sentient beings ceaselessly; they do not dwell on appearances. Though they know that in all things there is no action and no consequences, yet they can skillfully produce all deeds and consequences without opposition or contention. Enlightening Beings cultivate dedication, free from all faults and are praised by all Buddhas.

Chương Chín
Chapter Nine

Chúng Sanh Bệnh Nền Bồ Tát Bệnh

Trong đạo Phật, một người chưa giác ngộ là một người bệnh. Phương thức và tiến trình chữa bệnh là đi vào ước vọng đạt được đại giác. Theo kinh Duy Ma Cật, thời Phật còn tại thế, một hôm cư sĩ Duy Ma Cật lâm bệnh, nên Đức Phật kêu trong hàng đại đệ tử của ngài, hết người này đến người kia đi thăm bệnh Duy Ma Cật dùm ngài, nhưng ai cũng từ chối, rốt cuộc ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chịu nhận lãnh sứ mệnh đi thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật. Lúc bấy giờ Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm ta.” Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Bực thượng nhưn kia khó bề đối đáp, vì ông ấy rất thâm đạt thực tướng, khéo nói pháp mầu, trí tuệ vô ngại, biện tài thông suốt, rõ thấu phương pháp tu trì của tất cả Bồ Tát, thâm nhập kho tạng bí mật của chư Phật, hàng phục các ma, thần thông tự tại và trí tuệ phương tiện đều được rất ráo. Tuy thế, con xin vâng thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông.” Lúc ấy, trong đại chúng các hàng Bồ Tát và hàng đại đệ tử, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương đều nghĩ rằng: “Hôm nay hai vị đại sĩ Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật cùng nhau đàm luận tất nói pháp mầu.” Tức thời, tám ngàn Bồ Tát, năm trăm Thanh Văn và trăm ngàn Thiên nhưn đều muốn đi theo. Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi cùng các Bồ Tát, đại đệ tử và các hàng Thiên nhưn cùng nhau cung kính đi vào thành Tỳ Xá Ly. Lúc ấy trưởng giả Duy Ma Cật thâm nghĩ: “Nay đây ngài Văn Thù Sư Lợi cùng đại chúng đồng đến viếng thăm.” Ông liền dùng sức thần thông làm cho trong nhà trống rỗng, không có vật chi và cũng không có người thị giả nào, chỉ để một chiếc giường cho ông nằm bệnh. Khi ngài Văn Thù Sư Lợi vào nhà ông Duy Ma Cật rồi, thấy trong nhà trống rỗng không có vật chi, chỉ có một mình ông nằm trên giường mà thôi, khi ấy ông Duy Ma Cật chào rằng: “Quý hóa thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi mới đến! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy.” Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Phải đấy, cư sĩ! Nếu đã đến tức là không đến, nếu đã đi tức là không đi. Vì sao? Đến không từ đâu đến, đi không đến nơi đâu, hễ có thấy tức là không thấy. Thôi việc ấy hãy để đó. Cư sĩ bệnh có chịu nổi được không? Điều trị có bớt không? Bệnh không đến nổi tăng

ư? Thế Tôn ân cần hỏi thăm chi tiết. Bệnh cư sĩ như đầu mà sanh, sanh đã bao lâu, phải thế nào mới mạnh được? Ông Duy Ma Cát đáp: “Từ nơi si mà có ái, bệnh tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh, nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh không bệnh, thì bệnh tôi lành. Vì sao? Bồ Tát vì chúng sanh mà vào đường sanh tử, hễ có sanh thời có bệnh, nếu chúng sanh khỏi bệnh thì Bồ Tát không có bệnh. Ví như ông trưởng giả chỉ có một người con, hễ người con bệnh, thì cha mẹ cũng bệnh; nếu bệnh của con lành, cha mẹ cũng lành. Bồ Tát cũng thế! Đối với tất cả chúng sanh, thương mến như con, nên chúng sanh bệnh, Bồ Tát cũng bệnh; chúng sanh lành, Bồ Tát cũng lành.

***Sentient Beings Are Subject to Illness,
So Bodhisattvas Are Ill As Well***

In Buddhism, a person who is not enlightened is “ill” by definition. The healing process into the aspiration to attain enlightenment. According to the Vimalakirti Sutra, at the time of the Buddha, one day Upasaka Vimalakirti was sick, the Buddha asked his great disciples, one after another, to call on Vimalakirti to enquire after his health, but no one dared to accept. Eventually, Manjusri Bodhisattva accepted the Buddha’s command to call on Vimalakirti to enquire after his health. The Buddha then said to Manjusri: “You call on Vimalakirti to enquire after his health.” Manjusri said: “World Honoured One, he is a man of superior wisdom and it is not easy to match him (in eloquence). For he has reached reality, and is a skillful expounder of the essentials of the Dharma. His power of speech is unhindered and his wisdom is boundless. He is well versed in all matters pertaining to Bodhisattva development for he has entered the mysterious treasury of all Buddhas. He has overcome all demons, has achieved all transcendental powers and has realized wisdom by ingenious devices (upaya). Nevertheless, I will obey the holy command and will call on him to enquire after his health.” The Bodhisattvas, the chief disciples of the Buddha and the rulers of the four heavens who were present, thought to themselves: “As the two Mahasattvas will be meeting, they will certainly discuss the profound Dharma.” So, eight thousand Bodhisattvas, five hundred sravakas and hundreds and thousands of devas wanted to follow Manjusri. So Manjusri, reverently surrounded by the Bodhisattvas, the

Buddha's chief disciples and the deva, made for Vaisali town. Vimalakirti, who knew in advance that Manjusri and his followers would come, used his transcendental powers to empty his house of all attendants and furniture except a sick bed. When entering the house Manjusri saw only Vimalakirti lying on sick bed, and was greeted by the upasaka, who said: "Welcome, Manjusri, you come with no idea of coming and you see with no idea of seeing." Manjusri replied: "It is so, Venerable Upasaka, coming should not be further tied to (the idea of) coming, and going should not be further linked with (the concept of) going. Why? Because there is neither whence to come nor whither to go, and that which is visible cannot further be (an object of) seeing. Now, let us put all this aside. Venerable Upasaka, is your illness bearable? Will it get worse by wrong treatment? The World Honoured One sends me to enquire after your health, and is anxious to have good news of you. Venerable Upasaka, where does your illness come from; how long has it arisen, and how will it come to an end?" Vimalakirti replied: "Stupidity leads to love which is the origin of my illness. Because all living beings are subject to illness I am ill as well. When all living beings are no longer ill, my illness will come to an end. Why? A Bodhisattva, because of (his vow to save) living beings, enters the realm of birth and death which is subject to illness; if they are all cured the Bodhisattva will no longer be ill. For instance, when the only son of an elder falls ill, so do his parents, and when he recovers his health, so do they. Likewise, a Bodhisattva loves all living beings as if they were his sons; so when they fall ill, the Bodhisattva is also ill, and when they recover, he is no longer ill."

Chương Mười **Chapter Ten**

Sự Thanh Tịnh Của Chư Bồ Tát

Có Mười Nguyên Thanh Tịnh Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 18, có mười nguyên thanh tịnh của chư Bồ Tát. Nguyên thành thực chúng sanh không mỗi nhàm. Nguyên làm đủ điều lành để nghiêm tịnh thế giới. Nguyên thừa sự và tôn kính Như Lai. Nguyên hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng. Nguyên dùng trí quán sát vào các Phật độ. Nguyên cùng các Bồ Tát đồng một thể tánh. Nguyên vào cửa Như Lai và biết rõ các pháp. Nguyên người thấy sanh tín tâm và được lợi lạc. Nguyên thần lực trụ thế tận kiếp vị lai. Nguyên đủ Phổ Hiền hạnh tu tập môn nhất thiết chủng trí.

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 18, có mười loại thanh tịnh của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong bất phóng dật thời đạt được mười điều thanh tịnh. *Thứ nhất* là thực hành đúng như lời nói. *Thứ nhì* là niệm trí được thành tựu. *Thứ ba* là trụ nơi thâm định, chẳng trầm chẳng điệu. *Thứ tư* là thích cầu Phật pháp không lười bỏ. *Thứ năm* là quán sát đúng lý những pháp được nghe, sanh diệu trí huệ. *Thứ sáu* là nhập thâm thiền định và được thần thông của chư Phật. *Thứ bảy* là tâm bình đẳng, không cao hạ. *Thứ tám* là không tâm chướng ngại đối với chúng sanh loại thượng trung hạ, bình đẳng lợi ích như đại địa. *Thứ chín* là nếu thấy chúng sanh dầu chỉ một phen phát tâm Bồ Đề, thời tôn trọng kính thờ xem như những bậc thầy. *Thứ mười* là đối với Hòa Thượng và A Xà Lê thọ giới, chư Bồ Tát, các thiện tri thức, các Pháp Sư luôn tôn trọng kính thờ. **Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 36, chư Bồ Tát sống với mười nguyên tắc có thể hóa thân trong mười thứ thanh tịnh:** *Thứ nhất* là thông đạt thâm tâm pháp thanh tịnh. *Thứ nhì* là thân cận thiện tri thức thanh tịnh. *Thứ ba* là hộ trì chư Phật pháp thanh tịnh. *Thứ tư* là liễu đạt hư không giới thanh tịnh. *Thứ năm* là thâm nhập pháp giới thanh tịnh. *Thứ sáu* là quán sát vô biên tâm thanh tịnh. *Thứ bảy* là cùng Bồ Tát đồng thiện căn thanh tịnh. *Thứ tám* là quán sát tam thế thanh tịnh. *Thứ chín* là chẳng chấp trước các kiếp thanh tịnh. *Thứ mười* là tu hành tất cả Phật pháp thanh tịnh. **Cũng theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, lại có mười loại thanh tịnh đạt bởi chư Đại Bồ Tát khi họ**

phát khởi mười Tâm: *Thứ nhất* là thâm tâm thanh tịnh, vì đến nơi rốt ráo không mất hư. *Thứ nhì* là sắc thân thanh tịnh, vì tùy sở nghi để thị hiện. *Thứ ba* là âm thanh thanh tịnh vì rõ thấu tất cả ngữ ngôn. *Thứ tư* là biện tài thanh tịnh vì khéo nói vô biên Phật pháp. *Thứ năm* là trí huệ thanh tịnh vì đoạn trừ tất cả tối ám ngu si. *Thứ sáu* là thọ sanh thanh tịnh vì đầy đủ sức tự tại của Bồ Tát. *Thứ bảy* là quyến thuộc thanh tịnh vì thành tựu những thiện căn cho các chúng sanh đồng hạnh thọ quả khứ. *Thứ tám* là quả báo thanh tịnh vì diệt trừ tất cả những nghiệp chướng. *Thứ chín* là đại nguyện thanh tịnh, vì cùng chư Bồ Tát tánh không hai. *Thứ mười* là công hạnh thanh tịnh, vì dùng hạnh Phổ Hiền mà xuất ly. **Cũng theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, lại có mười loại thanh tịnh đạt bởi chư Đại Bồ Tát:** *Thứ nhất* là thâm tâm thanh tịnh. *Thứ nhì* là đoạn nghi thanh tịnh. *Thứ ba* là ly kiến thanh tịnh. *Thứ tư* là cảnh giới thanh tịnh. *Thứ năm* là cầu như thiết trí thanh tịnh. *Thứ sáu* là biện tài thanh tịnh. *Thứ bảy* là vô úy thanh tịnh. *Thứ tám* là trụ tất cả Bồ Tát trí thanh tịnh. *Thứ chín* là thọ tất cả Bồ Tát trí thanh tịnh. *Thứ mười* là đầy đủ thành tựu vô thượng Bồ Đề, ba mươi hai tướng và trăm phước, pháp bạch tịnh tất cả thiện căn thanh tịnh.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thanh tịnh từ của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thanh tịnh từ quảng đại vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là thanh tịnh từ tâm bình đẳng, vì nhiếp (lo lắng) khắp chúng sanh không lựa chọn. *Thứ nhì* là thanh tịnh từ lợi ích, vì mang lại lợi ích cho chúng sanh bất cứ thứ gì làm được. *Thứ ba* là thanh tịnh từ nhiếp người đồng như mình, vì rốt ráo đều làm cho ra khỏi sanh tử. *Thứ tư* là thanh tịnh từ chẳng bỏ thế gian, vì tâm thường duyên niệm chứa nhóm thiện căn. *Thứ năm* là thanh tịnh từ có thể đến giải thoát, vì khiến khắp chúng sanh trừ diệt tất cả phiền não. *Thứ sáu* là thanh tịnh từ xuất sanh Bồ Đề, vì khiến khắp chúng sanh phát tâm cầu như thiết trí. *Thứ bảy* là thanh tịnh từ thế gian vô ngại, vì phóng đại quang minh bình đẳng chiếu khắp. *Thứ tám* là thanh tịnh từ đầy khắp hư không, vì cứu hộ chúng sanh không xứ nào chẳng đến. *Thứ chín* là thanh tịnh từ pháp duyên, chúng pháp như như chơn thiết. *Thứ mười* là thanh tịnh từ vô duyên, vì nhập Bồ Tát ly sanh tánh.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thanh tịnh bi của chư Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thanh tịnh bi quảng đại vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là thanh tịnh bi không bạn

bè, vì riêng mình phát tâm đó. *Thứ nhì* là thanh tịnh bi không mỗi nhàm, vì thay thế tất cả chúng sanh thọ khổ chẳng cho là khó nhọc. *Thứ ba* là thanh tịnh bi thọ sanh ở xứ nạn, với mục đích cứu độ chúng sanh bị nạn. *Thứ tư* là thanh tịnh bi thọ sanh ở đường lành vì thị hiện vô thường. *Thứ năm* là thanh tịnh bi vì những chúng sanh tà định, mà nhiều kiếp chẳng bỏ hoàng thệ. *Thứ sáu* là thanh tịnh bi chẳng nhiễm trước sự vui của mình, vì cho khắp chúng sanh sự sung sướng. *Thứ bảy* là thanh tịnh bi chẳng cầu báo ân, vì tu tâm trong sạch. *Thứ tám* là thanh tịnh bi có thể trừ điên đảo, vì nói pháp như thiệt. *Thanh tịnh bi thứ chín* bao gồm việc chư Bồ Tát khởi đại bi nơi chúng sanh; biết tất cả pháp bốn tánh thanh tịnh không nhiễm trước, không nhiệt não, vì do khách trần phiền não nên thọ những điều khổ. Tâm đại bi này được gọi là bốn tánh thanh tịnh vì chúng sanh mà diễn thuyết pháp vô cấu thanh tịnh. *Thanh tịnh đại bi thứ mười* vì biết chư pháp như dấu chim bay giữa không gian, biết chúng sanh si lừa chẳng thể quán sát biết rõ các pháp. Thấy vậy, chư Bồ Tát phát khởi tâm đại bi chơn thiệt trí, khai thị cho chúng sanh pháp Niết bàn.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười thanh tịnh hỷ của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thanh tịnh hỷ quảng đại vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là thanh tịnh hỷ phát Bồ Đề tâm. *Thứ nhì* là thanh tịnh hỷ xả bỏ tất cả sở hữu. *Thứ ba* là thanh tịnh hỷ chẳng ghét bỏ chúng sanh phá giới, mà giáo hóa cho họ được thành tựu. *Thứ tư* là thanh tịnh hỷ có thể thọ nhẫn chúng sanh tạo ác mà thệ nguyện cứu độ họ. *Thứ năm* là thanh tịnh hỷ xả thân cầu pháp, chẳng sanh lòng hối tiếc. *Thứ sáu* là thanh tịnh hỷ từ bỏ dục lạc, thường thích pháp lạc. *Thứ bảy* là thanh tịnh hỷ làm cho tất cả chúng sanh bỏ dục lạc vật chất, thường thích pháp lạc. *Thứ tám* là thanh tịnh hỷ thấy chư Phật thời cung kính cúng dường không nhàm đủ, an trụ nơi pháp giới bình đẳng. *Thứ chín* là thanh tịnh hỷ làm cho tất cả chúng sanh ưa thích thiền định, giải thoát, tam muội, tự tại du hý nhập xuất. *Thanh tịnh hỷ thứ mười* bao gồm lòng ưa thích đầy đủ công hạnh, thuận tất cả khổ hạnh của Bồ Tát đạo và chứng được tịnh huệ tịch tịnh bất động của các bậc Hiền Thánh.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười thanh tịnh xả của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thanh tịnh xả quảng đại vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là chẳng sanh lòng ái trước với tất cả những chúng sanh cung kính cúng dường. *Thứ nhì* là chẳng

sanh lòng oán giận với những chúng sanh khinh mạn hủy báng mình. *Thứ ba* là thường đi trong thế gian, mà chẳng bị các pháp thế gian (tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng) làm nhiễm. *Thứ tư* là hóa độ chúng sanh hợp thời hợp lúc; đối với chúng sanh khó hóa độ cũng không đem lòng ghét bỏ. *Thứ năm* là chẳng cầu pháp học và vô học của Nhị thừa. *Thứ sáu* là tâm thường xa lìa tất cả dục lạc đưa đến phiền não. *Thứ bảy* là chẳng khen hàng nhị thừa nhằm lìa sanh tử. *Thứ tám* là xa lìa tất cả lời thế gian, lời phi Niết bàn, lời phi ly dục, lời chẳng thuận lý, lời não loạn người khác, lời Thanh Văn Duyên Giác, và những lời làm chướng Bồ Tát đạo. *Thanh tịnh xả thứ chín* là chờ đúng thời hóa độ những chúng sanh đã thành thực phát sanh niệm huệ, nhưng chưa biết được pháp tối thượng và đúng thời giáo hóa chúng sanh đã được Bồ Tát giáo hóa thuở trước, nhưng phải đợi đến khi Bồ Tát thành Phật quả mới độ được. *Thanh tịnh xả thứ mười* là không quan niệm cao hạ với chúng sanh, xa rời thủ xả, xa lìa tất cả những phân biệt và hằng trụ chánh định bằng cách nhập pháp như thật và tâm được kham nhẫn.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp thanh tịnh thí của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được bố thí quảng đại thanh tịnh vô thượng của Như Lai. Còn gọi là Hỷ Xả hay Tịnh Xả, đây là một trong hai loại bố thí. Thanh tịnh bố thí là loại bố thí mà người cho không mong đền trả, không mong được tiếng tăm hay phước báu trong cõi nhân thiên, chỉ mong gieo trồng chủng tử Niết Bàn. *Thứ nhất* là bình đẳng bố thí, vì chẳng lựa chúng sanh. *Thứ nhì* là tùy ý bố thí vì thỏa mãn chỗ nguyện cầu. *Thứ ba* là chẳng loạn bố thí, vì làm cho được lợi ích. *Thứ tư* là tùy nghi bố thí, vì biết thượng, trung, hạ. *Thứ năm* là chẳng trụ bố thí, vì chẳng cầu quả báo. *Thứ sáu* là mở rộng xả bố thí, vì tâm chẳng luyến tiếc. *Thứ bảy* là tất cả bố thí, vì rốt ráo thanh tịnh. *Thứ tám* là hồi hướng Bồ Đề bố thí, vì xa rời hữu vi vô vi. *Thứ chín* là giáo hóa chúng sanh bố thí, vì nhắm đến đạo tràng chẳng bỏ. *Thứ mười* là tam luân thanh tịnh bố thí, vì chánh niệm quán sát người thí, kẻ thọ, và vật thí như hư không.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thanh tịnh giới của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thanh tịnh giới vô thượng không lỗi lầm của chư Như Lai. *Thứ nhất* là thân thanh tịnh giới, vì giữ gìn ba điều ác nơi thân. *Thứ nhì* là ngữ thanh tịnh giới, vì xa lìa các lỗi nơi lời nói. *Thứ ba* là tâm thanh tịnh giới, vì mãi mãi xa

liã tham, sân, tà kiến. *Thứ tư* là thanh tịnh giới chẳng phá tất cả học xứ, vì làm tôn chủ trong tất cả nhơn thiên. *Thứ năm* là thanh tịnh giới thủ hộ tâm Bồ Đề, vì chẳng ham thích tiểu thừa tự độ. *Thứ sáu* là thanh tịnh giới giữ gìn điều chế qui luật của Đức Phật, vì nhĩn đến tội vi tế cũng sanh lòng e sợ. *Thứ bảy* là thanh tịnh giới ẩn mật hộ trì, vì khéo cứu chúng sanh phạm giới. *Thứ tám* là thanh tịnh giới chẳng làm các điều ác, vì thế tu tất cả các pháp lành. *Thứ chín* là thanh tịnh giới xa liã tất cả kiến chấp hữu lậu, vì không chấp nơi giới. *Thứ mười* là thanh tịnh giới thủ hộ tất cả chúng sanh, vì phát khởi đại bi.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười thanh tịnh nhĩn của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được pháp nhĩn vô thượng chẳng do tha ngộ của tất cả chư Phật. *Thứ nhất* là thanh tịnh nhĩn an thọ sự mĩng nhục, vì thủ hộ các chúng sanh. *Thứ nhì* là thanh tịnh nhĩn an thọ dao gậy, vì khéo hộ trì mình và người. *Thứ ba* là thanh tịnh nhĩn chẳng sanh giận hại, vì nơi tâm chẳng động. *Thứ tư* là thanh tịnh nhĩn chẳng chê trách kẻ ty tiện, vì người trên hay rộng lượng. *Thứ năm* là thanh tịnh nhĩn có ai về nương đều cứu độ, vì xả bỏ thân mạng mình. *Thứ sáu* là thanh tịnh nhĩn xa liã ngã mạn, vì chẳng khinh kẻ chưa học. *Thứ bảy* là thanh tịnh nhĩn bị tàn hại hủy bĩng chẳng sân hận, vì quán sát như huyễn. *Thứ tám* là thanh tịnh nhĩn bị hại không báo oán, vì chẳng thấy mình và người. *Thứ chín* là thanh tịnh nhĩn chẳng theo phiĩn nĩn, vì xa liã tất cả cảnh giới. *Thứ mười* là thanh tịnh nhĩn tùy thuận chơn thiết trí của Bồ Tát biết tất cả các pháp vô sanh, vì chẳng do người dạy mà được nhập cảnh giới nhưĩ thiết trí.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười pháp tinh tấn thanh tịnh của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại tinh tấn thanh tịnh vô thượng của chư Như Lai. *Thứ nhất* là thân thanh tịnh tinh tấn, vì thừa sự cúng dường chư Phật, Bồ Tát, và các sư trưởng, tôn trọng phước điền, và chẳng bao giờ thối chuyển. *Thứ nhì* là ngữ thanh tịnh tinh tấn, vì tùy pháp đã nghe rộng vì người mà diễn thuyết không mỗi mệt và tán thán công đức của chư Phật không mỗi mệt. *Thứ ba* là ý thanh tịnh tinh tấn, vì khéo nhập xuất những hạnh sau đây không ngừng nghỉ: từ, bi, hỷ, xả, thiền định, giải thoát và tam muội. *Thứ tư* là tâm chánh trực thanh tịnh tinh tấn, vì không dối trá, xu nĩn, tà vạy và hư giả, và siĩng tu không thối chuyển. *Thứ năm* là tâm tăng thĩng thanh tịnh tinh tấn, vì thường cầu thượng thượng trí huệ và nguyện đủ tất cả pháp bạch tịnh. *Thứ sáu* là thanh tịnh tinh tấn chẳng

luống bỏ, vì nhiếp lấy bố thí, trì giới, nhẫn nhục, đa văn và bất phóng dật và tiếp tục tu hành những pháp này nhĩn đến Bồ Đề mà không ngừng nghỉ giữa chừng. *Thứ bảy* là hàng phục ma quân thanh tịnh tinh tấn, vì đều có thể trừ diệt tham, sân, si, tà kiến, triền cái và phiền não. *Thứ tám* là thành tựu viên mãn trí huệ quang minh thanh tịnh tinh tấn, vì khéo quán sát mọi việc làm, khiến tất cả mọi việc đều rất ráo, chẳng để phải ăn năn về sau, và đạt được Phật bất cộng pháp. *Thứ chín* là vô lai vô khứ thanh tịnh tinh tấn, vì được trí như thật, nhập môn pháp giới, thân khẩu ý đều bình đẳng, hiểu rõ tướng tức vô tướng và không chấp trước. *Thứ mười* là thành tựu pháp quang thanh tịnh tinh tấn, vì vượt quá các địa, được Phật quán đảnh, dùng thân vô lậu mà thị hiện tử sanh, xuất gia thành đạo, thuyết pháp diệt độ, và đầy đủ sự Phổ Hiền như vậy.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười thanh tịnh thiền định của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại thanh tịnh thiền vô thượng của chư Như Lai. *Thứ nhất* là thanh tịnh thiền thường thích xuất gia, vì rời bỏ tất cả sở hữu. *Thứ nhì* là thanh tịnh thiền được chơn thiện hữu, vì chỉ dạy chánh đạo. *Thứ ba* là thanh tịnh thiền an trụ trong rừng thẳm, an nhĩn những gió mưa, vì lìa ngã và ngã sở. *Thứ tư* là thanh tịnh thiền lìa chúng sanh ồn náo, vì thường thích tịch tịnh. *Thứ năm* là thanh tịnh thiền tâm nghiệp điều nhu, vì thủ hộ các căn. *Thứ sáu* là thanh tịnh thiền tâm trí tịch diệt, vì tất cả âm thanh những chướng thiền định chẳng thể làm loạn. *Thanh tịnh thiền thứ bảy* bao gồm giác đạo phương tiện và quán sát và hiện chứng tất cả những phương tiện này. *Thanh tịnh thiền thứ tám* bao gồm rời bỏ tham đắm và chẳng tham chẳng bỏ cõi dục. *Thanh tịnh thiền thứ chín* bao gồm phát khởi thông minh và biết rõ tất cả căn tánh của chúng sanh. *Thanh tịnh thiền thứ mười* bao gồm tự tại du hý, nhập Phật tam muội, và biết vô ngã.

Cũng theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười thanh tịnh Huệ của chư Đại Bồ Tát: Chư Bồ Tát an trụ trong mười trí này thời được đại trí huệ vô ngại của chư Như Lai. *Thứ nhất* là thanh tịnh huệ biết tất cả nhơn, vì chẳng chối từ quả báo. *Thứ nhì* là thanh tịnh huệ biết tất cả các duyên vì chẳng lơ là sự hòa hiệp. *Thứ ba* là thanh tịnh huệ biết chẳng đoạn chẳng thường, vì thấu rõ thực chất của duyên khởi. *Thứ tư* là thanh tịnh huệ trừ tất cả kiến chấp, vì không thủ xả nơi tướng chúng sanh. *Thứ năm* là thanh tịnh huệ quán tâm hành của tất cả chúng sanh,

vì biết rõ như huyễn. *Thứ sáu* là thanh tịnh huệ biện tài quảng đại, vì phân biệt các pháp vấn đáp vô ngại. *Thứ bảy* là thanh tịnh huệ tất cả ma, ngoại đạo, thanh văn, duyên giác chẳng biết được, vì thâm nhập Như Lai trí. *Thanh tịnh huệ thứ tám* bao gồm thấy pháp thân vi diệu của chư Phật, thấy bốn tánh thanh tịnh của tất cả chúng sanh, thấy tất cả pháp thấy đều tịch diệt, thấy tất cả cõi đồng như hư không, và biết tất cả tướng đều vô ngại. *Thanh tịnh huệ thứ chín* bao gồm tất cả tổng trì, biện tài, phương tiện đều là đường đi đến bỉ ngạn và tất cả đều làm cho được như thiết trí tối thắng. *Thanh tịnh huệ thứ mười* bao gồm như niệm tương ứng Kim Cang trí, biết rõ tất cả các pháp đều bình đẳng, được như thiết pháp tối tôn trí.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười điều rất ráo thanh tịnh của chư Phật: *Thứ nhất* là đại nguyện của chư Phật thưở xưa rất ráo thanh tịnh. *Thứ nhì* là chư Phật giữ gìn phẩm hạnh rất ráo thanh tịnh. *Thứ ba* là chư Phật xa rời những mê lầm thế gian rất ráo thanh tịnh. *Thứ tư* là chư Phật trang nghiêm cõi nước rất ráo thanh tịnh. *Thứ năm* là chư Phật có những quyến thuộc rất ráo thanh tịnh. *Thứ sáu* là chư Phật chỗ có chủng tộc rất ráo thanh tịnh. *Thứ bảy* là chư Phật sắc thân tướng hảo rất ráo thanh tịnh. *Thứ tám* là chư Phật pháp thân vô nhiễm rất ráo thanh tịnh. *Thứ chín* là chư Phật như thiết chủng trí không có chướng ngại rất ráo thanh tịnh. *Thứ mười* là chư Phật giải thoát tự tại chỗ đã làm xong đến bỉ ngạn rất ráo thanh tịnh.

Bodhisattvas' Purity

There Are Ten Pure vows of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 18, there are ten pure vows of Enlightening Beings. Vow to develop living beings to maturity, without wearying. Vow to fully practice all virtues and purify all worlds. Vow to serve the enlightened, always engendering honor and respect. Vow to keep and protect the true teaching, not begrudging their lives. Vow to observe with wisdom and enter the lands of the Buddhas. Vow to be of the same essence as all Enlightening Beings. Vow to enter the door of realization of Thusness and comprehend all things. Vow that those who see them will develop faith and all be benefited. Vow to stay in the world forever by spiritual power. Vow to

fulfill the practice of Universal Good and master the knowledge of all particulars and all ways of liberation.

According to the Flower Adornment Sutra, chapter 18, there are ten kinds of purity Enlightening Beings attain when they persist in nonindulgence: *First*, acting in accord with what they say. *Second*, consummation of attention and discernment. *Third*, abiding in deep concentration without torpor or agitation. *Fourth*, gladly seeking Buddha-teachings without flagging. *Fifth*, contemplating the teaching heard according to reason, fully developing skillfully flexible knowledge. *Sixth*, entering deep meditation and attaining psychic powers of Buddhas. *Seventh*, their minds are equanimous, without sense of high or low status. *Eighth*, in regard to superior, middling, and inferior types of beings, their minds are unobstructed and like the earth, they benefit all equally. *Ninth*, if they see any beings who have even once made the determination for enlightenment, they honor and serve them as teachers. *Tenth*, they always respect, serve, and support their preceptors and tutors, and all Enlightening Beings, wise friends and teachers. ***According to the Flower Adornment Sutra, chapter 36, there are ten kinds of purity:*** When Great Enlightening Beings are living by ten principles, they are able to embody ten kinds of purity. *First*, purity of comprehension of the most profound truth. *Second*, purity of association with good associates. *Third*, purity of preserving the Buddha teachings. *Fourth*, purity of comprehension of the realm of space. *Fifth*, purity of profound penetration of the realm of reality. *Sixth*, purity of observation of infinite minds. *Seventh*, purity of having the same roots of goodness as all Enlightening Beings. *Eighth*, purity of observation of past, present and future. *Ninth*, purity of nonattachment to the various ages. *Tenth*, purity of practice of all Buddha Dharmas of all Enlightening Beings. ***Also according to the Flower Adornment Sutra, chapter 38, there are ten kinds of purity attained by great Enlightening Beings who arouse ten kinds of spirit:*** *First*, purity of profound determination, reaching the ultimate end without corruption. *Second*, purity of physical embodiment, appearing according to need. *Third*, purity of voice, comprehending all speech. *Fourth*, purity of intellectual powers, skillfully explaining boundless Buddha teachings. *Fifth*, purity of wisdom, getting rid of the darkness of all delusion. *Sixth*, purity of taking on birth, being imbued with the power of

freedom of Enlightening Beings. *Seventh*, purity of company, having fully developed the roots of goodness of sentient beings they worked with the past. *Eighth*, purity of rewards, having removed all obstructions caused by past actions. *Ninth*, purity of great vows, being one in essence with all Enlightening Beings. *Tenth*, purity of practices, riding the vehicle of Universal Good to emancipation. There are also other ten kinds of purity attained by great Enlightening Beings: purity of determination, purity of cutting through doubts, purity of detachment from views, purity of perspective, purity of the quest for omniscience, purity of intellectual powers, purity of fearlessness, purity of living by the knowledge of all Enlightening Beings, purity of accepting all the guidelines of behavior of Enlightening Beings, purity of full development of the felicitous characteristics, pure qualities, and all fundamental virtues of unexcelled enlightenment.

According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of pure benevolence of great enlightening beings: Enlightening beings who abide by these can attain the supreme, vast, pure benevolence of Buddhas. *First*, impartial pure benevolence, caring for all sentient beings without discrimination. *Second*, helpful pure benevolence, bringing happiness by whatever they do. *Third*, pure benevolence taking care of people in the same way as oneself, ultimately bringing about emancipation from birth and death. *Fourth*, pure benevolence not abandoning the world, the mind always focused on accumulating roots of goodness. *Fifth*, pure benevolence able to bring liberation, causing all sentient beings to annihilate all afflictions. *Sixth*, pure benevolence generating enlightenment, inspiring all sentient beings to seek omniscience. *Seventh*, pure benevolence unobstructed by the world, radiating great light illuminating everywhere equally. *Eighth*, pure benevolence filling space, reaching everywhere to save sentient beings. *Ninth*, pure benevolence focused on truth, realizing the truth of Thusness. *Tenth*, pure benevolence without object, entering enlightening beings's detachment from life.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure compassion of Great Enlightening Beings: Enlightening Beings who abide by these attain the supremely great compassion of Buddhas. *First*, pure compassion without companion, as they make their determination independently. *Second*, tireless pure

compassion, not considering it troublesome to endure pain on behalf of all sentient beings. *Third*, pure compassion taking on birth in difficult situations, for the purpose of liberating sentient beings. *Fourth*, pure compassion taking on birth on pleasant conditions, to show impermanence. *Fifth*, pure compassion for the sake of wrongly fixated sentient beings, never give up their vow of universal liberation. *Sixth*, pure compassion not clinging to personal pleasure, giving happiness to all sentient beings. *Seventh*, pure compassion not seeking reward, purifying their mind. *Eighth*, pure compassion able to remove delusion by explaining the truth. *The ninth pure compassion*: All Bodhisattvas conceive great compassion for sentient beings because they know all things are in essence pure and have no clinging or irritation; and suffering is experienced because of afflictions of adventitious defilements. This is called essential purity, as they explain to them the principle of undefiled pure light. *The tenth pure compassion*: All Bodhisattvas know that all phenomena are like the tracks of birds in the sky. They also know that sentient beings' eyes are clouded by delusion and they cannot clearly realize this. Observing this, Enlightening Beings conceive great compassion, called true knowledge, which teaches sentient beings nirvana.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure joy of Great Enlightening Beings: Enlightening Beings who abide by these can attain the supremely great pure joy of Buddhas. *First*, the pure joy of aspiring to enlightenment. *Second*, the pure joy of relinquishing all possessions. *Third*, the pure joy of not rejecting undisciplined sentient beings but teaching them and maturing them. *Fourth*, the pure joy of being able to tolerate evil-doing sentient beings and vowing to save and liberate them. *Fifth*, the pure joy of giving one's life in search of truth, without regret. *Sixth*, the pure joy of giving up sensual pleasures and always taking pleasure in truth. *Seventh*, the pure joy of including sentient beings to give up material pleasures and always take pleasure in truth. *Eighth*, the pure joy of cosmic equanimity tirelessly honoring and serving all Buddhas they see. *Ninth*, the pure joy of teaching all sentient beings to enjoy meditations, liberations and concentrations, and freely enter and emerge from them. *The tenth pure joy* includes gladly carrying out all austere practices that accord with the way of Enlightening Beings and

realizing the tranquil, imperturbable supreme calmness and wisdom of the sages.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure equanimity of enlightening beings: Enlightening beings who abide by these can attain the supremely pure equanimity of Buddhas. *First*, not becoming emotionally attached to sentient beings who honor and support them. *Second*, not being angered at sentient beings who slight and revile them. *Third*, always being in the world, but not being affected by the vicissitudes (greed, hatred, anger, pride, wrong views, killing, stealing, adultery, etc) of worldly things. *Fourth*, instructing sentient beings who are fit for the Teaching at the appropriate times, while not conceiving aversion for sentient beings who are not fit for the Teaching. *Fifth*, not seeking the states of learning or nonlearning of the two lesser vehicles. *Sixth*, always being aloof from all desires that are conducive to afflictions. *Seventh*, not praising the two lesser vehicles' aversion to birth and death. *The eight pure equanimity* includes avoiding worldly talks, talk that is not nirvana, talk that is not dispassionate, talk that is not according to truth, talk that disturbs others, talk of individual salvation, and talks that obstruct the Path of enlightening beings. *The ninth pure equanimity* includes waiting for the appropriate times to teach sentient beings whose faculties are mature and have developed mindfulness and precise awareness, but do not yet know the supreme truth and waiting for the appropriate times to teach sentient beings whom the enlightening being has already instructed in the past, but who cannot be tamed until the enlightening being reaches Buddhahood. *The tenth pure equanimity* includes not considering people as higher or lower, being free from grasping and rejection, being aloof from all kinds of discriminatory notions, always being rightly concentrated by penetrating truth and attaining tolerance.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure giving of Great Enlightening Beings: Enlightening Beings who abide by these ten principles can accomplish the supreme, pure, magnanimous giving of Buddhas. Pure charity in which the giver expects no return, nor fame, nor blessing in this world, but only desire to sow Nirvana-seed, one of the two kinds of charity. *First*, impartial giving, not discriminating among sentient beings. *Second*, giving

according to wishes, satisfying others. *Third*, unconfused giving, causing benefit to be gained. *Fourth*, giving appropriately, knowing superior, mediocre, and inferior. *Fifth*, giving without dwelling, not seeking reward. *Sixth*, open giving, without clinging attachment. *Seventh*, total giving, being ultimately pure. *Eighth*, giving dedicated to enlightenment, transcended the created and the uncreated. *Ninth*, giving teach to sentient beings, never abandoning them, even to the site of enlightenment. *Tenth*, giving with its three spheres pure, observing the giver, receiver, and gift with right awareness, as being like space.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure discipline of Great Enlightening Beings: Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme flawless pure discipline of Buddhas. *First*, pure discipline of the body, guarding themselves from evil deeds. *Second*, pure discipline of speech, getting rid of faults of speech. *Third*, pure discipline of mind, forever getting rid of greed, hatred, and false views. *Fourth*, pure discipline of not destroying any subjects of study, being honorable leaders among people. *Fifth*, pure discipline of preserving the aspiration for enlightenment, not liking the lesser vehicles of individual salvation. *Sixth*, pure discipline of preserving the regulations of the Buddha, greatly fearing even minor offenses. *Seventh*, pure discipline of secret protection, skillfully drawing out undisciplined sentient beings. *Eighth*, pure discipline of not doing any evil, vowing to practice all virtuous principles. *Ninth*, pure discipline of detachment all views of existence, having no attachment to precepts. *Tenth*, pure discipline of protecting all sentient beings, activating great compassion.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure tolerance of Great Enlightening Beings: Enlightening Beings who abide by these can attain all Buddhas' supreme tolerance of truth, understanding without depending on another. *First*, pure tolerance calmly enduring slander and vilification, to protect sentient beings. *Second*, pure tolerance calmly enduring weapons, to protect self and others. *Third*, pure tolerance not arousing anger and viciousness, the mind being unshakable. *Fourth*, pure tolerance not attacking the low, being magnanimous when above. *Fifth*, pure tolerance saving all who come for refuge, giving up one's own life.

Sixth, pure tolerance free from conceit, not slighting the uncultivated. *Seventh*, pure tolerance not becoming angered at injury, because of observation of illusoriness. *Eighth*, pure tolerance not revenging offenses, because of not seeing self and other. *Ninth*, pure tolerance not following afflictions, being detached from all objects. *Tenth*, pure tolerance knowing all things have no origin, in accord with the true knowledge of Enlightening Beings, entering the realm of universal knowledge without depending on the instruction of another.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure energy of Great Enlightening Beings: Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme great energy of Buddhas. *First*, the physical energy, which includes attending Buddhas, enlightening beings, teachers, and elders, honoring fields of blessings, and never retreating. *The second pure energy* is the pure verbal energy, which includes extensively explaining to others whatever teachings they learn without wearying, and praising the virtues of Buddhahood without wearying. *Third*, pure mental energy, able to enter and exit the following without cease: kindness, compassion, joy, equanimity, meditation, liberations and concentrations. *The fourth pure energy* is the pure energy of honesty, which includes being free from deceptiveness, flattery, deviousness, and dishonesty and not regressing in any efforts. *The fifth pure energy* is the pure energy of determination on increasing progress which includes always intent on seeking higher and higher knowledge and aspiring to embody all good and pure qualities. *The sixth pure energy* is the un wasteful pure energy, which includes embodying charity, morality, tolerance, learning, and diligence and continuing to practice these unceasingly until enlightenment. *Seventh*, pure energy conquering all demons, able to extirpate greed, hatred, delusion, false views, and all other bonds and veils of afflictions. *The eighth pure energy* is the pure energy of fully developing the light of knowledge, which includes being carefully observant in all actions, consummating them all, preventing later regret, and attaining all the unique qualities of Buddhahood. *The ninth pure energy* is the pure energy without coming or going, which includes attaining true knowledge, entering the door of the realm of reality, body, speech and mind all impartial, understanding forms are formless and having no attachments. *The tenth pure energy* is the pure energy

developing the light of Teaching which includes transcending all stages, attaining the coronation of Buddhas, with uncontaminated body manifesting the appearances of death and birth, leaving home and attaining enlightenment, teaching and passing away, fulfilling such tasks of Universal Good.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure meditation of Great Enlightening Beings: Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme pure meditation of Buddhas. *First*, pure meditation always gladly leaving home, giving up all possessions. *Second*, pure meditation finding genuine good companions, to teach the right way. *Third*, pure meditation living in the forest enduring wind and rain and so on, being detached from self and possessions. *Fourth*, pure meditation leaving clamorous sentient beings, always enjoying tranquil silence. *Fifth*, pure meditation with harmonious mental activity, guarding the senses. *Sixth*, pure meditation with wind and cognition silent, impervious to all sounds and nettles of meditational concentration. *The seventh pure meditation* includes being aware of the methods of the Path of enlightenment and contemplating them all and actually realizing them. *The eighth pure meditation* includes pure meditation detached from clinging to its experiences, and neither grasping nor rejecting the realm of desire. *The ninth pure meditation* includes being awakening psychic knowledge and knowing the faculties and natures of all sentient beings. *The tenth pure meditation* includes freedom of action, entering into the concentration of Buddhas, and knowing there is no self.

Also according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure wisdom of great enlightening beings: Enlightening beings who abide by these can attain the unobstructed great wisdom of Buddhas. *First*, pure wisdom knowing all causes, not denying consequences. *Second*, pure wisdom knowing all conditions, not ignoring combination. *Third*, pure wisdom knowing nonannihilation and nonpermanence, comprehending interdependent origination truly. *Fourth*, pure wisdom extracting all views, neither grasping nor rejecting characteristics of sentient beings. *Fifth*, pure wisdom observing the mental activities of all sentient beings, knowing they are illusory. *Sixth*, Pure wisdom with vast intellectual power, distinguishing all truths and being unhindered in dialogue. *Seventh*, pure wisdom

unknowable to demons, false teachers, or followers of the vehicles of individual salvation, deeply penetrating the knowledge of all Buddha. *The eighth pure wisdom* includes seeing the subtle reality body of all Buddhas, seeing the essential purity of all sentient beings, seeing that all phenomena are quiescent, seeing that all lands are the same as space, and knowing all characteristics without impediment. *The ninth Pure wisdom* includes all powers of mental command, analytic abilities, liberative means are ways of transcendence; fostering the attainment of all supreme knowledge. *The tenth pure wisdom* includes instantly uniting with adamant knowledge, comprehending the equality of all things, and attaining the most honorable knowledge of all things.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of ultimate purity of all Buddhas: First, all Buddhas' past great vows are ultimately pure. *Second*, the religious conduct maintained by all Buddhas is ultimately pure. *Third*, all Buddhas' separation from the confusion of worldly beings is ultimately pure. *Fourth*, all Buddhas' adorned lands are ultimately pure. *Fifth*, all Buddhas' followings are ultimately pure. *Sixth*, all Buddhas' families are ultimately pure. *Seventh*, all Buddhas' physical characteristics and refinements are ultimately pure. *Eighth*, the nondefilement of the reality-body of all Buddhas is ultimately pure. *Ninth*, all Buddhas' omniscient knowledge, without obstruction, is ultimately pure. *Tenth*, all Buddhas' liberation, freedom, accomplishment of their tasks, and arrival at completion are ultimately pure.

Chương Mười Một
Chapter Eleven

Bồ Tát Hạnh

Tổng Quan Về Bồ Tát Hạnh: Bồ Tát Hạnh theo truyền thống Phật Giáo Đại Thừa (một vị Bồ Tát muốn thực hành Bồ Tát Hạnh phải trước hết phát tâm Bồ Đề, đối với chúng hữu tình phải có đầy đủ tâm từ bi hỷ xả không ngăn mé. Ngoài ra, Bồ Tát phải luôn thực hành hạnh nguyện độ tha với lục Ba La Mật. Cuối cùng vị ấy phải lấy Tứ Nhiếp Pháp trong công việc hoằng hóa của mình). Theo Kinh Duy Ma Cát, Bồ Tát là những vị có tiếng tăm, đều đã thành tựu trí hạnh Đại Thừa. Do nhờ sự chỉ giáo của chư Phật mà các ngài đã làm thành bậc thành hộ pháp, giữ gìn Chánh Pháp, diễn nói pháp âm tự tại vô úy như sư tử hống giáo hóa chúng sanh, danh đồn xa khắp mười phương. Người đời không cầu thỉnh mà các sẵn sàng đến chúng hội để tuyên lưu Tam Bảo, không để đứt mất. Các ngài hàng phục tất cả ma oán, ngăn dẹp các ngoại đạo; sáu căn tam nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh; trọn lia năm món ngăn che và mười điều ràng buộc. Tâm thường an trụ nơi lý vô ngại giải thoát. Nhờ niệm định tổng trì và tâm bình đẳng mà các ngài có khả năng biện tài thông suốt không hề trở ngại. Các ngài đã thành tựu Lục Ba La Mật, các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cũng như giáo pháp phương tiện thiện xảo lợi mình lợi người thấy đều đầy đủ. Tuy nhiên, với các ngài, những thành tựu này không có nghĩa là làm lợi cho chính họ, mà các ngài đã được đến bậc vô sở đắc mà không khởi pháp nhãn (vô sinh pháp nhãn). Các ngài có khả năng tùy thuận diễn nói pháp luân bất thối; khéo hiểu rõ chân tướng vạn pháp, thấu biết căn cơ chúng sanh; oai đức bao trùm đại chúng và thành tựu pháp vô úy. Các ngài dùng công đức trí tuệ để trau sửa tâm mình, bằng cách lấy tướng tốt trang nghiêm thân hình sắc tướng dung nhan bậc nhất, vì thế bỏ hẳn tất cả trang sức tốt đẹp trong đời. Danh tiếng các ngài cao xa vượt hẳn núi Tu Di. Lòng tin thậm thâm của các ngài bền chắc không bị phá vỡ như kim cương. Pháp bảo của các ngài soi khắp, và mưa cam lồ tuôn đổ nơi nơi. Tiếng thuyết pháp của các ngài là thậm thâm vi diệu bậc nhất. Các ngài đã thâm nhập lý duyên khởi, dứt bỏ các tập khí kiến chấp sai lầm, thoát khỏi nhị biên. Các ngài diễn nói các pháp không sợ sệt như sư tử hống,

những lời giảng nói như sấm vang. Các ngài không thể bị hạn lượng hạn chế, vì các ngài đã vượt ra ngoài sự hạn lượng. Các ngài tự chứa nhóm rất nhiều Pháp Bảo như Hải Đạo Sư. Các ngài hiểu rõ nghĩa thâm thâm của các pháp, biết rõ hiện trạng qua lại trong các cảnh thú và hành vi tốt xấu trong tâm niệm của chúng sanh. Các ngài đã đạt đến trạng thái gần như trí tuệ tự tại vô thượng của chư Phật, đã thành đạt thập lực vô úy, và thập bát bất cộng. Dù các ngài đã ngăn đóng các cửa nẻo ác thú, các ngài vẫn hiện thân trong năm đường hóa độ chúng sanh, làm vị đại y vương khéo trị lành các bệnh, tùy theo trường hợp cá nhân mà cho thuốc một cách công hiệu. Vì thế mà các ngài đã thành tựu vô lượng công đức, trang nghiêm thanh tịnh vô lượng cõi Phật. Chúng sanh nào được nghe danh thấy hình đều được lợi ích vì các hành động của các ngài đều không uổng phí. Vì thế các ngài đều đã thành tựu mọi công đức tuyệt hảo.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 21 (Thập Hạnh), Có Mười Hạnh Bồ Tát Mà Chư Phật Đã Tuyên Thuyết Trong Tam Thế: hoan hỷ hạnh (làm cho chúng sanh hoan hỷ), nhiều ích hạnh (thường làm lợi lạc cho chúng sanh), vô vi nghịch hạnh (hạnh không sân hận với chúng sanh mọi loài), vô khuất nhiều hạnh, vô si loạn hạnh (hạnh tu hành xa lìa si loạn), thiện hiện hạnh (hạnh thị hiện là người tốt giáo hóa chúng sanh), vô trước hạnh (hạnh không bao giờ chấp trước), nan đắc hạnh (thực hành những hạnh khó đạt được), thiện pháp hạnh (hạnh tu hành thiện pháp), và chơn thiết hạnh (hạnh tu hành theo chân lý của Đức Phật). **Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười hạnh của chư Đại Bồ Tát:** Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được hạnh vô lai vô khứ của Đức Như Lai. *Thứ nhất* là Hạnh nghe chánh pháp, vì ưa thích chánh pháp. *Thứ nhì* là Hạnh thuyết pháp vì lợi ích chúng sanh. *Thứ ba* là Hạnh rời tham, sân, si và sợ hãi, vì biết điều phục tự tâm. *Thứ tư* là Hạnh dục giới vì muốn giáo hóa chúng sanh cõi dục. *Thứ năm* là Hạnh chánh định sắc giới và vô sắc giới, vì làm cho họ mau xoay trở lại. *Thứ sáu* là Hạnh xu hướng pháp nghĩa vì mau được trí huệ. *Thứ bảy* là Hạnh thọ sanh tất cả xứ, vì tự tại giáo hóa chúng sanh. *Thứ tám* là Hạnh tất cả cõi Phật, vì lễ bái cúng dường chư Phật. *Thứ chín* là Hạnh Niết bàn, vì chẳng dứt sanh tử nối tiếp. *Thứ mười* là Hạnh thành tựu viên mãn tất cả Phật pháp, vì chẳng bỏ pháp hạnh của Bồ Tát. **Theo lời Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, chư Bồ Tát có mười thứ hạnh giúp họ được đại trí huệ vô thượng của chư Như Lai: Thứ**

nhất là hạnh vì tất cả chúng sanh, vì nhờ đó mà làm cho khắp cả được thành thực. *Thứ nhì* là hạnh cầu tất cả các pháp, vì nhờ đó mà tu học tất cả. *Thứ ba* là hạnh làm tất cả các thiện căn và khiến cho chúng tăng trưởng. *Thứ tư* là hạnh tam muội vì nhờ đó mà được như tâm bất loạn. *Thứ năm* là hạnh thực hành trí huệ vì nhờ đó mà không có chi là chẳng rõ chẳng biết. *Thứ sáu* là hạnh tu tập tất cả, do đó mà không chi là không tu được. *Thứ bảy* là hạnh nương nơi tất cả Phật sát (Phật độ hay Phật quốc), vì thấy đều trang nghiêm. *Thứ tám* là hạnh tôn trọng và hỗ trợ tất cả thiện hữu tri thức. *Thứ chín* là hạnh tôn kính và cúng dường chư Như Lai. *Thứ mười* là hạnh tu tập thân thông biến hóa, vì nhờ đó mà có thể biến hóa tự tại để hóa độ chúng sanh. **Cũng theo Kinh Hoa nghiêm, chư Đại Bồ Tát Có Mười Phẩm Hạnh:** *Thứ nhất* là những hành vi công đức của họ mang tính cách phổ biến và tỏa sáng (Phổ môn thiện căn quang minh). *Thứ nhì* là sự thành đạt tam muội của họ đầy đủ ánh sáng của trí tuệ xuất phát từ bước đi trên con đường chân chánh (Chân thật đạo tam muội trí quang). *Thứ ba* là họ có thể làm phát sinh một đại dương công đức ((Phước hải quang đại thiện căn). *Thứ tư* là họ tích tập tất cả các pháp thanh tịnh không hề mệt mỏi. *Thứ năm* là họ luôn luôn gần gũi và thờ kính những người bạn tốt. *Thứ sáu* là họ không phải là những người cất chứa tài sản và không hề ngần ngại thí xả thân mạng của mình cho chánh pháp. *Thứ bảy* là họ không còn cống cao ngã mạn, và giống như đất, họ đối xử bình đẳng với tất cả. *Thứ tám* là tim của họ đầy cả tình thương yêu và lân mẫn, lúc nào họ cũng nghĩ đến sự lợi ích cho kẻ khác. *Thứ chín* là họ luôn luôn đối xử thân thiện với tất cả chúng sanh trong các nẻo luân hồi. *Thứ mười* là họ luôn luôn ước mong được tham dự chúng hội của chư Phật. **Theo Kinh Pháp Hoa, Có Mười Đại Hạnh Của Bồ Tát Phổ Hiền:** *Nhứt* giả lễ kính chư Phật. *Nhị* giả xưng tán Như Lai. *Tam* giả quảng tu cúng dường. *Tứ* giả sám hối nghiệp chướng. *Ngũ* giả tùy hỷ công đức. *Lục* giả thỉnh chuyển Pháp Luân. *Thất* giả thỉnh Phật trụ thế. *Bát* giả thường tùy học Phật. *Cửu* giả hằng thuận chúng sanh. *Thập* giả phổ giai hồi hướng. **Mười Phổ Hiền Hạnh Pháp mà chư Bồ Tát đều có theo kinh Hoa nghiêm, Phẩm 38:** *Thứ nhất* là nguyện trụ tất cả kiếp vị lai. *Thứ nhì* là nguyện cung kính cúng dường tất cả Phật vị lai. *Thứ ba* là nguyện an trụ tất cả chúng sanh nơi hạnh của Phổ Hiền Bồ tát. *Thứ tư* là nguyện chứa nhóm tất cả thiện căn. *Thứ năm* là nguyện nhập tất cả Ba La Mật. *Thứ sáu* là nguyện đầy đủ tất cả Bồ tát hạnh. *Thứ bảy*

là nguyện tất cả trang nghiêm tất cả thế giới. *Thứ tám* là nguyện sanh tất cả cõi Phật. *Thứ chín* là nguyện khéo quán sát tất cả các pháp. *Thứ mười* là nguyện nơi tất cả Phật quốc độ thành vô thượng Bồ Đề.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật đã nhắc nhở ngài A Nan về mười hạnh cần thiết của Bồ Tát: *Thứ nhất là Hoan hỷ hạnh:* Hạnh hoan hỷ tùy thuận mười phương. Đức Phật nói với A Nan: “Ông A Nan! Người thiện nam đó thành Phật tử rồi, đầy đủ điều đức của vô lượng Như Lai. Tùy thuận mười phương chúng sanh để ban bố đức mầu. Đó gọi là hoan hỷ hạnh. Thứ nhì là Nhiều ích hạnh: Hạnh làm lợi ích cho tha nhân, hay thường làm việc lợi ích cho tất cả chúng sanh. Đức Phật bảo ngài A Nan: “Khôn khéo có thể lợi ích tất cả chúng sanh gọi là nhiều ích hạnh.” *Thứ ba là Vô sân hận hạnh:* Nết hạnh không giận hờn; tự giác ngộ cho mình, giác ngộ cho người, chẳng trái nghịch. Đức Phật bảo ngài A Nan: “Tự giác, giác tha được khỏi chống trái, gọi là vô sân hận hạnh.” *Thứ tư là Vô tận hạnh:* Làm việc lợi tha vô tận (tùy cơ loại của chúng sanh mà hiện cái thân mình để cứu độ chúng sanh mãi mãi). Đức Phật bảo ngài A Nan: “Xuất sinh chủng này, loại khác, cho đến mãi mãi trong tương lai. Bình đẳng với ba đời, thông đạt mười phương, gọi là vô tận hạnh.” *Thứ năm là Ly si loạn hạnh:* Lìa khỏi tánh ngu si, rồi loạn. Đức Phật bảo A Nan: “Tất cả hợp đồng các pháp môn, được không sai lầm gọi là ly si loạn hạnh.” *Thứ sáu là Thiện hiện hạnh:* Nết hạnh khéo hiện, nhờ rời khỏi tánh ngu si mê loạn mà có thể hiện ra các tướng ở trong đồng loại để cứu độ họ. Đức Phật bảo ngài A Nan: “Trong chỗ ‘đồng’ đó, hiện ra các ‘dị.’ Mỗi mỗi tướng dị, đều thấy đồng. Đó gọi là thiện hiện hạnh.” *Thứ bảy là Vô trước hạnh:* Nết hạnh không chấp trước, nghĩa là ở trong cõi trần mà chẳng bị nhiễm trước. Đức Phật bảo ngài A Nan: “Như vậy cho đến mười phương hư không đầy vi trần, trong mỗi vi trần hiện mười phương thế giới. Hiện vi trần, hiện thế giới, mà chẳng lưu ngại nhau. Đây gọi là vô trước hạnh.” *Thứ tám là Tôn trọng hạnh:* Còn gọi là “Nan Đắc Hạnh.” Nết hạnh tôn trọng Bát Nhã. Đức Phật bảo ngài A Nan: “Các thứ biến hiện đều là đệ nhất ba la mật đa, đó gọi là tôn trọng hạnh.” *Thứ chín là Thiện pháp hạnh:* Nết hạnh phép lành, đức viên dung để làm thành quy tắc của chư Phật mười phương. Đức Phật bảo ngài A Nan: “Như vậy viên dung, có thể thành tựu quy tắc của các Đức Phật mười phương, đó gọi là thiện pháp hạnh.” *Thứ mười là Chơn thật hạnh:* Nết hạnh chơn thật của vạn hữu đều hiện ra trong giai đoạn

này. Đức Phật bảo ngài A Nan: “Mỗi mỗi đều thanh tịnh, không mê lậu. Nhất chân vô vi, tính bản nhiên. Đó gọi là chân thật hạnh.”

Bodhisattva's Practices

An Overview of Bodhisattva's Practices: Bodhisattva practice (Bodhisattva's practising) according to the tradition of Northern Buddhism. A Bodhisattva must achieve the following Bodhisattva's practices: to vow to devote the mind to bodhi (bodhicita), to practise the four immeasurables, to practise the six Paramitas, and to practise the four all-embracing virtues. According to the Vimalakirti Sutra, Bodhisattvas are those who were well known for having achieved all the perfections that lead to the great wisdom. They had received instructions from many Buddhas and formed a Dharma-protecting citadel. By upholding the right Dharma, they could fearlessly give the lion's roar to teach sentient beings; so their names were heard in the ten directions. They were not invited but came to the assembly to spread the teaching on the Three Treasures to transmit it in perpetuity. They had overcome all demons and defeated heresies; and their six faculties, karmas of deeds, words and thoughts were pure and clean; being free from the (five) hindrances and the (ten) bonds. They had realized serenity of mind and had achieved unimpeded liberation. They had achieved right concentration and mental stability, thereby acquiring the uninterrupted power of speech. They had achieved all the (six) paramitas: charity (dana), discipline (sila), patience (ksanti), devotion (virya), serenity (dhyana) and wisdom (prajna), as well as the expedient method (upaya) of teaching which completely benefit self and others. However, to them these realizations did not mean any gain whatsoever for themselves, so that they were in line with the patient endurance of the uncreate (anutpattika-dharma-ksanti). They were able to turn the wheel of the Law that never turns back. Being able to interpret the (underlying nature of) phenomena, they knew very well the roots (propensities) of all living beings; they surpassed them all and realized fearlessness. They had cultivated their minds by means of merits and wisdom with which they embellished their physical features which were unsurpassable, thus giving up all earthly adornments. Their towering reputation exceeded the height of Mount Sumeru. Their

profound faith in the uncreated was unbreakable like a diamond. Their treasures of the Dharma illuminated all lands and rained down nectar. Their speeches were profound and unsurpassable. They entered deep into all (worldly) causes, but cut off all heretical views for they were already free from all dualities and had rooted out all (previous) habits. They were fearless and gave the lion's roar to proclaim the Dharma, their voices being like thunder. They could not be gauged for they were beyond all measures. They had amassed all treasures of the Dharma and acted like (skillful) seafaring pilots. They were well versed in the profound meanings of all Dharmas. They knew very well the mental states of all living beings and their comings and goings (within the realms of existence). They had reached the state near the unsurpassed sovereign wisdom of all Buddhas, having acquired the ten fearless powers (dasabala) giving complete knowledge and the eighteen different characteristics (of a Buddha as compared with Bodhisattvas (avenikadharma). Although they were free from (rebirth in) evil existences, they appeared in five mortal realms as royal physicians to cure all ailments, prescribing the right medicine in each individual case, thereby winning countless merits to embellish countless Buddha lands. Each living being derived great benefit from seeing and hearing them, for their deeds were not in vain. Thus they had achieved all excellent merits.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 21 (Ten Practices), there are ten kinds of practices, which are expounded by the Buddhas of past, present and future: the practice of giving joy, beneficial practice, practice of nonopposition, practice of indomitability, practice of nonconfusion, practice of good manifestation, practice of nonattachment, practice of that which is difficult to attain, practice of good teachings, and practice of truth. *According to The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of action of Great Enlightening Beings:* Enlightening Beings who abide by these can achieve the action of Buddhas that has no coming or going. *First*, hearing the Teaching, out of fondness for truth. *Second*, expounding the Teaching to benefit sentient beings. *Third*, getting rid of covetousness, anger, delusion, and fear, by taming their own minds. *Fourth*, action in the realm of desire, to teach beings in that realm. *Fifth*, concentration in the realm of form and formlessness, to

foster quick return to noncontamination. *Sixth*, aiming for the meaning of the Teaching, to quickly attain wisdom. *Seventh*, action in the realm of life, to freely edify sentient beings. *Eighth*, action in all Buddha-lands, honoring all Buddhas. *Ninth*, nirvanic action, not cutting off the continuity of birth and death. *Tenth*, fulfilling all qualities of Buddhahood without giving up application of the principles of Enlightening Beings. ***According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Great Enlightening Beings have ten kinds of practice which help them attain the practice of the unexcelled knowledge and wisdom of Buddhas:*** *The first practice* is the practice dealing with all sentient beings, to develop them all to maturity. *The second practice* is the practice seeking all truths, to learn them all. *The third practice* is the practice of all roots of goodness, to cause them all to grow. *The fourth practice* is the practice of all concentration, to be single-minded, without distraction. *The fifth practice* is the practice of all knowledge, to know everything. *The sixth practice* is the practice of all cultivations, to be able to cultivate them all. *The seventh practice* is the practice dealing with all Buddha-lands, to adorn them all. *The eighth practice* is the practice dealing with all good companions, respecting and supporting them. *The ninth practice* is the practice dealing with all Buddhas, honoring and serving them. *The tenth practice* is the practice of all supernatural powers, to be able to transform anywhere, anytime to help sentient beings. ***Also According to the Avatamsaka Sutra, Great Bodhisattvas Have Ten Qualities:*** *First*, their meritorious deeds are of universal character and illuminating. *Second*, their attainment of the Samadhi is full of the light of knowledge which is derived from walking the path of righteousness. *Third*, they are able to produce the great ocean of merit. *Fourth*, they are never tired of amassing all kinds of purities. *Fifth*, they ever ready to associate with good friends and attend upon them with reverence. *Sixth*, they are not accumulators of wealth and never hesitate to give up their lives for a good cause. *Seventh*, they are free from the spirit of arrogance and like the great earth treat others impartially. *Eighth*, their hearts being filled with love and compassion; they are always thinking of the welfare of others. *Ninth*, they are always friendly disposed towards all beings in various paths of existence. *Tenth*, they are ever desirous of being admitted into the community of Buddhas. ***According***

to the Lotus Sutra, there are ten practices of respects of Samantabhadra Bodhisattva: First, worship and respect all Buddhas. Second, praise the Thus Come Ones. Third, make abundant offerings. Fourth, repent misdeeds and hindrances. Fifth, rejoice at others' merits and virtues. Sixth, request the Buddha to turn the Dharma Wheel. Seventh, request the Buddha to remain in the world. Eighth, follow the teachings of the Buddha at all times. Ninth, accommodate and benefit all sentient beings. Tenth, transfer merits and virtues universally. Ten principles of Universally Good which Enlightening Beings have according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38: First, vowing to live through all future ages. Second, vowing to serve and honor all Buddhas of the future. Third, vowing to settle all sentient beings in the practice of Universally Good Enlightening Beings. Fourth, vowing to accumulate all roots of goodness. Fifth, vowing to enter all ways of transcendence. Sixth, vowing to fulfill all practices of Enlightening Beings. Seventh, vowing to adorn all worlds. Eighth, vowing to be born in all Buddha-lands. Ninth, vowing to carefully examine all things. Tenth, vowing to attain supreme enlightenment in all Buddha-lands.

In the Surangama Sutra, the Buddha reminded Ananda about the ten necessary activities, or practices of a Bodhisattva: The first practice is the conduct of happiness: The practice of joyful service, or giving joy. The Buddha told Ananda: "Ananda! After these good men have become sons of the Buddha, they are replete with the limitlessly many wonderful virtues of the Thus Come Ones, and they comply and accord with beings throughout the ten directions. This is called the conduct of happiness." The second practice is the conduct of benefitting: The practice of beneficial service, or beneficial practice. The Buddha told Ananda: "Being well able to accommodate all living beings is called the conduct of benefitting." The third practice is the conduct of non-opposition: The practice of never resenting, or non-opposition. The Buddha told Ananda: "Enlightening oneself and enlightening others without putting forth any resistance is called the conduct of non-opposition." The fourth practice is the conduct of endlessness: The practice of indomitability, or without limit in helping others. The Buddha told Ananda: "To undergo birth in various forms continuously to the bounds of the future, equally throughout the three periods of time and pervading the ten directions is called the conduct of

endlessness.” *The fifth practice is the conduct of freedom from deluded confusion:* The practice of nonconfusion. The Buddha told Ananda: “When everything is equally in accord, one never makes mistakes among the various dharma doors. This is called the conduct of freedom from deluded confusion.” *The sixth practice is the conduct of wholesome manifestation:* The practice of good manifestation, or appearing in any form at will to save sentient beings. The Buddha told Ananda: “Then within what is identical, myriad differences appear; the characteristics of every difference are seen, one and all, in identity. This is called the conduct of wholesome manifestation.” *The seventh practice is the conduct of non-attachment:* The practice of nonattachment, or unimpeded practice. The Buddha told Ananda: “This continues until it includes all the dust motes that fill up empty space throughout the ten directions. In each and every mote of dust there appear the worlds of the ten directions. And yet the appearance of worlds do not interfere with one another. This is called the conduct of non-attachment.” *The eighth practice is the conduct of veneration:* The practice of exalting the paramitas amongst all beings, or the practice of that which is difficult to attain. The Buddha told Ananda: “Everything that appears before one is the foremost paramita. This is called the conduct of veneration.” *The ninth practice is the conduct of wholesome Dharma:* The practice of good teaching, or perfecting the Buddha-law by complete virtue. The Buddha told Ananda: “With such perfect fusion, one can model oneself after all the Buddhas of the ten directions. This is called the conduct of wholesome dharma.” *The tenth practice is the conduct of true actuality:* The practice of truth, or manifest in all things the pure, final and true reality. The Buddha told Ananda: “To then be pure and without outflows in each and every way is the primary truth, which is unconditioned, the essence of the nature. This is called the conduct of true actuality.”

Chương Mười Hai
Chapter Twelve

Bồ Tát An Lạc Hạnh

Thứ nhất là Hạnh An Lạc Nơi Thân Của Một Vị Bồ Tát: An lạc bằng những thiện nghiệp của thân. Đức Phật dạy hạnh an lạc về thân bằng cách chia hạnh này ra làm hai phần, phạm vi hành sử (hoạt động) và phạm vi thân cận (gần gũi) của một vị Bồ Tát. Phạm vi hành sử của một vị Bồ Tát là thái độ căn bản của vị ấy, đây là nền tảng của sự ứng xử riêng của vị ấy. Một vị Bồ Tát phải luôn kiên nhẫn, tử tế, nhu hòa, không nóng nảy; không hách dịch, không như người bình thường, vị ấy không kiêu mạn hay khoe khoang về những việc tốt của riêng mình, vị ấy phải nhìn thấy đúng như thật tính của tất cả các sự vật. Vị ấy không bao giờ có cái nhìn phiến diện về các sự vật. Vị ấy hành sử với lòng từ bi với tất cả mọi người mà không bao giờ tỏ lộ, nghĩa là không phân biệt. Đức Phật dạy về phạm vi gần gũi của một vị Bồ Tát bằng cách chia phạm vi này ra làm 10 phần: *Thứ nhất*, một vị Bồ Tát không gần gũi với những người có chức vị cao hay có uy thế nhằm đạt lợi dưỡng, cũng không chịu giảng pháp cho họ bằng sự thân mật thái quá với họ. *Thứ nhì*, một vị Bồ Tát không gần gũi các ngoại đạo, các nhà làm thơ văn thế tục, không gần gũi với những người chỉ biết chạy theo thế tục hay những người chán bỏ thế tục. Do đó mà vị Bồ Tát luôn đi trên “Trung Đạo” chứ không bị ảnh hưởng bất tịnh của các hạng người vừa kể. *Thứ ba*, một vị Bồ Tát không tham dự vào các môn thể thao hung bạo như quyền anh hay đô vật, hay những cuộc trình diễn múa men của các vũ công hay của những người khác. *Thứ tư*, một vị Bồ Tát không lui tới thân cận với những người làm nghề sát sanh, như người bán thịt, đánh cá, thợ săn, và vị ấy không bày tỏ thái độ dửng dưng đối với việc làm ác. *Thứ năm*, một vị Bồ Tát không thân cận gần gũi với chư Tăng Ni chỉ biết tìm cầu an lạc và hạnh phúc cho riêng mình, còn thì không lo gì cho ai, và những người bằng lòng với cuộc sống tách biệt với thế tục. Hơn nữa, vị ấy không bị tiêm nhiễm bởi những ý tưởng ích kỷ, cũng không chịu nghe pháp mà họ giảng. Nếu họ có tới nghe pháp của mình thì mình phải nắm lấy cơ hội mà thuyết giảng, nhưng không mong cầu bất cứ điều gì nơi họ. *Thứ sáu*, khi giảng pháp cho phụ nữ, vị ấy không để lộ vẻ bên ngoài có thể gây ý tưởng đam

mê, và vị ấy luôn giữ một tâm lý đứng đắn và một thái độ nghiêm túc. *Thứ bảy*, vị ấy không thân cận với một người lưỡng tính. Nghĩa là vị ấy phải cẩn trọng khi thuyết giảng cho một người lưỡng tính như thế. *Thứ tám*, vị ấy không vào nhà người khác một mình. Nếu vì bất cứ lý do gì mà phải làm như vậy, vị ấy chỉ chú tâm nghĩ nhớ tới Đức Phật. Đây là lời khuyên dạy của Đức Phật cho vị Bồ Tát khi vị này đi mọi nơi cùng với Đức Phật. *Thứ chín*, nếu giảng pháp cho phụ nữ, không nên để lộ răng khi cười, cũng không nên để lộ ngực mình ra. *Thứ mười*, vị ấy không thích giữ các vị sa-di và trẻ em bên cạnh mình. Ngược lại, Đức Phật khuyên vị ấy nên ưa thích thiền định, đọc cứ, học tập và kiểm soát tâm mình.

Thứ nhì là Hạnh An Lạc Nơi Khẩu Của Một Vị Bồ Tát: Theo Kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy một vị Bồ Tát nên thực hành hạnh an lạc nơi khẩu như sau: “*Thứ nhất*, một vị Bồ Tát không ưa nói lỗi của người khác hay của các kinh; *thứ hai*, vị ấy không khinh thường những người thuyết giảng khác; *thứ ba*, vị ấy không nói chuyện phải quấy, tốt xấu, ưu điểm hay khuyết điểm của người khác, không nêu tên của bất cứ chư Thanh văn hay Duyên giác, và cũng không loan truyền lỗi lầm của họ; *thứ tư*, cũng vậy, vị ấy không ca ngợi đức hạnh của họ và cũng không sanh lòng ganh tỵ. Nếu vị ấy giữ được cái tâm hoan hỷ và rộng mở theo cách như thế thì những người nghe giáo lý sẽ không phản đối. Với những ai đặt ra những câu hỏi khó khăn, vị ấy không bao giờ dùng pháp Tiểu Thừa mà chỉ dùng giáo pháp Đại Thừa để trả lời, khiến cho họ có thể đạt được trí huệ toàn hảo.”

Thứ ba là Hạnh An Lạc Nơi Tâm Của Một Vị Bồ Tát: Theo Kinh Pháp Hoa, Đức Phật đưa ra 8 lời khuyên cho chư vị Bồ Tát như sau: “*Thứ nhất*, một vị Bồ Tát không nên chất chứa lòng đố kỵ hay lừa dối. *Thứ hai*, vị ấy không khinh thường, nhục mạ những người tu tập theo Phật đạo khác dù họ là những người sơ cơ, cũng không vạch ra những ưu hay khuyết điểm của họ. *Thứ ba*, nếu có người tìm cầu Bồ Tát đạo, vị ấy không làm cho họ chán nản khiến họ nghi ngờ và hối tiếc, cũng không nói những điều làm cho người ấy nhục chí. *Thứ tư*, vị ấy không ham mê bàn luận về các pháp hoặc tranh cãi mà nên nỗ lực tu tập thực hành để cứu độ chúng sanh. *Thứ năm*, vị ấy nên nghĩ đến việc cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau bằng lòng đại bi của mình. *Thứ sáu*, vị ấy nên nghĩ đến chư Phật như nghĩ đến những đấng từ phụ. *Thứ bảy*, vị ấy nên luôn nghĩ đến những vị Bồ Tát khác như những vị thầy

vĩ đại của mình. *Thứ tám*, vị ấy nên giảng pháp đồng đều cho tất cả chúng sanh mọi loài.”

Thứ tư là Hạnh An Lạc Nơi Nguyện Của Một Vị Bồ Tát: Theo Kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy một vị Bồ Tát nên thực hành hạnh an lạc về nguyện như sau: “An lạc hạnh nơi nguyện có nghĩa là có một tinh thần từ thiện lớn lao. Vị Bồ Tát nên tỏ lòng thương xót lớn lao đối với những người tại gia và ngay cả chư Tăng, những người chưa là Bồ Tát, nhưng lại thỏa mãn với những ý tưởng ích kỷ là chỉ cứu lấy riêng mình. Vị ấy cũng nên quyết định rằng mặc dù bây giờ người ta chưa cầu, chưa tin, chưa hiểu những gì Đức Phật đã giảng dạy trong kinh này, khi đạt được toàn giác thì với năng lực siêu phàm và năng lực trí tuệ, vị ấy sẽ dẫn họ vào an trú trong pháp này.”

Bodhisattvas' Pleasant Practices

First, Pleasant Practice of the Body: To attain a happy contentment by proper direction of the deeds of the body. The Buddha taught the pleasant practice of the body by dividing it into two parts, a Bodhisattva's spheres of action and of intimacy. A Bodhisattva's sphere of action means his fundamental attitude as the basis of his personal behavior. A Bodhisattva is patient, gentle, and agreeable, and is neither hasty nor overbearing, his mind is always unperturbed. Unlike ordinary people, he is not conceited or boastful about his own good works. He must see all things in their reality. He never take a partial view of things. He acts toward all people with the same compassion and never making show of it. The Buddha teaches a Bodhisattva's sphere of intimacy by dividing it into ten areas: *First*, a Bodhisattva is not intimate with men of high position and influence in order to gain some benefit, nor does he compromise his preaching of the Law to them through excessive familiarity with them. *Second*, a Bodhisattva is not intimate with heretics, composers of worldly literature or poetry, nor with those who chase for worldly life, nor with those who don't care about life. Thus, a Bodhisattva must always be on the “Middle Way,” not adversely affected by the impurity of the above mentioned people. *Third*, a Bodhisattva does not resort to brutal sports, such as boxing and wrestling, nor the various juggling performances of dancers and others. *Fourth*, a Bodhisattva does not consort personally

with those who kill creatures to make a living, such as butchers, fishermen, and hunters, and does not develop a callous attitude toward engaging in cruel conduct. *Fifth*, a Bodhisattva does not consort with monks and nuns who seek peace and happiness for themselves and don't care about other people, and who satisfy with their own personal isolation from earthly existence. Moreover, he does not become infected by their selfish ideas, nor develop a tendency to compromise with them in listening to the laws preached by them. If they come to him to hear the Law, he takes the opportunity to preach it, expect nothing in return. *Sixth*, when he preaches the Law to women, he does not display an appearance capable of arousing passionate thoughts, and he maintains a correct mental attitude with great strictness. *Seventh*, he does not become friendly with any hermaphrodite. This means that he needs to take a very prudent attitude when he teaches such a deformed person. *Eighth*, he does not enter the homes of others alone. If for some reason he must do so, then he thinks single-mindedly of the Buddha. This is the Buddha's admonition to the Bodhisattva to go everywhere together with the Buddha. *Ninth*, if he preaches the Law to lay women, he does not display his teeth in smile nor let his breast be seen. *Tenth*, he takes no pleasure in keeping young pupils and children by his side. On the contrary, the Buddha admonishes the Bodhisattva ever to prefer meditation and seclusion and also to cultivate and control his mind.

Second, Pleasant Practice of the Mouth of a Bodhisattva:

According to the Lotus Sutra, the Buddha gave instructions to all Bodhisattvas on Pleasant practice of the mouth as follows: "*First*, a Bodhisattva takes no pleasure in telling of the errors of other people or of the sutras; *second*, he does not despise other preachers; *third*, he does not speak of the good and evil, the merits and demerits of other people, nor does he single out any Sravakas or Pratyeka-buddhas by name, nor does he broadcast their errors and sins; *fourth*, in the same way, he do not praise their virtues, nor does he beget a jealous mind. If he maintains a cheerful and open mind in this way, those who hear the teaching will offer him no opposition. To those who ask difficult questions, he does not answer with the law of the small vehicle but only with the Great vehicle, and he explains the Law to them so that they may obtain perfect knowledge."

Third, Pleasant Practice of the Mind of a Bodhisattva: According to the Lotus Sutra, the Buddha gave eight advices to all Bodhisattvas as follows: “*First*, a Bodhisattva does not harbor an envious or deceitful mind. *Second*, he does not slight or abuse other learners of the Buddha-way even if they are beginners, nor does he seek out their excesses and shortcomings. *Third*, if there are people who seek the Bodhisattva-way, he does not distress them, causing them to feel doubt and regret, nor does he say discouraging things to them. *Fourth*, he should not indulge in discussions about the laws or engage in dispute but should devote himself to cultivation of the practice to save all living beings. *Fifth*, he should think of saving all living beings from the sufferings through his great compassion. *Sixth*, he should think of the Buddhas as benevolent fathers. *Seventh*, he should always think of the Bodhisattvas as his great teachers. *Eighth*, he should preach the Law equally to all living beings.”

Fourth, Pleasant Practice of the Vow of a Bodhisattva: According to the Lotus Sutra, the Buddha gave instructions to all Bodhisattvas on Pleasant practice of the vow as follows: “The pleasant practice of the vow means to have a spirit of great compassion. A Bodhisattva should beget a spirit of great charity toward both laymen and monks, and should have a spirit of great compassion for those who are not yet Bodhisattvas but are satisfied with their selfish idea of saving only themselves. He also should decide that, though those people have not inquired for, nor believed in, nor understood the Buddha’s teaching in this sutra, when he has attained Perfect Enlightenment through his transcendental powers and powers of wisdom he will lead them to abide in this Law.”

Chương Mười Ba
Chapter Thirteen

Bồ Tát Nguyên

Tổng Quan Về Bồ Tát Nguyên: Bốn nguyện của Bồ Tát Đại Thừa là cứu độ chúng sanh vượt thoát si mê. Theo Nghiên Cứu Kinh Lăng Già của Thiền Sư D.T. Suzuki, theo trí tuệ siêu việt các Bồ Tát biết rằng chân lý Bồ Tát vượt khỏi mọi sự định tính và không hề chịu bất cứ hình thức miêu tả nào, nhưng vì tâm các ngài đầy từ bi đối với tất cả chúng sanh, là những kẻ không thể nào bước ra khỏi vùng nước xoáy của hữu và phi hữu, nên các ngài hướng những nguyện ước mãnh liệt của các ngài đến sự cứu độ và giải thoát chúng sanh. Trái tim của chính ngài thì thoát khỏi những chấp trước như những kẻ chưa chứng ngộ thường tôn giữ, mà lại cảm thấy kiên định vì trí tuệ của các ngài đã không phá diệt điều này, và từ đó mà có các bốn nguyện, các phương tiện thiện xảo và các Hóa Thân của các ngài. Nhưng tất cả những gì mà các ngài làm để làm chín muồi tất cả mọi chúng sanh để đáp ứng yêu cầu của họ và cũng giống như ánh trăng trong nước, các ngài hiện ra đủ mọi hình tướng mà thuyết pháp. Hoạt động của các ngài thuật ngữ Đại Thừa gọi là Vô Công Dụng Hạnh, nghĩa là những hành động không dụng công, không tác động, không mục đích. Khi vị Bồ Tát nhập vào địa thứ nhất gọi là Hoan Hỷ Địa, trong sự nghiệp tu tập tâm linh, ngài phát ra mười lời nguyện bao trùm toàn bộ vũ trụ, trải rộng tới cuối chỗ không gian, đạt đến tận cùng của thời gian, hết tất cả các kiếp và vẫn vận hành không gián đoạn khi có Đức Phật xuất hiện.

Thứ nhất là Tứ Hoằng Thệ Nguyện: Tứ Hoằng Thệ Nguyện là bốn phổ nguyện lớn của Phật và Bồ Tát. Tứ hoằng thệ nguyện căn bản là sự diễn giải lại về Tứ Diệu Đế của trường phái Đại Thừa. Ngoài việc chấm dứt khổ đau của chính mình, người ta còn nguyện chấm dứt khổ đau cho chúng sanh mọi loài. Ngoài việc diệt tận phiền não của chính mình, người ta còn nguyện chấm dứt phiền não cho hết thảy chúng sanh. Ngoài việc tu học một pháp môn duy nhất cho sự giác ngộ của chính mình, người ta nguyện sẽ tu học hết thảy các pháp môn, để từ đó người ta có thể giảng dạy lại cho hết thảy chúng sanh một cách thích hợp. Người ta nguyện tu thành Phật chứ không thỏa thích với quả vị A La Hán. Tuy nhiên, chỉ tụng đọc những lời nguyện lớn này không

chưa đủ. Mình phải tự xét lấy chính mình. Khi mình nói chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Mình đã có hóa độ ai chưa? Nếu đã có hóa độ rồi, thì hãy tiếp tục hóa độ họ. Tại sao? Vì người ta nói Đức Phật cứu độ hết thấy chúng sanh, nhưng lại nghĩ rằng mình chưa từng hóa độ một chúng sanh nào. Điều này có nghĩa là dù mình có cứu độ nhiều chúng sanh đi nữa cũng đừng luyến chấp vào hình tướng của sự hóa độ chúng sanh ấy. Theo Phật giáo Đại Thừa, tứ hoằng thệ nguyện hay bốn lời thệ nguyện rộng lớn, là một phần trong những lời thệ nguyện của Bồ Tát mà người ta thường đọc tụng ba lần sau các buổi tọa thiền trong các Thiền viện. Những lời thệ nguyện này cũng được tụng đọc sau các khóa lễ Phật giáo. *Thứ nhất là Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*, tức là nguyện cứu độ hết thấy chúng sanh. Theo Lục Tổ Huệ Năng trong Pháp Bảo Đàn Kinh, tự tâm chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, tự tâm phiền não vô biên thệ nguyện đoạn, tự tánh pháp môn vô tận thệ nguyện học, tự tánh Vô Thượng Phật đạo thệ nguyện thành.” Nầy thiện tri thức! Cả thầy đâu chẳng nói: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, nói thế ấy, vả lại không phải là Huệ Năng độ.” Nầy thiện tri thức! Chúng sanh trong tâm, chỗ gọi rằng tâm tà mê, tâm cuống vọng, tâm bất thiện, tâm tật đố, tâm ác độc, những tâm như thế trọn là chúng sanh, mỗi người nên tự tánh tự độ, ấy gọi là chơn độ. Sao gọi là tự tánh tự độ? Tức là trong tâm những chúng sanh tà kiến, phiền não, ngu si, mê vọng, đem chánh kiến mà độ. Đã có chánh kiến bèn sử dụng trí Bát Nhã đánh phá những chúng sanh ngu si mê vọng, mỗi mỗi tự độ, tà đến thì chánh độ, mê đến thì ngộ độ, ngu đến thì trí độ, ác đến thì thiện độ, độ như thế gọi là chơn độ. *Thứ nhì là Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*, nghĩa là nguyện đoạn tận hết thấy phiền não dục vọng. Cũng theo Kinh Pháp Bảo Đàn, lại phiền não vô biên thệ nguyện đoạn, đem tự tánh Bát Nhã trí trừ hư vọng tư tưởng tâm ấy vậy. *Thứ ba là Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*, nghĩa là nguyện học hết vô lượng pháp môn. Cũng theo Kinh Pháp Bảo Đàn, lại pháp môn vô tận thệ nguyện học, phải tự thấy tánh của mình, thường hành chánh pháp, ấy gọi là chơn học. *Thứ tư là Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*, nghĩa là nguyện chứng thành Phật đạo vô thượng. Cũng theo Kinh Pháp Bảo Đàn, lại vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành, đã thường hay hạ tâm hành nơi chơn chánh, lìa mê, lìa giác, thường sanh Bát Nhã trừ chơn trừ vọng, tức thấy được Phật tánh, liền ngay nơi lời nói, liền thành Phật đạo, thường nhớ tu hành, ấy là pháp nguyện lực.

Thứ nhì là Mười Nguyên Bồ Tát: Theo Nghiên Cứu Kinh Lăng Già của Thiên Sư D.T. Suzuki, chư Bồ Tát có mười bốn nguyện: *Nguyện thứ nhất:* Tôn kính và phụng sự hết thầy chư Phật, một vị và tất cả, không trừ ra vị nào. *Nguyện thứ hai:* Mãi mãi hộ trì giáo pháp của chư Phật. *Nguyện thứ ba:* Có mặt khi mỗi Đức Phật xuất hiện, dù bất cứ ở đâu hay bất cứ lúc nào. *Nguyện thứ tư:* Thực hành Bồ Tát hạnh là rộng lớn vô lượng, vô tận, vượt khỏi mọi ô nhiễm, và mở rộng các ba la mật hay đức hạnh toàn hảo đến tất cả chúng sanh. *Nguyện thứ năm:* Đưa chúng sanh bằng những lời lẽ dễ hiểu nhất để đến với giáo lý của chư Phật khiến họ có thể tìm thấy chỗ an trú tối hậu trong trí tuệ của các bậc toàn trí. *Nguyện thứ sáu:* Có một nhận thức tự nội về vũ trụ rộng rãi và vô tận trong tất cả các mọi khía cạnh phức tạp của nó. *Nguyện thứ bảy:* Thể hội mối tương quan hỗ tương xâm nhập chặt chẽ của một và tất cả, của tất cả và một, và làm cho mọi quốc độ của chúng sanh thanh khiết như một quốc độ của Phật. *Nguyện thứ tám:* Kết hợp với hết thầy chư Bồ Tát trong sự nhất thể của ý định, trở nên thân thiết với phẩm chất, sự hiểu biết và điều kiện tâm linh của chư Như Lai, khiến cho vị Bồ tát có thể nhập vào mọi giới chúng sanh mà thành tựu Đại Thừa, là giáo pháp vượt khỏi mọi tư nghi. *Nguyện thứ chín:* Xoay bánh xe bất thối chuyển mà từ đó thực hiện công việc phổ độ của mình bằng cách tự làm cho mình giống như vị đại y sư hay như viên ngọc Mani. *Nguyện thứ mười:* Thể chứng sự chứng ngộ tối thượng trong mọi thế giới bằng cách vượt qua các Bồ Tát địa và thành tựu các nguyện ước của mọi chúng sanh bằng một tiếng nói, và trong khi tỏ hiện mình ở trong Niết Bàn, vẫn không ngừng thực hiện các mục đích của quả vị Bồ Tát.

Thứ ba là Phổ Hiền Thập Nguyên: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có Mười Phổ Hiền Hạnh Pháp mà chư Bồ Tát đều có. *Thứ nhất,* nguyện trụ tất cả kiếp vị lai. *Thứ nhì,* nguyện cung kính cúng dường tất cả Phật vị lai. *Thứ ba,* nguyện an trụ tất cả chúng sanh nơi hạnh của Phổ Hiền Bồ tát. *Thứ tư,* nguyện chứa nhóm tất cả thiện căn. *Thứ năm,* nguyện nhập tất cả Ba La Mật. *Thứ sáu,* nguyện đầy đủ tất cả Bồ tát hạnh. *Thứ bảy,* nguyện tất cả trang nghiêm tất cả thế giới. *Thứ tám,* nguyện sanh tất cả cõi Phật. *Thứ chín,* nguyện khéo quán sát tất cả các pháp. *Thứ mười,* nguyện nơi tất cả Phật quốc độ thành vô thượng Bồ Đề.

Thứ tư là Mười Nguyên Thanh Tịnh Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 18, có mười nguyên thanh tịnh của chư Bồ Tát: *Thứ nhất là* nguyện thành thực chúng sanh không mỗi nhàm. *Thứ nhì là* nguyện làm đủ điều lành để nghiêm tịnh thế giới. *Thứ ba là* nguyện thừa sự và tôn kính Như Lai. *Thứ tư là* nguyện hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng. *Thứ năm là* nguyện dùng trí quán sát vào các Phật độ. *Thứ sáu là* nguyện cùng các Bồ Tát đồng một thể tánh. *Thứ bảy là* nguyện vào cửa Như Lai và biết rõ các pháp. *Thứ tám là* nguyện người thấy sanh tín tâm và được lợi lạc. *Thứ chín là* nguyện thần lực trụ thế tận kiếp vị lai. *Thứ mười là* nguyện đủ Phổ Hiền hạnh tu tập môn như thiết chủng trí.

Thứ năm là Mười Nguyên Vô Ngại Dụng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Đại Bồ Tát có mười nguyện vô ngại dụng: *Thứ nhất là* đem nguyện của tất cả Bồ Tát làm nguyện của mình. *Thứ nhì là* đem nguyện lực thành Bồ Đề của tất cả chư Phật, thị hiện tự mình thành chánh giác. *Thứ ba là* tùy chúng sanh được hóa độ, tự mình thành vô thượng chánh đẳng chánh giác. *Thứ tư là* đại nguyện chẳng dứt nơi tất cả vô biên tế kiếp. *Thứ năm là* xa lìa thức thân, chẳng chấp trí thân, dùng nguyện tự tại hiện tất cả thân. *Thứ sáu là* xả bỏ thân mình để thành mãn nguyện của người. *Thứ bảy là* giáo hóa khắp chúng sanh mà chẳng bỏ đại nguyện. *Thứ tám là* ở tất cả các kiếp thực hành Bồ Tát hạnh mà đại nguyện chẳng dứt. *Thứ chín là* nơi một lỗ lông hiện thành chánh giác, do nguyện lực nên đầy khắp tất cả Phật độ. Ở vô lượng thế giới vì mỗi chúng sanh mà thị hiện như vậy. *Thứ mười là* nói một câu pháp khắp tất cả pháp giới, nổi mây lớn chánh pháp, chói điển quang giải thoát, nổ tiếng sấm thiết pháp, rưới mưa vị cam lồ, dùng nguyện lực lớn thấm nhuần khắp tất cả chúng sanh giới.

Thứ sáu là Mười Vô Tận Nguyện: Mười lời nguyện vô tận của một vị Bồ Tát ở Hoan Hỷ Địa. Các lời nguyện được gọi là vô tận vì đối tượng của chúng thuộc bản chất như thế. Vì cả mười thế giới kể dưới đây sẽ không bao giờ dứt tận, và hề chừng nào chúng còn tiếp tục hiện hữu thì vị Bồ Tát vẫn sẽ thực hiện các đại nguyện của mình với năng lực và sự cả quyết. *Thứ nhất là* Vô Sinh Giới hay thế giới của các chúng sanh (Sattvadhatu (skt)). *Thế giới thứ nhì là* Thế giới này (Lokadhatu (skt)). *Thế giới thứ ba là* Hư Không Giới hay không gian, hư không (Akasadhatu (skt)). *Thế giới thứ tư là* Pháp Giới hay thế giới

trong đó Pháp là thù thắng (Dharmadhatu (skt). *Thứ năm* là Niết Bàn Giới hay Thế giới Niết Bàn (Nirvanadhatu (skt). *Thứ sáu* là Phật Xuất Hiện Giới hay thế giới mà ở đó Đức Phật ra đời (Buddhotpadhatu (skt). *Thứ bảy* là Như Lai Trí Giới hay thế giới của Như Lai trí (Tathagatajnanadhatu (skt). *Thứ tám* là Tâm Sở Duyên Thế Giới hay thế giới làm đối tượng của ý tưởng (Cittalambanadhatu (skt). *Thứ chín* là Phật Trí Sở Nhập Cảnh Giới hay thế giới làm đối tượng của Phật trí (Buddhavishayajnanadhatu (skt). *Thứ mười* là Thế Gian Chuyển Pháp Luân Trí Chuyển Giới hay thế giới mà ở đó cuộc đời trần tục nầy Pháp và Phật trí phát sanh (Lokavartani-dharmavartani-jnanavartani-dhatu (skt).

Thứ bảy là Mười Trụ Pháp Giúp Chư Bồ Tát Viên Mãn Đại Nguyện: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 18, có mười trụ pháp giúp chư đại Bồ Tát viên mãn đại nguyện. Khi chư Bồ Tát thành tựu những nguyện nầy thời được mười vô tận trạng. *Thứ nhất* là tâm không nhầm chán. *Thứ nhì* là đủ đại trang nghiêm. *Thứ ba* là nhờ nguyện lực thù thắng của chư Bồ Tát. *Thứ tư* là nghe các Phật độ đều nguyện vãng sanh. *Thứ năm* là thâm tâm (Bồ Đề) lâu dài tận kiếp vị lai. *Thứ sáu* là nguyện trọn thành tựu tất cả chúng sanh. *Thứ bảy* là trụ tất cả kiếp chẳng lấy làm nhọc. *Thứ tám* là thọ tất cả khổ chẳng sanh oán hận. *Thứ chín* là nơi tất cả sự vui lòng không tham trước. *Thứ mười* là thường siêng gìn giữ pháp môn vô thượng.

Bodhisattvas' Vows

An Overview of Bodhisattvas' Vows: The fundamental vow of a Mahayana Bodhisattva to save all sentient beings from delusion. According to The Studies in The Lankavatara Sutra, written by Zen Master D.T. Suzuki, according to his transcendental insight into the truth of things, the Bodhisattva knows that it is beyond all eradicates and not at all subject to any form of description, but his heart full of compassion and love for all beings who are unable to step out of the dualistic whirlpools of “becoming” or not becoming,” he directs his vows towards their salvation and emancipation. His own heart is free from such attachments as are ordinarily cherished by the unemancipated, but that which feels persists, for his insight has not destroyed this, and hence his Purvapranidhana, his Upayakausalya, his

Nirmanakaya. Yet all that he does for the maturity of all beings in response to their needs, is like the moon reflection in water, showing himself in all forms and appearances he preaches to them on the Dharma. His activity is what is in Mahayana phraseology called “Anabhogacarya,” deeds that are effortless, effectless, and purposeless. When the Bodhisattva enters upon the first stage called Joy or Pramudita, in the career of his spiritual discipline, he makes the following solemn vows, ten in number, which, flowing out of his most earnest determined will, are as all-inclusive as the whole universe, extending to the extremity of space itself, reaching the end of time, exhausting all the number of kalpas or ages, and functioning uninterruptedly as long as there is the appearance of a Buddha.

First, Four Magnanimous Vows: The magnanimous Vows mean the four universal vows of a Buddha or Bodhisattva (four magnanimous Vows or four all-encompassing vows). The four great vows are basically a Mahayana reinterpretation of the Four Holy Truths. In addition to ending one’s own suffering, one vows to end the suffering of all living beings. In addition to eliminating one’s own afflictions, one vows to end the inexhaustible afflictions of all living beings. In addition to learning only the single Dharma-door necessary for one’s own enlightenment, one vows to learn all the Dharma-doors, so that one can teach all living beings appropriately. Rather than being satisfied with reaching the stage of the Arhat, one vows to become a Buddha. However, it is not enough just to recite the vows. You have to return the light and think them over: The vows say that I will save countless number of beings. Have I done so? If I have, it should still be the same as if I had not saved them. Why? It is said that the Thus Come One saves all living beings, and yet not a single living being has been saved. This means that even though you have saved quite a few numbers of living beings, but do not attach to the mark of saving living beings. According to the Mahayana, the four great magnanimous vows, that are part of the Bodhisattva vow as they recited three times successively in a Zen monastery after ending the practice of sitting meditation. These vows are also recited at the end of any Buddhist ceremonies. *First, Vow to save all living beings without limits:* Sentient beings are numberless (countless), I vow to save them all. According to the Sixth Patriarch Hui-Neng Sutra, good knowing advisors, did all of

you not just say, “I vow to take across the limitless beings? What does it mean? You should remember that it is not Hui-Neng who takes them across. Good Knowing Advisors, the ‘living beings’ within your mind are deviant and confused thoughts, deceitful and false thoughts, unwholesome thoughts, jealous thoughts, vicious thoughts: and these thoughts are ‘living beings’ The self-nature of each one of them must take itself across. That is true crossing over. What is meant by ‘the self-nature taking across?’ It is to take across by means of right views the living beings of deviant views, affliction, and delusion within your own mind. Once you have right views, use Prajna Wisdom to destroy the living beings of delusion, confusion, and falsehood. Each one takes itself across. Enlightenment takes confusion across, wisdom takes delusion across, goodness takes evil across. Such crossing over is a true crossing. *Second, Vow to put an end to all passions and delusions, though innumerable:* Afflictions (annoyances) are inexhaustible (endless), I vow to end (cut) them all. Also according to the Sixth Patriarch Hui-Neng Sutra, ‘I vow to cut off the inexhaustible afflictions.’ That is to use the Prajna Wisdom of your own self-nature to cast out the vain and false thoughts in your mind. *Third, Vow to study and learn all methods and means without end:* Schools and traditions are manifold, I vow to study them all. The teachings of Dharma are boundless, I vow to learn them all. Also according to the Sixth Patriarch Hui-Neng Sutra, ‘I vow to study the immeasurable Dharma-door.’ You must see your own nature and always practice the right Dharma. That is true study. *Fourth, Vow to become perfect in the supreme Buddha-law:* The Buddha-Way (Truth) is supreme (unsurpassed), I vow to complete (realize) it. Also according to the Sixth Patriarch Hui-Neng Sutra, ‘I vow to realize the supreme Buddha Way,’ and with humble mind to always practice the true and proper. Separate yourself from both confusion and enlightenment, and always give rise to Prajna. When you cast out the true and the false, you see your nature and realize the Buddha-way at the very moment it is spoken of. Always be mindful; cultivate the Dharma that possesses the power of this vow.”

Second, Ten Bodhisattvas’ Vows: According to The Studies in The Lankavatara Sutra, written by Zen Master D.T. Suzuki, a Bodhisattva has ten original vows: *The first vow:* To honour and serve all the Buddhas, one and all without a single exception. *The second vow:* To

work for the preservation and perpetuation of the teaching of all the Buddhas. *The third vow:* To be present at the appearance of each Buddha, wherever and whenever it may be. *The fourth vow:* To practice the proper conduct of Bodhisattvahood which is wide and measureless, imperishable and free from impurities, and to extend the Virtues of Perfection (paramitas) towards all beings. *The fifth vow:* To induce all beings in the most comprehensive sense of the term to turn to the teaching of the Buddhas so that they may find their final abode of peace in the wisdom of the all-wise ones. *The sixth vow:* To have an inner perception of the universe, wide and inexhaustible, in all its possible multitudinousness. *The seventh vow:* To realize the most closely interpenetrating relationship of each and all, of all and each, and to make everyland of beings immaculate as a Buddha-land. *The eighth vow:* To be united with all the Bodhisattvas in oneness of intention, to become intimately acquainted with the dignity, understanding, and psychic condition of the Tathagatas, so that the Bodhisattva can enter any society of beings and accomplish the Mahayana which is beyond thought. *The ninth vow:* To evolve the never-receding wheel whereby to carry out his work of universal salvation, by making himself like unto the great lord of medicine or wish-fulfilling gem. *The tenth vow:* To realize the great supreme enlightenment in all the worlds, by going through the stages of Buddhahood, and fulfilling the wishes of all beings with one voice, and while showing himself to be in Nirvana, not to cease from practicing the objects of Bodhisattvahood.

Third, Ten Principles of Universally Good of Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten principles of Universally Good which Enlightening Beings have. *First,* vowing to live through all future ages. *Second,* vowing to serve and honor all Buddhas of the future. *Third,* vowing to settle all sentient beings in the practice of Universally Good Enlightening Beings. *Fourth,* vowing to accumulate all roots of goodness. *Fifth,* vowing to enter all ways of transcendence. *Sixth,* vowing to fulfill all practices of Enlightening Beings. *Seventh,* vowing to adorn all worlds. *Eighth,* vowing to be born in all Buddha-lands. *Ninth,* vowing to carefully examine all things. *Tenth,* vowing to attain supreme enlightenment in all Buddha-lands.

Fourth, Ten Pure Vows of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 18, there are ten pure vows of Enlightening Beings: *First*, vow to develop living beings to maturity, without wearying. *Second*, vow to fully practice all virtues and purify all worlds. *Third*, vow to serve the enlightened, always engendering honor and respect. *Fourth*, vow to keep and protect the true teaching, not begrudging their lives. *Fifth*, vow to observe with wisdom and enter the lands of the Buddhas. *Sixth*, vow to be of the same essence as all Enlightening Beings. *Seventh*, vow to enter the door of realization of Thusness and comprehend all things. *Eighth*, vow that those who see them will develop faith and all be benefited. *Ninth*, vow to stay in the world forever by spiritual power. *Tenth*, vow to fulfill the practice of Universal Good and master the knowledge of all particulars and all ways of liberation.

Fifth, Ten Kinds of Unimpeded Function Relating to Vows of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of unimpeded function relating to vows of Great Enlightening Beings: *First*, make the vows of all Enlightening Beings their own vows. *Second*, manifest themselves attaining enlightenment by the power of the vow of attaining of enlightenment of all Buddhas. *Third*, attain supreme perfect enlightenment themselves in accordance with the sentient beings they are teaching. *Fourth*, never end their great vows, throughout all eons, without bounds. *Fifth*, detaching from the body of discriminating consciousness and not clinging to the body of knowledge, they manifest all bodies by free will. *Sixth*, give up their own bodies to fulfill the aspirations of others. *Seventh*, edify all sentient beings without giving up their great vows. *Eighth*, cultivate the deeds of Enlightening Beings in all ages, yet their great vows never end. *Ninth*, manifest the attainment of true enlightenment in a minute point (a pore), pervade all Buddha-lands by the power of vowing, and show this to each and every sentient beings in untold worlds. *Tenth*, explain a phrase of teaching, throughout all universes, raising great clouds of true teaching, flashing the lightning of liberation, booming the thunder of truth, showering the rain of elixir of immortality, fulfilling all sentient beings by the power of great vows.

Sixth, Ten Inexhaustible Vows (Dasanishthapada (skt): Ten Inexhaustible Vows to be made by the Bodhisattva at the Stage of Joy.

The vows are called “inexhaustible” because their objectives are of such nature. Because all the ten worlds will never come to an end, and as long as they continue to exist, the Bodhisattva will never put forward his great vows with energy and determination. *The first world* is the world of beings. *The second world* is this world. *The third world* is the space. *Fourth*, the world where Dharma prevails. *The fifth world* is the Nirvana-world. *The sixth world* is the world where the Buddha is born. *The Seventh world* is the world of Tathagata-knowledge. *The eighth world* is the world as the object of thought. *Ninth*, the world as the object of Buddha-knowledge. *The tenth world* is the world where this worldly life, the Dharma and the Buddha-knowledge are evolved.

Seventh, Ten Principles (abiding) Which Help Enlightening Beings to Fulfill Their Great Vows: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 18, there are ten principles (abiding) which help Enlightening Beings to fulfill their great vows. When Enlightening Beings fulfill these vows, they will attain ten inexhaustible treasures. *First*, never wearying in mind. *Second*, preparing great adornments. *Third*, remembering the superlative will power of enlightening beings. *Fourth*, when hearing about the Buddha-lands, vowing to be born in them all. *Fifth*, keep their profound determination everlasting. *Sixth*, vowing to develop all living beings fully. *Seventh*, staying through all ages without considering it troublesome. *Eighth*, accepting all suffering without aversion. *Ninth*, having no craving or attachment to any pleasures. *Tenth*, always diligently protecting the unexcelled teaching.

Chương Mười Bốn
Chapter Fourteen

Bồ Tát Địa

Đại Thừa Thập Địa Bồ Tát: “Bhumi” là thuật ngữ Bắc Phạn có nghĩa là “Địa”, dùng để chỉ những giai đoạn phát triển của một vị Bồ Tát. Mỗi giai đoạn kế tiếp tiêu biểu cho một mức độ tiến xa hơn trong việc thành tựu tâm linh đi kèm với sự tiến bộ về trí tuệ. Trong Phật giáo Đại Thừa, có 10 mức độ qua đó một vị Bồ Tát tiến bộ trên đường đạt thành Phật quả: 1) Hoan Hỷ Địa, được thành tựu khi Bồ Tát lần đầu tiên trực nhận tánh không, và đồng thời thấy được con đường đạo; trong giai đoạn này Bồ Tát phát triển bố thí ba la mật; 2) Ly Cấu Địa, trong thời gian này các vị Bồ Tát thuần thực giới luật ba la mật và vượt qua tất cả những khuynh hướng tham gia vào ác nghiệp; 3) Phát quang địa, trong giai đoạn này vị Bồ Tát tu tập nhẫn nhục ba la mật; 4) Diễm Huệ Địa, trong giai đoạn này vị Bồ Tát tu tập thành tựu tinh tấn ba la mật; 5) Cực Nan Thắng Địa, trong giai đoạn này vị Bồ Tát tu tập thành tựu thiền định ba la mật; 6) Hiện Tiền Địa, trong giai đoạn này vị Bồ Tát phát triển trí tuệ ba la mật; 7) Viễn Hành Địa, giai đoạn thành tựu phương tiện ba la mật; 8) Bất Động Địa, trong giai đoạn này vị Bồ Tát thành tựu nguyện ba la mật, từ đây trở đi chư vị Bồ Tát không còn thối chuyển và sẽ tiến bộ đều đều trên đường đi đến Phật quả; 9) Thiện Huệ Địa, trong giai đoạn này vị Bồ Tát thành tựu lực ba la mật và thông hiểu hoàn toàn giáo pháp; 10) Pháp Vân Địa, trong giai đoạn này chư vị Bồ Tát triệt tiêu ngay cả những phiền não vi tế còn sót lại, và tu tập thành tựu trí huệ ba la mật và cuối cùng đạt thành Phật quả. Nói chung, Thập Địa Bồ Tát (Tam Thừa) bao gồm Càn Huệ Địa, Tánh địa, Nhập nhơn địa (Nhẫn địa hay Bát Nhân Địa), Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa, và Phật địa. Trong Kinh Hoa Nghiêm, có mười địa vị của Đại Thừa Bồ Tát. Đây là Thập Địa Bồ Tát hay mười giai đoạn của Bồ Tát nguyên lai được tìm thấy trong Thập Địa Kinh của tông Hoa Nghiêm, chẳng qua chỉ dùng như những danh xưng cho những phạm phu chưa có sự chứng nghiệm trong Vô Học Đạo.

Thập Địa Bồ Tát Theo Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Thập Địa Bồ Tát là mười giai đoạn của Đại Thừa Giáo, được coi như là được xiển dương

để phân biệt địa vị của Bồ Tát với địa vị của Tiểu Thừa Thanh Văn và Duyên Giác. *Thứ nhất là Hoan Hỷ địa:* Giai đoạn Bồ tát cảm thấy niềm vui tràn ngập vì đang vượt thắng những khó khăn trong quá khứ, phần chứng chơn lý và bây giờ đang tiến vào trạng thái của Phật và sự giác ngộ. Trong giai đoạn này Bồ Tát đạt được bản tánh Thánh Hiền lần đầu và đạt đến tịnh lạc khi đã đoạn trừ mê hoặc ở kiến đạo, và đã hoàn toàn chứng đắc hai thứ tánh không: nhân và pháp không. Đây là giai đoạn mà vị Bồ Tát cảm thấy hoan hỷ khi Ngài dẹp bỏ được lý tưởng hẹp hòi của Niết Bàn cá nhân đi đến lý tưởng cao đẹp hơn để giúp cho tất cả chúng sanh giải thoát mọi vô minh đau khổ. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Ông A Nan! Người thiện nam đó, đối với đại Bồ Đề khôn khéo được thông đạt, về giác phần thân với Như Lai, cùng tột cảnh giới Phật. Đó gọi là Hoan Hỷ Địa.” *Thứ nhì là Ly Cấu địa:* Ly cấu theo nghĩa tiêu cực là ‘không bị ô uế,’ nhưng theo nghĩa tích cực là ‘tâm thanh tịnh.’ Đây là giai đoạn mà vị Bồ Tát thanh tịnh, hoàn thiện đạo đức của mình, và tự giải thoát khỏi mọi khuyết điểm bằng cách thực hành thiền định. Giai đoạn ly cấu là giai đoạn mà vị Bồ Tát lìa bỏ mọi phiền não (dục vọng và uế trước) của dục giới. Trong giai đoạn này vị Bồ Tát đạt đến giới đức viên mãn và hoàn toàn vô nhiễm đối với giới hạnh. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Tĩnh khác vào đồng. Đồng tĩnh cũng diệt, đó gọi là ly cấu địa.” *Thứ ba là Phát Quang địa:* Giai đoạn Bồ Tát hiểu thấu triệt tính cách vô thường của tất cả sự vật. Ngài thấy rõ tính chất tạm bợ của cuộc đời và phát triển đức tính kiên nhẫn bằng cách chịu đựng những khó khăn và tích cực giúp đỡ sinh linh. Trong giai đoạn này, sau khi đã đạt được nội quán thâm sâu, vị Bồ Tát phát ra ánh sáng trí tuệ, đạt được nhẫn nhục viên mãn và thoát khỏi những mê vọng của tu đạo. Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Trong sạch cùng tột, sáng phát sinh ra thì gọi là phát quang địa.” *Thứ tư là Diễm Huệ địa:* Trong giai đoạn này, Bồ Tát thực hành sự an nhiên tự tại và đốt bỏ những thứ ô nhiễm và vô minh. Đây là giai đoạn mà vị Bồ Tát đạt được sự viên mãn của tinh tấn, nhân đó ngày càng tăng năng lực quán hạnh, thiêu đốt những dục lạc trần thế cũng như những tư tưởng sai lạc còn nằm trong đầu, trau dồi trí năng cũng như hoàn thiện ba mươi bảy phẩm trợ đạo để đạt tới giác ngộ. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Sáng cùng tột rồi được giác

phần viên mãn thì gọi là diễm huệ địa.” *Thứ năm là Cực Nan Thắng địa*: Giai đoạn Bồ tát vượt thắng mọi khó khăn và phiền não cuối cùng. Trong giai đoạn này, Bồ Tát phát huy tinh thần bình đẳng đồng nhất và đắm mình vào thiền định, đạt được sự viên mãn của thiền định nhằm đạt được nhận thức trực giác về chân lý, hiểu được tứ đế, từ bỏ mọi hoài nghi và do dự, biết phân biệt đúng sai, trong khi vẫn tiếp tục hoàn thiện ba mươi bảy phẩm trợ đạo (trong giai đoạn này Bồ Tát thuận nhẫn tu đạo, các loại vô minh, nghi kiến của tam giới, hết thấy đều thấy là không). Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Tất cả đồng và khác không thể đến, đó gọi là cực nan thắng địa.” *Thứ sáu là Hiện Tiền địa*: Giai đoạn Bồ tát đạt được sự viên mãn của trí huệ, hiểu ra các pháp đều không có dấu phân biệt, không có nguồn gốc, không có tồn tại với không tồn tại. Bồ tát hiểu được quá trình thập nhị nhân duyên. Nhờ hiểu được tính hư không và hoàn thiện trí năng. Trong giai đoạn này, Bồ Tát trực diện với thực tại, và ý thức được sự đồng nhất của tất cả các hiện tượng. Nhờ đó mà trí huệ tối thượng lộ dạng và vị Bồ tát có thể tịch diệt mãi mãi, Bồ Tát giữ mãi bình đẳng tính đối với tịnh và bất tịnh, nhưng vì cảm thông với chúng sanh, Bồ tát vẫn trở lại thế gian. Theo Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Vô vi chân như, tính tịnh sáng suốt lộ ra, đó gọi là hiện tiền địa.” *Thứ bảy là Viễn Hành địa*: Bồ Tát đã bỏ xa tình trạng ngã chấp của nhị thừa, có đầy đủ nhận thức về mình cũng như đạt được kiến thức về các phương tiện thiện xảo khiến Bồ tát có lòng đại bi và khả năng dẫn dắt tha nhân tiến về nẻo bồ đề. Sau khi đã vượt qua giai đoạn này, Bồ Tát vượt lên trên hàng Nhị Thừa, và sẽ không bao giờ rơi trở lại vào ác đạo. Trong giai đoạn này, Bồ Tát đã lãnh hội được kiến thức có thể giúp Ngài giải thoát, đã chứng đắc Niết Bàn nhưng vẫn chưa tiến vào, vì còn bận rộn dẫn thân vào việc giúp cho những chúng sanh đều được giải thoát. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Cùng tột đến chân như gọi là viễn hành địa.” *Thứ tám là Bất Động địa*: Bất Động Địa hay giai đoạn không chuyển động. Khi vị Bồ Tát đạt đến đây, Ngài trải qua ‘vô sanh pháp nhẫn’ (anutpattika-dharma-ksanti), tức là chấp nhận sự bất sanh của tất cả các hiện tượng. Nơi đây Ngài tri nhận sự tiến hóa và thoái hóa của vũ trụ. Trong giai đoạn này, vị ấy đoạn trừ phân biệt, hiểu thấu suốt bản chất của hiện hữu, hiểu tại sao hiện hữu giống như huyễn ảo, vân vân, hiểu phân biệt xuất phát từ sự

mong mỗi vốn có của chúng ta để được thấy từ sự hiện hữu phân chia chủ khách như thế nào, hiểu tâm và những gì thuộc về tâm bị khuấy động lên như thế nào; thế rồi vị ấy sẽ thực hiện hiện tất cả những gì gắn liền với đời sống của một Phật tử tốt, để từ đó giúp đưa đến con đường chân lý những ai chưa đến được. Đây là Niết Bàn vốn không phải là sự đoạn diệt của một vị Bồ Tát. Trong giai đoạn này vị Bồ Tát thành tựu nguyện viên mãn và trụ trong vô tướng, mà du hành tự tại tùy cơ. Từ đây không có gì làm rối được sự thanh tịnh của Bồ tát. Trong giai đoạn này, Bồ Tát trụ vững vàng trong Trung Đạo, và đạt được khả năng truyền thụ những giá trị của mình cho người khác và từ chối tích trữ thêm nghiệp. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Một tâm chân như gọi là bất động địa.” *Thứ chín là Thiện Huệ địa:* Trong giai đoạn này, Bồ Tát chứng ngộ tri thức bao quát mà trí huệ thông thường của nhân loại khó có thể hiểu được. Bồ Tát có thể biết được nững dự vọng và tư tưởng của người khác, và có thể giáo dục họ tùy theo khả năng của mỗi người. Lúc này trí năng của Bồ tát đạt tới toàn thiện, Bồ Tát nắm được mười sức mạnh (dashabala), sáu thần thông (Abhijna), bốn xác định (four certainties), tám giải thoát (eight liberations) và các Dharani. Lúc này Bồ tát thông biết về các pháp và giảng dạy học thuyết không ngăn ngại, Bồ Tát cũng biết khi nào, tại đâu và làm thế nào cứu vớt chúng sanh. Trong giai đoạn này, Bồ Tát giảng pháp khắp nơi, đồng thời phán xét những người đáng cứu độ và những người không cứu độ được. Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Phát khởi ra dụng của chân như mà tùy duyên ứng hóa thì gọi là thiện huệ địa. Ông A Nan! Đây các vị Bồ tát, từ địa vị này trở đi, công tu tập xong, công đức viên mãn, nên cũng gọi địa này là tu tập địa.” *Thứ mười là Pháp Vân địa:* Bồ Tát đã thực hiện mọi hiểu biết và phẩm chất vô hạn. Trong giai đoạn này, Bồ Tát thực hành hạnh nguyện cứu độ đồng đều hết thảy chúng sanh, giống như mưa rơi trên vạn hữu không phân biệt. Pháp thân Bồ Tát đầy đủ. Phật quả vị của Bồ tát được chư Phật thọ ký. Trong giai đoạn này, Bồ Tát chứng ngộ được sự minh tướng một cách viên mãn, biết được sự huyền bí của sự sinh tồn, và được tôn sùng là một bậc hoàn mỹ. Kỳ thật, đây là địa vị của Đức Phật biểu hiện nơi một Bồ Tát (đến đây Bồ Tát đã thành Phật). Trong giai đoạn này vị Bồ Tát có thể giảng pháp cho tất cả thế giới một cách bình đẳng như những đám mây tuôn xuống những cơn mưa lớn trong mùa đại hạn

vậy. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật bảo ngài A Nan: “Tiếng nói của đức từ bao dung, che chở như mây nhiệm mầu bao trùm bể Niết Bàn nên gọi là pháp vân địa.”

Thập Địa Thanh Văn: Theo các truyền thống Phật giáo, có mười địa vị của Thanh Văn Thừa. *Thứ nhất là Thọ Tam Quy địa:* Trong giai đoạn này, hành giả bắt đầu bằng cách thọ tam quy ngũ giới. *Thứ hai là Tín địa,* giai đoạn tin tưởng hay cội rễ tin tưởng. *Thứ ba là Tín pháp địa,* giai đoạn tín thọ Tứ Thánh Đế. *Thứ tư là Nội phạm phu địa,* giai đoạn tu tập ngũ đình tâm quán. *Thứ năm là Học tín giải địa,* giai đoạn Văn Tư Tu. *Thứ sáu là Nhập Nhơn địa (Nhẫn địa),* giai đoạn thấy được chân lý. *Thứ bảy là Tu Đà Hườn (Dự Lưu) địa,* giai đoạn Dự lưu hay Nhập lưu và chắc chắn được đạo quả Niết bàn. *Thứ tám là Tư Đà Hàm (Nhất Lai) địa,* giai đoạn Nhất Lai (chỉ còn tái sanh một lần nữa mà thôi). *Thứ chín là A Na Hàm (Bất Lai) địa,* giai đoạn Bất Lai (không còn tái sanh nữa). *Thứ mười là A La Hán địa:* Còn gọi là A La Hán quả. **Ngoài ra, còn có mười địa vị Duyên Giác Thừa, (Thập Địa Duyên Giác):** *Thứ nhất là Khổ Hạnh cụ túc địa,* giai đoạn tu hành khổ hạnh. *Thứ nhì là Tự giác thâm thâm thập nhị nhơn duyên địa,* giai đoạn tu tập và thông hiểu mười hai nhơn duyên. *Thứ ba là Giác Liễu Tứ Thánh đế địa:* Giai đoạn tu tập Tứ Thánh đế. *Thứ tư là Thâm thâm Lợi trí địa,* giai đoạn trí huệ phát triển thâm hậu. *Thứ năm là Bát Thánh Đạo địa,* giai đoạn tu tập Bát Thánh đạo. *Thứ sáu là Giác Liễu Pháp Giới (Tam Pháp Giới) địa,* giai đoạn liễu pháp trong tam giới. *Thứ bảy là Chứng tịch Diệt địa,* giai đoạn Niết bàn. *Thứ tám là Lục Thông địa,* giai đoạn đạt được lục thông. *Thứ chín là Triệt Hòa Mật địa,* giai đoạn đi đến trực giác. *Thứ mười là Tập Khí Tiệm Bạc địa,* giai đoạn chế ngự những ảnh hưởng còn lại của thói quen trong quá khứ.

Thập Địa Du Già Tông: Vào khoảng thế kỷ thứ tư sau Tây Lịch, ngài Vô Trước Bồ Tát, một trong những nhân vật nổi bật của trường phái Du Già Ấn Độ, đã viết bộ Luận Du Già Sư Địa. Đây là bộ luận viết bằng chữ Bắc Phạn. Bộ luận này phác họa con đường đi đến Phật quả của một vị Bồ Tát và diễn tả cách thực hành để đạt được con đường này trong chương 15 của bộ luận nhiều tập, bộ Du Già Địa Luận. Ngài Vô Trước mô tả sự tiến thân của một vị Bồ tát. Có mười Bồ Tát Địa, đi dần lên dòng tiến của sự phát triển tâm linh của vị Bồ Tát, mà đỉnh là sự thể chứng Phật tánh. Người ta nói Bồ Tát Di Lặc đã đọc cho ngài Vô Trước chép lại trên cõi trời Đâu Suất, nói về giáo lý

căn bản của phái Du Già hay Duy Thức. Bộ Luận được ngài Huyền Trang dịch sang Hoa Ngữ. Đây là giáo thuyết của trường phái Du Già (giáo thuyết chính của Du Già cho rằng đối tượng khách quan chỉ là hiện tượng giả hiện của thức A Lại Da là tâm thức căn bản của con người. Cần phải xa lìa quan niệm đối lập hữu vô, tồn tại và phi tồn tại, thì mới có thể ngộ nhập được trung đạo). Du già sư địa luận, bàn về những vùng đất của Yogachara (các địa của Du Già). Đây là tác phẩm căn bản của trường phái Du Già (Yogachara), tác giả có thể là Maitreyanatha hay là Vô Trước (Asanga). Về sau này Đạt Ma Đa La và Phật Đại Tiên dựa trên bộ Du Già Sư Địa Luận để biên soạn thành bộ Kinh Đạt Ma Đa La Thiền Kinh nhằm phổ biến về phương pháp thiền định cho các trường phái Tiểu thừa vào thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch. Kinh được Ngài Phật Đà bạt Đà La dịch sang Hán tự. Kinh chia làm năm phần. Thứ nhất là mười bảy vùng đất đánh dấu sự tiến bước trên đường đại giác với sự trợ giúp của giáo lý Tiểu thừa Du Già. Đây là phần quan trọng nhất. Thứ nhì là những lý giải về những vùng đất khác nhau ấy. Thứ ba là giải thích các kinh điển làm chỗ dựa cho giáo điều về các vùng đất Du Già. Thứ tư là các phạm trù chứa đựng trong các kinh điển ấy. Thứ năm là các đối tượng của kinh điển Phật giáo (kinh, luật, luận). Cũng chính Bộ Du Già Địa Luận đã phác họa con đường đi đến Phật quả của một vị Bồ Tát và diễn tả cách thực hành để đạt được con đường này trong chương 15 của bộ luận nhiều tập. Có mười Bồ Tát Địa, đi dần lên dòng tiến của sự phát triển tâm linh của vị Bồ Tát, mà đỉnh là sự thể chứng Phật tánh. *Thứ nhất là “Hoan hỷ địa”*: Đây là giai đoạn vui thích vì thực chứng được một phần chân lý; và vượt qua được những khó khăn trước đó để đi vào Phật quả. *Thứ nhì là “Ly cấu địa”*: Đây là giai đoạn thanh tịnh vì thoát khỏi những bợn nhơ của phiền não. *Thứ ba là “Phát quang địa”*: Giai đoạn giác ngộ xa hơn. Trong giai đoạn này, hành giả phát quang trí tuệ. *Thứ tư là “Diễm huệ địa”*: Giai đoạn chiếu tỏa trí tuệ trong đó ngọn lửa trí tuệ đốt cháy tất cả những dục vọng trần tục. *Thứ năm là “Cực nan thắng địa”*: Giai đoạn chế ngự những thứ cực kỳ khó khăn; hay giai đoạn vượt qua những huyền ảo cuối cùng của bóng tối vô minh. *Thứ sáu là “Hiện tiền địa”*: Giai đoạn mở ra con đường trí tuệ vượt lên trên bất tịnh và thanh tịnh; hoặc giai đoạn mà trí tuệ tối thượng xuất hiện. *Thứ bảy là “Viễn hành địa”*: Giai đoạn tiến xa hơn, vượt qua ý tưởng vị kỷ để giúp đỡ tha nhân. Trong Viễn Hành Địa, hành giả vượt lên trên nhị thừa. *Thứ tám là “Bất động*

địa”: Giai đoạn đạt được sự bất động. Trong giai đoạn bất động này, hành giả an trụ trong chơn lý của Trung Đạo. *Thứ chín là “Thiện huệ địa”*: Giai đoạn của trí tuệ vô ngại. Trong Thiện Huệ địa, hành giả thuyết giảng vô ngại. *Thứ mười là “Pháp vân địa”*: Giai đoạn hành giả thấm nhuần sức mạnh của Phật pháp. Trong giai đoạn này, hành giả làm lợi lạc tất cả chúng sanh bằng Pháp.

Bodhisattvas' Bhumis

Bodhisattvas' Bhumis of Mahayana Buddhism: “Bhumi” is a Sanskrit term referring to stages of development of a Bodhisattva. Each succeeding level represents a further stage of spiritual accomplishment and is accompanied by progressively greater power and wisdom. In Mahayana, there are ten levels through which Bodhisattvas progress on their way to the attainment of buddhahood: 1) very joyous (pramudita) or land of joy, which is attained when a bodhisattva first directly perceives emptiness (sunyata), and which is simultaneous with the path of seeing (darsanamarga); bodhisattvas on this level develop the perfection (paramita) of generosity (dana); 2) the “stainless” (vimala) or land of purity, during which bodhisattvas ripen the perfection of ethics (sila) and overcome all tendencies to engage in negative actions; 3) the “luminous” (prabhakari) or land of radiance, when bodhisattvas cultivate the perfection of patience (ksanti); 4) the “radiant” (arcismati) or balzing land, when they work at the perfection of effort (virya); 5) the “difficult to cultivate” (sudurjaya) or land of extreme difficult to conquer, during which they ripen the perfection of concentration (dhyana); 6) the “manifest” (abhimuki) or land in view of wisdom, on which they develop the perfection of wisdom (prajna); 7) the “gone afar” (duramgama) or far-reaching land, the stage of perfecting “skill in mean” (upaya-kausalya, the ability skillfully to adapt their teachings to any audience); 8) the “immovable” (acala) or immovable land, during which they work at the perfection of aspiration (pranidhana), from this point onward they are incapable of backsliding and will inevitably progress steadily toward buddhahood; 9) the “good intelligence” samdhumati) or land of good thoughts, the level on which they advance the perfection of power (bala) and fully comprehend all doctrines; 10) the “cloud of doctrine” (dharma-megha) or land of

dharma clouds, during which they eliminate the subtlest traces of remaining affliction and cultivate the perfection of knowledge (jnana) and finally attain Buddhahood. Generally speaking, the “ten stages” of the development of a bodhisattva into a Buddha include Dry or unfertilized stage of wisdom (Unfertilized by Buddha-truth or Worldly wisdom), the embryo-stage of the nature of Buddha-truth, the stage of patient endurance, the stage of freedom from wrong views, the stage of freedom from the first six of nine delusions in practice, the stage of freedom from the remaining worldly desires, the stage of complete discrimination in regard to wrong views and thoughts (the stage of an arhat), Pratyekabuddhahood, Bodhisattvahood, and Buddhahood. According to the Flower Adornment Sutra (Avatamsaka Sutra), there are ten stages or characteristics of a Buddha. The Ten Stages of the Bodhisattva, originally found in the Dasa-bhumi Sutra of the Avatamsaka School, are simply namesakes for ordinary people who have no experience in the Path of No Learning (asaiksa-marga).

Ten Stages of Development of a Bodhisattva into a Buddha in the Surangama Sutra: The ten stages of a Mahayana Bodhisattva development or ten Mahayanistic stages are said to have been profounded in order to distinguish the position of the Bodhisattva from those of the Hinayanistic sravaka and pratyeka-buddha. *The first stage is the land of joy*, or ground of happiness or delight (Paramudita). The first stage of Joy (or utmost joy) at having overcome the former difficulties, realizing a partial aspect of the truth, and now entering on the path to Buddhahood and enlightenment. In this stage, the Bodhisattva attains the holy nature for the first time and reaches the highest pleasure, having been removed from all errors of Life-View (darsana-marga) and having fully realized the twofold sunyata: pudgala and dharma. In this stage, a Bodhisattva feels delight because he is able to pass from the narrow ideal of personal Nirvana to the higher ideal of emancipation all sentient beings from the suffering of ignorance. In the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Ananda: “Ananda, these good men have successfully penetrated through to great Bodhi. Their enlightenment is entirely like the Thus Come One’s. They have fathomed the state of Buddhahood. This is called the ground of happiness.” *The second stage is the land of purity*, or ground of leaving filth, or land of freedom from defilement

(Vimala). Negatively speaking, Vimala means 'freedom from defilement;' positively speaking, Vimala means 'purity of heart.' This is the stage of purity, perfect of discipline, and freedom from all possible defilement through practices of dhyana and samadhi. The stage of purity in which a bodhisattva overcomes all passions and impurity. In this stage, the Bodhisattva reaches the perfection of discipline (sila) and becomes utterly taintless with regard to morality. In the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Anana: "The differences enter into identity; the identity is destroyed. This is called the ground of leaving filth." *The third stage is the land of radiance*, or ground of emitting light (Prabhakari). The stage of further enlightenment where Bodhisattva's insight penetrates into the impermanence of all things, or where he gains insight into impermanence (anitya) of existence and develops the virtue of patience (kshanti) in bearing difficulties and in actively helping all sentient beings. In this stage of the emission of light, after having attained the deepest introspective insight, the Bodhisattva radiates the light of wisdom, gets the perfection of forbearance (ksanti) and becomes free from the errors of Life-Culture (bhavana-marga). According to the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Ananda: "At the point of ultimate purity, brightness comes forth. This is called the ground of emitting light." *The fourth stage is the blazing land*, or the ground of blazing wisdom (Archishmati). Archishmati is the stage in which the Bodhisattva practices passionlessness and detachment and burns the twin coverings of defilement and ignorance. This is the stage of glowing or flaming wisdom where Bodhisattva attains the perfection of bravery or effort (virya), thereby increasing the power of insight more and more. He is able to burn away earthly desires as well as remaining false conceptions, develops wisdom and perfects the thirty-seven requisites of enlightenment. In the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Ananda: "When the brightness becomes ultimate, enlightenment is full. This is called the ground of blazing wisdom." *The fifth stage is the land extremely difficult to conquer*, or the ground of invincibility (Sudurjaya). The stage of mastery of utmost or final difficulties, or illusions of darkness, or ignorance. In this stage, the bodhisattva develops the spirit of sameness and absorbs himself in meditation, gets the perfection of meditative concentration, in order to

achieve an intuitive grasp of the truth, to understand the four noble truths, to clear away doubt and uncertainty, to know what is proper and what is not. During this stage Bodhisattva continues to work on the perfection of the thirty-seven requisites of enlightenment. In the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Ananda: “No identity or difference can be attained. This is called the ground of invincibility.”

The sixth stage is the land in view of wisdom, or the ground of manifestation (Abhimukhi). In this stage, the Bodhisattva attains the perfection of wisdom or insight (prajna), recognizes that all dharmas are free from characteristics origins, and without distinction between existence and nonexistence. In this stage, the Bodhisattva stands face to face with Reality. He realizes the sameness of all phenomena. Thus, the sign of supreme wisdom begins to appear; owing to the perfection of the virtue of wisdom and comprehension of nothingness, bodhisattva can enter nirvana; however, also retains equanimity as to purity and impurity, so he still vow to come back to the world to save beings. This is the stage of the open way of wisdom above definitions of impurity and purity. According to the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Ananda: “With unconditioned true suchness, the nature is spotless, and brightness is revealed. This is called the ground of manifestation.”

The seventh stage is the far-reaching land, or the ground of travelling far (Duramgama). The stage of proceeding afar, or far-going, which is the position farthest removed the selfish state of the two Vehicles. He is getting above ideas of self, gaining knowledge and skillful means which enable him to exercise great mercy to all beings by helping them proceed the way to enlightenment. After passing through this stage, the Bodhisattva rises above the states of the Two Vehicles, and it's impossible to fall back to lower levels. In this stage, the Bodhisattva acquires the knowledge that enable him to adopt ant means for his work of salvation. He has won Nirvana, but without entering it, for he is busily engaged for the emancipation of other sentient beings. In the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Ananda: “Coming to the farthest limits of true suchness is called the ground of traveling far.”

The eighth stage is the immovable land (Acala): The immovable land (the stage of immovability), or the ground of immovability. When the Bodhisattva reaches here, he experiences the anutpattika-dharma-ksanti or the acquiescence in the unoriginatedness of all phenomena.

He knows in detail the evolution and involution of the universe. In this stage, he gets rid of discrimination and has a thorough understanding of the nature of existence, realizing why it is like maya, etc., how discrimination starts from our inmate longing to see existence divided into subject and object, and how the mind and what belongs to it are stirred up; he would then practice all that pertains to the life of a good Buddhist, leading to the path of truth all those who have not yet come to it. This is the Bodhisattva's nirvana which is not extinction. In this stage, the Bodhisattva completes the perfection of vow (pranidhana) and abiding in the view of "No Characteristic" (alaksana), wanders freely according to any opportunity. In this stage, the Bodhisattva dwells firmly in the truth of the Middle Way; he reaches the stage of attainment of calm unperturbedness where he no longer be disturbed by anything. He gains the ability to transfer his merit to other beings and renounce the accumulation of further karmic treasures. In the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Ananda: "The single mind of true suchness is called the ground of immovability." *The ninth stage is the land of good thoughts*, or the ground of good wisdom (Sadhumati). In this stage, the Bodhisattva acquires comprehensive knowledge, unfathomable by ordinary human intelligence. He knows the desires and thoughts of men and is able to teach them according to their capacities. This is the stage of wisdom of the Bodhisattva is complete (all-penetrating wisdom). In this stage he possesses the finest discriminatory wisdom, six supernatural powers, four certainties, eight liberations, all dharanis. He knows the nature of all dharmas and expound them without problems (without restriction). He also knows when, where and how to save other sentient beings. In this stage, the Bodhisattva preaches everywhere discriminating between those who are to be saved and those who are not. According to the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha told Ananda: "Bringing forth the function of true suchness is called the ground of good wisdom. Ananda! All Bodhisattvas at this point and beyond have reached the effortless way in their cultivation. Their merit and virtue are perfected, and so all the previous positions are also called the level of cultivation." *The tenth stage is the land of dharma clouds*, or the ground of the Dharma cloud (Dharmamegha). The stage of attaining to the fertilizing powers of the Law-cloud (the Cloud of Teaching). Bodhisattva has realized all

understanding and immeasurable virtue. The dharmakaya of the bodhisattva is fully developed. In this stage, the Bodhisattva benefits all sentient beings with the Law just as a cloud sends down rain impartially on all things. His Buddhahood is confirmed by all Buddhas. In this he acquires perfection of contemplation, knows the mystery of existence, and is consecrated as perfect. In fact, this is the stage of the Buddha who is represented by such a Bodhisattva (he attains Buddhahood). In this stage, the Bodhisattva is able to preach the Dharma to all the world equally, just as the rainclouds pour down heavy rains during drought. Then, with a wonderful cloud of compassionate protection one covers the sea of Nirvana. This is called the ground of the Dharma cloud.”

Ten Sravaka Stages: According to Buddhist traditions, there are ten stages for a hearer. *First*, the stage of initiation as a disciple by taking (receiving) the three refuges in the Buddha, Dharma and Sangha and observing the basic five commandments. *Second*, the stage of belief or faith-root. *Third*, the stage of belief in the four noble truths. *Fourth*, the stage of an ordinary disciple who observe the five basic contemplations. *Fifth*, the stage of those who pursue the three studies (Listening, Reflecting, and Cultivating). *Sixth*, the stage of seeing the true way. *Seventh*, the stage of a definite stream-winner and assure nirvana (Srota-apanna). *Eighth*, the stage of only one more rebirth (Sakrdagamin). *Ninth*, the stage of no-return (no rebirth). *Tenth*, the stage of an arhat (Arhatship). **Besides, there are ten stages of the pratyekabuddha:** *First*, the stage of perfect asceticism. *Second*, the stage of mastery of the twelve links of causation. *Third*, the stage of the four noble truths. *Fourth*, the stage of deeper knowledge. *Fifth*, the stage of the eightfold noble path. *Sixth*, the stage of the three realms. *Seventh*, the stage of the nirvana. *Eighth*, the stage of the six supernatural powers. *Ninth*, the stage of arrival at the intuitive state. *Tenth*, the stage of mastery of the remaining influences of former habits.

Ten Stages of the Yogacara School: Probably in the fourth century A.D., Asanga, one of the leading figures of the Indian Buddhist Yogacara tradition, wrote a Sanskrit treatise named “Yogacara-Bhumi Sastra”. It outlines the path to Buddhahood followed by the Bodhisattva and describes the practices pertaining to the path. It is the fifteenth

section of his voluminous Levels of Yogic Practice (Yogacara-bhumi). Asanga describes ten Bodhisattva-bhumi, grading the upward course of the Bodhisattva's spiritual development, which culminates in the realization of Buddhahood. The work is said to have been dictated to him in or from the Tusita heaven by Maitreya, about the doctrine of the Yogacara or Vijnanavada. The sastra was translated into Chinese by Hsuan-Tsang, is the foundation text of this school. Treatise on the Stages of the Yogachara. This is the fundamental work of the Yogachara School, which the author might have been either Asanga or Maitreyanatha. Later in the 5th century AD Dharmatrata and Buddhasena based on the Bodhisattva-bhumi Sastra to compose the Yogacharabhumi-Sutra on the methods of meditation for the Hinayana. The sutra was translated into Chinese by Buddhahadra. The sutra was divided into five parts. First, the seventeen stages presenting the progression on the path to enlightenment with the help of the Yogachara teaching, this is the most important part. Second, interpretations of these stages. Third, explanation of these sutras from which the Yogachara doctrine of the stages draws support. Fourth, classifications contained in these sutras. Fifth, topics from the Buddhist canon (sutra, Vinaya-pitaka, Abhidharma). The Yogacara-Bhumi Sastra itself outlines the path to Buddhahood followed by the Bodhisattva and describes the practices pertaining to the path. It is the fifteenth section of his voluminous Levels of Yogic Practice. There are ten Bodhisattva-bhumi, grading the upward course of the Bodhisattva's spiritual development, which culminates in the realization of Buddhahood. *The first stage is the stage of joy* in which one rejoices at realizing a partial aspect of the truth; and having overcome the former difficulties and now entering on the path to Buddhahood. *The second stage is the stage of purity* in which one is free from all defilements, or freedom from all possible defilements and afflictions. *The third is the stage of further enlightenment:* In the stage of the emission of light, one radiates the light of wisdom. *The fourth is the stage of glowing wisdom* in which the flame of wisdom burns away earthly desires. *The fifth is the stage of mastery of utmost or final difficulties:* The stage of overcoming final illusions of darkness. *The sixth is the stage of the open way of wisdom above definitions of impurity and purity:* The stage of the sign of supreme wisdom in which supreme wisdom appears. *The*

seventh is the stage of proceeding afar, getting above ideas of self in order to help others. In the stage of progression, one rises above the state of two Vehicles. The eighth is the stage of attainment of calm unperturbedness: In this stage of immobility, one dwell firmly in the truth of the Middle Way. The ninth is the stage of the finest discriminatory wisdom, knowing where and how to save: In the stage of all penetrating wisdom, one preaches the Law freely and without restriction. The tenth is the stage of attaining to the fertilizing powers of the Law-cloud: In the stage of the Cloud of Teaching, one benefits all sentient beings with the Law (Dharma).

Chương Mười Lăm
Chapter Fifteen

Thập Trụ Bồ Tát

Hoa Nghiêm Thập Vô Đẳng Trụ: Mười Vô Đẳng Trụ Của Chư Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười Vô đẳng trụ của chư Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại trí vô thượng, tất cả Phật pháp vô đẳng trụ. *Thứ nhất* là đầu quán triệt thực tế mà không thủ chứng, vì tất cả nguyện chưa thành tựu viên mãn. *Thứ nhì* là gieo tất cả thiện căn đồng pháp giới, mà ở trong đó chẳng có một chút chấp trước. *Thứ ba* là tu Bồ Tát hạnh biết đó như hóa, bởi tất cả các pháp đều tịch diệt, mà chẳng nghi hoặc nơi Phật pháp. *Thứ tư* là đầu rời những vọng tưởng thế gian, nhưng hay tác ý trong bất khả thuyết kiếp thực hành hạnh Bồ Tát đầy đủ đại nguyện, trong khoảng giữa trọn chẳng sanh tâm nhàm mỏi. *Thứ năm* là nơi tất cả pháp không chấp trước, vì tất cả pháp bốn tánh tịch diệt, mà chẳng chứng niết bàn vì đạo nhưث thiết trí chưa thành mãn. *Thứ sáu* là biết tất cả các kiếp đều là phi kiếp, mà chơn thật nói tất cả kiếp. *Thứ bảy* là biết tất cả các pháp đều vô tác, mà chẳng bỏ thực hành đạo hạnh cầu tất cả Phật pháp. *Thứ tám* là biết tam giới duy tâm, tam thế duy tâm, mà biết rõ tâm đó vô lượng vô biên. *Thứ chín* là vì chúng sanh trong bất khả thuyết kiếp thực hành hạnh Bồ Tát, muốn cho chúng sanh an trụ bậc nhưث thiết trí mà chẳng nhàm mỏi. *Thứ mười* là đầu tu hành viên mãn mà chẳng chứng Bồ Đề, vì Bồ Tát nghĩ rằng tôi tu hành vốn là vì chúng sanh, thế nên tôi phải ở lâu nơi sanh tử phương tiện làm lợi ích cho họ đều an trụ Phật đạo vô thượng.

Lăng Nghiêm Thập Trụ: Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật đã nhắc nhở ngài A Nan về thập trụ Bồ Tát như sau: “A Nan, *trụ thứ nhất là Phát tâm trụ:* Do chân như phương tiện mà phát mười thứ tín tâm này, tâm tinh phát sáng mười thứ dụng xen vào, viên mãn thành một tâm, gọi là phát tâm trụ. *Trụ thứ nhì là Trì địa trụ:* Trong tâm phát sáng suốt như trong ngọc lưu ly trong suốt hiện chất tinh kim. Lấy diệu tâm trước thành chỗ để trụ. Đây gọi là trì địa trụ. *Trụ thứ ba là Tu hành trụ:* Tâm và địa đã biết nhau, đều được tỏ rõ. Đạo khắp mười phương đều không lưu ngại. Đó gọi là tu hành trụ. *Trụ thứ tư là Sinh quý trụ:* Hạnh đồng với Phật, hấp thụ khí phần của Phật.

Như cái thân trung ấm, tự cầu cha mẹ, âm tín thâm thông hợp vào giống Như Lai. Đó gọi là sinh quý trụ. *Trụ thứ năm là Phương tiện cụ túc trụ*: Phương tiện đầy đủ trong cuộc tự lợi lợi tha. Đã du nhập trong đạo thai rồi, thì vãng nối theo dòng giác. Như cái thai đã thành, nhân tướng chẳng thiếu. Đó gọi là phương tiện cụ túc trụ. *Trụ thứ sáu là Chánh tâm trụ*: Dung mạo và tâm tướng như Phật, gọi là chính tâm trụ. *Trụ thứ bảy là Bất thối trụ*: Thân tâm hợp thành, càng ngày càng thêm lớn. Trong giai đoạn này Bồ Tát chứng được tâm thanh tịnh và thường an trụ nơi lý vô ngại giải thoát. Đây gọi là bất thối lý trụ. *Trụ thứ tám là Đồng chơn trụ*: Con Phật với đủ đầy Tướng Phật. Linh tướng của mười thân đều đầy đủ trong một lúc, gọi là đồng chơn trụ. *Trụ thứ chín là Pháp vương tử*: Con tinh thần của bậc Pháp vương. Hình thành, ra khỏi thai, thân làm Phật tử. Đây gọi là pháp vương tử trụ. *Trụ thứ mười là Quán đỉnh trụ*: Nghi biểu đã thành người. Ví dụ như việc quốc vương trao việc nước cho thái tử. Thái tử đã trưởng thành, trần thiển làm lễ quán đảnh. Đây gọi là quán đỉnh trụ.”

Ten Grounds of a Bodhisattva

Ten Peerless States in the Flower Adornment Sutra: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten peerless states (of Great Enlightening Beings) which no listeners or individual illuminates can equal. Enlightening Beings who abide by these can attain the peerless state of supremely great knowledge and all qualities of Buddhahood. *First*, though see absolute truth, they do not grasp it as their realization because all their vows are not yet fulfilled. *Second*, plant all good roots of goodness, equal to all realities, yet do not have the slightest attachment to them. *Third*, cultivating the practices of Enlightening Beings, know they are like phantoms because all things are still and void, yet they have no doubt about the way of Buddhahood. *Fourth*, though free from the false ideas of the world, still are able to focus their attention and carry out the deeds of Enlightening Beings for innumerable eons, fulfill their great undertakings, and never give rise a feeling of weariness therein. *Fifth*, do not grasp anything because the essence of all things is void, yet they do not experience nirvana because the path of omniscience is not yet fulfilled. *Sixth*, know that all periods of time are not periods of time, yet they

innumerate periods of time. *Seventh*, know nothing creates anything, yet they do not give up making the way in search of Buddhahood. *Eighth*, know that the realms of desire, form, and formless are only mind, and the past, present and future are only mind, yet they know perfectly well that mind has no measure and no bounds. *Ninth*, carry out enlightening actions for untold eons for sentient beings one and all, wishing to settle them in the state of omniscience, and yet they never tire or get fed up. *Tenth*, though their cultivation of practice is completely fulfilled, still do not realize Enlightenment, because they reflect, ‘What I do is basically for sentient beings, so I should remain in birth-and-death and help them by expedient means, to settle them on the supreme path of enlightenment?’

Ten Grounds in the Surangama Sutra: In the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha reminded Ananda about the Ten Grounds or the ten stages (periods) in Bodhisattva-wisdom as follows: “Ananda, *the first stage is the purposive stage:* The mind set upon Buddhahood or the mind that dwells of bringing forth the resolve. These good people use honest expedients to bring forth those ten minds of faith. When the essence of these minds becomes dazzling, and the ten functions interconnect, then a single mind is perfectly accomplished. This is called the dwelling of bringing forth the resolve. *The second stage is the clear understanding and mental control:* The dwelling of the ground of regulation. From within this mind light comes forth like pure crystal, which reveals pure gold inside. Treading upon the previous wonderful mind as a ground is called the dwelling of the ground of regulation. *The third stage is the unhampered liberty in every direction:* Dwelling of cultivation. When the mind-ground connects with wisdom, both become bright and comprehensive. Traversing the ten directions then without obstruction. This is called the dwelling of cultivation. *The fourth stage is the acquiring the Tathagata nature:* Seed or dwelling of noble birth. When their conduct is the same as the Buddhas’ and they take on the demeanor of a Buddha, then, like the intermediate skandha body searching for a father and mother, they penetrate the darkness with a hidden trust and enter the lineage of the Thus Come One. This is called the dwelling of noble birth. *The fifth stage* is the perfect adaptability and resemblance in self-development and development of others or dwelling with endowment with skill-in-means. Since they ride in the

womb of the way and will themselves become enlightened heirs, their human features are in no way deficient. This is called the dwelling of endowment with skill-in-means. *The sixth stage is the whole mind becoming Buddha-like:* Dwelling of the rectification of the mind. With a physical appearance like that of a Buddha and a mind that is the same as well, they are said to be dwelling in the rectification of the mind. *The seventh stage is the non-retrogression:* Perfect unity and constant progress or dwelling of irreversibility. United in body and mind, they easily grow and mature day by day. In this stage, Bodhisattvas realize serenity of mind and also achieve unimpeded liberation. This is called the dwelling of irreversibility. *The eighth stage is the as a Buddha-son now:* The stage of youth in Buddhahood or dwelling of pure youth. With the efficacious appearance of ten bodies, which are simultaneously perfected, they are said to be at the dwelling of a pure youth. *The ninth stage is the as prince of the law or dwelling of a Dharma Prince:* Completely developed, they leave the womb and become sons of the Buddha. This is called the dwelling of a Dharma Prince. *The tenth stage is the Baptism as the summit of attainment of the conception of Buddhahood or or dwelling anointing the crown of the head.* Reaching the fullness of adulthood, they are like the chosen prince to whom the great king of a country turns over the affairs of state. When this Kshatriya King's eldest is ceremoniously anointed on the crown of the head, he has reached what is called the dwelling of anointing the crown of the head.”

Chương Mười Sáu
Chapter Sixteen

Cha Mẹ Và Quyển Thuộc Của Bồ Tát

Theo Thiền Sư D.T. Suzuki trong Thiền Luận Tập III, chư Bồ Tát có hai mươi cha mẹ và quyển thuộc: *Thứ nhất*, Bát Nhã là mẹ. *Thứ nhì*, phương tiện là cha. *Thứ ba*, bố thí là người nuôi nấng. *Thứ tư*, trì giới là người trông nom hộ trì. *Thứ năm*, nhẫn nhục là đồ trang sức. *Thứ sáu*, tinh tấn là người thủ hộ. *Thứ bảy*, thiền định là người tắm rửa. *Thứ tám*, thiện hữu tri thức là người dạy dỗ. *Thứ chín*, các Bồ Đề phần là bạn đồng hành. *Thứ mười*, chư Bồ Tát là anh em. *Thứ mười một*, Bồ Đề tâm là nhà cửa. *Thứ mười hai*, đi đúng theo chánh đạo là cách hành xử tại nhà. *Thứ mười ba*, các trụ địa là chỗ ở. *Thứ mười bốn*, các pháp nhẫn là gia tộc. *Thứ mười lăm*, các nguyện là gia giáo. *Thứ mười sáu*, thực hành công hạnh là gia nghiệp. *Thứ mười bảy*, khiến kẻ khác chấp nhận Đại Thừa là gia vụ. *Thứ mười tám*, được thọ ký trong một đời nữa là số phận của ngài như vị thái tử nối nghiệp trong vương quốc chánh pháp. *Thứ mười chín*, các Ba La Mật là con thuyền Bát Nhã đưa ngài đáo bỉ ngạn Giác Ngộ. *Thứ hai mươi*, thành tựu trí tuệ viên mãn của Như Lai là nền tảng của gia quyển thanh tịnh của ngài.

Parents and Relatives of Bodhisattvas

According to Zen Master D.T. Suzuki in *Essays in Zen Buddhism*, Book III, Bodhisattvas have twenty parents and relatives: *First*, prajna (wisdom) is his mother. *Second*, upaya (skilful means) is his father. *Third*, dana (charity) is his wet nurse. *Fourth*, sila (morality) is his supporter. *Fifth*, ksanti (patience) is his decoration. *Sixth*, virya (strenuousness or energy) is his nurse. *Seventh*, dhyana (meditation) is his cleaner. *Eighth*, good friends are his instructors. *Ninth*, all factors of enlightenment are his companions. *Tenth*, all Bodhisattvas are his brothers. *Eleventh*, the Bodhicitta is his home. *Twelfth*, to conduct himself in accordance with the truth is his family manners. *Thirteenth*, the Bhumis are his residence. *Fourteenth*, the Kshantis are his family members. *Fifteenth*, the vows are his family motto. *Sixteenth*, to

promote deeds of devotion is his family legacy. *Seventeenth*, to make others accept Mahayana is his family business. *Eighteenth*, to be anointed after being bound for one more birth is his destiny as crown prince in the kingdom of Dharma. *Nineteenth*, paramitas are the Prajna Boat which conveys him to another shore of Enlightenment. *Twentieth*, to arrive at the full knowledge of Tathagatahood forms the foundation of his pure family relationship.

Chương Mười Bảy
Chapter Seventeen

Những Đặc Tính Của Chư Bồ Tát

Bồ Tát là bậc tâm cầu sự giác ngộ tối thượng, không phải chỉ cho chính mình mà cho tất cả chúng sanh. Bồ Tát là người tu theo Đại Thừa, xuất gia hay tại gia, thượng cầu đại giác, hạ hóa chúng sanh (tự giác, giác tha). Bồ Tát là một chúng sanh tu hành và xem lục độ Ba La Mật như là phương cách cứu độ và giác ngộ. Mục đích của Bồ Tát là cứu độ chúng sanh. Bốn bản chất vô lượng của Bồ Tát là Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng và Xả vô lượng. Một người, hoặc Tăng Ni, hay Phật tử tại gia đạt quả vị Niết bàn trong cương vị một Thanh Văn, hay Duyên Giác, nhưng vì lòng đại bi thương xót chúng sanh, nên không vào Niết bàn mà tiếp tục đi trong Ta Bà để cứu độ chúng sanh. Trong lòng của Bồ Tát luôn có Bồ Đề Tâm và nguyện lực. Bồ Đề tâm bao gồm trí tuệ siêu việt là lòng đại bi. Nguyện lực là sự quyết tâm kiên định để cứu thoát tất cả chúng sanh. Chư Bồ Tát có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, Chư Bồ Tát luôn có ba đặc tính chính: Thứ nhất, Bồ Tát hy vọng tái sanh lại cõi người nhiều lần để độ sanh, muốn như vậy thì Bồ Tát phải thị hiện lưu lại chủng tử tái sanh. Theo Duy Thức Luận, để được tái sanh trở lại làm người, Bồ Tát lưu lại các phiền não chướng để nguyện thọ sanh vào cõi Ta Bà. Tuy nhiên, vị Bồ Tát tái sanh với đầy đủ tâm và thức, biết nơi mà ngài chọn để tái sanh. Kỳ thật, Bồ Tát không bị phiền não chướng làm ô nhiễm, nhưng các ngài chỉ thị hiện lưu lại chủng tử để tạo nguyên nhân sanh trong vòng duyên khởi, gọi là trì giữ phiền não. Thứ nhì, một vị Bồ Tát luôn có đầy đủ “Tứ Vô Lượng Tâm”. Bốn đức hạnh này không thể đứng riêng lẻ hoặc rời rạc nhau. Lòng từ có thể được coi như là trung tâm với ba hạnh khác tương quan nhau. Bi là nền tảng tượng trưng cho tình thương, kính trọng và quan tâm tới tất cả chúng sanh. Mạng sống quý giá đối với chúng sanh mọi loài, nên một vị Bồ Tát cũng yêu thương mọi loài như chính bản thân mình. Hỷ là niềm vui đồng cảm với việc thiện. Hỷ là niềm hạnh phúc trong tất cả các niềm hạnh phúc, nó chính là hệ quả của lòng từ. Xả là điều kiện tiên quyết của lòng từ, tượng trưng cho lòng từ đến với tất cả chúng sanh. Nó còn có nghĩa là tâm không thiên

vị. *Thứ ba*, trên bước đường tu tập Bồ Tát Đạo, để phát triển Bồ Đề Tâm và viên mãn Bồ Tát Quả, chư Bồ Tát luôn thực hành hạnh Ba La Mật. Nói cách khác, con đường từ chúng sanh lên Bồ Tát và hiện thực toàn giác hay hoàn thành giác ngộ Bồ Đề, Bồ Tát phải nỗ lực và kiên trì thực hành tất cả các hạnh Ba La Mật.

Thứ nhì, Chư Bồ Tát còn có mười đặc tính khác: *Thứ nhất* là Bồ Tát lưu chủng tử như một nguyên nhân cho các hạnh nghiệp Bồ Tát trong tương lai. Các ngài phải lưu chủng tử vì các ngài hy vọng sẽ tái sanh vào thế giới Ta Bà hóa độ chúng sanh trong cõi nước này. Theo Duy Thức Luận, ngài Long Thọ đã nhấn mạnh: “Một vị Bồ Tát lưu lại các phiền não chướng vì hạnh nguyện thọ sanh vào cõi Ta Bà.” Vì vậy, vị Bồ Tát tái sanh trong hoàn toàn tỉnh thức, ngài biết nơi mà ngài chọn để tái sanh. Thật ra Bồ Tát không bị nhiễm ô bởi các phiền não, nhưng chỉ thị hiện lưu chủng tử để tạo nguyên nhân tái sanh trong vòng duyên khởi, đây còn gọi là ‘trì giữ phiền não.’ *Thứ nhì*, Bồ Tát luôn tu tập theo “Tứ Vô Lượng Tâm.” Bốn đức hạnh này không đứng riêng rẽ hoặc rời rạc nhau, trong đó lòng “Bi” có thể được coi là trung tâm, vì “Bi” là nền tảng của “từ” tượng trưng cho tình thương, sự kính trọng và lòng quan tâm đến chúng sanh mọi loài. *Thứ ba*, Bồ Tát có những phẩm chất bất thối chuyển. Bồ Tát tìm cầu giác ngộ theo con đường Đại Thừa, chứ không theo bất cứ thừa nào khác. Vì với Đại Thừa Bồ Tát cần có niềm tin rộng lớn, bởi vì Phật pháp rộng lớn như biển cả và chỉ có thể bước vào biển pháp bao la này với lòng tín. Tín là mẹ của công đức và đức hạnh trong tu tập của Bồ Tát. Vì thế lòng tin bất thối chuyển trong Đại Thừa là một trong những đặc tánh quan trọng của Bồ Tát hạnh. *Thứ tư*, tư tưởng chư Bồ Tát bất thối chuyển. Tư tưởng của các bậc Bồ Tát luôn tỉnh thức bất thối trong tu tập Bồ Tát đạo, trong tu tập lục độ ba la mật và hàng ngàn công hạnh khác. *Thứ năm*, chư Bồ Tát luôn bất thối chuyển trong tu tập. Trong tu tập, các bậc Bồ Tát chỉ có tiến chứ không lùi. Vì vậy họ còn được gọi là Bất Thối Chuyển Bồ Tát. *Thứ sáu*, chư Bồ Tát luôn Chuyển Pháp Luân Bất Thối Chuyển. Chư Bồ Tát, vì lòng thương xót chúng sanh, mà chuyển Pháp luân bất thối chuyển để dạy dỗ và cảm hóa chúng sanh. Vì vậy, khi nào còn các vị Bồ Tát thì ‘Bánh Xe Pháp’ sẽ hằng chuyển mãi trong cõi Ta Bà này. *Thứ bảy*, chư Bồ Tát luôn trồng công đức thâm sâu. Trong nhiều đời nhiều kiếp, Bồ Tát đã vun trồng công đức thâm sâu. Những thiện căn này được gọi là “Cội công đức” và chúng chính là nguồn cội của

mọi đức hạnh. Cội nguồn này vô hạn vô biên. *Thứ tám*, chư Bồ Tát luôn có đại trí tuệ. Trí tuệ là kết quả của tâm Bồ Đề rộng lớn. Do tâm Bồ Đề rộng lớn, nguyện độ hết thảy chúng sanh mà không thấy chúng sanh được độ, tức là các ngài không còn chấp trước với hình tướng nữa. *Thứ chín*, chư Bồ Tát luôn hiểu nguyên lý lớn về hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật. Đây là nguyên lý chính, mỗi người chúng ta là một vị Phật. Cách hành xử của Thường Bất Khinh Bồ Tát là một thí dụ điển hình. Công đức đặc biệt của Thường Bất Khinh Bồ Tát là ngài luôn kính trọng mọi người. Bồ Tát trải đời mình du hành khắp nơi, tiếp xúc với tất cả chúng sanh, bất kể là Bồ Tát biết người đó hay không, ngài đều cung kính chấp tay trước họ mà nói: “Tôi không bao giờ dám khinh các ngài, vì các ngài rồi sẽ thành Phật.” Ngài không bao giờ buồn phiền khi bị người chửi mắng hay sỉ nhục khi nghe ngài nói câu này. Ngài luôn bình thản thực hành hạnh nguyện kính trọng đó bởi vì ngài biết chắc rằng tất cả chúng sanh rồi sẽ thành Phật. *Thứ mười*, chư Bồ Tát luôn tu tập đại công hạnh. Bên cạnh tu tập sáu hay mười Ba La Mật, Bồ Tát còn tu tập Tứ Nhiếp Pháp.

Thứ ba, chư Bồ Tát còn có mười đặc tính cơ bản khác: *Thứ nhất*, một vị Bồ Tát không chán ghét thứ gì trong bất cứ thế giới nào mà ngài bước vào, vì biết rằng hết thảy các pháp như ảnh tượng phản chiếu. *Thứ nhì*, một vị Bồ Tát không đam mê trong bất cứ con đường nào mà ngài bước đi, vì biết rằng tất cả chỉ là sự hóa hiện. *Thứ ba*, một vị Bồ Tát không thấy mỗi mọt trong bất cứ nỗ lực nào điều phục chúng sanh, vì biết rằng tất cả là vô ngã. *Thứ tư*, một vị Bồ Tát nhiếp hóa chúng sanh không hề mỗi mọt vì từ bi là tinh thể của ngài. *Thứ năm*, một vị Bồ Tát không sợ phải trải qua nhiều kiếp, vì thấy rõ rằng sinh tử và năm uẩn như ảo tượng. *Thứ sáu*, một vị Bồ Tát không hủy diệt bất cứ con đường hiện hữu nào, vì biết rằng hết thảy các giới (dhatu) và xứ (ayatana) đều là pháp giới (dharmadhatu). *Thứ bảy*, một vị Bồ Tát không có thiên chấp về các đạo vì biết rằng hết thảy tư tưởng đều như quá nắng. *Thứ tám*, một vị Bồ Tát không bị ô nhiễm dù khi đang ở trong cõi của hàng chúng sanh xấu ác, vì biết rằng hết thảy các thân đều chỉ là những giả tượng. *Thứ chín*, một vị Bồ Tát không hề bị lôi cuốn bởi những tham dục, vì đã hoàn toàn chế ngự tất cả những gì được khả thị. *Thứ mười*, một vị Bồ Tát đi bất cứ ở đâu một cách vô cùng tự tại, vì đã hoàn toàn kiểm soát những giả tượng.

Thứ tư, năm trăm vị Bồ tát sinh ra từ hạnh nguyện Phổ Hiền và có mười đặc tính nổi bật: Thứ nhất, công hạnh của các ngài không còn bị vướng mắc, vì có thể hiện thân khắp trong tất cả cõi Phật. *Thứ nhì*, họ hiển hiện vô số thân, vì có thể đi đến bất cứ nơi nào có Phật. *Thứ ba*, họ có nhãn quan thanh tịnh và vô ngại, vì họ có thể thấy được những thân biến của chư Phật. *Thứ tư*, họ có thể du hành bất cứ nơi đâu không bị giới hạn vào một xứ sở nào, vì họ hằng đến khắp tất cả những chỗ chư Phật thành Chánh Đẳng Chánh Giác. *Thứ năm*, họ có ánh sáng không giới hạn, vì có thể soi tỏ biển Phật pháp bằng ánh sáng trí tuệ của mình. *Thứ sáu*, họ có khả năng biện tài không bao giờ cùng tận, vì ngôn ngữ của họ không ô nhiễm. *Thứ bảy*, họ an trụ nơi trí tuệ vô đẳng, biết rõ không cùng tận như hư không vì công hạnh của họ thanh tịnh vô cấu. *Thứ tám*, họ không cố định tại một nơi nào vì họ tự hiện thân tùy theo tâm niệm và nguyện vọng của hết thảy chúng sanh. *Thứ chín*, họ không bị mê muội vì họ biết rằng không có pháp và không có ngã trong thế giới của chúng sanh. *Thứ mười*, họ có siêu việt trí bao la như hư không, vì soi tỏ hết thảy Pháp giới bằng màn lưới quang minh của chính họ.

Thứ năm là Hai Mươi Sáu Đặc Tính Rất Đặc Biệt Của Chư Đại Bồ Tát: Trong chúng hội Hoa Nghiêm, chư Bồ Tát này còn có hai mươi sáu đặc tính: *Thứ nhất* là họ biết rằng chư pháp như huyễn. *Thứ nhì* là họ biết chư Phật như ảnh. *Thứ ba* là họ biết hết thảy loài thọ sinh như mộng. *Thứ tư* là họ biết hết thảy nghiệp báo như bóng trong gương. *Thứ năm* là họ biết hết thảy các pháp khởi lên như quang năng. *Thứ sáu* là họ biết hết thảy thế gian đều như hóa. *Thứ bảy* là họ đã thành tựu mười năng lực. *Thứ tám* là họ đã thành tựu trí huệ. *Thứ chín* là họ đã thành tựu tối thắng. *Thứ mười* là họ đã thành tựu quyết tín của Như Lai, khiến họ có thể cất tiếng rống của sư tử. *Thứ mười một* là họ đã vào sâu trong biển cả của biện tài vô tận. *Thứ mười hai* là họ đã chứng đắc tri kiến giảng thuyết chánh pháp cho hết thảy chúng sanh. *Thứ mười ba* là họ đã hoàn toàn tự tại đối với hành vi của mình nên có thể du hành khắp thế giới không trở ngại như đi giữa hư không. *Thứ mười bốn* là họ đã chứng đắc các năng lực kỳ diệu của một vị Bồ Tát. *Thứ mười lăm* là sự dũng mãnh và tinh tấn của họ có thể phá vỡ đội quân Ma vương. *Thứ mười sáu* là trí lực của họ quán triệt từ quá khứ, hiện tại đến vị lai. *Thứ mười bảy* là họ biết rằng tất cả các pháp đều như hư không, họ thực hành hạnh không chống đối, không chấp trước các

pháp. *Thứ mười tám* là dù họ siêng năng không mệt mỏi vì lợi ích của mọi người, nhưng biết rằng khi dùng nhất thiết trí để quán sát, các pháp vốn không từ đâu đến. *Thứ mười chín* là dù họ nhận thấy có một thế giới khách quan, họ biết rằng hiện hữu của thế giới vốn là bất khả đắc. *Thứ hai mươi* là bằng trí tuệ tối thắng, họ tự hiện thân vô cùng tự tại. *Thứ hai mươi một* là họ thác sanh vào tất cả các thế giới, hóa hiện đủ loại hình tướng. *Thứ hai mươi hai* là trong tất cả thế giới, họ tự hiện thân vô cùng tự tại. *Thứ hai mươi ba* là họ biến đổi cảnh vi tế thành cảnh quảng đại, biến đổi cảnh rộng lớn thành cảnh vi tế. *Thứ hai mươi bốn* là ngay trong một niệm diện kiến hết thấy chư Phật. *Thứ hai mươi lăm* là họ được thần lực của chư Phật gia hộ. *Thứ hai mươi sáu* là trong chớp mắt họ thấy hết cả vũ trụ mà không chút lẫn lộn, và ngay trong một sát na; và họ có thể du hành khắp tất cả mọi thế giới.

Thứ sáu là Mười Đặc Điểm Của Bồ Đề Tâm Trong Sự Nghiệp Của Một Vị Bồ Tát: Bồ Tát Di Lạc trút hết biện tài của ngài để tán dương sự quan trọng của Bồ Đề tâm trong sự nghiệp của một vị Bồ Tát. Bởi vì nếu Thiện Tài Đồng Tử không in đậm sự kiện đó trong lòng, đã không dễ gì bước vào cung điện Tỳ Lô Giá Na. Cung điện đó tàng ẩn tất cả những bí mật trong đời sống tâm linh của người Phật tử cao tuyệt. Nếu đồng tử đó chưa được chọn kỹ để bắt đầu, những bí mật ấy không có nghĩa gì hết. Chúng có thể bị hiểu lầm nghiêm trọng và hậu quả cố nhiên là khốc hại. Vì lý do đó, Ngài Di Lạc chỉ cho Thiện Tài thấy đủ mọi góc cạnh đâu là ý nghĩa đích thực của Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm có mười đặc điểm sau đây: *Thứ nhất là Bồ Đề tâm khởi lên từ tâm đại bi:* Nếu không có đại bi tâm, chẳng thể là Phật pháp. Coi nặng đại bi tâm (Mahakaruna) là nét chính của Đại Thừa. Chúng ta có thể nói, toàn bộ tính chất của giáo thuyết đó quay quanh cái trụ chốt này. Nền triết lý viên dung được miêu tả rất gợi hình trong Hoa Nghiêm thực sự chính là cái bùng vỡ của công năng sinh động đó. Nếu chúng ta vẫn còn dây dưa trên bình diện trí năng, những giáo thuyết của Phật như Tánh Không (Sunyata), Vô Ngã (Anatmya), vân vân, dễ trở thành quá trừu tượng và mất hết sinh lực tâm linh vì không kích thích nổi ai cái cảm tình cuồng nhiệt. Điểm chính cần phải nhớ là, tất cả giáo thuyết của Phật đều là kết quả của một trái tím ấm áp hằng hướng tới tất cả các loại hữu tình; chứ không là một khối óc lạnh lùng muốn phủ kín những bí mật của đời sống bằng lý luận. Tức là, Phật pháp là kinh nghiệm cá nhân, không phải là triết học phi nhân. *Thứ nhì là Phát Bồ*

Đề tâm không phải là biến cố trong một ngày: Phát Bồ Đề tâm đòi hỏi một cuộc chuẩn bị trường kỳ không phải trong một đời mà phải qua nhiều đời. Đối với những người chưa hề tích tập thiện căn, tâm vẫn đang ngủ vùi. Thiện căn phải được đôn lại để sau này gieo giống trở thành cây Bồ Đề tâm hợp bóng. Thuyết nghiệp báo có thể không phải là một lối trình bày có khoa học về các sự kiện, nhưng các Phật tử Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều tin tưởng tác động của nó nơi lãnh vực đạo đức trong đời sống của chúng ta. Nói rộng hơn, chừng nào tất cả chúng ta còn là những loài mang sử tính, chúng ta không trốn thoát cái nghiệp đi trước, dù đó có nghĩa là gì. Bất cứ ở đâu có khái niệm về thời gian, thì có sự tiếp nối của nghiệp. Nếu chấp nhận điều đó, Bồ Đề tâm không thể sinh trưởng từ mảnh đất chưa gieo trồng chắc chắn thiện căn. *Thứ ba là Bồ Đề Tâm Phát Sinh Từ Thiện Căn:* Nếu Bồ Đề tâm phát sinh từ thiện căn, chắc chắn nó phải là phi nhiêu đủ tất cả các điều tốt đẹp của chư Phật và chư Bồ Tát, và các loài cao đại. Đồng thời nó phải là tay cự phách diệt trừ các ác trước, bởi vì không thứ gì có thể đương đầu nổi sấm chớp kinh hoàng giáng xuống từ lưỡi tầm sét Đế Thích của Bồ Đề tâm. *Thứ tư là Phát Bồ Đề tâm diễn ra từ chỗ uyên ảo của tự tánh, đó là một biến cố tôn giáo vĩ đại:* Tính chất cao quý cố hữu của Bồ Đề tâm không hề bị hủy báng ngay dù nó ở giữa mọi thứ ô nhiễm, ô nhiễm của tri hay hành, hoặc phiền não. Biển lớn sinh tử nhận chìm tất cả mọi cái rơi vào đó. Nhất là các nhà triết học, họ thỏa mãn với những lối giải thích mà không kể đến bản thân của sự thực, những người đó hoàn toàn không thể dứt mình ra khỏi sự trói buộc của sống và chết, bởi vì họ chưa từng cắt đứt sợi dây vô hình của nghiệp và tri kiến đang kềm hãm họ và cỡi đất nhị nguyên do óc duy trí của mình. *Thứ năm là Bồ Đề tâm vượt ngoài vòng chinh phục của Ma vương:* Trong Phật pháp, Ma vương tượng trưng cho nguyên lý thiên chấp. Chính nó là kẻ luôn mong cầu cơ hội tấn công lâu dài kiên cố của Trí (Prajna) và Bi (Karuna). Trước khi phát tâm Bồ Đề, linh hồn bị lôi kéo tới thiên chấp hữu và vô, và như thế là nằm ngoài ranh giới năng lực hộ trì của tất cả chư Phật và Bồ Tát, và các thiện hữu tri thức. Tuy nhiên, sự phát khởi đó đánh dấu một cuộc chuyển hướng quyết định, đoạn tuyệt dòng tư tưởng cố hữu. Bồ Tát bây giờ đã có con đường lớn thênh thang trước mắt, được canh chừng cẩn thận bởi ảnh hưởng đạo đức của tất cả các đấng hộ trì tuyệt diệu. Bồ Tát bước đi trên con đường thẳng tắp, những bước chân của ngài quả quyết, Ma

vương không có cơ hội nào cản trở nổi bước đi vững chãi của ngài hướng tới giác ngộ viên mãn. *Thứ sáu là khi Bồ Đề tâm được phát khởi, Bồ Tát được quyết định an trụ nơi nhất thiết trí:* Bồ Đề tâm có nghĩa là làm trỗi dậy khát vọng mong cầu giác ngộ tối thượng mà Phật đã thành tựu, để rồi sau đó Ngài làm bậc đạo sư của một phong trào tôn giáo, được gọi là đạo Phật. Giác ngộ tối thượng là nhất thiết trí (Sarvajnata), thường được nhắc nhở trong các kinh điển Đại Thừa. Nhất Thiết trí vốn là yếu tính của đạo Phật. Nó không có nghĩa rằng Phật biết hết mọi thứ, nhưng Ngài đã nắm vững nguyên lý căn bản của hiện hữu và Ngài đã vào sâu trong trọng tâm của tự tánh. *Thứ bảy là phát Bồ Đề tâm đánh dấu đoạn mở đầu cho sự nghiệp của Bồ Tát:* Trước khi phát Bồ Đề tâm, ý niệm về Bồ Tát chỉ là một lối trừu tượng. Có thể tất cả chúng ta đều là Bồ Tát, nhưng khái niệm đó không được ghi đậm trong tâm thức chúng ta, hình ảnh đó chưa đủ sống động để làm cho chúng ta cảm và sống sự thực. Tâm được phát khởi, và sự thực trở thành một biến cố riêng tư. Bồ Tát bấy giờ sống tràn lên như run lên. Bồ Tát và Bồ Đề tâm không thể tách riêng. Bồ Đề tâm ở đâu là Bồ Tát ở đó. Tâm quả thực là chìa khóa mở tất cả cửa bí mật của Phật pháp. *Thứ tám là Bồ Đề tâm là giai đoạn thứ nhất trong hạnh nguyện của Bồ Tát:* Trong Kinh Hoa Nghiêm, chủ đích đi cầu đạo của Thiện Tài là cốt nhìn ra đâu là hạnh và nguyện của Bồ Tát. Rồi nhờ Đức Di Lặc mà Thiện Tài trực nhận từ trong mình tất cả những gì mình săn đuổi giữa các minh sư, các đạo sĩ, các Thiên thần, vân vân. Cuối cùng được ngài Phổ Hiền ấn chứng, nhưng nếu không có giáo huấn của Đức Di Lặc về Bồ Đề tâm và được ngài dẫn vào lầu các Tỳ Lô, Thiện Tài hẳn là không mong gì thực sự bước lên sự nghiệp Bồ Tát đạo của mình. Hạnh và nguyện, xác chứng một Phật tử có tư cách là Đại Thừa chứ không phải là Tiểu Thừa, không thể không phát khởi Bồ Đề tâm trước tiên. *Thứ chín là đặc chất của Bồ Tát sinh ra từ Bồ Đề tâm là không bao giờ biết đến mệt mỏi:* Kinh Hoa Nghiêm mô tả Bồ Tát như là một người không hề mệt mỏi sống cuộc đời dăng hiến, để làm lợi ích hết thảy chúng sanh, về tinh thần cũng như vật chất. Đời sống của ngài trải rộng đến tận cùng thế giới, trong thời gian vô tận và không gian vô biên. Nếu ngài không làm xong công nghiệp của mình trong một đời hay nhiều đời, ngài sẵn sàng tái sinh trong thời gian vô số, cho đến bao giờ thời gian cùng tận. Mỗi trường hành động của ngài không chỉ giới hạn trong thế gian của chúng ta ở đây. Có vô số thế giới tràn

ngập cả hư không biên tế, ngài cũng sẽ hiện thân khắp ở đó, cho đến khi nào đạt đến mức mà mọi chúng sanh với mọi căn cơ thấy đều thoát khỏi vô minh và ngã chấp. *Thứ mười là khái niệm Bồ Đề tâm là một trong những tiêu chí quan trọng phân biệt Đại Thừa và Tiểu Thừa:* Tính cách khép kín của tổ chức Tăng lữ làm tiêu hao sinh lực Phật pháp. Khi thế hệ đó ngự trị, Phật pháp hạn chế ích lợi của nó trong một nhóm khổ tu đặc biệt. Nói đến Tiểu Thừa, không phải chỉ chừng đó. Công kích nặng nhất mà nói, Tiểu thừa chặn đứng sự sinh trưởng của hạt giống tâm linh được vun trồng trong tâm của mọi loài hữu tình; đáng lẽ phải sinh trưởng trong sự phát khởi Bồ Đề tâm. Tâm đó khát vọng không bao giờ bị khô héo vì sương giá lạnh lùng của cái giác ngộ trí năng. Khát vọng này kết chặt gốc rễ, và sự giác ngộ phải thỏa mãn những yêu sách của nó. Các hoạt động không hề mệt mỏi của Bồ Tát là kết quả của lòng ngưỡng vọng đó, và chính cái đó duy trì tinh thần của Đại Thừa vô cùng sống động.

Thứ bảy là Mười Điều Lành Mà Chư Bồ Tát Làm Lợi Ích Cho Chúng Sanh Ở Cõi Ta Bà: Theo Kinh Duy Ma Cật, Phẩm thứ Mười, Duy Ma Cật nói: “Bồ Tát ở cõi Ta Bà này đối với chúng sanh, lòng đại bi bền chắc thật đúng như lời các ngài đã ngợi khen. Mà Bồ Tát ở cõi này lợi ích cho chúng sanh trong một đời còn hơn trăm ngàn kiếp tu hành ở cõi nước khác. Vì sao? Vì cõi Ta Bà này có mười điều lành mà các Tịnh Độ khác không có: *Một* là dùng bố thí để nhiếp độ kẻ nghèo nàn. *Hai* là dùng tịnh giới để nhiếp độ người phá giới. *Ba* là dùng nhẫn nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ. *Bốn* là dùng tinh tấn để nhiếp độ kẻ giải đãi. *Năm* là dùng thiền định để nhiếp độ kẻ loạn ý. *Sáu* là dùng trí tuệ để nhiếp độ kẻ ngu si. *Bảy* là nói pháp trừ nạn để độ kẻ bị tám nạn. *Tám* là dùng pháp đại thừa để độ kẻ ưa pháp tiểu thừa. *Chín* là dùng các pháp lành để cứu tế người không đức. *Mười* là thường dùng tứ nhiếp để thành tựu chúng sanh.”

Thứ tám là Mười Điều Tâm Niệm Của Bồ Tát: *Thứ nhất* là nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh khổ, vì không bệnh khổ thì dục vọng dễ sinh. *Thứ hai* là ở đời thì đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn nạn thì kiêu xa nổi dậy. Nếu như chúng ta cứ sống mãi trong cảnh thanh nhàn, như ý, không bị đời dẫn vật, lại chẳng bị vướng ít nhiều sự khổ não, ưu phiền, tất tâm sẽ sanh ra các niệm khinh mạn, kiêu sa; từ đó mà kết thành vô số tội lỗi. Phật tử chơn thuần phải nhân nơi hoạn nạn mà thức tỉnh cơn trường mộng và chiêm nghiệm được lời

Phật dạy là đúng. Do đó mà phát tâm tinh chuyên tu hành cầu giải thoát. *Thứ ba* là cứu xét tâm tánh thì dừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo. *Thứ tư* là xây dựng đạo hạnh thì dừng cầu không bị ma chướng, vì không bị ma chướng thì chí nguyện không kiên cường. *Thứ năm* là việc làm thì dừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng hay khinh thường kiêu ngạo. *Thứ sáu* là giao tiếp thì dừng cầu lợi mình, vì lợi mình thì mất đi đạo nghĩa. *Thứ bảy* là với người thì dừng mong tất cả đều thuận theo ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất kiêu căng. *Thứ tám* là thi ân thì dừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân có mưu đồ. *Thứ chín* là thấy lợi thì dừng nhúng vào, vì nhúng vào thì si mê phải động. *Thứ mười* là oan ức không cần biện bạch, vì còn biện bạch là nhân ngã chưa xả. Chính vì vậy mà đức Phật dạy trong Luận Bảo Vương Tam Muội: Lấy bệnh khổ làm thuốc thần. Lấy hoạn nạn làm giải thoát. Lấy khúc mắc làm thú vị. Lấy ma quân làm bạn đạo. Lấy khó khăn làm thích thú. Lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ. Lấy người chống đối làm nơi giao du. Coi thi ân như đôi dép bỏ. Lấy sự xả lợi làm vinh hoa. Lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh.

Thứ chín là Mười Sinh Địa Đích Thực Của Chư Bồ Tát: Theo Thiền Sư D.T. Suzuki trong Thiền Luận Tập III, chư Bồ Tát có mười sinh địa đích thực: *Thứ nhất* là nơi nào có tâm Bồ Đề được phát khởi, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì tâm Bồ Đề là quyến thuộc của Bồ Tát. *Thứ nhì* là nơi nào có thâm tâm, nơi đó là quốc độ của Bồ tát, vì đó là nơi xuất sinh các thiện tri thức. *Thứ ba* là nơi nào có chứng nhập các trụ địa, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì đó là nơi sinh trưởng hết thảy các Ba La Mật. *Thứ tư* là nơi nào có phát đại nguyện, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì đó là nơi thi hành công hạnh. *Thứ năm* là nơi nào có đại từ, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì đó là nơi phát triển Tứ Nhiếp Pháp. *Thứ sáu* là nơi nào có chánh kiến, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì là nơi trí tuệ siêu việt trời dật. *Thứ bảy* là nơi nào Đại Thừa quảng bá, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì là nơi hết thảy các phương tiện thiện xảo được vận dụng. *Thứ tám* là nơi nào có giáo hóa chúng sanh, nơi đó là quốc độ của Bồ tát, vì là nơi hết thảy chư Phật giáng sinh. *Thứ chín* là nơi nào có phương tiện trí, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì là nơi nhận biết rằng hết thảy các pháp đều không sinh. *Thứ mười* là nơi nào có tu tập hết thảy các giáo thuyết của Phật, nơi đó là

quốc độ của Bồ Tát, vì là nơi mà hết thấy chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai giáng sanh.

Bodhisattvas' Characteristics

The Bodhisattva seeks supreme enlightenment not for himself alone but for all sentient beings. A Bodhisattva is a Mahayanist, whether monk or layman, above is to seek Buddhahood, below is to save sentient beings (he seeks enlightenment to enlighten others). Bodhisattva is the person who makes the six paramitas (lục độ) their field of sacrificial saving work and of enlightenment. The objective is salvation of all beings. Four infinite characteristics of a bodhisattva are kindness (từ), pity (bi), joy (hỷ), self-sacrifice (xả). Bodhisattva is a person, either a monk, a nun, a layman or a laywoman, who is in a position to attain Nirvana as a Sravaka or a Pratyekabuddha, but out of great compassion for the world, he or she renounces it and goes on suffering in samsara for the sake of others. He or she perfects himself or herself during an incalculable period of time and finally realizes and becomes a Samyaksambuddha, a fully enlightened Buddha. He or she discovers the Truth and declares it to the world. His or her capacity for service to others is unlimited. Bodhisattva has in him Bodhicitta and the inflexible resolve. There are two aspects of Bodhicitta: Transcendental wisdom (Prajna) and universal love (Karuna). The inflexible resolve means the resolve to save all sentient beings. Bodhisattvas have the following characteristics:

First, Bodhisattvas always have three main characteristics: *First*, Bodhisattvas who hope to be reborn to help sentient beings must retain the seed of existence. According to the Vijnaptimatratasiddhi Sastra, a Bodhisttva retains the obstacle of defilement to sustain his vow to be reborn into the samsara world. However, he is reborn, fully mindful and conscious of whatever place where he chooses to be reborn. In fact, he is not contaminated by the defilements owing to the fact that he has stayed with the view of pratityasanutpada for a long time, there is the “guarding of defilements”. *Second*, a Bodhisattva always has the “Four Immeasurable Minds” known as maitri, karuna, mudita and upeksha, which are not to be viewed in discreteness or in isolation. Maitri is the center of the others, and the remaining three are its

corelation. Maitri is the basis of Karuna. It stands for love, respect and care for all lives. It is concreteness of loving kindness based on the feeling that just as our life is precious to us, so also is the life of others. Mudita is altruistic sympathetic joy. It is happiness in the happiness of all. It is a consequence of Karuna. Upeksha is the prerequisite of Karuna. It stands for compassion to all beings. It also means equanimity of mind apart from partiality. *Third*, on the Bodhisattva's Path, with the development of Bodhicitta, Bodhisattvas always practice the paramitas. In other words, the Path from sentient beings to Bodhisattvas and the realization of complete fulfillment of Enlightenment, Bodhisattvas must always try to practice all the paramitas.

Second, Bodhisattvas still have ten characteristics: *First*, Bodhisattvas' keeping the seed of existence as a course for Bodhisattva's future compassionate activities. They must retain the seed of existence all hope to be reborn in the samsara to help people in this world. According to the Vijnaptimatrasiddhi-sastra, Nagarjuna emphasized: "A Bodhisattva retains the obstacle of defilement to sustain his vow to be reborn into Samsara." Therefore, a Bodhisattva is reborn, fully mindful and conscious of whatever place where he chooses to be reborn. Because he is not contaminated by the defilements owing to the fact that he has stayed with the view of causation (Pratityasamutpada) for a long time, there is a 'guarding of defilement.' *Second*, a Bodhisattva always has the "Four Immeasurable Minds" known as maitri, karuna, mudita and upeksha, which are not to be viewed in discreteness or in isolation. Maitri is the center of the others, and the remaining three are its corelation. Maitri is the basis of Karuna. It stands for love, respect and care for all lives. It is concreteness of loving kindness based on the feeling that just as our life is precious to us, so also is the life of others. Mudita is altruistic sympathetic joy. It is happiness in the happiness of all. It is a consequence of Karuna. Upeksha is the prerequisite of Karuna. It stands for compassion to all beings. It also means equanimity of mind apart from partiality. *Third*, Bodhisattvas have irreversible qualities. A Bodhisattva seeks after the Enlightenment in Mahayana way and no other. For with the Great Vehicle, practitioners need a heart full of faith because the Buddha-dharma is as vast as the sea and can be

entered only by means of faith. Faith is the mother of all merit and virtue of a Bodhisattva's cultivation. Therefore, belief in the Great Dharma is one of the characteristics of Mahasattvas. Great Bodhisattvas believe in all the great dharma. *Fourth*, Bodhisattvas have irreversibility of thought. Bodhisattvas are ever mindful in their practice of the Bodhisattva way, in the practice of the six perfections and thousands of conducts. *Fifth*, Bodhisattvas always have irreversibility of Practice. Bodhisattvas only go forward, they do not retreat. They also should be known by the attributes, tokens and signs of a Bodhisattva who is irreversible from Full Enlightenment. *Sixth*, Bodhisattvas always have irreversibility of Dharma Wheel. Bodhisattvas turn the wheel of dharma to teach and convert living beings. Therefore, once there exist Bodhisattvas, the Dharma Wheel forever turns in the Samsara. *Seventh*, Bodhisattvas always nurture deep and great roots of goodness. For many lives and throughout many kalpas, they have set down and nurtured roots of goodness which are extremely deep. Good roots are called "roots of virtue" and they are the basis of the way of virtue. They have sent down the roots of the virtuous nature. The roots which are limitless and boundless. *Eighth*, Bodhisattvas always possess great wisdom. The wisdom came as a result of having brought forth the great bodhi-heart. Bringing forth the great bodhi-heart, the resolve to take across all living beings and they are not attached to the mark of having made them crossed over. *Ninth*, Bodhisattvas always understand the great principle of Buddha-nature in all living beings. All living beings basically have Buddha-nature and can become Buddha. This is the great principle of the identity of all beings in principle with the Buddha. In principle, every one of us is a Buddha. The conducts of Bodhisattva Never Disparaging is one typical example. His particular merit is that he respects every one. He spends his life wandering round the earth, approaching all kinds of people, whether he knew them or not to bow to them, he always says: "I would never dare disparage you, because you are all certain to attain Buddhahood." He never feels bad when people abuse or insult him because of his statement. But he continues unperturbed because he considers that all these people observe the course of duty of Bodhisattvas and are to become Buddhas. *Tenth*, Bodhisattvas always cultivate great conducts. Besides practicing the six or ten paramitas,

Bodhisattvas also cultivate the four all-embracing virtues of Bodhisattvas.

Third, Bodhisattvas have ten other basic characteristics: *First*, a Bodhisattva does not detest anything in whatever world he may enter, for he knows (prajna) that all things are like reflected images. *Second*, a Bodhisattva are not defiled in whatever path he may walk, for he knows that all is a transformation. *Third*, he feels no fatigue whatever in his endeavor to mature all beings, for he knows that there is nothing to be designated as an ego-soul. *Fourth*, he is never tired of receiving all beings, for he is essentially love and compassion. *Fifth*, he has not fear in going through all kalpas, for he understands (adhimukta) that birth-and-death and all the skandhas are like a vision. *Sixth*, he does not destroy any path of existence, for he knows that all the Dhatus and Ayatanas are the Dharmadhatu. *Seventh*, he has no perverted view of the paths, for he knows that all thoughts are like a mirage. *Eighth*, he is not defiled even when he is in the realm of evil beings, for he knows that all bodies are mere appearances. *Ninth*, he is never enticed by any of the evil passions, for he has become a perfect master over things revealed. *Tenth*, he goes anywhere with perfect freedom, for he had full control over all appearances.

Fourth, Bodhisattvas are said to have issued from the life and vows of Samantabhadra Bodhisattva, and have ten outstanding qualifications: *First*, they are unattached in their conduct because they are able to expand themselves in all the Buddha-lands. *Second*, they manifest innumerable bodies because they can go over wherever there are Buddhas. *Third*, they are in possession of an unimpeded and unspoiled eyesight because they can perceive the miraculous transformations of all the Buddhas. *Fourth*, they are able to visit anywhere without being bound to any one locality because they never neglect appearing in all places where the Buddhas attain to their enlightenment. *Fifth*, they are in possession of a limitless light because they can illumine the ocean of all the Buddha-truths with the light of their knowledge. *Sixth*, they have an inexhaustible power of eloquence through eternity because their speech has no taint. *Seventh*, they abide in the highest wisdom which knows no limits like space because their conduct is pure and free from taints. *Eighth*, they have no fixed abode because they reveal themselves personally in accordance with the

thoughts and desires of all beings. *Ninth*, they are free from obscurities because they know that there are rally no beings, no soul-substances in the world of being. *Tenth*, they are in possession of transcendental knowledge which is as vast as space because they illumine all the Dharmadhatus with their nets of light.

Fifth, Great Bodhisattvas' Twenty-Six Very Special Characteristics: In the Gandavyuha Assembly, these Bodhisattvas also have twenty six characteristics: *First*, they know that all dharmas are like Maya. *Second*, they know that all Buddhas are like shadows. *Third*, they know that all existence with its rise and fall is like a dream. *Fourth*, they know that all forms of karma are like images in a mirror. *Fifth*, they know that the rising of all things is like fata-morgana. *Sixth*, they know that the worlds are mere transformations. *Seventh*, they are all endowed with the ten powers. *Eighth*, they are all endowed with knowledge. *Ninth*, they are all endowed with dignity. *Tenth*, they are all endowed with faith of the Tathagata, which enable them to roar like lions. *Eleventh*, they have deeply delved into the ocean of inexhaustible eloquence. *Twelfth*, they all have acquired the knowledge of how to explain the truths for all beings. *Thirteenth*, they are complete masters of their conduct so that they move about in the world as freely as in space. *Fourteenth*, they are in possession of all the miraculous powers belonging to a Bodhisattva. *Fifteenth*, their strength and energy will crush the army of Mara. *Sixteenth*, their knowledge power penetrates into the past, present, and future. *Seventeenth*, they know that all things are like space, they practice non-resistance, and are not attached to them. *Eighteenth*, though they work indefatigably for others, they know that when things are observed from the point of view of all-knowledge, nobody knows whence they come. *Nineteenth*, though they recognize an objective world, they know that its existence is something unobtainable. *Twentieth*, they enter into all the worlds by means of incorruptible knowledge. *Twenty-first*, they are born in all the worlds, take all forms. *Twenty-second*, in all the worlds they reveal themselves with the utmost freedom. *Twenty-third*, they transform a small area into an extended tract of land, and the latter again into a small area. *Twenty-fourth*, all the Buddhas are revealed in one single moment of their thought. *Twenty-fifth*, the powers of all the Buddhas are added on to them. *Twenty-sixth*, they survey the entire universe in

one glance and are not all confused; and they are able to visit all the worlds in one moment.

Sixth, Ten characters of Bodhicitta in the Career of a Bodhisattva:

Evidently Maitreya exhausted his power of speech in order to extol the importance of the Bodhicitta in the career of a Bodhisattva, for without this being dully impressed on the mind of the young Buddhist pilgrim Sudhana, he could not have been led into the interior of the Tower of Vairocana. The Tower harbors all the secrets that belong to the spiritual life of the highest Buddhist. If the novice were not quite fully prepared for the initiation, the secrets would have no signification whatever. They may even be grossly misunderstood, and the result will be calamitous indeed. For this reason, Maitreya left not a stone unturned to show Sudhana what the Bodhicitta really meant. There are ten characteristics of the Bodhicitta (Essays in Zen Buddhism, vol. III): *First, The Bodhicitta rises from a great compassionate heart:* Without the compassionate heart there will be no Buddhism. This emphasis on Mahakaruna is characteristic of the Mahayana. We can say that the whole panorama of its teachings revolves on this pivot. The philosophy of Interpenetration so pictorially depicted in the Avatamsaka Sutra is in fact no more than the outburst of this life-energy. As long as we tarry on the plane of intellection, such Buddhist doctrines as Emptiness (sunyata), Egolessness (anatmya), etc., may sound so abstract and devoid of spiritual force as not to excite anyone to fanatic enthusiasm. Thus main point is to remember that all the Buddhist teachings are the outcome of a warm heart cherished towards all sentient beings and not of a cold intellect which tries to unveil the secrets of existence by logic. That is to say, Buddhism is personal experience and not impersonal philosophy. *Second, the raising of the Bodhicitta is not an event of one day:* The raising of the Bodhicitta requires a long preparation, not of one life but of many lives. The Citta will remain dormant in those souls where there is no stock of merit ever accumulated. Moral merit must be stored up in order to germinate later into the great overshadowing tree of the Bodhicitta. The doctrine of karma may not be a very scientific statement of facts, but all Buddhists, Mahayana and Hinayana, believe in its working in the moral realm of our lives. Broadly stated, as long as we are all

historical beings we cannot escape the karma that preceded us, whatever this may mean. Whenever there is the notion of time, there is a continuity of karma. When this is admitted, the Bodhicitta could not grow from the soil where no nourishing stock of goodness had ever been secured. *Third, Bodhicitta Comes Out of a Stock of Good Merit:* If the Bodhicitta comes out of a stock of merit, it cannot fail to be productive of all the good things that belong to the Buddhas and Bodhisattvas and other great beings. At the same time it must also be the great crusher of evils, for nothing can withstand the terrible blow inflicted by the thunderbolt of the Citta-Indra. *Fourth, The awakening of the Bodhicitta which takes place in the depths of one's being, is a great religious event:* The intrinsic nobility of the Bodhicitta can never be defamed even when it is found among defilements of every description, whether they belong to knowledge or deeds or passions. The great ocean of transmigration drowns every body that goes into it. Especially the philosophers, who are satisfied with interpretations and not with facts themselves, are utterly unable to extricate themselves from the bondage of birth and death, because they never cut asunder the invisible tie of karma and knowledge that securely keeps them down to the earth of dualities because of their intellectualism. *Fifth, Bodhicitta is beyond the assault of Mara the Evil One:* In Buddhism, Mara represents the principle of dualism. It is he who is always looking for his chance to throw himself against the solid stronghold of Prajna and Karuna. Before the awakening of the Bodhicitta the soul is inclined towards the dualism of being and non-being, and is thus necessarily outside the pale of the sustaining power of all Buddhas, Bodhisattvas, and good friends. The awakening, however, makes a decisive turning-away from the old line of thought. The Bodhisattva has now an open highway before him, which is well guarded by the moral influence of all his good protectors. He walks on straightway, his footsteps are firm, and the Evil One has no chance to tempt him away from his steady progress towards perfect enlightenment. *Sixth, when the Bodhicitta is aroused, the Bodhisattva's hold on all-knowledge is definite and firm:* The Bodhicitta means the awakening of the desire for supreme enlightenment which was attained by the Buddha, enabling him to become the leader of the religious movement known as Buddhism. Supreme enlightenment is no other

than all-knowledge, sarvajnata, to which reference is constantly made in all the Mahayana texts. All-knowledge is what constitutes the essence of Buddhahood. It does not mean that the Buddha knows every individual thing, but that he has grasped the fundamental principle of existence and that he has penetrated deep down into the center of his own being. *Seventh, the rise of Bodhicitta marks the beginning of the career of a Bodhisattva:* Before the rise of the Bodhicitta, the idea of a Bodhisattva was no more than an abstraction. We are perhaps all Bodhisattvas, but the notion has not been brought home to our consciousness, the image has not been vivid enough to make us feel and live the fact. The Citta is aroused and the fact becomes a personal event. The Bodhicitta is now quivering with life. The Bodhisattva and the Bodhicitta are inseparable; where the one is there the other is. The Citta indeed is the key that opens all the secret doors of Buddhism. *Eighth, The Bodhicitta is the first stage of the Bodhisattva's life of devotion and vow:* In the Avatamsaka Sutra, the chief object of Sudhana's quest consists in finding out what is the Bodhisattva's life of devotion and vow. It was through Maitreya that the young Buddhist pilgrim came to realize within himself all that he had been searching for among the various teachers, philosophers, gods, etc. The final confirmation comes from Samantabhadra, but without Maitreya's instruction in the Bodhicitta and is admission into the Tower of Vairocana, Sudhana could not expect to start really on his career of Bodhisattvahood. The life of devotion and vows which stamps a Buddhist as Mahayanist and not as Hinayanist is impossible without first arousing the Bodhicitta. *Ninth, the characteristic of Bodhisattvahood born of the Bodhicitta is that He never know what exhaustion means:* The Avatamsaka Sutra describes the Bodhisattva as one who never becomes tired of living a life of devotion in order to benefit all beings spiritually as well as materially. His life lasts till the end of the world spatially and temporarily. If he cannot finish his work in one life or in many lives, he is ready to be reborn a countless number of times when time itself comes to an end. Nor is his field of action confined to this world of ours. As there are innumerable worlds filling up an infinite expanse of space, he will manifest himself there, until he can reach every being that has any value at all to be delivered from ignorance and egotism. *Tenth, the notion of Bodhicitta is one of*

the most important marks which label the Mahayana as distinct from the Hinayana: The exclusiveness of the monastic organization is a death to Buddhism. As long as this system rules, Buddhism limits its usefulness to a specific group of ascetics. Nor is this the last word one can say about the Hinayana; the weightiest objection is that it stops the growth of the spiritual germ nursed in the depths of every sentient being, which consists in the arousing of the Bodhicitta. The Citta has its desire never to be nipped by the cold frost of intellectual enlightenment. This desire is too deep-seated, and the enlightenment itself must yield to its dictates. The Bodhisattva's untiring activities are the outcome of this desire, and this is what keeps the spirit of the Mahayana very much alive.

Seventh, Ten Bodhisattvas' excellent deeds in the Saha world:

According to the Vimalakirti, Chapter Tenth, Vimalakirti said: "As you have said, the Bodhisattvas of this world have strong compassion and their lifelong works of salvation for all living beings surpass those done in other pure lands during hundreds and thousands of aeons. Why? Because they achieved ten excellent deeds which are not required in other pure lands: *First*, charity (dana) to succour the poor. *Second*, precept-keeping (sila) to help those who have broken the commandments. *Third*, patient endurance (ksanti) to subdue their anger. *Fourth*, zeal and devotion (virya) to cure their remissness. *Fifth*, serenity (dhyana) to stop their confused thoughts. *Sixth*, wisdom (prajna) to wipe out ignorance. *Seventh*, putting an end to the eight distressful conditions for those suffering from them. *Eighth*, teaching Mahayana to those who cling to Hinayana. *Ninth*, cultivation of good roots for those in want of merits. *Tenth*, the four Bodhisattva winning devices for the purpose of leading all living beings to their goals (in Bodhisattva development)."

Eighth, Ten Bodhisattvas' Non-Seeking Practices: *First*, we should not wish (yearn) that our bodies be always free of diseases, because a disease-free body is prone to desire and lust (because with a disease-free body, one tends to be tempted with desire and lust). This will lead to precept-breaking and retrogression. *Second*, we should not wish that our lives be free of all misfortune, adversity, or accident because without them, we will be easily prone to pride and arrogance. This will lead us to be disdainful and overbearing towards everyone else. If

people's lives are perfect, everything is just as they always dreamed, without encountering heartaches, worries, afflictions, or any pains and sufferings, then this can easily give way to conceit, arrogance, etc.; thus, becoming the breeding ground for countless transgressions and offenses. Sincere Buddhists should always use misfortunes as the opportunity to awaken from being mesmerized by success, fame, fortune, wealth, etc. and realize the Buddha's teachings are true and accurate, and then use this realization to develop a cultivated mind seeking enlightenment. *Third*, we should not wish that our mind cultivation be free of all obstacles because without obstacles, we would not have opportunities to excell our mind. This will lead to the transgression of thinking that we have awakened, when in fact we have not. *Fourth*, we should not wish that our cultivation be free of demonic obstacles, because our vows would not be then firm and enduring. This leads to the transgression of thinking that we have attained, when in fact we have not. *Fifth*, we should not wish that our plans and activities meet with easy success, for we will then be inclined to thoughts of contempt and disrespect. This leads to the transgression of pride and conceit, thinking ourselves to be filled with virtues and talent. *Sixth*, we should not wish for gain in our social relations. This will lead us to violate moral principles and see only mistakes of others. *Seventh*, we should not wish that everyone, at all times, be on good terms and in harmony with us. This leads to pride and conceit and seeing only our own side of every issue. *Eighth*, we should not wish to be repaid for our good deeds, lest we develop a calculating mind. This leads to greed for fame and fortune. *Ninth*, we should not wish to share in opportunities for profit, lest the mind of illusion arise. This leads us to lose our good name and reputation for the sake of unwholesome gain. *Tenth*, when subject to injustice and wrong, we should not necessarily seek the ability to refute and rebut, as doing so indicates that the mind of self-and-others has not been severed. This will certainly lead to more resentment and hatred. Thus, the Buddha advised all of us to consider: Turn suffering and disease into good medicine (consider diseases and sufferings as miraculous medicine). Turn misfortune and calamity into liberation (take misfortune and adversity as means of liberation). Turn obstacles or high stakes into freedom and ease (take obstacles as enjoyable ways to cultivate ourselves). Turn demons or haunting spirits

into Dharma friends (take demonic obstacles as our good spiritual advisors). Turn trying events into peace and joy (consider difficulties as our joy of gaining experiences or life enjoyments). Turn bad friends into helpful associates (treat ungrateful people as our helpful aids). Turn opponents into “fields of flowers” (consider opponents as our good relationships). Treat ingratitude as worn-out shoes to be discarded (consider merits or services to others as ragged slippers). Turn frugality into power and wealth (take frugality as our honor). Turn injustice and wrong into conditions for progress along the Way (consider injustice or false accusations as our virtuous gate to enlightenment).

Ninth, Bodhisattvas' Ten Real Native Countries: According to Zen Master D.T. Suzuki in *Essays in Zen Buddhism*, Bodhisattvas have ten real native countries: *First*, wherever there is awakening of the Bodhicitta there is the Bodhisattva’s native land, because it belongs to the Bodhisattva-family. *Second*, wherever there is deep-heartedness, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where the family of good friends rises. *Third*, wherever there is the experience of the Bhumis, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where all the Paramitas grow. *Fourth*, wherever the great vows are made, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where deeds of devotion are carried on. *Fifth*, wherever there is a great all-embracing love, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where the four ways of acceptance developed. *Sixth*, wherever there is the right way of viewing things, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where transcendental knowledge takes its rise. *Seventh*, wherever the Mahayana thrives well, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where all the skilful means unfold. *Eighth*, wherever there is the training of all beings, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where the Buddhas are born. *Ninth*, wherever there are means born of transcendental knowledge, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where the recognition obtains that all things are unborn. *Tenth*, wherever there is the practicing of all the Buddha-teachings, there is the Bodhisattva’s native land, because it is where all the Buddhas of past, present, and future are born.

Chương Mười Tám
Chapter Eighteen

Bồ Tát Thông Đạt Phật Đạo

Thông đạt Phật đạo có nghĩa là hiểu và đạt được cốt lõi đạo Phật. Trong đạo Phật, những vĩ Đại Bồ Tát thông đạt Phật đạo có khả năng chuyển hóa chúng sanh bằng cách phát triển Phật tánh nơi họ và khiến họ đạt được giác ngộ. Theo kinh Duy Ma Cật, Phẩm tám, bấy giờ ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Bồ Tát thế nào là thông đạt Phật đạo?” Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát thực hành phi đạo (trái đạo) là thông đạt Phật đạo.” Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Thế nào là Bồ Tát thực hành phi đạo?” Duy Ma Cật đáp: “Nếu Bồ Tát gây năm tội vô gián mà không buồn giận, đến ở trong địa ngục mà không có tội cấu; đến trong loài súc sanh mà không có những lỗi vô minh kiêu mạn; đến trong ngã quỷ mà vẫn đầy đủ công đức; đến cảnh sắc và vô sắc giới mà không cho là thù thắng; hiện làm tham dục mà không nhiễm đắm; hiện làm giận dữ mà đối với chúng sanh không có ngại gì; hiện cách ngu si mà dùng trí tuệ điều phục tâm mình; hiện làm hạnh tham lam bòn xẻn mà bỏ tất cả của cải, không tiếc thân mạng; hiện pháp giới cấm mà ở trong tịnh giới, đến như tội bé nhỏ cũng hết lòng sợ sệt; hiện làm thù hận mà thường từ bi nhẫn nhục; hiện làm lừa dối mà siêng tu các công đức; hiện làm loạn ý mà thường niệm định; hiện làm ngu si mà thông đạt trí tuệ thế gian và xuất thế gian; hiện làm dua dối mà phương tiện thuận theo nghĩa các kinh; hiện làm kiêu mạn mà đối với chúng sanh mình cũng như cầu đó; hiện làm tất cả phiền não mà lòng thường thanh tịnh; hiện vào trong chúng ma mà thuận theo trí tuệ của Phật, không theo đạo giáo khác; hiện làm hàng Thanh Văn mà nói các pháp chưa từng nghe cho chúng sanh; hiện vào hàng Bích Chi Phật mà thành tựu lòng đại bi, giáo hóa chúng sanh; hiện vào hạng nghèo nàn mà có tay đầy đủ công đức; hiện vào hạng tàn tật mà đủ tướng tốt để trang nghiêm thân mình; hiện vào hạng hèn hạ mà sanh trong dòng giống Phật, đầy đủ các công đức; hiện vào hạng người ốm yếu xấu xa mà được thân Na la diên (kim cang), tất cả chúng sanh đều muốn xem; hiện vào hạng già bệnh mà đoạn hẳn gốc bệnh, không còn sợ chết; hiện làm hạng giàu có mà xem là vô thường, không có tham đắm; hiện có thể thiếp, thế nữ mà tránh xa bùn lầy ngũ dục; hiện nơi hạng đần

độn mà thành tựu biện tài, vẫn giữ tổng trì; hiện vào tà tế mà dùng chánh tế độ chúng sanh; hiện vào khắp các đạo, để đoạn dứt nhưn duyên; hiện vào Niết Bàn mà không bỏ sanh tử. Thừa ngài Văn Thù Sư Lợi! Nếu Bồ Tát làm được những việc trái đạo như thế, đấy là thông suốt Phật đạo.”

Bấy giờ ông Duy Ma Cật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Thế nào là hạt giống Như Lai?” Ngài Văn Thù đáp: “Có thân là hạt giống; vô minh có ái là hạt giống; tham sân si là ba hạt giống; tứ điền đảo là bốn hạt giống; năm món ngăn che là năm hạt giống; lục nhập là sáu hạt giống; thất thức là bảy hạt giống; tám tà pháp là tám hạt giống; chín món não là chín hạt giống; thập ác là mười hạt giống. Ông Duy Ma Cật hỏi: “Tại sao thế?” Văn Thù đáp: “Nếu người thấy vô vi mà vào chánh vị (Niết Bàn) thì không thể còn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nữa. Ví như chỗ gò cao không thể sinh hoa sen, mà nơi bùn lầy thấp ướt mới có hoa sen. Như thế, người thấy vô vi, vào chánh vị không còn sanh trong Phật pháp được, mà ở trong bùn lầy phiền não mới có chúng sanh nghĩ đến Phật pháp mà thôi. Lại như gieo hạt giống trên hư không thì không sinh được, ở đất phân bùn mới tốt tươi được. Như thế, người đã vào vô vi chánh vị không sanh được trong Phật pháp, kể khởi ngã kiến như núi Tu Di còn có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà sinh trong Phật pháp. Cho nên phải biết tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Ví như không xuống bể cả, không thể đặng bảo châu vô giá, cũng như không vào biển cả phiền não thì làm sao mà có ngọc báu’nhứt thiết trí.”

Lúc bấy giờ ngài Đại Ca Diếp khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi, lời nói thích quá. Thật đúng như lời Ngài nói những bợn trần lao là giống Như Lai. Hôm nay, chúng tôi không còn kham phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đến như người đủ năm tội vô gián còn có thể phát ý mong sanh trong Phật pháp, mà nay chúng tôi hoàn toàn không phát được. Ví như những người năm căn đã hư, đối với năm món dục lạc chẳng còn cảm xúc. Cũng như hàng Thanh Văn đã đoạn hết kiết sử, ở trong Phật pháp không còn có lợi ích gì mấy, bởi không còn có chí nguyện.” Vì thế, thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Phạm phu ở trong Phật pháp còn có ảnh hưởng, mà hàng Thanh Văn thì không. Vì sao? Vì phạm phu nghe Phật nói pháp khởi được đạo tâm vô thượng, chẳng đoạn Tam Bảo, còn chính như Thanh Văn trọn đời nghe Phật pháp: thập lực, tứ vô úy, vân vân mà hoàn toàn

cũng không phát được đạo tâm vô thượng.”

Trong chúng hội có Bồ Tát tên Phổ Hiện Sắc Thân hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Cư sĩ! Cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc, những người trí thức là ai? Tôi tớ, trai bạn, voi ngựa, xe cộ ở đâu?” Duy Ma Cật dùng bài kệ đáp rằng: “Trí độ mẹ Bồ Tát, phương tiện ấy là cha, Đạo sư tất cả chúng, đều do đấy sinh ra. Pháp hỷ chính là vợ, tâm từ bi là gái, tâm thành thực là trai, rớt ráo vắng lặng nhà. Trần lao là đệ tử, tùy ý mà sai xử, đạo phẩm vốn bạn lành, do đấy thành Chánh giác. Các độ là pháp lữ, tứ nhiếp là kỹ nữ, ca ngâm tụng lời pháp, lấy đó làm âm nhạc, vườn tược ấy tổng trì, cây rừng pháp vô lậu, hoa giác ý sạch mầu, trái giải thoát trí tuệ. Bát giải thoát là ao tắm, nước định lặng trong đây, rải bảy thứ tịnh hoa, để tắm người không nhơ. Ngũ thông voi ngựa chạy, Đại thừa là xe cộ, cầm cương là nhất tâm, dạo chơi đường bát chánh. Tướng đủ nghiêm mặt mày, các tốt trau hình dáng, hổ thẹn làm thượng phục, thâm tâm làm tràng hoa. Giàu có bảy của báu, dạy bảo để thêm lợi, như lời nói tu hành, hồi hương làm lợi lớn. Tứ thiền làm giường ghế, từ tịnh mạng sanh ra, học rộng thêm trí tuệ, đó là tiếng tự giác. Món ăn pháp cam lồ, nước uống vị giải thoát, tắm rửa sạch tịnh tâm, hương hoa là giới phẩm. Trừ dẹp giặc phiền não, mạnh mẽ không ai hơn, hàng phục bốn thứ ma, phước tốt dựng đạo tràng.”

Tuy biết không sanh diệt, vì dạy chúng có sanh, khắp hiện vào các cõi, như mặt nhật đều thấy. Cúng dường khắp mười phương, không lường ước Như Lai, chư Phật và thân mình, không có tướng phân biệt. Dầu biết các cõi Phật, với chúng sanh đều không, mà thường tu Tịnh Độ, dạy dỗ cho quần sanh. Bao nhiêu loài hữu tình, oai nghi cùng hình tiếng, Bồ Tát lực vô úy, đồng thời đều khắp hiện. Rõ biết các việc ma, mà hiện theo hạnh nó. Dùng trí phương tiện khéo, tùy ý đều hay hiện, hoặc hiện già, bệnh, chết; thành tựu cho chúng sanh. Rõ biết như huyễn hóa, thông suốt không ngăn ngại. Hoặc hiện kiếp cháy tan, đại địa đều trống rỗng, những người có ‘tướng’ thường, soi thấy rõ vô thường. Vô số ước chúng sanh, đều đến thỉnh Bồ Tát, đồng thời đến nhà kia, dạy cho về Phật đạo, kinh sách cấm chú thuật. Các nghề nghiệp khéo léo, đều hiện làm việc ấy, lợi ích cho quần sanh. Các đạo pháp thế gian, nương đấy mà xuất gia, để giải mê cho người, mà chẳng đọa tà kiến, làm nhứt nguyệt thiên tử, làm Phạm vương, chủ, chúa; hoặc khi làm đất nước, hoặc lại làm gió lửa. Vào kiếp có tật dịch, hiện làm

các cây thuốc, nếu người nào uống đến, các bệnh ác tiêu trừ. Vào kiếp có đói khát, hiện làm đồ ăn uống, trước là cứu đói khát, sau giảng dạy chánh pháp. Vào kiếp có đao binh, duyên khởi lòng từ bi, giáo hóa cho chúng sanh, tâm đừng còn tranh đấu. Nếu có chiến trận lớn, làm cho sức ngang nhau, Bồ Tát hiện oai thế, hàng phục để yên hòa. Trong tất cả cõi nước, chỗ nào có địa ngục, đi ngay đến nơi ấy, cứu vớt người khổ não. Trong tất cả cõi nước, súc sanh ăn lẫn nhau, đều hiện sanh ra nó, làm cho được lợi ích. Thị hiện trong ngũ dục, lại cũng hiện tu thiền, để tâm ma rối loạn, không thừa dịp hại được. Hoa sen sanh trong lửa, thật đáng gọi ít có, cõi dục mà tu thiền, ít có cũng như thế. Hoặc hiện làm dâm nữ, dẫn dắt kẻ háo sắc, trước lấy dục dụ người, sau khiến vào Phật trí. Hoặc làm chủ trong ấp, hoặc làm thầy khách buôn, quốc sư và đại thần, để lợi ích chúng sanh. Các chỗ có kẻ nghèo, hiện làm kho vô tận, nhân đó khuyến dạy người, cho phát tâm vô thượng. Kẻ kiêu căng ngã mạn, hiện làm những lực sĩ, tiêu phục lòng cống cao, quay về đạo Vô thượng. Những người hay sợ sệt, đến nơi để an ủi, trước thí pháp không sợ, sau dạy phát đạo tâm. Hoặc hiện lia dâm dục, làm vị Tiên ngũ thông, chỉ dạy cho chúng sanh, để được giới nhẫn từ. Thấy người cần hầu hạ, hiện làm kẻ tội tở, vừa đẹp ý người kia, vừa phát được đạo tâm. Tùy theo việc cần dùng, mà vào trong Phật đạo, dùng sức phương tiện khéo, đều giúp cho đầy đủ. Đạo pháp nhiều không lường, việc làm không bờ mé, trí tuệ không hạn lượng, độ thoát vô số chúng. Dầu cho tất cả Phật, trong vô số ức kiếp, khen ngợi công đức kia, cũng không thể hết được. Ai nghe pháp như thế, chẳng phát tâm Bồ Đề, trừ những người bất tiểu, ngu si không trí tuệ.

Bodhisattvas Enter the Buddha Path

To understand and attain the cores of Buddhist teachings thoroughly. In Buddhism, Bodhisattvas who understand and attain the cores of Buddhist teachings thoroughly have the ability to transform all beings by developing their Buddha-nature and causing them to obtain enlightenment. According to the Vimalakirti Sutra, Chapter Eight, Manjusri asked Vimalakirti: "How does a Bodhisattva enter the Buddha path?" Vimalakirti replied: "If a Bodhisattva treads the wrong ways (without discrimination), he enters the Buddha path." Manjusri asked: "What do you mean by a Bodhisattva treading the wrong

ways?” Vimalakirti replied: “(In his work of salvation) if a Bodhisattva is free from irritation and anger while appearing in the fivefold uninterrupted hell; is free from the stain of sins while appearing in (other) hells; is free from ignorance, arrogance and pride while appearing in the world of animals; is adorned with full merits while appearing in the world of hungry ghosts; does not show his superiority while appearing in the (heavenly) worlds of form and beyond form; is immune from defilements while appearing in the world of desire; is free from anger while appearing as if he were resentful; uses wisdom to control his mind while appearing to be stupid; appears as if he were greedy but gives away all his outer (i.e. money and worldly) and inner (i.e. bodily) possessions without the least regret for his own life; appears as if he broke the prohibitions while delighting in pure living and being apprehensive of committing even a minor fault; appears as if he were filled with hatred while always abiding in compassionate patience; appears as if he were remiss while diligently practicing all meritorious virtues; appears as if he were disturbed while always remaining in the state of serenity; appears as if he were ignorant while possessing both mundane and supramundane wisdoms; appears as if he delighted in flattering and falsehood while he excels in expedient methods in conformity with straightforwardness as taught in the sutras; shows arrogance and pride while he is as humble as a bridge; appears as if he were tormented by troubles while his mind remains pure and clean; appears in the realm of demons while defeating heterodox doctrines to conform with the Buddha wisdom; appears in the realm of sravakas where he expounds the unheard of supreme Dharma; appears in the realm of pratyeka-buddhas where he converts living beings in fulfillment of great compassion; appears amongst the poor but extends to them his precious hand whose merits are inexhaustible; appears amongst the crippled and disabled with his own body adorned with the excellent physical marks (of the Buddha); appears amongst the lower classes but grows the seed of the Buddha nature with all relevant merits; appears amongst the emaciated and ugly showing his strong body to the admiration of them all; appears as an old and ill man but is actually free from all ailments with no fear of death; appears as having all the necessities of life but always sees into impermanence and is free from greed; appears to have wives, concubines and maids but

always keeps away from the morass of the five desires; appears amongst the dull-witted and stammerers to help them win the power of speech derived from the perfect control of mind; appears amongst heretics to teach orthodoxy and deliver all living beings; enters all worlds of existence to help them uproot the causes leading thereto; and appears as if entering nirvana but without cutting off birth and death; Manjusri, this Bodhisattva can tread heterodox ways because he has access to the Buddha path.”

Vimalakirti then asked Manjusri: “What are the seeds of the Tathagata?” Manjusri replied: “Body is seed of the Tathagata, ignorance and craving are its (two) seeds; desire, hate and stupidity its (three) seeds; the four inverted views its (four) seeds; the five covers (or screens) its (five) seeds; the six organs of sense its (six) seeds; the seven abodes of consciousness its (seven) seeds; the eight heterodox views its (eight) seeds; the nine causes of klesa (troubles and their causes) its (nine) seeds; the ten evils its (ten) seeds. To sum up, all the sixty-two heterodox views and all sorts of klesa are the seeds of Buddhahood. Vimalakirti asked Manjusri: “Why is it so?” Manjusri replied: “Because he who perceives the inactive (wu wei) state and enters its right (nirvanic) position, is incapable of advancing further to achieve supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi). For instance, high ground does not produce the lotus, which grows only in marshy land. Likewise, those perceiving nirvana and entering its right position, will not develop into Buddhahood, whereas living beings in the mire of klesa can eventually develop the Buddha Dharma. This is also like seeds scattered in the void, which do not grow, but if they are planted in manured fields they will yield good harvests. Thus, those entering the right position (of nirvana) do not develop the Buddha Dharma, whereas those whose view of the ego is as great as (Mount) Sumeru may (because of the misery of life) eventually set their minds on the quest of supreme enlightenment, thereby developing the Buddha Dharma. “Therefore, we should know that all sorts of klesa are the seeds of the Tathagata. This is like one who does not plunge into the ocean will never find the priceless pearl. Likewise, a man who does not enter the ocean of klesa will never win the gem of all-knowledge (sarvajna).”

At that time, Mahakasyapa exclaimed: “Excellent, Manjusri,

excellent, your sayings are most gratifying. As you have said, those suffering from klesa are the seeds of the Tathagata. So we are no longer capable of developing a mind set on enlightenment. Even those committing the five deadly sins can eventually set their minds on the quest of the Buddha Dharma but we are unable to do so, like persons whose defective organs prevent them from enjoying the five objects of the senses. Likewise, the sravakas who have cut off all bonds (of transmigration) are no longer interested in the Buddha Dharma and will never want to realize it. Therefore, Manjusri, the worldly man still reacts (favourably) to the Buddha Dharma whereas the sravaka does not. Why? Because when the worldly man hears about the Buddha Dharma, he can set his mind on the quest of the supreme path, thereby preserving for ever the Three Treasures (of Buddha, Dharma and Sangha), whereas the sravaka, even if he passes his lifetime listening to the Dharma and witnessing the fearlessness of the Buddha, etc., will never dream of the supreme way.”

A Bodhisattva called Universal Manifestation, who was present asked Vimalakirti: “Who are your parents, wife and children, relatives and kinsmen, official and private friends, and where are your pages and maids, elephants and horse carts?” In reply Vimalakirti chanted the following: “Wisdom-perfection is a Bodhisattva’s Mother, his father is expedient method, For the teachers of all living beings come, Only from these two (upaya and prajna). His wife is joy in Dharma’s law; Kindness and pity are his daughters; His sons morality and truthfulness; Absolute voidness his quiet abode. Passions are his disciples Whom he transforms at will. Bodhipaksita dharma are his friends. Helping him to win supreme enlightenment. All other perfections are his companions. The four winning methods are his courtesans, hymns, chants and intonations of Dharma are his melodies. Complete control over passions is his domain, passionlessness is his grove. The (seven) grades of bodhi are the flowers bearing the fruit of wisdom’s liberation. The pool of eightfold liberation holds calm water, which is clear and full. The seven blossoms of purity are well arranged to bathe this undefiled (Bodhisattva) man. Whose five supernatural powers are walking elephants and horses while the Mahayana is his vehicle, which controlled by the one mind, rolls through the eight noble paths. (Thirty-two) distinctive marks dignify his body; while (eighty) excellences add

to it their grace. Shamefulness is his raiment, and deep mind his coiffure. The seven riches that he owns are his assets which, used to teach others, earn more dividends. Dedicating all merits (to Buddhahood), his practice of the Dharma has received wins far greater profit. The four dhyanas are his meditation bed, which from pure living originates. Much learning increases wisdom announcing self-awakening. His broth is the flavour of release. The precepts are his perfumed. Salve and pure mind is his bath. By killing the culprit klesa is his boldness unsurpassed. By defeating the four demons, he plants his triumphant banner as a bodhimandala. Though he knows there is neither birth nor death, he is reborn to show himself to all, appearing in many countries. Like the sun seen by everyone. When making offerings to countless Buddhas in the ten directions, he does not discriminate between himself and them.

Although He knows that Buddha lands are void like living beings. He goes on practicing the Pure Land (Dharma) to teach and convert men. In their kinds, features, voices and bearing, this fearless Bodhisattva can appear the same as they. He, knows the mischief demons, do but appears as one of them. Using wise expedient means to look like them at will. Or he appears old, ill and dying to make living beings realize that all things are but illusion, to free them from all handicaps. Or he shows the aeon's end with fire destroying heaven and earth, so that those clinging to permanence realize the impermanence of things. Then countless living beings call on this Bodhisattva, inviting Him to their homes to convert them to the Buddha path. In heterodox books, spells, skills, magic, arts and talents, he appears to be an expert to help and benefit (all) living beings. Appearing in their midst, he joins the Sangha in order to release them from defilement, to prevent their slipping into heresy. Then, is he seen as the sun, moon or heaven as Brahma or the lord of (all) the world. At times, as earth or water or as the wind and fire. When they fall ill or epidemics rage, he prepares medicinal herbs for them to take to cure their illness or infection. When famine prevails, he makes food and drink to save them from thirst and hunger, before teaching them the Dharma. In times of war, he teaches kindness mercy to convert living beings, so that they can live in peace. When armies line up for battle, he gives equal strength to both. With his authority and power, he forces them to be reconciled and live in

harmony. To all countries where there are hells, he comes unexpectedly to relieve their sufferings. Wherever animals devour one another, he appears among them urging them to do good. Seeming to have the five desires, he is always meditating to upset the demons and prevent their mischief. Like that thing most rare, a lotus blossoming in a scorching fire, he meditates amidst desires, which also is a thing most rare. Or, he appears as a prostitute to entice those, who to lust is a given. First, using temptation to hook them, he then leads them to the Buddha wisdom. He appears as a district magistrate, or as a chief of the caste of traders, a state preceptor or high official to protect living beings. To the poor and destitute, he appears with boundless purse to advise and guide them until they develop the bodhi mind. To the proud and arrogant, he appears as powerful to overcome their vanity until they tread the path supreme. Then he comes to comfort people who are cowards, first he makes them fearless, then urges them to seek the truth. Or he appears without desires and acts, like a seer with five spiritual powers to convert living beings by teaching them morality, patience and mercy. To those needing support and help, he may appear as a servant to please and induce them to grow the Tao mind. Providing them with all they need to enter on the Buddha path; thus using expedient methods to supply them with all their needs. Then as with boundless truth, his deeds are also endless; with his wisdom that has no limit, he frees countless living beings. If all the Buddhas were to spend countless aeons in praising his merits, they could never count them fully. Who, after hearing this Dharma, develops not the bodhi mind, can only be a worthless man without wisdom.”

Chương Mười Chín
Chapter Nineteen

Sự Tu Hành Của Chư Đại Bồ Tát

Tổng Quan Về Sự Tu Hành Trong Phật Giáo: Trong tu tập Phật giáo, Phật tử thường có truyền thống tôn Phật kính Tăng, và bày tỏ lòng tôn kính với xá lợi Phật, những biểu tượng tôn giáo như hình ảnh, tịnh xá hay tự viện. Tuy nhiên, người Phật tử phải cố gắng tự tu tự chứng và chẳng bao giờ thờ ngẫu tượng. Tu hành trong Phật giáo có nghĩa là thực hành những giáo pháp của Đức Phật trên căn bản liên tục và đều đặn. Tu tập trong Phật giáo cũng có nghĩa là trưởng dưỡng Bồ Đề bằng cách tu tập giới, định, tuệ. Như vậy tu tập trong Phật giáo không chỉ thuần là ngồi thiền hay niệm Phật, mà nó bao gồm cả việc tu tập lục ba la mật, thập ba la mật, hay ba mươi bảy phẩm trợ đạo, vân vân. Đối với Phật tử, sự tu hành chân chánh không thể nào tự khinh mà không cố gắng hết mình. Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng dạy: “Nầy thiện tri thức! Nếu người tu hạnh bất động, chỉ khi thấy tất cả người, không thấy việc phải quấy, tốt xấu, lỗi lầm của người tức là tự tánh bất động. Nầy thiện tri thức! Người mê thân tuy bất động, mở miệng liền nói việc phải quấy, hay dở, tốt xấu của người, tức là cùng đạo đã trái nhau, chấp tâm, chấp tịnh tức là chướng đạo.” Theo Phật giáo, vận mệnh của chúng ta hoàn toàn tùy thuộc vào hành động của chính chúng ta; nói cách khác, chúng ta chính là những nhà kiến trúc ngôi nhà nghiệp của chính chúng ta. Tu theo Phật là tự mình chuyển nghiệp. Chuyển nghiệp là chẳng những phải bỏ mọi tội xấu của chính mình, mà cũng đừng quan tâm đến những hành động xấu của người khác. Chúng ta không thể nào đổ lỗi cho ai khác về những khổ đau và bất hạnh của chính mình. Chúng ta phải đối diện với cuộc sống chứ không bỏ chạy, vì có chỗ nào trên quả đất này là chỗ cho chúng ta chạy trốn nghiệp của mình đâu. Vì thế chúng ta phải chuyển nghiệp bằng cách tu tập các hạnh lành để mang lại hạnh phúc cho chính mình, hơn là cầu xin hoặc sám hối. Chuyển nghiệp là thường nhớ tới nghiệp, phải dùng trí tuệ để phân biệt thiện ác, lành dữ, tự do và trói buộc để tránh nghiệp ác, làm nghiệp lành, hay không tạo nghiệp nào cả. Chuyển nghiệp còn là thanh lọc tự tâm hơn là cầu nguyện, nghi lễ cúng kiến hay tự hành xác. Ngoài ra, chuyển nghiệp còn là chuyển cái

tâm hẹp hòi ích kỷ thành cái tâm mền thương rộng lớn và thành tựu tâm từ bi bằng cách thương xót chúng sanh mọi loài. Nói cách khác, chuyển nghiệp là thành tựu tứ vô lượng tâm, đặc biệt là hai tâm từ và bi. Phật tử chân thuần nên luôn nhớ rằng trong đời này ai cũng phải một lần chết, hoặc sớm hoặc muộn; khi chết, không ai mang theo được bất cứ thứ gì của trần tục, chỉ có nghiệp lành hay nghiệp dữ do mình tạo ra sẽ phải theo mình như hình với bóng mà thôi.

Sự Tu Hành Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Phật giáo, chẳng những phạm nhân không thể thoát khỏi nhân quả, mà ngay cả chư Bồ Tát cũng chẳng thể tránh được. Tuy nhiên, chư Bồ Tát là những chúng hữu tình giác ngộ nên các ngài có cái nhìn xa. Trong tu tập, các ngài luôn biết chắc gieo nhân xấu sẽ phải gặt quả xấu, không sao tránh được. Chính vì thế mà Bồ Tát sợ quả ác về sau, cho nên chẳng những tránh gieo ác nhân trong hiện tại, mà còn tinh tấn tu hành cho nghiệp chướng chóng tiêu trừ, đầy đủ công đức để cuối cùng đạt thành Phật quả. Còn chúng sanh vì vô minh che mờ tâm tánh nên tranh nhau gây tạo lấy ác nhân, vì thế mà phải bị nhận lấy ác quả. Trong khi chịu quả, lại không biết ăn năn sám hối, nên chẳng những sanh tâm oán trách trời người, mà lại còn gây tạo thêm nhiều điều ác độc khác nữa để chống đối. Vì thế cho nên oan oan tương báo mãi không thôi. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng hễ trồng nhiều nhân tốt thì chắc chắn sau này mình sẽ có được quả tốt. Ngược lại, nếu chúng ta chỉ nhìn vào những việc trước mắt, làm những việc bất nhân bất nghĩa, không chịu vun trồng thiện căn, không chịu tích tụ công đức, thì chắc chắn sẽ gánh lấy hậu quả tệ hại, không có ngoại lệ. Hành giả nên luôn nhớ rằng muôn sự trên đời này, khó nhất là lúc ban đầu, nhưng chuyển đi ngàn dặm cũng chỉ bắt đầu với một bước đi ngắn đầu tiên. Vì thế mà chúng ta phải bắt đầu ngay lúc này, ngay bây giờ, chứ đừng chờ đợi, vì thời gian chẳng chờ chẳng đợi một ai! Chư Bồ Tát có rất nhiều pháp tu hành; tuy nhiên, trong khuôn khổ hạn hẹp của tập sách nhỏ này, chúng ta chỉ có thể đề cập đến một vài sự tu hành tiêu biểu của các ngài mà thôi. *Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều tu của chư Đại Bồ Tát:* Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời tu được đạo quả vô thượng và đạt được tất cả các pháp. Mười điều tu này bao gồm: tu các môn Ba La Mật, tu học, tu huệ, tu nghĩa, tu pháp, tu thoát ly, tu thị hiện, tu siêng thực hành chẳng lười, tu thành chánh đẳng chánh giác, và tu chuyển chánh pháp luân. Bên cạnh đó, theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 21 (Thập

Hạnh), có mười hạnh Bồ Tát mà chư Phật đã tuyên thuyết trong tam thế. Mười hạnh tu này bao gồm hoan hỷ hạnh, nhiều ích hạnh, vô vi nghịch hạnh, vô khuất nhiều hạnh, vô si loạn hạnh, thiện hiện hạnh, vô trước hạnh, nan đặc hạnh, thiện pháp hạnh, và chơn thật hạnh. Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười điều rời bỏ ma nghiệp của chư đại Bồ Tát. **Chư Bồ Tát an trụ trong mười pháp này thời có thể ra khỏi tất cả ma đạo:** Thứ nhất là gần thiện tri thức, cung kính cúng dường. Thứ nhì là chẳng tự cao tự đại, chẳng tự khen ngợi. Thứ ba là tin hiểu thâm pháp của Phật mà chẳng hủy báng. Thứ tư là chẳng bao giờ quên mất tâm nhứt thiết trí. Thứ năm là siêng tu diệu hạnh, hằng chẳng phóng dật. Thứ sáu là thường cầu tất cả pháp dành cho Bồ Tát. Thứ bảy là hằng diễn thuyết chánh pháp, tâm không nhàm mỏi. **Điều rời bỏ ma nghiệp thứ tám** bao gồm quy y tất cả chư Phật mười phương và nghĩ đến chư Phật như những vị cứu hộ. Thứ chín là tin thọ ức niệm tất cả chư Phật thần lực gia trì. Thứ mười là cùng tất cả Bồ Tát đồng gieo căn lành bình đẳng không hai. Hơn nữa, theo lời Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, **chư Bồ Tát có mười thứ hạnh giúp họ được đại trí huệ vô thượng của chư Như Lai:** Thứ nhất là hạnh tu tập vì tất cả chúng sanh, vì nhờ đó mà làm cho khắp cả được thành thực. Thứ nhì là hạnh tu tập tất cả các pháp, vì nhờ đó mà tu học tất cả. Thứ ba là hạnh tu tập tất cả các thiện căn và khiến cho chúng tăng trưởng. Thứ tư là hạnh tu tập Tam muội vì nhờ đó mà được nhứt tâm bất loạn. Thứ năm là hạnh tu tập thực hành trí huệ vì nhờ đó mà không có chi là chẳng rõ chẳng biết. Thứ sáu là hạnh tu tập tất cả, do đó mà không chi là không tu được. Thứ bảy là hạnh tu tập nương nơi tất cả Phật sát (Phật độ hay Phật quốc), vì thấy đều trang nghiêm. Thứ tám là hạnh tu tập tôn trọng và hỗ trợ tất cả thiện hữu tri thức. Thứ chín là hạnh tu tập tôn kính và cúng dường chư Như Lai. Thứ mười là hạnh tu tập thân thông biến hóa, vì nhờ đó mà có thể biến hóa tự tại để hóa độ chúng sanh. Cũng theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có **mười luật nghi của chư Đại Bồ Tát:** Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được luật nghi đại trí vô thượng. Thứ nhất là chẳng hủy báng Phật pháp. Thứ nhì là tín tâm nơi chư Phật chẳng hoại diệt. Thứ ba là tôn trọng cung kính tất cả Bồ Tát. Thứ tư là chẳng bỏ tâm mến thích tất cả thiện tri thức. Thứ năm là chẳng móng lòng ghi nhớ những Thanh Văn Độc Giác. Thứ sáu là xa lìa tất cả những thói chuyển Bồ Tát đạo. Thứ bảy là chẳng khởi tất cả tâm tổn hại chúng sanh. Thứ tám là tu tất cả thiện căn đều khiến

rốt ráo. *Thứ chín* là có thể hàng phục chúng ma. *Thứ mười* là làm cho đầy đủ tất cả Ba-La-Mật. Lại cũng theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp tu hành của chư Đại Bồ Tát. ***Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được pháp tu hành vô thượng của Như Lai: Thứ nhất*** là cung kính tôn trọng chư thiện tri thức. *Thứ nhì* là thường được chư Thiên cảnh giác. *Thứ ba* là trước chư Phật thường biết tầm quý. *Thứ tư* là thương xót chúng sanh và chẳng bỏ sanh tử. *Thứ năm* là thực hành công việc đến rốt ráo mà tâm không biến động. *Pháp tu hành thứ sáu* bao gồm chuyên niệm theo dõi chúng Bồ Tát, phát tâm đại thừa, và tinh cần tu học. *Pháp tu hành thứ bảy* bao gồm xa lìa tà kiến và siêng cầu chánh đạo. *Thứ tám* là dẹp phá chúng ma và nghiệp phiền não. *Pháp tu hành thứ chín* bao gồm biết căn tánh của chúng sanh và vì họ mà thuyết pháp cho họ được an trụ nơi Phật địa. *Pháp tu hành thứ mười* bao gồm an trụ trong pháp giới quảng đại vô biên và diệt trừ phiền não và thanh tịnh nơi thân.

Great Bodhisattvas' Cultivations

An Overview of Cultivation in Buddhism: In Buddhist cultivation, it is traditional for Buddhists to honour the Buddha, to respect the Sangha and to pay homage the religious objects of veneration such as the relics of the Buddha, Buddha images, monastery, pagoda, and personal articles used by the Buddha. However, Buddhists should try to cultivate and attain a self-realization, and never pray to idols. To lead a religious life or cultivation in Buddhism is to put the Buddha's teachings into practice on a continued and regular basis. Cultivation in Buddhism also means to nourish the seeds of Bodhi by practicing and developing precepts, dhyana, and wisdom. Thus, cultivation in Buddhism is not solely practicing Buddha recitation or sitting meditation, it also includes cultivation of six paramitas, ten paramitas, thirty-seven aids to Enlightenment, etc. For Buddhists, to cultivate earnestly we cannot look down on ourselves and not to exert enough efforts. According to the Platform Sutra of the Sixth Patriarch's Dharma Treasure, the Sixth Patriarch, Hui-Neng, taught: Good Knowing Advisors, one who cultivates non-movement does not notice whether other people are right or wrong, good or bad, or whether they have other faults. That is the non-movement of the self-nature. Good Knowing Advisors,

although the body of the confused person may not move, as soon as he opens his mouth he speaks of what is right and wrong about others, of their good points and shortcomings and so, he turns his back on the way. Attachment to the mind and attachment to purity are obstructions to the Way.” According to Buddhism, our fate depends entirely on our deeds; in other words, we are the architects of our karma. Cultivating in accordance with the Buddha’s Teachings means we change the karma of ourselves; changing our karmas by not only giving up our bad actions or misdeeds, but also forgiving offences directed against us by others. We cannot blame anyone else for our miseries and misfortunes. We have to face life as it is and not run away from it, because there is no place on earth to hide from karma. Performing good deeds is indispensable for our own happiness; there is no need of imploring favors from deities or simply showing repentance. Changing karma also means remembrance of karma and using wisdom to distinguish virtue from evil and freedom from constraint so that we are able to avoid evil deeds, to do meritorious deeds, or not to create any deeds at all. Changing karma also means to purify our minds rather than praying, performing rites, or torturing our bodies. Changing karma also means to change your narrow-minded heart into a heart full of love and compassion and accomplish the four boundless hearts, especially the hearts of loving-kindness and compassion. True Buddhists should always remember that sooner or later everyone has to die once. After death, what can we bring with us? We cannot bring with us any worldly possessions; only our bad or good karma will follow us like a shadow of our own.

Great Bodhisattvas' Cultivations: According to Buddhism, it is not only ordinary people cannot escape cause and effect, even the Bodhisattvas cannot avoid them. However, Bodhisattvas are enlightening beings who have far-ranging vision. In cultivation, they always know bad causes will surely end up in bad results. Thus, Bodhisattvas are afraid of bad consequences in the future, not only they avoid planting evil-causes or evil karma in the present, but they also diligently cultivate to gradually diminish their karmic obstructions; at the same time to accumulate their virtues and merits, and ultimately to attain Buddhahood. However, sentient beings complete constantly to gather evil-causes; therefore, they must suffer evil effect. When

ending the effect of their actions, they are not remorseful or willing to repent. Not only do they blame Heaven and other people, but they continue to create more evil karma in opposition and retaliation. Therefore, enemies and vengeance will continue to exist forever in this vicious cycle. Sincere Buddhists should always remember that by planting more good causes, we will surely reap good consequences in the future. In the contrary, if we only see the present, and engage in immoral practices by not planting good roots and accumulating merits and virtues, we will surely bear bad consequences, without any exception. Practitioners should always remember that in any undertaking, the most difficult part is right at the start, but a thousand-mile journey begins with just one first step. So, we should start our cultivation right at this very time, this very moment, and not wait for any time in the future because the time is not waiting for anyone! Great Enlightening Beings have many ways of cultivation; however, in the limitation of this little book, we can only mention some typical ones. *According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of cultivation of Great Enlightening Beings: Enlightening beings who abide by these can achieve the supreme cultivation and practice all truths. These ten methods of cultivation include cultivation of the ways of transcendence, learning, wisdom, purpose, righteousness, emancipation, manifestation, diligence, accomplishment of true awakening, and operation of right teaching. Besides, according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 21, there are ten kinds of practices, which are expounded by the Buddhas of past, present and future: They are the practice of giving joy, beneficial practice, practice of nonopposition, practice of indomitability, practice of nonconfusion, practice of good manifestation, practice of nonattachment, practice of that which is difficult to attain, practice of good teachings, and practice of truth. According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten ways of getting rid of demons' actions of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can escape all demonic ways: First, associating with the wise and honoring and serving them. Second, not elevating themselves or praising themselves. Third, believing in the profound teaching of Buddha without repudiating it. Fourth, never ever forgetting the determination for omniscience. Fifth, diligently cultivating refined practices, never being lax. Sixth, always*

seeking all the teachings for enlightening beings. *Seventh*, always expounding the truth tirelessly. *The eighth way of getting rid of demons' actions* includes taking refuge with all the Buddhas in the ten directions and thinking of them as saviors and protectors. *Ninth*, faithfully accepting and remembering the support of the spiritual power of the Buddhas. *Tenth*, equally planting the same roots of goodness with all enlightening beings. Furthermore, according to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Great Enlightening Beings have *ten kinds of practice which help them attain the practice of the unexcelled knowledge and wisdom of Buddhas*: *First*, the practice dealing with all sentient beings, to develop them all to maturity. *Second*, the practice seeking all truths, to learn them all. *Third*, the practice of all roots of goodness, to cause them all to grow. *Fourth*, the practice of all concentration, to be single-minded, without distraction. *Fifth*, the practice of all knowledge, to know everything. *Sixth*, the practice of all cultivations, to be able to cultivate them all. *Seventh*, the practice dealing with all Buddha-lands, to adorn them all. *Eighth*, the practice dealing with all good companions, respecting and supporting them. *Ninth*, the practice dealing with all Buddhas, honoring and serving them. *Tenth*, the practice all supernatural powers, to be able to transform anywhere, anytime to help sentient beings. *Also according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of rules of behavior of great enlightening beings*: Enlightening beings who abide by these can attain the supreme discipline of great knowledge. *First*, Bodhisattvas should not slander any enlightening teachings. *Second*, Bodhisattvas' faith in the Buddhas should be indestructible. *Third*, Bodhisattvas should honor and respect all enlightening beings. *Fourth*, Bodhisattvas should never give up their friendship with wise people. *Fifth*, Bodhisattvas should not think of those who seek individual salvation. *Sixth*, Bodhisattvas should avoid all regression on the path of enlightening beings. *Seventh*, Bodhisattvas should not give rise to any malice toward sentient beings. *Eighth*, Bodhisattvas should cultivate all roots of goodness to perfection. *Ninth*, Bodhisattvas should be able to conquer all demons. *Tenth*, Bodhisattvas should fulfill all the ways of transcendence. Also according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten norms of practice of Great Enlightening Beings. ***Enlightening Beings who abide by these can attain the Buddhas'***

supreme method of practice: First, honoring the wise. Second, always being alerted by the celestial spirits. Third, always having shame and conscience before the Buddhas. The fourth norm of practice includes having pity for sentient beings and not abandoning birth and death. Fifth, carrying tasks through consummation without change of mind. The sixth norm of practice includes single-mindedly following the enlightening beings, aspiring to universal enlightenment, and diligently learning. The seventh norm of practice includes getting rid of wrong views and earnestly seeking the right Path. Eighth, destroying demons and the actions of afflictions. The ninth norm of practice includes knowing the different faculties and temperaments of sentient beings and teaching them and enable them to live in the state of Buddhahood. The tenth norm of practice includes abiding in the infinitely vast cosmos of reality and removing the afflictions and purifying the body.

Chương Hai Mươi
Chapter Twenty

Pháp Của Chư Đại Bồ Tát

Bồ Tát, một chúng sanh giác ngộ, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thấy chúng sanh. Chư Bồ Tát có rất nhiều pháp tu, nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập theo một số pháp tu tiêu biểu của chư Bồ Tát: **Thứ nhất là Mười Pháp Của Chư Đại Bồ Tát:** chánh tín, thiện hạnh, tỉnh giác, vui sướng phát tâm bồ đề, vui sướng hành trì Phật pháp, vui trong thiền định, hành trì chánh pháp, tuân giữ giới luật Phật, dứt bỏ cống cao ngã mạn, hiểu sâu Phật pháp. **Lại có Mười Pháp Biến Hóa Của Chư Đại Bồ Tát:** Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp biến hóa của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đầy đủ tất cả các pháp biến hóa vô thượng. *Thứ nhất* là tất cả chúng sanh biến hóa. *Thứ nhì* là tất cả thân biến hóa. *Thứ ba* là khắp các cõi biến hóa. *Thứ tư* là tất cả cúng dường biến hóa. *Thứ năm* là tất cả âm thanh biến hóa. *Thứ sáu* là tất cả hạnh nguyện biến hóa. *Thứ bảy* là tất cả giáo hóa và điều phục chúng sanh biến hóa. *Thứ tám* là tất cả thành chánh giác biến hóa. *Thứ chín* là tất cả thuyết chân pháp biến hóa. *Thứ mười* là tất cả gia trì biến hóa.

Thứ nhì là Mười Pháp Biết Tam Thế Của Chư Bồ Tát: Đúc Phật giảng trong Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Ly Thế Gian, có mười pháp biết tam thế của chư Bồ Tát được. *Thứ nhất* là biết những an lập. *Thứ nhì* là biết những ngôn ngữ. *Thứ ba* là biết những luận nghị. *Thứ tư* là biết những quy tắc. *Thứ năm* là biết những xưng tán. *Thứ sáu* là biết những chế lệnh. *Thứ bảy* là biết những giả danh. *Thứ tám* là biết kia vô tận. *Thứ chín* là biết kia tịch diệt. *Thứ mười* là biết tất cả là “không.”

Thứ ba là Mười Pháp Chăng Bỏ Tâm Thâm Đại Của Chư Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Ly Thế Gian, có mười pháp chẳng bỏ tâm thâm đại của chư Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời chẳng bỏ tất cả Phật pháp. *Thứ nhất* là chẳng bỏ tâm thâm-đại thành tựu viên mãn tất cả Phật Bồ Đề. *Thứ nhì* là chẳng bỏ tâm thâm-đại giáo hóa điều phục tất cả chúng sanh. *Thứ ba* là chẳng bỏ tâm thâm-đại chẳng dứt chủng tánh của Phật. *Thứ tư* là chẳng bỏ tâm thâm-

đại gần gũi tất cả thiện tri thức. *Thứ năm* là chẳng bỏ tâm thâm-đại cúng dường tất cả chư Phật. *Thứ sáu* là chẳng bỏ tâm thâm-đại chuyên cầu tất cả pháp công đức đại thừa. *Thứ bảy* là chẳng bỏ tâm thâm-đại ở chỗ chư Phật tu phạm hạnh, hộ trì tịnh giới. *Thứ tám* là chẳng bỏ tâm thâm-đại thân cận tất cả Bồ Tát. *Thứ chín* là chẳng bỏ tâm thâm-đại cầu tất cả Phật pháp phương tiện hộ trì. *Thứ mười* là chẳng bỏ tâm thâm-đại thành nguyện tất cả Bồ Tát hạnh nguyện, chứa nhóm tất cả Phật pháp.

Thứ tư là Mười Pháp Chư Đại Bồ Tát Đạt Được Khi Trụ Vào Vô Ngại Luân Tam Muội: Mười pháp mà chư Bồ Tát đạt được khi trụ vào Vô Ngại luân Tam muội. Đại Bồ Tát trụ trong tam muội này thời được mười pháp đồng tam thế chư Phật. *Thứ nhất* là được tướng hảo trang nghiêm đồng với chư Phật. *Thứ nhì* là phóng đại quang minh thanh tịnh đồng với chư Phật. *Thứ ba* là thần thông biến hóa điều phục chúng sanh đồng với chư Phật. *Thứ tư* là sắc thân vô biên, thanh âm thanh tịnh đồng với chư Phật. *Thứ năm* là tùy chúng sanh nghiệp mà hiện tịnh cõi Phật đồng với chư Phật. *Thứ sáu* là bao nhiêu ngôn ngữ của tất cả chúng sanh đều có thể nhiếp trì chẳng quên chẳng mất đồng với chư Phật. *Thứ bảy* là biện tài vô tận tùy tâm chúng sanh mà chuyển pháp luân cho họ sanh trí huệ đồng với chư Phật. *Thứ tám* là đại sư tử hống không khiếp sợ, dùng vô lượng pháp khai ngộ chúng sanh đồng với chư Phật. *Thứ chín* là trong khoảng một niệm dùng đại thần thông vào khắp tam thế đồng với chư Phật. *Thứ mười* là khắp khai thị cho tất cả chúng sanh chư Phật trang nghiêm, chư Phật oai lực, chư Phật cảnh giới, đồng với chư Phật.

Thứ năm là Mười Pháp Cú Của Chư Bồ Tát Trong Kinh Hoa Nghiêm: *Thứ nhất* là diễn thuyết pháp cú thị hiện đồng trong pháp giới tất cả Phật sát vi trần, chư Phật thứ đệ xuất thế, các cõi thứ đệ thành hoại. *Thứ nhì* là diễn thuyết pháp cú có thể thị hiện đồng trong hư không pháp giới tất cả các cõi Phật, tận vị lai kiếp, âm thanh tán thán công đức của Như Lai. *Thứ ba* là diễn thuyết pháp cú có thể thị hiện đồng trong hư không giới tất cả cõi Phật, Như Lai xuất thế vô lượng vô biên thành Chánh Giác Môn. *Thứ tư* là diễn thuyết pháp cú có thể thị hiện đồng trong hư không giới tất cả cõi Phật, Đức Như Lai ngồi đạo tràng giữa chúng hội Bồ Tát. *Thứ năm* là diễn thuyết pháp cú nơi tất cả các lỗ lông niệm niệm xuất hiện đồng tam thế thân biến hóa của tất cả chư Phật khắp pháp giới. *Thứ sáu* là diễn thuyết pháp cú có thể làm

cho một thân đầy khắp mười phương tất cả sát hải bình đẳng hiển hiện. *Thứ bảy* là diễn thuyết pháp cú có thể làm cho trong tất cả những cảnh giới hiện khắp tam thế chư Phật thân biến. *Thứ tám* là diễn thuyết pháp cú có thể làm cho trong tất cả Phật sát vi trần hiện khắp tam thế tất cả Phật sát vi trần số Phật, những thân biến trải qua vô lượng kiếp. *Thứ chín* là diễn thuyết pháp cú có thể làm cho tất cả lỗ lông xuất sanh âm thanh đại nguyện hải của tất cả tam thế chư Phật, tận vị lai kiếp, khai phát hóa đạo tất cả Bồ Tát. *Thứ mười* là diễn thuyết pháp cú có thể làm cho tòa sư tử của Phật lượng đồng pháp giới, chúng hội Bồ Tát, đạo tràng trang nghiêm, tận vị lai kiếp chuyển những pháp luân vi diệu.

Thứ sáu là Mười Pháp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 36, chư Đại Bồ Tát muốn mau đầy đủ hạnh Bồ Tát phải siêng tu mười pháp sau đây: *Thứ nhất* là tâm chẳng xa bỏ tất cả chúng sanh. *Thứ nhì* là đối với chư Bồ Tát phải xem như Phật. *Thứ ba* là trọn chẳng hủy báng Phật pháp. *Thứ tư* là biết các quốc độ không cùng tận. *Thứ năm* là rất có lòng tin mến nơi Bồ Tát hạnh. *Thứ sáu* là chẳng bỏ tâm bình đẳng hư không pháp giới Bồ Đề. *Thứ bảy* là quán sát Bồ Đề nhập Như Lai. *Thứ tám* là siêng năng tu tập vô ngại biện tài. *Thứ chín* là giáo hóa chúng sanh không nhằm mỗi. *Thứ mười* là trụ nơi tất cả thế giới mà tâm không nhiễm trước.

Thứ bảy là Mười Pháp Khác Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong mười pháp này thời được pháp quảng đại vô thượng của Đức Như Lai. *Thứ nhất* là chơn thiết pháp, vì như thuyết tu hành. *Thứ nhì* là ly thủ pháp, có hai thứ: lìa năng thủ và lìa sở thủ. *Thứ ba* là vô tránh pháp, vì không mê lầm gây gỗ. *Thứ tư* là tịch diệt pháp, vì trừ diệt tất cả nhiệt não. *Thứ năm* là ly dục pháp, vì tất cả tham dục đều dứt trừ. *Thứ sáu* là vô phân biệt pháp, vì dứt hẳn phan duyên phân biệt. *Thứ bảy* là vô sanh pháp, vì dường như hư không bất động. *Thứ tám* là vô vi pháp, vì lìa những tướng sanh trụ diệt. *Thứ chín* là bốn tánh pháp, vì tự tánh vô nhiễm thanh tịnh. *Thứ mười* là xả bỏ tất cả Niết bàn hữu dư, vì hay sanh tất cả Bồ Tát hạnh tu tập chẳng dứt.

Thứ tám là Mười Pháp Đại Hoan Hỷ Và An Ủi Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp đại hoan hỷ và an ủi của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được trí huệ đại hoan hỷ và an ủi vô thượng chánh đẳng chánh giác. *Thứ*

nhất là tốt đời vị lai có bao nhiêu chư Phật xuất thế đều được theo gần hầu hạ làm cho chư Phật hoan hỷ; suy nghĩ như vậy tâm rất hân ủy. *Thứ nhì* là đem đồ cúng dường vô thượng mà cung kính dâng lên chư Phật. *Thứ ba* là ở chỗ chư Phật, lúc cúng dường chư Như Lai đó tất dạy chánh pháp cho tôi, tôi đều dùng tâm tâm cung kính nghe nhận, tu hành đúng theo lời Phật dạy, nơi bực Bồ Tát tất được đã sanh, nay sanh, sẽ sanh. Suy nghĩ như vậy tâm rất hân ủy. *Thứ tư* là nơi bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp thực hành Bồ Tát hạnh, thường cùng tất cả chư Phật Bồ Tát ở chung. *Thứ năm* là thuở chưa phát tâm Bồ Đề, có những nỗi lo sợ, sợ chẳng sống, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ đọa vào ác đạo, sợ oai đức của đại chúng, vân vân. Từ khi một phen phát tâm thời đều xa lìa chẳng còn kinh sợ. Tất cả chúng ma và các ngoại đạo không phá hoại được. *Thứ sáu* là làm cho Tất cả chúng sanh thành vô thượng Bồ Đề. Thành Bồ Đề rồi, tôi sẽ từ nơi đức Phật đó tu hạnh Bồ Tát, trọn đời dùng lòng tin lớn sửa chữa những đồ đáng cúng dường chư Phật để dâng cúng. Sau khi chư Phật nhập diệt, tôi đều dựng vô lượng tháp để cúng dường xá lợi và thọ trì thủ hộ pháp của Phật để lại. *Thứ bảy* là dùng đồ vô thượng trang nghiêm để trang nghiêm mười phương thế giới, làm cho đầy đủ các thứ kỳ diệu bình đẳng thanh tịnh. Lại dùng những sức đại thần thông trụ trì chấn động quang minh chói sáng cùng khắp tất cả. *Thứ tám* là tôi phải dứt nghi hoặc cho tất cả chúng sanh, làm sạch tất cả dục lạc của chúng sanh, mở tâm ý, và diệt phiền não cho tất cả chúng sanh, đóng cửa ác đạo và mở cửa thiện đạo cho tất cả chúng sanh, phá hắc ám và ban quang minh cho tất cả chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh rời ma nghiệp mà đi đến chỗ an ổn. *Thứ chín* là chư Phật như hoa ưu đàm hiếm và khó gặp, trong vô lượng kiếp chẳng được thấy một lần, tôi phải ở đời vị lai muốn thấy Như Lai thời bèn được thấy. Chư Như Lai thường chẳng bỏ tôi, mà hằng ở chỗ cho tôi được thấy, thuyết pháp cho tôi không dứt mất, đã nghe pháp rồi tâm ý tôi thanh tịnh, xa rời xiểm khúc, chất trực không hư ngụy, trong mỗi niệm thường thấy chư Phật. *Thứ mười* là tôi thuở vị lai sẽ được thành Phật, do thần lực của Phật nơi tất cả thế giới vì tất cả chúng sanh đều riêng thị hiện thành chánh đẳng chánh giác, thanh tịnh vô úy, đại sư tử hống, do bốn đại nguyện cùng khắp pháp giới, đánh đại pháp cổ, mưa đại pháp vũ, làm đại pháp thí. Trong vô lượng kiếp thường diễn chánh pháp, đại bi nhiếp trì, thân ngữ ý ba nghiệp không nhàm mỏi.

Thứ chín là Mười Pháp Đại Phát Khởi Của Chư Đại Bồ Tát:

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp đại phát khởi của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời rất ráo Bồ Tát hạnh, đầy đủ đại trí vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là cung kính cúng dường tất cả chư Phật. *Thứ nhì* là trưởng dưỡng tất cả thiện căn của chư Bồ Tát. *Thứ ba* là sau khi chư Như Lai nhập Niết Bàn, chư Bồ Tát sẽ trang nghiêm Phật pháp; dùng tất cả các thứ cúng dường như: các thứ hoa, tràng hoa, hương, hương thoa, hương bột, y, lọng, tràng, phan. Thọ trì và thủ hộ chánh pháp của Phật. *Thứ tư* là sẽ giáo hóa điều phục tất cả chúng sanh khiến họ được vô thượng Bồ Đề. *Thứ năm* là dùng Phật độ vô lượng trang nghiêm để trang nghiêm tất cả thế giới. *Đại phát khởi thứ sáu:* Chư Đại Bồ Tát nên phát tâm đại bi; và vì chúng sanh mà mãi mãi thực hành hạnh Bồ Tát không mỏi mệt. Chư Bồ tát nên làm những điều này cho đến khi pháp giới chúng sanh đều được vô thượng Bồ Đề. *Thứ bảy* là chư Phật vô lượng vô biên, chư Bồ Tát nên nơi từng vị Như Lai trải qua bất tư nghì kiếp, cung kính cúng dường; và nơi các Đức Như Lai cũng cung kính cúng dường như vậy. *Thứ tám* là sau khi chư Như Lai diệt độ, chư Bồ Tát nên mỗi đức Như Lai có bao nhiêu xá lợi, đều xây bảo tháp cao rộng bằng bất khả thuyết thế giới; tạo tượng Phật lại cũng như vậy; và trong vô lượng kiếp cúng dường không nhằm mỗi tràng phan, lọng, hương, hoa, y. Tại sao? Để thành tựu lời Phật dạy; để cúng dường chư Phật; để giáo hóa chúng sanh; để hộ trì chánh pháp; và để khai thị và diễn thuyết. *Thứ chín* là Bồ Tát sẽ dùng những thiện căn này để thành tựu vô thượng Bồ Đề; được nhập Phật địa; và cùng với tất cả Như Lai thể tánh bình đẳng. *Thứ mười* là chư Đại Bồ Tát lại nghĩ như vậy khi họ đã thành chánh giác. Nơi tất cả thế giới trong vô lượng kiếp, diễn thuyết chánh pháp. Thị hiện bất tư nghì thần thông tự tại. Và làm những điều này không nhằm mỗi cũng như không xa rời chánh pháp, không nhằm mỗi, không nhằm mỗi nơi thân, không nhằm mỗi nơi khẩu, không nhằm mỗi nơi ý, và không xa rời chánh pháp.

Thứ mười là Mười Pháp Được Trí Huệ Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp được trí huệ của chư Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được hiện chứng trí vô thượng của tất cả chư Phật. *Thứ nhất* là xả thí tự tại. *Thứ nhì* là hiểu sâu tất cả Phật pháp. *Thứ ba* là nhập Như Lai trí. *Thứ tư* là hay đoạn nghi trong tất cả vấn đáp. *Thứ năm* là nhập nơi nghĩa của trí giả. *Thứ*

sáu là hay hiểu sâu ngôn âm thiện xảo trong tất cả Phật pháp của tất cả chư Phật. *Thứ bảy* là hiểu sâu chỗ chư Phật gieo ít căn lành tất có thể đầy đủ tất cả pháp bạch tịnh, được trí vô lượng của Như Lai. *Thứ tám* là thành tựu Bồ Tát bất tư nghì trụ. *Thứ chín* là ở trong một niệm đều có thể qua đến bất khả thuyết cõi Phật. *Thứ mười* là giác ngộ chư Phật Bồ Đề, nhập tất cả pháp giới, văn trì tất cả pháp của Phật nói, vào sâu những ngôn âm trang nghiêm của tất cả Như Lai.

Thứ mười một là Mười Pháp Giải Thoát Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp giải thoát của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp giải thoát này thời có thể ra làm Phật sự vô thượng, giáo hóa thành thực tất cả chúng sanh. *Thứ nhất* là phiền não giải thoát. *Thứ nhì* là tà kiến giải thoát. *Thứ ba* là giải thoát những chấp thủ. *Thứ tư* là uẩn, xứ, giới giải thoát. *Thứ năm* là siêu nhị thừa giải thoát. *Thứ sáu* là vô sanh pháp nhẫn giải thoát. *Thứ bảy* là nơi tất cả thế gian, tất cả cõi, tất cả chúng sanh, tất cả pháp, lia chấp trước giải thoát. *Thứ tám* là vô biên trụ giải thoát. *Thứ chín* là phát khởi tất cả hạnh Bồ Tát nhập Phật vô phân biệt giải thoát. *Thứ mười* là ở trong một niệm đều có thể rõ biết tất cả tam thế giải thoát.

Thứ mười hai là Mười Pháp “Giảng Nói Tam Thế” Của Chư Bồ Tát: Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy mười pháp mà chư Bồ Tát dùng mười pháp này nói khắp tam thế. *Thứ nhất* là quá khứ thế nói quá khứ thế. *Thứ nhì* là quá khứ thế nói vị lai thế. *Thứ ba* là quá khứ thế nói hiện tại thế. *Thứ tư* là vị lai thế nói quá khứ thế. *Thứ năm* là vị lai thế nói hiện tại thế. *Thứ sáu* là vị lai thế nói vô tận (vị lai thế). *Thứ bảy* là hiện tại thế nói quá khứ thế. *Thứ tám* là hiện tại thế nói vị lai thế. *Thứ chín* là hiện tại thế nói bình đẳng. *Thứ mười* là hiện tại thế nói tam thế tức một niệm.

Thứ mười ba là Mười Pháp Khấp Cùng Vô Lượng Vô Biên Pháp Giới Của Chư Phật: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười Pháp khấp cùng vô lượng vô biên pháp giới của chư Phật. *Thứ nhất* là tất cả chư Phật có vô biên tế thân sắc tướng thanh tịnh, vào khắp các cõi mà không nhiễm trước. *Thứ nhì* là tất cả chư Phật có vô biên tế nhãn vô ngại, đều hay thấy rõ tất cả pháp. *Thứ ba* là tất cả chư Phật có vô biên tế nhĩ vô ngại, đều hay hiểu rõ tất cả âm thanh. *Thứ tư* là tất cả chư Phật có vô biên tế tỷ, hay đến bỉ ngạn tự tại tất cả Phật. *Thứ năm* là tất cả chư Phật có quảng trường thiệt, phát ra âm thanh vi diệu cùng khắp pháp giới. *Thứ sáu* là tất cả chư Phật có vô biên tế thân, ứng theo tâm

của chúng sanh, cho họ đều được thấy. *Thứ bảy* là tất cả chư Phật có vô biên tế ý, trụ nơi vô ngại bình đẳng pháp thân. *Thứ tám* là tất cả chư Phật có vô biên tế giải thoát vô ngại thị hiện sức đại thần thông vô tận. *Thứ chín* là tất cả chư Phật có vô biên tế thế giới thanh tịnh, theo sở thích của chúng sanh hiện những Phật độ, đầy đủ vô lượng những thứ trang nghiêm, mà ở trong đó chẳng sanh nhiễm trước. *Thứ mười* là tất cả chư Phật đều có vô biên tế Bồ Tát hạnh nguyện, đều được trí viên mãn, đều du hí tự tại, và đều thông đạt tất cả Phật pháp.

Thứ mười bốn là Mười Pháp Khiến Cho Những Thực Hành Của Chư Đại Bồ Tát Trở Nên Thanh Tịnh: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 18, có mười pháp khiến cho những thực hành của chư Bồ Tát trở nên thanh tịnh. Khi chư Bồ Tát đã được hạnh thanh tịnh thì cũng lại được mười pháp to lớn hơn. *Thứ nhất* là xả bỏ hết của cải để làm vừa ý chúng sanh. *Thứ nhì* là trì giới thanh tịnh, không hủy phạm. *Thứ ba* là nhu hòa nhẫn nhục không cùng tận. *Thứ tư* là siêng tu các hạnh, chẳng thối chuyển. *Thứ năm* là do chánh niệm lực tâm không mê loạn. *Thứ sáu* là phân biệt rõ biết vô lượng pháp. *Thứ bảy* là tu tất cả hạnh mà không sợ trước. *Thứ tám* là tâm bất động dường như núi Tu Di. *Thứ chín* là rộng độ chúng sanh dường như cầu đò. *Thứ mười* là biết tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh.

Thứ mười lăm là Mười Pháp Làm Cho Chư Đại Bồ Tát Chóng Nhập Địa: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 18, Minh Pháp, có mười pháp chóng làm cho chư Bồ Tát nhập địa. *Thứ nhất* là khéo viên mãn hai hạnh phước trí. *Thứ nhì* là có thể trang nghiêm đạo Ba La Mật. *Thứ ba* là trí huệ sáng suốt, chẳng tùy tha ngữ. *Thứ tư* là phục vụ thiện tri thức, quyết không bỏ lìa. *Thứ năm* là thường hành tinh tấn, không giải đãi. *Thứ sáu* là khéo an trụ Như Lai thần lực. *Thứ bảy* là tu các căn lành chẳng sanh mỗi nhọc. *Thứ tám* là thâm tâm lợi trí dùng pháp đại thừa để tự trang nghiêm. *Thứ chín* là tâm không trụ nơi pháp môn của các địa. *Thứ mười* là đồng một thể tánh với thiện căn phương tiện của tam thế chư Phật.

Thứ mười sáu là Mười Pháp Làm Cho Chư Phật Hoan Hỷ: Theo kinh Hoa nghiêm, Phẩm 18, chư Bồ Tát có mười pháp làm cho chư Phật hoan hỷ. *Thứ nhất* là tinh tấn bất thối. *Thứ nhì* là chẳng tiếc thân mạng. *Thứ ba* là không mong cầu lợi dưỡng. *Thứ tư* là biết tất cả các pháp đều như hư không. *Thứ năm* là khéo quán sát vào khắp pháp giới. *Thứ sáu* là biết các pháp ẩn. *Thứ bảy* là luôn phát đại nguyện. *Thứ tám*

là thành tựu nhãn trí. *Thứ chín* là quán sát pháp lành của mình mà lòng không tăng giảm. *Thứ mười* là y nương vào vô tác môn mà tu tịnh hạnh. ***Chư Bồ Tát lại có mười pháp khác làm cho chư Phật hoan hỷ:*** an trụ bất phóng dật; an trụ vô sanh nhẫn; an trụ đại từ; an trụ đại bi; an trụ đầy đủ các môn Ba La Mật; an trụ đại hạnh; an trụ đại nguyện; an trụ phương tiện thiện xảo; an trụ dũng mãnh; an trụ trí huệ, quán sát chư pháp vô trụ, như hư không.

Thứ mười bảy là Mười Pháp Minh Liễu Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp hiểu chân lý. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại trí minh liễu pháp vô thượng của Đức Như Lai. *Thứ nhất* là tùy thuận thế tục sanh trưởng thiện căn, là phàm phu minh liễu pháp. *Thứ nhì* là tùy tín hành như minh liễu pháp bao gồm đạt được bất hoại tín vô ngại, và tỏ ngộ tự tánh của các pháp. *Thứ ba* là tùy pháp hành như minh liễu bao gồm siêng tu tập chánh pháp và an trụ trong chánh pháp. *Thứ tư* là dự lưu như minh liễu pháp bao gồm xa lìa tà đạo và hướng về Bát Chánh Đạo. *Thứ năm* là Tu Đà Hoàn như minh liễu bao gồm diệt trừ những kiết sử, dứt lậu sanh tử, và thấy chơn thiết đế. *Thứ sáu* là Tư Đà Hàm như minh liễu pháp bao gồm quán sát ham muốn là họa hoạn và biết không qua lại. *Thứ bảy* là A Na Hàm như minh liễu pháp bao gồm chẳng luyến tam giới, cầu hết hữu lậu, và đối với pháp thọ sanh chẳng sanh một niệm ái trước. *Thứ tám* là A La Hán như minh liễu pháp bao gồm chứng lục thần thông, được bát giải thoát, đạt đến cứu định, và thành tựu tứ biện tài. *Thứ chín* là Bích Chi Phật như minh liễu pháp bao gồm tánh thích quán sát như vị duyên khởi, tâm thường tịch tịnh, tri túc, thấu rõ như duyên; tỉnh thức việc do mình mà thành, chớ chẳng do người; và thành tựu các môn thần thông trí huệ. *Thứ mười* là Bồ Tát như minh liễu pháp bao gồm trí huệ rộng lớn, các căn sáng lẹ; thường thích độ thoát tất cả chúng sanh; siêng tu phước trí các pháp trợ đạo; và phát triển Phật thập lực, vô úy và các công đức khác của Như Lai.

Thứ mười tám là Mười Pháp Môn Vô Tận Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, Thập Định, có mười pháp môn vô tận của chư Bồ Tát. *Thứ nhất* là chư Phật xuất hiện trí vô tận. *Thứ nhì* là chúng sanh biến hóa trí vô tận. *Thứ ba* là thế giới như ảnh trí vô tận. *Thứ tư* là thâm nhập pháp giới trí vô tận. *Thứ năm* là thiện nhiếp Bồ Tát trí vô tận. *Thứ sáu* là Bồ Tát bất thối trí vô tận. *Thứ bảy* là quán như thiết pháp nghĩa trí vô tận. *Thứ tám* là thiện trì tâm lực trí vô tận.

Thứ chín là quảng đại Bồ Đề tâm trí vô tận. *Thứ mười* là trụ như thiết Phật pháp như thiết trí nguyện lực vô tận trí.

Thứ mười chín là Mười Pháp Nhập Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, Ly Thế Gian, có mười pháp nhập Bồ Tát: *Thứ nhất* là nhập bốn nguyện. *Thứ nhì* là nhập hạnh. *Thứ ba* là nhập giới. *Thứ tư* là nhập Ba La Mật. *Thứ năm* là nhập thành tựu. *Thứ sáu* là nhập sai biệt nguyện. *Thứ bảy* là nhập các thứ trí giải. *Thứ tám* là nhập trang nghiêm Phật quốc. *Thứ chín* là nhập thần lực tự tại. *Thứ mười* là nhập thị hiện thọ sanh.

Thứ hai mươi là Mười Pháp Nhập Chúng Sanh Của Chư Đại Bồ Tát: Mười pháp nhập chúng sanh của chư Bồ Tát trong Kinh Hoa Nghiêm: *Thứ nhất* là nhập tất cả chúng sanh quá khứ hạnh. *Thứ nhì* là nhập tất cả chúng sanh vị lai hạnh. *Thứ ba* là nhập tất cả chúng sanh hiện tại hạnh. *Thứ tư* là nhập tất cả chúng sanh thiện hạnh. *Thứ năm* là nhập tất cả chúng sanh bất thiện hạnh. *Thứ sáu* là nhập tất cả chúng sanh tâm hạnh. *Thứ bảy* là nhập tất cả chúng sanh căn hạnh. *Thứ tám* là nhập tất cả chúng sanh giải hạnh. *Thứ chín* là nhập tất cả chúng sanh phiền não tập khí hạnh. *Thứ mười* là nhập tất cả chúng sanh giáo hóa điều phục thời và phi thời hạnh.

Thứ hai mươi một là Mười Pháp Nhập Như Lai Của Chư Bồ Tát: Theo lời Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Ly Thế Gian, có mười cách nhập Như Lai cho chư Bồ Tát. *Thứ nhất* là nhập vô biên thành chánh giác. *Thứ nhì* là nhập vô biên chuyển pháp luân. *Thứ ba* là nhập vô biên pháp phương tiện. *Thứ tư* là nhập vô biên âm thanh sai biệt. *Thứ năm* là nhập vô biên điều phục chúng sanh. *Thứ sáu* là nhập vô biên thần lực tự tại. *Thứ bảy* là nhập vô biên những thân sai biệt. *Thứ tám* là nhập vô biên tam muội. *Thứ chín* là nhập vô biên lực vô úy. *Thứ mười* là nhập vô biên thị hiện Niết Bàn.

Thứ hai mươi hai là Mười Pháp Nhập Tam Muội Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười pháp nhập Tam Muội. Chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được pháp tam muội thiện xảo vô thượng của tất cả chư Phật. *Thứ nhất* là nơi tất cả thế giới nhập tam muội. *Thứ nhì* là nơi thân tất cả chúng sanh nhập tam muội. *Thứ ba* là nơi tất cả pháp nhập tam muội. *Thứ tư* là nơi tất cả Phật nhập tam muội. *Thứ năm* là trụ tất cả các kiếp nhập tam muội. *Thứ sáu* là từ tam muội khởi hiện bất tư nghì thân nhập tam muội. *Thứ bảy* là nơi thân tất cả Phật nhập tam muội. *Thứ tám* là giác ngộ tất cả chúng sanh

bình đẳng nhập tam muội. *Thứ chín* là trong một niệm nhập trí tam muội của tất cả Bồ Tát, nhập tam muội. *Thứ mười* là trong một niệm dùng vô ngại trí thành tựu tất cả Bồ Tát hạnh nguyện chẳng thôi nghỉ, nhập tam muội.

Thứ hai mươi ba là Mười Pháp Phát Tâm Vô Úy Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười pháp phát tâm vô úy. Chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được tâm vô sở úy đại trí vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là diệt tất cả chướng ngại phát tâm vô úy. *Thứ nhì* là sau khi Phật diệt độ hộ trì chánh pháp, phát tâm vô úy. *Thứ ba* là hàng phục tất cả ma quân, phát tâm vô úy. *Thứ tư* là chẳng tiếc thân mạng, phát tâm vô úy. *Thứ năm* là xô dẹp tất cả ngoại đạo tà luận, phát tâm vô úy. *Thứ sáu* là khiến tất cả chúng sanh hoan hỷ, phát tâm vô úy. *Thứ bảy* là khiến tất cả chúng hội đều hoan hỷ, phát tâm vô úy. *Thứ tám* là điều phục tất cả thiên long bát bộ, phát tâm vô úy. *Thứ chín* là rời bực nhị thừa nhập pháp thậm thâm, phát tâm vô úy. *Thứ mười* là trong bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp thực hành hạnh Bồ Tát, tâm không mỏi nhàm, phát tâm vô úy.

Thứ hai mươi bốn là Mười Pháp Phát Vô Lượng Vô Biên Quảng Đại Tâm: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp phát vô lượng vô biên quảng đại tâm của chư Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ mười tâm quảng đại này thời được biến trí huệ quảng đại vô lượng vô biên tất cả Phật pháp. *Thứ nhất* là ở chỗ của tất cả chư Phật, phát vô lượng vô biên quảng đại tâm. *Thứ nhì* là quán sát tất cả chúng sanh giới, phát vô lượng vô biên quảng đại tâm. *Thứ ba* là quán sát tất cả cõi, tất cả thế giới, tất cả pháp giới, pháp vô lượng vô biên quảng đại tâm. *Thứ tư* là quán sát tất cả pháp đều như hư không. *Thứ năm* là quán sát hạnh quảng đại của Bồ Tát. *Thứ sáu* là chánh niệm tam thế tất cả chư Phật. *Thứ bảy* là quán sát những nghiệp báo bất tư nghì. *Thứ tám* là nghiêm tịnh tất cả cõi Phật. *Thứ chín* là vào khắp đại hội của tất cả chư Phật. *Thứ mười* là quán sát diệu âm của tất cả Như Lai.

Thứ hai mươi lăm là Mười Pháp Phổ Quán Sát Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười môn phổ quán sát của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại trí huệ phổ quán sát vô thượng của Đức Như Lai. *Thứ nhất* là phổ quán sát tất cả những kẻ đến cầu xin, vì dùng tâm không trái nghịch để làm thỏa mãn ý của họ. *Thứ nhì* là phổ quán sát tất cả những chúng sanh phạm giới, vì an trí họ trong giới thanh tịnh của các Đức Như Lai. *Thứ ba* là

phổ quán sát tất cả chúng sanh có tâm tổn hại, vì an trí họ trong nhãn lực của các Đức Như Lai. *Thứ tư* là phổ quán sát tất cả những chúng sanh giải đãi, vì khuyên họ tinh cần, chẳng bỏ gánh lấy gánh Đại thừa. *Thứ năm* là phổ quán sát tất cả những chúng sanh loạn tâm, vì làm cho họ an trụ như thiết trí địa không tán động của các Đức Như Lai. *Thứ sáu* là phổ quán sát tất cả những chúng sanh ác huệ, vì làm cho họ trừ nghi hoặc, phá kiến chấp hữu lậu. *Thứ bảy* là phổ quán sát tất cả những thiện hữu bình đẳng, vì thuận giáo mạng của thiện hữu mà an trụ trong Phật pháp. *Thứ tám* là phổ quán sát tất cả pháp đã được nghe, vì mau được chứng thấy nghĩa tối thượng. *Thứ chín* là phổ quán sát chúng sanh vô biên, vì thường chẳng bỏ rời sức đại bi. *Thứ mười* là phổ quán sát tất cả Phật pháp, vì mau được thành tựu như thiết trí.

Thứ hai mươi sáu là Mười Pháp Phục Tạng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười phục tạng (kho tàng ẩn kín) của chư đại Bồ Tát. Chư đại Bồ Tát ẩn trong những kho tàng ẩn kín này có thể đạt được trí huệ vô thượng của chư Phật và đồng thời có khả năng thuần hóa chúng sanh. *Thứ nhất* là biết tất cả pháp là tạng khởi hạnh công đức. *Thứ nhì* là biết tất cả pháp là tạng chánh tư duy. *Thứ ba* là biết tất cả pháp là tạng đà la ni chiếu sáng. *Thứ tư* là biết tất cả pháp là tạng biện tài khai diễn. *Thứ năm* là biết tất cả pháp là tạng bất khả thuyết thiện giác chơn thật. *Thứ sáu* là biết tất cả Phật tự tại thần thông là tạng quán sát thị hiện. *Thứ bảy* là biết tất cả pháp là tạng thiện xảo xuất sanh bình đẳng. *Thứ tám* là biết tất cả pháp là tạng thường thấy tất cả chư Phật. *Thứ chín* là biết tất cả bất tư nghi kiếp là tạng biết rõ đều như huyền trụ. *Thứ mười* là biết tất cả chư Phật Bồ Tát là tạng phát sanh hoan hỷ tịnh tín.

Thứ hai mươi bảy là Mười Pháp Quán Đảnh Bất Tư Nghi: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, Thập Định, có mười pháp quán đảnh bất tư nghi mà chư Bồ Tát nhận được từ nơi Đức Như Lai. Một khi chư Đại Bồ Tát vào được tam muội Quá Khứ Thanh Tịnh Tạng, thời nhận được mười pháp quán đảnh bất tư nghi của Đức Như Lai, cũng được, cũng thanh tịnh, thành tựu, nhập, chứng, viên mãn, trì giữ, và bình đẳng biết rõ tam giới thanh tịnh. *Thứ nhất* là biện thuyết chẳng trái nghĩa. *Thứ nhì* là thuyết pháp vô tận. *Thứ ba* là huấn từ không lỗi. *Thứ tư* là nhạo thuyết chẳng dứt. *Thứ năm* là tâm không khủng bố. *Thứ sáu* là lời nói thành thực. *Thứ bảy* là chúng sanh y tựa. *Thứ tám* là cứu thoát ba cõi. *Thứ chín* là thiện căn tối thắng. *Thứ mười* là điều ngự Diệu Pháp.

Thứ hai mươi tám là Mười Pháp Quán Sát Của Chư Đại Bồ Tát:

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thứ quán sát của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được trí đại quán sát vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là biết các nghiệp quán sát, vì đều thấy mọi vi tế. *Thứ nhì* là biết các loài quán sát, vì chẳng chấp chúng sanh. *Thứ ba* là biết các căn quán sát, vì thấu rõ các căn. *Thứ tư* là biết các pháp quán sát, vì chẳng hoại pháp giới. *Thứ năm* là thấy Phật pháp quán sát, vì siêng tu Phật nhân. Thứ sáu là được trí huệ quán sát, vì thuyết pháp đúng lý. *Thứ bảy* là vô sanh nhĩn quán sát, vì quyết rõ Phật pháp. *Thứ tám* là bất thối địa quán sát, vì diệt phiền não vượt khỏi tam giới nhị thừa địa. *Thứ chín* là quán đánh địa quán sát, nơi tất cả Phật pháp được tự tại bất động. *Thứ mười* là thiện giác trí tam muội quán sát, vì ra làm Phật sự khắp mười phương. ***Lại có Mười Pháp Quán Sát Chúng Sanh Mà Bồ Tát Dùng Để Khởi Đại Bi Tâm:*** Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp quán sát chúng sanh mà Bồ Tát dùng để khởi đại bi tâm: *Thứ nhất* là quán sát chúng sanh không nơi nương dựa mà khởi đại bi. *Thứ nhì* là thấy chúng sanh tánh chẳng đều thuận mà khởi đại bi. *Thứ ba* là thấy chúng sanh thiếu đạo đức mà khởi đại bi. *Thứ tư* là thấy chúng sanh mê ngủ trong si mê mà khởi đại bi. *Thứ năm* là thấy chúng sanh làm pháp bất thiện mà khởi đại bi. *Thứ sáu* là thấy chúng sanh bị trói buộc bởi dục vọng mà khởi đại bi. *Thứ bảy* là thấy chúng sanh đắm chìm trong biển sanh tử mà khởi đại bi. *Thứ tám* là thấy chúng sanh mãi mang bệnh khổ mà khởi đại bi. *Thứ chín* là thấy chúng sanh không muốn pháp lành mà khởi đại bi. *Thứ mười* là thấy chúng sanh mất nẻo Bồ Đề mà khởi đại bi.

Thứ hai mươi chín là Mười Pháp Quang Minh Chói Sáng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, có mười thứ quang minh chói sáng của chư đại Bồ Tát. Chư Đại Bồ Tát trụ trong Nhứt thiết chúng sanh sai biệt Đại Tam muội cũng sẽ được mười thứ quang minh chói sáng. *Thứ nhất* là được quang minh của tất cả chư Phật, vì cùng Phật bình đẳng. *Thứ nhì* là được tất cả thế giới quang minh, vì có thể khắp nghiêm tịnh. *Thứ ba* là được tất cả chúng sanh quang minh, vì đều đến điều phục. *Thứ tư* là được vô lượng vô úy quang minh vì pháp giới làm trường thuyết pháp. *Thứ năm* là được vô sai biệt quang minh, vì biết tất cả pháp không các thứ tánh. *Thứ sáu* là được phương tiện quang minh, vì nơi ly dục tế của các pháp mà chứng nhập. *Thứ bảy* là được chơn thiết quang minh, vì nơi ly dục tế của các

pháp tâm bình đẳng. *Thứ tám* là được thân biến quang minh khắp tất cả thế gian, vì được Phật gia hộ hằng chẳng dứt. *Thứ chín* là được thiện tư du quang minh, vì đến bờ tự tại của tất cả Phật. *Thứ mười* là được nhưt thiết pháp chơn như quang minh, vì nơi trong một lỗ chơn lông khéo nói tất cả.

Thứ ba mươi là Mười Pháp Quyết Định Của Chư Đại Bồ Tát:
Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp quyết định của chư Đại Bồ Tát. Sau khi đã thành tựu mười pháp xuất ly, chư Bồ Tát sẽ đạt được mười pháp quyết định. *Thứ nhất* là quyết định sanh trong chủng tộc của Đức Như Lai. *Thứ nhì* là quyết định an trụ trong cảnh giới của chư Phật. *Thứ ba* là quyết định biết rõ việc làm của chư Bồ Tát. *Thứ tư* là quyết định an trụ trong các môn Ba La Mật. *Thứ năm* là quyết định tham dự trong chúng hội của Như Lai. *Thứ sáu* là quyết định có thể hiển bày chúng tánh của Như Lai. *Thứ bảy* là quyết định an trụ trong trí lực của Như Lai. *Thứ tám* là quyết định thâm nhập Bồ Đề của chư Phật. *Thứ chín* là quyết định đồng một thân với tất cả chư Phật. *Thứ mười* là quyết định đồng một chỗ ở với tất cả chư Phật.

Thứ ba mươi một là Mười Pháp Quyết Định Giải Của Chư Đại Bồ Tát:
Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thứ quyết định giải (hiểu chắc chắn) của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời đạt được cái hiểu biết chắc chắn của Như Lai. *Thứ nhất* là quyết định giải tối thượng, vì gieo trồng tôn trọng thiện căn. *Thứ nhì* là quyết định giải trang nghiêm, vì xuất sanh những thứ trang nghiêm. *Thứ ba* là quyết định giải quảng đại, vì tâm chưa từng hèn kém. *Thứ tư* là quyết định giải tịch diệt, vì hay nhập pháp tánh thậm thâm. *Thứ năm* là quyết định giải phổ biến, vì phát tâm không chỗ nào chẳng đến. *Thứ sáu* là quyết định giải kham nhiệm, vì hay thọ Phật lực gia trì. *Thứ bảy* là quyết định giải kiên cố, vì dẹp phá tất cả nghiệp ma. *Thứ tám* là quyết định giải minh đoán, vì biết rõ tất cả nghiệp báo. *Thứ chín* là quyết định giải hiện tiền, vì tùy ý hay hiện thân thông. *Thứ mười* là quyết định giải thành tựu tự tại, vì ở chỗ tất cả chư Phật được thọ ký và tùy ý tùy thời thành Phật. ***Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được quyết định giải Phật độ quảng đại vô thượng của Như Lai:*** *Thứ nhất* là biết tất cả thế giới vào một thế giới. *Thứ nhì* là biết một thế giới vào tất cả thế giới. *Thứ ba* là biết một thân Như Lai, một tòa Liên Hoa thấy đều cùng khắp tất cả thế giới. *Thứ tư* là biết tất cả thế giới đều như hư không. *Thứ năm* là biết tất cả thế giới đủ Phật trang nghiêm. *Thứ sáu*

là biết Bồ Tát đầy khắp tất cả thế giới. *Thứ bảy* là biết tất cả thế giới vào một lỗ lông. *Thứ tám* là biết tất cả thế giới vào một thân chúng sanh. *Thứ chín* là biết tất cả thế giới, một cây Phật Bồ Đề, một Phật đạo tràng thấy đều cùng khắp. *Thứ mười* là biết tất cả thế giới, một âm thanh cùng khắp làm cho các chúng sanh đều riêng hiểu biết lòng sanh hoan hỷ

Thứ ba mươi hai là Mười Pháp Siêng Năng Tinh Tấn Của Chư Bồ Tát: Theo lời Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Ly Thế Gian, chư Đại Bồ tát có mười sự siêng năng tinh tấn giúp họ có được đầy đủ tinh tấn Ba-La-Mật vô thượng của chư Như Lai. *Thứ nhất* là siêng năng tinh tấn giáo hóa tất cả chúng sanh. *Thứ nhì* là siêng năng tinh tấn thâm nhập tất cả các pháp. *Thứ ba* là siêng năng tinh tấn nghiêm tịnh tất cả thế giới. *Thứ tư* là siêng năng tinh tấn tu hành tất cả sở học của chư Bồ Tát. *Thứ năm* là siêng năng tinh tấn diệt trừ tất cả ác nghiệp của chúng sanh. *Thứ sáu* là siêng năng tinh tấn ngăn dứt tất cả khổ đau ác đạo. *Thứ bảy* là siêng năng tinh tấn phá dẹp tất cả ma quân. *Thứ tám* là siêng năng tinh tấn nguyện vì tất cả chúng sanh làm cho mắt họ được thanh tịnh. *Thứ chín* là siêng năng tinh tấn cúng dường tất cả chư Phật. *Thứ mười* là siêng năng tinh tấn khiến tất cả chư Như Lai hoan hỷ.

Thứ ba mươi ba là Mười Pháp Sư Tử Hống Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười sư tử hống của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong mười pháp này thời được đại sư tử hống của Như Lai. *Đại Bồ Đề sư tử hống thứ nhất:* Chư Bồ Tát quyết định sẽ thành chánh đẳng chánh giác. *Đại bi sư tử hống thứ nhì:* Người chưa được độ thời được độ. Người chưa được giải thoát thời được giải thoát. Người chưa an được an. Người chưa Niết bàn được chứng Niết bàn. *Đại bi sư tử hống thứ ba:* Thứ ba là đáp ơn Như Lai đại sư tử hống. Chư Bồ Tát sẽ làm cho chủng tánh của Tam bảo Phật, Pháp và hòa hợp Tăng không đoạn tuyệt. *Đại bi sư tử hống thứ tư:* Thứ tư là thệ nguyện rất ráo đại sư tử hống. Chư Bồ tát sẽ nghiêm tịnh tất cả cõi Phật. *Đại bi sư tử hống thứ năm:* Thứ năm là tự trì tịnh giới đại sư tử hống. Chư Bồ Tát sẽ trừ diệt tất cả ác đạo và các nạn xứ. *Đại bi sư tử hống thứ sáu:* Thứ sáu là cầu phước không nhằm đại sư tử hống. Chư Bồ Tát sẽ có đầy đủ thân ngữ ý tướng hảo trang nghiêm của chư Phật. *Đại bi sư tử hống thứ bảy:* Thứ bảy là cầu trí không nhằm đại sư tử hống. Chư Bồ Tát sẽ thành tựu viên mãn những trí huệ của tất cả chư Phật. *Đại bi*

sư tử hồng thứ tám: Thứ tám là tu chánh hạnh dứt trừ phiền não đại sư tử hồng. Chư Bồ Tát sẽ diệt tất cả chúng ma cũng như những ma nghiệp. *Đại bi sư tử hồng thứ chín:* Thứ chín là vô sanh pháp nhẫn đại sư tử hồng. Chư Bồ Tát biết rõ các pháp không ngã, không chúng sanh, không thọ mạng, không có bản tánh riêng, trống không, vô tướng, vô nguyện và thanh tịnh như hư không. *Đại bi sư tử hồng thứ mười:* Thứ mười là tối hậu sanh Bồ Tát chấn động tất cả Phật độ đều làm cho trang nghiêm thanh tịnh. Bảy giờ tất cả Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương đều đến tán thán khuyến thỉnh: ‘Ngưỡng mong Bồ Tát dùng pháp vô sanh mà thị hiện thọ sanh.’ Bồ Tát dùng huệ nhãn vô ngại quán sát khắp thế gian tất cả chúng sanh không ai bằng ta, nên liền thị hiện dẫn sanh nơi vương cung, tự đi bảy bước đại sư tử hồng: Ta là tối thắng đệ nhất ở thế gian, ta sẽ hết hẳn biên tế sanh tử.

Thứ ba mươi bốn là Mười Pháp Tạng Lớn Của Chư Đại Bồ Tát:
Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, có mười Pháp Tạng lớn của chư Đại Bồ Tát. *Pháp Tạng thứ nhất* bao gồm trụ ghi nhớ tất cả Phật và trụ ghi nhớ tất cả Phật pháp. *Thứ nhì* là trụ đại bi điều phục tất cả chúng sanh. *Thứ ba* là trụ trí thị hiện bất tư nghì cõi nước thanh tịnh. *Thứ tư* là trụ trí quyết định thâm nhập cảnh giới của chư Phật. *Thứ năm* là trụ Bồ Đề tướng bình đẳng của tam thế chư Phật. *Thứ sáu* là trụ biên tế vô trước vô ngại. *Thứ bảy* là trụ tất cả pháp không tướng tánh. *Thứ tám* là trụ thiện căn bình đẳng của tam thế chư Phật. *Thứ chín* là trụ trí tiên đạo thân ngữ ý pháp giới vô sai biệt của tam thế chư Phật. *Thứ mười* là trụ quán sát tam thế chư Phật từ lúc thọ sanh đến lúc nhập Niết bàn chỉ trong một sát na tế bao gồm những thứ sau đây: thọ sanh, xuất gia, đến đạo tràng, thành chánh giác, chuyển pháp luân, và nhập Niết bàn. Tất cả đều vào một sát na tế.

Thứ ba mươi lăm là Mười Pháp Tăng Thắng Của Chư Bồ Tát:
Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp Tăng Thắng của chư Bồ Tát. *Thứ nhất* là chư Phật phương khác đều hộ niệm. *Thứ nhì* là thiện căn tăng thắng siêu việt. *Thứ ba* là khéo lãnh thọ được sức gia trì của chư Phật. *Thứ tư* là thường được thiện nhưn làm chỗ nương tựa. *Thứ năm* là an trụ tinh tấn, hằng chẳng phóng dật. *Thứ sáu* là biết tất cả các pháp bình đẳng không khác. *Thứ bảy* là lòng luôn an trụ đại bi vô thượng. *Thứ tám* là quán sát các pháp thật đúng (như thực) xuất sanh diệu huệ. *Thứ chín* là khéo có thể tu hành phương tiện thiện xảo. *Thứ mười* là có thể biết sức phương tiện của Như Lai.

Thứ ba mươi sáu là Mười Pháp Thân Thông Của Chư Đại Bồ

Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp thân thông của chư Bồ tát. Chư Bồ Tát trụ trong pháp này thời được thân thông đại thiện xảo vô thượng của Như Lai, vì tất cả chúng sanh mà thị hiện nhiều sự việc khiến họ tu học. *Thứ nhất* là phương tiện trí thông ghi nhớ những đời quá khứ (túc mạng). *Thứ nhì* là phương tiện trí thông thiên nhĩ vô ngại. *Thứ ba* là phương tiện trí thông biết bất tư nghì tâm hành của chúng sanh. *Thứ tư* là phương tiện trí thông thiên nhãn quán sát vô ngại. *Thứ năm* là phương tiện trí thông tùy theo tâm chúng sanh hiện bất tư nghì đại thân thông lực. *Thứ sáu* là phương tiện trí thông một thân hiện khắp vô lượng thế giới. *Thứ bảy* là phương tiện trí thông một niệm vào khắp bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới. *Thứ tám* là phương tiện trí thông xuất sanh vô lượng đồ trang nghiêm để trang nghiêm bất tư nghì thế giới. *Thứ chín* là phương tiện trí thông thị hiện bất khả thuyết thân biến hóa. *Thứ mười* là phương tiện trí thông tùy theo bất tư nghì tâm chúng sanh nơi bất khả thuyết thế giới thị hiện thành vô thượng chánh giác.

Thứ ba mươi bảy là Mười Pháp Thọ Ký: Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, ly thế gian, chư đại Bồ Tát có mười pháp thọ ký. *Thứ nhất* là dùng thù thắng nguyện phát Bồ Đề tâm, tự biết thọ ký. *Thứ nhì* là trọn chẳng nhàm bỏ hạnh Bồ Tát, tự biết thọ ký. *Thứ ba* là tất cả kiếp, thực hành hạnh Bồ Tát, tự biết thọ ký. *Thứ tư* là tu tập tất cả Phật pháp, tự biết thọ ký. *Thứ năm* là nơi tất cả Phật giáo, một bề thâm tín. *Thứ sáu* là tu tất cả thiện căn đều khiến thành tựu, tự biết thọ ký. *Thứ bảy* là đặt tất cả chúng sanh nơi Phật Bồ Đề, tự biết thọ ký. *Thứ tám* là với tất cả thiện hữu tri thức hòa hiệp không hai, tự biết thọ ký. *Thứ chín* là nơi tất cả thiện tri thức tưởng là Phật, tự biết thọ ký. *Thứ mười* là hằng siêng thủ hộ bốn nguyện Bồ Đề, tự biết thọ ký.

Thứ ba mươi tám là Mười Pháp Thọ Ký Khác: Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, ly thế gian, chư đại Bồ Tát lại có mười pháp thọ ký khác. *Thứ nhất* là nội trí giải thâm thâm. *Thứ nhì* là tùy thuận phát khởi những thiện căn của Bồ Tát. *Thứ ba* là tu quảng đại hạnh. *Thứ tư* là nhận hiện tiền thọ ký. *Thứ năm* là chẳng nhận hiện tiền thọ ký. *Thứ sáu* là như tự tâm chứng Bồ Đề. *Thứ bảy* là thành tựu nhẫn. *Thứ tám* là giáo hóa điều phục chúng sanh. *Thứ chín* là rốt ráo tất cả kiếp số. *Thứ mười* là tất cả Bồ Tát hạnh tựu tại.

Thứ ba mươi chín là Mười Pháp Thuyết Giảng Của Chư Đại Bồ

Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp mà chư Đại Bồ Tát thường hay thuyết giảng. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời có thể thiện xảo nói tất cả pháp. *Thứ nhất* là nói tất cả pháp đều từ duyên khởi. *Thứ nhì* là nói tất cả các pháp thấy đều như huyễn. *Thứ ba* là nói tất cả pháp không chống trái. *Thứ tư* là nói tất cả pháp không biên tế. *Thứ năm* là nói tất cả pháp không y chỉ. *Thứ sáu* là nói tất cả pháp dường như Kim Cang. *Thứ bảy* là nói tất cả pháp đều NHƯ NHƯ. *Thứ tám* là nói tất cả pháp thấy đều tịch tịnh. *Thứ chín* là nói tất cả pháp đều xuất ly. *Thứ mười* là nói tất cả pháp đều trụ một nghĩa bốn tánh thành tựu. Cũng theo kinh Hoa nghiêm, Phẩm 38, đại Bồ Tát nói mười pháp. Chư Đại Bồ Tát an trụ trong những pháp này thời được pháp xảo thuyết vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là nói pháp thâm thâm. *Thứ nhì* là nói pháp quảng đại. *Thứ ba* là nói các loại pháp. *Thứ tư* là nói pháp như thiết trí. *Thứ năm* là nói pháp tùy thuận Ba La Mật. *Thứ sáu* là nói pháp xuất sanh Như Lai lực. *Thứ bảy* là nói pháp tam thế tương ứng. *Thứ tám* là nói pháp làm cho Bồ Tát chẳng thối chuyển. *Thứ chín* là nói pháp tán thán công đức Phật. *Thứ mười* là nói pháp tất cả Bồ Tát học tất cả những khoa học của chư Bồ Tát.

Thứ bốn mươi là Mười Pháp Tối Thượng: Duy Ma Cật dạy cho hành giả tu thiền về "Độ Chúng Thập Pháp." Theo kinh Duy Ma Cật, chương mười, Duy Ma Cật nói: "Bồ Tát ở cõi nước Chúng Hương đối với chúng sanh, lòng đại bi bền chắc thật đúng như lời các ngài đã ngợi khen. Mà Bồ Tát ở cõi này lợi ích cho chúng sanh trong một đời còn hơn trăm ngàn kiếp tu hành ở cõi nước khác. Vì sao? Vì cõi Ta Bà này có mười điều lành mà các Tịnh Độ khác không có. Thế nào là mười? *Một* là dùng bố thí để nhiếp độ kẻ nghèo nàn; *hai* là dùng tịnh giới để nhiếp độ người phá giới; *ba* là dùng nhẫn nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ; *bốn* là dùng tinh tấn để nhiếp độ kẻ giải đãi; *năm* là dùng thiền định để nhiếp độ kẻ loạn ý; *sáu* là dùng trí tuệ để nhiếp độ kẻ ngu si; *bảy* là nói pháp trừ nạn để độ kẻ bị tám nạn; *tám* là dùng pháp đại thừa để độ kẻ ưa pháp tiểu thừa; *chín* là dùng các pháp lành để cứu tế người không đức; và *mười* là thường dùng tứ nhiếp để thành tựu chúng sanh." Các Bồ Tát kia hỏi: "Bồ Tát phải thành tựu mấy pháp ở nơi cõi này làm không lầm lỗi, được sanh về cõi Tịnh Độ?" Duy Ma Cật đáp: "Bồ Tát thành tựu tám pháp thời ở cõi này làm không lầm lỗi, được sanh về cõi Tịnh Độ. Tám pháp là gì? *Một* là lợi ích chúng sanh không mong

báo đáp; *hai* là thay thế tất cả chúng sanh chịu mọi điều khổ não; *ba* là bao nhiêu công đức đều ban cho tất cả chúng sanh; *bốn* là lòng bình đẳng đối với chúng sanh khiêm nhường không ngại, đối với Bồ Tát xem như Phật; *năm* là những kinh chưa nghe, nghe không nghi; *sáu* là không chống trái với hàng Thanh Văn; *bảy* là thấy người được cúng dường cũng không tật đố, không khoe những lợi lộc của mình, ở nơi đó mà điều phục tâm mình; *tám* là thường xét lỗi mình, không nói đến lỗi người, hằng nhưt tâm cầu các công đức.” Sau khi ông Duy Ma Cật và ngài Văn Thù Sư Lợi nói pháp này rồi, ở trong đại chúng có cả trăm ngàn vị trời, người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười ngàn Bồ Tát chứng đặng Vô sanh Pháp nhẫn.

Thứ bốn mươi một là Mười Pháp Tối Thượng Cứu Cánh: Mười cứu cánh tối thượng của chư Bồ Tát: hiểu rõ bản chất tối thượng của chúng sanh; của vũ trụ; của không gian; bản chất tối thượng của chư pháp; bản chất tối thượng của niết bàn; của chư Phật, của chư Phật trí; của pháp sắc xứ (đối tượng vật chất của tâm); của Phật cảnh giới sinh hoạt và trí tuệ; của sự chuyển hóa của thế giới chúng sanh, của pháp và của trí tuệ.

Thứ bốn mươi hai là Mười Pháp Trì Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp trì của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ nơi pháp này thời được năng lực trụ trì đại trí vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là trì tất cả phước đức thiện căn đã chứa nhóm. *Thứ nhì* là trì pháp của tất cả Như Lai diễn thuyết. *Thứ ba* là trì tất cả ví dụ. *Thứ tư* là trì môn lý thú của tất cả pháp. *Thứ năm* là trì tất cả môn xuất sanh Đà La Ni. *Thứ sáu* là trì tất cả trừ nghi hoặc. *Thứ bảy* là trì pháp thành tựu tất cả Bồ Tát. *Thứ tám* là trì môn bình đẳng tam muội của tất cả Như Lai nói. *Thứ chín* là trì môn chiếu minh của tất cả pháp. *Thứ mười* là trì năng lực thần thông du hí của tất cả chư Phật. Chư Bồ Tát an trụ nơi pháp này thời được năng lực trụ trì đại trí vô thượng của Như Lai.

Thứ bốn mươi ba là Mười Pháp Trụ Của Chư Bồ Tát: Theo kinh Hoa nghiêm, Phẩm 18, chư Bồ Tát có mười pháp trụ. *Thứ nhất* là an trụ bất phóng dật. *Thứ nhì* là an trụ vô sanh nhẫn. *Thứ ba* là an trụ đại từ. *Thứ tư* là an trụ đại bi. *Thứ năm* là an trụ đầy đủ các môn Ba La Mật. *Thứ sáu* là an trụ đại hạnh. *Thứ bảy* là an trụ đại nguyện. *Thứ tám* là an trụ phương tiện thiện xảo. *Thứ chín* là an trụ dũng mãnh. *Thứ mười* là an trụ trí huệ, quán sát chư pháp vô trụ, như hư không.

Thứ bốn mươi bốn là Mười Pháp Tu Hành Của Chư Đại Bồ Tát:

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp tu hành của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được pháp tu hành vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là cung kính tôn trọng chư thiện tri thức. *Thứ nhì* là thường được chư Thiên cảnh giác. *Thứ ba* là trước chư Phật thường biết tầm quý. *Pháp tu hành thứ tư* bao gồm thương xót chúng sanh và chẳng bỏ sanh tử. *Thứ năm* là thực hành công việc đến rốt ráo mà tâm không biến động. *Pháp tu hành thứ sáu* bao gồm chuyên niệm theo dõi chúng Bồ Tát, phát tâm đại thừa, và tinh cần tu học. *Pháp tu hành thứ bảy* bao gồm xa lìa tà kiến và siêng cầu chánh đạo. *Thứ tám* là dẹp phá chúng ma và nghiệp phiền não. *Pháp tu hành thứ chín* bao gồm biết căn tánh của chúng sanh và vì họ mà thuyết pháp cho họ được an trụ nơi Phật địa. *Pháp tu hành thứ mười* bao gồm an trụ trong pháp giới quảng đại vô biên và diệt trừ phiền não và thanh tịnh nơi thân. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được pháp tu hành vô thượng của Như Lai.

Thứ bốn mươi lăm là Mười Pháp Xuất Sanh Trí Huệ Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38). Chư Bồ Tát an trụ trong mười pháp tu hành của Bồ Tát thời nơi tất cả các pháp đều hiểu thấu tất cả, đặc biệt là mười trí huệ sau đây: *Thứ nhất* là biết tất cả chúng sanh tri giải chúng sanh trí huệ. *Thứ nhì* là biết tất cả cõi Phật nhiều thứ sai biệt xuất sanh trí huệ. *Thứ ba* là biết chừng ngần mười phương xuất sanh trí huệ. *Thứ tư* là biết tất cả thế giới úp giữa vân vân xuất sanh trí huệ. *Thứ năm* là biết tất cả pháp một tánh, nhiều tánh, trụ rộng lớn xuất sanh trí huệ. *Thứ sáu* là biết tất cả nhiều loại thân xuất sanh trí huệ. *Thứ bảy* là biết tất cả thế gian diên đảo mộng tưởng đều vô sở trước xuất sanh trí huệ. *Thứ tám* là biết tất cả pháp đều do một đạo xuất ly xuất sanh trí huệ. *Thứ chín* là biết Như Lai thần lực hay nhập tất cả pháp giới xuất sanh trí huệ. *Thứ mười* là biết tam thế tất cả chúng sanh Phật chủng không dứt, xuất sanh trí huệ.

Thứ bốn mươi sáu là Mười Pháp Xưng Tán Chỗ Khen Ngợi: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, Thập Định, có mười Pháp xưng tán chỗ ngợi khen ngợi. Khi nhập vào như thiết trí chúng sanh sai biệt thân đại tam muội, chư Bồ Tát sẽ trụ được mười pháp xưng tán chỗ ngợi khen. *Thứ nhất* là nhập vào chơn như nên gọi là Như Lai. *Thứ nhì* là vì giác ngộ tất cả pháp nên gọi là Phật. *Thứ ba* là vì được tất cả thế gian khen ngợi nên gọi là Pháp Sư. *Thứ tư* là vì biết tất cả pháp nên gọi là như

thiết trí. *Thứ năm* là vì được tất cả thế gian quy-y nên gọi là chỗ sở y. *Thứ sáu* là vì rõ thấu tất cả pháp phương tiện nên gọi là đạo sư. *Thứ bảy* là vì dẫn tất cả chúng sanh vào đạo nhưt thiết trí nên gọi là đại đạo sư. *Thứ tám* là vì là đèn của tất cả thế gian nên gọi là quang minh. *Pháp xưng tán chỗ ngợi khen thứ chín* bao gồm tâm chí viên mãn, thành tựu cứu độ, nhiệm vụ đều xong, trụ trí vô ngại; và phân biệt biết rõ tất cả các pháp nên gọi là thập lực tự tại. *Thứ mười* là vì thông đạt tất cả pháp luân nên gọi là bậc nhưt thiết kiến.

Great Bodhisattvas' Dharmas

Enlightened being who is on the path to awakening, who vows to forego complete enlightenment until he or she helps other beings attain enlightenment. Bodhisattvas have numerous methods of cultivation, if practitioners want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should try to cultivate some typical methods of Bodhisattvas' ways of cultivation: ***First, Ten Kinds of Rules of Great Enlightening Beings:*** The ten perfecting Mahayana rules: right belief, good conduct, alertness, the joy of the bodhi mind, joy in Dharma, joy in meditation, pursuing the correct dharma, obedience precepts, departing from pride, and comprehending the inner of Buddha teaching. ***There Are Also Ten Kinds of Magical Displays of Great Enlightening Beings:*** According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of magical displays of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can acquire all means of supreme magical displays. *First*, magical display of all sentient beings. *Second*, magical display of all bodies. *Third*, magical display of all lands. *Fourth*, magical display of gifts. *Fifth*, magical display of all voices. *Sixth*, magical display of all practical undertakings. *Seventh*, magical display of education and civilization of sentient beings. *Eighth*, magical display of all attainment of true enlightenment. *Ninth*, magical display of explanation of all truth. *Tenth*, magical display of all empowerments.

Second, Ten Ways of Knowing the Worlds of Past, Present and Future of all Enlightening Beings: In The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment from The World, the Buddha taught that Enlightening beings should know all things in all times or ten ways of knowing the worlds of past, present and future of all Enlightening

Beings. *First*, they know their definitions. *Second*, they know their speech. *Third*, they know their deliberations. *Fourth*, they know their rules. *Fifth*, they know their appellations. *Sixth*, they know their orders. *Seventh*, they know their provisional names. *Eighth*, they know their endlessness. *Ninth*, they know their quiescence. *Tenth*, they know their total emptiness.

Third, Ten Kinds of Profound Great Determinations That Enlightening Beings Do Not Abandon: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment from the World, there are ten kinds of profound great determinations that enlightening beings do not abandon. Enlightening Beings who abide by these will be able not to abandon all principles of Buddhahood. *First*, they do not abandon the profound great determination to fulfill the enlightenment that all Buddhas realize. *Second*, to edify and civilize all sentient beings. *Third*, to perpetuate the lineage of Buddhas. *Fourth*, to associate with all good spiritual friends. *Fifth*, to honor and service all Buddhas. *Sixth*, to wholeheartedly seek all the virtuous qualities of the Great Vehicle of universal salvation. *Seventh*, to cultivate religious practice in the company of all Buddhas and maintain pure conduct. *Eighth*, to associate with all enlightening beings. *Ninth*, to seek the means of applying and preserving all Buddha teachings. *Tenth*, to fulfill all practices and vows of Enlightening Beings and develop all qualities of Buddhahood.

Fourth, Ten Things That Enlightening Beings Attain When They Abide in the Unimpeded Wheel Concentration: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten things that Enlightening Beings attain when they abide in the unimpeded wheel concentration. Great enlightening beings in this concentration attain ten things that are the same as in all Buddhas, past, present and future. *First*, they acquire the same variegated arrays of marks and refinements as all Buddhas. *Second*, they are able to emanate networks of pure light, the same as all Buddhas. *Third*, they perform miracles and displays of spiritual power to attune and pacify sentient beings, the same as all Buddhas. *Fourth*, their boundless physical bodies and universal voices are the same as those of all Buddhas. *Fifth*, they manifest pure Buddha-lands according to the action of sentient beings, the same as all Buddhas. *Sixth*, they are able to remember the speech

of all sentient beings. *Seventh*, with inexhaustible intellectual powers they teach in accord with the mentalities of sentient beings, developing wisdom in them, the same as all Buddhas. *Eighth*, their lion's roar is fearless as they enlighten living beings by innumerable teachings, the same as all Buddhas. *Ninth*, by great spiritual power they enter past, present and future in a single instant, the same as all Buddhas. *Tenth*, they are able to show all sentient beings the adornment of all Buddhas, the powers of all Buddhas, and the states of all Buddhas, the same as all Buddhas.

Fifth, Ten Indications Used by Bodhisattvas in the Flower Adornment Sutra: *First*, indication of the succession of all Buddhas and the succession of lands in the atoms of the Buddha-lands throughout all universes. *Second*, indication of the seeking and following of virtues of the Buddhas in all Buddha-lands in space throughout the future. *Third*, indication of Buddhas emerging in all Buddha-lands and showing the ocean of infinitely various doors of enlightenment. *Fourth*, indication of the hosts of enlightening beings in the circles of the Buddhas in the Buddha-lands throughout space facing the terrace of enlightenment. *Fifth*, indication of pervading the cosmos in a moment of thought with emanations in the forms of the Buddhas of past, present and future, emitted in every pore. *Sixth*, indication of the light of magical pervasion of all multitudes of lands in all the oceans in all directions equally with one body. *Seventh*, indication of revelation of the power of concentration of all pasts, presents and futures of the transfigurations of the state of Buddhahood in the surface of all objects. *Eighth*, indication of manifestation of the oceans of eons of various successive transfigurations of Buddha in the lands of past, present and future, equal to the atoms of all the lands. *Ninth*, indication of the birth of Enlightening Beings from the endless power emanating from every pore by the ocean of vows of all Buddhas of past, present, and future. *Tenth*, indication of endless manifestation of varied expositions of truth amid equal adornments of sites of enlightenment with circles of Enlightening Beings around lion thrones equal in extent to the cosmos.

Sixth, Ten Kinds of Laws of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 36, Great Enlightening Beings who want to quickly fulfill the practices of enlightening beings should diligently practice these following ten

principles: *First*, in their mind they should not abandon sentient beings. *Second*, they should think of Enlightening Beings as Buddhas. *Third*, they should never slander any teachings of the Buddhas. *Fourth*, they should know that there is no end to different lands. *Fifth*, they should be profoundly devoted to enlightening practices. *Sixth*, they should not give up the cosmic, spacelike, impartial mind of enlightenment. *Seventh*, they should contemplate enlightenment and enter the power of Buddhas. *Eighth*, they should cultivate unobstructed intellectual and expository powers. *Ninth*, they should teach unenlightened beings tirelessly. *Tenth*, they should live in all worlds without attachment in their minds.

Seventh, Ten Other Kinds of Laws of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of law of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these ten laws can attain the supremely great law of Buddhas. *First*, the law of truth, practicing what they teach. *Second*, the second law of detachment from clinging: detaching from the clinger and detaching from that which is clung to. *Third*, the law of noncontention, being free from all confusing conflicts. *Fourth*, the law of silent extinction, extinguishing all irritations. *Fifth*, the law of dispassion, all covetousness being ended. *Sixth*, the law of freedom from false notions, all arbitrary conceptualization clinging to objects permanently ceasing. *Seventh*, the law of birthlessness, being immovable as space. *Eighth*, the law of uncreated, being detached from appearances of origin, subsistence, and annihilation. *Ninth*, the law of basic essence, being inherently pure. *Tenth*, the law of abandoning all nirvana in which there is still suffering, to be able to generate all practices of Enlightening Beings and carry them uninterruptedly.

Eighth, Ten Kinds of Great Joy and Solace of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of great joy and solace of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain unexcelled great joy and solace of the knowledge and wisdom of true enlightenment. *First*, determined to follow, serve, and please all Buddhas that emerge in the world throughout the future; thinking of this, they become very happy. *Second*, determined to honor those Buddhas with the best offerings. *Third*, determined to make offerings to those Buddhas, they

will surely teach me, and I will faithfully listen with respect and practice according to the teaching, and will surely always be born in the state of Enlightening Beings, and thinking this, they become very happy. *Fourth*, determined to carry out the practices of Enlightening Beings for untold eons and always be with the enlightening beings and Buddhas. *Fifth*, the fears I had in the past before I set my heart on supreme enlightenment, fear of not being able to live, fear of bad reputation, fear of death, fear of falling into miserable conditions, fear of the authority of the crowd, and so on, have all gone since I set my mind on enlightenment, so that I no longer fear, am not afraid, cannot be intimidated, and cannot be hurt by any demons or cultists. *Sixth*, determined to enable all sentient beings to attain supreme enlightenment; after they attain enlightenment, I shall cultivate the practices of Enlightening Beings in the company with those Buddhas for as long as they live, faithfully provide them with offerings appropriate to Buddhas, and after they pass away, set up innumerable monuments to each of them, honor their relics, and preserve the teachings they leave. *Seventh*, I shall array all words with the finest adornments, filling them with all kinds of marvels, equally pure. I also cause all kinds of spiritual powers, sustaining forces, tremors, and shining lights to pervade them all. *Eighth*, I shall put an end to all doubts and confusions of all sentient beings, purify all sentient beings' desires, open up all sentient beings' minds, annihilate all sentient beings' afflictions, close the doors of the states of misery for all sentient beings, open the doors of the states of felicity for all sentient beings, break through the darkness of all sentient beings, give lights to all sentient beings, cause all sentient beings to get free from the action of demons, and cause all sentient beings to reach the abode of peace. *Ninth*, the Buddhas are as rare and difficult to meet as the udumbara flower, which one can hardly get to see once in countless ages. In the future, when I want to see a Buddha, I will immediately be able to do so; the Buddha will never abandon me, but will always be with me, allow me to see them, and constantly expound the teaching to me. After I have heard the teaching, my mind will be purified, free from deviousness, straightforward, and free from falsehood, and I will always see the Buddhas in each moment of thought. *Tenth*, I shall attain Buddhahood and by the spiritual power of the enlightened will

show the attainment of enlightenment individually to all sentient beings in all worlds, pure and fearless, roaring the great lion's roar, pervading the cosmos with my original universal undertaking, beating the drum of truth, showering the rain of truth, performing the giving of true teaching, perpetually expounding the truth with physical, verbal and mental action, sustained by great compassion, untiring.

Ninth, Ten Great Undertakings of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten great undertakings of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can be imbued with the supremely great knowledge of Buddhas. *First*, should serve and honor all Buddhas. *Second*, should nourish all roots of goodness of enlightening beings. *Third*, after the final extinction of all Buddhas, they should adorn monuments of the Buddhas; offer all kinds of offerings such as: flowers, garlands, incenses, perfumes, aromatic powders, clothes, parasols, pennants, banners. Take up and preserve the true teachings of the Buddhas. *Fourth*, should teach and tame all sentient beings so that they may realize supreme perfect enlightenment. *Fifth*, should adorn all worlds with the supreme adornments of the Buddha-lands. *The sixth great undertaking:* Enlightening beings should develop great compassion; and tirelessly carry out the acts of Enlightening Beings forever in all worlds for the sake of sentient beings. Enlightening Beings should do all of the above until all sentient beings attain the unsurpassed enlightenment. *Seventh*, the Buddhas are infinite, enlightening beings should spend inconceivable eons with each and every Buddha, honoring and making offerings to them; and spend inconceivable eons with all Buddhas, honoring and making offerings to them. *Eighth*, after the passing away of the Buddhas, Enlightening Beings should set up a precious monument for the relics of each one, those monuments to be as high as untold worlds; make effigies of Buddhas in the same way; and present all kinds of precious things for offerings for inconceivable eons without a thought of weariness: banners and pennants, canopies, fragrances, flowers, robes. Why? In order to fulfill the teachings of Buddhas; in order to honor the Buddhas; in order to edify sentient beings; in order to preserve the true teaching; and in order to reveal and expound the teaching. *Ninth*, by these roots of goodness, Enlightening Beings should accomplish unexcelled

enlightenment; gain entry into the state of all Buddhas; and be equal in essence to all Buddhas. *Tenth*, Great Enlightening Beings also think once they have attained true awakening. They should expound the truth in all worlds for untold eons, show inconceivable autonomous spiritual powers, and doing all these without weariness and deviating from the truth without weariness, without weariness of body, without weariness of speech, without weariness of mind, and without deviating from the truth.

Tenth, Ten Kinds of Attainment of Wisdom of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of attainment of wisdom of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain supreme realizational knowledge of all Buddhas. *First*, giving freely. *Second*, deeply understanding all Buddha teachings. *Third*, entering the boundless knowledge of all Buddhas. *Fourth*, being able to cut off doubts in all dialogues. *Fifth*, penetrating the doctrines of the wise. *Sixth*, deeply understanding the skillful use of words by the Buddhas in all their teachings. *Seventh*, deeply understanding how planting a few roots of goodness in the company of Buddhas will enable one to fulfill all pure qualities and attain the infinite knowledge of Buddhas. *Eighth*, accomplishing the inconceivable states of Enlightening Beings. *Ninth*, being able to visit untold Buddha-lands in one moment of thought. *Tenth*, awakening to the enlightenment of all Buddhas, entering all realms of reality, hearing and holding the teachings expounded by all Buddhas.

Eleventh, Ten Kinds of Liberation of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of liberation of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can perform the supreme deeds of Buddhas and teach and develop sentient beings. *First*, liberation from afflictions. *Second*, liberation from false views. *Third*, liberation from all grasping. *Fourth*, liberation from mental and physical elements. *Fifth*, liberation from transcending the two lesser vehicles of individual emancipation. *Sixth*, liberation by accepting the nonorigination of things. *Seventh*, liberation by freedom from attachment to all worlds, all lands, all beings, and all things. *Eighth*, liberation in infinite abodes. *Ninth*, liberation rising from the practices of Enlightening Beings into the

stage of nondiscrimination of Buddhas. *Tenth*, liberation able to know all pasts, presents, and future in a single moment.

Twelfth, Ten Ways by Which Enlightening Beings Explain All Pasts, Presents and Futures: In the Avatamsaka Sutra, the Buddha taught ten ways by which Enlightening Beings explain all pasts, presents and futures. *First*, they speak of the past of the past. *Second*, they speak of the future of the past. *Third*, they speak of the present of the past. *Fourth*, they speak of the past of the future. *Fifth*, they speak of the present of the future. *Sixth*, they speak of the endless of the future (the future of the future). *Seventh*, they speak of the past of the present. *Eighth*, they speak of the future of the present. *Ninth*, they speak of the equality of the present. *Tenth*, they speak of past, present and future being the one instant of the present.

Thirteenth, Ten Things That Pervade the Infinite Cosmos of the Buddhas: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten things that pervade the infinite cosmos of the Buddhas. *First*, all Buddhas have unbounded bodies, with pure forms, entering into all states of being without defilement or attachment. *Second*, all Buddhas have unbounded, unobstructed eyes that can clearly see all things. *Third*, all Buddhas have unbounded, unobstructed ears that can understand all sounds and utterances. *Fourth*, all Buddhas have unbounded, unobstructed noses that can reach the other shore of freedom of the Buddhas. *Fifth*, all Buddhas have universal tongues that utter sublime sounds pervading the cosmos. *Sixth*, all Buddhas have unbounded bodies that appear to sentient beings in accord with their minds. *Seventh*, all Buddhas have unbounded minds that dwell on the unobstructed impartial body of reality. *Eighth*, all Buddhas have unbounded, unobstructed liberation manifesting inexhaustible great spiritual powers. *Ninth*, all Buddhas have unbounded pure worlds, manifesting Buddha-lands according to the pleasures of sentient beings, replete with infinite adornment, yet without giving rise to any obsession or attachment to them. *Tenth*, all Buddhas have unbounded practical undertakings of enlightening beings, having complete knowledge, spiritual freedom, and ability to master all elements of Buddhahood.

Fourteenth, Ten Things Which Cause the Practices of Enlightening Beings to Be Pure: According to the Flower Adornment

Sutra, Chapter 18, there are ten things which cause the practices of Enlightening Beings to be pure. Once Enlightening Beings have attained purity in practice, they also ten even greater things. *First*, giving up all possessions to satisfy the wishes of sentient beings. *Second*, adhering to pure morality, not transgressing. *Third*, being inexhaustibly gentle and tolerant. *Fourth*, cultivating practices diligently without regressing. *Fifth*, being free from confusion and mental disturbance, through the power of correct mindfulness. *Sixth*, analyzing and comprehending the innumerable teachings. *Seventh*, cultivating all practices without attachment. *Eighth*, being mentally imperturbable, like a great mountain. *Ninth*, extensively liberating living beings, like a bridge. *Tenth*, knowing that all living beings are in essence the same as the Buddhas.

Fifteenth, Ten Things Which Cause Enlightening Beings to Quickly Enter the Stages: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 18, Clarifying Methods, there are ten things which cause Enlightening Beings to quickly enter the stages. *First*, skillfully fulfilling the twin practices of virtue and knowledge. *Second*, ability to greatly adorn the path of transcendent practices. *Third*, knowledge clearly comprehending, not follow others' words. *Fourth*, serving good friends, never abandoning them. *Fifth*, always practicing perseverance, without laziness. *Sixth*, skillful ability to abide in the psychic powers of Buddhas. *Seventh*, cultivating roots of goodness without growing wearied. *Eighth*, with a deep mind and incisive knowledge, adorning oneself with teaching of the Great Vehicle. *Ninth*, the mind not dwelling on the teaching of each stage. *Tenth*, being of the same essential nature as all Buddhas of all times in virtue and liberative means.

Sixteenth, Ten Things Which Enlightening Beings Cause the Buddhas to Rejoice: According to the Flower Adornment, Chapter 18, there are ten things which Enlightening Beings cause the Buddhas to rejoice. *First*, persevering without regression. *Second*, not begrudging their physical life. *Third*, not seeking profit or support. *Fourth*, knowing all things are like spaces. *Fifth*, be skillful at contemplation, entering into all realms of reality. *Sixth*, knowing the definitive marks of all things. *Seventh*, always invoking great vows. *Eighth*, developing the light of pure tolerant knowledge. *Ninth*, examining one's own virtues

without exaggeration or underestimation. *Tenth*, cultivating pure practices in accord with the way of nonstriving. ***Other ten things which Enlightening Beings cause the Buddhas to rejoice:*** abiding securely in nonindulgence, abiding securely in acceptance of nonorigination, abiding securely in great kindness, abiding securely in great compassion, abiding securely in the fulfillment of the transcendent ways, abiding securely in the enlightening practices, abiding securely in great vows, abiding securely in skillful means, abiding securely in dauntless power, and abiding securely in knowledge and wisdom, observing all things have no abode, like empty space.

Seventeenth, Ten Kinds of Understanding of Truth of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of understanding of truth of great enlightening beings. Enlightening Beings who, abide by these can attain understanding of truth of the supreme great knowledge of Buddhas. *First*, generating and developing roots of goodness in accord with the conventional world is a way of understanding of truth of unenlightened ordinary people. *Second*, the way of understanding truth of people acting according to faith which includes attaining undestructible faith, and aware of the essence of things. *Third*, the way of understanding of truth of people practicing in according with truth which includes diligently practicing the truth and always abide in the truth. *Fourth*, the way people aiming for stream-entering understand truth which includes leaving behind erroneous ways and turning to the eightfold right path. *Fifth*, the stream-enterer's understanding of truth which includes getting rid of bonds, putting an end to the contaminations of birth and death, and seeing the reality. *Sixth*, the Once-returned's understanding of truth which includes seeing tasting as affliction, and knowing no coming or going. *Seventh*, the Nonreturner's understanding of truth which includes not taking pleasure in the world, seeking to end contamination, and not having so much as a single thought of attachment to life. *Eighth*, the Saint's understanding of truth which includes attaining the six spiritual powers, attaining eight liberations, reaching nine concentration states, and attaining four special knowledges are fully developed. *Ninth*, the individual illuminate's understanding of truth which includes naturally being inclined to contemplate uniform interdependent origination, the mind is

always tranquil and content, having few concerns, understanding causality; awakening on one's own without depending on another; and accomplishing various kinds of spiritual knowledge. *Tenth*, the enlightening being's understanding of truth which includes having vast knowledge, all faculties clear and sharp, always inclined to liberate all sentient beings; diligently cultivating virtue and knowledge to foster enlightenment; and fully developing Buddhas' ten powers, fearlessnesses and other attributes.

Eighteenth, Ten Kinds of Inexhaustible Qualities of Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten kinds of inexhaustible qualities of Enlightening Beings. *First*, inexhaustible knowledge of the Buddhas' emergence in the worlds. *Second*, inexhaustible knowledge of metamorphoses of beings. *Third*, inexhaustible knowledge of the world's being like a reflection. *Fourth*, inexhaustible knowledge penetrating deeply into the realm of reality. *Fifth*, inexhaustible knowledge skillfully dealing with Enlightening Beings. *Sixth*, inexhaustible knowledge of the nonregression of Enlightening Beings. *Seventh*, inexhaustible knowledge observing the meanings of all principles. *Eighth*, inexhaustible knowledge of skillful maintenance of mental power. *Ninth*, inexhaustible knowledge abiding in the vast spirit of enlightenment. *Tenth*, inexhaustible knowledge abiding by all enlightened teachings and the will power of omniscience.

Nineteenth, Ten Ways of Entry into the State of Enlightening Beings: According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Deachment from the World, Great Enlightening Beings have ten ways of entry into the state of Enlightening Beings: *First*, entering into fundamental vows. *Second*, entering into practices. *Third*, entering into precepts. *Fourth*, entering into ways of transcendence. *Fifth*, entering into attainment. *Sixth*, entering into different undertakings. *Seventh*, entering into various understanding. *Eighth*, entering into adornment of Buddha-lands. *Ninth*, entering into the command of spiritual powers. *Tenth*, entering into manifestation of incarnation.

Twentieth, Ten Kinds of Penetrations of Actions: Ten kinds of penetrations of actions of sentient beings (utilized by a great enlightening being) in the Flower Adornment Sutra: *First*, they

penetrate all sentient beings' past actions. *Second*, they penetrate all sentient beings' future actions. *Third*, they penetrate all sentient beings' present actions. *Fourth*, they penetrate all sentient beings' good actions. *Fifth*, they penetrate all sentient beings' bad actions. *Sixth*, they penetrate all sentient beings' mental actions. *Seventh*, they penetrate all sentient beings' actions of senses. *Eighth*, they penetrate all sentient beings' actions of understanding. *Ninth*, they penetrate all sentient beings' actions of afflictions and habit energies. *Tenth*, they penetrate all sentient beings' timely and untimely actions of teaching and training.

Twenty-first, Ten Ways of Entering Enlightenment: According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment from the World, Great Enlightening Beings have ten ways of entering enlightenment. *First*, they enter the boundless realization of true awareness. *Second*, they enter the boundless turning of the wheel of teaching. *Third*, they enter the boundless means of liberation. *Fourth*, they enter the boundless different explanations. *Fifth*, they enter the boundless taming of sentient beings. *Sixth*, they enter the boundless command of spiritual powers. *Seventh*, they enter the boundless different embodiments. *Eighth*, they enter the boundless concentrations. *Ninth*, they enter the boundless powers and fearlessnesses. *Tenth*, they enter the boundless revelation of nirvana.

Twenty-second, Ten Kinds of Entry into Concentration of Great Enlightening Beings: According to The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of entry into concentration of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these will attain the Buddhas' supremely skillful methods of concentration. *First*, entry into concentration in all worlds. *Second*, entry into concentration in the bodies of all sentient beings. *Third*, entry into concentration in all phenomena. *Fourth*, entry into concentration seeing all Buddhas. *Fifth*, entry into concentration and remaining for all ages. *Sixth*, entry into concentration and manifesting inconceivable bodies on emerging. *Seventh*, entry into concentration in all Buddha bodies. *Eighth*, entry into concentration realizing the equality of all sentient beings. *Ninth*, entry into concentration instantly comprehending all Enlightening Beings' knowledge of concentration. *Tenth*, entry into concentration

accomplishing all the deeds and vows of Enlightening Beings in one instant and never ceasing.

Twenty-third, Ten Kinds of Development of Fearlessness of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of development of fearlessness of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme fearlessness of great knowledge of Buddhas. *First*, they develop fearlessness annihilating all obstructing actions. *Second*, preserving the true teaching after the extinction of Buddhas. *Third*, conquering all demons. *Fourth*, not begrudging their bodies and lives. *Fifth*, smashing all the false arguments of heretics. *Sixth*, gladdening all sentient beings. *Seventh*, causing all congregations to rejoice. *Eighth*, taming all spirits, goblins, titans, sprites, and serpents. *Ninth*, leaving the states of the two lesser vehicles of individual salvation and entering the most profound teaching. *Tenth*, carrying out enlightening practices tirelessly for untold eons.

Twenty-fourth, Ten Kinds of Development of Boundlessly Vast Mind: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of development of boundlessly vast mind of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the boundlessly vast ocean of knowledge of all Buddha teachings. *First*, development in the company of all Buddhas. *Second*, observing the realms of all sentient beings. *Third*, observing all lands, all worlds, and all phenomena. *Fourth*, observing all things as being like space. *Fifth*, observing the extensive great practices of all Enlightening Beings. *Sixth*, correctly remembering all Buddhas of past, present and future. *Seventh*, observing the results of innumerable actions. *Eighth*, purifying all Buddha-lands. *Ninth*, entering the great congregation of all Buddhas. *Tenth*, investigating the subtle pronouncements of all Buddhas.

Twenty-Fifth, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Universal Observation: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of universal observation of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain universal observation of supreme wisdom of Buddhas. *First*, observe all who come seeking of them, satisfying them without aversion. *Second*, observe all immoral sentient beings and establish them in the pure

precepts of Buddhas. *Third*, observe all malicious sentient beings and settle them in the power of enlightened tolerance. *Fourth*, observe all lazy sentient beings and urge them to be diligent and not give up hearing the burden of Great Vehicle. *Fifth*, observe all confused sentient beings and get them to abide in the state of universal knowledge of Buddhas, where there is no distraction. *Sixth*, observe all deluded sentient beings and clear away their doubts and break down reification. *Seventh*, observe all impartial good friends and follow their instructions to live by the Buddha teachings. *Eighth*, observe all principles they hear and quickly attain realizational insight into the supreme meaning. *Ninth*, observe the infinite sentient beings, never abandoning the power of great compassion. *Tenth*, observe the teachings of all Buddhas and quickly manage to accomplish universal knowledge.

Twenty-Sixth, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Hidden Treasury:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of hidden treasury of Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the treasury of truth of supreme knowledge of Buddhas, and can tame all sentient beings. *First*, know all things are a treasury producing virtuous practices. *Second*, know all things are a treasury of right thought. *Third*, know all things are a treasury of illumination of mental control. *Fourth*, know all things are a treasury of intellectual powers and exposition. *Fifth*, know all things are a treasury of inexpressible accurate awareness of truth. *Sixth*, know all Buddhas' autonomous spiritual powers are a treasury of observation of revelations. *Seventh*, know all things are a treasury of skillfully developing impartiality. *Eighth*, know all things are a treasury of constant vision of all Buddhas. *Ninth*, know all inconceivable eons are a mine of realization that all exist like illusions. *Tenth*, know all Buddhas and Enlightening Beings are treasuries producing joy and pure faith.

Twenty-seventh, Ten Kinds of Inconceivable Anointment:

According to the Flower Sutra, Chapter 27, there are ten kinds of inconceivable anointment which Enlightening Beings received from the Enlightened. Once Enlightening Beings enter the concentration called the pure treasury of the past, they receive ten kinds of inconceivable anointment from the Enlightened; they also attain,

purify, consummate, enter, realize, fulfil and hold them, comprehend them equally, the three spheres pure. *First*, explanation without violating meaning. *Second*, inexhaustibility of teaching. *Third*, impeccable expression. *Fourth*, endless eloquence. *Fifth*, freedom from hesitation. *Sixth*, truthfulness of speech. *Seventh*, the trust of the community. *Eighth*, liberating those in the triple world. *Ninth*, supreme excellence of roots of goodness. *Tenth*, command of the Wondrous Teaching.

Twenty-Eighth, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Observation: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of observation of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme great observational knowledge of Buddhas. *First*, observation knowing all acts, seeing all details. *Second*, observation knowing various tendencies, not grasping sentient beings. *Third*, observation knowing faculties, comprehending the nonexistence of faculties. *Fourth*, observation knowing phenomena, not violating the realm of reality. *Fifth*, observation seeing the verities of Buddhahood, cultivating the enlightened eye. *Sixth*, observation attaining wisdom, explaining things as they really are. *Seventh*, observation accepting the nonorigination of things, definitely comprehending the teaching of Buddha. *Eighth*, observation in the state of nonregression, destroying all afflictions and transcending the three worlds and the stages of the lesser vehicles. *Ninth*, observation in the stage of coronation, by virtue of unshakable mastery of all Buddha teachings. *Tenth*, observation in concentration with hyperconscious knowledge, practicing charity everywhere as Buddhist service. ***There Are Also Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Observations of Sentient Beings:*** According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of observations of sentient beings which help Enlightening Beings to arouse their great compassion: *First*, they see sentient beings have nothing to rely on for support. *Second*, they see sentient beings are unruly. *Third*, they see sentient beings lack virtues. *Fourth*, they see sentient beings are asleep in ignorance. *Fifth*, they see sentient beings do bad things. *Sixth*, they see sentient beings are bound by desires. *Seventh*, they see sentient beings are sunk in the sea of birth and death. *Eighth*, they see sentient beings chronically suffer from illness. *Ninth*, they see sentient beings have no desires for

goodness. *Tenth*, they see sentient beings have lost the way to enlightenment.

Twenty-ninth, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Illumination:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten kinds of illumination. Great Enlightening Beings who abide in the concentration of the differentiated bodies of all sentient beings will also acquire ten kinds of illumination. *First*, they acquire the light of all Buddhas because they are equal to them. *Second*, they acquire the light of all worlds because they can beautify them all. *Third*, they acquire the light of all beings because they go to pacify them all. *Fourth*, they acquire the light of immeasurable expertise because they preach on the stage of the cosmos of realities. *Fifth*, they acquire undifferentiated light because they know that phenomena have no differentiation in essence. *Sixth*, they acquire the light of expedient means because they have realized freedom desire for anything. *Seventh*, they acquire the light of truth because their minds are equanimous in the realm of desirelessness. *Eighth*, they acquire the light of mystic transfigurations pervading all worlds because they are ceaselessly empowered by the Buddha. *Ninth*, they acquire the light of proper meditation because they reach the other shore of freedom of all Buddhas. *Tenth*, they acquire the light of True Thusness of all things because they can explain everything in a single point.

Thirtieth, Ten Qualities of Certainty of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten qualities of certainty of Great Enlightening Beings. After practicing the ten paths of emancipation, Enlightening Beings attain these ten qualities of certainty. *First*, they are certainly born in the family of Buddhas. *Second*, they certainly live in the realm of Buddhas. *Third*, they certainly know the tasks of enlightening beings. *Fourth*, they certainly persist in the transcendent ways. *Fifth*, they certainly get to join the assemblies of Buddhas. *Sixth*, they certainly can reveal the nature of Buddhahood. *Seventh*, they certainly abide in the powers of the enlightened. *Eighth*, they certainly enter the enlightenment of Buddhas. *Ninth*, they certainly are one and the same body as all Buddhas. *Tenth*, their abode is certainly none other than that of all Buddhas.

Thirty-first, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Certain Understanding: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of certain understanding of Great Enlightening Beings. Enlightening beings who abide by these can attain supreme certain understanding of Buddhas. *First*, certain understanding of the supreme, planting roots of goodness of respect. *Second*, certain understanding of adornment, producing various adornments. *Third*, certain understanding of breadth and magnanimity, for their minds are never narrow or mean. *Fourth*, certain understanding of quiescence, able to penetrate the most profound essence of things. *Fifth*, certain understanding of universality, their determination for enlightenment extending everywhere. *Sixth*, certain understanding of capacity, able to receive the support of the power of Buddha. *Seventh*, certain understanding of strength, able to crush all demon activities. *Eighth*, certain understanding of clear decision, knowing the consequences of all actions. *Ninth*, certain understanding of presence, able to manifest spiritual powers at will. *Tenth*, certain understanding of succession and freedom, receiving the prediction of Buddhahood from all Buddhas, and attaining Buddhahood at will at any time. ***Enlightening Beings who abide by these can attain Buddhas' supreme great understanding of Buddha-lands:*** *First*, know all worlds penetrate one world. *Second*, know one world penetrate all worlds. *Third*, know the body and lotus throne of one Buddha pervades all worlds. *Fourth*, know all worlds are like space. *Fifth*, know all worlds are endowed with the adornments of Buddhas. *Sixth*, know all worlds are filled with Enlightening Beings. *Seventh*, know all worlds enter one pore. *Eighth*, know all worlds enter the body of a single sentient being. *Ninth*, know the enlightenment tree and site of enlightenment of one Buddha pervade all worlds. *Tenth*, know all worlds are pervaded by one message that allows sentient beings to hear it differently, to their delight.

Thirty-second, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Exertion of Energy: According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment From The World, Great Enlightening Beings have ten kinds of exertion of energy which help them fully achieve the unexcelled transcendent energy of the Buddhas. *First*, exertion of energy to educate all sentient beings. *Second*, exertion of energy to enter deeply into all Buddha teachings. *Third*, exertion of energy to

purify all worlds. *Fourth*, exertion of energy to practice all sciences of Enlightening Beings. *Fifth*, exertion of energy to eliminate all evils of sentient beings. *Sixth*, exertion of energy to stop the miseries of all vicious cycles. *Seventh*, exertion of energy to destroy all demons. *Eighth*, exertion of energy to become pure, clear eyes for all sentient beings. *Ninth*, exertion of energy to honor (service or to make offerings to) all Buddhas. *Tenth*, exertion of energy to please all Buddhas.

Thirty-third, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Lion's Roar: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of lion's roar of Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supremely great lion's roar of Buddhas. *The first Great lion's roar:* Great lion's roar of the determination for enlightenment. They declare to be surely to attain true enlightenment. *The second great lion's roar of great compassion:* Enable those who have not yet transcended the world to transcend: Liberate those who are not yet liberated. Pacify those who are not yet at peace. Enable those who have not yet attained nirvana to attain it. *The third great lion's roar of great compassion:* The great lion's roar of requiting the benevolence of the Buddha. They will perpetuate the seeds of the Buddha, the Teaching, and the harmonious Community. *The fourth great lion's roar of great compassion:* The great lion's roar of ultimately firm commitment. They will purify all Buddha lands. *The fifth great lion's roar of great compassion:* The lion's roar of personally maintaining pure conduct. They will get rid of all evil ways and difficult situations. *The sixth great lion's roar of great compassion:* The great lion's roar of tirelessly seeking virtue. They will fully attain adorning features of body, speech, and mind of all Buddhas. *The seventh great lion's roar of great compassion:* The great lion's roar of tirelessly seeking knowledge. They will fully accomplish the knowledge of all Buddhas. *The eighth great lion's roar of great compassion:* The great lion's roar of cultivating right practice to stop afflictions. They will annihilate all demons and all the works of demons. *The ninth great lion's roar of great compassion:* The great lion's roar of the acceptance of the non-origination of all things. They realize that all things are selfless, without being, without life, without personality, empty, signless, wishless, and pure as space. *The tenth great lion's roar of great compassion:* The great lion's roar of doing what one says.

Enlightening beings in their last life shake all Buddha-lands and make them all pure. Thereupon, all Indras, Brahmas, and guardian deities come, praise and entreat them, ‘Please Enlightening Beings, with the truth of birthlessness, appear to be born.’ The Enlightening Beings then observe all sentient beings in the world by the unobstructed eye of wisdom and see that there are none who compare to themselves, so they appear to be born in royal palaces, walk seven steps by themselves, and declare in a great lion’s roar, ‘I am supreme in the world. I will forever end the realm of birth and death.’

Thirty-fourth, Ten Great Metaphysical Treasures of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten great metaphysical treasuries of Great Enlightening Beings. *The first treasury* includes remembering all Buddhas and remembering all Buddha teachings. *Second*, great compassion to pacify all beings. *Third*, knowledge to reveal inconceivable pure lands. *Fourth*, certain understanding entering deeply into the realm of Buddhahood. *Fifth*, enlightenment equal in all features of all Buddhas, past, present and future. *Sixth*, non-impediment and nonattachment. *Seventh*, the signlessness of all things. *Eighth*, the equal roots of goodness of all Buddhas, past, present and future. *Ninth*, the guiding knowledge of the cosmic, nondiscriminatory physical, verbal and mental action of all Buddhas of past, present and future. *Tenth*, contemplation of all Buddhas of all times since the time being born till the time of passing away all is in the space of an instant which includes the followings: being born, leaving home, going to the site of enlightenment, attaining true awakening, turning the wheel of Teaching, and passing utterly away. All in the space of an instant.

Thirty-fifth, Ten Even Greater Things Attained by Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten even greater things attained by Enlightening Beings once they have attained purity in practice. *First*, the Buddhas of other realms always protect them. *Second*, their roots of goodness increase, going beyond any comparison. *Third*, they are able to receive the boosting power of the Buddhas. *Fourth*, they always find good people and are relied on by them. *Fifth*, they remain diligent and are never heedless. *Sixth*, they know all things are equal and not different. *Seventh*, their minds always abide in unexcelled great compassion. *Eighth*, they

observe things as they really are, producing sublime wisdom. *Ninth*, they are able to practice skillful techniques of liberation. *Tenth*, they are able to know the Enlightened Ones' power of skill in liberating means.

Thirty-sixth, Ten Kinds of Spiritual Powers of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of spiritual powers of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain supreme skillful spiritual power of Buddhas, displaying them variously to all sentient beings to make them learn. *First*, the power of knowledge of means of remembering past lives. *Second*, the power of knowledge of means of unhindered clairaudience. *Third*, the power of knowledge of means of knowing the inconceivably many mental actions of sentient beings. *Fourth*, the power of knowledge of means of unobstructed clairvoyant vision. *Fifth*, the power of knowledge of means of manifesting inconceivable great mystic powers according to the minds of sentient beings. *Sixth*, the power of knowledge of means of appearing in infinite worlds with one body. *Seventh*, the power of knowledge of means of entering innumerable worlds in a moment of thoughts. *Eighth*, the power of knowledge of means of producing infinite adornments and adorning inconceivable worlds. *Ninth*, the power of knowledge of means of displaying innumerable emanated bodies. *Tenth*, the power of knowledge of means of manifesting unexcelled complete perfect enlightenment in untold worlds, in accord with the minds of innumerable sentient beings.

Thirty-seventh, Ten Ways of Receiving Prediction of Buddhahood: According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment from the World, Great Enlightening Beings have ten ways of receiving prediction of Buddhahood. *First*, arousing the determination for enlightenment with extraordinary will. *Second*, never giving up the practices of Enlightening Beings. *Third*, continuing to carry out the practices of Enlightening Beings in all ages. *Fourth*, practicing all Buddha teachings. *Fifth*, having complete faith in the guidance of all Buddhas. *Sixth*, cultivating all roots of goodness and bringing them to fulfillment. *Seventh*, placing all sentient beings in the enlightenment of Buddhas. *Eighth*, harmonizing and unifying with all spiritual friends. *Ninth*, thinking of all spiritual friends as Buddhas. *Tenth*, perpetually

preserving the fundamental aspiration for enlightenment with diligence.

Thirty-eighth, Ten Other Ways of Receiving Prediction of Buddhahood: According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment from the World, Great Enlightening Beings also have ten other ways of receiving prediction of Buddhahood. *First*, having extremely profound inner understanding. *Second*, being able to develop the roots of goodness of enlightening beings as appropriate. *Third*, cultivating extensive great practices. *Fourth*, open receiving of the prediction. *Fifth*, occult receiving of the prediction. *Sixth*, realizing enlightenment by their own minds. *Seventh*, accomplishing tolerance. *Eighth*, teaching and taming sentient beings. *Ninth*, comprehending the number of all ages. *Tenth*, mastery of all practices of Enlightening Beings.

Thirty-ninth, Ten Kinds of Explanation of Things: According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of explanation of things of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can skillfully explain all things. *First*, they say all things arise from conditions. *Second*, they say all things are like magical illusions. *Third*, they say all things are free from contradiction. *Fourth*, they say all things are boundless. *Fifth*, all things are baseless. *Sixth*, they say all things are indestructible. *Seventh*, they say all things are THUS. *Eighth*, they say all things are quiescent. *Ninth*, they say all things are emancipation. *Tenth*, they say all things are one, inherently complete. According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of teaching expounded by Great Enlightening Beings. **Enlightening Beings who abide by these can accomplish the supremely skillful preaching of the Buddhas:** *First*, the teaching of profundity. *Second*, the teaching of enormity. *Third*, the teaching of variegation. *Fourth*, the teaching of omniscience. *Fifth*, the teaching of following the ways of transcendence. *Sixth*, the teaching of generating the powers of the enlightened. *Seventh*, the teaching of the interrelation of past, present and future. *Eighth*, the teaching of causing enlightening beings not to regress. *Ninth*, the teaching of praising the virtues of Buddhas. *Tenth*, the teaching of the sciences of all Enlightening Beings.

Fortieth, Vimalakirti's Ten Excellent Deeds: Vimalakirti's ten excellent deeds for Zen practitioners. According to the Vimalakirti Sutra, Chapter Ten, Vimalakirti said: “As you have said, the Bodhisattvas of the Fragrant world have strong compassion and their lifelong works of salvation for all living beings surpass those done in other pure lands during hundreds and thousands of aeons. Why? Because they achieved ten excellent deeds which are not required in other pure lands. What are these ten excellent deeds? They are: 1) charity (dana) to succour the poor; 2) precept-keeping (sila) to help those who have broken the commandments; 3) patient endurance (ksanti) to subdue their anger; 4) zeal and devotion (virya) to cure their remissness; 5) serenity (dhyana) to stop their confused thoughts; 6) wisdom (prajna) to wipe out ignorance; 7) putting an end to the eight distressful conditions for those suffering from them; 8) teaching Mahayana to those who cling to Hinayana; 9) cultivation of good roots for those in want of merits; and 10) the four Bodhisattva winning devices for the purpose of leading all living beings to their goals (in Bodhisattva development). These are the ten excellent deeds.” The visiting Bodhisattvas asked: “How many Dharmas should a Bodhisattva achieve in this world to stop its morbid growth (defilements) in order to be reborn in the Buddha’s pure land?” Vimalakirti replied: “A Bodhisattva should bring to perfection eight Dharmas to stop morbid growth in this world in order to be reborn in the Pure Land. They are: 1) benevolence towards all living beings with no expectation of reward; 2) endurance of sufferings for all living beings dedicating all merits to them; 3) impartiality towards them with all humility free from pride and arrogance; 4) reverence to all Bodhisattvas with the same devotion as to all Buddhas (i.e. without discrimination between Bodhisattvas and Buddhas); 5) absence of doubt and suspicion when hearing (the expounding of) sutras which he has not heard before; 6) abstention from opposition to the sravaka Dharma, 7) abstention from discrimination in regard to donations and offerings received with no thought of self-profit in order to subdue his mind; and 8) self-examination without contending with others. Thus, he should achieve singleness of mind bent on achieving all merits; these are the eight Dharmas.” After Vimalakirti and Manjusri had thus expounded the Dharma, hundreds and thousands of devas developed the mind set on

supreme enlightenment, and ten thousand Bodhisattvas realized the patient endurance of the uncreate.

Forty-first, Ten Ultimate Ends: Ten ultimate ends which Bodhisattvas should seek to explore by making relevant vows: the ultimate nature of sentient beings; of universe; of space; the ultimate dharma-nature; the ultimate nature of nirvana; of Buddhas; of Buddhas' wisdom; the ultimate nature of all the objects of mind; of the Buddhas' spheres of activities and wisdoms; of the evolution of the sentient world, the Dharma and wisdom.

Forty-second, Ten Things Which Great Enlightening Beings Preserve: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten things which Great Enlightening Beings preserve. Enlightening Beings who abide by these can attain the power of preservation of supreme knowledge of Buddhas. *First*, they preserve all the virtues they have accumulated. *Second*, they preserve all the teachings spoken by all Buddhas. *Third*, they preserve all similes. *Fourth*, they preserve all means of access to true principles. *Fifth*, they preserve all means of generating mental command. *Sixth*, they preserve all means of removing doubt and confusion. *Seventh*, they preserve means of perfecting all Enlightening Beings. *Eighth*, they preserve the equal doors of concentration explained by all Buddhas. *Ninth*, they preserve the ways of ingress into the illumination of all truths. *Tenth*, they preserve the free exercise of spiritual powers of all Buddhas. Enlightening Beings who abide by these can attain the power of preservation of supreme knowledge of Buddhas.

Forty-three, Ten Things Which Enlightening Beings Abide: According to the Flower Adornment, Chapter 18, there are ten things which Enlightening Beings abide. *First*, abiding securely in nonindulgence. *Second*, abiding securely in acceptance of nonorigination. *Third*, abiding securely in great kindness. *Fourth*, abiding securely in great compassion. *Fifth*, abiding securely in the fulfillment of the transcendent ways. *Sixth*, abiding securely in the enlightening practices. *Seventh*, abiding securely in great vows. *Eighth*, abiding securely in skillful means. *Ninth*, abiding securely in dauntless power. *Tenth*, abiding securely in knowledge and wisdom, observing all things have no abode, like empty space.

Forty-fourth, Ten Norms of Practice of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten norms of practice of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the Buddhas' supreme method of practice. *First*, honoring the wise. *Second*, always being alerted by the celestial spirits. *Third*, always having shame and conscience before the Buddhas. *The fourth norm of practice* includes having pity for sentient beings and not abandoning birth and death. *Fifth*, carrying tasks through consummation without change of mind. *The sixth norm of practice* includes single-mindedly following the enlightening beings, aspiring to universal enlightenment, and diligently learning. *The seventh norm of practice* includes getting rid of wrong views and earnestly seeking the right Path. *Eighth*, destroying demons and the actions of afflictions. *The ninth norm of practice* includes knowing the different faculties and temperaments of sentient beings, and teaching them and enable them to live in the state of Buddhahood. *The tenth norm of practice* includes abiding in the infinitely vast cosmos of reality, and removing the afflictions and purifying the body. Enlightening Beings who abide by these can attain the Buddhas' supreme method of practice.

Forty-fifth, Ten Ways of Generating Knowledge of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Enlightening Beings who abide by the ten norms of practice of Great Enlightening Beings can comprehend all things, especially the following ten kinds of knowledge: *First*, they generate knowledge by knowing the understandings of all sentient beings. *Second*, they generate knowledge by knowing the various distinctions of all Buddha-lands. *Third*, they generate knowledge by knowing domains of the network of the ten directions. *Fourth*, they generate knowledge by knowing all worlds, inverted, upright, and so on. *Fifth*, they generate knowledge by knowing the unity, variety, and universality of all things. *Sixth*, they generate knowledge by knowing the various physical forms. *Seventh*, they generate knowledge by knowing the misconceptions and delusions of all worldlings without clinging to them. *Eighth*, they generate knowledge by knowing that all truths ultimately lead to emancipation by one path. *Ninth*, they generate knowledge by knowing the spiritual power of the enlightened can enter all universes. *Tenth*, they generate knowledge by knowing

that the seed of enlightenment in all sentient beings, past, present, and future, does not die out.

Forty-sixth, Ten Praise-Worthy Qualities: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten praise-worthy qualities. In the concentration of the differentiated bodies of all sentient beings, Enlightening Beings are lauded for ten praise-worthy qualities. *First*, they enter into True Thusness, and so are called Tathagata, those who have arrived at Thusness. *Second*, they are aware of all truths, and so called Buddha, Enlightened. *Third*, they are praised by all worlds, and so are called teachers of truth. *Fourth*, they know all things, and so are called omniscient. *Fifth*, they are resorted by all worlds, and so are called refuge. *Sixth*, they have mastered all teaching methods, and so are called the guides. *Seventh*, they lead all beings into universal knowledge, and so are called great leaders. *Eighth*, they are lamps for all worlds, and so are called light. *The ninth praise-worthy quality* includes their aspirations are fulfilled; they have accomplished salvation; they have done their tasks; they abide in unobstructed knowledge; and individually know all things, so they are called adepts of the ten powers. *Tenth*, they thoroughly comprehend all cycles of the Teaching, so they are called all-seers.

Chương Hai Mươi Một
Chapter Twenty-One

Sáu Giai Đoạn Phát Triển Của Bồ Tát

Bồ Tát Đạo là con đường phát triển tu hành của Bồ Tát. Con đường này bao gồm tự lợi, lợi tha, giác hạnh viên mãn. Nói cách khác, Bồ Tát là những vị thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh. Có nhiều giai đoạn mà một vị Bồ Tát kinh qua trên đường giác ngộ. Có sáu giai đoạn phát triển của Bồ Tát để đi đến giác ngộ thành Phật hay Lục Tức Phật được nói rõ trong Thiên Thai Viên Giáo, đối lại với sáu giai đoạn phát triển hay Lục Vị của Biệt Giáo. Hai giai đoạn đầu được gọi là “Ngoại Phàm”. **Thứ nhất là “Lý Tức Phật”**: Lý tức Phật hay là thực chứng rằng mỗi chúng sanh đều sẵn có Phật tánh. **Thứ nhì là “Danh Tự Tức Phật”**: Danh Tự tức Phật có nghĩa là từ trong danh tự mà lý giải thông suốt, tất cả những ai nghe và tín thọ phụng hành đều có thể thành Phật. Bốn giai đoạn sau được gọi là “Nội Phàm”. **Thứ ba là “Quán hạnh Tức Phật”**: Quán Hạnh tức Phật chẳng những lý giải mà còn thiền quán và y giáo phụng hành. **Thứ tư là “Tương Tự Tức Phật”**: Tương Tự tức Phật đem thực chứng đến gần chân lý tương tự như ở giai đoạn vô lậu thực sự (dựa vào quán lực tương tự mà phát chân trí và thấy tánh Phật. **Thứ năm là “Cứu Cánh Tức Phật”**: Cứu Cánh tức Phật phá trừ tất cả vô minh và phiền não để đạt tới toàn giác. **Thứ sáu là “Phần Chơn Tức Phật”**: Phần Chơn tức Phật là cái chơn trí lần hồi mở ra, vén từng bức màn vô minh, tâm trí càng sáng tỏ thêm, lần lần đi đến chỗ sáng suốt hoàn toàn, được phần nào tốt phần đó.

Six Stages of Bodhisattva Developments

Bodhisattva path, or the way or discipline of the bodhisattva. This path is leading to Buddhahood, which includes to benefit self and benefit others. In other words, Bodhisattvas are those who follow the path of above to seek bodhi, and below to transform all beings. There are many stages a bodhisattva goes through to reach enlightenment. There are six stages of Bodhisattva developments in order to reach

enlightenment to become a Buddha as defined in the T'ien-T'ai Perfect or Final Teaching, in contrast with the ordinary six developments as found in the Differentiated or Separated School. The first two stages are called "External or common to all". ***First, Theoretical stage:*** The realization that all beings are of Buddha-nature. ***Second, the first step in practical advance:*** The apprehension of terms that those who only hear and believe are in the Buddha-law and potentially Buddha. The last four stages are called the "Internal for all". ***The third stage is the advance beyond terminology to meditation:*** The study and accordant action. ***The fourth stage is semblance stage:*** The approximation of truth and its progressive experiential proof. ***The fifth stage*** is destroy all ignorance and delusions to attain Perfect enlightenment (Fruition of holiness). ***The sixth stage*** is the real wisdom is gradually opened, the screen of ignorance is gradually rolled up; the mind is clearer and clearer to totally clear.

Chương Hai Mươi Hai
Chapter Twenty-Two

Sự Đạt Ngộ Của Chư Bồ Tát

Theo Kinh Hoa Nghiêm, vấn đề ước vọng giác ngộ tối thượng cần thiết cho hành giả, có **mười lý do liên hệ đến đời sống khiến hành giả mong cầu giác ngộ**: chứng được Phật trí (Buddha-Jnana (skt)); đạt được mười oai lực (Dasabala (skt)); đạt được đại vô úy (Mahavaisaradya (skt)); đạt được pháp bình đẳng của Phật (Samatabuddhadharma (skt)); hộ trì cứu bạt cả thế gian (Sarvajagatparitrana (skt)); làm thanh tịnh tâm từ bi (Kritpakaruna (skt)); đạt được vô phân biệt trí, khắp mười phương thế giới không gì là không biết đến (Asesajnana (skt)); làm thanh tịnh Phật độ khiến cho tất cả không còn vướng mắc (Asamga (skt)); trong khoảng một niệm mà tri nhận cùng khắp quá khứ, hiện tại và vị lai: Ksanabodha (skt); chuyển đại pháp luân trong tinh thần không khiếp sợ (Dharmacakrapavarta (skt)). Từ cái lực nội tại của con người, Phật tính, đã sanh ra một truyền thống trí tuệ thật kỳ diệu, và chúng ta tin tưởng vững chắc nơi trí tuệ này. Nhưng khi tự xét đến sự non yếu của chính mình và thấy không thể chấp nhận được, chúng ta sẽ thường mang một vấn đề thắc mắc trong tâm, một sự xung đột nội tại. Từ đó chúng ta phải tiến tới sự quyết tâm, có nghĩa là kiên trì tu tập trong sự dũng cảm. Bên cạnh đó, có **bốn động lực giác ngộ**: tự lực, tha lực, nghiệp lực tiền kiếp, và ngoại lực.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, có mười điều kiện khởi đầu đưa đến ước vọng giác ngộ tối thượng: đầy đủ thiện căn, tu tập các thiện hạnh, chứa nhóm đầy đủ các tư lương, cung kính cúng dường chư Phật, thành tựu đầy đủ các tịnh pháp, thân cận các thiện tri thức, tâm hoàn toàn thanh tịnh, tâm quảng đại được kiên cố, tín căn được bền vững, và sẵn sàng tâm đại bi. **Theo Kinh Hoa Nghiêm, vấn đề ước vọng giác ngộ tối thượng cần thiết cho hành giả, có mười lý do liên hệ đến đời sống khiến hành giả mong cầu giác ngộ**: để chứng được Phật trí, để đạt được mười oai lực, để đạt được đại vô úy, để đạt được pháp bình đẳng của Phật, để hộ trì cứu bạt cả thế gian, để làm thanh tịnh tâm từ bi, để đạt được vô phân biệt trí (khắp mười phương thế giới không gì là không biết đến), để làm thanh tịnh Phật độ khiến cho tất cả không còn

vướng mắc, để trong khoảng một niệm mà tri nhận cùng khắp quá khứ, hiện tại và vị lai, và để chuyển đại pháp luân trong tinh thần không khiếp sợ.

Ngoài ra, theo Kinh Hoa Nghiêm, có 11 tâm dẫn đến giác ngộ:
Tâm thứ nhất là Tâm Đại Bi: Theo Kinh Hoa Nghiêm, đây là một trong 11 tâm dẫn đến giác ngộ. Mong bảo bọc hết thủy chúng sanh.
Tâm thứ nhì là Tâm Đại Từ: Tâm luôn luôn muốn làm lợi ích cho hết thủy chúng sanh.
Tâm thứ ba là Tâm An Lạc: Tâm mong làm cho kẻ khác hạnh phúc, vì thấy họ chịu đựng đủ mọi hình thức khổ não.
Tâm thứ tư là Tâm Lợi Ích: Tâm mong làm lợi ích cho kẻ khác, cứu rỗi họ thoát khỏi những hành vi sai quấy và tội lỗi.
Tâm thứ năm là Tâm Ai Mẫn: Tâm mong bảo bọc hết thủy chúng sanh thoát khỏi những tâm tưởng khốn quẫn.
Tâm thứ sáu là Tâm Vô Ngại: Tâm muốn dẹp bỏ tất cả chướng ngại cho kẻ khác.
Tâm thứ bảy là Tâm Quảng Đại: Tâm đầy khắp cả vũ trụ.
Tâm thứ tám là Tâm Vô Biên: Tâm vô biên như hư không.
Tâm thứ chín là Tâm Vô Cấu Nhiễm: Tâm thấy hết thủy chư Phật.
Tâm thứ mười là Tâm Thanh Tịnh: Tâm Thanh Tịnh hay sự thanh tịnh trong tâm. Theo Phật giáo, hễ tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.
Tâm thứ mười một là Tâm Trí Tuệ: Tâm nhờ đó có thể bước vào biển lớn nhất thiết trí.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, có mười ba yếu tố dẫn đến sự giác ngộ tối thượng:
Yếu tố thứ nhất là tâm đại bi là yếu tố dẫn đầu. *Yếu tố thứ nhì* là trí siêu việt là yếu tố chỉ đạo. *Yếu tố thứ ba* là phương tiện là yếu tố hộ trì. *Yếu tố thứ tư* là thâm tâm là chỗ nương tựa. *Yếu tố thứ năm* là Bồ Đề tâm là kho tàng đồng đẳng với oai lực của Như Lai. *Yếu tố thứ sáu* là Bồ Đề Tâm có khả năng phân biệt lực và trí của hết thủy chúng sanh. *Yếu tố thứ bảy* là Bồ Đề tâm hướng tới trí vô ngại. *Yếu tố thứ tám* là Bồ Đề tâm tùy thuận với trí tự nhiên. *Yếu tố thứ chín* là Bồ Đề tâm có thể giáo hóa Phật đạo cho hết thủy chúng sanh tùy thuận với trí siêu việt. *Yếu tố thứ mười* là Bồ Đề tâm trải rộng khắp biên tế của pháp giới rộng lớn như hư không. *Yếu tố thứ mười một* là trí huệ nơi quả vị Phật, trí đó thấy hết mọi sự trong không gian và thời gian; cái trí vượt ngoài cảnh giới tương đối và sai biệt vì nó thâm nhập khắp mọi biên tế của vũ trụ và trực nhận cái chân thường trong chớp mắt. *Yếu tố thứ mười hai* là năng lực ý chí đốn ngã mọi chướng ngại nằm cản trở đường đi khi nó muốn đạt tới mục đích tối hậu, nó giải thoát tất cả thế gian ra khỏi sự trói buộc của sống và chết. *Yếu tố thứ mười ba* là

đại từ và đại bi song song với trí và lực không ngớt thi thiết phương tiện đem lại an lành cho hết thảy chúng sanh.

Bodhisattvas' Attainment of Enlightenment

According to the Avatamsaka Sutra, the desire for supreme enlightenment is so necessary for practitioners, and there are ***ten reasons related to our daily life which lead practitioners desire for enlightenment:*** for the realization of Buddha-knowledge; for the attainment of the ten powers; for the attainment of great fearlessness; for the attainment of the truth of sameness which constitutes Buddhahood; for protecting and securing the whole world; for the purification of a pitying and compassionate heart; for the attainment of a knowledge which leaves nothing unknown in the ten directions of the world; for the purification of all the Buddha-lands so that a state of non-attachment will prevail; for the perception of the past, present, and future in one moment; and for the revolving of the great wheel of the Dharma in the spirit of fearlessness. The innate force of humankind, Buddha-nature, has given birth to a marvelous tradition of wisdom, and we believe firmly in this wisdom. But reflecting upon our own immaturity and being unable to accept it creates a contradiction that stays with us constantly, as a problem. We then must proceed with great determination, which means sticking to practice with true courage. Besides, ***there are four powers for attaining Enlightenment:*** independent personal power, power derived from others, power of good past karma, and power arising from environment.

According to the Avatamsaka Sutra, there are ten preliminary conditions that lead to the cherishing of the desire for supreme enlightenment: the stock of merit is well-filled, deeds of goodness are well practiced, the necessary moral provisions are well stored up, the Buddhas have respectfully served, works of purity are well accomplished, there are good friends kindly disposed, the heart is thoroughly cleansed, broad-mindedness is firmly secured, a deep sincere faith is established, and there is the presence of a compassionate heart. According to the Avatamsaka Sutra, the desire for supreme enlightenment is so necessary for practitioners, and there are ***ten reasons related to our daily life which lead practitioners desire***

for enlightenment: for the realization of Buddha-knowledge, for the attainment of the ten powers, for the attainment of great fearlessness, for the attainment of the truth of sameness which constitutes Buddhahood, for protecting and securing the whole world, for the purification of a pitying and compassionate heart, for the attainment of a knowledge which leaves nothing unknown in the ten directions of the world, for the purification of all the Buddha-lands so that a state of non-attachment will prevail, for the perception of the past, present, and future in one moment, and for the revolving of the great wheel of the Dharma in the spirit of fearlessness.

Besides, according to The Avatamsaka Sutra, there are eleven minds that lead to enlightenment: Desire for enlightenment is really aroused from these minds. *The first mind is the Maha-karuna-citta:* According to The Avatamsaka Sutra, this is one of the eleven minds that lead to enlightenment. A great loving heart which is desirous of protecting all beings. *The second mind is the Maha-maitri-citta:* A great compassionate heart which ever wishes for the welfare of all beings. *The third mind is the Sukha-citta:* The desire to make others happy, which comes from seeing them suffer all forms of pain. *The fourth mind is the Hita-citta:* The desire to benefit others, and to deliver them from evils and wrong deeds. *The fifth mind is the Daya-citta:* A sympathetic heart which desires to protect all beings from tormenting thoughts. *The sixth mind is the Asamga-citta:* An unimpeded heart which wishes to see all the impediments removed for others. *The seventh mind is the Vaipulya-citta:* A large heart which fills the whole universe. *The eighth mind is the Ananta-citta:* An endless heart which is like space. *The ninth mind is the Vimala-citta:* A spotless heart which sees all the Buddhas. *The tenth mind is the Visuddha-citta:* A mind free from all impurity or the purity of mind or the serenity of mind. According to Buddhism, when the mind is pure, the Buddha land is pure. *The eleventh mind is the Jnana-citta:* A wisdom-heart by which one can enter the great ocean of all-knowledge.

According to the Avatamsaka Sutra, there are thirteen elements of supreme enlightenment: *The first element* is a great compassionate heart which is the chief factor of the desire. *The second element* is the knowledge born of transcendental wisdom which is the ruling element. *The third element* is the skilful means which works as a protecting

agent. *The fourth element* is the deepest heart which gives it a support. *The fifth element* is the Bodhicitta of the same measure with the Tathagata-power. *The sixth element* is the Bodhicitta endowed with the power to discern the power and intelligence of all beings. *The seventh element* is the Bodhicitta directed towards the knowledge of non-obstruction. *The eighth element* is the Bodhicitta in conformity with spontaneous knowledge. *The ninth element* is the Bodhicitta which is capable of instructing all beings in the truths of Buddhism according to knowledge born of transcendental wisdom. *The tenth element* is the Bodhicitta which is extending to the limits of the Dharmadhatu which is as wide as space itself. *The eleventh element* is the knowledge which belongs to Buddhahood, and which see into everything that is in space and time, the knowledge which goes beyond the realm of relativity and individuation because it penetrates into every corner of the universe and surveys eternity at one glance. *The twelfth element* is the will-power that knocks down every possible obstruction lying athwart its way when it wishes to reach its ultimate end, which is the deliverance of the whole world from the bondage of birth-and-death. *The thirteenth element* is the all-embracing love or compassion which, in combination with knowledge and will-power, never ceases from devising all means to promote the spiritual welfare of every sentient being.

Chương Hai Mười Ba
Chapter Twenty-Three

Bồ Tát Giới

Tổng Quan Về Bồ Tát Giới: Bồ Tát giới hay giới luật của Bồ Tát Đại Thừa. Có mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Bất cứ ai cũng có thể thọ giới Bồ Tát vì thọ giới Bồ Tát không chỉ với quyết tâm thoát vòng luân hồi sanh tử, mà còn quyết tâm theo theo ý hướng đạt được quả vị Bồ Đề nhằm làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Bồ Tát giới có tác dụng chế ngự tâm thái ích kỷ. Bồ Tát giới không chỉ điều chỉnh những hành động về thân hay khẩu, mà còn tác động tới tư tưởng và tâm thái nữa. Như vậy Bồ Tát giới khó hành trì hơn các giới phẩm nhằm giải thoát cho cá nhân khác. Bồ Tát giới chỉ có trong các xứ theo truyền thống Phật giáo Đại Thừa mà thôi. Cư sĩ, Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni đều có thể thọ Bồ Tát giới. Mặc dầu bản chất của giới phẩm Bồ Tát giới giống nhau nhưng số giới điều khác nhau giữa Phật giáo Trung Hoa và Tây Tạng. Khi đã thọ lãnh những giới phẩm này, chúng ta phải có quyết tâm tu tập cho đến khi nào thành đạt chánh quả. Việc thọ lãnh giới luật Bồ Tát là việc hoàn toàn tự nguyện. Để thọ giới chúng ta phải thông hiểu những lợi lạc của một đời sống có đạo đức. Có rất nhiều điều lợi lạc nhưng có thể nói tóm tắt là đời sống đạo đức đưa chúng ta đến giải thoát, giác ngộ và khiến cho chúng ta có thể làm lợi ích cho người khác. Một số người chần chừ trong việc thọ giới vì họ cảm thấy khó lòng mà giữ giới luật một cách hoàn toàn. Chúng ta không nên mong mỏi rằng chúng ta sẽ giữ tròn giới luật ngay từ phút đầu. Nếu có thể giữ gìn những giới luật một cách hoàn hảo thì chúng ta đâu cần phải thọ giới làm gì vì chúng ta đã là một vị A La Hán hay một vị Phật rồi còn gì. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng chúng ta thọ lãnh giới luật vì chúng ta chưa có thể tự tròn giữ chúng một cách hoàn hảo. Nhưng nhờ cố gắng mà thân, khẩu, ý của chúng ta được cải thiện. Ngược lại, chúng ta không nên thọ giới nếu chúng ta chưa sẵn sàng chịu giữ giới. Để giữ giới chúng ta cần phải chánh tâm và tỉnh thức. Nếu sai phạm, chúng ta có thể áp dụng bốn sức mạnh đối trị: sám hối, quy-y với chí hướng xả thân bố thí, lấy công chuộc tội và quyết chí không tái phạm... để thanh tịnh những dấu ấn xấu trong dòng chảy tâm thức của chúng ta. Với Phật tử thuần thành, giới luật phải được

xem như là những món trang sức của một hành giả chân chánh. Trong Kinh Phạm Võng, Đức Phật dạy: “Nếu ai thọ giới mà không giữ, người đó không phải là Bồ Tát, người đó cũng không có chủng tử Phật. Ngay cả Phật mà còn Phải trì tụng những giới này. Tất cả chúng Bồ Tát đã học giới trong quá khứ, sẽ học trong tương lai, hay đang học trong lúc này. Ta đã giải thích những điểm chánh của Bồ Tát giới. Mấy ông phải học và hành Bồ tát giới trong chính tâm mình.”

Mười Giới Trọng Của Chư Bồ Tát: Trong Kinh Phạm Võng, đức Phật đã dạy chúng đệ tử rằng: “có Mười giới trọng cho Bồ Tát: không sát, sanh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ, uống và bán rượu, giới rao lỗi của tứ chúng, giới tự khen mình và chê người, giới bỏn xẻn và lợi dụng người khác, giới giận hờn không nguôi, và giới hủy báng Tam Bảo. Nếu ai thọ giới mà không giữ, người đó không phải là Bồ tát, người đó cũng không có chủng tử Phật. Ngay cả Phật mà còn Phải trì tụng những giới này. Tất cả chúng Bồ tát đã học giới trong quá khứ, sẽ học trong tương lai, hay đang học trong lúc này. Ta đã giải thích những điểm chánh của Bồ Tát giới. Mấy ông phải học và hành Bồ tát giới trong chính tâm mình.” Trong tu tập Thiền, hành giả tham cứu "Thập trọng cấm giới" như một đề tài công án. Giới luật Phật giáo có thể được nhìn từ hai hướng. Thí dụ, giới thứ nhất "Không sát sinh" thường được hiểu như là một lời khuyến cáo có liên quan trực tiếp đến thái độ hành xử đúng đắn hay phù hợp với đạo đức. Trong khi lời giáo huấn như vậy là cần thiết, những hành giả tiếp tục Thiền tập và mở rộng sự xác chứng về thức ngộ của họ khi nhập cảnh giới hư không biết rằng, trong cảnh giới ấy, thật sự không có ai làm chuyện sát sanh mà cũng không có ai bị sát sanh. Từ quan điểm tối hậu ấy, "không sát sinh" cũng cảnh báo chúng ta đừng rơi vào quan điểm nhị nguyên sát sanh và không sát sanh. Tuy nhiên, sẽ là sai lầm khi lý giải giới luật trên phương diện quan niệm tối hậu để biện minh cho những hành vi tội lỗi. Đối lại với thói quen thông thường về nhận thức sự vật dựa trên quan điểm tốt xấu, người Phật tử thấy thế giới với toàn bộ các mặt thiện ác như một thực tại nhất như, đúng như bản chất vốn có của nó. Về cơ bản mà nói, thế giới vốn không tốt cũng không xấu. Thiếu một cái nhìn chân thật, cái gọi là hành vi hoàn thiện về mặt đạo đức của con người đều lệch lạc và hời hợt. Chánh kiến (nhận thức chân chánh) không những chỉ đưa đến thực chứng rằng không có kẻ giết và người bị giết, mà nó còn đưa đến sự thực chứng rằng người ta không thể giết

một ai hay một cái gì cả. Trong khi "không sát sanh" chỉ mang tánh giới điều, một dạng mệnh lệnh hay huấn thị, có lẽ không cần thiết để đưa đến thái độ giác ngộ, thì thực chứng "không thể sát sanh" chuyển biến tự nhiên ăn sâu vào ý niệm xác quyết "Ta sẽ không sát sanh." Tuy vậy, đường ranh chia cắt giữa "không sát sanh" (mệnh lệnh giới điều) và "không thể sát sanh" (nhận thức) dường như tan biến khi chúng ta thấy rằng chúng ta luôn hủy hoại cái gì đó. Chúng ta có thể quyết định không sát hại động vật để làm thức ăn, nhưng các loại rau cỏ thì sao? Vân vân và vân vân, với mọi thứ khác mà chúng ta hủy hoại và liệng bỏ. Nếu chúng ta tuân thủ mệnh lệnh giới điều "không sát sanh," chúng ta không được phép ăn uống, chúng ta sẽ phải nhịn đói nhịn khát đến chết, kết quả là chính sinh mạng của chúng ta bị hủy hoại. Làm sao để vượt qua tình trạng khó xử này? Khi nhu cầu thức bách phải lấy đi sinh mạng hay sự sống, dầu là của sinh vật hay cây cỏ, hay vật vô tri giác, hành giả nên hết lòng an trụ tâm mình ở cảnh giới "Vô". Theo đó, cứ mỗi khoảnh khắc mà chúng ta lấy đi cuộc sống từ một hình thái sinh tồn khác có thể là một cơ hội để cho chúng ta nhận thức sâu sắc tánh nhất thể giữa con người và toàn bộ vũ trụ trong cảnh giới "Vô". Duy trì thái độ này là điểm then chốt của việc thọ trì Ngũ Giới, Thập Trọng Cấm Giới, cho đến 250 giới hay 348 giới. Những giới luật này không nhằm trói buộc hay nô dịch con người. Được áp dụng với kinh nghiệm nội kiến về "Vô," các giới luật ấy trở thành phương tiện giải thoát của con người. Thập Trọng Cấm Giới được sử dụng như một công án không chỉ có giá trị đơn thuần như những giới cấm, mà chúng còn tạo nên một bước tiến xa hơn trên con đường thực chứng hoàn toàn toàn cảnh giới của tánh nhất thể trong mọi hoạt động của cuộc sống hàng ngày. Sự chứng ngộ như vậy không hề phủ định hiệu lực của các giá trị tương đối; nó chỉ đơn thuần không cho phép những giá trị tương đối này làm mờ đi Phật tánh của chúng ta, hay ngăn trở sự tự tại tại bốn lai của con người.

Trong Kinh Phạm Võng, đức Phật đã dạy chúng đệ tử rằng: “Đối với mười giới trọng cho Bồ Tát. Nếu ai thọ giới mà không giữ, người đó không phải là Bồ tát, người đó cũng không có chủng tử Phật. Ngay cả Phật mà còn Phải trì tụng những giới này. Tất cả chúng Bồ tát đã học giới trong quá khứ, sẽ học trong tương lai, hay đang học trong lúc này. Ta đã giải thích những điểm chánh của Bồ Tát giới. Máy ông phải học và hành Bồ tát giới trong chính tâm mình.” *Thứ nhất là Giới*

Sát Sanh: Là Phật tử, không tự mình giết, không xúi người giết, không phương tiện hay khen tặng ai giết, không thấy giết mà tùy hỷ, không dùng bùa chú giết, không nhơn, duyên, hay cách thức mà giết, không nghiệp giết. Phạm tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Phật tử, phải luôn phát đại bi tâm và lòng hiếu thuận, lập thể cứu giúp tất cả chúng sanh, mà trái lại tự phóng tâm nỡ lòng sát sanh, Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ nhì là Giới Trộm Cướp*: Là Phật tử, không tự mình trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không phương tiện trộm cướp, nhấn đến không dùng bùa chú mà trộm cướp; không nhơn trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức trộm cướp hay nghiệp trộm cướp. Tất cả tài vật, dù là của quỷ thần, từ cây kim ngọn cỏ đều có chủ, không đặng trộm cướp. Là Phật tử, phải luôn có lòng từ bi hiếu thuận thường giúp cho mọi người được phước đức an vui. Trái lại, lại sanh tâm trộm cướp tài vật của người, Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ ba là Giới Dâm Dục*: Là Phật tử, không tự mình dâm dục, không bảo người dâm dục, với tất cả phụ nữ, các loài cái, loài mái, cho đến thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm; không nhơn dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, hay nghiệp dâm dục. Là Phật tử, đối với tất cả không được dâm dục, mà phải có lòng hiếu thuận cứu độ tất cả, phải đem pháp thanh tịnh mà khuyên dạy người. Dâm giới cũng là một trong ngũ giới cho Phật tử tại gia (một trong năm điều giới của hàng Phật tử tại gia là phải diệt trừ tà dâm. Một trong mười giới trọng của hàng xuất gia là phải hoàn toàn cắt đứt dâm dục). Trái lại nếu không có tâm từ, làm cho mọi người sanh việc dâm dục, không lựa súc sanh, cho đến hành dâm với mẹ, con, chị, em trong lục thân, Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ tư là Giới Vọng Ngữ*: Là Phật tử, không vọng ngữ, không bảo người vọng ngữ, không phương tiện vọng ngữ, không nhơn vọng ngữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Nhấn đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật tử, phải luôn luôn chánh ngữ chánh kiến, và cũng làm cho tất cả chúng sanh có chánh ngữ chánh kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp, Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ năm là Giới Uống Rượu và Bán Rượu*: Là Phật tử, không tự mình uống hay bán rượu, không bảo người uống hay bán, không duyên uống hay bán, không cách thức uống hay bán, không nghiệp uống hay bán rượu. Tất cả rượu đều không được uống hay bán

vì rượu là nhờn duyên sanh tội lỗi. Là Phật tử phải làm cho tất cả chúng sanh có trí huệ sáng suốt, mà trái lại đem sự mê say điên đảo cho tất cả chúng sanh, Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ sáu là Giới Rao Lỗi của Tứ Chúng:* Là Phật tử, không tự mình rao lỗi của Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, không bảo người rao lỗi; không nhờn rao lỗi, duyên rao lỗi, cách thức rao lỗi, nghiệp rao lỗi. Là Phật tử, khi nghe kẻ ác, kẻ ngoại đạo, cùng kẻ nhị thừa nói những điều phi pháp trái luật, phải luôn có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ấy, khiến cho họ sanh lòng lành với Đại thừa, mà trái lại Phật tử tự mình rao nói những lỗi trong Phật pháp, Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ bảy là Giới Tự Khen Mình và Chê Người:* Là Phật tử, không tự khen mình chê người, không bảo ai khen mình chê người; không nhờn chê người, không duyên chê người, không cách thức chê người, không nghiệp chê người. Là Phật tử, nên sẵn sàng nhận lấy những khinh chê cho tất cả chúng sanh và nhường tất cả việc tốt cho người, chứ không bao giờ tự phô trương tài đức của mình mà đim điều hay tốt của người, nếu không Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ tám là Giới Bỏn Xẻn và Lợi Dụng Người Khác:* Là Phật tử, không tự mình bỏn xẻn hay lợi dụng người khác, không xúi người bỏn xẻn, không nhờn bỏn xẻn, duyên bỏn xẻn, cách thức bỏn xẻn, nghiệp bỏn xẻn. Là một Phật tử đã thọ Bồ Tát giới, khi thấy người bần cùng đến cầu xin, phải bằng mọi cách giúp đỡ theo nhu cầu của họ, chứ không đem lòng giận ghét không cho một mảy may; hoặc có người đến cầu học giáo pháp, đã chẳng nói một kệ một câu mà còn mắng đui, là phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ chín là Giới Giận Hờn Không Nguôi:* Là Phật tử, không tự mình hờn giận, không bảo người hờn giận; không nhờn giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Ngược lại, phải luôn có lòng từ bi hiếu thuận, khiến giúp cho chúng sanh, cho đến loài phi chúng sanh luôn được lợi lạc. Nếu đối với tất cả các loài chúng sanh, cho đến trong loài phi chúng sanh mà đem lời ác mạ nhục, còn thêm dùng tay chân, dao gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ, cho đến nạn nhân kia lấy lời nhỏ nhẹ xin lỗi, cầu sám hối tạ tội, nhưng vẫn không hết giận, Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.” *Thứ mười là Giới Hủy Báng Tam Bảo:* Là Phật tử, không bao giờ tự mình hủy báng Tam Bảo, không xúi ai hủy báng; không nhờn hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Là Phật tử thuần thành, một khi nghe ngoại đạo hay kẻ ác hủy báng Tam Bảo

dù chỉ một lời, thì đau đớn chẳng khác chi trăm ngàn đao kiếm đâm vào tâm, huống là tự mình hủy báng? Là Phật tử chẳng những luôn đem lòng tôn kính Tam Bảo, mà còn khiến cho người người đều đem lòng tôn kính. Ngược lại, không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam Bảo, lại còn giúp sức cho những kẻ ác, kẻ tà kiến hủy báng nữa, Phật tử nầy phạm “Bồ Tát Ba La Di Tội.”

Bốn Mười Tám Giới Kinh: Bốn mươi tám giới kinh theo kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới: kính thầy bạn, không uống rượu, không ăn thịt, không ăn ngũ vị tân, không phát tâm dạy người sám hối, không cúng dường thỉnh pháp, không đi nghe pháp, phế bỏ Đại Thừa, không chăm sóc người bệnh, chứa chấp khí cụ sát sanh, đi sứ, buôn bán phi pháp, hủy báng Phật pháp, phóng hỏa, dạy giáo lý ngoài Đại Thừa, vì lợi mà giảng pháp lộn lạo, cậy thế lực để quyên góp tiền của, không thông hiểu mà làm thầy truyền giới, lưỡng thiệt, không phóng sanh, đem sân trả sân đem đánh trả đánh, kiêu mạn không thỉnh pháp, khinh ngạo không dạy Pháp cho những người đang cầu hiểu pháp giới, không tu tập giáo pháp Đại Thừa, tri chúng vụng về, riêng thọ lợi dưỡng (tất cả của cúng dường phải thuộc về Tăng già hay chùa viện, vì thế nhận cúng dường riêng là một hình thức ăn cấp của chùa viện), thọ biệt thỉnh (không được nhận cúng dường riêng dù được mời đặc biệt đến nhà Phật tử tại gia, vì làm như vậy cũng là một hình thức ăn cấp của Tăng già), biệt thỉnh Tăng, tà mạng nuôi sống (không được làm thương mại trong bất cứ hoàn cảnh nào), quản lý thương mại cho cư sĩ (bach y), không mua chuộc lại hình tượng Phật (khi thấy kẻ gian lấy trộm và đem bán hình tượng Phật, Phật tử thuận thành phải bằng mọi cách mua lại), tổn hại chúng sanh (không mua bán dao, búa, gậy gộc; không lợi dụng địa vị để tịch thu tài sản của dân chúng, không nuôi chó mèo và các loại gia súc khác), tà nghiệp giác quán (không nhìn những hành động tà vạy như đánh lộn, bài bạc, hay nghe nhạc, nghe đàn, sáo, vân vân), tạm bỏ Bồ Đề tâm (tạm thời phế bỏ tâm Bồ đề là một giới kinh cho hàng phật tử, như là chư Tăng Ni), không phát nguyện, không phát thệ (thà uống nước đồng sôi hay quẩn mình trong lưới sắt nóng, hay nuốt banh sắt, nằm trên sắt nóng, hay nhảy vào vạc dầu sôi, hay chân cẳng bị đao búa nóng chặt đứt, hay mắt bị trăm ngàn đao kiếm đâm thủng, vân vân, chứ thệ quyết không phá giới), vào chỗ hiểm nạn, trái thứ tự tôn ti, không tu phước huệ, không bình đẳng truyền giới, vì tư lợi mà thuyết giảng, vì danh mà giảng giới cho kẻ ác, cố mống tâm

phạm giới, không cúng dường kinh luật, không giáo hóa chúng sanh, thuyết pháp không đúng pháp (Phật tử thuần thành nhất là chư Tăng Ni phải luôn phát đại bi tâm hóa độ chúng sanh), chế hạn phi pháp (lợi dụng chức vị trong Tăng đoàn mà chế hạn giới luật đi ngược với Phật pháp), vì danh lợi mà phá diệt Phật Pháp.

Bốn Mười Tám Giới Khinh mà Đức Phật đã dạy trong Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới có thể được giải thích sơ lược như sau đây. *Thứ nhất là Giới Không Kính Thầy Bạn:* Nếu Phật tử lúc sắp lãnh ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, hay sắp lãnh chức quan, trước nên thọ giới Bồ Tát. Như thế tất cả quý thần cứu hộ thân vua và thân các quan. Chư Phật đều hoan hỷ. Đã đắc giới rồi, Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng Tọa, Hòa Thượng, A Xà Lê, những bậc Đại Đức, đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước lạy chào, thăm hỏi. Mỗi sự đều đúng như Pháp mà cúng dường, hoặc tự bản thân cho đến quốc-thành con cái, cùng bảo bảy báu trăm vật để cung cấp các bậc ấy. Nếu Phật tử lại sanh lòng kiêu mạn, sân hận, ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ nhì là Giới Uống Rượu:* Nếu Phật tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống hay sanh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống, sẽ mang ác báo năm trăm đời không tay, huống là tự uống. Cũng chẳng được bảo người và tất cả chúng sanh uống rượu, huống là tự mình uống! Tất cả các thứ rượu, Phật tử không được uống. Nếu mình cố uống và bảo người uống, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba là Giới Ăn Thịt:* Nếu là Phật tử cố ăn thịt. Tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thời mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật tánh; tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa người nầy. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế nên tất cả Phật tử không được ăn thịt của tất cả mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ tư là Giới Ăn Ngũ Tân:* Phật tử chẳng được ăn loại “ngũ tân” loại hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Loại ngũ tân nầy thêm vào trong tất cả các thứ thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ năm là Giới Không Dạy Người Sám Hối:* Nếu là Phật tử khi thấy người khác phạm ngũ giới, bát giới, thập giới, phá giới, hay phạm thất nghịch, bát nạn tất cả tội phạm giới, vân vân, phải khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối,

lại cùng ở chung, đồng sống chung, đồng chúng bố tát, đồng thuyết giới, mà không cứ tội người ấy, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ sáu là Giới Không Cúng Đường Thỉnh Pháp:* Nếu là Phật tử, thấy có vị Pháp Sư đại thừa, hay những bậc đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đại thừa, từ trăm dặm nghìn dặm đến nơi Tăng phường, nhà cửa, thành ấp, thời liền đứng dậy rước vào, đưa đi, lễ bái, cúng dường. Mỗi ngày ba cúng dường, trăm thức uống ăn, giường ghế, thuốc men, tất cả đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng đều phải cấp hộ cho Pháp Sư. Mỗi ngày sáng, trưa, chiều, thường thỉnh Pháp Sư thuyết pháp và đánh lễ. Không hề có lòng sân hận buồn rầu. Luôn thỉnh pháp không mỗi nhàm, chỉ trọng pháp chớ không kể thân. Nếu Phật tử không như thế thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bảy là Giới Không Đi Nghe Pháp:* Nếu là Phật tử, hàng tân học Bồ Tát, phạm nơi chốn nào có giảng kinh, luật, phải mang kinh luật đến chỗ Pháp Sư để nghe giảng và thưa hỏi. Hoặc nơi núi rừng, trong vườn cây, chùa, nhà, vân vân, tất cả chỗ thuyết pháp đều đến nghe học. Nếu Phật tử không đến nơi ấy để nghe pháp cùng thưa hỏi, thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ tám là Giới Trái Bỏ Đại Thừa:* Nếu là Phật tử, có quan niệm trái bỏ kinh luật Đại Thừa thường trụ, cho rằng không phải của Phật nói mà đi thọ trì kinh luật tà kiến và tất cả cấm giới của hàng Thanh Văn nhị thừa cùng ngoại đạo ác kiến, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ chín là Giới Không Chăm Sóc Người Bệnh:* Nếu là Phật tử, thấy tất cả người tật bệnh phải tận tâm cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, chăm sóc cho người bệnh là “phước điền thứ nhất.” Nếu như cha mẹ, Sư Tăng cùng đệ tử có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều nên săn sóc cho được lành mạnh, Phật tử lại vì lòng hờn giận mà không chăm sóc, nhỡ đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng, đồng nội, đường sá có người tật bệnh mà không lo cứu tế, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười là Giới Chứa Khí Cự Sát Sanh:* Nếu là Phật tử, không đặt cất chứa những binh khí như dao, gậy, cung, tên, búa, giáo, vân vân, cùng những đồ sát sanh như chài, lưới, rập, bẫy, vân vân. Là Phật tử, dầu cho đến cha mẹ bị người giết, còn không báo thù, hướng lại đi giết chúng sanh! Không được cất chứa những khí cụ sát sanh! Nếu cố cất chứa, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười một là Giới Đi Sứ:* Nếu là Phật tử, chẳng đặt vì quyền lợi và ác tâm mà đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận, đem binh đánh nhau làm cho vô lượng chúng sanh

bị giết hại. Là Phật tử không được vào, cùng qua lại trong quân trận, hưởng lợi cố làm môi giới chiến tranh. Nếu cố làm, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười hai là Giới Buôn Bán Phi Pháp*: Nếu Phật tử cố bán người lành, tôi trai, tở gái, lục súc, buôn bán quan tài, ván cây, đồ đựng thầy chết, còn không được tự mình buôn bán các thứ ấy, hưởng lợi bảo người. Nếu cố tự buôn bán hay bảo người buôn bán các thứ ấy, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười ba là Giới Hủy Báng*: Nếu Phật tử, vì ác tâm, nói người tốt, người lành, Pháp Sư, Sư Tăng, hoặc Quốc Vương và hàng quý nhơn, vốn vô sự mà hủy báng là phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng. Với cha mẹ, anh, em, lục thân phải có lòng từ bi hiếu thuận, mà trở lại vu khống cho là phạm tội nghịch, đọa nơi ác đạo, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười bốn là Giới Phóng Hỏa*: Nếu Phật tử, vì ác tâm, phóng hỏa đốt núi, rừng, đồng nội. Từ tháng tư đến tháng chín phóng hỏa. Hoặc cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, Tăng phường, ruộng cây của người và cung điện tài vật của quý thân. Tất cả chỗ có sanh vật không được cố ý thiêu đốt. Nếu cố thiêu đốt, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười lăm là Giới Dạy Giáo Lý Ngoài Đại Thừa*: Nếu Phật tử, từ Phật đệ tử, lục thân, tất cả thiện tri thức, đến ngoại đạo ác nhơn, đều phải khuyên bảo thọ trì kinh luật Đại thừa. Nên giảng cho hiểu nghĩa lý khiến phát Bồ Đề Tâm, Thập Phát Thú tâm, Thập Trưởng Dưỡng tâm, Thập Kim Cang tâm. Trong ba mươi tâm ấy, giảng cho họ hiểu pháp dụng tuần thứ của mỗi món. Nếu Phật tử vì ác tâm, sân tâm mà đem kinh luật của Thanh Văn Nhị thừa cùng các bộ luận của ngoại đạo tà kiến để dạy cho người, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười sáu là Giới Vì Lợi Mà Giảng Pháp Lộn Lạo*: Nếu Phật tử, phải tận tâm học kinh luật oai nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý, khi thấy có hàng tân học Bồ Tát từ xa trăm dặm nghìn dặm đến cầu học kinh luật Đại thừa, nên đứng như pháp giảng giải tất cả khổ hạnh, hoặc đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay. Nếu không đốt thân hay cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật thời không phải là hàng Bồ Tát xuất gia. Nhấn đến xả thịt nơi thân mình cùng tay chân mà bố thí cho tất cả những cạp, sói, sư tử đói, cùng tất cả loài quý đói. Rồi sau mới tuần tự theo căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học ấy được mở thông tâm ý. Nếu Phật tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng kinh luật một cách điên đảo, văn tự lộn xộn không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tính cách hủy báng Tam Bảo, Phật tử nầy

phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười bảy là Giới Cậy Thế Lực Quyền Góp Tiền Của:* Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà thân cận quốc vương, hoàng tử cùng các quan, nương quyền cậy thế bức người để lấy tiền của, lại bảo người khác cũng cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười tám là Giới Không Thông Hiểu Mà Làm Thầy Truyền Giới:* Nếu Phật tử, phải học mười hai phần kinh, thường tụng giới. Mỗi ngày sáu thời, nghiêm trì Bồ Tát giới, hiểu rõ nghĩa lý tánh, Phật tánh của giới. Nếu Phật tử không hiểu một kệ một câu cùng nhưn duyên của giới luật, mà dối rằng thông hiểu, đó chính là dối gạt mình và cũng là dối gạt người khác. Không hiểu một pháp, không biết một luật mà lại đi làm Thầy Truyền Giới cho người, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ mười chín là Giới Lưỡng Thiệt:* Nếu Phật tử, vì ác tâm, thấy Thầy Tỳ Kheo trì giới tay bưng lư hương, tu hạnh Bồ Tát, tự đi đâm thọc hai đầu, cho sanh sự bất hòa, khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác. Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi là Giới Không Phóng Sanh:* Nếu là Phật tử, phải vì tâm từ bi mà làm việc phóng sanh. Người ấy phải luôn quán tưởng: “Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhưn là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó.” Nếu giết chúng để ăn thịt, thì chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bốn thân bốn thể của ta, cho nên phải thường làm việc phóng sanh, và khuyên bảo người làm. Nếu lúc thấy người đời sát sanh, nên tìm cách cứu hộ cho chúng được thoát khỏi nạn khổ! Thường đem giới Bồ Tát giảng dạy để cứu độ chúng sanh. Nếu ngày cha mẹ hay anh em chết, nên thỉnh Pháp sư giảng kinh luật Bồ tát giới. Người chết nhờ phước đức ấy, hoặc được vãng sanh Tịnh Độ ra mắt chư Phật, hay thác sanh trong cõi trời người. Nếu không làm các điều trên đây, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi một là Giới đem Sân Báo Sân, đem Đánh Trả Đánh:* Nếu Phật tử, không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh. Nếu cha mẹ anh em hay lục thân bị người giết cũng chẳng được báo thù, hoặc quốc chủ bị người thí chết cũng chẳng được báo thù. Giết sanh mạng để báo thù sanh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo. Hãy còn không được chứa nuôi tội tở, rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhưt là khẩu nghiệp. Huống lại cố đi làm tội thất nghịch. Nếu xuất gia Bồ Tát không có lòng từ bi cố báo thù, nhẫn đến cố báo thù cho trong

hàng lục thân, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi hai là Giới Không Kiêu Mạn Không Thỉnh Pháp:* Nếu Phật tử, mới xuất gia chưa thông hiểu kinh luật, mà tự ý mình là trí thức thông minh, hoặc ý mình là cao quý, lớn tuổi, hoặc ý mình là giòng sang, con nhà quyền quý, hoặc ý mình học rộng, phước to, giàu lớn, vân vân, rồi sanh lòng kiêu mạn mà không chịu học hỏi kinh luật với các vị Pháp sư học đạo trước mình. Vị Pháp sư ấy hoặc giòng hèn, con nhà hạ tiện, tuổi trẻ, nghèo nàn, hèn hạ, hay có tật nguẩn, nhưng lại thực có đức hạnh cùng thông hiểu nhiều kinh luật. Hàng tân học Bồ Tát không được nhìn vào dòng giống vị pháp sư mà không chịu đến học đạo lý Đại thừa với vị ấy. Phật tử nếu như vậy thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi ba là Giới Khinh Ngạo Không Tận Tâm Dạy:* Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ tát, thời đối trước tượng Phật, cùng tượng Bồ Tát mà tự nguyện thọ giới. Nên ở trước tượng Phật cùng tượng Bồ Tát sám hối trong bảy ngày, hễ được thấy hảo tướng là đắc giới. Như chưa thấy hảo tướng thời phải sám hối mười bốn ngày, hăm một ngày, hay đến cả năm, cầu thấy được hảo tướng. Khi được thấy hảo tướng rồi, thời được đối trước tượng Phật hay tượng Bồ Tát mà thọ giới. Như chưa thấy hảo tướng thời dầu có đối trước tượng Phật thọ giới, vẫn không gọi là đắc giới. Tuy nhiên, nếu đối trước vị Pháp sư mà thọ giới Bồ Tát, thời không cần thấy hảo tướng. Tại sao vậy? Vì vị Pháp sư ấy là chư sư truyền giới cho nhau, nên không cần hảo tướng. Hễ đối trước vị Pháp sư ấy mà thọ giới liền đắc giới, do vì hết lòng kính trọng nên đắc giới. Nếu ở trong nghìn dặm, mà không tìm được vị Pháp sư truyền giới, thời Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ Tát mà tự nguyện thọ giới Bồ Tát, nhưng cần phải thấy hảo tướng. Nếu các vị pháp sư ý mình thông kinh luật cùng giới pháp Đại thừa, kết giao với các nhà quyền quý, khi có hàng tân học Bồ tát đến cầu học nghĩa kinh luật, lại giận ghét, hay khinh ngạo, không chịu tận tâm chỉ bảo, vị này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi bốn là Giới Không Tập Học Đại Thừa:* Nếu Phật tử, có kinh luật Đại thừa pháp, chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân, mà không chịu siêng học siêng tu, lại bỏ bảy cửa báu, trở lại học những sách luận tà kiến của nhị thừa, ngoại đạo, thế tục, đó là làm mất giống Phật, là nhưn duyên chướng đạo, chẳng phải thực hành đạo Bồ Tát. Nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi lăm là Giới Tri Chúng Vụng Vê:* Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, làm Pháp sư,

Giảng Sư, Luật Sư, Thiên Sư, Thủ Tọa, Tri Sự, Tri Khách, phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật của Tam Bảo, chớ dùng vô độ như của riêng mình, mà trở lại khuấy chúng gây gỗ, kinh chống, lung lòng xài của Tam Bảo, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi sáu là Giới Riêng Thọ Lợi Dường:* Nếu Phật tử, ở trước trong Tăng phường, lúc sau thấy có khách Bồ Tát Tỳ Kheo đến, hoặc nơi thành ấp nhà cửa của Tăng hay của Vua, nhân đến chỗ kiết hạ an cư cùng trong đại hội... Chư Tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cung cấp cho những đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà, phòng, giường, ghế, vân vân. Nếu tự mình không có, thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán, để sắm đồ cung cấp cho những khách Tăng ấy. Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị tri sự phải theo thứ tự phái khách Tăng đi thọ trai. Nếu chư Tăng ở trước riêng đi thọ trai mà không phái khách Tăng đi, thời vị tri sự mắc vô lượng tội, không đáng là hàng Sa Môn, không phải dòng Thích Tử, nào khác loài súc sanh. Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi bảy là Giới Thọ Biệt Thỉnh:* Nếu Phật tử, tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình. Của cúng dường nầy thuộc thập phương Tăng, nếu nhận riêng thời là lấy của thập phương Tăng đem về phần mình. Và của vật trong tám phước điền: chư Phật, Thánh nhơn, chư Tăng, cha, mẹ, và người bệnh, mà tự mình riêng nhận dùng. Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi tám là Giới Biệt Thỉnh Tăng:* Nếu Phật tử, có những hàng Bồ Tát xuất gia, Bồ Tát tại gia và tất cả đàn việt lúc muốn thỉnh Tăng để cúng dường cầu nguyện, nên vào Tăng phường thưa với vị Tri Sự. Vị Tri Sự bảo theo thứ tự mà thỉnh thời được thập phương Hiền Thánh Tăng. Mà người đời thỉnh riêng năm trăm vị A La hán Bồ Tát Tăng vẫn không bằng theo thứ tự thỉnh một phàm phu Tăng. Trong giáo pháp của bảy Đức Phật đều không có pháp thỉnh Tăng riêng. Nếu thỉnh Tăng riêng đó là pháp của ngoại đạo, là không thuận với hiếu đạo. Nếu Phật tử cố thỉnh riêng thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ hai mươi chín là Giới Tà Mạng Nuôi Sống:* Nếu Phật tử dùng ác tâm vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tự tay làm đồ ăn, tự xay, tự giã xem tướng, bần mộng, đoán sẽ sanh trai hay gái, bùa chú, pháp thuật, nghề nghiệp, phương pháp nuôi ó và chó săn, hòa hiệp trăm thứ thuốc độc, nghìn thứ thuốc độc, độc rắn, độc sanh kim, sanh ngân, độc sâu cỏ, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Nếu cố làm các điều như thế, Phật tử nầy phạm “Khinh

Cấu Tội.” *Thứ ba mươi là Giới Quản Lý Cho Bạch Y*: Nếu Phật tử vì ác tâm, tự mình hủy báng tam Bảo, giả tuồng kính mến, miệng thì nói không, mà hành vi lại có, làm quản lý cho hàng bạch y, vì hàng bạch y làm mai làm mối cho nam cho nữ giao hội dâm sắc, gây thành các nghiệp kiết phược; những ngày lục trai trong mỗi tháng, ba tháng trường trai trong mỗi năm, làm việc sát sanh, trộm cướp, phá trai, phạm giới. Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi một là Giới Không Mua hay Chuộc lại hình tượng Phật*: Phật tử, sau khi Phật nhập diệt ở trong đời ác, thấy hàng ngoại đạo, bọn giặc cướp cùng tất cả người ác đem bán hình tượng Phật, Bồ Tát, cha mẹ, đem bán kinh luật, đem bán Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cùng người hành đạo Bồ Tát, kẻ phát tâm Bồ Đề, để làm tay sai cho các quan hay làm tội tở cho mọi người. Phật tử thấy những sự như thế, nên có lòng từ bi tìm cách cứu vớt. Nếu không đủ sức, Phật tử phải đi quyên tiền các nơi để chuộc hình tượng Phật, Bồ Tát và tất cả kinh luật, chuộc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, người tu hạnh Bồ tát, kẻ phát tâm Bồ Đề. Nếu không chuộc, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi hai là Giới Tổn Hại Chúng Sanh*: Phật tử không được buôn bán dao, gậy, cung, tên, những khí giới sát sanh. Không được chứa càn non thước thiếu. Không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Không được ác tâm trói buộc người, và phá hoại việc thành công của người. Không được nuôi mèo, chồn, heo, chó. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi ba là Giới Tà Nghiệp Giác Quán*: Phật tử không được vì ác tâm đi xem tất cả nam nữ đánh nhau, hay quân trận binh tướng, giặc cướp, vân vân, đấu chiến với nhau. Cũng chẳng được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng, vân vân, cho đến bói xú. Chẳng được làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi bốn là Giới Tạm Bỏ Bồ Đề Tâm*: Nếu Phật tử, ngày đêm sáu thời đọc tụng giới Bồ Tát này. Nên giữ gìn giới luật trong tất cả khi đi đứng nằm ngồi, vững chắc như kim cương, như đeo trái nổi để qua biển lớn, như Tỳ Kheo bị cột bằng dây cỏ. Thường có tín tâm lành đối với Đại thừa. Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn chư Phật là Phật đã thành, rồi phát Bồ Đề Tâm và giữ vững không thối chuyển. Nếu có một tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi lăm là Giới Không Phát Nguyện*: Nếu Phật tử, nên phát những điều nguyện lớn: nguyện ăn ở hiếu thuận với cha mẹ, sư

trưởng; nguyện được gặp Thầy tốt bạn hiền, để thường được học hỏi các kinh luật Đại thừa, được dạy về Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa; nguyện hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp; nguyện giữ vững giới luật nhà Phật: thà chết chứ không chịu phai lòng. Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi sáu là Giới Không Phát Thệ*: Nếu Phật tử, khi đã phát đại nguyện trên đây rồi, phải giữ gìn giới cấm của Phật. Phải tự thệ rằng: “Thà nhảy vào đống lửa, hố sâu, núi đao, quyết không cùng với tất cả người nữ làm điều bất tịnh để phạm điều cấm trong kinh luật của Tam Thế chư Phật. Lại thề rằng thà lấy lưới sắt quấn thân mình cả ngàn lớp, quyết không để thân này phá giới mà thọ những đồ phục của tín tâm đàn việt. Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm nghìn kiếp, quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm đàn việt. Thà nằm trên đống lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm đàn việt. Thà trong một hai kiếp cho cả trăm gươm giáo đâm vào mình, quyết không để thân này phá giới mà thọ các thứ thuốc men của tín tâm đàn việt. Thà nhảy vào vạc dầu sôi trong trăm nghìn kiếp, quyết không để thân này phá giới mà lãnh những phòng nhà, ruộng vườn, đất đai của tín tâm đàn việt.” Lại phát thệ rằng: “Thà dùng chày sắt đập thân này từ đầu tới chân cho nát như tro bụi, quyết không để thân này phá giới mà thọ sự cung kính lễ bái của tín tâm đàn việt. Thà lấy trăm nghìn lưỡi gươm giáo khoét đôi mắt mình, quyết không đem tâm phá giới này mà nhìn xem sắc đẹp của người. Thà lấy trăm nghìn dùi sắt, đâm thủng lỗ tai mình trải trong một hai kiếp, quyết không đem tâm phá giới này mà nghe tiếng tốt giọng hay. Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt bỏ lỗ mũi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ngửi các mùi thơm. Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt đứt lưỡi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ăn các thức tịnh thực của người. Thà lấy búa bèn chặt chém thân thể mình, quyết không đem tâm phá giới này mà tham mặc đồ tốt.” Lại phát nguyện: nguyện cho tất cả chúng sanh đều trọn thành Phật quả. Nếu Phật tử không phát những điều thệ nguyện này, thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi bảy là Giới Vào Chỗ Hiểm Nạn*: Nếu Phật tử mỗi năm phải hai kỳ hành đầu đà, mùa đông mùa hạ thời ngồi thiền và an cư kiết hạ. Thường dùng nhang dương, nước tro, ba y, bát, bình, tọa cụ, tích trượng, hộp lư hương, đũa lọc nước, khăn tay, con

dao, đá lửa, cái nhíp, giường dây, kính, luật, tượng Phật, tượng Bồ Tát. Khi Phật tử hành đầu đà cùng lúc du phương đi lại trăm dặm ngàn dặm, mười tám món này luôn mang bên mình. Đây là hai kỳ hành đầu đà trong mỗi năm: từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba, và từ rằm tháng tám đến rằm tháng mười. Trong hai kỳ hành đầu đà, luôn mang theo mình 18 món ấy như chim mang hai cánh. Mỗi tháng hai lần, hàng tân học Phật tử, phải luôn tụng giới Bồ Tát, tụng mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Lúc tụng giới, nên ở trước tượng Phật và Bồ Tát mà tụng. Nếu chỉ có một người bố tát thời một người tụng. Nếu có hai người, ba người, nhần đến trăm nghìn người, cũng chỉ một người tụng, còn bao nhiêu thời lắng nghe. Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp. Mỗi người đều đắp y hoại sắc cửu điều, thất điều và ngũ điều (chín, bảy hay năm mảnh). Trong lúc kiết hạ an cư mỗi mỗi đều phải đúng theo phép tắc. Lúc hành đầu đà chớ đi đến chỗ có tai nạn, cõi nước hiểm ác, nhà vua hung bạo, đất đai gập ghềnh, cỏ cây rậm rạp, chỗ có giống sư tử, cọp, sói, cùng nơi bị bão lụt, nạn cháy, giặc cướp, đường sá có rắn rít, vân vân. Tất cả những nơi hiểm nạn ấy đều không được đến. Chẳng những lúc hành đầu đà, mà lúc kiết hạ an cư cũng không được vào những chỗ hiểm nạn ấy. Nếu cố vào những nơi ấy, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi tám là Giới Trái Thứ Tự Tôn Ty:* Nếu Phật tử, phải theo thứ tự đúng pháp mà ngồi: người thọ giới trước thời ngồi trước, người thọ giới sau thời ngồi sau. Không luận già trẻ, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, người sang như Quốc Vương, Hoàng Tử, nhần đến kẻ hèn như huỳnh môn, tôi tớ, vân vân, tất cả đều nên theo thứ tự mà ngồi (người thọ giới trước ngồi trước, người thọ giới sau ngồi sau). Không được như hàng ngoại đạo, si mê, hoặc già, hoặc trẻ, ngồi trước sau lộn xộn không có thứ tự, không khác cách ngồi của bọn binh nô. Trong Phật pháp, hễ người thọ giới trước thời ngồi trước, còn người thọ giới sau thời ngồi sau. Nếu Phật tử không theo thứ tự đúng pháp mà ngồi, thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ ba mươi chín là Giới Không Tu Phước Huệ:* Nếu Phật tử, thường phải khuyến hóa tất cả mọi người kiến tạo Tăng phước nơi núi rừng vườn ruộng, xây dựng Phật tháp, chỗ an cư, ngôi thiền trong mùa đông mùa hạ, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên kiến lập. Người Phật tử phải giảng thuyết kinh luật Đại thừa cho tất cả chúng sanh. Lúc tật bệnh, nước có nạn có giặc, ngày cha mẹ, anh em, Hòa Thượng, A Xà Lê khuất tịch, và mỗi tuần thất, nhần đến bảy tuần thất, cũng nên

giảng thuyết kinh luật Đại thừa. Tất cả những trai hội cầu nguyện, những lúc đi làm ăn, những khi có tai nạn bão lụt, hỏa hoạn, ghe thuyền trôi giạt nơi sông to biển lớn, gặp quỷ la sát, vân vân, đều cũng đọc tụng kinh luật Đại thừa. Nhấn đến tất cả tội báo, tam ác, bát nạn, thất nghịch, gông cùm xiềng xích trói buộc tay chân, hoặc người nhiều dâm, nhiều sân, nhiều ngu si, nhiều tật bệnh, đều nên giảng kinh luật Đại thừa. Nếu hàng tân học Phật tử không thực hành như trên đây, thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi là Giới Không Bình Đẳng Truyền Giới:* Nếu Phật tử, lúc cho người thọ giới không được lựa chọn. Tất cả hàng Quốc vương, Hoàng tử, các quan, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiện nam, Tín nữ, Dâm nam, Dâm nữ, Phạm Thiên trong 18 cõi sắc, Thiên tử trong sáu cõi dục, người thiếu căn, hai căn, huỳnh môn, tội tứ và tất cả quỷ thần đều được thọ giới. Tất cả y phục ngọa cụ nên bảo phải hòa màu: xanh, vàng, đỏ, đen, tím nhuộm thành hoại sắc cho hợp với đạo. Trong tất cả các quốc độ, nên theo y phục của người trong nước ấy mặc, y phục của Thầy Tỳ Kheo đều phải khác với y phục của người thế tục. Khi ai muốn thọ giới Bồ Tát, vị sư phải hỏi rằng: trong đời này người có phạm tội thất nghịch chăng? Bồ Tát Pháp Sư không được cho người phạm tội thất nghịch thọ giới trong đời này. Đây là tội thất nghịch: Ác tâm làm thân Phật chảy máu; hại bậc Thánh nhân; giết cha; giết mẹ; giết Hòa Thượng; giết A Xà Lê; phá Yết Ma Tăng hay Chuyển Luân Tăng. Nếu phạm tội thất nghịch, thời hiện đời không đắc giới. Ngoài ra tất cả mọi người đều được thọ giới. Theo pháp của người xuất gia, không lạy quốc vương, cha mẹ, lục thân và quỷ thần. Phạm hễ ai nhận hiểu lời nói của Pháp Sư đều được thọ giới. Mà có người từ trăm dặm nghìn dặm đến cầu pháp, nếu Bồ Tát Pháp Sư vì ác tâm, sân tâm, mà không mau mắn truyền giới Bồ Tát cho người ấy, thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi một là Giới Vì Lợi Làm Thầy:* Nếu Phật tử, giáo hóa người sanh lòng tin tưởng pháp Đại thừa, Bồ Tát làm pháp sư giáo giới cho người. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ Tát, nên bảo người ấy thỉnh hai đại sư: Hòa Thượng và A Xà Lê. Phải hỏi người ấy có phạm tội thất nghịch không? Nếu người ấy hiện đời có phạm tội thất nghịch, thời Pháp Sư không được cho người ấy thọ giới. Như không phạm tội thất nghịch, thời cho thọ giới. Nếu có phạm trong mười giới trọng, phải bảo người ấy sám hối trước tượng Phật và Bồ Tát. Ngày đêm sáu thời tụng giới Bồ Tát tha thiết đánh lễ Tam Thế Chư Phật, cho được thấy hảo tướng. Sám hối như thế trong

bảy ngày, mười bốn ngày, hăm mốt ngày, nhĩn đến trọn năm, mãi đến chừng nào thấy được hảo tướng. Đây là hảo tướng: thấy Phật đến xoa đầu mình, hấy quang minh, thấy hoa báu, vân vân, các thứ cảnh tượng lạ. Thấy được những hảo tướng ấy là triệu chứng tội đã tiêu diệt. Nếu không được thấy hảo tướng, dầu có sám hối vẫn vô ích. Người này hiện đời cũng không đắc giới, nhưng đặng tăng-ích thọ giới. Nếu là người phạm trong bốn mươi tám điều giới khinh, “đối thú sám hối,” thời đặng tiêu diệt, không phải như tội thất nghịch. Vị Pháp Sư giáo giới ở trong những pháp này phải hiểu rõ. Nếu không hiểu kinh luật Đại thừa, những giới khinh, giới trọng, hành tướng phải, chẳng phải; không hiểu đệ nhứt nghĩa đế, thập chủng tánh, trường dưỡng tánh, tánh chủng tánh bất khả hoại tánh, đạo chủng tánh, chánh pháp tánh. Những quán hạnh đa thiếu, xuất nhập trong các pháp đó, cùng mười chi thiền, tất cả pháp hạnh, mỗi mỗi đều thông hiểu. Phật tử vì tài lợi, vì danh tiếng, cầu quấy, cầu nhiều, tham đệ tử đông nên giả tuồng là mình hiểu biết tất cả kinh luật, để được cúng dường, đó là tự dối mình mà cũng khi dối người khác. Nếu cố làm Giới Sư truyền giới cho người, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi hai là Giới Vì Người Ác Giảng Giới:* Nếu Phật tử không được vì tài lợi mà đem đại giới của chư Phật nói với người chưa thọ giới Bồ Tát, hoặc với hàng ngoại đạo, những kẻ tà kiến, vân vân. Trừ Quốc vương, ngoài ra không được nói với tất cả hạng người ấy. Những hạng người chẳng thọ giới của Phật, gọi là súc sanh, đời đời sanh ra không gặp được Tam Bảo, như cây đá, không có tâm thức; gọi là ngoại đạo, bọn tà kiến, nào khác cây cối. Với những hạng người tà ác ấy, nếu Phật tử giảng nói giới pháp của chư Phật, thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi ba là Giới Cố Mống Tâm Phạm Giới:* Nếu Phật tử, do đức tin mà xuất gia, thọ chánh giới của Phật, lại cố mống tâm hủy phạm giới pháp, thời không được thọ lãnh đồ cúng dường của tất cả đàn việt, cũng không được đi trên đất của quốc dân. Năm nghìn đại quỷ luôn đứng án trước mặt người đó mà gọi là “Gã bợm giặc.” Nếu khi đi vào trong phòng nhà, thành ấp, các quỷ thường theo chà quét dấu chân của người ấy. Tất cả mọi người đều mắng kẻ ấy là kẻ giặc trong Phật pháp. Hết thấy chúng sanh đều không muốn nhìn ngó người ấy. Người phạm giới, khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Nếu cố phá hủy giới pháp của Phật, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi bốn là Giới Không Cúng Dường Kinh Luật:* Nếu Phật tử, phải thường nhất tâm thọ trì đọc tụng kinh luật đại

thừa, dùng giấy, vải, hàng, lụa, thẻ tre, vỏ cây, cho đến lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, để biên chép kinh luật, dùng vàng bạc cùng hương hoa vô giá và tất cả châu báu làm hộp, rương, đựng những quyển kinh luật. Nếu không y theo pháp mà cúng dường kinh luật, Phật tử nầy phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi lăm là Giới Không Giáo Hóa Chúng Sanh:* Nếu Phật tử, nên có lòng đại bi, khi vào trong tất cả nhà cửa thành ấp, thấy những loài chúng sanh, phải xưng lên rằng: “Các người đều nên thọ tam quy và thập giới.” Nếu gặp trâu bò, chó, ngựa, heo, dê, vân vân, nên tâm nghĩ miệng nói: “Các người là súc sanh phát Bồ Đề tâm.” Khi Phật tử đi đến núi, rừng, sông, nội cùng tất cả chỗ, đều làm cho hết thấy chúng sanh phát Bồ Đề tâm. Nếu Phật tử không phát tâm giáo hóa chúng sanh, thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi sáu là Giới Thuyết Pháp Không Đúng Pháp:* Nếu Phật tử, thường nên có lòng đại bi phát tâm giáo hóa. Lúc vào nhà đàn việt sang giàu, cùng trong tất cả chúng hội, không được đứng thuyết pháp cho hàng bạch-y. Phải ngồi trên tòa cao trước chúng bạch-y. Vị Tỳ Kheo Pháp Sư không được đứng dưới đất thuyết pháp cho tứ chúng. Khi thuyết pháp, vị pháp sư ngồi tòa cao, dùng hương hoa cúng dường, còn tứ chúng, hàng thính giả, thời ngồi dưới. Đối với Pháp sư phải như là hiếu thuận mẹ cha, kính thuận Sư trưởng như Bà La Môn thờ lửa. Nếu Phật tử thuyết pháp mà không đúng như pháp thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi bảy là Giới Chế Hạn Phi Pháp:* Nếu Phật tử, đều đã có lòng tin thọ giới của Phật, hoặc Quốc vương, Hoàng tử, các quan, bốn bộ đệ tử tự ý thế lực cao quý, phá diệt giới luật Phật pháp, lập ra điều luật chế, hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật, không cho xuất gia hành đạo, cũng không cho tạo lập hình tượng Phật và Bồ Tát, cùng Tháp và Kinh Luật. Lại đặt ra chức quan đồng lý nhằm hạn chế tứ chúng, và lập sổ bộ ghi số Tăng. Tỳ Kheo Bồ Tát đứng dưới đất còn bạch y ngồi tòa cao, làm nhiều việc phi pháp như binh nô thờ chủ. Hàng Bồ Tát nầy chính nên được mọi người cúng dường, mà trở lại bắt làm tay sai của các quan chức, thế là phi pháp phi luật. Nếu quốc vương và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật, chớ làm tội phá Tam Bảo ấy. Nếu cố làm thời phạm “Khinh Cấu Tội.” *Thứ bốn mươi tám là Giới Phá Diệt Phật Pháp:* Nếu Phật tử do lòng tốt mà xuất gia, lại vì danh tiếng cùng tài lợi, giảng thuyết giới của Phật cho Quốc vương và các quan, làm những sự công trối các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, người thọ giới Bồ Tát như cách của

ngục tù và binh nô. Như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chớ chẳng phải trùng ở ngoài đến ăn. Cũng thế, các Phật tử tự hủy phá Phật pháp, không phải ngoại đạo hay Thiên Ma phá được. Người đã thọ giới của Phật, nên hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con ruột, như kính thờ cha mẹ, không được hủy phá. Người Phật tử khi nghe ngoại đạo, người ác dùng lời xấu hủy báng giới pháp của Phật, thời đau đớn không khác nào cả ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình, hay cả nghìn lưỡi dao, cả vạn cây gậy đánh bổ vào thân mình. Thà tự cam vào ở địa ngục đến trăm kiếp, chớ không muốn nghe lời hủy báng giới pháp của Phật do bọn người ác. Huống là không lòng hiếu thuận, tự mình hủy phá giới pháp của Phật, hay làm nhơn duyên bảo người khác hủy phá. Nếu cố phá giới pháp, Phật tử này phạm “Khinh Cấu Tội.”

Bodhisattva Precepts

An Overview of Bodhisattva Precepts: The precepts of a Mahayana Bodhisattva. There are ten major and 48 minor. Any people can take the Bodhisattva ordination. This is does not only with the determination to be free from cyclic existence, but also with the motivation of attaining enlightenment in order to benefit all beings. The Bodhisattva vows work particularly to subdue the selfish attitude. They deal not only with our physical and verbal actions, but also with our thoughts and attitudes. Thus, they're more difficult to keep than the vows for individual liberation. The Bodhisattva ordination is found only in the Mahayana traditions. It may be taken by lay people, monks, and nuns. Although the essence is the same, the enumeration of the precepts varies in the Tibetan and Chinese versions. When taking these precepts, we determine to keep them until attaining enlightenment. To take Bodhisattva vows is entirely voluntary. To take them, we must first understand the advantages of living ethically. There are innumerable benefits, but they may be subsumed by saying that living ethically leads us to liberation and enlightenment and enables us to make our lives useful for others. Some people hesitate to take Bodhisattva precepts because they feel they can't keep them purely. But we shouldn't expect ourselves to be perfect from the outset. If we could protect our precepts without one blemish, we needn't take them,

because we'd already be an arhat or a Buddha. Devout Buddhists should always remember that precepts are taken because we can't keep them perfectly. But through trying to, our actions, speech and attitudes will improve. On the contrary, we should not take precepts if we feel we are not ready or incapable of maintaining them. To keep our precepts, we need to be very conscientious and mindful. Should we transgress them, we can employ the four opponent powers: regret, refuge with the altruistic intention, remedial action and the determination not to repeat the negative action... to purify the imprints left on our mindstreams. To devout Buddhists, precepts should be regarded as the ornaments of a sincere practitioner. The Ten Major Precepts or the ten weighty prohibitions. In the Brahma-Net Sutra, the Buddha said to his disciples, "If one receives the precepts but fails to keep (observe/practice) them, he is not a bodhisattva, nor he is a seed of Buddhahood. I, too, recite these precepts. All Bodhisattvas have studied them in the past, will study in the future, and are studying them now. I have explained the main characteristics of the Bodhisattva precepts. You should study and observe them with all your heart."

The Ten Bodhisattvas' Major Precepts: In the Brahma-Net Sutra, the Buddha said to his disciples, "There are ten major Bodhisattva precepts or the ten weighty prohibitions: not killing, not stealing, precept on sexual misconduct (not to lust), precept on lying and false speech, precept on drinking or selling alcohol beverages, precept on broadcasting the faults of the assembly (not to discuss the faults of other Buddhists), precept on prasing oneself and disparaging others (not to praise oneself and disparage others), precept on stinginess and abuse of others, precept on anger and resentment (not to get angry), and precept on slandering the Triple Jewel (not to insult the Three Treasures). If one receives the precepts but fails to keep (observe/practice) them, he or she is not a bodhisattva, nor he or she is a seed of Buddhahood. I, too, recite these precepts. All Bodhisattvas have studied them in the past, will study in the future, and are studying them now. I have explained the main characteristics of the Bodhisattva precepts. You should study and observe them with all your heart." In Zen training, Zen practitioners see the Ten Cardinal Precepts as koan practice. These Buddhist precepts can be seen from two perspectives. For example, the first precepts, "Do not kill," gives the impression that

it just concerns right behavior or morality. While such teaching is needed, those who continue Zen practice and further clarify their insight into emptiness know that, actually, there is no one to do the killing and no one to be killed. From the ultimate standpoint, "Do not kill" also warns us not to fall into the dualistic view of killing versus not killing. However, it would be a misinterpretation to use this view of the precepts as a pretext for immoral transgression or excess. In contrast to the conventional habit of viewing things from the standpoint of good and bad, the Buddhist sees the world, with all its good and evil, just as it is. Fundamentally, the world is neither good nor bad. Without genuine insight, so-called moral perfection is uninformed and hollow. True insight not only leads to the realization that there is no killers and no one to be killed, it also results in the realization that one simply cannot "kill." Whereas "do not" is an injunction, which may not necessarily lead to enlightened behavior, the "cannot" realization naturally evolves into the deeply rooted stance of "I won't kill." Yet the line separating "do not" (injunction) and "cannot" (realization) seems to dissolve when we see that we are always killing something. We may decide not to kill animals for food, but what about vegetables? And so on with everything else we destroy and discard. If we obeyed the injunction "do not kill" literally, we could not eat, we would starve to death, thus ending up by taking life anyway. How can we overcome this dilemma? When the need arises to take life or destroy, whether it be animal, vegetable, or inanimate object, one should just dwell on "Mu" with all one's heart. Thus each moment we are taking life from some form of existence can be an occasion to be deeply aware of our oneness with the universe in "Mu." Maintaining this attitude is the key point of the Five, Ten, Two Hundred Fifty or Three hundred forty-eight moral precepts. These precepts are not meant to bind or enslave us. Applied with "Mu" insight, they can be a means to emancipation. The Ten Precepts as koan study are no longer just moral injunctions, but constitute a further step on the road toward the complete realization of oneness in our everyday actions. Such realization does not negate the validity of relative values; it simply does not allow relative values to obscure our original freedom, our Buddha-nature.

In the Brahma-Net Sutra, the Buddha said to his disciples, "As for the ten major Bodhisattva precepts, if one receives the precepts but

fails to keep (observe/practice) them, he is not a bodhisattva, nor is he a seed of Buddhahood. I, too, recite these precepts. All Bodhisattvas have studied them in the past, will study in the future, and are studying them now. I have explained the main characteristics of the Bodhisattva precepts. You should study and observe them with all your heart.”

First, Major Precept on Killing: A disciple of the Buddha shall not himself kill, encourage others to kill, kill by expedient means, praise killing, rejoice at witnessing killing, or kill through incantation or deviant mantras. He must not create the causes, conditions, methods, or karma of killing, and shall not intentionally kill any living creature. As a Buddha’s disciple, he ought to nurture a mind of compassion and filial piety, always devising expedient means to rescue and protect all beings. If instead, he fails to restrain himself and kills sentient beings without mercy, he commits a Parajika offense.

Second, Major Precept on Stealing: A disciple of the Buddha must not himself steal or encourage others to steal, steal by expedient means, steal by means of incantation or deviant mantras. He should not create the causes, conditions, methods, or karma of stealing. No valuables or possessions, even those belonging to ghosts and spirits or thieves and robbers, be they as small as a needle or a blade of grass, may be stolen. As a Buddha’s disciples, he ought to have a mind of mercy, compassion, and filial piety, always helping other people to earn merits and achieve happiness. If instead, he steals the possessions of others, he commits a Parajika offense.

Third, Major Precept on Sexual Misconduct (not to lust): A disciple of the Buddha must not engage in licentious acts or encourage others to do so. He (a monk) should not have sexual relations with any female; be she a human, animal, deity or spirit, nor create the causes, conditions, methods, or karma of such misconduct. Indeed, he must not engage in improper sexual misconduct with anyone. A Buddha’s disciple ought to have a mind of filial piety, rescuing all sentient beings and instructing them in the Dharma of purity and chastity. Sexual misconduct is also one of the five basic precepts for householders. If instead, he lacks compassion and encourages others to engage in sexual relations promiscuously, including with animals and even their mothers, daughters, sisters, or other close relatives, he commits a Parajika offense.

Fourth, Major Precept on Lying and False Speech: A disciple of the Buddha must not

himself use false words and speech, or encourage others to lie or lie by expedient means. He should not involve himself in the causes, conditions, methods, or karma of lying, saying that he has seen what he has not seen or vice-versa, or lying implicitly through physical or mental means. As a Buddha's disciple, he ought to maintain Right Speech and Right Views always, and lead all others to maintain them as well. If instead, he causes wrong speech, wrong views or evil karma in others, he commits a Parajika offense. *Fifth, Major Precept on Drinking or Selling Alcohol Beverages:* A disciple of the Buddha must not drink or trade in alcohol beverages or encourage others to do so. He should not create the causes, conditions, methods or karma of drinking or selling any intoxicant whatsoever, for intoxicants are the causes and conditions of all kinds of offenses. As a Buddha's disciple, he ought to help all sentient beings achieve clear wisdom. If instead, he causes them to have upside-down, topsy-turvy thinking, he commits a Parajika offense. *Sixth, Major Precept on Broadcasting the Faults of the Assembly:* Also called not to discuss the faults of other Buddhists. A disciple of the Buddha must not himself broadcast the misdeeds or infractions of Bodhisattva-clerics or Bodhisattva-laypersons, or of ordinary monks and nuns, nor encourage others to do so. He must not create the causes, conditions, methods, or karma of discussing the offenses of the Assembly. As a Buddha's disciple, whenever he hears evil persons, externalists or followers of the Two Vehicles speak of practices contrary to the Dharma or contrary to the precepts within the Buddhist community, he should instruct them with a compassionate mind and lead them to develop wholesome faith in the Mahayana. If instead, he discusses the faults and misdeeds that occur within the assembly, he commits a Parajika offense. *Seventh, Major Precept on Praising Oneself and Disparaging Others:* Also called not to praise oneself and disparage others. A disciple of the Buddha shall not praise himself and speak ill of others, or encourage others to do so. He must not create the causes, conditions, methods, or karma of praising himself and disparaging others. As a disciple of the Buddha, he should be willing to stand in for all sentient beings and endure humiliation and slander, accepting blame and letting sentient beings have all the glory. He should never display his own virtues and conceal the good points of others, thus causing them suffer slander, he commits a Parajika

offense. *Eighth, Major Precept on Stinginess and Abuse of others:* A disciple of the Buddha must not be stingy or encourage others to be stingy. He should not create the causes, conditions, methods, or karma of stinginess. As a Bodhisattva, whenever a destitute person comes for help, he should try his best to help, not to refuse. Besides, he must try to help others understand and practice Dharma. If instead, out of anger and resentment, he denies all assistance, refusing to help even a penny, a needle, a blade of grass, even a single sentence or verse or a phrase of Dharma, but instead scolds and abuses that person, he commits a Parajika offense. *Ninth, Major Precept on Anger and Resentment:* Also called not to get angry. A disciple of the Buddha shall not harbor anger or encourage others to be angry. He should not create the causes, conditions, methods, or karma of anger. In the contrary, As a disciple of the Buddha, he ought to be compassionate and filial, helping all sentient beings, or even transformation beings (deities and spirits) be happy at all times. If instead, he insults and abuses sentient beings, or even transformation beings such as dieties and spirits, with harsh words, hitting them with his fists or feet, or attacking them with a knife or club, or harbors grudges even when the victim confesses his mistakes and humbly seeks forgiveness in a soft, conciliatory voice, the disciple commits a Parajika offense. *Tenth, Major Precept on Slandering the Triple Jewel:* Also called not to insult the Three Treasures. A Buddha's disciple shall not himself speak ill of the Triple Jewel or encourage others to do so. He must not create the causes, conditions, methods, or karma of slandering. As a devoted Buddhist, when hearing a single word of slander against the Triple Jewel from externalists or evil beings, he experiences a pain similar to that of hundreds of thousands of spears piercing his heart. How then could he possibly slander the Triple Jewel himself? As a disciple of the Buddha, we are not only always revere the Triple Jewel ourselves, but we also help others understand and revere the Triple Jewel. On the contrary, if a disciple lacks faith and filial piety towards the Triple Jewel, and even assists evil persons or those of wrong views to slander the Triple Jewel, he commits a Parajika offense.

Forty Eight Secondary or Lighter Precepts: Forty-eight precepts which the Buddha taught all Bodhisattvas in the Brahma-Net Sutra: respect toward Teachers and Friends, not to Drink Intoxicant

Substances, not to Deliberately Eat Meat, not to eat the Five Pungent Herbs (tỏi: garlic, hẹ: chives, kiệu: leeks, hành: onions, hưng cừ: cà ri—asafoetida), not to Be Willing to Teach Repentance, not to Fail to Request the Dharma or Make Offerings, not to Fail to Attend Dharma Lectures, not to Deliberately Turn Away from the Mahayana, failing to Care for the Sick (both physical and mental), not to Store Deadly Weapons, not to Serve as an Emissary, not to Do Unlawful Businesses, not to Slander the Buddha Dharma, not to Start Wildfire, not to Teach Non-Mahayana Dharma, not to Expound External Theories for Own Gaining, not to Rely on Others' Powers such as Officials to raise funds, not to serve as a Dharma Transmission Teacher while not understanding sufficiently the Dharma and the Moral Codes, not to Speak with Double-Tongued Speech, fail to Liberate Sentient Beings, not to Return Anger for Anger, Blow for Blow, being Arrogant (Refuse instructions on the sutras and moral codes from Dharma Master on account of his own intelligence) and Refuse to request the Dharma, not to Arrogantly refuse to Answer Dharma Law to Those Who Seek the meaning of Sutras and Moral Codes, fail to Practice Mahayana Teachings, to Serve as an Unskilled Abbot or Unskilled Leadership of the Assembly, not to Accept Personal Offerings. All offerings should belong to the Sangha or monasteries. Therefore, to accept personal offerings is a form of stealing the possessions of the Sangha, not to Accept any offerings from Personal Invitations because to do so is also to steal the possessions of the Sangha, laypersons not to Issue Discriminatory Invitations, not to Pursue Improper Livelihoods such as engaging in the worldly businesses under any circumstances, not to Handle any Business Affairs for the Laity, when Seeing Evil People Steal and Sell Statues or Paintings of Buddhas, Devoted Buddhist must try to repurchase (Buy Back) Clerics Along with Sacred Objects, not to Harm Sentient Beings (selling knives, clubs, bows, arrows, Abusing governmental position to confiscate people's possessions, rasing cats, dogs, or any animals), not to Watch Improper Activities such as fighting, gambling or to listen to sounds of conch shells, drum, horns, guitars, flutes, songs or other music, etc, it is a Secondary Offense for a Buddhist to Temporary Abandoning of Bodhi Mind, especially monks and nuns, fail to Make Great Vows, fail to Take Solemn Oaths (would rather jump into a raging blaze, wrap self a thousand times with red-hot

iron net, swallow red-hot iron pellets and drink molten iron, lie on a bonfire or burning iron, be impaled for eons by hundred of spears, jump into a caudron of boiling oil and roast for hundreds of thousands of eons, be pulverized from head to toe by an iron sledge hammer, have both eyes blinded by hundreds of thousands of swords, etc., should never break the precepts), not to Travel in Dangerous Areas, not to Sit in the Improper Order Within the Assembly, fail to Cultivate Merits and Wisdom, discrimination in Conferring the Precepts, teaching for the Sake of Personal Profits, reciting the Precepts to Evil Persons with a greed of fame, thoughts of Violating the Precepts, fail to Honor the Sutras and Moral Codes, fail to Teach Sentient Beings, preaching in an Inappropriate Manner. A devoted Buddhist, especially monks and nuns, should always have a mind of Great Compassion to teach and transform sentient beings, abuse high official position in the Order to undetermine the moral code of the Buddhas and set Regulations against the Dharma, to destroy the Dharma for Fame or Profit.

Forty Eight Secondary or Lighter Precepts which the Buddha taught all Bodhisattvas in the Brahma-Net Sutra can be summarily explained as follows. *The First Secondary Precept on Disrespect toward Teachers and Friends:* A disciple of the Buddha who is destined to become an emperor, a Wheel-Turning King, or high official should first receive the Bodhisattva precepts. He will then be under the protection of all guardians, dieties and spirits, and the Buddhas will be pleased. Once he has received the precepts, the disciple should develop a mind of filial piety and respect. Whenever he meets an Elder Master, a monk, or a fellow cultivator of like views and like conduct, he should rise and greet him with respect. He must then respectfully make offerings to the guest-monks, in accord with the Dharma. He should be willing to pledge himself, his family, as well as his kingdom, cities, jewels and other possessions. If instead, he should develop conceit or arrogance, delusion or anger, refusing to rise and greet guest-monks and make offerings to them respectfully, in accordance with the Dharma, he commits a secondary offense. *The Second Secondary Precept on Consuming Alcoholic Beverages:* A disciple of the Buddha should not intentionally consume alcoholic beverages, as they are the source of countless offenses. If he but offers a glass of wine to another person, his retribution will be to have no hands for five hundred lifetimes. How

could he then consume liquor himself! Indeed, a Bodhisattva should not encourage any person of any other sentient being to consume alcoholic, much less take any alcoholic beverages himself. A disciple should not drink any alcoholic beverages whatsoever. If instead, he deliberately does so or encourage others to do so, he commits a secondary offense. *The Third Secondary Precept on Eating Meat:* A disciple of the Buddha must not deliberately eat meat. He should not eat the flesh of any sentient being. The meat-eater forfeits the seed of Great Compassion, severs the seed of the Buddha Nature and causes animals and transcendental beings to avoid him. Those who do so are guilty of countless offenses. Therefore, Bodhisattvas should not eat flesh of any sentient beings whatsoever. If instead, he deliberately eats meat, he commits a secondary offense. *The Fourth Secondary Precept on Five Pungent Herbs:* A disciple of the Buddha should not eat the five pungent herbs: garlic, chives, leeks, onions, and asafoetida. This is so even if they are added as flavoring to the main dishes. Hence, if he deliberately does so, he commits a secondary offense. *The Fifth Secondary Precept on Not Teaching Repentance:* Should a disciple of the Buddha see any being violate the Five Precepts, the Eight Precepts, the Ten Precepts, other prohibitions, or commit any of the Seven Cardinal Sins or any offense which leads to the Eight Adversities, any violations of the precepts whatever, he should counsel the offender to repent and reform. Hence, if a Bodhisattva does not do so and furthermore continues to live together in the assembly with the offender, share in the offerings of the laity, participate in the same Uposatha ceremony and recite the precepts, while failing to bring up that person's offense, enjoining himself to repent, the disciple commits a secondary offense. *The Sixth Secondary Precept on Failing to Request the Dharma or Make Offerings:* Should an Elder Master, a Mahayana monk or fellow cultivator of like views and practice, come from far away to the temple, residence, city or village of a disciple of the Buddha, the disciple should respectfully welcome him and see him off. He should minister to his needs at all times, though doing so may cost as much as three ounces of gold! Moreover, the disciple of the Buddha should respectfully request the guest-master to preach the Dharma three times a day by bowing to him without a single thought of resentment or weariness. He should be willing to sacrifice himself for

the Dharma and never be lax in requesting it. If he does not act in this manner, he commits a secondary offense. *The Seventh Secondary Precept on Failing to Attend Dharma Lectures:* A disciple of the Buddha, who has just begun Bodhisattva training should take copies of the appropriate sutras or precept codes to any place where such sutras or moral codes are being explained, to listen, study, and inquire about the Dharma. He should go to wherever there is a Dharma Master lecturing, be it in a house, beneath a tree, in a temple, in the forests or mountains, or elsewhere. If he fails to do so, he commits a secondary offense. *The Eighth Secondary Precept on Turning Away from the Mahayana:* If a disciple of the Buddha denies the eternal Mahayana sutras and moral codes, declaring that they were not actually taught by the Buddha, and instead follows and observes those of the Two Vehicles and deluded externalists, he commits a secondary offense. *The Ninth Secondary Precept on Failure to Care for the Sick:* Should a disciple of the Buddha see anyone who is sick, he is constantly to provide for that person's needs just as he would for a Buddha. Of the eight Fields of Blessings, looking after the sick is the most important. A Buddha's disciple should take care of his father, mother, Dharma teacher or disciple, regardless of whether he or she is disabled or suffering from various kinds of diseases. If instead, he becomes angry and resentful and fails to do so, or refuses to rescue the sick or disabled in the temple, cities and towns, forests and mountains, or along the road, he commits a secondary offense. *The Tenth Secondary Precept on Storing Deathly Weapons:* A disciple of the Buddha should not store weapons such as knives, clubs, bows, arrows, spears, axes or any other weapons, nor may he keep nets, traps or any such devices used in destroying life. As a disciple of the Buddha, he must not even avenge the death of his parents, let alone kill sentient beings! He should not store any weapons or devices that can be used to kill sentient beings. If he deliberately does so, he commits a secondary offense. *The Eleventh Secondary Precept on Serving as an Emissary:* A disciple of the Buddha shall not, out of personal benefit or evil intentions, act as a country emissary to foster military confrontation and war causing the slaughter of countless sentient beings. As a disciple of the Buddha, he should not be involved in military affairs, or serve as a courier between armies, much less act as a willing catalyst for war. If he deliberately

does so, he commits a secondary offense. *The Twelfth Secondary Precept on Unlawful Business Undertakings*: A disciple of the Buddha must not deliberately trade in slaves or sell anyone into servitude, nor should he trade in domestic animals, coffins or wood for caskets. He cannot engage in these types of business himself much less encourage others to do so. Otherwise, he commits a secondary offense. *The Thirteenth Secondary Precept on Slander and Libel*: A disciple of the Buddha must not, without cause and with evil intentions, slander virtuous people, such as Elder Masters, monks or nuns, kings, princes or other upright persons, saying that they have committed the Seven Cardinal Sins or broken the Ten Major Bodhisattva Precepts. He should be compassionate and filial and treat all virtuous people as if they were his father, mother, siblings or other close relatives. If instead, he slanders and harms them, he commits a secondary offense. *The Fourteenth Secondary Precept on Starting Wildfire*: A disciple of the Buddha shall not, out of evil intentions, start wildfires to clear forests and burn vegetation on mountains and plains, during the fourth to the ninth months of the lunar year. Such fires are particularly injurious to animals during that period and may spread to people's homes, towns and villages, temples and monasteries, fields and groves, as well as the unseen dwellings and possessions of deities and ghosts. He must not intentionally set fire to any place where there is life. If he deliberately does so, he commits a secondary offense. *The Fifteenth Secondary Precept on Teaching Non-Mahayana Dharma*: A disciple of the Buddha must teach one and all, from fellow disciples, relatives and spiritual friends to externalists and evil beings, how to receive and observe the Mahayana sutras and moral codes. He should teach the Mahayana principles to them and then develop the Bodhi Mind, as well as the ten Dwellings, the Ten Practices and the Ten Dedications, explaining the order and function of each of these Thirty Minds or levels. If instead, the disciple, with evil, hateful intentions, perversely teaches them the sutras and moral codes of the Two Vehicle tradition as well as the commentaries of deluded externalists, he thereby commits a secondary offense. *The Sixteenth Secondary Precept on Unsound Explanation of the Dharma*: A Bodhisattva Dharma Master must first, with a wholesome mind, study the rules of deportment, as well as sutras and moral codes of the Mahayana tradition, and

understand their meanings in depth. Then, whenever novices come from afar to seek instruction, he should explain, in conformity with the Dharma, all the Bodhisattva renunciation practices, such as burning one's body, arm, or finger as the ultimate act in the quest for Supreme Enlightenment. If a novice is not prepared to follow these practices as an offering to the Buddhas, he is not a Bodhisattva monk. Moreover, a Bodhisattva monk should be willing to sacrifice his body and limbs for starving beasts and hungry ghosts as the ultimate act of compassion in rescuing sentient beings. After these explanations, the Bodhisattva Dharma Master should teach the novices in an orderly way, to awaken their minds. If instead, for personal gain, he refuses to teach or teaches in a confused manner, quoting passages out of order and context, or teaches in a manner that disparages the Triple Jewel, he commits a secondary offense. *The Seventeenth Secondary Precept on Exacting Donations:* A disciple of the Buddha must not, for the sake of food, drink, money, possessions or fame, approach and befriend kings, princes, or high officials and on the strength of such relationships, raise funds, or obtain other advantages. Nor may he encourage others to do so. These actions are called untoward, excessive demands and lack compassion and filial piety. Such a disciple commits a secondary offense. *The Eighteenth Secondary Precept on Serving as an Inadequate Master:* A disciple of the Buddha should study the Twelve Divisions of the Dharma and recite the Bodhisattva Precepts frequently. He should strictly observe these precepts in the Six Periods of the day and night and fully understand their meaning and principles as well as the essence of their Buddha Nature. If instead, the disciple of the Buddha fails to understand even a sentence or a verse of the moral code or the causes and conditions related to the precepts, but pretends to understand them, he is deceiving both himself and others. A disciple who understands nothing of the Dharma, yet acts as a teacher transmitting the precepts, commits a secondary offense. *The Nineteenth Secondary Precept on Double-Tongue Speech:* A disciple of the Buddha must not, with malicious intent gossip or spread rumors and slander, create discord and disdain for virtuous people. An example is disparaging a monk who observes the Bodhisattva precepts, as he makes offerings to the Buddha by holding an incense burner to his forehead. A disciple of the Buddha who does so commits a secondary

offense. *The Twentieth Secondary Precept on Failure to Liberate Sentient Beings:* A disciple of the Buddha should have a mind of compassion and cultivate the practice of liberating sentient beings. He must reflect thus: “Throughout the eons of time, all male sentient beings have been my father, all female sentient beings my mother. I was born of them.” I now slaughter them, I would be slaughtering my parents as well as eating flesh that was once my own. This is so because all elemental earth, water, fire and air, the four constituents of all life, have previously been part of my body, part of my substance. I must therefore always cultivate the practice of liberating sentient beings and enjoin others to do likewise, as sentient beings are forever reborn, again and again, lifetime after lifetime. If a Bodhisattva sees an animal on the verge of being killed, he must devise a way to rescue and protect it, helping it to escape suffering and death. The disciple should always teach the Bodhisattva precepts to rescue and deliver sentient beings. On the day of his father, mother, and siblings die, he should invite Dharma Master to explain the Bodhisattva sutras and precepts. This will generate merits and virtues and help the deceased either to achieve rebirth in the Pure Land and meet the Buddhas or to secure rebirth in the human or celestial realms. If instead, a disciple fails to do so, he commits a secondary offense. *The Twenty-first Secondary Precept on Violence and Vengefulness:* A disciple of the Buddha must not return anger for anger, blow for blow. He should not seek revenge, even if his father, mother, siblings, or close relatives are killed, nor should he do so if the ruler or king of his country is murdered. To take the life of one being in order to avenge the killing of another is contrary to filial piety as we are all related through eons of birth and rebirth. Furthermore, he should not keep others in servitude, much less beat or abuse them, creating evil karma of mind, speech and body day after day, particularly the offenses of speech. How much less should he deliberately commit the Seven Cardinal Sins. Therefore, if a Bodhisattva-monk lacks compassion and deliberately seeks revenge, even for an injustice done to his close relatives, he commits a secondary offense. *The Twenty-second Secondary Precept on Arrogance and Failure to Request the Dharma:* A disciple of the Buddha who has only recently become a monk and is still a novice in the Dharma should not be conceited. He must not refuse instruction on

the sutras and moral codes from Dharma Masters on account of his own intelligence, worldly learning, high position, advanced age, noble lineage, vast understanding, great merits, extensive wealth and possessions, etc. Although these Masters may be of humble birth, young in age, poor, or suffering physical disabilities, they may still have genuine virtue and deep understanding of sutras and moral codes. The novice Bodhisattva should not judge Dharma Masters on the basis of their family background and refuse to seek instructions on the Mahayana truths from them. If he does so, he commits a secondary offense. *The Twenty-third Secondary Precept on Teaching the Dharma Grudgingly*: After my passing, should a disciple, with a wholesome mind, wish to receive the Bodhisattva precepts, he may make a vow to do so before the images of Buddhas and Bodhisattvas and practice repentance before these images for seven days. If he then experienced a vision, he has received the precepts. If he does not, he should continue doing so for fourteen days, twenty-one days, or even a whole year, seeking to witness an auspicious sign. After witnessing such a sign, he could, in front of images of Buddhas and Bodhisattvas, formally receive the precepts. If he has not witnessed such a sign, although he may have accepted the precepts before the Buddha images, he has not actually received the precepts. However, the witnessing of auspicious signs is not necessary if the disciple receives the precepts directly from a Dharma Master who has himself received the precepts. Why is this so? It is because this is a case of transmission from Master to Master and therefore all that is required is a mind of utter sincerity and respect on the part of the disciple. If, within a radius of some thousand miles, a disciple cannot find a Master capable of conferring the Bodhisattva precepts, he may seek to receive them in front of Buddha or Bodhisattva images. However, he must witness an auspicious sign. If a Dharma Master, on account of his extensive knowledge of sutras and Mahayana moral codes as well as his close relationship with kings, princes, and high officials, refuses to give appropriate answer to student-Bodhisattvas seeking the meaning of sutras and moral codes, or does so grudgingly, with resentment and arrogance, he commits a secondary offense. *The Twenty-fourth Secondary Precept on Failure to Practice Mahayana Teaching*: If a disciple of the Buddha fails to study Mahayana sutras and moral codes assiduously and cultivate correct

views, correct nature and correct Dharma Body, it is like abandoning the Seven Precious Jewels for mere stones: worldly texts and the Two Vehicle or externalist commentaries. To do so is to create the causes and conditions that obstruct the Path to Enlightenment and cut himself off from his Buddha Nature. It is a failure to follow the Bodhisattva path. If a disciple intentionally acts in such a manner, he commits a secondary offense. *The Twenty-fifth Secondary Precept on Unskilled Leadership of the Assembly:* After my passing, should a disciple serve as an abbot, elder Master, Precept Master, Meditation Master, or Guest Prefect, he must develop a compassionate mind and peacefully settle differences within the Assembly, skillfully administering the resources of the Three Jewels, spending frugally and not treating them as his own property. If instead, he were to create disorder, provoke quarrels and disputes or squander the resources of the Assembly, he would commit a secondary offense. *The Twenty-sixth Secondary Precept on Accepting Personal Offerings:* Once a disciple of the Buddha has settled down in a temple, if visiting Bodhisattva Bhikshu should arrive at the temple precincts, the guest quarters established by the king, or even the summer retreat quarters, or the quarters of the Great Assembly, the disciple should welcome the visiting monks and see them off. He should provide them with such essentials as food and drink, a place to live, beds, chairs, and the like. If the host does not have the necessary means, he should be willing to pawn himself or cut off and sell his own flesh. Whenever there are meal offerings and ceremonies at a layman's home, visiting monks should be given a fair share of the offerings. The abbot should send the monks, whether residents or guests, to the donor's place in turn according to their sacerdotal age or merits and virtues. If only resident monks are allowed to accept invitations and not visiting monks, the abbot is committing a grievous offense and is behaving no differently than an animal. He is unworthy of being a monk or a son of the Buddha, and is guilty of a secondary offense. *The Twenty-seventh Secondary Precept on Accepting Discriminatory Invitation:* A disciple of the Buddha must not accept personal invitations nor appropriate the offerings for himself. Such offerings rightly belong to the Sangha, the whole community of monks and nuns of the Ten Directions. To accept personal offerings is to steal the possessions of the Sangha of the Ten Directions. It is tantamount to

stealing what belongs to the Eight Fields of Blessings: Buddhas, Sages, Dharma Masters, Precept Masters, Monks/Nuns, mothers, fathers, and the sick. Such a disciple commits a secondary offense. *The Twenty-eighth Secondary Precept on Issuing Discriminatory Invitation:* A disciple of the Buddha, be he a Bodhisattva monk, lay Bodhisattva, or other donor, should, when inviting monks or nuns to conduct a prayer session, come to the temple and inform the monk in charge. The monk will then tell him: “Inviting members of the Sangha according to the proper order is tantamount to inviting the arhats of the Ten Directions. To offer a discriminatory special invitation to such a worthy group as five hundred Arhats or Bodhisattva-monks will not generate as much merit as inviting one ordinary monk, if it is his turn. There is no provision in the teachings of the Seven Buddhas for discriminatory invitations. To do so is to follow externalist practices and to contradict filial toward all sentient beings. If a disciple deliberately issues a discriminatory invitation, he commits a secondary offense. *The Twenty-ninth Secondary Precept on Improper Livelihood:* A disciple of the Buddha should not, for the sake of gain or with evil intentions, engage in the business of prostitution, selling the wiles and charms of men and women. He must also not cook for himself, milling and pounding grain. Neither may he act as a fortune-teller predicting the gender of children, reading dreams and the like. Nor shall he practice sorcery, work as a trainer of falcons or hunting dogs, nor make a living concocting hundreds and thousands of poisons from deadly snakes, insects, or from gold and silver. Such occupations lack mercy, compassion, and filial piety toward sentient beings. Therefore, if a Bodhisattva intentionally engages in these occupations, he commits a secondary offense. *The Thirtieth Secondary Precept on Handling Business Affairs for the Laity:* A disciple of the Buddha must not, with evil intentions, slander the Triple Jewel while pretending to be their close adherent, preaching the Truth of Emptiness while his actions are in the realm of Existence. Thus, he must not handle worldly affairs for the laity, acting as a go-between or matchmaker, creating the karma of attachment. Moreover, during the six days of fasting each month and the three months of fasting each year, a disciple should strictly observe all precepts, particularly those against killing, stealing and the rules against breaking the fast. Otherwise, the disciple commits a secondary offense. *The*

Thirty-first Secondary Precept on Rescuing Clerics Along with Sacred Objects: After my passing, in the evil periods that will follow, there will be externalists, evil persons, thieves and robbers who steal and sell statues and paintings of Buddhas, Bodhisattvas and those to whom respect is due such as their parents. They may even peddle copies of sutras and moral codes, or sell monks, nuns or those who follow the Bodhisattva Path or have developed the Bodhi Mind to serve as retainers or servants to officials and others. A disciple of the Buddha, upon witnessing such pitiful events, must develop a mind of compassion and find ways to rescue and protect all persons and valuables, raising funds wherever he can for this purpose. If a Bodhisattva does not act in this manner, he commits a secondary offense.

The Thirty-second Secondary Precept on Harming Sentient Beings: A disciple of the Buddha must not sell knives, clubs, bows, arrows, other life-taking devices, nor keep altered scales or measuring devices. He should not abuse his governmental position to confiscate people's possessions, nor should he, with malice at heart, restrain or imprison others or sabotage their success. In addition, he should not raise cats, dogs, foxes, pigs and other such animals. If he intentionally does such things, he commits a secondary offense.

The Thirty-third Secondary Precept on Watching Improper Activities: A disciple of the Buddha must not, with evil intentions, watch people fighting or battling of armies, rebels, gangs and the like. He should not listen to the sounds of conch shells, drums, horns, guitars, flutes, songs or other music, nor should he be party to any form of gambling, whether dice, checkers, or the like. Furthermore, he should not practice fortune-telling or divination nor should he be an accomplice to thieves and bandits. He must not participate in any of these activities. If instead, he intentionally does so, he commits a secondary offense.

The Thirty-fourth Secondary Precept on Temporary Abandoning of the Bodhi Mind: A disciple of the Buddha should observe the Bodhisattva precepts at all times, whether walking, standing, reclining or seated, reading and reciting them day and night. He should be resolute in keeping the precepts, as strong as a diamond, as desperate as a shipwrecked person clinging to a small log while attempting to cross the ocean, or as principled as the Bhiksu bound by reeds. Furthermore, he should always have a wholesome faith in the teachings of the Mahayana.

Conscious that sentient beings are Buddhas-to-be while the Buddhas are realized Buddhas, he should develop the Bodhi Mind and maintain it in each and every thought, without retrogression. If a Bodhisattva has but a single thought in the direction of the Two Vehicles or externalist teachings, he commits a secondary offense. *The Thirty-fifth Secondary Precept on Failure to Make Great Vows:* A Bodhisattva must make many great vows, to be filial to his parents and Dharma teachers, to meet good spiritual advisors, friends, and colleagues who will keep teaching him the Mahayana sutras and moral codes as well as the Stages of Bodhisattva Practice, the Ten Dwellings, the Ten Practices, the Ten Dedications, and the Ten Grounds. He should further vow to understand these teachings clearly so that he can practice according to the Dharma while resolutely keeping the precepts of the Buddhas. If necessary, he should lay down his life rather than abandon this resolve. If any Bodhisattva does not make such vows, he commits a secondary offense. *The Thirty-sixth Secondary Precept on Failure to Take Solemn Oaths:* Once a Bodhisattva has made these great vows, he should strictly keep the precepts of the Buddhas and take the following oaths: “I would rather jump into a raging blaze, a deep abyss, or into a mountain of knives, than engage in impure actions with any woman, thus violating the sutras and moral codes of the Buddhas of the Three Periods of Time. I would rather wrap myself a thousand times with a red-hot iron net, than let this body, should it break the precepts, wear clothing provided by the faithful. I would rather swallow red hot iron pellets and drink molten iron for hundreds of thousands of eons, than let this mouth, should it break the precepts, consume food and drink provided by the faithful. I would rather lie on a bonfire or burning iron net than let this body, should it break the precepts, rest on bedding, blankets and mats supplied by the faithful. I would rather be impaled for eons by hundreds of spears, than let this body, should it break the precepts, receive medications from the faithful. I would rather jump into a cauldron of boiling oil and roast for hundreds of thousands of eons, than let this body, should it break the precepts, receive shelter, groves, gardens, or fields from the faithful.” He should also take the following oaths: “I would rather be pulverized from head to toe by an iron sledge hammer, than let this body, should it break the precepts, accept respect and reverence from the faithful. I would rather have

both eyes blinded by hundreds of thousands of swords and spears, than break the precepts by looking at beautiful forms. In the same vein, I shall keep my mind from being sullied by exquisite sounds, fragrances, food and sensations.” He further vows that all sentient beings will achieve Buddhahood. If a disciple of the Buddha does not make the preceding great resolutions, he commits a secondary offense. *The Thirty-seventh Secondary Precept on Traveling in Dangerous Areas*: As a cleric, a disciple of the Buddha should engage in ascetic practices twice each year. He should sit in meditation, winter and summer, and observe the summer retreat. During those periods, he should always carry eighteen essentials such as a willow branch for a toothbrush, ash-water for soap, the traditional three clerical robes, an incense burner, a begging bowl, a sitting mat, a water filter, bedding, copies of sutras and moral codes as well as statues of Buddhas and Bodhisattvas. When practicing austerities and when travelling, be it for thirty miles or three hundred miles, a disciple of the Buddha should always have the eighteen essentials with him. The two periods of austerities are from the 15th of the first lunar month to the 15th of the third lunar month, and from the 15th of the eighth lunar month to the 15th of the tenth lunar month. During the periods of austerities, he requires these eighteen essentials just as a bird needs its two wings. Twice each month, the novice Bodhisattva should attend the Uposatha ceremony and recite the Ten Major and Forty-Eight Secondary Precepts. Such recitations should be done before images of the Buddhas and Bodhisattvas. If only one person attends the ceremony, then he should do the reciting. If two, three, or even hundreds of thousands attend the ceremony, still only one person should recite. Everyone else should listen in silence. The one reciting should sit on a higher level than the audience, and everyone should be dressed in clerical robes. During the summer retreat, each and every activity should be managed in accordance with the Dharma. When practicing the austerities, the Buddhist disciple should avoid dangerous areas, unstable kingdoms, countries ruled by evil kings, precipitous terrains, remote wildernesses, regions inhabited by bandits, thieves, or lions, tigers, wolves, poisonous snakes, or areas subject to hurricanes, floods and fires. The disciple should avoid all such dangerous areas when practicing austerities and also when observing the summer retreat. Otherwise, he commits a secondary

offense. *The Thirty-eighth Secondary Precept on Order of Seating within the Assembly:* A disciple of the Buddha should sit in the proper order when in the Assembly. Those who received the Bodhisattva precepts first sit first, those who received the precepts afterwards should sit behind. Whether old or young, a Bhiksu or Bhiksuni, a person of status, a king, a prince, a eunuch, or a servant, etc., each should sit according to the order in which he received the precepts. Disciples of the Buddha should not be like externalists or deluded people who base their order on age or sit without any order at all, in barbarian fashion. In my Dharma, the order of sitting is based on seniority of ordination. Therefore, if a Bodhisattva does not follow the order of sitting according to the Dharma, he commits a secondary offense. *The Thirty-ninth Secondary Precept on Failure to Cultivate Merits and Wisdom:* A disciple of the Buddha should constantly counsel and teach all people to establish monasteries, temples and pagodas in mountains and forests, gardens and fields. He should also construct stupas for the Buddhas and buildings for winter and summer retreats. All facilities required for the practice of the Dharma should be established. Moreover, a disciple of the Buddha should explain Mahayana sutras and the Bodhisattva precepts to all sentient beings. In times of sickness, national calamities, impending warfare or upon the death of one's parents, brothers and sisters, Dharma Masters and Precept Masters, a Bodhisattva should lecture and explain Mahayana sutras and the Bodhisattva precepts weekly for up to seven weeks. The disciple should read, recite, and explain the Mahayana sutras and the Bodhisattva precepts in all prayer gatherings, in his business undertakings and during periods of calamities, fire, floods, storms, ship lost at sea in turbulent waters or stalked by demons, etc. In the same vein, he should do so in order to transcend evil karma, the Three Evil Realms, the Eight Difficulties, the Seven Cardinal Sins, all forms of imprisonment, or excessive sexual desire, anger, delusion, and illness. If a novice Bodhisattva fails to act as indicated, he commits a secondary offense. *The Fortieth Secondary Precept on Discrimination in Conferring the Precepts:* A disciple of the Buddha should not be selective and show preference in conferring the Bodhisattva precepts. Each and every person can receive the precepts, kings, princes, high officials, Bhiksus, Bhksunis, laymen, laywomen, libertines, prostitutes,

the gods in the eighteen Brahma Heavens or the six Desire Heavens, asexual persons, bisexual persons, eunuchs, slaves, or demons and ghosts of all types. Buddhist disciples should be instructed to wear robes and sleep on cloth of a neutral color, formed by blending blue, yellow, red, black and purple dyes all together. The clothing of monks and nuns should, in all countries, be different from those worn by ordinary persons. Before someone is allowed to receive the Bodhisattva precepts, he should be asked: "have you committed any Cardinal Sins?" The Precept Master should not allow those who have committed such sins to receive the precepts. Here are the Seven Cardinal Sins: Shedding the Buddha's blood, murdering a sage, killing one's father, one's mother, murdering a DharmaTeacher, murdering a Precept Master or disrupting the harmony of the Sangha. Except for those who have committed the Cardinal Sins, everyone can receive the Bodhisattva precepts. The Dharma rules of the Buddhist Order prohibit monks and nuns from bowing down before rulers, parents, relatives, demons and ghosts. Anyone who understands the explanations of the Precept Master can receive the Bodhisattva precepts. Therefore, if a person were to come from thirty to three hundred miles away seeking the Dharma and Precept Master, out of meanness and anger, does not promptly confer these precepts, he commits a secondary offense. *The Forty-first Secondary Precept on Teaching for the Sake of Profit:* If a disciple of the Buddha, when teaching others and developing their faith in the Mahayana, should discover that a particular person wishes to receive the Bodhisattva precepts, he should act as a teaching master and instruct that person to seek out two Masters, a Dharma Master and a Precept Master. These two Masters should ask the Precept candidate whether he has committed any of the Seven Cardinal Sins in this life. If he has, he cannot receive the precepts. If not, he may receive the precepts. If he has broken any of the Ten Major Precepts, he should be instructed to repent before the statues of Buddhas and Bodhiattvas. He should do so six times a day and recite the Ten Major and Forty-Eight Minor Precepts, paying respect with utter sincerity to the Buddhas of the Three Periods of Time. He should continue in this manner until he receives an auspicious response, which could occur after seven days, fourteen days, twenty-one days, or even a year. Examples of auspicious signs include: experiencing the Buddhas rub the crown of

one's head, or seeing lights, halos, flowers and other such rare phenomena. The witnessing of an auspicious sign indicates that the candidate's karma has been dissipated. Otherwise, although he has repented, it was of no avail. He still has not received the precepts. However, the merits accrued will increase his chances of receiving the precepts in a future lifetime. Unlike the case of a major Bodhisattva precept, if a candidate has violated any of the Forty-Eight Secondary Precepts, he can confess his infraction and sincerely repent before Bodhisattva-monks or nuns. After that, his offense will be eradicated. The officiating Master, however, must fully understand the Mahayana sutras and moral codes, the secondary as well as the major Bodhisattva precepts, what constitutes an offense and what does not, the truth of Primary Meaning, as well as the various Bodhisattva cultivation stages, the Ten Dwellings, the Ten Practices, the Ten Dedications, the Ten Grounds, and Equal and Wonderful Enlightenment. He should also know the type and degree of contemplation required for entering and exiting these stages and be familiar with the Ten Limbs of Enlightenment as well as a variety of other contemplations. If he is not familiar with the above and, out of greed for fame, disciples or offerings, he makes a pretense of understanding the sutras and moral codes, he is deceiving himself as well as others. Hence, if he intentionally acts as Precept Master, transmitting the precepts to others, he commits a secondary offense. *The Forty-second Secondary Precept on Reciting the Precepts to Evil Persons:* A disciple of the Buddha should not, with a greedy motive, expound the great precepts of the Buddhas before those who have not received them, externalists or persons with heterodox views. Except in the case of kings or supreme rulers, he may not expound the precepts before any such persons. Persons who hold heterodox views and do not accept the precepts of the Buddhas are animalistic in nature. They will not, lifetime after lifetime, encounter the Triple Jewel. They are as senseless as trees and stones; they are no different from wooden stumps. Hence, if a disciple of the Buddha expounds the precepts of the Seven Buddhas before such persons, he commits a secondary offense. *The Forty-third Secondary Precept on Thoughts of Violating the Precepts:* If a disciple of the Buddha joins the Order out of pure faith, receives the correct precepts of the Buddhas, but then develops thoughts of violating the

precepts, he is unworthy of receiving any offerings from the faithful, unworthy of walking on the ground of his motherland, unworthy of drinking its water. Five thousand guardians spirits constantly block his way, calling him “Evil thief!” These spirits always follow him into people’s homes, villages and towns, sweeping away his very footprints. Everyone curses such a disciple, calling him a “Thief within the Dharma.” All sentient beings avert their eyes, not wishing to see him. A disciple of the Buddha who breaks the precepts is no different from an animal or a wooden stump. Hence, if a disciple intentionally violates the correct precepts, he commits a secondary offense. *The Forty-fourth Secondary Precept on Failure to Honor the Sutras and Moral Codes:* A disciple of the Buddha should always singlemindedly receive, observe, read and recite the Mahayana sutras and moral codes. He should copy the sutras and moral codes onto bark, paper, fine cloth, or bamboo clats and not hesitate to use his own skin as paper, draw his own blood for ink and his marrow for ink solvent, or split his bones for use as pens. He should use precious gems, priceless incense and flowers and other precious things to make and adorn covers and cases to store the sutras and codes. Hence, if he does not make offerings to the sutras and moral codes, in accordance with the Dharma, he commits a secondary offense. *The Forty-fifth Secondary Precept on Failure to Teach Sentient Beings:* A disciple of the Buddha should develop a mind of Great Compassion. Whenever he enters people’s homes, villages, cities or towns, and sees sentient beings, he should say aloud, “You sentient beings should all take the Three Refuges and receive the Ten Major Bodhisattva Precepts.” Should he come across cows, pigs, horses, sheep and other kinds of animals, he should concentrate and say aloud “You are now animals; you should develop the Bodhi Mind.” A Bodhisattva, wherever he goes, be it climbing a mountain, entering a forest, crossing a river, or walking through a field should help all sentient beings develop the Bodhi Mind. If a disciple of the Buddha does not wholeheartedly teach and rescue sentient beings in such a manner, he commits a secondary offense. *The Forty-sixth Secondary Precept on Preaching in an Inappropriate Manner:* A disciple of the Buddha should always have a mind of Great Compassion to teach and transform sentient beings. Whether visiting wealthy and aristocratic donors or addressing Dharma gatherings, he

should not remain standing while explaining the Dharma to laymen, but should occupy a raised seat in front of the lay assembly. A Bhikṣu serving as Dharma instructor must not be standing while lecturing to the Fourfold Assembly. During such lectures, the Dharma Master should sit on a raised seat amidst flowers and incense, while the Fourfold Assembly must listen from lower seats. The Assembly must respect and follow the Master like filial sons following their parents or Brahmans worshipping fire. If a Dharma Master does not follow these rules while preaching the Dharma, he commits a secondary offense.

The Forty-seventh Secondary Precept on Regulations against the Dharma: A disciple of the Buddha who has accepted the precepts of the Buddhas with a faithful mind, must not use his high official position as a king, prince, official, etc. to undermine the moral code of the Buddhas. He may not establish rules and regulations preventing the four kinds of lay disciples from joining the Order and practicing the Way, nor may he prohibit the making of Buddha or Bodhisattva images, statues and stupas, or the printing and distribution of sutras and codes. Likewise, he must not establish rules and regulations placing controls on the Fourfold Assembly. If highly placed lay disciples engage in actions contrary to the Dharma, they are no different from vassals in the service of illegitimate rulers. A Bodhisattva should rightfully receive respect and offerings from all. If instead, he is forced to defer to officials, this is contrary to the Dharma, contrary to the moral code. Hence, if a king or official has received the Bodhisattva precepts with a wholesome mind, he should avoid offenses that harm the Three Jewels. If instead, he intentionally commits such acts, he is guilty of a secondary offense.

The Forty-eighth Secondary Precept on Destroying the Dharma: A disciple of the Buddha who becomes a monk with wholesome intentions must not, for fame or profit, explain the precepts to kings or officials in such a way as to cause monks, nuns or laymen who have received the Bodhisattva precepts to be tied up, thrown into prison, conscripted or enslaved. If a Bodhisattva acts in such a manner, he is no different from a worm in a lion's body, eating away at the lion's flesh. This is not something a worm living outside the lion can do. Likewise, only disciples of the Buddhas can bring down the Dharma, no externalist or celestial demon can do so. Those who have received the precepts of the Buddha should protect and observe them

just as a mother would care for her only child or a filial son his parents. They must not bring down the Dharma. If a Bodhisattva hears externalists or evil-minded persons speak ill of, or disparage, the precepts of the Buddhas, he should feel as though his heart were pierced by three hundred spears, or his body stabbed with a thousand knives or thrashed with a thousand clubs. He would rather suffer in the hells himself for a hundred eons than hear evil beings disparage the precepts of the Buddha. How much worse it would be if the disciple were to break the precepts himself or incite others to do so! This is indeed an unfilial mind! Hence, if he violates the precepts intentionally, he commits a secondary offense.

Chương Hai Mươi Bốn
Chapter Twenty-Four

Bồ Tát Thừa và Nhị Thừa

Tổng Quan Về Bồ Tát Và Nhị Thừa: Bồ Tát Thừa là một trong ngũ thừa dạy tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sanh và thành Phật quả. Vì mục đích của Bồ Tát thừa là đạt tới Phật tánh tối thượng, nên Bồ Tát Thừa cũng còn được gọi là Phật Thừa hay Như Lai Thừa. Ai cũng biết rằng Tam Giới như nhà lửa, không phải là chỗ yên ổn, song chẳng ai muốn rời khỏi Tam Giới. Mặc dầu biết rằng ở trong Tam Giới muôn phần thống khổ, nhưng ai cũng lưu luyến, chẳng muốn xa lìa. Chúng sanh sống một cách thân nhiên trong nhà lửa Tam Giới, chẳng lo âu sợ hãi; ngược lại, còn cho là vui vẻ sung sướng nữa là khác. Chư Phật và chư Bồ Tát vì thương xót chúng sanh nên hết lòng dạy dỗ khiến cho ai nấy đều biết đường ngay nẻo phải mà quay về. Tiếc thay, chúng sanh không biết được tâm niệm của chư Phật và chư Bồ Tát nên nghe mà như không hiểu, nhìn mà như không thấy, xem lời giảng của quý ngài như gió thoảng qua tai, chứ chẳng để tâm ghi nhớ, vẫn cứ sống say chết mộng, giống như cái cây ma biết đi hay cái bị thịt biết nói vậy. Miệng nói tu đạo nhưng thân ý cứ tạo nghiệp, và không biết tìm cầu con đường giác ngộ. Chính vì vậy mà Đức Phật đã thiết định nhiều phương pháp cứu độ khác hẳn nhau nhằm lợi lạc cho chúng sanh u mê lầm lạc. Kỳ thật, Phật giáo chỉ có một thừa duy nhất là Phật thừa mà thôi.

Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật nhắc Mahamati về sự khác biệt giữa Bồ tát và hàng Nhị Thừa như sau: “Này Mahamati, sự khác biệt giữa Bồ Tát và hàng Nhị Thừa như sau: Nhị Thừa không thể tiến qua địa thứ sáu và tại đó chư vị nhập Niết Bàn. Trong khi vị Bồ Tát ở địa thứ bảy, đi qua một kinh nghiệm tâm linh hoàn toàn mới, được gọi là anabhogacarya và có thể được dịch là một đời sống vô mục đích hay vô công dụng. Nhưng được hộ trì bởi thần lực chư Phật là cái năng lực nhập vào các đại nguyện mà vị Bồ Tát thiết lập đầu tiên khi ngài mới khởi đầu sự nghiệp của ngài và giờ đây ngài thiết định nhiều phương pháp cứu độ khác hẳn nhau nhằm lợi lạc cho chúng sanh u mê lầm lạc của ngài. Từ quan điểm tuyệt đối về chân lý tối hậu mà vị Bồ Tát đạt

được, thì không có sự tiến bộ của tâm linh như thế trong đời sống của ngài, vì ở đây quả thực không có tầng bậc, không có sự thăng tiến tương tục mà riêng chân lý là không có tướng trạng và tách ly hoàn toàn với sự phân biệt.

Hai Mươi Sự Khác Biệt Giữa Bồ Tát Và Nhị Thừa: Theo Thiền Luận của Thiền Sư D.T. Suzuki, tập III, có hai mươi sự khác biệt giữa Thanh Văn và Bồ Tát. *Thứ nhất*, vì phước giữa Thanh Văn và Bồ Tát không đồng. *Thứ nhì*, vì Thanh Văn đã không thấy, đã không tự mình tu tập các công đức của Phật. *Thứ ba*, vì Thanh Văn không chứng thực quan niệm rằng vũ trụ đầy đầy các quốc độ của Phật trong mười phương thế giới, mỗi quốc độ đều có một hoạt cảnh vi diệu của hết thấy chư Phật. *Thứ tư*, vì Thanh Văn không ca ngợi những thị hiện kỳ diệu được diễn xuất bởi chư Phật. *Thứ năm*, vì Thanh Văn không khởi tâm mong cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có thể chứng đắc ngay giữa luân hồi. *Thứ sáu*, vì Thanh Văn không khuyến dẫn kẻ khác ôm ấp lòng mong cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. *Thứ bảy*, vì Thanh Văn không thể kế tục gia nghiệp Như Lai. *Thứ tám*, vì Thanh Văn không bảo hộ hết thủy chúng sanh. *Thứ chín*, vì Thanh Văn không khuyên kẻ khác thực thi các Ba La Mật của Bồ Tát. *Thứ mười*, vì khi còn lăn lộn trong vòng sống chết Thanh Văn đã không khuyến dụ kẻ khác tìm cầu con mắt trí tuệ tối thắng. *Thứ mười một*, vì Thanh Văn đã không tu tập tất cả phước nghiệp để làm nảy sinh nhất thiết trí. *Thứ mười hai*, vì Thanh Văn không hoàn thành tất cả phước nghiệp để thành tựu Phật Quả. *Thứ mười ba*, vì Thanh Văn không làm tăng trưởng quốc độ của Phật bằng cách tìm cầu trí tuệ biến hóa. *Thứ mười bốn*, vì Thanh Văn không thâm nhập cảnh giới được quán sát với con mắt Phật. *Thứ mười lăm*, vì Thanh Văn đã không tìm cầu phước nghiệp để làm nảy sinh sở kiến vô tỷ vượt ngoài thế giới này. *Thứ mười sáu*, vì Thanh Văn không phát nguyện thiết lập Bồ Tát Đạo. *Thứ mười bảy*, vì Thanh Văn không tùy thuận với tất cả những gì phát xuất từ năng lực gia trì của Phật. *Thứ mười tám*, vì Thanh Văn không nhận biết rằng tất cả các pháp là như huyễn và Bồ Tát như mộng. *Thứ mười chín*, vì Thanh Văn không đạt được những hoan hỷ phần khởi của Bồ Tát. *Thứ hai mươi*, vì Thanh Văn không chứng được tất cả trạng thái tâm linh kể trên, trong con mắt trí tuệ của Phổ Hiền mà hàng Thanh Văn Duyên Giác coi như xa lạ.

Theo Phật giáo thì chứng đắc từ phàm lên Thánh chỉ là sự chứng đắc những cấp độ khác nhau trong tâm thức. Điểm khác biệt giữa bậc giác ngộ và chúng sanh mê lầm được Đức Phật vạch ra trên cơ sở cấp độ tương ứng của tâm thức. Một người có tâm thức buông thả phóng túng và chưa được chế ngự thì luôn ở trong trạng thái khổ đau phiền não; ngược lại, những ai có tâm thức tuân giữ giới luật và thuần thực thì luôn ở trong trạng thái an lạc tuyệt đối của Niết Bàn. Ngoài ra, theo Phật giáo Đại Thừa, bất kỳ ai đạt tới sự chứng ngộ trực giác về ‘tánh không’ hay về bản chất tối hậu của thực tại là một vị thánh; và bất cứ ai chưa đạt được sự chứng ngộ này đều được gọi là phàm nhân. Đời sống của phàm phu luôn đắm chìm trong luyến ái. Ngay cả những người đã vượt qua được dục lạc và luyến chấp với các đối tượng của nhận thức trực tiếp và các cảm xúc lý tính, nhưng vẫn còn bám víu vào sự an lạc của nội tâm, hay trạng thái tĩnh lặng của tâm, cũng được xem là phàm phu. Nói tóm lại, Phật giáo tin rằng khi chúng ta còn luyến chấp vào bất cứ thứ gì, dầu cho đây là sự luyến chấp vi tế nhất hướng đến sự tĩnh lặng dẫn đến vô sắc giới, chúng ta vẫn bị xem như là phàm phu.

Trong khi Bồ Tát có Thập Địa thì Thanh Văn cũng có Thập Địa, Thanh Văn và Duyên Giác cũng đều có Thập Địa. Bồ Tát Thập Địa bao gồm Càn Huệ Địa, Tánh địa, Nhập nhơn địa (Nhẫn địa), Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa, và Phật địa. Mười địa vị của Thanh Văn Thừa bao gồm thọ Tam Quy địa: Trong giai đoạn này, hành giả bắt đầu bằng cách thọ tam quy ngũ giới; tín địa (giai đoạn tin tưởng hay cội rễ tin tưởng); tín pháp địa (giai đoạn tín thọ Tứ Thánh Đế); nội phàm phu địa (giai đoạn tu tập ngũ đình tâm quán); học tín giải địa (giai đoạn Văn Tư Tu); nhập nhơn địa (nhẫn địa, giai đoạn thấy được chân lý); dự lưu địa (Tu Đà Hườn); nhập lưu địa (giai đoạn Nhập lưu và chắc chắn được đạo quả Niết bàn); nhất lai địa (Tứ Đà Hàm, chỉ còn tái sanh một lần nữa mà thôi); bất lai địa (A Na Hàm, không còn tái sanh nữa); và A La Hán địa (vô sanh). Bên cạnh đó, còn có mười địa vị Duyên Giác Thừa: Khổ Hạnh cụ túc địa (giai đoạn tu hành khổ hạnh), tự giác thậm thâm thập nhị nhơn duyên địa (giai đoạn tu tập và thông hiểu mười hai nhơn duyên), Giác Liễu Tứ Thánh đế địa (giai đoạn tu tập Tứ Thánh đế), thậm thâm Lợi trí địa (giai đoạn trí huệ phát triển thâm hậu), Bát Thánh Đạo địa (giai đoạn tu tập Bát Thánh đạo), Giác Liễu Pháp Giới (Tam Pháp Giới) địa (giai

đoạn liễu pháp trong tam giới), chứng tịch diệt địa (giai đoạn Niết bàn), lục thông địa (giai đoạn đạt được lục thông), Triệt Hòa Mật địa (giai đoạn đi đến trực giác), và Tập Khí Tiệm Bạc địa (giai đoạn chế ngự những ảnh hưởng còn lại của thói quen trong quá khứ).

Bodhisattvayana and the Two Vehicles

An Overview of Bodhisattvayana and the Two Vehicles: Bodhisattva way (Bodhisattvayana) is one of the five vehicles which teaches the observance of the six paramitas the perfecting of the self and the benefits of others. The objective is the salvation of all beings and attaining of Buddhahood. The aim of Bodhisattvayana is the attainment of Supreme Buddhahood. Therefore, it is also called the Buddhayana or Tathagatayana. Everyone knows that the Three Realms are like a burning house; there is no peace within them. Yet we linger in the burning house, not at all scare, and not wishing to leave it, even though we know that it contains nothing but sufferings. Out of compassionate for sentient beings, the Buddhas and Bodhisattvas explain the Dharma in an effort to teach us, but, unfortunately, we do not understand their intentions. We hear without listening, we look without seeing; their instructions go in one ear and out the other. We prefer to go on living in a stupor and dreaming our lives away, just like walking corpses or a speakable skin bag. Though we may say we are cultivating with our mouth, but our body and mind are still wandering around to create karmas, and we are not seeking the path of true enlightenment. Therefore, the Buddha established various methods of salvation for the sake of his ignorant and confused fellow-beings. In fact, Buddhism has only one Vehicle: Buddhayana. In the Lankavatara Sutra, the Buddha reminded Mahamati: “Oh Mahamati, the distinction between the Bodhisattva and the Two Vehicles is emphasized, as the latter are unable to go up further than the sixth stage where they enter into Nirvana. At the seventh stage, the Bodhisattva goes through an altogether new spiritual experience known as anabhogacarya, which may be rendered “a purposeless life.” But, supported by the majestic power of the Buddhas, which enters into the great vows first made by the Bodhisattva as he started in his career, the latter now devises various methods of salvation for the sake of his ignorant and confused

fellow-beings. But from the absolute point of view of the ultimate truth in the Lankavatara Sutra, attained by the Bodhisattva, there is no such graded course of spirituality in his life; for here is really no gradation (krama), no continuous ascension (kramanusandhi), but the truth (dharma) alone which is imageless (nirabhasa), and detached altogether from discrimination.

The Differences Between Bodhisattvayana and the Two Vehicles:

According to The Essays in Zen Buddhism, book III, there are twenty differences between Sravakas and Bodhisattvas. *First*, because the stock of merit is not the same. *Second*, because the Sravakas have not seen, and disciplined themselves in the virtues of the Buddha. Third, because Sravakas have not approved the notion that the universe is filled with Buddha-lands in all the ten directions where there is a fine array of all Buddhas. *Fourth*, because Sravakas have not given praise to the various wonderful manifestations put forward by the Buddhas. *Fifth*, because Sravakas have not awakened the desire after Supreme Enlightenment attainable in the midst of transmigration. *Sixth*, because Sravakas have not induced others to cherish the desire after Supreme Enlightenment. *Seventh*, because Sravakas have not been able to continue the Tathagata-family. *Eighth*, because Sravakas have not taken all beings under their protection. *Ninth*, because Sravakas have not advised others to practice the Paramitas of the Bodhisattva. *Tenth*, because while yet in the transmigration of birth and death, Sravakas have not persuaded others to seek for the most exalted wisdom-eye. *Eleventh*, because Sravakas have not disciplined themselves in all the stock of merit from which issues all-knowledge. *Twelfth*, because Sravakas have not perfected all the stock of merit which makes the appearance of the Buddha possible. *Thirteenth*, because Sravakas have not added the enhancement of the Buddha-land by seeking for the knowledge of transformation. *Fourteenth*, because Sravakas have not entered into the realm which is surveyed by the Bodhisattva-eye. *Fifteenth*, because Sravakas have not sought the stock of merit which produces an incomparable insight going beyond this world. *Sixteenth*, because Sravakas have not made any of the vows constituting Bodhisattvahood. *Seventeenth*, because Sravakas have not conformed themselves to all that is the product of the Tathagata's sustaining power. *Eighteenth*, because Sravakas have not realized that all things

are like Maya and the Bodhisattvas are like a dream. *Nineteenth*, because Sravakas have not attained the most exhilarating excitements (prativega-vivardhana) of the Bodhisattva. *Twentieth*, because Sravakas have not realized all these spiritual states belonging to the wisdom-eye of Samantabhadra to which Sravakas and Pratyekabuddhas are strangers.

According to Buddhism, the realization of sainthood is only the realization of different levels of consciousness. The distinction between the enlightened and the unenlightened is made on the basis of the respective levels of consciousness. A person whose mind is undisciplined and untamed is the state of suffering; on the contrary, a person whose mind is disciplined and tamed is in the state of ultimate peace in Nirvana. Moreover, according to the Mahayana Buddhism, anyone who gained direct intuitive realization of emptiness, or the ultimate nature of reality, is said to be a saint; and anyone who has not gained that realization is called an ordinary person. Life of an ordinary person is very much within the context of desire and attachment. Even people who have transcended desire and attachment to objects and immediate perception and to physical sensations, but are still attached to the inner states of joy or bliss, or states of equanimity are still considered ordinary people. In short, Buddhism believes that when we are still attached to anything, even though this is the subtlest attachment towards equanimity that leads to the formless realms, we are still considered ordinary people.

While Bodhisattvas have “ten stages” of the development into a Buddha, Sravakas and pratyekabuddhas also have ten stages of the development into a Buddha. Bodhisattva’s ten stages include the Dry or unfertilized stage of wisdom (Unfertilized by Buddha-truth, or Worldly wisdom), the embryo-stage of the nature of Buddha-truth, the stage of patient endurance, the stage of freedom from wrong views, the stage of freedom from the first six of nine delusions in practice, the stage of freedom from the remaining worldly desires, the stage of an arhat (the stage of complete discrimination in regard to wrong views and thoughts), Pratyekabuddhahood, Bodhisattvahood, and Buddhahood. The ten stages for a hearer include the stage of initiation as a disciple by taking (receiving) the three refuges in the Buddha, Dharma and Sangha and observing the basic five commandments; the

stage of belief or faith-root; the stage of belief in the four noble truths; the stage of an ordinary disciple who observe the five basic contemplations; the stage of those who pursue the three studies (Listening, Reflecting, Cultivating); the stage of seeing the true way; the stage of a definite stream-winner and assure Nirvana; the stage of only one more rebirth; the stage of no-return (no rebirth); and the stage of an arhat. Besides, there are also the ten stages of the pratyekabuddha: the stage of perfect asceticism, the stage of mastery of the twelve links of causation, the stage of the four noble truths, the stage of deeper knowledge, the stage of the eightfold noble path, the stage of the three realms, the stage of the nirvana, the stage of the six supernatural powers, the stage of arrival at the intuitive state, and the stage of mastery of the remaining influences of former habits.

Chương Hai Mươi Lăm
Chapter Twenty-Five

Bồ Tát Và Phàm Phu

Chữ chủ yếu luôn xuất hiện trong kinh điển Đại Thừa là “Bồ Tát”. Vậy thì trước tiên một vị Bồ Tát là gì? Vị Phật là một đấng giác ngộ. Bồ Tát có nghĩa là “Hữu Tình Giác” hay chúng sanh giác ngộ. Ngài là một vị Phật sẽ thành, một người mong ước trở thành Phật, nghĩa là một người đã giác ngộ. Đó là nghĩa đen. Sẽ sai lầm khi cho rằng Khái niệm Bồ Tát là sự sáng tạo của riêng Đại Thừa. Đối với tất cả Phật tử, mỗi vị Phật đã từng là một vị Bồ Tát trong một thời gian dài trước khi giác ngộ. Đặc biệt nhất là trường phái Nhất Thiết Hữu Bộ đã cho ra rất nhiều ý tưởng về hành nghiệp của một vị Bồ Tát. A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận cho một hình ảnh rất đẹp về một vị Bồ Tát: “Nhưng tại sao chư Bồ Tát, một khi phát nguyện đạt Giác Ngộ Tối Thượng lại trải qua một thời gian quá dài như vậy? Bởi vì sự giác ngộ tối thượng rất khó đạt tới; phải thu lượm rất nhiều trí tuệ và công đức, và phải làm một đấng trợ giúp với nghĩa cử anh hùng vô lượng trong suốt 3 a tăng kỳ kiếp. Người ta có thể hiểu rằng Bồ Tát tìm kiếm sự giác ngộ này thật vô cùng khó khăn, nếu sự giác ngộ này là phương tiện duy nhất để đưa đến giải thoát. Nhưng không phải như vậy. Vậy thì tại sao chư vị lại đảm nhận một trọng trách như thế? Vì lợi ích cho tha nhân; vì chư vị muốn cứu vớt chúng sanh thoát khỏi đại dương đau khổ này. Nhưng đâu là lợi ích cá nhân các ngài tìm thấy trong lợi ích của chúng sanh? Lợi ích của chúng sanh chính là lợi ích của chư vị bởi vì các ngài muốn như vậy. Ai có thể tin được điều đó? Quả thực đối với những ai không cận tình thương, chỉ nghĩ đến mình, sẽ thấy khó tin được lòng vị tha của một vị Bồ tát. Nhưng những ai có từ tâm sẽ hiểu nó một cách dễ dàng. Chúng ta chẳng thấy sao một số người không có lòng từ bi, cảm thấy thích thú trước những khổ đau của người khác, dầu cho những đau khổ ấy không có lợi ích gì cho họ? Cũng như vậy, người ta phải thừa nhận rằng chư Bồ Tát với lòng từ bi bao la, cảm thấy vui sướng khi làm việc thiện được cho người khác không chút lo âu vị kỷ. Chúng ta chẳng thấy sao những kẻ không thấy được bản chất đích thực của các pháp hữu vi xây dựng từ cái gọi là “Ngã,” trói buộc vào những pháp này vì thói quen, đến nỗi bị các pháp này cướp mất đi nhân tính, nên phải khổ đau

vô vàn vì sự trói buộc này? Cũng thế người ta phải chấp nhận rằng chư Bồ Tát, vì thói quen, tháo gỡ những Pháp kiến tạo cái gọi là “Ngã,” ngừng coi những pháp này như “ta” hay “của ta” lớn mạnh trong sự ân cần từ bi đối với người khác, và sẵn sàng chịu vô vàn khổ đau vì sự ân cần này.

Trong khi đó, phàm phu có nghĩa là một người bình thường hay một người của giai cấp thấp về bản chất và nghề nghiệp. Tên gọi khác của phàm phu. Phàm phu được dịch là “dị sinh” vì do vô minh mà theo tà nghiệp chịu quả báo, không được tự tại, rơi vào các đường dữ. Trong Phật giáo Đại Thừa, phàm phu là những người không thể đạt được kiến đạo nên không nhận biết trực tiếp được tánh không. Do vậy họ đồng tình với những khái niệm giả tạo về thực tánh. Trong Theravada, từ này chỉ những chúng sanh còn tham dục trần thế. Họ đối ngược lại với Thánh nhân, bao gồm cả những người đã đạt được một trong năm con đường siêu việt, từ Dự Lưu đến A La Hán và Bồ Tát. Nói tóm lại, phàm phu là người thường mất tịnh, ý nói người không có sự tỉnh thức về tinh thần. Chúng tính phàm phu ngu muội cố bám giữ lấy chư pháp (hạt giống này có khả năng sinh sản, còn tính là do rèn tập mà có chứ không phải là tính của lý tính). Có tám thứ lẫn lộn hay bốn cặp điên đảo mà phàm phu thường mắc phải: Cặp thứ nhất là Thường: Vô thường mà cho là thường; thường mà cho là vô thường. Cặp thứ nhì là Lạc: Khổ mà cho là lạc; lạc thì lại cho là khổ. Cặp thứ ba là Ngã: Vô ngã mà cho là ngã; hữu ngã mà cho là vô ngã. Cặp thứ tư là Tịnh: Bất tịnh mà cho là tịnh; tịnh mà cho là bất tịnh. Chính vì thế mà chư Bồ Tát và chư Phật mới thị hiện để cứu độ phàm phu. Theo Phật giáo, thế giới này là nơi mà Thánh phàm đồng cư. Nơi tất cả chúng sanh, từ Thánh đến phàm trong sáu đường, cùng cư ngụ (từ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, nhơn, Thiên, Bồ Tát, Phật).

Nói về căn cơ hiểu biết, theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Bồ Tát có mười quyết định giải (hiểu rõ chắc chắn) biết rõ chúng sanh giới. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời đạt được quyết định giải đại oai lực vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là biết tất cả chúng sanh giới bốn tánh không thật. *Thứ nhì* là biết tất cả chúng sanh giới đều vào thân một chúng sanh. *Thứ ba* là biết tất cả chúng sanh giới đều vào thân một Bồ Tát. *Thứ tư* là biết tất cả chúng sanh giới đều vào Như Lai tạng. *Thứ năm* là biết một thân chúng sanh vào khắp tất cả chúng sanh giới. *Thứ sáu* là biết tất cả chúng sanh giới đều kham làm

pháp khí của chư Phật. *Thứ bảy* là biết tất cả chúng sanh giới tùy theo sở thích của họ mà vì họ hiện thân chư thiên. *Thứ tám* là biết tất cả chúng sanh giới tùy theo sở thích của họ mà hiện oai nghi tịch tịnh của Thanh Văn hay Bích Chi Phật. *Thứ chín* là biết tất cả chúng sanh giới vì họ mà hiện thân công đức trang nghiêm của Bồ Tát. *Thứ mười* là biết tất cả chúng sanh giới vì họ mà hiện thân tướng hảo oai nghi tịch tịnh của Như Lai để khai ngộ họ.

Nói về luật nhân quả, không có sự khác biệt nào giữa Bồ Tát và phàm nhân. Chẳng những phàm nhân không thể thoát khỏi nhân quả, mà ngay cả chư Bồ Tát cũng chẳng thể tránh được. Tuy nhiên, chư Bồ Tát là những chúng hữu tình giác ngộ nên các ngài có cái nhìn xa. Các ngài biết chắc gieo nhân xấu sẽ phải gặt quả xấu, không sao tránh được. Chính vì thế mà Bồ Tát sợ quả ác về sau, cho nên chẳng những tránh gieo ác nhân trong hiện tại, mà còn tinh tấn tu hành cho nghiệp chướng chóng tiêu trừ, đầy đủ công đức để cuối cùng đạt thành Phật quả. Còn chúng sanh vì vô minh che mờ tâm tánh nên tranh nhau gây tạo lấy ác nhân, vì thế mà phải bị nhận lấy ác quả. Trong khi chịu quả, lại không biết ăn năn sám hối, nên chẳng những sanh tâm oán trách trời người, mà lại còn gây tạo thêm nhiều điều ác độc khác nữa để chống đối. Vì thế cho nên oan oan tương báo mãi không thôi. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng hễ trồng nhiều nhân tốt thì chắc chắn sau này mình sẽ có được quả tốt. Ngược lại, nếu chúng ta chỉ nhìn vào những việc trước mắt, làm những việc bất nhân bất nghĩa, không chịu vun trồng thiện căn, không chịu tích tụ công đức, thì chắc chắn sẽ gánh lấy hậu quả tệ hại, không có ngoại lệ.

Bodhisattvas and Ordinary People

The key word which occurs on almost each page of the Mahayana writings is the word “Bodhisattva”. What then is the first of all a Bodhisattva? A Buddha is one who is enlightened. A Bodhisattva is literally an Enlightening being. He is a Buddha-to-be, one who wishes to become a Buddha, that is to say, an Enlightened One. So far for the literal meaning. It would be a mistake to assume that the conception of a Bodhisattva was a creation of the Mahayana. For all Buddhists each Buddha had been, for a long period before his enlightenment, a Bodhisattva. The Sarvastivadins, in particular, had given much thought

to the career of a Bodhisattva. The Abhidharmakosa gives a fine description of the mentality of a Bodhisattva: “But why do the Bodhisattvas, once they had taken the vow to obtain the supreme enlightenment, take such a long time to obtain it? Because the supreme enlightenment is very difficult to obtain: one needs a vast accumulation of knowledge and merit, innumerable heroic deeds in the course of three immeasurable kalpas. One could understand that the Bodhisattva seeks for this enlightenment, which is so difficult to obtain, if this enlightenment were his only means of arriving at deliverance. But this is not the case. Why then do they undertake such infinite labor? For the good of others, because they want to become capable of pulling others out of this great flood of suffering. But what personal benefit do they find in the benefit of others? The benefit of others is their own benefit, because they desire it. Who could believe that? It is true that men devoid of pity and who think only of themselves, find it hard to believe in the altruism of the Bodhisattva. But compassionate men do so easily. Do we not see that certain people, confirmed in the absence of pity, find pleasure in the suffering of others, even when it is not useful to them? As well one must admit that the Bodhisattvas, confirmed in pity, find pleasure in doing good things to others without any egoistic preoccupation. Do we not see that certain people, ignorant of the true nature of the conditioned Dharmas which constitute their so-called ‘Self,’ attach themselves to these Dharmas by force of habit, however, completely these Dharmas may be devoid of personality, and suffer a thousand pains because of this attachment? Likewise, one must admit that the Bodhisattvas, by the force of habit, detach themselves from the Dharmas which constitute their so-called ‘Self,’ do no longer consider these Dharmas as ‘I’ or ‘mine,’ growing in pitying solicitude for others, and are ready to suffer a thousand pains for this solicitude.”

Meanwhile, ordinary people are common people or people of lower caste of character or profession. An ordinary person is an unenlightened person by Buddhism, an unbeliever, sinner; childish, ignorant, foolish; the lower orders. In Mahayana, ordinary people are all of those who have not reached the path of seeing (darsana-marga), and so have not directly perceived emptiness (sunyata). Due to this, they assent (tán thành) to the false appearances of things and do not perceive them in terms of their true nature, i.e., emptiness. In

Theravada, this refers to beings who have worldly aspirations (loka-dharma). They are contrasted with noble people, which includes those who have attained one of the supramundane paths, from stream-enterers up to Arhats and Bodhisattvas. In short, an ordinary man is a common man with fleshy eyes, i.e., one with no spiritual awakening. The seed-nature of common people is in the foolish and ignorant nature. There are four pairs of inverted (upside-down, or false) beliefs which common people usually have: The first pair, permanent: Buddhist doctrine emphasizes that all is impermanent, only Nirvana is permanent; mistaking the impermanent for the permanent. The second pair, joy: All is suffering, only Nirvana is joy; mistaking what is not bliss for bliss. The third pair, self or personal: All is non-self or without a soul; mistaking what is not self for self. The fourth pair, purity: All is impure, only Nirvana is pure; mistaking what is impure for pure. For these reasons, Bodhisattvas and Buddhas appear to save ordinary beings. According to Buddhism, this world is the world where saints and sinners dwell together. The Land of Common Residence of Beings and Saints, or the land where all beings, saints and Ordinary Beings of the six lower worlds, dwell together (hells, hungry ghosts, animals, asuras, men, devas, Bodhisattvas, and Buddhas).

Regarding the basic knowledge, according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Enlightening beings have ten kinds of certain understanding of the realm of sentient beings. Enlightening beings who abide by these can attain the supremely powerful certain understanding of Buddhas. *First*, know that all realms of sentient beings essentially have no reality. *Second*, know that all realms of sentient beings enter the body of one sentient being. *Third*, know that all realms of sentient beings enter the body of an Enlightening Being. *Fourth*, know that all realms of sentient beings enter the matrix of enlightenment. *Fifth*, know that the body of one sentient being enters all realms of sentient beings. *Sixth*, know that all realms of sentient beings can be vessels of the Buddhas' teaching. *Seventh*, know all realms of sentient beings and manifest the bodies of celestial beings for them according to their desires. *Eighth*, know all realms of sentient beings and manifest the tranquil, composed behavior of saints and individual illuminates for them, according to their inclinations. *Ninth*, know all realms of sentient beings and manifest to them the bodies of

Enlightening Beings adorned with virtues. *Tenth*, know all realms of sentient beings and show them the marks and embellishments and the tranquil comportment of Buddhas, and enlighten sentient beings.

Regarding the law of cause and effect, there is no difference between Bodhisattvas and ordinary people. It is not only ordinary people cannot escape cause and effect, even the Bodhisattvas cannot avoid them. However, Bodhisattvas are enlightening beings who have far-ranging vision. They know bad causes will surely end up in bad results. Thus, Bodhisattvas are afraid of bad consequences in the future, not only they avoid planting evil-causes or evil karma in the present, but they also diligently cultivate to gradually diminish their karmic obstructions; at the same time to accumulate their virtues and merits, and ultimately to attain Buddhahood. However, sentient beings complete constantly to gather evil-causes; therefore, they must suffer evil effect. When ending the effect of their actions, they are not remorseful or willing to repent. Not only do they blame Heaven and other people, but they continue to create more evil karma in opposition and retaliation. Therefore, enemies and vengeance will continue to exist forever in this vicious cycle. Sincere Buddhists should always remember that by planting more good causes, we will surely reap good consequences in the future. In the contrary, if we only see the present, and engage in immoral practices by not planting good roots and accumulating merits and virtues, we will surely bear bad consequences, without any exception.

Chương Hai Mươi Sáu
Chapter Twenty-Six

Xuất Gia Bồ Tát

Chư Phật và chư Bồ Tát lấy đại bi làm sự nghiệp. Vậy người đã phát tâm Bồ Đề, nếu muốn cứu độ chúng sanh, chỉ nên nguyện sanh trong ba cõi, ở nơi đời ngũ trước, vào ba đường ác mà cứu khổ cho chúng hữu tình. Nếu đã phát tâm tu theo Phật mà lại xa rời chúng sanh, tự sống riêng một cuộc đời an ổn, e rằng thiếu lòng từ bi, chuyên lo tự lợi và trái với đạo Bồ Đề. **Theo Đại Sư Trí Giả và Thiên Như trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, có hai hạng Bồ Tát: Thứ nhất** là bậc tu Bồ Tát đạo đã lâu, đã chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bậc này có thể nguyện sanh trong đời ác để cứu độ chúng sanh mà không sợ cùng chúng sanh đắm chìm trong biển sanh tử luân hồi. Luận Đại Trí Độ dạy: “Bậc Bồ Tát đã chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn cũng ví như người có thân nhân bị nước lôi cuốn, mà có đủ đầy khả năng và phương tiện, người ấy tỉnh sáng lấy thuyền bơi ra cứu, nên cả hai đều không bị nạn trầm溺.” **Thứ nhì** là bậc chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn và hàng phàm phu mới phát tâm Bồ Tát. Những vị này cần phải thường không rời Phật mới có cơ thành tựu được nhẫn lực và có thể ở trong ba cõi, vào nơi đời ác để cứu độ chúng sanh. Cho nên Đại trí Độ Luận nói: “Hạng phàm phu còn đủ mọi sự ràng buộc, dù có lòng đại bi, nhưng vội muốn sanh trong đời ác để cứu độ chúng hữu tình khổ não, đó là điều không hợp lý. Tại sao thế? Vì trong cõi đời ác trước, nghiệp phiền não mạnh mẽ. Khi ấy mình đã không có nhẫn lực, tức tâm sẽ tùy cảnh mà chuyển, rồi bị sắc, thanh, danh, lợi trói buộc, sanh ra đủ nghiệp tham, sân, si. Chừng đó tự cứu đã không xong, nói chi là cứu độ chúng sanh? Giả sử được sanh trong cõi người thì cảnh xấu ác, kẻ tà ngoại đầy đầy, người chánh chơn khó gặp, cho nên Phật pháp không dễ gì được nghe, Thánh đạo không dễ gì chứng được. Nếu là người do nhân bố thí, trì giới hay tu phước mà được làm bậc quyền quý, mấy ai không mê đắm cảnh giàu sang, buông lung trong trường dục lạc? Lúc đó dù có bậc thiện tri thức khuyên bảo, họ cũng không chịu tin làm theo, lại vì muốn thỏa mãn lòng tham dục của mình, nương quyền cậy thế sẵn có, gây ra thêm nhiều tội nghiệp. Đến khi chết rồi, bị đọa vào tam đồ trải qua vô lượng kiếp, khi khởi tam đồ đầu có sanh được làm người

cũng phải thọ thân bản tiện; nếu không gặp thiện tri thức lại mê lầm gây thêm tội ác thì lại bị đọa nữa. Từ trước đến nay chúng sanh luân hồi đều ở trong tình trạng ấy. Vì thế mà Kinh Duy Ma nói: “Chính bệnh của mình còn không tự cứu được, đâu có thể cứu được bệnh cho kẻ khác.” Luận Đại Trí Độ cũng nói: “Ví như hai người, mỗi kẻ đều có thân nhân bị nước lôi cuốn, một người tánh gấp nhảy ngay xuống nước để cứu vớt, nhưng vì thiếu khả năng và phương tiện nên cả hai đều bị đắm chìm.” Bạc Bồ Tát mới phát tâm vì chưa đủ nhẫn lực nên chẳng những không cứu được chúng sanh, mà còn hại đến chính bản thân mình. Thế nên Đại Trí Độ Luận dạy tiếp: “Bồ Tát sơ tâm như trẻ thơ không nên rời mẹ, nếu rời mẹ thì hoặc rơi vào hầm giếng, té xuống sông đầm, hoặc đói khát mà chết. Lại như chim non chưa đủ lông cánh, chỉ có thể nhảy chuyền theo cành cây; đợi chừng nào lông cánh đầy đủ, mới có thể bay xa, thong thả vô ngại. Phàm phu không nhẫn lực; chỉ nên chuyên niệm Phật A Di Đà cho được nhất tâm, đợi khi tịnh nghiệp thành tựu, lúc lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh, quyết định không nghi. Khi thấy Đức Phật A Di Đà và chứng quả Vô Sanh rồi, chừng ấy sẽ cõi thuyền Pháp Nhẫn vào biển luân hồi cứu vớt chúng sanh, mặc ý làm vô biên Phật sự”

Chư Bồ Tát xuất gia có bốn đức vô úy: Thứ nhất là tổng trì bất vong, thuyết pháp vô úy. Bồ Tát có khả năng nghe hiểu giáo pháp và ghi nhớ các nghĩa mà chẳng quên, nên thuyết pháp không hề e sợ trước đại chúng. Thứ nhì là tận tri pháp được cập chúng sanh căn dục tâm tính thuyết pháp vô úy. Biết cả thế gian và xuất thế gian pháp, cũng như căn dục của chúng sanh nên Bồ tát chẳng sợ khi thuyết pháp ở giữa đại chúng. Thứ ba là thiện năng vấn đáp thuyết pháp vô úy. Khéo biết hỏi đáp thuyết pháp chẳng sợ. Thứ tư là năng đoạn vật nghi thuyết pháp vô úy. Có khả năng dứt mối nghi ngờ cho chúng sanh nên thuyết pháp chẳng e sợ. Ngoài ra, có năm điều thuận lợi cho những ai đã đạt được Bồ Tát quả. “Bồ Tát” là một chúng sanh giác ngộ, một vị Phật sẽ thành, hoặc một người mong đạt được giác ngộ, hay một người đang tìm cầu giác ngộ, bao gồm chư Phật, chư Bích Chi Phật, hay chư đệ tử của Đức Phật. **Theo các nhà Nhất Thiết Hữu Bộ, có năm điều thuận lợi cho những ai đã đạt được Bồ Tát quả:** Thứ nhất, không sanh nơi cõi ác, mà chỉ ở cõi người hoặc cõi trời. Thứ nhì, không sanh trong nhà nghèo hoặc giai cấp thấp. Thứ ba, sanh làm người nam đạo đức,

chứ không phải là phụ nữ. *Thứ tư*, sáu căn hoàn hảo không thiếu kém. *Thứ năm*, nhớ những đời sống trước của chính mình mà không quên.

Monastic Bodhisattvas

Great Compassion is the life calling of Buddhas and Bodhisattvas. Thus, those who have developed the Bodhi Mind, wishing to rescue and ferry other sentient beings across, should simply vow to be reborn in the Triple Realm, among the five turbidities and the three evil paths. If we abandon sentient beings to lead a selfish life of tranquility, we lack compassion. A preoccupation with egoistic needs contrary to the path of enlightenment. ***According to Masters Chih-I and T'ien-Ju in The Pure Land Buddhism, there are two types of Bodhisattvas: First***, those who have followed the Bodhisattva path for a long time and attained the Tolerance of Non-Birth or insight into the non-origination of phenomena. These Bodhisattvas can vow to be reborn in this evil realm to rescue sentient beings without fear of being drown in the sea of Birth and Death with sentient beings. The Perfection of Wisdom Treatise states: “Take the case of the person who watches a relative drowning in the river, a person, more intelligent and resourceful, hurries off to fetch a boat and sails to rescue his relative. Thus both persons escape drowning. This is similar to the case of a Bodhisattva who has attained Tolerance of Non-Birth, has adequate skills and means to save sentient beings.” ***Second***, Bodhisattvas who have not attained the Tolerance of Non-Birth, as well as ordinary people who have just developed the Bodhi Mind. If these Bodhisattvas aspire to perfect that Tolerance and enter the evil life of the Triple Realm to save sentient beings, they should always remain close to the Buddhas and Good Advisors. The Perfection of Wisdom Treatise states: “It is unwise for human beings who are still bound by all kinds of afflictions, even if they possess a great compassionate Mind, to seek a premature rebirth in this evil realm to rescue sentient beings. Why is this so? It is because this evil, defiled world, afflictions are powerful and widespread. Those who lack the power of Tolerance of Non-Birth are bound to be swayed by external circumstances. They then become slaves to form and sound, fame and fortune, with the resulting karma of greed, anger and delusion. Once this occurs, they cannot even save

themselves, how can they save others?" If, for example, they are born in the human realm, in this evil environment full of non-believers and externalists, it is difficult to encounter genuine sages. Therefore, it is not easy to hear the Buddha Dharma nor achieve the goals of the sages. Of those who planted the seeds of generosity, morality and blessings in previous lives and are thus now enjoying power and fame, how many are not infatuated with a life of wealth and honor, allowing in endless greed and lust? Therefore, even when they are counselled by enlightened teachers, they do not believe them nor act accordingly. Moreover, to satisfy their passions, they take advantage of their existing power and influence, creating a great deal of bad karma. Thus, when their present life comes to an end, they descend upon the three evil paths for countless eons. After that, they are reborn as humans of low social and economic status. If they do not then meet good spiritual advisors, they will continue to be deluded, creating more bad karma and descending once again into the lower more realms. From time immemorial, sentient beings caught in the cycles of Birth and Death have been in this predicament. The Vimalakirti Sutra also states: "If you cannot even cure your own illness, how can you cure the illnesses of others?" The Perfection of Wisdom Treatise further states: "Take the case of two persons, each of whom watches a relative drowning in the river. The first person, acting on impulse, hastily jumps into the water. However, because he lacks capabilities and the necessary means, in the end, both of them drown." Thus newly aspiring Bodhisattvas are like the first individual, who still lacks the power of Tolerance of Non-Birth and cannot save sentient beings. The Perfection of Wisdom Treatise further teaches: "This is not unlike a young child he should not leave his mother, lest he fall into a well, drown in the river or die of starvation; or a young bird whose wings are not fully developed. It must bide its time, hopping from branch to branch, until it can fly afar, leisurely and unimpeded. In the same manner, ordinary people who lack the Tolerance of Non-Birth should limit themselves to Buddha Recitation, to achieve one-pointedness of Mind. Once that goal is reached, at the time of death, they will certainly be reborn in the Pure Land. Having seen Amitabha Buddha and reached the Tolerance of Non-Birth, they can steer the boat of that

Tolerance into the sea of Birth and Death, to ferry sentient beings across and accomplish countless Buddha deeds at will.”

All monastic Bodhisattva have four fearlessnesses: First, Bodhisattva-fearlessness arises from powers of memory and ability to preach without fear. Second, Bodhisattva-fearlessness arises from powers of moral diagnosis and application of the remedy. Third, Bodhisattva-fearlessness arises from powers of ratiocination. Fourth, Bodhisattva-fearlessness arises from powers of solving doubts. Besides, there are five advantages for those who attain the Bodhisattvahood. “Bodhisattva” means an enlightened being (bodhi-being), or a Buddha-to-be, or a being who desires to attain enlightenment, or a being who seeks enlightenment, including Buddhas, Pratyeka-buddhas, or any disciples of the Buddhas. According to Sarvastivadis, there are five advantages for those who attain the Bodhisattvahood: First, they are not born in woeful states, but only among gods and men. Second, they are no more reborn in a poor or a low class family. Third, they are, by virtue, a man and not a woman. Fourth, they are born in perfection free from physical defects. Fifth, they can remember the previous lives of their own and never forget them.

Chương Hai Mươi Bảy
Chapter Twenty-Seven

Bồ Tát Đạo

Bồ Tát Đạo là con đường mà vị Bồ Tát phải đi qua. Đây là những giai đoạn mà một vị Bồ Tát kinh qua trên đường giác ngộ. Trên con đường này Bồ Tát hành tự lợi, lợi tha, để đi đến giác hạnh viên mãn. Nói cách khác, chư Bồ Tát hành thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh. **Thứ nhất là Mười Đạo Của Chư Bồ Tát:** Bồ Tát Đạo là một trong năm con đường dạy tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sanh và thành Phật quả. Vì mục đích của những người tu theo Bồ Tát Đạo là đạt tới Phật tánh tối thượng, nên Bồ Tát Đạo cũng còn được gọi là Phật Đạo hay Như Lai Đạo. Đây là con đường mà hành giả tu hành tự lợi, lợi tha, giác hạnh viên mãn, hoặc “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười đạo của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong mười đạo này thời được đạo phương tiện thiện xảo vô thượng của tất cả Như Lai. **Nhứt Đạo** là Bồ Tát đạo, vì chẳng bỏ Bồ Đề tâm độc nhứt. **Nhị Đạo** là Bồ Tát đạo, vì xuất sanh trí huệ và phương tiện. **Tam Đạo** là Bồ Tát đạo vì chư Bồ Tát thực hành những pháp sau đây: không, vô tướng, vô nguyện, và chẳng nhiễm trước tam giới. **Tứ Hạnh** là Bồ Tát đạo bao gồm sáu trừ tội chướng không thôi nghĩ; tùy hỷ phước đức không thôi nghĩ; cung kính tôn trọng khuyến thỉnh Như Lai không thôi nghĩ; và thiện xảo hồi hướng không thôi nghĩ. **Ngũ Căn** là Bồ Tát đạo ba gồm an trụ tịnh tín; khởi đại tinh tấn, việc làm rốt ráo; một bề chánh niệm, không phan duyên khác lạ; khéo biết tam muội, nhập xuất phương tiện; và hay khéo phân biệt cảnh giới trí huệ. **Lục Thông** là Bồ Tát Đạo: Với gồm thiên nhãn thấy rõ những hình sắc của tất cả thế giới, biết các chúng sanh chết đây sanh kia; với thiên nhĩ nghe rõ chư Phật thuyết pháp, thọ trì ghi nhớ, rộng vì chúng sanh tùy căn cơ để khai diễn; với tha tâm thông hay biết tâm người tự tại vô ngại; với túc mạng thông, nhớ biết rõ tất cả kiếp số quá khứ, thêm lớn căn lành; với thần túc thông, tùy theo những chúng sanh đáng được hóa độ, vì họ mà biến hiện nhiều thứ cho họ thích mến chánh pháp; và với lậu tận trí hiện chứng thực tế khởi Bồ Tát hạnh chẳng đoạn diệt. **Thất Niệm** là Bồ Tát đạo: Chư Bồ

Tát niệm Phật ở một lỗ lông thấy vô lượng Phật khai ngộ tất cả tâm chúng sanh. Chư Bồ Tát niệm Pháp, chẳng rời chúng hội của các Đức Như Lai. Chư Bồ Tát ở trong chúng hội của tất cả Như Lai, thân thừa diệu pháp, tùy căn tánh dục lạc của các chúng sanh mà diễn thuyết cho họ được ngộ nhập. Chư Bồ Tát niệm Tăng, luôn nối tiếp thấy không thôi dứt, nơi tất cả thế gian thấy Bồ Tát. Chư Bồ Tát niệm xả, biết rất rõ tất cả Bồ tát hạnh xả tăng trưởng, tâm bố thí rộng lớn. Chư Bồ Tát niệm giới, chẳng bỏ tâm Bồ Đề, đem tất cả thiện căn hồi hướng chúng sanh. Chư Bồ Tát niệm thiên, thường ghi nhớ Bồ Tát Nhứt Tâm Bồ Xứ tại Đâu Suất Thiên cung. Chư Bồ Tát niệm chúng sanh, trí huệ phương tiện giáo hóa điều phục đến khắp tất cả không gián đoạn. *Tùy thuận Bồ Đề Bát Thánh Đạo* là Bồ Tát đạo: Chư Đại Bồ Tát thực hành đạo Chánh kiến, xa lìa tất cả tà kiến. Chư Đại Bồ Tát khởi chánh tư duy, bỏ vọng phân biệt, tâm thường tùy thuận nhứt thiết trí. Chư Đại Bồ Tát thường thực hành chánh ngữ, rời lỗi ngữ nghiệp, tùy thuận Thánh ngôn. Chư Đại Bồ Tát hằng tu chánh nghiệp, giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ được điều phục. Chư Đại Bồ Tát an trụ chánh mạng, đầu đà tri túc, oai nghi thẩm chánh, tùy thuận Bồ Đề, thực hành Thánh chủng, tất cả lỗi lầm đều rời hẳn. Chư Đại Bồ Tát khởi chánh tinh tấn, siêng tu tất cả khổ hạnh của Bồ Tát, nhập thập lực của Phật không chướng ngại. Chư Đại Bồ Tát tâm thường chánh niệm, đều có thể ghi nhớ tất cả những ngôn âm, trừ diệt tâm tán động của thế gian. Chư Đại Bồ Tát tâm thường chánh định, khéo nhập môn Bồ tát bất tư nghì giải thoát, ở trong một tam muội xuất sanh tất cả môn tam muội. *Nhập Cửu Thứ Đệ Định* là Bồ Tát đạo: Chư Đại Bồ Tát rời dục nhiễm sân hại mà dùng tất cả ngữ nghiệp thuyết pháp vô ngại. Chư Đại Bồ Tát diệt trừ tư duy (giác), mà dùng tất cả trí tư duy (giác) giáo hóa chúng sanh. Chư Đại Bồ Tát dầu trừ quán sát, mà dùng tất cả trí quán sát giáo hóa chúng sanh. Chư Đại Bồ Tát xả ly hỷ ái mà thấy tất cả chư Phật lòng rất hoan hỷ. Chư Đại Bồ Tát rời thế gian lạc mà tùy thuận Bồ Tát đạo xuất thế lạc. Chư Đại Bồ Tát nhập sắc định mà chẳng bỏ thọ sanh nơi dục giới. Chư Đại Bồ Tát nhập vô sắc định mà chẳng bỏ thọ sanh nơi dục giới và sắc giới. Chư Đại Bồ Tát dầu trụ trong diệt tưởng định, mà cũng chẳng dứt Bồ Tát hạnh. Chư Đại Bồ Tát dầu trụ trong diệt thọ định, mà cũng chẳng dứt Bồ Tát hạnh. *Học Thập Phật Lực* là Bồ Tát đạo: Trí của chư Đại Bồ Tát khéo biết thị xứ phi xứ. Trí của chư Đại Bồ Tát khéo biết nghiệp báo nhân quả, quá

khứ, vị lai và hiện tại của tất cả chúng sanh. Trí của chư Đại Bồ Tát khéo biết căn cơ của tất cả chúng sanh chẳng đồng mà tùy nghi thuyết pháp. Trí của chư Đại Bồ Tát khéo biết tất cả chúng sanh có vô lượng tánh. Trí của chư Đại Bồ Tát khéo biết tất cả chúng sanh kiến giải sai biệt, mà làm cho họ nhập vào pháp phương tiện. Trí của chư Đại Bồ Tát biết khắp tất cả thế gian, tất cả cõi, tất cả tam thế, tất cả kiếp, hiện khắp hình tướng oai nghi của Như Lai, mà cũng chẳng bỏ việc làm của Bồ Tát. Trí của chư Đại Bồ Tát khéo biết tất cả thiên, giải thoát, và các tam muội, hoặc cấu hoặc tịnh, thời cùng phi thời, chỉ là những phương tiện xuất sanh cho Bồ Tát giải thoát môn. Trí của chư Đại Bồ Tát biết tất cả chúng sanh ở trong các loài chết đây sanh kia sai khác nhau. Trí của chư Đại Bồ Tát ở trong một niệm đều biết tam thế tất cả kiếp số. Trí của chư Đại Bồ Tát khéo biết tất cả chúng sanh lạc dục, phiền não, nghi hoặc, tập khí đều diệt hết, mà chẳng rời bỏ hạnh Bồ Tát.

Thứ nhì là Mười Đạo Ly Sanh Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười đạo ly sanh của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được pháp quyết định của Bồ Tát. *Thứ nhất* là xuất sanh Bát Nhã Ba La Mật, mà luôn quán sát tất cả chúng sanh. *Thứ nhì* là xa rời những kiến chấp mà độ thoát tất cả chúng sanh bị kiến chấp ràng buộc. *Thứ ba* là chẳng tưởng niệm tất cả tướng, mà chẳng bỏ tất cả chúng sanh chấp tướng. *Thứ tư* là siêu quá tam giới, mà thường ở tại tất cả thế giới. *Thứ năm* là rời hẳn phiền não, mà ở chung với tất cả chúng sanh. *Thứ sáu* là đặc pháp ly dục mà thường dùng đại bi thương xót tất cả chúng sanh nhiễm trước dục lạc. *Thứ bảy* là thường thích tịch tịnh, mà luôn thị hiện tất cả quyến thuộc. *Thứ tám* là rời sanh thế gian, mà chết đây sanh kia khởi hạnh Bồ Tát. *Thứ chín* là chẳng nhiễm tất cả pháp thế gian, mà chẳng dứt tất cả việc làm của thế gian. *Thứ mười* là chư Phật Bồ Đề đã thị hiện ra trước mà chẳng bỏ tất cả hạnh nguyện của Bồ Tát.

Thứ ba là Mười Đạo Trang Nghiêm Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười đạo trang nghiêm của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đạo đại trang nghiêm vô thượng của Như Lai, cũng chẳng bỏ Bồ Tát Đạo. *Thứ nhất* là đại Bồ Tát chẳng rời dục giới mà nhập sắc giới, vô sắc giới thiền định, giải thoát và các tam muội, cũng chẳng nhưn đây mà thọ sanh. *Thứ nhì* là trí huệ hiện tiền nhập Thanh Văn đạo, nhưng chẳng do đạo

này mà chứng lấy quả xuất ly. *Thứ ba* là trí huệ hiện tiền nhập Bích Chi Phật đạo, mà phát khởi đại bi chẳng thôi dứt. *Thứ tư* là dầu có quyến thuộc như thiên vây quanh, trăm ngàn thể nữ ca múa hầu hạ, mà chưa từng tạm bỏ thiền định, giải thoát, và các tam muội. *Thứ năm* là cùng tất cả chúng sanh thọ những dục lạc, cùng nhau vui đùa, mà vẫn chưa từng tạm trong một niệm rời bỏ Bồ Tát bình đẳng tam muội. *Thứ sáu* là đã đến bỉ ngạn, không còn chấp trước thế gian pháp, mà cũng chẳng bỏ hạnh cứu độ chúng sanh. *Thứ bảy* là an trụ trong chánh đạo, chánh trí và chánh kiến, mà hay thị hiện vào tất cả tà đạo, chẳng lấy làm thiệt, chẳng chấp làm tịnh, làm cho chúng sanh đó xa rời tà pháp. *Thứ tám* là thường khéo hộ trì tịnh giới của Như Lai, ba nghiệp thân, khẩu, ý không lầm lỗi, vì muốn giáo hóa chúng sanh phạm giới nên thị hiện làm tất cả hạnh phàm phu. Dầu đã đầy đủ phước đức thanh tịnh trụ bậc Bồ Tát, mà thị hiện sanh nơi tất cả địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cùng những chỗ hiểm nạn bậc cùng, làm cho những chúng sanh đó đều được giải thoát. Kỳ thật, Bồ Tát chẳng sanh vào những loài đó. *Thứ chín* là chẳng do người dạy mà được vô ngại biện, trí huệ quang minh, có thể chiếu rõ khắp cả Phật pháp, được thần lực của tất cả Như Lai hộ trì đồng một pháp thân với tất cả chư Phật, thành tựu tất cả pháp kiên cố, bí mật, minh tịnh của bậc đại nhân, an trụ những thừa giải thoát bình đẳng, cảnh giới chư Phật đều hiện ra, đầy đủ tất cả thế trí quang minh, soi thấy tất cả chúng sanh giới, có thể vì chúng sanh mà làm tri pháp sư, thị hiện cầu chánh pháp không thôi dứt, dầu thật làm vô thượng sư cho chúng sanh mà thị hiện tôn kính a-xà-lê. Vì đại Bồ Tát thiện xảo phương tiện trụ Bồ Tát đạo, tùy theo sở nghi đều vì chúng sanh mà thị hiện. *Đạo trang nghiêm thứ mười* bao gồm thiện căn đầy đủ, công hạnh rốt ráo. Tất cả Như Lai cùng chung quán đánh đến bỉ ngạn tất cả pháp tự tại; lựa pháp vô ngại dùng đội trên đầu. Thân hình đến khắp tất cả thế giới, hiện khắp thân vô ngại của Như Lai; nơi pháp tự tại rốt ráo tối thượng; chuyển pháp luân vô ngại thanh tịnh; tất cả pháp tự tại của Bồ Tát đều đã thành tựu. Nhưng vì chúng sanh nên thị hiện thọ sanh nơi tất cả các quốc độ. Đồng một cảnh với tất cả chư Phật trong ba đời mà vẫn chẳng phế hạnh Bồ Tát, chẳng bỏ pháp Bồ Tát, chẳng xao lãng nghiệp Bồ Tát, chẳng rời đạo Bồ Tát, chẳng lời oai nghi Bồ Tát, chẳng dứt những chấp thủ của Bồ Tát, chẳng thôi phương tiện thiện xảo Bồ Tát, chẳng tuyệt việc làm của Bồ Tát, chẳng nhằm hoạt động phát triển của Bồ Tát, chẳng dừng

sức trụ trì của Bồ tát. Tại sao? Vì Bồ Tát muốn mau chóng chứng vô thượng Bồ Đề nên quán môn như thiết trí và tu hạnh Bồ tát không thôi nghỉ.

Thứ tư là Mười Đạo Xuất Sanh Phật Pháp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười đạo xuất sanh. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được mười danh hiệu đại trượng phu. *Thứ nhất* là tùy thuận thiện hữu là đạo xuất sanh Phật pháp, vì họ đồng gieo căn lành. *Thứ nhì* là thâm tâm tin hiểu là đạo xuất sanh Phật pháp, vì biết Phật tự tại. *Thứ ba* là phát thệ nguyện lớn là đạo xuất sanh Phật pháp, vì tâm họ rộng rãi. *Thứ tư* là nhẫn thọ thiện căn của mình là đạo xuất sanh Phật pháp, vì biết nghiệp chẳng mất. *Thứ năm* là tất cả kiếp tu hành không nhằm đủ là đạo xuất sanh Phật pháp, vì biết đến tốt thỏ vị lai. *Thứ sáu* là vô số thế giới đều thị hiện là đạo xuất sanh Phật pháp, vì thành thực chúng sanh. *Thứ bảy* là chẳng dứt Bồ Tát hạnh là đạo xuất sanh Phật pháp, vì tăng trưởng Đại bi. *Thứ tám* là vô lượng tâm là đạo xuất sanh Phật pháp, vì một niệm khắp tất cả hư không giới. *Thứ chín* là hạnh thù thắng là đạo xuất sanh Phật pháp, vì công hạnh đã tu không hư mất. *Thứ mười* là Như Lai chủng là đạo xuất sanh Phật pháp, vì làm cho tất cả chúng sanh thích phát tâm Bồ Đề dùng tất cả pháp lành giúp đỡ giữ gìn.

Thứ năm là Mười Vô Lượng Đạo Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười vô lượng đạo của chư Đại Bồ Tát. *Thứ nhất* là vì hư không vô lượng, nên Bồ Tát đạo cũng vô lượng. *Thứ nhì* là vì pháp giới vô biên, nên Bồ Tát đạo cũng vô lượng. *Thứ ba* là vì chúng sanh giới vô tận, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng. *Thứ tư* là vì thế giới vô tế, nên Bồ Tát đạo cũng vô lượng. *Thứ năm* là vì kiếp số bất khả tận, nên Bồ Tát đạo cũng vô lượng. *Thứ sáu* là vì pháp ngữ ngôn của tất cả chúng sanh vô lượng, nên Bồ Tát đạo cũng vô lượng. *Thứ bảy* là vì Như Lai thân vô lượng, nên Bồ Tát đạo cũng vô lượng. *Thứ tám* là vì Phật âm thanh vô lượng, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng. *Thứ chín* là vì Như Lai lực vô lượng, nên Bồ Tát đạo cũng vô lượng. *Thứ mười* là vì như thiết chủng trí vô lượng, nên Bồ Tát đạo cũng vô lượng.

Thứ sáu là Mười Vô Lượng Đạo Hạnh Tu Tập Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa nghiêm, Phẩm 38, có mười vô lượng đạo hạnh tu tập của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được hạnh tu thiện xảo vô thượng như thiết trí của chư Như Lai. *Thứ nhất* là

Bất lai bất khứ, là hạnh tu của Bồ Tát, vì ba nghiệp thân, khẩu, ý đều không động tác. *Thứ nhì* là Phi hữu phi vô, là hạnh tu của Bồ Tát, vì không tự tánh. *Thứ ba* là Bất tăng bất giảm là hạnh tu của Bồ Tát, vì như bốn tánh. *Thứ tư* là Như huyễn, như mộng, như ảnh, như hưởng, như bóng trong gương, như ánh nắng khi trời quá nóng, như mặt trăng trong nước, là hạnh tu của Bồ Tát, vì rời lia tất cả chấp trước. *Thứ năm* là Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, là hạnh tu của Bồ Tát, vì thấy rõ ba cõi, mà tích chứa phước đức chẳng thôi dứt. *Thứ sáu* là Bất khả thuyết, vô ngôn thuyết, ly ngôn thuyết, là hạnh tu của Bồ Tát, vì xa rời mọi định nghĩa an lập. *Thứ bảy* là Bất hoại pháp giới là hạnh tu của Bồ Tát, vì trí huệ hiện biết tất cả pháp. *Thứ tám* là Bất hoại chơn như thực tế, là hạnh tu của Bồ Tát, vì vào khắp chơn như thực tế hư không tế. *Thứ chín* là Trí huệ quảng đại, là hạnh tu của Bồ Tát, vì bao nhiêu việc làm năng lực vô tận. *Thứ mười* là An trụ nơi thập lực, tứ vô úy của Như Lai, như thiết chủng trí bình đẳng, là hạnh tu của Bồ Tát, vì hiện thấy tất cả pháp không nghi lầm.

Thứ bảy là Mười Vô Lượng Trợ Đạo Của Chư Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười vô lượng trợ đạo của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được vô lượng trí huệ của Như Lai. *Thứ nhất* là như hư không giới vô lượng, Bồ Tát tích tập trợ đạo cũng vô lượng. *Thứ nhì* là như pháp giới vô biên, Bồ Tát tích tập trợ đạo cũng vô biên. *Thứ ba* là như chúng sanh giới vô tận. *Thứ tư* là như thế giới vô tế. *Thứ năm* là như kiếp số thuyết bất khả tận. *Thứ sáu* là như pháp ngữ ngôn của chúng sanh vô lượng, Bồ Tát trợ đạo xuất sanh trí huệ biết pháp ngữ ngôn cũng vô lượng. *Thứ bảy* là như thân Như Lai vô lượng, Bồ Tát tích tập trợ đạo khắp tất cả chúng sanh, tất cả cõi, tất cả đời, tất cả kiếp cũng vô lượng. *Thứ tám* là như âm thanh của Phật vô lượng, Bồ Tát phát một âm thanh cùng khắp pháp giới tất cả chúng sanh, không ai chẳng nghe biết, trợ đạo đã tích tập cũng vô lượng. *Thứ chín* là như Phật lực vô lượng, Bồ Tát thừa Như Lai lực tích tập trợ đạo cũng vô lượng. *Thứ mười* là như như thiết chủng trí vô lượng, Bồ Tát tích tập trợ đạo cũng vô lượng như vậy.

Bodhisattva Path

Bodhisattva path, or the way or discipline of the bodhisattvas. These are stages Bodhisattvas go through to reach enlightenment. On

this path, Bodhisattvas practice to benefit self and benefit others, in order to lead to Buddhahood. In other words, Bodhisattvas practice above to seek bodhi, and below to transform all beings. ***First, Ten Kinds of Path of Great Enlightening Beings:*** Bodhisattva way is one of the five ways which teaches the observance of the six paramitas the perfecting of the self and the benefits of others. The objective is the salvation of all beings and attaining of Buddhahood. The aim of Bodhisattvas is the attainment of Supreme Buddhahood. Therefore, Bodhisattva Way is also called the Buddha-Way or Tathagata-Way. This is the way in which practitioners seek “to benefit self and benefit others, leading to Buddhahood,” or “Above to seek bodhi, below to transform all beings”. According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of path of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these ten paths can attain the path of unexcelled skill in means of all Buddhas. *One Path* is a Path of Enlightening Beings because they do not give up the sole determination for enlightenment. *Two Paths* are a Path of Enlightening Beings because they develop wisdom and skill in means. *Three Paths* are a Path of Enlightening Beings because they practice the following dharmas: emptiness, signlessness, wishlessness, and not being attached to the three worlds. *Four Practices* are a Path of Enlightening Beings include ceaselessly removing the barriers of wrongdoing by repentance; ceaselessly rejoicing in virtue; ceaselessly honoring the enlightened and request them to teach; and skillfully practicing dedication ceaselessly. *The Five Faculties* are a Path of Enlightening Beings: they rest on pure faith, steadfast and imperturbable (bất động); they generate great energy, finishing their tasks; they are single-minded in right collection, without wandering attention; they know the techniques for entering and emerging from concentration; and they are able to distinguish spheres of knowledge. *The Six Psychic Powers* are a Path of Enlightening Beings: with celestial eye they see all forms in all worlds and know where sentient beings die and are born; with the celestial ear they hear all Buddhas teaching, absorb and remember their teachings, and expound them widely to sentient beings according to their faculties; with telepathic knowledge they are able to know the minds of others freely, without interference; with recollection of past life they are able to remember all ages of the past and increase roots of

goodness; with the power of psychic travel they are able to appear variously to beings capable of being enlightened, to induce them to delight in truth; and with knowledge of extinction of contamination they actually realize the ultimate truth, while carrying out the deeds of enlightening beings without ceases. *Seven Remembrances* are a Path of Enlightening Beings: They remember Buddhas because they see infinite Buddhas in a single pore opening the minds of all sentient beings. They remember the Teaching because they do not leave the assemblies of all Buddhas. They personally receive the sublime Teachings in the assemblies of all Buddhas and expounded to sentient beings according to their faculties, temperaments and inclinations, to enlighten them. They remember the harmonious Community because they continually see enlightening beings in all worlds. They remember relinquishment because they know all enlightening beings' practices of relinquishment increase magnanimous generosity. They remember precepts because they do not give up the aspiration for enlightenment, and dedicate all roots of goodness to sentient beings. They remember heaven because they always keep in mind the enlightening beings in the heaven of happiness who are to become Buddhas in the next lifetime. They remember sentient beings because they teach and tame them with wisdom and skill in means, reaching them all, without interruption. *Following the Holy Eightfold Path to Enlightenment* is a Path of Great Enlightening Beings: They travel the path of right insight, getting rid of all false views. They exercise right thought, abandoning arbitrary conceptions, their minds always follow universal knowledge. They always practice right speech, getting rid of faults of speech and following the words of sages. They always cultivate right action, teaching sentient beings to make them peaceful and harmonious. They abide by right livelihood, being frugal and content, careful and correct in behavior, eating, dressing, sleeping, eliminating evil, and practicing good, all in accord with enlightenment, forever getting rid of all faults. They arouse right energy, diligently cultivating all difficult practices of enlightening beings, entering the ten powers of Buddhas without hindrances. Great Enlightening Beings' minds always recollect correctly, able to remember all messages, eliminating all mundane distraction. Their minds are always correctly concentrated, they enter the door of inconceivable liberation of enlightening beings, and in one

concentration they produce all concentrations. *Entering the Nine Successive Concentrations* is a Path of Great Enlightening Beings: They detach from craving and ill-will, and expound the truth without inhibition in all they say. They extinguish thought and reflection, yet teach sentient beings with the thought and reflection of omniscience. They extinguish reflection, yet teach sentient beings with the reflection of omniscience. They give up joy and emotion, yet they are most joyful when they see all Buddhas. They give up worldly enjoyments and follow the transcendent enjoyment of the Path of enlightening beings. They enter concentration in the realm of form, yet without abandoning life in the realm of desire. They are unshakable and enter formless concentration, yet without abandoning life in the realms of desire and form. Though they abide in concentration in which all perceptions are extinguished, they do not stop the activity of enlightening beings. Though they abide in concentration in which all sensations are extinguished, they do not stop the activity of enlightening beings. *Learning the Ten Powers* is a Path of Great Enlightening Beings: Great Bodhisattvas' knowledge of what is so and what is not so. Great Bodhisattvas' knowledge of the causes and effects, deeds and consequences, past, future, and present, of all sentient beings. Great Bodhisattvas' knowledge of the differences in faculties of all sentient beings and explaining the truth to them as is appropriate. Great Bodhisattvas' knowledge of infinite different natures of sentient beings. Great Bodhisattvas' knowledge of differences in weak, middling, and superior understanding of all sentient beings, and means of introducing them to truth. Great Bodhisattvas' knowledge of manifesting the appearance and conduct of Buddha throughout all worlds, all lands, all times, all ages, without abandoning the practices of enlightening beings. Great Bodhisattvas' knowledge of all meditations, liberations, and concentrations, whether defiled or pure, timely or not, expediently producing door of liberation for enlightening beings. Great Bodhisattvas' knowledge of distinctions in all sentient beings's death in one place and birth in another in the various states of existence. Great Bodhisattvas' instantaneous knowledge of all ages in past, present and future. Great Bodhisattvas' knowledge of extinction of all sentient beings' desires, compulsions, delusions, and habits, without abandoning the practices of Enlightening Beings.

Second, Ten Paths of Emancipation of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten Paths of Emancipation of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these will attain qualities of certainty of Enlightening Beings. *First*, evoking transcendent wisdom, yet always observing all sentient beings. *Second*, detaching from all views, yet liberating all sentient beings bound by views. *Third*, not minding any appearances, yet not abandoning sentient beings attached to appearances. *Fourth*, transcending the triple world, yet always being in all worlds. *Fifth*, forever leaving afflictions, yet living together with all sentient beings. *Sixth*, attaining desirelessness, yet always most compassionately pitying all sentient beings attached to desires. *Seventh*, always enjoying tranquility and serenity, yet always appearing to be in company. *Eighth*, being free from birth in the world, yet dying in one place and being reborn in another, carrying on the activities of enlightening beings. *Ninth*, not being affected by any worldly things, yet not stopping work in the world. *Tenth*, actually realizing full enlightenment, yet not abandoning the vows and practices of Enlightening Beings.

Third, Ten Kinds of Way of Adornment of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of way of adornment of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme way of great adornment of Buddhas, without leaving the Ways of Enlightening Beings. *First*, without leaving the realm of desire, they enter the meditations, liberations, and trances of the realms of form and formlessness, yet they are not thereby born in those realms. *Second*, their knowledge appears to enter the path of personally liberated saints, yet they do not take emancipation by this route. *Third*, their knowledge appears to enter the path of individual illumination, yet they do not cease to generate great compassion. *Fourth*, though they have human and celestial retinues surrounding them, hundreds and thousands of concubines and troupes of singers and dancers, they never for a moment leave meditation, liberation, and concentration. *Fifth*, they take part in amusements and experience pleasure and happiness with all sentient beings, but they never for a moment leave the concentration of equanimity of Enlightening Beings. *Sixth*, they have

already transcended all worlds and have no attachments to anything, yet they do not abandon efforts to liberate sentient beings. *Seventh*, they live by the right path, right knowledge, and right insight, yet they can appear to enter false paths, without taking them to be true or pure, to cause the sentient beings involved in them to abandon false principles. *Eighth*, they always maintain the Buddha's pure precepts, and their thoughts, words, and deeds are faultless, but because they want to edify immoral sentient beings, they appear to perform the acts of ordinary ignorant people; though they are already filled with pure virtues and abide in the course of Enlightening Beings, yet they appear to live in such realms as hells, animality, ghosthood, and in difficulty and poverty, in order to enable the beings therein to gain liberation; really the Enlightening Beings are not born in those states. *Ninth*, without being taught by another, they attain unhindered intellect and the light of knowledge, are able to illumine and understand all Buddha teachings, are sustained by the spiritual power of all Buddhas, are one of the same body of reality with all Buddhas, accomplish all incorruptible mystic states of clarity and purity of great people, abide in all equal vehicles of liberation, are aware of all spheres of Buddhahood, are endowed with the light of all worldly knowledge, and clearly see all realms of sentient beings; they are able to be truth-knowing teachers for sentient beings, yet they make the appearance of ceaseless search for truth; though they are actually unexcelled teachers of sentient beings, they show respect to preceptors and religious mentors, because great enlightening beings, by skillful expedients, abide in the path of enlightening beings, yet manifest whatever is necessary. *The tenth way of adornment* includes their roots of goodness are sufficient, their practices are completed. They are coronated by all Buddhas together, reach the furthest extent of mastery of all the teachings; their heads crowned with the turban of the state of nonobstruction. Their bodies reach all worlds and everywhere they show the body of Buddha that has no resistance; masters of the teachings, they attain supreme fulfillment; turn the unimpeded pure wheel of teaching; they have already accomplished all manner of freedom of enlightening beings. But for the sake of sentient beings they appear to be born in all lands. They are in the same realm as all Buddhas, yet they do not abandon the practices of Enlightening Beings,

yet they do not give up the principles of Enlightening Beings, yet they do not neglect the works of enlightening beings, yet they do not leave the path of Enlightening Beings, yet they do not slacken the conduct of Enlightening Beings, yet they do not cut off the grasping of Enlightening Beings, yet they do not cease the skillful methods of Enlightening Beings, yet they do not stop doing the tasks of enlightening beings, yet they do not tire of the developmental activities of Enlightening Beings, yet they do not put an end to sustaining power of Enlightening Beings. Why? Because Enlightening Beings want to quickly realize unexcelled, complete perfect enlightenment, so they examine the ways of access to omniscience and cultivate the practices of Enlightening Beings unceasingly.

Fourth, Ten Ways of Generating the Qualities of Buddhahood of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten ways of generating the qualities of Buddhahood. Great Enlightening Beings who abide by these will gain ten appellations of greatness. *First*, following good friends is a way of generating qualities of Buddhahood, because they plant roots of goodness together. *Second*, profound devotion is a way of generating qualities of Buddhahood, because they know the masteries of Buddhas. *Third*, making great vows is a way of generating qualities of Buddhahood, because their minds become broad. *Fourth*, recognizing their own roots of goodness is a way of generating qualities of Buddhahood, because they know their action is not wrong. *Fifth*, tirelessly cultivating practice in all ages is a way of generating qualities of Buddhahood, because it comprehends the future. *Sixth*, appearing in countless worlds is a way of generating qualities of Buddhahood, by maturing sentient beings. *Seventh*, not stopping the practices of enlightening beings is a way of generating qualities of Buddhahood, by increasing great compassion. *Eighth*, infinite awareness is a way of generating qualities of Buddhahood, by pervading all of space in a single moment of thought. *Ninth*, excellent action is a way of generating qualities of Buddhahood, because what has been put into practice is not lost. *Tenth*, the potential of enlightenment is a way of generating qualities of Buddhahood, causing all sentient beings to gladly set their minds on enlightenment and sustain this will by all virtues.

Fifth, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Infinite Path: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of infinite path of Great Enlightening Beings. *First*, because space is infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Second*, because the cosmos is infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Third*, because the realms of sentient beings are infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Fourth*, because the worlds are infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Fifth*, because time is infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Sixth*, because the languages of all sentient beings are infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Seventh*, because the embodiments of Buddha are infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Eighth*, because the utterances of Buddha are infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Ninth*, because the power of Buddha is infinite, so are the paths of Enlightening Beings. *Tenth*, because omniscience is infinite, so are the paths of Enlightening Beings.

Sixth, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Infinite Path of Cultivation: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of infinite path of cultivation of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these ten elements can accomplish the supremely skillful cultivation of omniscience of Buddhas. *First*, cultivation without coming or going, because their physical, verbal, and mental doings have no actions. *Second*, neither existent nor nonexistent cultivation, there being no inherent nature. *Third*, cultivation without increase or decrease, being in accord with fundamental essence. *Fourth*, cultivation like an illusion, a dream, a shadow, an echo, an image in a mirror, a mirage in the heat, the moon's image in the water, being free from all clinging. *Fifth*, empty, signless, wishless, nondoing cultivation, clearly seeing the triple world, yet ceaselessly accumulating virtues. *Sixth*, inexplicable, inexpressible cultivation beyond speech, apart from all definitions and constructions. *Seventh*, cultivation of the indestructible realm of reality, directly knowing all phenomena. *Eighth*, cultivation of the ultimate reality of True Thusness, entering the space of ultimate reality of True Thusness. *Ninth*, cultivation of vast wisdom, the power of their deeds being inexhaustible. *Tenth*, equal cultivation of the ten powers, four

fearlessnesses, and omniscience of Buddha, directly seeing all things without doubt or confusion.

Seventh, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Infinite Aids to Enlightenment: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of infinite aids to enlightenment of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the infinite knowledge of Buddhas. *First*, as space is infinite, so is Enlightening Beings' development of aids to enlightenment. *Second*, as the cosmos is infinite, so is Enlightening Beings' development of aids to enlightenment. *Third*, as the realms of sentient beings are infinite. *Fourth*, as worlds are infinite. *Fifth*, as number of eons can never be fully told. *Sixth*, as the languages of sentient beings are infinite, so is Enlightening Beings' development of aids to enlightenment, producing knowledge to comprehend ways of speaking. *Seventh*, as the embodiment of Buddha is infinite, so is Enlightening Beings' aids to enlightenment, extending to all sentient beings, all lands, all worlds, and all times. *Eighth*, as the utterances of Buddha are infinite, Enlightening Beings utter one word pervading the cosmos, heard by all sentient beings, so the aids to enlightenment they develop also are Infinite. *Ninth*, as the power of Buddha is infinite, the aids to enlightenment accumulated by Enlightening Beings through the power of Buddha are infinite too. *Tenth*, as the omniscience is infinite, so is Enlightening Beings' aids to enlightenment.

Chương Hai Mười Tám
Chapter Twenty-Eight

Bồ Tát Nghiệp

Tổng Quan Về Nghiệp Của Chư Đại Bồ Tát: Nghiệp là một trong các giáo lý căn bản của Phật giáo. Mọi việc khổ vui, ngọt bùi trong hiện tại của chúng ta đều do nghiệp của quá khứ và hiện tại chi phối. Hễ nghiệp lành thì được vui, nghiệp ác thì chịu khổ. Vậy nghiệp là gì? Nghiệp theo chữ Phạn là 'karma' có nghĩa là hành động và phản ứng, quá trình liên tục của nhân và quả. Luân lý hay hành động tốt xấu (tuy nhiên, từ 'nghiệp' luôn được hiểu theo nghĩa tất xấu của tâm hay là kết quả của hành động sai lầm trong quá khứ) xảy ra trong lúc sống, gây nên những quả báo tương ứng trong tương lai. Cuộc sống hiện tại của chúng ta là kết quả tạo nên bởi hành động và tư tưởng của chúng ta trong tiền kiếp. Đời sống và hoàn cảnh hiện tại của chúng ta là sản phẩm của ý nghĩ và hành động của chúng ta trong quá khứ, và cũng thế các hành vi của chúng ta đời nay, sẽ hình thành cách hiện hữu của chúng ta trong tương lai. Nghiệp có thể được gây tạo bởi thân, khẩu, hay ý; nghiệp có thể thiện, bất thiện, hay trung tính (không thiện không ác). Tất cả mọi loại nghiệp đều được chất chứa bởi A Lại Da và Mạt Na thức. Chúng sanh đã lên xuống tử sanh trong vô lượng kiếp nên nghiệp cũng vô biên vô lượng. Dù là loại nghiệp gì, không sớm thì muộn, đều sẽ có quả báo đi theo. Không một ai trên đời này có thể trốn chạy được quả báo. Sensei Pat Enkyo O'Hara viết trong quyển Làng Thiên: "Nếu bạn nói chuyện về nghiệp trong phạm vi Bát Thánh Đạo, nhóm thứ nhất là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mệnh. Rất dễ để nghĩ ra nghiệp là hành động hoặc những gì xảy ra. Nhưng khi bạn xét đến Chánh Tư Duy, nghiệp trở nên rất tinh tế vì nó là nội tại: nghiệp bắt đầu với dự tưởng và đưa đến nghiệp quả ngay trong tâm chúng ta. Nếu bạn nói cái gì đó, rõ ràng là lời nói của bạn tác động đến những người chung quanh bạn. Mỗi tư tưởng mà bạn có sẽ tác động đến bạn, vì thế nghiệp là nội tại, nhưng rốt cuộc, nghiệp sẽ tác động đến những người khác vì đã tác động đến bạn. Vì vậy, một Thiên sinh phải gánh chịu một phần nghiệp của Thầy mình, và cũng có thể nói như thế đối với Bồ Đề Đạt Ma hay ngay cả đức Phật. Nghiệp của các vị ấy là cái mà chúng ta đang sống. Trong trường hợp của Hitler

cũng vậy. Như vậy nghiệp là gì? Đó không phải là những gì bạn giữ riêng trong cuộc sống của riêng bạn. Đó là những gì đã xảy ra trên toàn cõi đời này. Điều này có nghĩa là bạn có thể xem cuộc sống riêng của bạn là toàn bộ cõi đời, và như thế, bạn có thể cảm thấy bạn liên kết với toàn bộ vũ trụ."

Thứ nhất là Mười Ma Nghiệp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thứ ma nghiệp của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát nên mau xa lìa mười ma nghiệp này mà siêng cầu Phật nghiệp. *Thứ nhất* là quên mất Bồ Đề tâm, tu các thiện pháp, đây là ma nghiệp. *Ma nghiệp thứ nhì* bao gồm ác tâm bố thí, sân tâm trì giới, chối bỏ người có tánh ác, xa bỏ kẻ lười biếng, khinh mạn kẻ loạn ý, và khinh kẻ si mê. *Ma nghiệp thứ ba:* Nơi pháp thậm thâm sanh tâm xan lãn (ganh ghét bủn xỉn); không thuyết pháp cứu độ những người có thể cứu độ được; và khi được tài lợi và cung kính thì gượng thuyết pháp, dầu người không cầu nghe cũng như không có khả năng nghe. *Ma nghiệp thứ tư:* Chẳng thích lắng nghe ác môn Ba La Mật; dầu có nghe nói đến, cũng chẳng màng đến việc tu hành; dầu cũng tu hành nhưng lại giải đãi; và vì lười biếng nên chí ý hèn kém chẳng cầu pháp đại Bồ Đề vô thượng. *Những ma nghiệp thứ năm:* Xa thiện tri thức, gạn ác tri thức, cầu tự giải thoát, chẳng thích thọ sanh, và chỉ chuộng Niết bàn ly dục tịch tịnh. *Ma nghiệp thứ sáu:* Khởi tâm sân hận với chư Bồ Tát; nhìn chư Bồ Tát với ác nhãn; nhìn ngó tìm cầu lỗi lầm của chư Bồ Tát; nói lỗi lầm của chư Bồ Tát; và ngăn dứt tài lợi cúng dường đến chư Bồ Tát. *Ma nghiệp thứ bảy:* Phỉ báng và chẳng thích lắng nghe chánh pháp. Giả sử có được nghe cũng liền sanh lòng hủy báng. Thấy người thuyết pháp chẳng sanh lòng tôn trọng; và cho mình đúng còn tất cả người khác thì sai. *Ma nghiệp thứ tám:* Thích học thế luận xảo thuật văn từ. Xiển dương nhị thừa che mờ Phật pháp thậm thâm. Dùng diệu nghĩa truyền dạy cho người chẳng đáng dạy; và xa rời Bồ Đề, trụ nơi tà đạo. *Ma nghiệp thứ chín:* Thường thích gạn gũi cúng dường với những người đã được giải thoát an ổn mà chẳng chịu gạn gũi giáo hóa người chưa giải thoát chưa an ổn. *Ma nghiệp thứ mười:* Thêm lớn ngã mạn, không tôn kính; thường làm nhiều sự não hại với các chúng sanh. Chẳng cầu chánh pháp trí huệ chơn thiệt, trong khi tâm ý tệ ác khó khai ngộ được.

Thứ nhì là Mười Mạn Nghiệp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười mạn nghiệp. Chư Bồ

Tát lia được mười mạn nghiệp này thời được mười trí nghiệp. *Thứ nhất* là đối với Sư, Tăng, cha mẹ, sa môn, bà la môn trụ nơi chánh đạo, hoặc hướng về chánh đạo, là những phước điền đáng tôn trọng mà chẳng cung kính, là mạn nghiệp. *Thứ nhì* là hoặc có Pháp Sư được pháp tối thắng, ngồi Đại thừa, biết đạo xuất yếu, đắc Đà La Ni, diễn thuyết pháp quảng đại trong khế kinh không thôi nghỉ. Lại phát khởi tâm cao mạn cũng như chẳng cung kính các bậc ấy, là mạn nghiệp. *Thứ ba* là trong chúng hội nghe thuyết diệu pháp mà chẳng chịu khen cho người khác tin thọ, là mạn nghiệp. *Mạn nghiệp thứ tư*: Ưa sanh lòng quá mạn, tự cao và khinh người, chẳng thấy lỗi mình, và chẳng biết mình dở. *Mạn nghiệp thứ năm*: Ưa sanh lòng quá mạn, tưởng mình giỏi hơn người; chẳng tán thán người đạo đức đáng được tán thán; và chẳng vui khi có người tán thán người đạo đức. *Thứ sáu* là ưa sanh lòng quá mạn. Thấy có Pháp sư và người thuyết pháp, biết là pháp, là luật, là chơn thiệt, là lời Phật dạy, mà vì ghét người nên cũng ghét pháp, tự mình hủy báng, bảo người hủy báng, đây là mạn nghiệp. *Mạn nghiệp thứ bảy*: Tự cầu tòa cao, tự xưng Pháp Sư, tự xưng ứng thọ nhận cúng dường, chẳng ứng làm việc. Thấy bực tu hành lâu năm kỳ cựu, chẳng chịu đứng dậy tiếp rước, và chẳng chịu hộ trì cúng dường chư Bồ Tát. *Thứ tám* là thấy người có đức thời nhịu mày chẳng vui, nói lời thô lỗ, tìm tòi lỗi lầm của bực ấy, là mạn nghiệp. *Mạn nghiệp thứ chín*: Chẳng chịu gần gũi; chẳng chịu cung kính cúng dường; chẳng chịu hỏi han gì là thiện, gì là bất thiện, những gì nên làm, những gì chẳng nên làm, hoặc làm những công hạnh gì mà được lợi ích an lạc. Là kẻ ngu si ngoan cố, chìm trong ngã mạn, chẳng bao giờ thấy được đạo giải thoát. *Mạn nghiệp thứ mười*: Tâm bị che đậy bởi khinh mạn. Khi chư Phật xuất thế chẳng có thể thân cận, cung kính, cúng dường. Thiện căn mới chẳng sanh, thiện căn cũ tiêu mất. Nói những điều chẳng nên nói; cãi lại những điều chẳng nên cãi. Trong kiếp vị lai tất đọa hầm sâu hiểm nạn, chẳng còn gặp Phật. Trong trăm ngàn kiếp chẳng còn được nghe pháp chỉ do từ trước đã từng phát tâm Bồ Đề nên trọn tự tỉnh ngộ.

Thứ ba là Mười Nghiệp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười nghiệp của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được nghiệp quảng đại vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là tất cả thế giới nghiệp, vì đều có thể trang nghiêm thanh tịnh. *Thứ nhì* là tất cả chư Phật nghiệp, vì đều có thể cúng dường. *Thứ ba* là tất cả Bồ Tát nghiệp vì đồng gieo thiện căn. *Thứ tư* là tất cả

chúng sanh nghiệp, vì đều có thể giáo hóa. *Thứ năm* là tất cả vị lai nghiệp, vì nhiếp thủ tốt thưở vị lai. *Thứ sáu* là tất cả thân lực nghiệp, vì chẳng rời một thế giới đến khắp tất cả thế giới. *Thứ bảy* là tất cả quang minh nghiệp, vì phóng quang minh vô biên màu, trong mỗi quang minh có tòa liên hoa đều có Bồ Tát ngồi kiết già trên đó. Dùng đây để thị hiện. *Thứ tám* là tất cả giống Tam Bảo chẳng đoạn nghiệp, vì sau khi Đức Phật diệt độ thời thủ hộ trụ trì những Phật pháp. *Thứ chín* là tất cả biến hóa nghiệp, vì ở tất cả thế giới thuyết pháp giáo hóa các chúng sanh. *Thứ mười* là tất cả gia trì nghiệp, ở trong một niệm tùy tâm sở thích của cá chúng sanh đều vì họ mà thị hiện, làm cho tất cả nguyện vọng đều thành mãn.

Thứ tư là Mười Phật Nghiệp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười Phật nghiệp của chư Đại Bồ Tát. *Phật nghiệp thứ nhất* nói rằng chư đại Bồ Tát tùy thời khai đạo và làm cho chúng sanh tu hành chánh pháp. *Thứ nhì*, trong chiêm bao khiến thấy làm cho giác ngộ thiện căn thưở xưa. *Thứ ba*, vì người mà diễn thuyết kinh chưa được nghe, vì làm cho họ sanh trí và dứt nghi. *Thứ tư*, vì người ăn năn bị kiết sử triền phược mà nói pháp xuất ly, là Phật nghiệp, vì làm cho tâm họ lìa nghi. Phật nghiệp thứ năm nói rằng chư đại Bồ Tát hiện thân tướng hảo trang nghiêm của Như Lai làm tăng trưởng quá khứ thiện căn nơi những chúng sanh khởi những tâm sau đây: tâm xan lẩn, tâm mê mờ, tâm nhị thừa, tâm tổn hại, tâm nghi hoặc, tâm kiêu mạn, và tâm tán động. *Phật nghiệp thứ sáu* lúc khó gặp chánh pháp, chư đại Bồ Tát vì chúng sanh mà rộng thuyết pháp. làm cho những ai nghe xong liền được trí Đà La Ni và trí thần thông, có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh và thắng giải của những điều trên đây đều thanh tịnh. *Phật nghiệp thứ bảy* nói rằng nếu có ma sự khởi lên, có thể dùng phương tiện hiện tiếng khắp hư không giới thuyết pháp chẳng tổn não người khác, dùng đây để đối trị làm cho họ được khai ngộ. Chúng ma nghe xong, oai quang tắt mất. Đây là Phật nghiệp, vì chỉ thích oai đức lớn thù thắng. *Phật nghiệp thứ tám*, vì bốn nguyện mà làm tâm Bồ Tát không xen hở, thường tự giữ gìn, chẳng cho chúng nhập chánh vị nhị thừa. Nếu có chúng sanh căn tánh chưa thành thực thời trọn chẳng vì họ mà nói cảnh giới giải thoát. *Phật nghiệp thứ chín* nói rằng chư đại Bồ Tát xa lìa sanh tử kiết lậu. Các ngài tu hạnh Bồ Tát tiếp nối chẳng dứt. Các ngài dùng tâm đại bi nhiếp thủ chúng sanh, làm cho họ khởi hạnh rất ráo giải thoát và chẳng dứt tu hành hạnh Bồ

Tát. *Phật nghiệp thứ mười* nói rằng chư Đại Bồ Tát thấu rõ tự thân cùng chúng sanh bốn lai tịch diệt, thế nhưng chẳng sanh lòng kinh sợ, mà còn siêng tu phước trí không nhàm đủ. Dầu biết tất cả pháp không tạo tác, mà cũng chẳng bỏ tự tướng của các pháp. Dầu nơi cảnh giới lia hẳn tham dục, mà thường thích chiêm ngưỡng phụng thờ sắc thân của chư Phật. Dầu biết ngộ nhập các pháp chẳng do nơi người, mà vẫn dùng nhiều phương tiện cầu nhứt thiết trí. Dầu biết các quốc độ đều như hư không, mà thường trang nghiêm tất cả cõi Phật. Dầu hằng quán sát vô nhơn vô ngã, mà vẫn giáo hóa chúng sanh không nhàm mỏi. Dầu nơi pháp giới bốn lai bất động, mà dùng thần thông trí lực hiện những biến hóa. Dầu đã thành tựu nhứt thiết trí, mà vẫn không ngớt tu hạnh Bồ Tát. Dầu biết chư pháp bất khả ngôn thuyết, mà vẫn chuyển tịnh pháp luân làm cho đại chúng hoan hỷ. Dầu có thể thị hiện chư Phật thần lực, mà chẳng nhàm bỏ thân Bồ Tát. Dầu hiện nhập đại Niết bàn, mà thị hiện thọ sanh tất cả xứ, có thể thực hành các pháp huyền thiết. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được nghiệp quảng đại vô thượng vô sư chẳng do người dạy.

Bodhisattvas' Karmas

An Overview of Great Bodhisattvas' Karmas: Karma is one of the fundamental doctrines of Buddhism. Everything that we encounter in this life, good or bad, sweet or bitter, is a result of what we did in the past or from what we have done recently in this life. Good karma produces happiness; bad karma produces pain and suffering. So, what is karma? Karma is a Sanskrit word, literally means a deed or an action and a reaction, the continuing process of cause and effect. Moral or any good or bad action (however, the word 'karma' is usually used in the sense of evil bent or mind resulting from past wrongful actions) taken while living which causes corresponding future retribution, either good or evil transmigration (action and reaction, the continuing process of cause and effect). Our present life is formed and created through our actions and thoughts in our previous lives. Our present life and circumstances are the product of our past thoughts and actions, and in the same way our deeds in this life will fashion our future mode of existence. A karma can be created by body, speech, or mind. There are good karma, evil karma, and indifferent karma. All kinds of karma are

accumulated by the Alayavijnana and Manas. Karma can be cultivated through religious practice (good), and uncultivated. For sentient being has lived through innumerable reincarnations, each has boundless karma. Whatever kind of karma is, a result would be followed accordingly, sooner or later. No one can escape the result of his own karma. Sensei Pat Enkyo O'Hara wrote in *Village Zen*: "If you talk about karma in terms of the Eightfold Path, the first grouping is Right Speech, Action, Livelihood: It's very clear to think of karma as action, as what happens. But when you consider Right Thought, karma is very subtle because it's internal: Karma starts with the thought pattern and has an effect right inside your mind. If you say something, it clearly affects the people around you. Any thought that you have is going to affect you, so the karma is internal, but it will eventually affect others around you because it has affected you. Thus, a Zen student is living some of her teacher's karma, and so too all the way back to Bodhidharma and the Buddha. Their karma is what we're living out. But also Hitler's. So what's karma? It's not just what you hold in your personal life. It's what has happened in the world. That means that you can think of your personal life as the world, and you can begin to see that you are interconnected with the universe."

First, Ten Kinds of Demons' Actions of Great Enlightening Beings: According to *The Flower Adornment Sutra*, Chapter 38, there are ten kinds of demons' actions of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings should quickly get away from to seek enlightened action. *First*, cultivating roots of goodness while forgetting the aspiration for enlightenment. *The second demons' actions* includes giving with ill-will, keeping precepts with hatred, rejecting people of bad character, rejecting the slothful, slighting the confused, and despising the ignorant. *The third demons' actions:* Being jealous and stingy with the profound teaching; not explaining the truth to those who are capable of being enlightened; and insisting on explaining it to people without the capacity for it as long as wealth and honor are thereby available. *The fourth demons' actions:* Not liking to hear about the ways of transcendence; not practicing them even when hearing about them; tending to negligence even when practicing them; and becoming narrow and mean in spirit because of laziness, and not seeking supreme enlightenment. *The fifth demons' actions:* Avoiding

good companions, associating with bad companions, craving personal release, not wanting to accept life, and wishing for the desirelessness and tranquility of nirvana. *The sixth demons' actions:* Arousing hatred and anger toward enlightening beings; looking at Enlightening Beings with malevolent eyes; looking for faults in enlightening beings; talking of the faults of Enlightening Beings; and cutting off their support. *The seventh demons' actions:* Repudiating true teaching and being averse to hearing it. Immediately criticizing true teaching when hearing it. Having no respect for those who expound true teaching; and claiming oneself to be right and others all wrong. *The eighth demons' actions:* Indulging in the study of secular literature. Expounding the vehicles of individual salvation while obscuring the profound Teaching. Giving subtle doctrines to unsuitable people; and straying from enlightenment and persisting in false paths. *The ninth demons' actions:* Always liking to associate with those who are already liberated and at peace, and giving them offerings, but not being willing to approach or edify those who have not yet attained liberation or peace. *The tenth demons' actions:* Developing conceit, having no respect; often troubling or hurting sentient beings. Not seeking genuine knowledge of truth while being mean and difficult to awaken.

Second, Ten Kinds of Conceit Action of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of conceited action of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who can get rid of these ten kinds of conceited action will attain ten kinds of actions of knowledge. *First*, not respecting teachers, parents, mendicants, people on the right Path, people aiming for the right Path, or honorable fields of blessings, is conceited action. *Second*, if there are teachers who have attained to supreme truth, who ride the Great Vehicle of universal enlightenment, who know the way to emancipation, who have attained mental command and expound the great principles of the scriptures, to be haughty toward them or their teachings and to be disrespectful is conceited action. *Third*, when in an audience hearing the sublime Teaching expounded, to be unwilling to laud its excellence and cause others to believe and accept it, is conceited action. *The fourth conceited action:* Habitually conceiving the illusion of superiority, elevating oneself and looking down on others, not seeing one's own faults, and not

knowing one's own shortcoming. *The fifth conceited action:* Habitually imagining that one is better than those who are better than oneself; not praising virtuous people who are praiseworthy; and not being happy when others praise virtuous people. *Sixth,* when seeing someone preach, in spite of knowing it is the norm, the rule, the truth, the word of Buddha, to despise the teaching because of disliking the person, to slander it and incite others to slander it, is conceited action. *The seventh conceited action:* Seeking a high seat for oneself, declaring oneself to a teacher, declaring oneself to be worthy of receiving offerings, not supposed to work. Failing to rise to greet old people who have cultivated spiritual practice for a long time, and being unwilling to serve and make offerings to enlightening beings. *Eighth,* frowning unhappily on seeing people with virtue, speaking to them harshly and looking for faults in them, is conceited action. *The ninth conceited action:* When seeing intelligent people who know the truth: Not being willing to approach and attend them; not respecting and honoring them; being unwilling to ask them what is good and what is not good, what should be done and what should not be done, what acts result in various benefits and comforts in the long night. Being foolish and deluded, stubborn and contentious, swollen by self-importance, never able to see the way of emancipation. *The tenth conceited action:* Minds shrouded by conceit. When Buddhas appear in the world are unable to approach, respect, and honor them. No new good airs, and goodness from the past evaporates and vanishes. They say what they should not; they contend where they should not. In the future they will surely fall into a deep pit of danger and will not even encounter Buddha. Much less hearing the Teaching for hundreds of thousands of eons. Though because of having once conceived the aspiration for enlightenment they will in the end wake up on their own.

Third, Ten Kinds of Activity of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of activity of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can achieve the supremely great activity of Buddhas. *First,* activity related to all worlds, able to purify them all. *Second,* activity related to all Buddhas, able to provide offerings to them all. *Third,* activity related to all enlightening beings, planting the same roots of goodness. *Fourth,* activity related to all sentient beings,

Able to teach and transform them all. *Fifth*, activity relating to the future, able to take in the whole future. *Sixth*, activity of all spiritual powers, able to reach all worlds without leaving one world. *Seventh*, activity of all light, emanating lights of infinite colors, with an Enlightening Being sitting on a lotus seat appearing in each light beam. *Eighth*, activity perpetuating the lineage of the three treasures, preserving and sustaining the Budhas' teachings after the demise of the Buddhas. *Ninth*, activity of all miraculous transformations, expounding the truth and teaching the sentient beings in all worlds. *Tenth*, activity of all empowerments, instantly appearing to sentient beings according to their mental inclinations, causing all aspirations to be fulfilled.

Fourth, Ten Kinds of Buddha-Action of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of Buddha-action of Great Enlightening Beings. *The First Budha-action of Great Enlightening Beings* states that Great Enlightening Beings guide sentient beings at appropriate times, and foster them with correct cultivation of practice. *Second*, causing dream vision because it awakens awareness of past roots of goodness. *Third*, expounding to others scriptures they have not yet heard because it causes growth of knowledge and resolution of doubts. *Fourth*, teaching the way to emancipation to those bound up in regrets because it frees them from a doubting mind. *Fifth* Great Enlightening Beings manifest the glorified body of Buddha which nurtures past roots of goodness for the sake of sentient beings with the following minds: stingy minds, ignorant minds, minds interested in personal salvation, malevolent minds, doubting minds, conceited minds, and scattered minds. *The Sixth Budha-action of Great Enlightening Beings* states that Great Enlightening Beings widely expound the true Teaching in times when true Teaching is difficult to come across. They cause those who hear to attain concentrated knowledge of spiritual powers; to be able to benefit innumerable sentient beings, and the resolution of all of the above is pure. *The Seventh Budha-action of Great Enlightening Beings* states that if anything demonic occurs, being able to manifest voice equal to space explaining the principle of not harming others, in order to quell it, causing the awakening of understanding and causing the majesty of demons who hear to vanish, because the will is extraordinary and the power great. *The Eighth Budha-action of Great Enlightening Beings*

states that the performance of original vow the mind having no lapse, being constantly alert, not permitting experiential entry into the absolute state of individual liberation. Never speaking of the realm of liberation to those whose faculties and characteristics are not yet mature. *The Ninth Buddha-action of Great Enlightening Beings* states that Great Enlightening Beings shed all the bonds and contaminations of birth and death. They cultivate the practices of enlightening beings continuously. They take care of sentient beings with great compassion, causing them to undertake such practice and eventually be liberated, and not stopping the practices of the deeds of enlightening beings. *The Tenth Buddha-action of Great Enlightening Beings* states that Great Enlightening Beings realize that their own bodies as well as sentient beings are fundamentally quiescent and null, yet, not being surprised or afraid, they still tirelessly cultivate virtue and knowledge. Though they know all things have no creation, yet they do not ignore the individual characteristics of things. Though they are forever aloof of craving for objects, yet they always gladly behold the form bodies of Buddhas. Though they know one is enlightened into the truth without depending on another, yet they seek omniscience through many kinds of methods. Though they know all lands are like space; they always enjoy adorning all Buddha-lands. Though they always observe that there is no real person or self, yet they tirelessly teach and enlighten sentient beings. Though fundamentally unmoving in the cosmos of reality, yet they manifest a multitude of transformations by spiritual powers. Though they have already accomplished omniscience, yet they practice the acts of Enlightening Beings without ceasing. Though they know all things are inexplicable, yet they turn the wheel of pure Teaching and gladden the hearts of all beings. Though they are able to manifest the spiritual powers of Buddhas, yet they do not reject embodiment as enlightening beings. Though they appear to enter ultimate final extinction, they manifest birth in all places, being able to perform these practices, simultaneously carrying out the provisional and the true. Enlightening Beings who abide by these can achieve supreme teacherless great action without relying on the instruction of another.

Chương Hai Mươi Chín
Chapter Twenty-Nine

Bồ Tát Lực

Trong Phật giáo Đại Thừa, lực là Ba La Mật thứ tám trong mười Ba La Mật mà một vị Bồ Tát phải tu tập trên đường đi đến Phật quả. Lực Ba La Mật cũng được phát triển ở địa thứ tám của Bồ Tát Địa. Theo Phật giáo, chư Đại Bồ Tát có rất nhiều thứ lực khác nhau, nhưng trong hạn hẹp của chương sách này, chúng ta chỉ trình bày những thứ lực rất tiêu biểu của các ngài mà thôi: **Thứ nhất là Mười Lực Của Chư Đại Bồ Tát:** Mười thứ lực của chư Đại Bồ Tát trong Phẩm 27 Kinh Hoa Nghiêm. *Thứ nhất* là sức dũng kiện, vì điều phục thế gian. *Thứ nhì* là sức tinh tấn, vì hằng chẳng thối chuyển. *Thứ ba* là sức vô trước, vì lia các cấu nhiễm. *Thứ tư* là sức tịch tịnh, vì không tranh luận nơi tất cả pháp. *Thứ năm* là sức nghịch thuận, vì nơi tất cả pháp tâm tự tại. *Thứ sáu* là sức pháp tánh, vì trong các nghĩa được tự tại. *Thứ bảy* là sức vô ngại, vì trí huệ quảng đại. *Thứ tám* là sức vô úy, vì khéo thuyết pháp. *Thứ chín* là sức biện tài, vì khéo thọ trì các pháp. *Thứ mười* là sức khai thị, vì trí huệ vô biên. *Chư Bồ Tát an trụ trong mười pháp này thời có đủ mười năng lực vô thượng của Như Lai: Thứ nhất* là năng lực nhập tự tánh của chư pháp. *Thứ nhì* là năng lực nhập tất cả các pháp như hóa. *Thứ ba* là năng lực nhập tất cả các pháp như huyễn. *Thứ tư* là năng lực nhập tất cả các pháp đều là Phật pháp. *Thứ năm* là năng lực nơi tất cả các pháp không nhiễm trước. *Thứ sáu* là năng lực hiểu rõ chư pháp. *Thứ bảy* là năng lực nơi tất cả thiện tri thức hằng chẳng bỏ rời tâm tôn trọng. *Thứ tám* là năng lực làm cho tất cả thiện căn thuận đến trí vô thượng Bồ Đề. *Thứ chín* là năng lực nơi tất cả Phật pháp thâm tín chẳng hủy báng. *Thứ mười* là năng lực làm cho nhứt thiết trí tâm bất thối thiện xảo. Bên cạnh đó, chư Bồ Tát an trụ trong pháp này cũng đồng thời được thập lực nhứt thiết trí vô thượng của chư Phật: Thứ nhất là thâm tâm lực vì chẳng tạp tất cả thế tình. Thứ nhì là tăng thượng thâm tâm lực, vì chẳng bỏ tất cả Phật pháp. Thứ ba là phương tiện lực, vì tất cả công hạnh đều rốt ráo. Thứ tư là trí lực vì biết tất cả tâm hành. Thứ năm là nguyện lực, vì tất cả mong cầu đều làm cho viên mãn. Thứ sáu là hạnh lực vì cùng tột thuở vị lai chẳng dứt. Thứ bảy là thừa lực vì hay xuất sanh tất cả thừa mà chẳng bỏ đại thừa. Thứ tám là thần biến

lực, vì ở trong mỗi lỗ lông đều thị hiện tất cả thế giới thanh tịnh, tất cả Như Lai. *Thứ chín* là Bồ Đề lực, vì làm cho tất cả chúng sanh phát tâm thành Phật không đoạn tuyệt. *Thứ mười* là chuyển Pháp Luân lực, vì nói một câu pháp đều xứng những căn tánh dục lạc của tất cả chúng sanh. ***Cũng theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Phẩm Ly Thế Gian, chư Đại Bồ Tát có mười lực: Thứ nhất*** là năng lực nhập tự tánh của chư pháp. *Thứ nhì* là năng lực nhập tất cả các pháp như hóa. *Thứ ba* là năng lực nhập tất cả các pháp như huyền. *Thứ tư* là năng lực nhập tất cả các pháp đều là Phật pháp. *Thứ năm* là năng lực nơi tất cả các pháp không nhiễm trước. *Thứ sáu* là năng lực hiểu rõ chư pháp. *Thứ bảy* là năng lực nơi tất cả thiện tri thức hằng chẳng bỏ rời tâm tôn trọng. *Thứ tám* là năng lực làm cho tất cả thiện căn thuận đến trí vô thượng Bồ Đề. *Thứ chín* là năng lực nơi tất cả Phật pháp thâm tín chẳng hủy báng. *Thứ mười* là năng lực làm cho nhứt thiết trí tâm bất thối thiện xảo. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời có đủ năng lực vô thượng của Như Lai. ***Cũng theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Phẩm Ly Thế Gian, chư Đại Bồ Tát có mười lực: Thứ nhất*** là Thâm Tâm Lực hay có tâm dứt khoát tránh xa thế tục. *Thứ nhì* là Tăng Sinh Thâm Tâm Lực hay có một niềm tin vào Phật giáo càng lúc càng mạnh. *Thứ ba* là Phương Tiện Lực hay năng lực tự tu trong tất cả mọi tu tập Bồ Tát đạo. *Thứ tư* là Trí Lực hay năng lực trực giác để hiểu tâm thức của mọi chúng sanh. *Thứ năm* là Nguyện Lực hay năng lực làm cho mọi lời nguyện được thành tựu. *Thứ sáu* là Hành Lực hay năng lực vận hành cho đến khi tận cùng thời gian. *Thứ bảy* là Thừa Lực hay năng lực tạo ra mọi thừa mà không bao giờ bỏ Đại Thừa. *Thứ tám* là Thần Biến Lực hay năng lực tạo thành một thế giới thuần khiết thanh tịnh trong mỗi lỗ lông của da. *Thứ chín* là Bồ Đề Lực hay năng lực thức tỉnh cho mọi chúng sanh giác ngộ. *Thứ mười* là Chuyển Pháp Luân Lực hay Hoằng Pháp Lực, năng lực của sự tuyên thuyết; một phần câu mà kêu gọi đồng bộ những cái tâm của mọi chúng sanh. ***Ngoài ra, chư Đại Bồ Tát còn có mười lực mà người ta nói là duy nhất để giác ngộ thành Phật:*** 1) biết cái gì có thể và cái gì không thể, hoặc cái gì đúng, cái gì sai; 2) lực biết báo chướng trong tam thế (quá khứ, hiện tại, và vị lai); 3) lực biết tất cả định lực, giải thoát và thành tựu; 4) lực biết tất cả căn tánh của chúng sanh; 5) lực biết được sự hiểu biết của chúng sanh; 6) lực biết hết các cảnh giới của chúng sanh; 7) lực biết hết phần hành hữu lậu của lục đạo và biết luôn cả niết bàn; 8) lực biết tất cả các trụ xứ

của các đời quá khứ; 9) lực biết sanh tử; 10) lực biết các lậu hoặc đã bị đoạn tận. **Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, chư Bồ Tát có mười thứ lực:** *Thứ nhất* là sức dũng kiện, vì điều phục thế gian. *Thứ nhì* là sức tinh tấn, vì hằng chẳng thối chuyển. *Thứ ba* là sức vô trước, vì lia các cấu nhiễm. *Thứ tư* là sức tịch tịnh, vì không tranh luận nơi tất cả pháp. *Thứ năm* là sức nghịch thuận, vì nơi tất cả pháp tâm tự tại. *Thứ sáu* là sức pháp tánh, vì trong các nghĩa được tự tại. *Thứ bảy* là sức vô ngại, vì trí huệ quảng đại. *Thứ tám* là sức vô úy, vì khéo thuyết pháp. *Thứ chín* là sức biện tài, vì khéo thọ trì các pháp. *Thứ mười* là sức khai thị, vì trí huệ vô biên.

Thứ nhì là Mười Lực Trì Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp lực trì của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát trụ trong pháp này thời nơi tất cả các pháp được lực trì tự tại vô thượng. *Thứ nhất* là Phật lực trì. *Thứ nhì* là Pháp lực trì. *Thứ ba* là Chúng sanh lực trì. *Thứ tư* là Nghiệp lực trì. *Thứ năm* là Hạnh lực trì. *Thứ sáu* là Nguyện lực trì. *Thứ bảy* là Cảnh giới lực trì. *Thứ tám* là Thời lực trì. *Thứ chín* là Thiện lực trì. *Thứ mười* là Trí lực trì.

Thứ ba là Mười Lực Vô Ngại Dụng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười lực vô ngại dụng của chư Đại Bồ Tát. *Thứ nhất* là chúng sanh lực vô ngại dụng, vì giáo hóa điều phục chẳng bỏ rời. *Thứ nhì* là sát lực vô ngại dụng, vì thị hiện bất khả thuyết trang nghiêm để trang nghiêm. *Thứ ba* là pháp lực vô ngại dụng, vì làm cho tất cả thân vào một thân. *Thứ tư* là kiếp lực vô ngại dụng, vì giác ngộ tu tập không ngừng nghỉ. *Thứ năm* là Phật lực vô ngại dụng, vì giác ngộ thù miên. *Thứ sáu* là hành lực vô ngại dụng, vì nhiếp thủ tất cả Bồ Tát hạnh. *Thứ bảy* là Như Lai lực vô ngại dụng, vì độ thoát tất cả chúng sanh. *Thứ tám* là vô sư lực vô ngại dụng, vì tự giác tất cả các pháp. *Thứ chín* là nhất thiết trí lực vô ngại dụng, vì dùng nhất thiết trí thành chánh giác. *Thứ mười* là đại bi lực vô ngại, vì chẳng bỏ tất cả chúng sanh.

Thứ tư là Mười Ba Lực Của Chư Bồ Tát: *Thứ nhất*, Nhân lực và duyên lực. *Thứ nhì*, ý lực và nguyện lực. *Thứ ba*, phương tiện lực. *Thứ tư*, vô thường lực. *Thứ năm*, hỷ lực. *Thứ sáu*, huệ lực. *Thứ bảy*, đa văn lực. *Thứ tám*, lực trì giới. *Thứ chín*, lực nhẫn nhục. *Thứ mười*, lực tinh tấn. *Thứ mười một*, lực thiền định. *Thứ mười hai*, lực chánh niệm, chánh quán chư thông minh. *Thứ mười ba*, lực Như pháp điều phục chư chúng sanh.

Powers of Bodhisattvas

In Mahayana Buddhism, it is the eighth “perfection” (paramita) of the tenfold list of perfections that a Bodhisattva cultivates on the path to Buddhahood. It is also developed on the eighth Bodhisattva level (bhumi). According to Buddhism, Great Bodhisattvas possess a lot of different kinds of powers, but in the limitation of this chapter, we only present some very typical ones: ***First, Ten Kinds of Power Possessed by Great Enlightening Beings:*** Ten kinds of power of Great Enlightening Beings in Chapter 27, Flower Adornment Sutra: *First*, the power of courageous strength, because they tame worldlings. *Second*, the power of energy because they never backslide. *Third*, the power of nonattachment, because they get rid of defiling obsessions. *Fourth*, the power of silent calm, because they have no disputes about anything. *Fifth*, the power to oppose or conform, because they are free in the midst of all things. *Sixth*, the power of the nature of things, because they attain mastery of all truths. *Seventh*, the power of nonobstruction, because their knowledge and wisdom is immensely vast. *Eighth*, the power of fearlessness, because they can explain all truths. *Ninth*, the power of intellect, because they can hold all truths. *Tenth*, the power of revelation, because their knowledge and wisdom is boundless. Enlightening Beings who abide by these ten powers can acquire the ten supreme power of Buddhas: *First*, the power to comprehend the inherent essence of all things. *Second*, the power to comprehend that all things are like phantoms. *Third*, the power to comprehend that all things are like illusions. *Fourth*, the power to comprehend that all things are Buddha’s teachings. *Fifth*, the power to have no attachments to anything at all. *Sixth*, the power to clearly understand all things. *Seventh*, the power of the respectful mind never abandoning spiritual teachers. *Eighth*, the power to cause all roots of goodness to reach supreme knowledge. *Ninth*, the power of deep faith in all Buddhas’ teachings without rejection. *Tenth*, the power of skill in preventing the will for omniscience from backsliding. Besides, Enlightening Beings who abide by these can at the same time attain the Buddhas’ ten powers of omniscience: *First*, power of the profound mind, not getting mixed up in worldly feelings. *Second*, power of overmastering

profound mind, not giving up the ways of enlightenment. *Third*, power of means, consummating whatever they do. *Fourth*, power of knowledge, comprehending the activities of all minds. *Fifth*, power of vows, fulfilling all aspirations. *Sixth*, power of practice, continuing forever. *Seventh*, power of vehicle of liberation, able to produce all vehicles of liberation without abandoning the great universal vehicle. *Eighth*, power of miraculous transformations, showing all pure worlds and all Buddhas appearing in the worlds in each pore. *Ninth*, power of enlightenment, inspiring all sentient beings to seek enlightenment and become Buddhas, without end. *Tenth*, power of turning the wheel of the teaching, explaining one expression of truth in accord with the faculties, temperaments, and inclinations of all sentient beings. **Also according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Great Enlightening Beings have ten kinds of powers (The):** *First*, the power to comprehend the inherent essence of all things. *Second*, the power to comprehend that all things are like phantoms. *Third*, the power to comprehend that all things are like illusions. *Fourth*, the power to comprehend that all things are Buddha's teachings. *Fifth*, the power to have no attachments to anything at all. *Sixth*, the power to clearly understand all things. *Seventh*, the power of the respectful mind never abandoning spiritual teachers. *Eighth*, the power to cause all roots of goodness to reach supreme knowledge. *Ninth*, the power of deep faith in all Buddhas' teachings without rejection. *Tenth*, the power of skill in preventing the will for omniscience from backsliding. Enlightening Beings who abide by these can acquire the supreme power of Buddhas. **Also according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Great Enlightening Beings have ten kinds of powers:** *First*, Asayabala or having a mind strongly turned away from worldliness. *Second*, Adhyasaya-bala or having a belief growing ever stronger in Buddhism. *Third*, Prayoga-bala or the power of disciplining himself in all the exercises of Bodhisattvahood. *Fourth*, Prajna-bala or the intuitive power to understand the mentalities of all beings. *Fifth*, Pranidhana-bala or the power of making every prayer fulfilled. *Sixth*, Caryabala or the power of working till the end of time. *Seventh*, Yana-bala or the power of creating all kinds of conveyance or yana without ever giving up the Mahayana. *Eighth*, Vikurvana-bala or the power of making a world of immaculate purity in every pore of the skin. *Ninth*, Bodhi-bala

or the power of awakening every being in enlightenment. *Tenth*, Dharmacakrapravartana-bala or the power of uttering one phrase which appeals uniformly to the hearts of all beings. ***Besides, there is also a tenfold list of qualities for Bodhisattvas that in both Theravada Buddhism and Mahayana are said to be unique to fully awakened Buddhas (Samyak-Sambuddha):*** 1) power of knowledge of what is possible and what is impossible or the power to distinguish right from wrong (sthanasthana-jnana-bala); power of knowledge of retributions of actions or the power of knowing karmic retributions throughout the three periods of time (karma-vipaka-jnana-bala); 3) power of knowledge of the concentrations, eight stages of liberations, meditative absorptions, and attainments (dhyana-vimoksa-samadhi-samapatti-jnana-bala); 4) power of knowledge of the relative qualities of beings or the power of complete knowledge of the powers and faculties of all beings (indrya-parapara-jnana-bala); 5) power of knowledge of the various intentions of beings or the power of complete knowledge of the desires or moral direction of every being (nanadhimukti-jnana-bala); 6) power of knowledge of the various states of beings or the power of knowing the states of others (nanadhatu-jnana-bala); 7) power of knowledge of the ways in which beings go everywhere within cyclic existence and nirvana (sarvatragamini-pratipajjnana-bala); 8) power of knowledge of former abodes (purva-nivasa-jnana-bala); 9) power of knowledge of death and rebirth (cyutyu-papada-jnana-bala); 10) power of knowledge that the defilements have been extinguished (asrava-jnana-bala). ***Also according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, Bodhisattvas have ten kinds of power:*** *First*, the power of courageous strength, because they tame worldlings. *Second*, the power of energy because they never backslide. *Third*, the power of nonattachment, because they get rid of defiling obsessions. *Fourth*, the power of silent calm, because they have no disputes about anything. *Fifth*, the power to oppose or conform, because they are free in the midst of all things. *Sixth*, the power of the nature of things, because they attain mastery of all truths. *Seventh*, the power of nonobstruction, because their knowledge and wisdom is immensely vast. *Eighth*, the power of fearlessness, because they can explain all truths. *Ninth*, the power of intellect, because they can hold all truths. *Tenth*, the power of revelation, because their knowledge and wisdom is boundless.

Second, Ten Kinds of Support of Power of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of support of power of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can gain the support of the power of supreme mastery of all truth. *First*, support by the power of Buddhas. *Second*, support by the power of truth. *Third*, support by the power of sentient beings. *Fourth*, support by the power acts. *Fifth*, support by the power of practices. *Sixth*, support by the power of vows. *Seventh*, support by the power of the environment. *Eighth*, support by the power of time. *Ninth*, support by the power of good. *Tenth*, support by the power of knowledge.

Third, Ten Kinds of Unimpeded Function Relating to Power: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of unimpeded function relating to power: *First*, unimpeded function of power relating to sentient beings, teaching and taming them without abandoning them. *Second*, power relating to lands, manifesting untold adornment and arraying them. *Third*, power relating to phenomena, causing all bodies to enter the bodiless. *Fourth*, power relating to aeons, cultivating practices unceasingly. *Fifth*, power of enlightenment, awakening those who are asleep. *Sixth*, power of action including all practices of enlightening beings. *Seventh*, power of Buddhas, liberating all sentient beings. *Eighth*, teacherless power, spontaneously awakening to all truth. *Ninth*, power of omniscience, attaining true enlightenment by omniscience. *Tenth*, power of great compassion, not abandoning sentient beings.

Fourth, Thirteen powers (balas) of Bodhisattvas of the Pure Land School: *First*, power of the causes, power of dependent conditions. *Second*, power of the mind, power of the will (for good for oneself and others). *Third*, power of expedient means. *Fourth*, power of the Impermanence. *Fifth*, power of joy, *Sixth*, power of the mind of wisdom or perfect understanding. *Seventh*, power of broad study or hearing. *Eighth*, power of observing commandments. *Ninth*, power of endurance. *Tenth*, power of effort. *Eleventh*, power of meditation. *Twelfth*, power of right mindfulness and right contemplation. *Thirteenth*, power of the True Law which can guide and save all sentient beings.

Chương Ba Mươi
Chapter Thirty

Những Điều Tu Của Chư Đại Bồ Tát
Trong Kinh Hoa Nghiêm

Tổng Quan Về Sự Tu Tập Của Chư Đại Bồ Tát Trong Kinh Hoa Nghiêm: Theo Phật giáo, tu có nghĩa là tu tập hay thực tập những lời giáo huấn của Đức Phật, bằng cách tụng kinh sáng chiều, bằng ăn chay học kinh và giữ giới; tuy nhiên những yếu tố quan trọng nhất trong “thực tu” là sửa tánh, là loại trừ những thói hư tật xấu, là từ bi hỷ xả, là xây dựng đạo hạnh. Trong khi tụng kinh ta phải hiểu lý kinh. Hơn thế nữa, chúng ta nên thực tập thiền quán mỗi ngày để có được tuệ giác Phật. Với Phật tử tại gia, tu là sửa đổi tâm tánh, làm lành lánh dữ. Hành giả tu Phật, nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập theo một số pháp tu tiêu biểu của chư Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm là một trong những bộ kinh thâm áo nhất của Đại Thừa, ghi lại những bài thuyết pháp của Đức Phật sau khi Ngài đã đạt giác ngộ viên mãn. Đại Phương Quảng Phật Hoa nghiêm Kinh. Nhan đề Phạn ngữ của Hoa Nghiêm là Avatamsaka, nhưng Pháp Tạng trong bản chú giải kinh Hoa Nghiêm bộ 60 quyển nói nguyên ngữ chính là Gandavyuha. Ba bản dịch của Kinh Hoa Nghiêm bên Trung Quốc: Thứ nhất là bản dịch của ngài Phật Đà Bạt Đà đời Đông Tấn, khoảng năm 406 sau Tây Lịch, 60 quyển, còn gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm hay Tấn Kinh, hay kinh cũ. Thứ nhì là bản dịch của ngài Thực Xoa Nan Đà đời Đường, vào khoảng năm 700 sau Tây Lịch, 80 quyển, còn gọi là Bát Thập Hoa Nghiêm, Đường Kinh, hay Kinh mới. Thứ ba là bản dịch của ngài Bát Nhã đời Đường, khoảng năm 800 sau Tây Lịch, 40 quyển, còn gọi là Tứ Thập Hoa nghiêm. Bản dịch này bao gồm phần Hoa Nghiêm Âm Nghĩa của ngài Huệ Uyển biên soạn năm 700 sau Tây Lịch. Sau khi khảo sát về nội dung của Kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy kinh khởi đầu bằng những bản kinh độc lập và về sau được tập hợp thành một dòng thơ, mỗi thể tài được trình bày trong các kinh đó đều được xếp loại theo từng thể và được gọi chung là Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm hay Phạn ngữ Gandavyuha là tên phẩm kinh kể lại công trình cầu đạo của Bồ Tát Thiện Tài Đồng Tử. Bồ Tát Văn Thù hướng dẫn Đồng Tử đi

tham vấn hết vị đạo sư này đến vị đạo sư khác, tất cả 53 vị, trụ khắp các tầng cảnh giới, mang đủ lỗi chúng sanh. Đây là lý thuyết căn bản của trường phái Hoa Nghiêm. Một trong những kinh điển dài nhất của Phật giáo, cũng là giáo điển cao nhất của đạo Phật, được Đức Phật thuyết giảng ngay sau khi Ngài đại ngộ. Người ta tin rằng kinh này được giảng dạy cho chư Bồ tát và những chúng hữu tình mà tâm linh đã phát triển cao. Kinh so sánh toàn vũ trụ với sự chứng đắc của Phật Tỳ Lô Giá Na. Kinh cũng nhấn mạnh rằng mọi sự vật và mọi hiện tượng đồng nhất thể với vũ trụ. Dưới đây là một số điều tu của chư Đại Bồ Tát được ghi lại trong kinh Hoa Nghiêm.

Thứ nhất là Mười Điều Bị Ma Nhiếp Trì Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều bị ma nhiếp trì của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát rời bỏ được mười điều ma nhiếp trì này thời được mười điều chư Phật nhiếp trì. *Thứ nhất* là tâm lưỡi biếng. *Thứ nhì* là chí nguyện hèn kém. *Thứ ba* là nơi công hạnh chút ít lại cho là đủ. *Thứ tư* là lãnh thọ một hạnh, từ chối những hạnh khác. *Thứ năm* là chẳng phát đại nguyện. *Thứ sáu* là thích nơi tịch diệt, dứt trừ phiền não, nên quên mất Bồ Đề tâm. *Thứ bảy* là dứt hẳn sanh tử. *Thứ tám* là bỏ hạnh Bồ Tát. *Thứ chín* là chẳng giáo hóa chúng sanh. *Thứ mười* là nghi báng chánh pháp.

Thứ nhì là Mười Điều Cầu Pháp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều cầu pháp của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại trí huệ tất cả Phật pháp chẳng do người khác dạy. *Thứ nhất* là trực tâm cầu pháp, vì không dua nịnh phỉnh phờ. *Thứ nhì* là tinh tấn cầu pháp, vì xa lìa lưỡi biếng khinh mạn. *Thứ ba* là nhứt hướng cầu pháp, vì chẳng tiếc thân mạng. *Thứ tư* là vì muốn trừ phiền não cho tất cả chúng sanh mà cầu pháp, vì chẳng vì danh, lợi hay sự cung kính. *Thứ năm* là vì lợi mình, lợi người, cũng như lợi tất cả chúng sanh mà cầu pháp, chứ chẳng vì tư lợi. *Thứ sáu* là vì nhập trí huệ mà cầu pháp, chẳng vì văn tự. *Thứ bảy* là vì thoát sanh tử mà cầu pháp, vì chẳng tham thế lạc. *Thứ tám* là vì độ chúng sanh mà cầu pháp, vì phát Bồ Đề tâm. *Thứ chín* là vì dứt nghi cho tất cả chúng sanh mà cầu pháp, vì làm cho họ không do dự. *Thứ mười* là vì đầy đủ Phật pháp mà cầu pháp, vì chẳng thích những thừa khác.

Thứ ba là Mười Điều Chứng Tri Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều chứng tri của những đại Bồ Tát.

Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được tất cả phương tiện thiện xảo. *Thứ nhất* là biết tất cả pháp một tướng. *Thứ nhì* là biết tất cả pháp vô lượng tướng. *Thứ ba* là biết tất cả pháp tại một niệm. *Thứ tư* là biết chúng sanh tâm hành vô ngại. *Thứ năm* là biết tất cả chúng sanh các căn bình đẳng. *Thứ sáu* là biết tất cả chúng sanh phiền não tập khí hiện hành. *Thứ bảy* là biết tất cả chúng sanh tâm sử hiện hành. *Thứ tám* là biết tất cả chúng sanh thiện và bất thiện hiện hành. *Thứ chín* là biết tất cả Bồ Tát nguyện hạnh, tự tại, trụ trì, biến hóa. *Thứ mười* là biết tất cả Như Lai đầy đủ thập lực thành Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thứ tư là Mười Điều Của Chư Phật Mà Chư Đại Bồ Tát Hằng

Ghi Nhớ: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều của chư Phật mà chư Bồ Tát phải hằng ghi nhớ. *Thứ nhất* là tất cả Bồ tát phải thường ghi nhớ về nhơn duyên quá khứ của chư Phật. *Thứ nhì* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ hạnh thanh tịnh thù thắng của chư Phật. *Thứ ba* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ chư Phật đầy đủ Ba La Mật. *Thứ tư* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ đại nguyện thành tựu của chư Phật. *Thứ năm* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ sự chứa nhóm công đức của chư Phật. *Thứ sáu* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ chư Phật đã đủ đầy phạm hạnh. *Thứ bảy* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ chư Phật hiện thành chánh giác. *Thứ tám* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ vô lượng sắc thân của chư Phật. *Thứ chín* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ thần thông vô lượng của chư Phật. *Thứ mười* là tất cả Bồ Tát phải thường ghi nhớ thập lực của chư Phật.

Thứ năm là Mười Điều Chư Đại Bồ Tát Được Chư Phật Nhiếp

Trì: Theo Kinh Hoa Nghiêm, có mười điều được chư Phật nhiếp trì. Nếu chư Bồ Tát rời bỏ được mười điều bị ma nhiếp trì thời được mười điều được chư Phật nhiếp trì. *Thứ nhất* là ban sơ có thể phát tâm Bồ Đề được Phật nhiếp trì. *Thứ nhì* là trong nhiều đời gìn giữ tâm Bồ Đề không để quên mất, được chư Phật nhiếp trì. *Thứ ba* là rõ biết được ma sự và có thể xa lìa, được chư Phật nhiếp trì. *Thứ tư* là nghe các môn Ba La Mật rồi tu hành đúng pháp, được chư Phật nhiếp trì. *Thứ năm* là biết khổ sanh tử mà chẳng nhàm ghét, được chư Phật nhiếp trì. *Thứ sáu* là quán pháp thậm thâm được vô lượng quả, được chư Phật nhiếp trì. *Thứ bảy* là vì chúng sanh nói pháp nhị thừa, mà chẳng chứng lấy quả giải thoát nhị thừa, được chư Phật nhiếp trì. *Thứ tám* là thích quán pháp vô vi mà chẳng trụ trong đó, đối với hữu vi và vô vi không tướng là hai, được chư Phật nhiếp trì. *Thứ chín* là đến chỗ vô sanh mà vẫn hiện thọ

sanh, được chư Phật nhiếp trì. *Thứ mười* là đầu chứng được nhứt thiết trí mà khởi hạnh Bồ Tát chẳng dứt giống Bồ Đề, được chư Phật nhiếp trì.

Thứ sáu là Mười Điều Được Pháp Nhiếp Trì Của Chư Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều được pháp nhiếp trì của chư Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được pháp nhiếp trì vô thượng của tất cả chư Phật. *Thứ nhất* là biết tất cả hành pháp là vô thường. *Thứ nhì* là biết tất cả hành pháp là khổ. *Thứ ba* là biết tất cả hành pháp là vô ngã. *Thứ tư* là biết tất cả pháp là tịch diệt niết bàn. *Thứ năm* là biết tất cả pháp theo duyên mà phát khởi, không có duyên thời không khởi. *Thứ sáu* là biết vì do tà tư duy nên sanh khởi vô minh. Vì do có vô minh khởi nên có lão tử phát khởi. Một khi tà tư duy bị diệt, thì vô minh diệt, vô minh diệt thì lão tử cũng diệt. *Thứ bảy* là biết ba môn giải thoát xuất sanh Thanh văn thừa, chứng pháp vô tránh xuất sanh Độc giác. Biết ba môn giải thoát xuất sanh Thanh văn thừa, chứng pháp vô tránh xuất sanh Độc giác. *Thứ tám* là biết lục pháp lục Ba La Mật và tứ nhiếp pháp xuất sanh Đại thừa. *Thứ chín* là biết tất cả cõi, tất cả pháp, tất cả chúng sanh, tất cả cả thể là cảnh giới của Phật trí. *Thứ mười* là biết dứt tất cả niệm, bỏ tất cả thủ, rời trước rời sau, tùy thuận niết bàn.

Thứ bảy là Mười Điều Kiện Khởi Đầu Đưa Đến Hoàn Bảo Giác Ngộ Tối Thượng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, có mười điều kiện khởi đầu đưa đến ước vọng giác ngộ tối thượng. *Thứ nhất* là đầy đủ thiện căn. *Thứ nhì* là tu tập các thiện hạnh. *Thứ ba* là chứa nhóm đầy đủ các tư lương. *Thứ tư* là cung kính cúng dường chư Phật. *Thứ năm* là thành tựu đầy đủ các tịnh pháp. *Thứ sáu* là thân cận các thiện tri thức. *Thứ bảy* là tâm hoàn toàn thanh tịnh. *Thứ tám* là tâm quảng đại được kiên cố. *Thứ chín* là tín căn được bền vững. *Thứ mười* là sẵn sàng tâm đại bi.

Thứ tám là Mười Điều Lành Mà Chư Bồ Tát Làm Lợi Ích Cho Chúng Sanh Ở Cõi Ta Bà: Theo Kinh Duy Ma Cật, Phẩm thứ Mười, Duy Ma Cật nói: “Bồ Tát ở cõi Ta Bà này đối với chúng sanh, lòng đại bi bền chắc thật đúng như lời các ngài đã ngợi khen. Mà Bồ Tát ở cõi này lợi ích cho chúng sanh trong một đời còn hơn trăm ngàn kiếp tu hành ở cõi nước khác. Vì sao? Vì cõi Ta Bà này có mười điều lành mà các Tịnh Độ khác không có”: *một* là dùng bố thí để nhiếp độ kẻ nghèo nàn; *hai* là dùng tịnh giới để nhiếp độ người phá giới; *ba* là dùng nhẫn

nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ; *bốn* là dùng tinh tấn để nhiếp độ kẻ giải đãi; *năm* là dùng thiên định để nhiếp độ kẻ loạn ý; *sáu* là dùng trí tuệ để nhiếp độ kẻ ngu si; *bảy* là nói pháp trừ nạn để độ kẻ bị tám nạn; *tám* là dùng pháp đại thừa để độ kẻ ưa pháp tiểu thừa; *chín* là dùng các pháp lành để cứu tế người không đức; *mười* là thường dùng tứ nhiếp để thành tựu chúng sanh.

Thứ chín là Mười Điều Phấn Tấn Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều phấn tấn của chư Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được nơi tất cả pháp phấn tấn tự tại vô thượng của chư Phật. *Thứ nhất* là Ngưu vương phát tấn, vì che mắt tất cả thiên long bát bộ. *Thứ nhì* là Tượng vương phấn tấn với tâm khéo điều phục và nhu nhuyễn chúng và gánh vác tất cả những chúng sanh. *Thứ ba* là Long vương phấn tấn: Nổi mây dầy đại pháp; chiếu điển quang giải thoát; chấn sấm nghĩa như thật; và rưới mưa cam lồ căn, lực, giác phần, thiên định, giải thoát, tam muội. *Thứ tư* là Đại Kim Sí Diệu vương phấn tấn: Làm cạn nước tham ái; phá vỡ ngu si; chụp bắt những ác độc long phiến não; và khiến chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử. *Thứ năm* là Đại sư tử vương phấn tấn: An trụ trong đại trí vô úy; lấy bình đẳng làm khí giới; và xô dẹp chúng ma và ngoại đạo. *Thứ sáu* là Dũng kiện phấn tấn, vì có thể ở trong chiến trận lớn sanh tử, xô diệt tất cả phiến não oán thù. *Thứ bảy* là Đại trí phấn tấn: Biết thân tâm và cảm giác; biết các duyên khởi; và tự tại khai thị tất cả pháp. *Thứ tám* là Đà La Ni phấn tấn: Dùng sức niệm huệ thọ trì chánh pháp chẳng quên và tùy theo căn tánh của chúng sanh mà vì họ tuyên thuyết. *Thứ chín* là Biện tài phấn tấn: Vô ngại và chóng phân biệt tất cả các pháp và làm cho tất cả chúng sanh được lợi ích. *Thứ mười* là Như Lai phấn tấn: Nhứt thiết chủng trí những pháp trợ đạo đều thành tựu viên mãn; dùng một niệm tương ưng huệ, những chỗ đáng được đều được tất cả. Những chỗ đáng ngộ tất cả đều ngộ; ngôi tòa sư tử; hàng phục chúng ma; và thành vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Thứ mười là Mười Điều Rời Bỏ Ma Nghiệp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Bồ Tát có mười điều rời bỏ ma nghiệp. Chư Bồ Tát an trụ trong mười pháp này thời có thể ra khỏi tất cả ma đạo. *Thứ nhất* là gần thiện tri thức, cung kính cúng dường. *Thứ nhì* là chẳng tự cao tự đại, chẳng tự khen ngợi. *Thứ ba* là tin hiểu thâm pháp của Phật mà chẳng hủy báng. *Thứ tư* là chẳng bao giờ quên mất tâm nhứt thiết trí. *Thứ tư* là chẳng bao giờ quên mất tâm nhứt thiết trí.

Thứ năm là siêng tu diệu hạnh, hằng chẳng phóng dật. *Thứ sáu* là thường cầu tất cả pháp dành cho Bồ Tát. *Thứ bảy* là hằng diễn thuyết chánh pháp, tâm không nhằm mỗi. *Điều rời bỏ ma nghiệp thứ tám* là Quy y tất cả chư Phật mười phương và nghĩ đến chư Phật như những vị cứu hộ. *Thứ chín* là tin thọ ức niệm tất cả chư Phật thần lực gia trì. *Thứ mười* là cùng tất cả Bồ Tát đồng gieo căn lành bình đẳng không hai.

Thứ mười một là Mười Điều Thành Như Lai Lực Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Bồ Tát có mười điều thành Như Lai lực. Chư Bồ Tát có đủ mười Như Lai lực này thời gọi là Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác. *Thứ nhất* là vì siêu quá tất cả những ma phiền não nghiệp nên thành Như Lai lực. *Thứ nhì* là vì đầy đủ tất cả Bồ Tát hạnh và tự tại du hý tất cả Bồ Tát tam muội. *Thứ ba* là đầy đủ tất cả Bồ Tát quảng đại thiền định. *Thứ tư* là viên mãn tất cả pháp trợ đạo bạch tịnh. *Thứ năm* là được tất cả pháp trí huệ quang minh khéo tư duy phân biệt. *Thứ sáu* là thân cùng khắp tất cả thế giới. *Thứ bảy* là có thể dùng thần lực gia trì tất cả. *Thứ tám* là ngôn âm phát ra đều đồng với tâm của tất cả chúng sanh. *Thứ chín* là vì ba nghiệp thân ngữ ý đồng với tất cả tam thế chư Phật, trong một niệm biết rõ những pháp trong tam thế. *Thứ mười* là được thiện giác trí tam muội, đủ Như Lai thập lực, những là thị xứ phi xứ trí lực đến lậu tận trí lực.

Thứ mười hai là Mười Điều Thối Thất Phật Pháp Mà Chư Đại Bồ Tát Nên Tránh: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều thối thất Phật pháp mà chư Bồ Tát nên tránh. Chư Bồ Tát tránh được mười điều này thời nhập được đạo ly sanh của Bồ Tát. *Thứ nhất* là khinh mạn thiện tri thức. *Thứ nhì* là sợ khổ sanh tử. *Thứ ba* là nhằm tu hạnh Bồ Tát. *Thứ tư* là chẳng thích trụ thế gian. *Thứ năm* là say đắm tam muội. *Thứ sáu* là chấp lấy thiện căn. *Thứ bảy* là hủy báng chánh pháp. *Thứ tám* là đoạn Bồ Tát hạnh. *Thứ chín* là thích đạo nhị thừa. *Thứ mười* là hiềm hận chư Bồ Tát.

Thứ mười ba là Mười Không Dính Mắc Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, chư Đại Bồ Tát có mười thứ không dính mắc. Chư Đại Bồ Tát trụ trong nhứt thiết trí chúng sanh sai biệt thân đại tam muội có thể đạt được mười thứ vô sở trước: *Thứ nhất* là nơi tất cả cõi vô sở trước. *Thứ nhì* là nơi tất cả phương vô sở trước. *Thứ ba* là nơi tất cả kiếp vô sở trước. *Thứ tư* là nơi tất cả chúng sanh vô sở trước. *Thứ năm* là nơi tất cả pháp vô sở trước. *Thứ sáu* là nơi tất cả Bồ Tát vô sở trước. *Thứ bảy* là nơi tất cả Bồ Tát nguyện vô sở trước. *Thứ*

tám là nơi tất cả tam muội vô sở trước. *Thứ chín* là nơi tất cả Phật vô sở trước. *Thứ mười* là nơi tất cả địa vô sở trước. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời có thể mau chuyển tất cả tướng và được trí huệ thanh tịnh vô thượng: Vô trước nơi tất cả thế giới; vô trước nơi tất cả chúng sanh; vô trước nơi tất cả các pháp; vô trước nơi tất cả sở tác; vô trước nơi tất cả các thiện căn; vô trước nơi tất cả chỗ thọ sanh; vô trước nơi tất cả nguyện; vô trước nơi tất cả hạnh; vô trước nơi tất cả chư Bồ Tát; vô trước nơi tất cả chư Phật.

Thứ mười bốn là Mười Điều Thủ Lấy Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười điều thủ lấy, do đây mà không dứt hạnh Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ nơi mười điều thủ lấy này thời có thể chẳng dứt Bồ Tát hạnh, và được pháp vô sở thủ vô thượng của tất cả Như Lai. *Thứ nhất* là thủ lấy tất cả chúng sanh giới, vì rốt ráo giáo hóa chúng sanh. *Thứ nhì* là thủ lấy tất cả thế giới vì rốt ráo nghiêm tịnh. *Thứ ba* là thủ lấy Như Lai vì tu hạnh Bồ Tát để cúng dường. *Thứ tư* là thủ lấy thiện căn vì chứa nhóm tướng hảo công đức của chư Phật. *Thứ năm* là thủ lấy đại bi, vì diệt khổ cho tất cả chúng sanh. *Thứ sáu* là thủ lấy đại từ, vì cho tất cả chúng sanh những trí lạc. *Thứ bảy* là thủ lấy Ba La Mật, vì tích tập những trang nghiêm của Bồ Tát. *Thứ tám* là thủ lấy thiện xảo phương tiện, vì đều thị hiện ở tất cả mọi nơi. *Thứ chín* là thủ lấy Bồ Đề, vì được trí vô ngại. *Thứ mười* là thủ lấy tất cả các pháp, vì ở mọi nơi đều dùng minh trí để hiện rõ.

Thứ mười lăm là Mười Điều Tu Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười điều tu của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời tu được đạo quả vô thượng và đạt được tất cả các pháp. *Thứ nhất* là tu các môn Ba La Mật. *Thứ nhì* là tu học. *Thứ ba* là tu huệ. *Thứ tư* là tu nghĩa. *Thứ năm* là tu pháp. *Thứ sáu* là tu thoát ly. *Thứ bảy* là tu thị hiện. *Thứ tám* là tu siêng thực hành chẳng lười. *Thứ chín* là tu thành chánh đẳng chánh giác. *Thứ mười* là tu chuyển chánh pháp luân.

Thứ mười sáu là Mười Điều Tu Tinh Chuyên Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười điều tu tinh chuyên. Chư Bồ Tát an trụ trong những pháp này thời được siêng tu đại trí huệ vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là siêng tu bố thí, vì đều xả thí tất cả mà không cầu báo đáp. *Thứ nhì* là siêng tu trì giới, vì đầu đà khổ hạnh, thiếu dục tri túc. *Thứ ba* là siêng tu nhẫn nhục, vì rời quan niệm ta và người (tự tha), nhẫn chịu tất cả điều khổ não, trọn

không sanh lòng sân hại. *Thứ tư* là siêng tu tinh tấn, vì thân ngữ ý ba nghiệp chưa từng tán loạn, tất cả việc làm đều chẳng thối chuyển mãi đến khi rốt ráo. *Thứ năm* là siêng tu thiền định, vì giải thoát, tam muội xuất hiện thân thông, rời lìa tất cả quyến thuộc, dục lạc, phiền não, và mãn nguyện. *Thứ sáu* là siêng tu trí huệ, vì tu tập chứa nhóm tất cả công đức không nhàm mỏi. *Thứ bảy* là siêng tu đại từ, vì biết tất cả chúng sanh không có tự tánh. *Thứ tám* là siêng tu đại bi, vì biết các pháp đều không, thọ khổ cho tất cả chúng sanh không nhàm mỏi. *Thứ chín* là siêng tu giác ngộ thập lực Như Lai, vì rõ thấu vô ngại chỉ bày cho chúng sanh. *Thứ mười* là siêng tu pháp luân bất thối, vì chuyển đến tâm của tất cả chúng sanh.

Thứ mười bảy là Mười Điều Vui Thích Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Ly Thế Gian, có mười điều vui thích của chư đại Bồ Tát. Bồ tát trụ trong pháp này thời được pháp lạc vô thượng của chư Như Lai. *Thứ nhất* là thích chánh niệm vì tâm chẳng tán loạn. *Thứ nhì* là thích trí huệ vì phân biệt các pháp. *Thứ ba* là thích qua đến tất cả chỗ Phật, vì nghe pháp không nhàm. *Thứ tư* là thích chư Phật, vì đầy khắp mười phương không biên tế. *Thứ năm* là thích Bồ Tát tự tại, vì tất cả chúng sanh dùng vô lượng môn mà hiện thân. *Thứ sáu* là thích các môn tam muội vì nơi một môn tam muội nhập tất cả môn tam muội. *Thứ bảy* là thích Đà La Ni vì thọ trì pháp chẳng quên để dạy lại cho chúng sanh. *Thứ tám* là thích vô ngại biện tài, vì nơi một đoạn một câu, phân biệt diễn thuyết trải qua bất khả thuyết kiếp không cùng tận. *Thứ chín* là thích thành chánh giác, vì tất cả chúng sanh mà dùng vô lượng môn thị hiện thân để thành chánh giác. *Thứ mười* là thích chuyển pháp luân, vì dẹp trừ tất cả pháp dị đạo.

Thứ mười tám là Sự Tu Tập Mười Ba La Mật Của Chư Đại Bồ Tát: Theo truyền thống Đại Thừa, có mười Ba La Mật: *Thứ nhất* là Bố thí Ba la mật (tài thí, pháp thí, vô úy thí). *Thứ nhì* là Trì giới Ba la mật (tự mình giữ giới, khuyên người giữ giới và phát tâm vô thượng). *Thứ ba* là Nhẫn nhục Ba la mật. *Thứ tư* là Tinh Tấn Ba La Mật (bất thối và nói viết pháp tối thắng khiến người nghe được về cõi Chánh giác). *Thứ năm* là Thiền Định Ba La mật (luôn giữ chánh định, giáo hóa chúng sanh, nhập chơn pháp giới). *Thứ sáu* là Bát nhã hay Trí Huệ Ba La Mật (hiểu rõ chơn lý). *Thứ bảy* là Nguyện Ba la mật (nguyện tu từ bi và hóa độ chúng sanh đồng đắc quả vị Phật). *Thứ tám* là Lực Ba la mật (dùng sức trí huệ khiến cho chúng sanh đắc nhập pháp Đại thừa). *Thứ*

chín là Phương tiện Ba la mật (hiểu rõ cách giúp ích cho chúng sanh đáo bỉ ngạn). *Thứ mười* là Trí Ba la mật (hiểu rõ các pháp, giữ vững trung đạo). ***Theo truyền thống Tiểu Thừa, có mười Ba La Mật: Thứ nhất*** là Bố Thí (công hạnh Bố Thí viên mãn). *Thứ nhì* là Trì Giới (công hạnh Trì Giới viên mãn). *Thứ ba* là Xuất Gia (công hạnh Viễn Ly viên mãn). *Thứ tư* là Trí Tuệ (công hạnh Trí Tuệ viên mãn). *Thứ năm* là Tinh Tấn (công hạnh Tinh Tấn viên mãn). *Thứ sáu* là Nhẫn Nhục (công hạnh Nhẫn Nhục viên mãn). *Thứ bảy* là Chân Thật (công hạnh Chân Thật viên mãn). *Thứ tám* là Quyết Định (công hạnh Nguyện Lực viên mãn). *Thứ chín* là Tâm Từ (công hạnh Từ viên mãn). *Thứ mười* là Tâm Xả (công hạnh Xả viên mãn). ***Cũng theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có Mười Ba La Mật Của Chư Đại Bồ Tát: Thứ nhất*** là Thí Ba La Mật, vì xả bỏ tất cả sở hữu. *Thứ nhì* là Giới Ba La Mật, vì trì giữ Phật giới thanh tịnh. *Thứ ba* là Giới Ba La Mật, vì thanh tịnh Phật giới. *Thứ tư* là Tinh tấn Ba La Mật, vì tất cả chỗ làm chẳng thối chuyển. *Thứ năm* là Thiền Ba La Mật, vì chỉ tập trung vào một cảnh. *Thứ sáu* là Bát Nhã Ba La Mật, vì như thật quán sát tất cả chư pháp. *Thứ bảy* là Trí Ba La Mật, vì nhập Phật lực. *Thứ tám* là Nguyện Ba La Mật, vì đầy đủ những đại nguyện Phổ Hiền. *Thứ chín* là Thần thông Ba La Mật, vì thị hiện tất cả công dụng tự tại. *Thứ mười* là Pháp Ba La Mật, vì vào khắp tất cả Phật pháp. Chư Bồ tát an trụ trong mười Ba La Mật này thì được đầy đủ đại trí Ba La Mật vô thượng của chư Phật.

Great Bodhisattvas' Things of Cultivation in the Avatamsaka Sutra

An Overview of Great Bodhisattvas' Things of Cultivation in the Avatamsaka Sutra: According to Buddhism, cultivation (Tu) means correct our characters and obey the Buddha's teachings. "Tu" means to study the law by reciting sutras in the morning and evening, being on strict vegetarian diet and studying all the scriptures of the Buddha, keep all the precepts; however, the most important factors in real "Tu" are to correct your character, to eliminate bad habits, to be joyful and compassionate, to build virtue. In reciting sutras, one must thoroughly understand the meaning. Furthermore, one should also practise meditation on a daily basis to get insight. For laypeople, "Tu" means to mend your ways, from evil to wholesome (ceasing

transgressions and performing good deeds). If Buddhist practitioners want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should try to cultivate some typical methods of Bodhisattvas' ways of cultivation. The Flower Ornament Sutra is one of the profound Mahayana sutras embodying the sermons given by the Buddha immediately following his perfect enlightenment. Flower Adornment Sutra. The Sanskrit title is Avatamsaka, but it is Gandavyuha according to Fa-Tsang's commentary on the sixty-fascicle Garland Sutra. Three translations of the Avatamsaka-sutra in China: First, 60 books translated by Buddhahadra, who arrived in China around 406 A.D., also known as the East-Chin Sutra or the old sutra. Second, 80 books translated by Siksanda, about 700 A.D., also known as the T'ang Sutra or the new sutra. Third, 40 books translated by Prajna around 800 A.D. This translation also included the Dictionary of Classic by Hui-Yuan in 700 A.D. After examining the sutra, we find that there were in the beginning many independent sutras which were later compiled into one encyclopaedic collection, as the subject-matters treated in them are all classified under one head, and they came to be known as Avatamsaka. The Gandavyuha is the Sanskrit title for a text containing the account of Sudhana, the young man, who wishing to find how to realize the ideal life of Bodhisattvahood, is directed by Manjusri the Bodhisattva to visit spiritual leaders one after another in various departments of life and in various forms of existence, altogether numbering fifty-three. This is the basic text of the Avatamsaka School. It is one of the longest and most profound sutras in the Buddhist Canon and records the highest teaching of Buddha Sakyamuni, immediately after enlightenment. It is traditionally believed that the sutra was taught to the Bodhisattvas and other high spiritual beings while the Buddha was in samadhi. The sutra has been described as the "epitome of Buddhist thought, Buddhist sentiment, and Buddhist experiences" and is quoted by all schools of Mahayana Buddhism. The sutra compares the whole Universe to the realization of Vairocana Buddha. Its basic teaching is that myriad things and phenomena are the oneness of the Universe, and the whole Universe is myriad things and phenomena. The below items are Great Bodhisattvas' things of cultivation recorded in the Avatamsaka Sutra.

First, Ten Kinds of Possession by Demons of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there

are ten kinds of possession by demons of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who can leave these ten can attain the supreme supportive power of Buddhas. *First*, mind of laziness. *Second*, narrowness and meanness of aspiration. *Third*, satisfaction with a little practice. *Fourth*, exclusivity or receiving just one practice and refusing all others. *Fifth*, not making great vows. *Sixth*, liking to be in tranquil extinction and annihilating afflictions, forgetting the Bodhi mind. *Seventh*, permanently annihilating birth and death. *Eighth*, giving up the practices of enlightening beings. *Ninth*, not edifying sentient beings. *Tenth*, doubting and repudiating the truth.

Second, Ten Kinds of Quest for Truth of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of quest for truth of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain great knowledge of all elements of Buddhahood without being instructed by another. *First*, quest for truth with a straightforward mind, being free from dishonesty. *Second*, diligent quest for truth, being free from laziness. *Third*, wholly devoted quest for truth, not begrudging their lives. *Fourth*, quest for truth to destroy all sentient beings' afflictions, not doing it for fame, profit, or respect. *Fifth*, quest for truth to benefit self and others, all sentient beings, not just helping themselves. *Sixth*, quest for truth to enter knowledge of wisdom, not taking pleasure in literature. *Seventh*, quest for truth to leave birth and death, not craving worldly pleasures. *Eighth*, quest for truth to liberate sentient beings, engendering the determination for enlightenment. *Ninth*, quest for truth to resolve the doubts of all sentient beings, to free them from vacillation. *Tenth*, quest for truth to fulfill Buddhahood, not being inclined to lesser aims.

Third, Ten Kinds of Realizational Knowledge Possessed by Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of realizational knowledge possessed by Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain skillful use of all the teachings. *First*, they know the unity of all things. *Second*, they know the infinity of all things. *Third*, they know the presence of all things in a single instant. *Fourth*, they know the interpenetration of mental activities of all sentient beings. *Fifth*, they know the equality of faculties of all sentient beings. *Sixth*, they know the impassioned habitual activities of all sentient beings. *Seventh*, they

know the mental compulsions of all sentient beings. *Eighth*, they know the good and bad acts of all sentient beings. *Ninth*, they know all enlightening beings' vows and practices, mastery, preservation of the teaching, and mystical transfigurations. *Tenth*, they know all Buddhas' fulfillment of the ten powers and attainment of true enlightenment.

Fourth, Ten Kinds of Pure Things of Buddhas Always Remembered by Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of pure things of Buddhas that should always be remembered by Enlightening Beings. *First*, all Buddhas' past events should always be remembered by Enlightening Beings. *Second*, all Buddhas' pure superior actions should always be remembered. *Third*, all Buddhas' fulfillment of the ways of transcendence should be always remembered. *Fourth*, all Buddhas' accomplishment of great undertakings should always be remembered. *Fifth*, all Buddhas' accumulation of virtues should always be remembered. *Sixth*, all Buddhas' embodiment of spiritual practice should always be remembered. *Seventh*, all Buddhas' actualization of true enlightenment should always be remembered. *Eighth*, the infinity of all Buddhas' physical forms should always be remembered. *Ninth*, the infinity of all Buddhas' spiritual powers should be always remembered. *Tenth*, all Buddhas' ten powers of confidence should be always remembered.

Fifth, Ten Kinds of Support by Buddhas: According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of support by Buddhas. If Enlightening Beings can get rid of the ten possessions by demons, they can gain ten kinds of support by Buddhas. *First*, they are supported by Buddhas in first being able to aspire to enlightenment. *Second*, in preserving the will for enlightenment life after life without letting it be forgotten. *Third*, in being aware of manias and being able to avoid them. *Fourth*, in learning the way of transcendence and practice them as taught. *Fifth*, in knowing the pain of birth and death, yet not rejecting them. *Sixth*, in contemplating the most profound truth and gaining immeasurable reward. *Seventh*, in expounding the principles of the two lesser vehicles of salvation for the benefit of sentient beings without actually grasping the liberation of those vehicles. *Eighth*, in happily contemplating the uncreated without dwelling therein and not thinking of the created and the uncreated as dual. *Ninth*, in reaching the

realm of birthlessness, yet manifesting birth. *Tenth*, in realizing universal knowledge, yet carrying out the practices of enlightening beings and perpetuating the seed of Enlightening Beings.

Sixth, Ten Kinds of Support by Truth of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of support by truth of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme support of truth of all Buddhas. *First*, knowing all conditioned states are impermanent. *Second*, knowing all conditioned states are painful. *Third*, knowing all conditioned states are identityless egoless). *Fourth*, knowing all phenomena are quiescent nirvana. Fifth, knowing all phenomena arise from conditions and do not come to be without conditions. *Sixth*, knowing that ignorance comes from wrong thought, and finally old age and death come from ignorance, so if wrong thought is extinguished, ignorance is extinguished, and finally old age and death are extinguished. *Seventh*, knowing the three doors of liberation and generating the vehicle of hearers, realizing the state of noncontention and generating the vehicle of individual illuminates. *Eighth*, knowing the six transcendent ways and the four means of integration, generating the Great Vehicle. *Ninth*, knowing that all lands, all phenomena, all sentient beings and all times are spheres of knowledge of Buddhas. *Tenth*, knowing how to cut off all thoughts, abandon all grasping, detach from before and after, and accord with nirvana.

Seventh, Ten Preliminary Conditions That Lead to the Cherishing of the Desire for Supreme Enlightenment: According to the Avatamsaka Sutra, there are ten preliminary conditions that lead to the cherishing of the desire for supreme enlightenment. *First*, kusalamula (skt), the stock of merit is well-filled. *Second*, carana (skt), deeds of goodness are well practiced. *Third*, sambhara (skt), the necessary moral provisions are well stored up. *Fourth*, paryupasita (skt), the Buddhas have respectfully served. *Fifth*, sikla-dharma (skt), works of purity are well accomplished. *Sixth*, kalyanamitra (skt), there are good friends kindly disposed. *Seventh*, visuddhasaya (skt), the heart is thoroughly cleansed. *Eighth*, vipuladhyasaya (skt), broad-mindedness is firmly secured. *Ninth*, adhimukti (skt), a deep sincere faith is

established. *Tenth*, karuna (skt), there is the presence of a compassionate heart.

Eighth, Ten Great Bodhisattvas' Excellent Deeds in the Saha World: According to the Vimalakirti, Chapter Tenth, Vimalakirti said: "As you have said, the Bodhisattvas of this world have strong compassion and their lifelong works of salvation for all living beings surpass those done in other pure lands during hundreds and thousands of aeons. Why? Because they achieved ten excellent deeds which are not required in other pure lands: *First*, charity (dana) to succour the poor. *Second*, precept-keeping (sila) to help those who have broken the commandments. *Third*, patient endurance (ksanti) to subdue their anger. *Fourth*, zeal and devotion (virya) to cure their remissness. *Fifth*, serenity (dhyana) to stop their confused thoughts. *Sixth*, wisdom (prajna) to wipe out ignorance. *Seventh*, putting an end to the eight distressful conditions for those suffering from them. *Eighth*, teaching Mahayana to those who cling to Hinayana. *Ninth*, cultivation of good roots for those in want of merits. *Tenth*, the four Bodhisattva winning devices for the purpose of leading all living beings to their goals (in Bodhisattva development).

Ninth, Ten Kinds of Springing of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of springing of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can achieve the supreme springing of Buddhas in the midst of all things. *First*, the springing of a majestic bull, overshadowing all dragons, yakshas, sanhkinnaras, gandharvas, and other creatures. *Second*, the springing of a majestic elephant with their minds well tamed and gentle all sentient beings and carrying all sentient beings. *Third*, the springing of a great water spirit: Producing dense clouds of the great teaching; flashing the lightning of liberation; reverberating with the thunder of truth; and showering the sweet rain of the spiritual faculties and powers, the elements of enlightenment, meditations, liberations, and concentrations. *Fourth*, the springing of the great golden-winged bird: Evaporating the water of covetousness; breaking the shell of delusion; catching the evil poisonous dragon of affliction; and lifting beings out of the ocean of suffering of birth and death. *Fifth*, the springing of great majestic lion: Resting secure in fearless; using impartial great knowledge as a weapon; and crushing

demons and false teachers. *Sixth*, springing of spirit and strength, able to destroy the enemy and afflictions on the great battlefield of birth and death. *Seventh*, the springing of great knowledge: Knowing the elements of body, mind, and sense experience; knowing other interdependent productions; and freely explaining all things. *Eighth*, the springing of mental command: Retaining teachings by the power of recollection and awareness and expounding the teachings according to the faculties of sentient beings. *Ninth*, the springing of intellectual powers: Uninhibited and swift analyzing everything and causing everyone to receive benefit and be happy. *Tenth*, the springing of realization of Thusness: Fulfilling all aids to the way to omniscience; with instantaneous wisdom attaining all that can be attained. Understanding all that can be understood; sitting on a lion throne; conquering hostile demons; and realizing unexcelled, complete achieve perfect enlightenment.

Tenth, Ten Ways of Getting Rid of Demons' Actions of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Enlightening Beings have ten ways of getting rid of demons' actions. Enlightening Beings who abide by these can escape all demonic ways. *First*, associating with the wise and honoring and serving them. *Second*, not elevating themselves or praising themselves. *Third*, believing in the profound teaching of Buddha without repudiating it. *Fourth*, never ever forgetting the determination for omniscience. *Fifth*, diligently cultivating refined practices, never being lax. Always seeking all the teachings for enlightening beings. *Seventh*, always expounding the truth tirelessly. *The eighth way of getting rid of demons' actions:* Taking refuge with all the Buddhas in the ten directions and thinking of them as saviors and protectors. *Ninth*, faithfully accepting and remembering the support of the spiritual power of the Buddhas. *Tenth*, equally planting the same roots of goodness with all enlightening beings.

Eleventh, Ten Kinds of Attainment of Powers of the Enlightened of Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of attainment of powers of the enlightened of enlightening beings. Enlightening Beings who acquire these ten powers are called Buddhas, truly awake. *First*, attain the powers of the enlightened because they transcend the afflictive

activities of all demons. *Second*, fulfill all enlightening practices and master all concentrations of enlightening beings. *Third*, accomplish all the far-reaching meditations of enlightening beings. *Fourth*, fulfill all the pure means of fostering enlightenment. *Fifth*, attain illumination of knowledge of all things and can think and analyze well. *Sixth*, their bodies pervade all worlds. *Seventh*, can support all by spiritual powers. *Eighth*, their utterances are equal to the minds of all sentient beings. *Ninth*, they are physically, verbally, mentally equal to the Buddhas of all times, and can comprehend the things of all times in a single thought. *Tenth*, attain concentration of precisely aware knowledge and are imbued with the ten powers of the enlightened, from knowledge of what is so and what is not so up to knowledge of extinction of contaminations.

Twelfth, Ten Things That Cause Enlightening Beings to Regress From the Buddha Teachings, Which They Should Avoid: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten things that cause enlightening beings to regress from the Buddha teachings, which they should avoid. Enlightening Beings who avoid these ten things will enter the Enlightening Beings' paths of emancipation. *First*, slighting the wise. *Second*, fearing the pains of birth and death. *Third*, getting tired of practicing the acts of enlightening beings. *Fourth*, not caring to remain in the world. *Fifth*, addiction to concentration. *Sixth*, clinging to roots of goodness. *Seventh*, repudiating the truth. *Eighth*, putting an end to the practices of enlightening beings. *Ninth*, liking the ways of individual liberation. *Tenth*, having aversion to Enlightening Beings.

Thirteenth, Ten Kinds of Nonattachment of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten kinds of nonattachment of Great Enlightening Being. Great enlightening beings abide in the concentration of the differentiated bodies of all sentient beings can attain ten kinds of non-attachment: *First*, non-attachment in all lands. *Second*, non-attachment in all places. *Third*, non-attachment in all times. *Fourth*, non-attachment in respect to all beings. *Fifth*, non-attachment in respect to all phenomena. *Sixth*, non-attachment in respect in respect to all Enlightening Beings. *Seventh*, non-attachment in respect to all Enlightening Beings' vows. *Eighth*, non-attachment in respect to all concentrations. *Ninth*, non-attachment in respect to all Buddhas. *Tenth*, non-attachment in respect

to all the stages of enlightenment. Enlightening Beings who abide by these can quickly overturn all concepts and attain supreme pure wisdom: Non-attachment to all worlds; non-attachment to all sentient beings; non-attachment to all phenomena; non-attachment to all actions; non-attachment to all roots of goodness; non-attachment to all place of birth; non-attachment to all vows; non-attachment to all practices; non-attachment to all Enlightening Beings; non-attachment to all Buddhas.

Fourteenth, Ten Kinds of Grasping by Which They Perpetuate the Practices of Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of grasping by which they perpetuate the practices of Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can perpetuate the practices of Enlightening Beings and attain the Buddhas' supreme state of not grasping anything. *First*, they grasp all realms of sentient beings, to ultimately enlighten them. *Second*, they grasp all worlds, to ultimately purify them. *Third*, they grasp Buddha, cultivating the practices of Enlightening Beings as offerings. *Fourth*, they grasp roots of goodness, accumulating the virtues that mark and embellish the Buddhas. *Fifth*, they grasp great compassion, to extinguish the pains of all sentient beings. *Sixth*, they grasp great benevolence, to bestow on all beings the happiness of omniscience. *Seventh*, they grasp the transcendent ways, to accumulate the adornments of Enlightening Beings. *Eighth*, they grasp skill in means, to demonstrate them everywhere. *Ninth*, they grasp enlightenment, to obtain unobstructed knowledge. *Tenth*, they grasp all things, to comprehend them everywhere with clear knowledge.

Fifteenth, Ten Kinds of Cultivation of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of cultivation of Great Enlightening Beings. Enlightening beings who abide by these can achieve the supreme cultivation and practice all truths. *First*, cultivate the ways of transcendence. *Second*, learning. *Third*, wisdom. *Fourth*, purpose. *Fifth*, righteousness. *Sixth*, emancipation. *Seventh*, manifestation. *Eighth*, diligence. *Ninth*, accomplishment of true awakening. *Tenth*, operation of right teaching.

Sixteenth, Ten Kinds of Diligent Practices of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of diligent practices of Great Enlightening Beings.

Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme practice of great knowledge and wisdom of Buddhas. *First*, diligent practice of giving, relinquishing all without seeking reward. *Second*, diligent practice of self-control, practicing austerities, having few desires, and being content. *Third*, diligent practice of forbearance, detaching from notions of self and other, tolerating all evils without anger or malice. *Fourth*, diligent practice of vigor, their thoughts, words and deeds never confused, not regressing in what they do, reaching the ultimate end. *Fifth*, diligent practice of meditation, liberations, and concentrations, discovering spiritual powers, leaving behind all desires, afflictions, and contention. *Sixth*, diligent practice of wisdom, tirelessly cultivating and accumulating virtues. *Seventh*, diligent practice of great benevolence, knowing that all sentient beings have no nature of their own. *Eighth*, diligent practice of great compassion, knowing that all things are empty, accepting suffering in place of all sentient beings without wearying. *Ninth*, diligent practice to awaken the ten powers of enlightenment, realizing them without obstruction, manifesting them for sentient beings. *Tenth*, diligent practice of the non receding wheel of teaching, proceeding to reach all sentient beings.

Seventeenth, Ten Kinds of Enjoyment of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment from the World, great Enlightening beings gave ten kinds of enjoyment. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme enjoyment of truth of all Buddhas. *First*, they enjoy right mindfulness because their minds are not distracted. *Second*, they enjoy knowledge, distinguishing all things. *Third*, they enjoy visiting all Buddhas, listening to the teaching tirelessly. *Fourth*, they like the Buddhas because they fill the ten directions without bound. *Fifth*, they like enlightening beings because they freely appear in infinite ways for the benefit of sentient beings. *Sixth*, they enjoy the doors of concentration because in one door of concentration they enter all doors of concentration. *Seventh*, they enjoy mental command of mnemonic formula because they hold all the doctrines without forgetting and hand them on to others. *Eighth*, they enjoy unhindered powers of analysis and elucidation, expounding a single saying inexhaustibly. *Ninth*, they enjoy attaining true enlightenment, manifesting bodies in infinite ways, attaining true enlightenment for the sake of sentient beings. *Tenth*, they

enjoy turning the wheel of true teaching, destroying all misleading doctrines.

Eighteenth, Great Enlightening Beings' Cultivation of Ten Transcendent Ways: According to the Mahayana tradition, there are Ten Parimitas: *First*, Giving-paramita or generosity or charity (Dana-paramita (skt). *Second*, Holding Precepts Paramita or morality or discipline (Sila-paramita (skt). *Third*, Patience paramita or forbearance (Kshanti-paramita (skt). *Fourth*, Effort or Vigor paramita or enegy or exertion (Virya-paramita (skt). *Fifth*, Meditation paramita or contemplation (Dhyana-paramita (skt). *Sixth*, Wisdom paramita or prajna wisdom (Prajna-paramita (skt). *Seventh*, Vow paramita or vow for Bodhicitta (Pranidana-paramita (skt). *Eighth*, Power paramita or strength or manifestations of the ten powers (Bala-paramita (skt). *Ninth*, Expedient paramita or right methods or means (Upaya-paramita (skt). *Tenth*, Knowledge paramita or knowledge of the true definition of all dharmas (Jnana-paramita (skt). ***According to the Hinayana tradition, there are Ten Parimitas:*** *First*, Dana (generosity, perfection in giving). *Second*, Sila (keeping precepts, morality, perfection in morality). *Third*, Nekkhamma (renunciation, perfection in renunciation). *Fourth*, Panna (wisdom, perfection in wisdom). *Fifth*, Viriya (vigor, energy, perfection in energy). *Sixth*, Khanti (patience, perfection in patience). *Seventh*, Sacca (truthfulness, perfection in truthfulness). *Eighth*, Aditthana (strong determination, perfection in resolution). *Ninth*, Metta (loving-kindness, perfection in loving-kindness). *Tenth*, Upekkha (equanimity, perfection in equanimity). ***Also according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten transcendent ways possessed by Great Enlightening Beings:*** *First*, transcendent giving, relinquishing all they have. *Second*, transcendent discipline, keeping the precepts of Buddhas pure. *Third*, transcendent tolerance, abiding in the tolerance and forbearance characteristic of the enlightened. *Fourth*, transcendent vigor, not regressing whatever they do. *Fifth*, transcendent meditation, focusing their minds on one point. *Sixth*, transcendent wisdom, observing all things as they truly are. *Seventh*, transcendent knowledge, entering into the powers of Buddhas. *Eighth*, transcendent vowing, fulfilling the great vows of Universal Good. *Ninth*, transcendent spiritual powers, demonstrating all autonomous actions. *Tenth*, transcendent teaching, penetrating all

Buddhas' teachings. Enlightening Beings abide by these principles will attain the supreme transcendent knowledge of the Buddhas.

Chương Ba Mười Một
Chapter Thirty-One

Cảnh Giới Của Bồ Tát

Bồ Tát là người đã giác ngộ, tự hiến đời mình trợ giúp người khác đạt giải thoát. Với sự tự tại, trí huệ và từ bi, Bồ Tát biểu thị một giai đoạn cao của Phật quả nhưng chưa phải là một vị Phật giác ngộ vô thượng viên mãn hoàn toàn. Có nhiều cảnh giới khác nhau của chư Bồ Tát, nhưng ở đây chúng ta chỉ đề cập đến một số cảnh giới tiêu biểu mà chư Bồ Tát đã đạt tới. **Thứ nhất là Mười Cảnh Giới Của Chư Đại Bồ Tát:** Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười cảnh giới của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được cảnh giới đại trí huệ vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là thị hiện môn vô biên pháp giới, làm cho chúng sanh được nhập. *Thứ nhì* là thị hiện tất cả thế giới vô lượng diệu trang nghiêm làm cho chúng sanh được nhập. *Thứ ba* là hóa hiện qua đến tất cả chúng sanh giới, đều phương tiện khai ngộ. *Thứ tư* là nơi thân Như Lai xuất hiện thân Bồ Tát, nơi thân Bồ Tát xuất hiện thân Như Lai. *Thứ năm* là nơi hư không hiện thế giới, nơi thế giới hiện hư không. *Thứ sáu* là nơi sanh tử hiện Niết bàn giới, nơi Niết bàn giới hiện sanh tử giới. *Thứ bảy* là ở trong ngôn ngữ của một chúng sanh xuất sanh ngôn ngữ của tất cả Phật pháp. *Thứ tám* là đem vô biên thân hiện làm một thân, một thân hiện làm tất cả thân sai biệt. *Thứ chín* là đem một thân đầy khắp tất cả pháp giới. *Thứ mười* là ở trong một niệm làm cho tất cả chúng sanh phát tâm Bồ Đề, đều hiện vô lượng thân thành chánh đẳng chánh giác.

Thứ nhì là Mười Cảnh Giới Vô Ngại Dụng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười cảnh giới vô ngại dụng của chư Đại Bồ Tát. *Thứ nhất* là tại cảnh giới pháp giới mà chẳng bỏ cảnh giới chúng sanh. *Thứ nhì* là tại cảnh giới Phật mà chẳng bỏ cảnh giới ma quỷ. *Thứ ba* là tại cảnh giới Niết bàn mà chẳng bỏ cảnh giới sanh tử. *Thứ tư* là nhập cảnh giới như thiết trí mà chẳng dứt Cảnh giới Bồ Tát chủng tánh. *Thứ năm* là trụ nơi cảnh giới tịch tịnh mà chẳng bỏ cảnh giới tán loạn. *Thứ sáu* là trụ nơi cảnh giới hư không, nơi không đi không đến, không hý luận, không tướng trạng, không thể tánh, không ngôn thuyết. Dầu vậy chư Bồ Tát vẫn không lìa bỏ cảnh giới hý luận của tất cả chúng sanh. *Thứ bảy* là trụ nơi cảnh giới những trí lực, giải

thoát mà chẳng bỏ cảnh giới của tất cả những phương sở. *Thứ tám* là nhập cảnh giới vô chúng sanh tế, mà chẳng bỏ giáo hóa tất cả chúng sanh. *Thứ chín* là trụ nơi cảnh giới tịch tịnh thiền định, giải thoát, thần thông, minh trí, mà ở tất cả thế giới thọ sanh. *Thứ mười* là trụ nơi cảnh giới Như Lai tất cả hạnh trang nghiêm thành chánh giác, mà hiện oai nghi tịch tịnh của tất cả Thanh văn, Bích Chi Phật.

Thứ ba là Mười Cảnh Giới Vô Tỷ: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ cảnh giới vô tỉ bất tư nghì của chư Phật. *Thứ nhất* là tất cả chư Phật một lần ngồi kiết già cùng khắp mười phương vô lượng thế giới. *Thứ nhì* là tất cả chư Phật nói một cú nghĩa đều hay khai thị tất cả Phật pháp. *Thứ ba* là tất cả chư Phật phóng một quang minh đều chiếu khắp tất cả thế giới. *Thứ tư* là tất cả chư Phật ở nơi một thân đều hay thị hiện tất cả thân. *Thứ năm* là tất cả chư Phật ở trong một xứ đều hay thị hiện tất cả thế giới. *Thứ sáu* là tất cả chư Phật ở trong một trí đều hay quyết rõ tất cả các pháp không bị ngăn ngại. *Thứ bảy* là tất cả chư Phật ở trong một niệm đều hay qua khắp mười phương thế giới. *Thứ tám* là tất cả chư Phật ở trong một niệm đều hiện Như Lai vô lượng oai lực. *Thứ chín* là tất cả chư Phật ở trong một niệm duyên khắp tam thế Phật và chúng sanh, tâm không tạp loạn. *Thứ mười* là tất cả chư Phật ở trong một niệm cùng với tam thế tất cả Phật đồng một thể không hai.

Bodhisattvas' Realms

Bodhisattva is an enlightening being who, deferring his own full Buddhahood, dedicates himself to helping others attain liberation. In his self-mastery, wisdom, and compassion a Bodhisattva represents a high stage of Buddhahood, but he is not yet a supreme enlightened, fully perfected Buddha. Bodhisattvas have numerous different realms, but here, we only mention some typical realms that Bodhisattvas have reached. ***First, Ten Spheres of Great Enlightening Beings:*** According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten spheres of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these will attain the supreme sphere of great knowledge of Buddhas. *First*, showing infinite ways of access to the realm of reality so that sentient beings can enter. *Second*, showing the infinite wonderful arrays of all worlds, so that sentient beings can enter. *Third*, traveling by projection to the realms of all sentient beings to enlighten them all by appropriate

means. *Fourth*, producing embodiments of Enlightening Beings from the body of Buddhas, producing embodiment of Buddha from the body of an enlightening being. *Fifth*, manifesting the world in the realm of space, manifesting the realm of space in the world. *Sixth*, manifesting the realm of nirvana in the realm of birth and death, manifesting the realm of birth and death in the realm of nirvana. *Seventh*, producing verbalizations of all Buddha teachings in the language of one sentient being. *Eighth*, showing all bodies as one body, one body as all different bodies. *Ninth*, filling all universe with one body. *Tenth*, in one instant causing all sentient beings to rouse the will for enlightenment, each manifesting infinite bodies attaining enlightenment.

Second, Ten Kinds of Unimpeded Function Relating to Realms:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of unimpeded function relating to realms. *First*, abide in the realm of reality without abandoning the realm of sentient beings. *Second*, abide in the realm of Buddhas without abandoning the realm of demons. *Third*, abide in the realm of nirvana without abandoning the realm of birth and death. *Fourth*, enter the realm of omniscience without putting an end to the realm of the nature of Enlightening Beings. *Fifth*, abide in the realm of tranquility and calm without abandoning the realm of distraction. *Sixth*, abide in the spacelike realm where there is no coming or going, no conceptualization, no form, no essence, no verbalization. Yet Enlightening Beings still do not abandon the realm of all sentient beings, conceptual representations. *Seventh*, dwell in the realm of occult powers and liberation, yet without abandoning the realm of specific locations. *Eighth*, enter the realm of ultimate nonexistence of sentient beings, yet they do not give teaching all sentient beings. *Ninth*, dwell in the realm of meditation, liberation, spiritual powers, and higher knowledges, quiet and peaceful, yet they manifest birth in all worlds. *Tenth*, dwell in the realm of realization of true enlightenment adorned by all the deeds of Buddhas, yet they manifest the composed, tranquil comportment of the personally liberated and individually illuminated.

Third, Ten Kinds of Peerless Inconceivable Realms: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of peerless inconceivable realms of all Buddhas. *First*, all Buddhas, once sitting, pervade infinite worlds in the ten directions. *Second*, all

Buddhas, uttering one logical statement, can express all Buddha teachings. *Third*, all Buddhas, emanating one light, can illuminate all worlds. *Fourth*, all Buddhas, in one body, can manifest all bodies. *Fifth*, all Buddhas can show all worlds in one place. *Sixth*, all Buddhas can ascertain all things within one knowledge without any impediment. *Seventh*, all Buddhas can travel to all worlds in the ten directions in a single moment of thought. *Eighth*, all Buddhas can manifest the infinite spiritual powers of the enlightened in a single instant. *Ninth*, all Buddhas can focus on all Buddhas and sentient beings of past, present and future in a single instant without confusion of mind. *Tenth*, all Buddhas are in one instant essentially the same as all Buddhas of past, future and present.

Chương Ba Mươi Hai
Chapter Thirty-Two

Nhập Kiếp-Nhập Thế Giới-Đản Sanh

Như trên đã nói, chư Bồ Tát là những người đã giác ngộ, tự hiến đời mình trợ giúp người khác đạt giải thoát, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thủy chúng sanh. Với sự tự tại, trí huệ và từ bi, chư Bồ Tát biểu thị một giai đoạn cao của Phật quả nhưng chưa phải là một vị Phật giác ngộ vô thượng viên mãn hoàn toàn. Có nhiều cách nhập kiếp, nhập thế giới và đản sanh khác nhau của chư Bồ Tát, nhưng ở đây chúng ta chỉ đề cập đến một số cách tiêu biểu mà chư Bồ Tát đã thực hành. Nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập theo một số pháp tu tiêu biểu của chư Bồ Tát.

Mười Cách Nhập Kiếp Của Chư Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm. Có mười cách mà chư Bồ tát nhập kiếp được Phật nói đến. Điều này có nghĩa là chư Bồ Tát nhập vào khắp tất cả các kiếp. *Thứ nhất* là nhập kiếp quá khứ. *Thứ nhì* là nhập kiếp vị lai. *Thứ ba* là nhập kiếp hiện tại. *Thứ tư* là nhập kiếp đếm được. *Thứ năm* là nhập kiếp không đếm được. *Thứ sáu* là nhập kiếp đếm được cùng là kiếp không đếm được. *Thứ bảy* là nhập kiếp không đếm được cùng là kiếp đếm được. *Thứ tám* là nhập tất cả kiếp cùng là phi kiếp. *Thứ chín* là nhập phi kiếp cùng là nhập tất cả kiếp. *Thứ mười* là nhập tất cả kiếp cùng một niệm.

Mười Cách Nhập Thế Giới Của Chư Bồ Tát: Theo lời Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, chư Đại Bồ Tát có mười cách nhập thế giới hay nhập mười phương thế giới. *Thứ nhất* là nhập thế giới nhiễm. *Thứ nhì* là nhập thế giới tịnh. *Thứ ba* là nhập thế giới nhỏ. *Thứ tư* là nhập thế giới lớn. *Thứ năm* là nhập thế giới vi trần. *Thứ sáu* là nhập thế giới vi tế. *Thứ bảy* là nhập thế giới đảo lộn (thế giới úp). *Thứ tám* là nhập thế giới ngựa. *Thứ chín* là nhập thế giới có Phật. *Thứ mười* là nhập thế giới không Phật.

Mười Cách Sanh Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười cách sanh của chư Đại Bồ Tát. Mười cách tái sanh của đại Bồ Tát, vì điều phục chúng sanh mà thị hiện như vậy. *Thứ nhất* là xa lìa ngu si, mà sanh với chánh niệm chánh tri. *Thứ nhì* là phóng lưới đại quang minh chiếu khắp đại thiên thế giới mà sanh. *Thứ ba* là trụ tối hậu hữu, chẳng còn thọ thân sau mà sanh. *Thứ tư* là bất sanh bất

khởi mà sanh. *Thứ năm* là biết tam giới như huyễn mà sanh. *Thứ sáu* là khắp hiện thân nơi thập phương thế giới mà sanh. *Thứ bảy* là chứng thân như thiết chủng trí mà sanh. *Thứ tám* là phóng tất cả Phật quang minh khắp giác ngộ tất cả thân chúng sanh mà sanh. *Thứ chín* là nhập đại trí quán sát tam muội thân mà sanh. *Điều sanh thứ mười của chư Đại Bồ Tát*: Bồ Tát lúc sanh, chấn động tất cả các cõi Phật; giải thoát tất cả chúng sanh; diệt trừ tất cả ác đạo; che chói tất cả chúng ma; và vô số chư Bồ Tát đều đến nhóm họp.

Entry into Ages-Entry into Worlds-Birth

As mentioned above, Bodhisattvas are enlightening beings who, deferring their own full Buddhahood, dedicate themselves to helping others attain liberation, and vow to forego complete enlightenment until they help all other beings attain enlightenment. In their self-mastery, wisdom, and compassion Bodhisattvas represent a high stage of Buddhahood, but they are not yet the supreme enlightened, or fully perfected Buddha. Bodhisattvas have numerous different ways of entry into ages, entry into worlds and births into worlds to help beings, but here, we only mention some typical ways that Bodhisattvas have practiced. If practitioners want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should try to cultivate some typical methods of Bodhisattvas' ways of cultivation.

Ten Kinds of Entry into Ages by Enlightening Beings: According to The Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of entry into ages by Enlightening Beings mentioned by the Buddha. This means they enter all ages. *First*, they enter into past ages. *Second*, they enter into future ages. *Third*, they enter into present ages. *Fourth*, they enter into countable ages. *Fifth*, they enter into uncountable ages. *Sixth*, they enter into countable ages as uncountable ages. *Seventh*, they enter into uncountable ages as countable ages. *Eighth*, they enter all ages as not ages. *Ninth*, they enter nonages as all ages. *Tenth*, they enter all ages as one instant.

Ten Kinds of Entry into Worlds of Enlightening Beings: According to the Buddha in the Flower Adornment Sutra, Great Enlightening Beings have ten kinds of entry into worlds or ten directions. *First*, they enter defiled worlds. *Second*, they enter pure worlds. *Third*, they enter

small worlds. *Fourth*, they enter large worlds. *Fifth*, they enter worlds within atoms. *Sixth*, they enter subtle worlds. *Seventh*, they enter inverted worlds. *Eighth*, they enter upright worlds. *Ninth*, they enter the worlds where there are Buddhas. *Tenth*, they enter the worlds where there are no Buddhas.

Ten Kinds of Birth of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of birth of Great Enlightening Beings which they manifest in order to pacify sentient beings. *First*, birth with right awareness and right knowledge, free from folly and delusion. *Second*, birth radiating great networks of light beams illuminating the whole universe. *Third*, birth in the final existence, never to be reincarnated. *Fourth*, unborn, unoriginated birth. *Fifth*, birth knowing the triple world to be like an illusion. *Sixth*, birth appearing corporeally everywhere in all worlds in the ten directions. *Seventh*, birth in a body realizing omniscience. *Eighth*, birth in a body emanating the lights of all Buddhas and awakening all sentient beings. *Ninth*, birth in a body entering contemplative concentration with great knowledge. *The tenth birth of Great Enlightening Beings:* When Great Enlightening Beings are born, they shake all Buddha-lands; liberate all sentient beings; annihilate all states of misery; eclipse all demons; and innumerable enlightening beings come and gather around them.

Chương Ba Mươi Ba
Chapter Thirty-Three

Chỗ Của Chư Đại Bồ Tát

Như trên đã nói, chư Bồ Tát là những người đã giác ngộ, tự hiến đời mình trợ giúp người khác đạt giải thoát, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thủy chúng sanh. Với sự tự tại, trí huệ và từ bi, chư Bồ Tát biểu thị một giai đoạn cao của Phật quả nhưng chưa phải là một vị Phật giác ngộ vô thượng viên mãn hoàn toàn. Chư Đại Bồ Tát có nhiều chỗ khác nhau, nhưng ở đây chúng ta chỉ đề cập đến một số chỗ tiêu biểu mà chư Bồ Tát đã lấy làm trú xứ trên bước đường tu tập. Nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng đi vào một số nơi tiêu biểu mà chư Bồ Tát đã từng đi qua trên bước đường hành hoạt cứu thế.

Thứ nhất là Mười Chỗ An Trụ Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười chỗ an trụ của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được an trụ như thiết trí vô thượng. *Thứ nhất* là an trụ tâm Bồ Đề, chưa từng quên mất. *Thứ nhì* là an trụ Ba La Mật, vì chẳng nhằm trợ đạo. *Thứ ba* là an trụ thuyết pháp, vì tăng trưởng trí huệ. *Thứ tư* là an trụ nơi bình đẳng vô tư, vì chứng đại thiên định. *Thứ năm* là an trụ tùy thuận nơi nhất thiết trí, đầu đà, trì túc, điều tiết trong ăn, mặc, và ở; diệt bỏ những điều ác, và thiếu dục thiếu sự. *Thứ sáu* là an trụ thâm tín, vì gánh vác chánh pháp. *Thứ bảy* là an trụ thân cận các Đức Như Lai, vì học Phật oai nghi. *Thứ tám* là an trụ xuất sanh thân thông, vì viên mãn đại trí. *Thứ chín* là an trụ đặc nhẫn, vì viên mãn thọ ký. *Thứ mười* là an trụ đạo tràng, vì đầy đủ thập lực, vô úy và tất cả Phật pháp.

Thứ nhì là Mười Chỗ Nằm Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười chỗ nằm của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong mười chỗ nằm này thời được chỗ nằm đại pháp vô thượng của Như Lai, đều có thể khai ngộ tất cả chúng sanh. *Thứ nhất* là chỗ nằm tịch tịnh, vì thân tâm yên lặng. *Thứ nhì* là chỗ nằm thiên định, vì tu hành đúng lý. *Thứ ba* là chỗ nằm tam muội, vì thân tâm nhu nhuyễn. *Thứ tư* là chỗ nằm thiện nghiệp, vì về sau chẳng ăn năn. *Thứ năm* là chỗ nằm Phạm thiên, vì chẳng não hại mình và người. *Thứ sáu* là chỗ nằm chánh tín, vì chẳng bị khuynh động. *Thứ bảy* là chỗ nằm chánh

đạo, vì thiện hữu khai giác. *Thứ tám* là chỗ nằm diệu nguyện, vì thiện xảo hồi hướng. *Thứ chín* là chỗ nằm tất cả việc đều xong, vì việc làm đều hoàn mãn. *Thứ mười* là chỗ nằm bỏ qua những công dụng vì tất cả đều quen thuộc.

Thứ ba là Mười Chỗ Ngồi Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười chỗ ngồi của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ nơi mười chỗ ngồi này thời được chỗ ngồi chánh giác vô thượng của Đức Như Lai. *Thứ nhất* là chỗ ngồi chuyên luân vương, vì phát khởi mười thiện đạo. *Thứ nhì* là chỗ ngồi Tứ Thiên vương, vì ở tất cả thế gian tự tại an lập Phật pháp. *Thứ ba* là chỗ ngồi Đế Thích, vì làm thắng chủ cho tất cả chúng sanh. *Thứ tư* là chỗ ngồi Phạm vương, vì ở người và mình tâm đều được tự tại. *Thứ năm* là chỗ ngồi sư tử, vì hay thuyết pháp. *Thứ sáu* là chỗ ngồi chánh pháp, vì dùng sức tổng trì biện tài mà khai thị. *Thứ bảy* là chỗ ngồi kiên cố, vì thệ nguyện rất ráo. *Thứ tám* là chỗ ngồi đại từ, vì làm cho các chúng sanh hung dữ đều hạnh phúc. *Thứ chín* là chỗ ngồi đại bi, vì nhẫn chịu tất cả đau khổ chẳng mỗi nhàm. *Thứ mười* là chỗ ngồi kim cang, vì hàng phục ma quân và ngoại đạo.

Thứ tư là Mười Chỗ Sở Hành Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười chỗ sở hành của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được chỗ sở hành đại trí huệ vô thượng của Đức Như Lai. *Thứ nhất* là dùng chánh niệm làm chỗ sở hành, vì đầy đủ niệm xứ. *Thứ nhì* là dùng những xu hướng làm chỗ sở hành, vì xu hướng pháp chánh giác. *Thứ ba* là dùng trí huệ làm chỗ sở hành, vì được Phật hoan hỷ. *Thứ tư* là dùng Ba La Mật làm chỗ sở hành, vì đầy đủ như thiết chủng trí. *Thứ năm* là dùng tứ nhiếp pháp làm chỗ sở hành, vì nhờ đó mà giáo hóa chúng sanh. *Thứ sáu* là dùng sanh tử làm chỗ sở hành, vì chứa nhóm thiện căn. *Thứ bảy* là dùng sự nói chuyện đùa tạt với chúng sanh làm chỗ sở hành, vì tùy nghi giáo hóa và khiến cho chúng sanh được giải thoát. *Thứ tám* là dùng thần thông làm chỗ sở hành, vì biết cảnh giới các căn của tất cả chúng sanh. *Thứ chín* là dùng phương tiện thiện xảo làm chỗ sở hành, vì tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật. *Thứ mười* là dùng đạo tràng làm chỗ sở hành, vì thành như thiết trí mà chẳng dứt hạnh Bồ Tát.

Thứ năm là Mười Chỗ Sở Trụ Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười chỗ sở trụ của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được chỗ sở trụ vô ngại vô thượng

của Như Lai. *Thứ nhất* là dùng đại từ làm chỗ sở trụ, vì tâm bình đẳng với tất cả chúng sanh. *Thứ nhì* là dùng đại bi làm chỗ sở trụ, vì chẳng khinh người chưa học. *Thứ ba* là dùng chỗ đại hỷ làm chỗ sở trụ, vì rời tất cả ưu não. *Thứ tư* là dùng đại xả làm chỗ sở trụ, vì nơi hữu vi vô vi đều bình đẳng. *Thứ năm* là dùng tất cả Ba La Mật làm chỗ sở trụ, vì lấy Bồ Đề tâm làm đầu. *Thứ sáu* là dùng nhứt thiết không làm chỗ sở trụ, vì thiện xảo quán sát. *Thứ bảy* là dùng vô tướng làm chỗ sở trụ, vì chẳng ra khỏi chánh vị. *Thứ tám* là dùng vô nguyện làm chỗ sở trụ, vì quán sát thọ sanh. *Thứ chín* là dùng niệm huệ làm chỗ sở trụ, vì nhân pháp thành tựu viên mãn. *Thứ mười* là dùng tất cả pháp bình đẳng làm chỗ sở trụ, vì được thọ ký.

Thứ sáu là Mười Cung Điện Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Đại Bồ Tát có mười cung điện. Chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được pháp quán đánh nơi tất cả thế gian thần lực tự tại. *Thứ nhất* là Bồ Đề tâm là cung điện của Bồ Tát vì hằng không quên mất. *Thứ nhì* là thập thiện nghiệp đạo phước đức trí huệ là cung điện của Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh cõi dục. *Thứ ba* là tứ phạm trụ thiền định là cung điện của Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh cõi sắc. *Thứ tư* là sanh Tịnh Cư Thiên là cung điện của Bồ Tát, vì tất cả phiền não chẳng nhiễm. *Thứ năm* là sanh vô sắc giới là cung điện của Bồ Tát vì khiến tất cả chúng sanh lìa chỗ nạn. *Thứ sáu* là sanh vào thế giới tạp nhiễm là cung điện của Bồ Tát, vì khiến tất cả chúng sanh dứt phiền não. *Thứ bảy* là thị hiện ở nội cung thế tử quyến thuộc là cung điện của Bồ Tát, vì thành tựu chúng sanh đồng hạnh thừa xưa. *Thứ tám* là thị hiện ở ngôi luân vương, tứ thiên vương, đế thích, phạm vương là cung điện của Bồ Tát, vì điều phục chúng sanh tâm tự tại. *Thứ chín* là tất cả Bồ Tát hạnh du hí thần thông đều được tự tại là cung điện của Bồ Tát, vì giỏi du hí các thiền, giải thoát, tam muội trí huệ. *Thứ mười* là tất cả chư Phật thọ ký nhứt thiết trí, quán đánh tự tại vô thượng là cung điện của Bồ Tát, vì trụ thập lực trang nghiêm, làm việc tự tại của Pháp Vương.

Thứ bảy là Mười Loại Viên Lâm Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười loại viên lâm của chư đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại hạnh an lạc lìa ưu não vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là sanh tử là viên lâm của Bồ Tát vì không nhầm bỏ. *Thứ nhì* là giáo hóa chúng sanh là viên lâm của Bồ Tát vì không mỗi một. *Thứ ba* là trụ tất cả kiếp là viên lâm của Bồ

Tát, vì nhiếp những hạnh lớn. *Thứ tư* là thanh tịnh thế giới là viên lâm của Bồ Tát vì là chỗ dừng ở của Bồ Tát. *Thứ năm* là tất cả cung điện của ma là viên lâm của Bồ Tát, vì hàng phục được chúng ma. *Thứ sáu* là tư duy pháp đã được nghe là viên lâm của Bồ Tát, vì đúng như lý quán sát. *Thứ bảy* là sáu pháp Ba-La-Mật, tứ nhiếp pháp, và ba mươi bảy phẩm trợ đạo là viên lâm của Bồ Tát vì là cảnh giới tiếp nối của Đức Phật. *Thứ tám* là thập lực, tứ vô úy, mười tám pháp bất cộng, nhấn đến tất cả Phật pháp đều là viên lâm của Bồ Tát vì chẳng niệm nhớ những pháp khác. *Thứ chín* là thị hiện tất cả Bồ Tát oai lực tự tại thân thông là viên lâm của Bồ Tát, vì dùng đại thần lực chuyển pháp luân điều phục chúng sanh không thôi nghỉ. *Thứ mười* là một niệm ở tất cả xứ vì tất cả chúng sanh thị hiện thành chánh giác là viên lâm của Bồ Tát, vì pháp thân cùng khắp hư không tất cả thế giới.

Thứ tám là Mười Cửa Giải Thoát Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười cửa giải thoát của chư Đại Bồ tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được môn giải thoát vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là môn giải thoát một thân cùng khắp tất cả thế giới. *Thứ nhì* là môn giải thoát thị hiện vô lượng những loại sắc tướng nơi tất cả thế giới. *Thứ ba* là môn giải thoát đem tất cả thế giới vào một cõi Phật. *Thứ tư* là môn giải thoát khắp gia trì tất cả chúng sanh giới. *Thứ năm* là môn giải thoát dùng thân trang nghiêm của tất cả Phật đầy khắp tất cả thế giới. *Thứ sáu* là môn giải thoát trong thân mình thấy tất cả thế giới. *Thứ bảy* là môn giải thoát trong một niệm qua tất cả thế giới. *Thứ tám* là môn giải thoát thị hiện tất cả Như Lai xuất thế. *Thứ chín* là môn giải thoát một thân đầy khắp cả pháp giới. *Thứ mười* là môn giải thoát trong một niệm thị hiện tất cả Phật du hí thân thông.

Bên cạnh đó, theo Kinh Phúng Tụng trong Trường Bộ Kinh, đức Phật dạy có mười Thánh Cư hay chỗ của bậc Thánh. *Thánh cư thứ nhất là vị Tỳ Kheo đã đoạn trừ năm chi:* tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, trạo hối, và nghi hoặc. *Thánh cư thứ nhì là vị Tỳ Kheo đầy đủ sáu chi:* Thứ nhất, mắt thấy sắc, không có ý thích hay không thích, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Thứ nhì, tai nghe thanh, không khởi ý thích hay không thích, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Thứ ba, mũi ngửi hương, không khởi ý thích hay không thích, trú xả, chánh niệm và tỉnh giác. Thứ tư, lưỡi nếm vị, không khởi ý thích hay không thích, trú xả, chánh niệm và tỉnh giác. Thứ năm, thân xúc chạm, không khởi ý thích

hay không thích, trú xả, chánh niệm và tỉnh giác. Thứ sáu, ý nhận thức pháp, không khởi ý thích hay không thích, trú xả, chánh niệm và tỉnh giác. *Thánh cư thứ ba* là vị Tỳ Kheo hộ trì tức là thành tựu sự hộ trì về niệm. *Thánh cư thứ tư* là vị Tỳ Kheo có thực hiện Tứ Y Pháp. *Thánh cư thứ năm* là vị Tỳ Kheo loại bỏ các giáo điều: Bất cứ các giáo điều mà các đầu đà khổ hạnh và Bà La Môn thường chủ trương, thì đều bị vị Tỳ Kheo loại bỏ, bỏ qua một bên, không chấp nhận, và phóng xả. *Thánh cư thứ sáu* là vị Tỳ Kheo đoạn trừ các mong cầu về dục vọng, về hiện hữu, và về phạm hạnh. *Thánh cư thứ bảy* là vị Tỳ Kheo với tâm tư không trệ phược: đoạn trừ các tâm tư dục vọng, đoạn trừ các tâm tư sân hận, và đoạn trừ các tâm tư não hại. *Thánh cư thứ tám* là vị Tỳ Kheo thân hành được khinh an (Passaddha-kaya-sankaro (p)). Vị Tỳ Kheo đoạn trừ khổ lạc, diệt các hỷ ưu từ trước, chứng và an trú trong Tứ Thiền. *Thánh cư thứ chín* là vị Tỳ Kheo tâm thiện giải thoát: Vị Tỳ Kheo tâm thiện giải thoát khỏi tham, sân, si. *Thánh cư thứ mười* là vị Tỳ Kheo tuệ thiện giải thoát: Vị Tỳ Kheo tuệ thiện giải thoát biết rằng nơi mình tham, sân, si đã được đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây ta la bị chặt, đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sinh khởi trong tương lai. Trong Phật giáo, Bồ Tát là những vị tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sanh và thành Phật quả. Mục đích tối thượng của chư Bồ Tát là chứng đắc vô thượng quả Phật. Bất cứ nơi nào chư Bồ Tát tới đều với mục đích hàng đầu là tự lợi, lợi tha, giác hạnh viên mãn. Nói chung, mục đích của chư Bồ Tát là thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh. Theo Phật giáo, chư Bồ Tát đã kinh qua nhiều chỗ khác nhau, ở đây chúng ta chỉ đề cập đến một số chỗ tiêu biểu trên đường hành Bồ Tát Đạo của họ mà thôi.

Great Bodhisattvas' Abiding

As mentioned above, Bodhisattvas are enlightening beings who, defering their own full Buddhahood, dedicate themselves to helping others attain liberation, and vow to forego complete enlightenment until they help all other beings attain enlightenment. In their self-mastery, wisdom, and compassion Bodhisattvas represent a high stage of Buddhahood, but they are not yet the supreme enlightened, or fully perfected Buddha. Bodhisattvas have numerous different abidings, but

here, we only mention some typical abidings that Bodhisattvas have taken as abiding places on their path of cultivation. If practitioners want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should also try to enter into some typical abidings of Bodhisattvas on their way of salvation of beings.

First, Ten Kinds of Abiding of Great Enlightening Beings:

According to The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of abiding of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can reach the Buddhas' supreme abiding in omniscience. *First*, abiding in the will for enlightenment, never forgetting it. *Second*, abiding in the transcendent ways, not tiring for fostering enlightenment. *Third*, abiding in the teaching of truth, increasing wisdom. *Fourth*, abiding in dispassion, realizing great meditational concentration. *Fifth*, abiding in conformity to universal knowledge, austerity, contentment, moderation in food, clothing, and dwelling, getting rid of evil, and few desires mean few concerns. *Sixth*, abiding in deep faith, bearing the true Teaching. *Seventh*, abiding in the company of the enlightened, to learn the conduct of Buddhas. *Eighth*, abiding in generation of spiritual powers, to fulfill great knowledge. *Ninth*, abiding in attainment of acceptance, fulfilling the forecast of enlightenment. *Tenth*, abiding in the site of enlightenment, fulfilling powers, fearlessness, and all aspects of Buddhahood.

Second, Ten Kinds of Reclining of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of reclining of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme reclining of the great teaching of Buddhas and be able to awaken all sentient beings. *First*, the reclining of silent tranquility, because of practicing in accord with principle. *Second*, the reclining of meditation, because of practicing in accord with the truth. *Third*, the reclining of concentration, because of body and mind being supple. *Fourth*, the reclining of good works, because of not having regrets afterward. *Fifth*, the reclining of Brahma, because of not disturbing self or others. *Sixth*, the reclining of true faith, because of being unshakable. *Seventh*, the reclining of the right path, because of awakening by good companions. *Eighth*, the reclining of sublime aspirations, because of skillful dedication. *Ninth*, the reclining of completion of all tasks, because of having accomplished all

that is to be done. *Tenth*, the reclining of relinquishment of all effort, because of thorough training.

Third, Ten Kinds of Sitting of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of sitting of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the Buddhas' supreme sitting of true awareness. *First*, the sitting of universal monarchs, promoting all virtuous behavior. *Second*, the sitting of guardian deities, independently establishing the Buddha teaching in all worlds. *Third*, the sitting of Indra, king of gods, being superior lords of all sentient beings. *Fourth*, the sitting of Brahma, being in control of their own and others' minds. *Fifth*, the sitting of lions, being able to expound the truth. *Sixth*, the sitting of right teaching, holding forth by means of mental command and intellectual powers. *Seventh*, steadfast sitting, vowing to reach the ultimate end. *Eighth*, the sitting of great benevolence, bringing happiness to all evil sentient beings. *Ninth*, the sitting of great compassion, tirelessly enduring all pains. *Tenth*, adamantine sitting, Conquering demons and false teachers.

Fourth, Ten Kinds of Sphere of Action of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of sphere of action of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can reach the supreme sphere of action of great wisdom of Buddhas. *First*, they take right mindfulness as their sphere of action, as they fulfill the points of mindfulness. *Second*, they take all realms of beings as their sphere of action, as they become truly aware of this implications of the Teaching. *Third*, they take wisdom as their sphere of action, gaining the joy of Buddhas. *Fourth*, they take the transcendent ways as their sphere of action, as they fulfill omniscience. *Fifth*, they take the four integrative practices as their sphere of action, as they educate sentient beings. *Sixth*, they take birth and death as their sphere of action, as they accumulate roots of goodness. *Seventh*, they take bantering with all sentient beings as their sphere of action, as they teach them according to their needs and cause them to become free. *Eighth*, they take spiritual powers as their sphere of action, as they know the realms of the senses of all sentient beings. *Ninth*, they take skill in means as their sphere of action, uniting them with transcendent wisdom. *Tenth*, they

take the site of enlightenment as their sphere of action, as they attain universal knowledge, without stopping the practices of Enlightening Beings.

Fifth, Ten Kinds of Abode of Great Enlightening Beings:

According to The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of abode of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can reach the supreme abode of Buddhas where there is no obstruction. *First*, the abode of great goodwill, being impartial toward all sentient beings. *Second*, the abode of great compassion, not slighting the uncultivated. *Third*, the abode of great joy, aloof from all vexations. *Fourth*, the abode of great equanimity, regarding the created and uncreated equally. *Fifth*, the abode of transcendent ways, being led by the aspiration for enlightenment. *Sixth*, the abode of universal emptiness, by virtue of skillful analysis. *Seventh*, the abode of signlessness, not leaving the absolute state. *Eighth*, the abode of wishlessness, examining the experience of taking on life. *Ninth*, the abode of recollection and awareness, by virtue of full development of recognition of truth. *Tenth*, the abode of equality of all things, by virtue of having gained the prediction of Buddhahood.

Sixth, Ten Kinds of Palace of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of palace of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain coronation by truth and freedom of spiritual powers in all worlds. *First*, the determination is a palace of Enlightening Beings because they never forget it. *Second*, the blessing and wisdom of virtuous conduct are a palace for Enlightening Beings because they civilize sentient beings in the realm of desire. *Third*, the meditative concentrations of pure benevolence, compassion, joy, and equanimity are a palace of Enlightening Beings because they teach the sentient beings in the realm of form. *Fourth*, birth in the heaven of pure abodes is a palace of Enlightening Beings because no afflictions can affect them. *Fifth*, birth in the formless realm is a palace of Enlightening Beings because they enable sentient beings to escape difficult situations. *Sixth*, birth in the world of defilement is a palace of Enlightening Beings because they enable all sentient beings to cut off afflictions. *Seventh*, appearing to abide in a mansion with spouse, children, and retinue, is a palace of Enlightening Beings, because they

develop their past associates. *Eighth*, appearing to dwell in the rank of ruler, celestial world guardian, Indra, or Brahma is a palace of Enlightening Beings, in order to tame beings with the mentality of controllers. *Ninth*, persisting in all practices of Enlightening Beings, freely exercising spiritual powers and attaining mastery of them all, is a palace of enlightening beings because they autonomously and skillfully exercise the knowledge of meditations, liberations, and concentrations. *Tenth*, the guarantee that all Buddhas receive of coronation as a mornach of all knowledge, supremely independent, is a palace of Enlightening Beings because they abide among the adornments of the ten powers and perform the autonomous deeds of all mornachs of truth.

Seventh, Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Grove: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of grove of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can achieve the Buddhas' unexcelled peaceful, happy action, free from sorrow and affliction. *First*, birth and death is a grove for Enlightening Beings because they do not reject it. *Second*, teaching sentient beings is a grove for Enlightening Beings because they do not tire of it. *Third*, living in all ages is a grove of Enlightening Beings because they embrace all great deeds. *Fourth*, purifying the world is a grove for Enlightening Beings because it is where they themselves sojourn. *Fifth*, all abodes of demons are a grove for Enlightening Beings because they conquer them all. *Sixth*, thinking about the teaching they hear is a grove for Enlightening Beings because they examine them truthfully. *Seventh*, the six ways of transcendence, four means of integration, and thirty-seven aids to enlightenment are a grove for Enlightening Beings because they succeed to the domain of the Buddha. *Eighth*, the ten powers, four fearlessnesses, eighteen unique qualities, and all other aspects of Buddhahood are a grove for Enlightening Beings because they do not think of anything else. *Ninth*, manifesting the autonomous spiritual capacities of all Enlightening Beings is a grove for enlightening beings because they use great spiritual powers to turn the wheel of teaching unceasingly and civilize sentient beings. *Tenth*, instantly showing all sentient beings the attainment of true enlightenment in all places is a grove of Enlightening Beings because the body of reality pervades all worlds in space.

Eighth, Ten Kinds of Doors of Liberation of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of doors of liberation of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme door of liberation of Buddhas. *First*, pervading all worlds with one body. *Second*, showing infinite various forms in all worlds. *Third*, putting all worlds in one Buddha-field. *Fourth*, universally supporting all realms of sentient beings. *Fifth*, filling all worlds with the adornment bodies of all Buddhas. *Sixth*, seeing all worlds in one's own body. *Seventh*, seeing all worlds through one thought. *Eighth*, showing the emergence of all Buddhas in one world. *Ninth*, filling all worlds with one body. *Tenth*, showing the free play of spiritual powers of all Buddhas in a single instant.

Besides, according to the Sangiti Sutta (Sutra) in the Long Discourses, the Buddha taught that there were ten Ariyan dispositions (Ariya-vasa (p). *The first Ariyan dispositions, a monk who has got rid of five factors:* sensuality, ill-will, sloth and torpor, worry and flurry, and doubt. *The second Ariyan dispositions, a monk who possesses six factors:* First, on seeing object with the eye, he is neither pleased nor displeased, but remains equable, mindful and clearly aware. Second, on hearing a sound with the ear, he is neither pleased nor displeased, but remains equable, mindful and clearly aware. Third, on smelling a smell with the nose, he is neither pleased nor displeased, but remains equable, mindful and clearly aware. Fourth, on tasting a flavour with the tongue, he is neither pleased nor displeased, but remains equable, mindful and clearly aware. Fifth, on touching a tangible object, he is neither pleased nor displeased, but remains equable, mindful and clearly aware. Sixth, on cognising a mental object with the mind, he is neither pleased nor displeased, but remains equable, mindful and clearly aware. *The third Ariyan dispositions, a monk who has established the guard by guarding his mind with mindfulness. The fourth Ariyan dispositions, a monk who practices the Four Supports. The fifth Ariyan dispositions, a monk who has got rid of individual beliefs. Whatever individual beliefs are held by the majority of ascetics and Brahmins, a monk has dismissed, abandoned, rejected, let go. The sixth Ariyan dispositions, a monk who has quite abandoned quests for sense-desires, for rebirth, and for the holy life. The seventh Ariyan*

dispositions, a monk who is pure of motive: has abandoned thoughts of sensuality; has abandoned ill-will; and has abandoned cruelty. *The eighth Ariyan dispositions*, a monk who has tranquillized his emotions once he has given up pleasure and pain with the disappearance of former gladness and sadness, he enters into a state beyond pleasure and pain which is purified by equanimity, and this is the fourth jhana. *The ninth Ariyan dispositions*, a monk who is well emancipated in heart. He is liberated from the thought of greed, hatred and delusion. *The tenth Ariyan dispositions*, a monk who is well liberated by wisdom. He understands that for him greed, hatred and delusion are abandoned, cut off at the root, like a sala-tree stump, destroyed and incapable of growing again. In Buddhism, Bodhisattvas are those who observe the six paramitas the perfecting of the self and the benefits of others. The objective is the salvation of all beings and attaining of Buddhahood. The ultimate aim of Bodhisattvas is the attainment of Supreme Buddhahood. Wherever Bodhisattvas come, their priority aim is to benefit self and benefit others, leading to Buddhahood. In general, Bodhisattvas' goal is that above to seek bodhi, and below to transform all beings. Bodhisattvas have reached many different places, here we only mention some typical places on their path of practicing Bodhisattva Way.

Chương Ba Mươi Bốn
Chapter Thirty-Four

Tâm Bồ Tát

Tổng Quan Về Tâm Bồ Tát: Bồ Tát là một chúng sanh có tâm là tâm bồ đề và trí huệ có được từ từ trực nhận chân lý. Bồ Tát cũng là một chúng sanh trên đường giác ngộ, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sanh. Tâm Bồ Tát hay tâm vị tha là tâm luôn mong đạt được giác ngộ cho mình, đồng thời cũng đạt được giác ngộ cho người. Tâm Bồ đề là cửa ngõ giác ngộ và đạt thành quả vị Phật. Đây là trí huệ bẩm sinh, hay giác tâm bốn hữu, hay là sự khao khát giác ngộ. Tâm là một tên khác của A Lại Da Thức (vì nó tích tập hạt giống của chư pháp hoặc huân tập các hạt giống từ chủng tử chủng pháp mà nó huân tập). Không giống như xác thân vật chất, cái tâm là phi vật chất. Chúng ta nhận thức được những tư tưởng và cảm nghĩ của chúng ta cùng nhiều điều khác bằng trực giác, và chúng ta kết luận sự hiện hữu của chúng bằng phép loại suy. Tâm là gốc của muôn pháp. Trong Tâm Địa Quán Kinh, Đức Phật dạy: “Trong Phật pháp, lấy tâm làm chủ. Tất cả các pháp đều do tâm sanh.” Tâm tạo ra chư Phật, tâm tạo thiên đường, tâm tạo địa ngục. Tâm là động lực chính làm cho ta sung sướng hay đau khổ, vui hay buồn, trầm luân hay giải thoát. Thuật ngữ Nhật Bản "Tâm" để chỉ trái tim, linh hồn, và tâm. Người xưa tin rằng 'kokoro' nằm ngay vùng ngực. Trong Thiền, từ này chỉ hoặc là tinh thần của một người theo nghĩa toàn bộ những sức mạnh về ý thức, tinh thần, trái tim, hay tâm hồn, hoặc là sự hiện thực tuyệt đối, tinh thần thật sự nằm bên ngoài nhị nguyên của tâm và vật. Để cho hành giả dễ hiểu hơn về Tâm, các vị thầy Phật giáo thường chia Tâm ra làm nhiều giai tầng, nhưng đối với Thiền, Tâm là một toàn thể vĩ đại, không có những thành phần hay phân bộ. Các đặc tính thể hiện, chiếu diệu và vô tướng của Tâm hiện hữu đồng thời và thường hằng, bất khả phân ly trong cái toàn thể. Trong đạo Phật, tâm Bồ Tát là tâm vị tha, tâm luôn mong đạt được giác ngộ cho mình, đồng thời cũng đạt được giác ngộ cho người. Tâm Bồ đề là cửa ngõ giác ngộ và đạt thành quả vị Phật. Đây là trí huệ bẩm sinh, hay giác tâm bốn hữu, hay là sự khao khát giác ngộ. Theo Kinh Pháp Hoa, Đức Phật đưa ra 8 lời khuyên cho chư vị Bồ Tát như sau: “*Thứ nhất*, một vị Bồ Tát không nên chất chứa

lòng đố kỵ hay lừa dối. *Thứ hai*, vị ấy không khinh thường, nhục mạ những người tu tập theo Phật đạo khác dù họ là những người sơ cơ, cũng không vạch ra những ưu hay khuyết điểm của họ. *Thứ ba*, nếu có người tìm cầu Bồ Tát đạo, vị ấy không làm cho họ chán nản khiến họ nghi ngờ và hối tiếc, cũng không nói những điều làm cho người ấy nhục chí. *Thứ tư*, vị ấy không ham mê bàn luận về các pháp hoặc tranh cãi mà nên nỗ lực tu tập thực hành để cứu độ chúng sanh. *Thứ năm*, vị ấy nên nghĩ đến việc cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau bằng lòng đại bi của mình. *Thứ sáu*, vị ấy nên nghĩ đến chư Phật như nghĩ đến những đấng từ phụ. *Thứ bảy*, vị ấy nên luôn nghĩ đến những vị Bồ Tát khác như những vị thầy vĩ đại của mình. *Thứ tám*, vị ấy nên giảng pháp đồng đều cho tất cả chúng sanh mọi loài.” Ngoài ra, theo kinh Hoa Nghiêm, đức Phật còn dạy nhiều tâm cho vị Bồ Tát như sau:

Thứ nhất là Mười Tâm An Ổn: Theo lời Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Phẩm Ly Dục, chư đại Bồ tát có mười thứ tâm an ổn nhằm giúp họ đạt được sự an ổn đạt trí vô thượng của chư Như Lai. *Thứ nhất* là mình trụ Bồ Đề tâm cũng phải khiến người trụ Bồ Đề tâm, nên tâm được an ổn. *Thứ nhì* là mình được rớt ráo rời giận hờn tranh đấu, cũng phải khiến người rời giận hờn đấu tranh, nên tâm được an ổn. *Thứ ba* là mình rời pháp phàm ngu, cũng khiến người rời pháp phàm ngu, nên tâm được an ổn. *Thứ tư* là mình siêng tu thiện căn, cũng khiến người siêng tu thiện căn, nên tâm được an. *Thứ năm* là mình trụ đạo Ba La Mật cũng khiến người trụ đạo Ba La Mật, nên tâm được an ổn. *Thứ sáu* là mình được sanh tại nhà Phật, cũng khiến người được sanh tại nhà Phật, nên tâm được an ổn. *Thứ bảy* là mình thâm nhập pháp chân thật không tự tánh, cũng khiến người được thâm nhập pháp ấy, nên tâm được an ổn. *Thứ tám* là mình không phỉ báng tất cả Phật pháp, cũng khiến người không phỉ báng tất cả Phật pháp, nên tâm được yên ổn. *Thứ chín* là mình viên mãn như thiết trí Bồ Đề nguyện, cũng khiến người viên mãn như thiết trí Bồ đề nguyện, nên tâm được an ổn. *Thứ mười* là mình thâm nhập trí tạng của chư Như Lai, cũng khiến người thâm nhập trí tạng vô tận của chư Như Lai, nên tâm được an ổn.

Thứ nhì là Mười Tâm Bất Động Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Ly Thế Gian, chư đại Bồ Tát có mười tâm bất động. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được tâm bất động như thiết trí vô thượng. *Thứ nhất* là nơi tất cả sở hữu thấy đều xả được. *Thứ nhì* là tư duy quán sát tất cả Phật pháp. *Thứ ba* là ghi nhớ cúng dường

tất cả chư Phật. *Thứ tư* là nơi tất cả chúng sanh thế không nào hại. *Thứ năm* là khắp nhiếp chúng sanh chẳng lựa oán thù. *Thứ sáu* là cầu tất cả Phật pháp không thôi nghĩ. *Thứ bảy* là số kiếp bằng số chúng sanh thật hành hạnh Bồ Tát chẳng mỗi nhàm, cũng không thối chuyển. *Thứ tám* là thành tựu hữu căn tín, vô trước tín, thanh tịnh tín, cực thanh tịnh tín, ly cấu tín, minh triệt tín, cung kính cúng dường tất cả chư Phật tín, bất thối chuyển tín, bất khả tận tín, vô năng hoại tín, đại hoan hỷ tín. *Thứ chín* là thành tựu đạo phương tiện xuất sanh nhưt thiết trí. *Thứ mười* là nghe tất cả Bồ Tát hạnh thời tin thọ chẳng hủy báng.

Thứ ba là Mười Tâm Bình Đẳng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười tâm bình đẳng. Chư Bồ Tát trụ những trong pháp này thời được tâm đại bình đẳng và vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là tâm bình đẳng chứa nhóm tất cả công đức. *Thứ nhì* là tâm bình đẳng phát tất cả nguyện sai biệt. *Thứ ba* là tâm bình đẳng nơi tất cả thân chúng sanh. *Thứ tư* là tâm bình đẳng nơi nghiệp báo của tất cả chúng sanh. *Thứ năm* là tâm bình đẳng nơi tất cả các pháp. *Thứ sáu* là tâm bình đẳng nơi tất cả các quốc độ tịnh uế. *Thứ bảy* là tâm bình đẳng nơi tất cả tri giải của chúng sanh. *Thứ tám* là tâm bình đẳng nơi tất cả các hạnh không phân biệt. *Thứ chín* là tâm bình đẳng nơi tất cả lực khác nhau của chư Phật. *Thứ mười* là tâm bình đẳng nơi trí huệ của tất cả Như Lai.

Thứ tư là Mười Tâm Buông Xả Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười tâm buông xả (bình đẳng): *Thứ nhất* là Tâm buông xả chứa nhóm tất cả công đức. *Thứ nhì* là Tâm bình đẳng phát tất cả nguyện sai biệt. *Thứ ba* là Tâm buông xả nơi tất cả thân chúng sanh. *Thứ tư* là Tâm buông xả nơi nghiệp báo của tất cả chúng sanh. *Thứ năm* là Tâm buông xả nơi tất cả các pháp. *Thứ sáu* là Tâm buông xả nơi tất cả các quốc độ tịnh uế. *Thứ bảy* là Tâm buông xả nơi tất cả tri giải của chúng sanh. *Thứ tám* là Tâm buông xả nơi tất cả các hạnh không phân biệt. *Thứ chín* là Tâm buông xả nơi tất cả lực khác nhau của chư Phật. *Thứ mười* là Tâm buông xả nơi trí huệ của tất cả Như Lai. Chư Bồ Tát trụ những trong pháp này thời được tâm đại bình đẳng và vô thượng của Như Lai.

Thứ năm là Mười Tâm Chẳng Hạ Liệt Của Chư Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười tâm chẳng hạ liệt của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ tát an trụ trong pháp này thời được tất cả Phật pháp tối thượng không hạ liệt. *Thứ nhất* là hàng phục tất cả các thiên ma và

quyến thuộc của chúng. *Thứ nhì* là phá tất cả ngoại đạo và tà pháp của họ. *Thứ ba* là ở nơi tất cả chúng sanh, dùng lời khéo lành để khai thị dạy bảo cho họ đều hoan hỷ. *Thứ tư* là thành mãn tất cả các hạnh Ba La Mật khắp pháp giới. *Thứ năm* là tích tập tất cả phước đức. *Thứ sáu* là vô thượng Bồ Đề quảng đại khó thành, sẽ cố gắng tu hành đến viên mãn. *Thứ bảy* là dùng sự giáo hóa vô thượng, sự điều phục vô thượng để giáo hóa điều phục tất cả chúng sanh. *Thứ tám* là đầu tất cả thế giới chẳng đồng, chư Bồ Tát vẫn dùng vô lượng thân thành chánh đẳng chánh giác. *Thứ chín* là lúc tu Bồ Tát hạnh, nếu có chúng sanh đến xin những tay, chân, tai, mũi, máu, thịt, xương, tủy, vợ, con, voi, ngựa, nhẫn đến ngôi vua. Tất cả như vậy thấy đều có thể bỏ, chẳng sanh một niệm tâm lo lắng ăn năn, chỉ vì lợi ích tất cả chúng sanh chẳng cầu quả báo, lấy đại bi làm đầu và đại từ làm cứu cánh. *Thứ mười* là trong tam thế có tất cả chư Phật, tất cả Phật pháp, tất cả chúng sanh, tất cả quốc độ, tất cả thế giới, tất cả tam thế, tất cả hư không giới, tất cả pháp giới, tất cả ngôn ngữ thi thiết giới, tất cả tịch diệt niết bàn. Tất cả pháp như vậy, chư vị phải dùng một niệm tương ưng huệ đều biết, đều hay, đều thấy, đều chứng, đều tu, đều đoạn, vô phân biệt, lìa phân biệt, không các thứ sai biệt, không công đức, không cảnh giới, chẳng có chẳng không, chẳng một chẳng hai. Do trí bất nhị để thông hiểu tất cả những gì thuộc về nhị nguyên. Do trí vô tướng biết tất cả tướng. Do trí vô phân biệt biết tất cả phân biệt. Do trí vô dị biết tất cả dị. Do trí không thế gian biết tất cả thế gian. Do trí không thế gian biết tất cả thế gian. Do trí không thế biết tất cả thế. Do trí không chúng sanh biết tất cả chúng sanh. Do trí không chấp trước biết tất cả chấp trước. Do trí vô trụ biết tất cả trụ xứ. Do trí không tạp nhiễm biết tất cả tạp nhiễm. Do trí vô tận biết tất cả tận. Do trí cứu cánh pháp giới biết tất cả thế giới thị hiện thân. Do trí lìa ngôn âm thị hiện bất khả thuyết ngôn âm. Do trí một tự tánh nhập nơi không tự tánh. Do trí một cảnh giới hiện các thứ cảnh giới biết tất cả các pháp bất khả thuyết mà hiện đại tự tại ngôn thuyết, chứng bậc nhất thiết trí, và giáo hóa điều phục tất cả chúng sanh nên ở nơi tất cả thế gian thị hiện đại thân thông biến hóa.

Thứ sáu là Mười Tâm Cùng Khắp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Đại Bồ Tát có mười tâm cùng khắp. Chư Bồ tát an trụ trong pháp này thời được vô lượng Phật pháp vô thượng cùng khắp trang nghiêm. *Thứ nhất* là tâm cùng khắp tất cả hư không, vì phát ý rộng lớn. *Thứ nhì* là tâm cùng khắp pháp giới, vì thâm

nhập vô biên. *Thứ ba* là tâm cùng khắp tất cả tam thế, vì một niệm đều biết rõ. *Thứ tư* là tâm cùng khắp tất cả Phật xuất hiện, vì đều biết rõ nơi nhập thai, giáng sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết bàn. *Thứ năm* là tâm cùng khắp tất cả chúng sanh, vì biết rõ căn dục tập khí. *Thứ sáu* là tâm cùng khắp tất cả trí huệ, vì tùy thuận biết rõ pháp giới. *Thứ bảy* là tâm cùng khắp tất cả vô biên, vì biết những huyền vông sai biệt. *Thứ tám* là tâm cùng khắp tất cả vô sanh, vì các pháp tự tánh bất khả đắc. *Thứ chín* là tâm cùng khắp tất cả vô ngại, vì chẳng trụ tự tâm, tha tâm. *Thứ mười* là tâm cùng khắp tất cả tự tại, vì một niệm khắp hiện thành Phật.

Thứ bảy là Mười Tâm Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười tâm của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được tâm vô thượng đại trí quang minh tạng của Như Lai. *Thứ nhất* là tâm tinh cần, vì tất cả việc làm đều rất ráo. *Thứ nhì* là tâm chẳng lười, vì chứa nhóm hạnh tướng hảo phước đức. *Thứ ba* là tâm dũng kiện vĩ đại, vì dẹp phá tất cả ma quân. *Thứ tư* là tâm thực hành đúng lý, vì trừ diệt tất cả phiền não. *Thứ năm* là tâm chẳng thối chuyển, vì nhẫn đến quả Bồ Đề trọn chẳng thối dứt. *Thứ sáu* là tâm tánh thanh tịnh, vì biết tâm bất động vô trước. *Thứ bảy* là tâm biết chúng sanh, vì tùy theo chỗ hiểu biết và sở thích của họ mà làm cho họ xuất ly. *Thứ tám* là tâm đại phạm trụ (từ, bi, hỷ, xả) khiến nhập Phật pháp, vì biết những chỗ hiểu biết và sở thích của chúng sanh, mà chẳng dùng thừa khác để cứu độ. *Thứ chín* là tâm không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, vì thấy tướng trong tam giới mà không chấp trước. *Thứ mười* là tâm trang nghiêm thù thắng tạng, vì dấu chúng ma đồng thể mấy cũng không động được đến một sợi lông của Bồ Tát. *Chư Bồ Tát an trụ trong mười tâm này thời được tâm đại thanh tịnh vô thượng của Như Lai:* *Thứ nhất* là tâm như như đại địa, vì có thể gìn giữ và làm lớn những thiện căn của tất cả chúng sanh. *Thứ nhì* là tâm như đại hải, vì tất cả chư Phật vô lượng vô biên đại trí pháp thủy đều chảy vào. *Thứ ba* là tâm như Tu Di Sơn vương, vì đặt tất cả chúng sanh nơi chỗ thiện căn xuất thế gian vô thượng. *Thứ tư* là tâm như Ma Ni Bửu vương, vì lạc dục thanh tịnh không tạp nhiễm. *Thứ năm* là tâm như Kim Cang, vì quyết định thâm nhập tất cả pháp. *Thứ sáu* là tâm như Kim Cang Vi sơn, vì chư ma ngoại đạo chẳng có thể động. *Thứ bảy* là tâm như liên hoa, vì tất cả thế pháp chẳng nhiễm được. *Thứ tám* là tâm như hoa ưu-đàm-bát, vì trong tất cả kiếp khó gặp gỡ. *Thứ chín* là tâm như tịnh

nhứt, vì có thể phá trừ chướng tối tăm. *Thứ mười* là tâm như hư không, vì chẳng lường được. *Chư Bồ Tát an trụ trong những ý này thời được ý vô thượng của tất cả chư Phật: Thứ nhất* là ý thượng thủ vì phát khởi tất cả thiện căn. *Thứ nhì* là ý an trụ vì tin sâu kiên cố bất động. *Thứ ba* là ý thâm nhập, vì tùy thuận Phật pháp mà hiểu. *Thứ tư* là ý rõ biết bên trong, vì biết rõ tâm sở thích của chúng sanh. *Thứ năm* là ý vô loạn, vì tất cả phiền não chẳng tạp. *Thứ sáu* là ý minh tịnh, vì các trần chẳng nhiễm trước được. *Thứ bảy* là ý khéo quán sát chúng sanh vì không có một niệm lỗi thời. *Thứ tám* là ý khéo lựa chỗ làm, vì chưa từng có một chỗ lỗi lầm. *Thứ chín* là ý giữ gìn các căn, vì điều phục chẳng cho buông lung tán loạn. *Thứ mười* là ý khéo nhập tam muội, vì thâm nhập Phật tam muội, không ngã, không ngã sở.

Thứ tám là Mười Tâm Không Mỗi Nhọc Nhàm Chán Của Chư Bồ Tát: Mười tâm được Phật dạy trong Kinh Hoa nghiêm. Những Bồ Tát nào có được mười tâm không nhàm mỗi sẽ được đại trí vô thượng không mỗi nhàm của Như Lai. *Thứ nhất* là tôn xưng và cúng dường chư Phật tâm không mỗi nhàm. *Thứ nhì* là gần gũi tất cả thiện tri thức tâm không mỗi nhàm. *Thứ ba* là cầu tất cả các pháp tâm không mỗi mệt. *Thứ tư* là nghe chánh pháp tâm không mỗi mệt nhàm chán. *Thứ năm* là tuyên nói chánh pháp tâm không mỗi nhàm. *Thứ sáu* là giáo hóa điều phục chúng sanh tâm không mỗi nhàm. *Thứ bảy* là đặt tất cả chúng sanh vào tâm Bồ Đề của chư Phật không mỗi nhàm. *Thứ tám* là nơi mỗi mỗi thế giới trải qua bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp thật hành Bồ tát hạnh tâm không mỗi nhàm. *Thứ chín* là du hành tất cả thế giới tâm không mỗi nhàm. *Thứ mười* là quán sát tư duy tất cả Phật pháp tâm không mỗi nhàm.

Thứ chín là Mười Tâm Không Nghi Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Đại Bồ Tát phát mười tâm không nghi. *Thứ nhất*, chư Bồ Tát sẽ dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, từ, bi, hỷ, xả mà nhiếp phục chúng sanh. Lúc phát tâm này quyết định không nghi. *Thứ nhì*, vị lai chư Phật xuất thế, tôi sẽ thừa sự cúng dường tất cả. *Thứ ba*, chư đại Bồ Tát dùng các thứ lưới quang minh kỳ diệu cùng khắp trang nghiêm tất cả thế giới. *Thứ tư*, tột kiếp vị lai chư đại Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát trong vô lượng vô biên kiếp sẽ dùng pháp giáo hóa điều phục vô lượng chúng sanh trong hư không pháp giới cho đặng thành thực. *Thứ năm*, chư đại Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, viên mãn đại nguyện, đủ nhứt thiết trí an trụ trong đó. *Thứ sáu*,

chư đại Bồ Tát vì chúng sanh khắp tất cả thế gian mà thực hành hạnh Bồ Tát, làm quang minh thanh tịnh của tất cả các pháp, chiếu sáng tất cả Phật pháp. *Thứ bảy*, chư đại Bồ Tát biết rằng tất cả các pháp đều là Phật pháp, tùy tâm chúng sanh mà vì họ diễn thuyết đều khiến khai ngộ. *Thứ tám*, chư đại Bồ Tát ở nơi tất cả pháp được môn vô chướng ngại vì biết tất cả chướng ngại đều vô sở đắc. Tâm như vậy không có nghi hoặc, trụ tánh chơn thật nhĩn đến thành vô thượng Bồ Đề. *Thứ chín*, chư đại Bồ Tát biết tất cả các pháp đều là pháp xuất thế gian, xa lìa tất cả vọng tưởng điên đảo. Dùng một trang nghiêm để tự trang nghiêm. Nơi đây tự tỏ biết không do người. *Thứ mười*, chư đại Bồ Tát sẽ ở nơi tất cả pháp thành Tối thượng Chánh Giác, vì lìa tất cả vọng tưởng điên đảo, vì được nhứt niệm tương ưng trí, vì bất khả đắc hoặc một hoặc khác, vì rời tất cả số, vì rốt ráo vô vi, vì rời tất cả ngôn thuyết, vì trụ bất khả thuyết cảnh giới tế.

Thứ mười là Mười Tâm Kim Cang: Mười tâm Kim Cang phát triển bởi Bồ Tát: 1) giác liễu pháp tánh; 2) hóa độ chúng sanh; 3) trang nghiêm thế giới; 4) thiện căn hồi hướng; 5) phụng sự đại sư; 6) thật chứng chư pháp; 7) quảng hành nhĩn nhục; 8) trường thời tu hành; 9) tự hạnh mãn túc; 10) linh tha nguyện mãn. *Mười tâm kim cang liên hệ với Mười Thứ Hồi Hướng:* tín tâm, niệm tâm, hồi hướng tâm, đạt tâm (thông triệt pháp tính), trực tâm, bất thối tâm, đại thừa tâm, vô tướng tâm, tuệ tâm, và bất hoại tâm.

Thứ mười một là Mười Tâm Phát Khởi: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười phát khởi khi phát tâm vô thượng Bồ Đề để được nhập nhứt thiết chủng trí, và lúc thân cận cúng dường thiện tri thức: 1) khởi tâm cung cấp hầu hạ; 2) khởi tâm hoan hỷ; 3) khởi tâm không trái; 4) khởi tâm tùy thuận; 5) khởi tâm không cầu lạ; 6) khởi tâm nhứt hướng thiện tâm; 7) khởi tâm đồng công đức; 8) khởi tâm đồng nguyện; 9) khởi tâm Như Lai; 10) khởi tâm đồng viên mãn hạnh. Khi những đại Bồ Tát khởi tâm như vậy thời được đủ thứ thanh tịnh.

Thứ mười hai là Mười Tâm Phát Thú: 1) Xả tâm, 2) giới tâm, 3) nhĩn nhục tâm, 4) tấn tâm, 5) định tâm, 6) huệ tâm, 7) nguyện tâm, 8) hộ tâm, 9) hỷ tâm, 10) và đỉnh tâm.

Thứ mười ba là Mười Tâm Phổ Hiền: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười tâm Phổ Hiền. Những Bồ Tát an trụ trong những tâm này sẽ mau thành tựu trí thiện xảo của Bồ Tát Phổ Hiền. *Thứ nhất*

là phát tâm đại từ, vì cứu hộ tất cả chúng sanh. *Thứ nhì* là phát tâm đại bi, vì chịu khổ thay cho tất cả chúng sanh. *Thứ ba* là phát tâm thí tất cả, vì đều xả bỏ tất cả sở hữu. *Thứ tư* là phát tâm nhớ nhứt thiết trí làm trước nhất, vì thích cầu tất cả Phật pháp. *Thứ năm* là phát tâm công đức trang nghiêm, vì học tất cả hạnh Bồ Tát. *Thứ sáu* là phát tâm kim cang, vì tất cả chỗ thọ sanh không quên mất. *Thứ bảy* là phát tâm như biển vì tất cả các pháp thanh tịnh đều chảy vào. *Thứ tám* là phát tâm như núi Tu Di, vì tất cả ác ngôn đều nhẫn thọ. *Thứ chín* là phát tâm an ổn, vì ban sự vô úy cho tất cả chúng sanh. *Thứ mười* là phát tâm Bát Nhã Ba La Mật cứu cánh, vì khéo quán sát tất cả các pháp hữu vi.

Thứ mười bốn là Mười Tâm Tăng Thượng Như Núi Của Chư Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Chapter 38, có mười tâm tăng thượng như núi của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được tâm tăng thượng như sơn vương đại trí vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là thường tác ý siêng năng tu tập pháp nhứt thiết trí. *Thứ nhì* là hằng quán sát tất cả pháp bốn tánh trống không vô sở đắc. *Thứ ba* là chư đại Bồ Tát nguyện trong vô lượng kiếp thực hành hạnh Bồ Tát, tu tất cả bạch tịnh, và do trụ nơi tất cả pháp bạch tịnh nên thấy biết Như Lai vô thượng trí huệ. *Thứ tư* là vì cầu mọi phương diện của Phật quả nên bình đẳng kính thờ chư thiện tri thức, không cầu gì khác, không trộm pháp, chỉ tôn trọng cung kính, và tất cả sở hữu thấy đều bỏ được. *Thứ năm* là nếu có chúng sanh mắng nhục hủy báng, đánh đập cắt chém làm thân Bồ Tát khổ đau nhẫn đến chết chóc. Bồ Tát đều nhẫn chịu được tất cả trọn không sanh lòng loạn động hay sân hận; chẳng thối bỏ hoảng thệ đại bi; càng thêm tăng trưởng hoảng thệ đại bi vì Bồ Tát nơi tất cả pháp như thật xuất ly. Chư Bồ Tát thành tựu hạnh xả, chứng được tất cả Phật pháp, và nhẫn nhục nhu hòa đã tự tại. *Tâm tăng thượng thứ sáu* nói rằng chư Đại Bồ Tát thành tựu đại công đức tăng thượng, thiên tăng thượng công đức, nhưn tăng thượng công đức, sắc tăng thượng công đức, lực tăng thượng công đức, quyến thuộc tăng thượng công đức, dục tăng thượng công đức, vương vị tăng thượng công đức, tự tại tăng thượng công đức, phước đức tăng thượng công đức, trí huệ tăng thượng công đức. Dầu thành tựu những công đức như vậy, nhưng chẳng sanh lòng nhiễm trước nơi những công đức đó chẳng nhiễm trước dục lạc, chẳng nhiễm dục vọng, chẳng nhiễm trước tài sản, chẳng nhiễm trước quyến thuộc đệ tử. Các ngài chỉ rất mến thích nơi pháp, đi theo pháp, sống theo pháp, xu hướng theo pháp, rất ráo

theo pháp, dùng pháp làm y chỉ, dùng pháp làm cứu hộ, dùng pháp làm quy y, dùng pháp làm nhà, gìn giữ pháp, mền ưa pháp, trông cầu pháp, suy gẫm pháp. Dù thọ đủ những pháp lạc mà thường xa lìa cảnh giới của chúng ma vì từ quá khứ Bồ Tát đã phát tâm như vậy: “Tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh thấy đều xa lìa cảnh giới của chúng ma mà an trụ nơi cảnh giới Phật. *Tâm tăng thượng thứ bảy* nói rằng chư Đại Bồ Tát vì đã cầu vô thượng Bồ Đề, trong vô lượng vô số kiếp thực hành Bồ Tát đạo, Bồ Tát siêng năng tinh tấn, mà còn cho là tôi nay mới phát tâm vô thượng Bồ Đề thực hành hạnh Bồ Tát cũng chẳng kính sợ. Dầu các ngài có thể trong khoảng một niệm liền thành vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhưng vì chúng sanh nên trong vô lượng kiếp thực hành Bồ Tát hạnh không thôi nghỉ. *Tâm tăng thượng thứ tám* nói rằng chư Đại Bồ Tát biết tất cả chúng sanh tánh chẳng hòa chẳng lành; tất cả chúng sanh đều rất khó hòa hợp, rất khó độ, chẳng biết ơn và chẳng báo ơn. Bồ Tát vì chúng sanh mà phát đại thệ nguyện, muốn cho họ đều được tâm ý tự tại, chỗ làm vô ngại, lìa bỏ ác niệm, và chẳng sanh phiền não đối với người khác. *Tâm tăng thượng thứ chín* nói rằng chư Đại Bồ Tát cũng nghĩ chẳng phải ai khác khiến tôi phát tâm Bồ Đề, cũng chẳng chờ người khác giúp tôi tu hành. Tôi tự phát tâm Bồ Đề, tích tập Phật pháp, thề hẹn tự cố gắng tột kiếp vị lai thực hành Bồ Tát đạo để thành vô thượng Bồ Đề. Thế nên nay tôi tu hành hạnh Bồ Tát. Tôi phát tâm thanh tịnh tự tâm cũng như thanh tịnh tha tâm. Biết cảnh giới của mình cũng như cảnh giới của người. Phải đều bình đẳng với cảnh của tam thế chư Phật. *Tâm tăng thượng thứ mười* nói rằng chư Đại Bồ Tát quán sát như vậy: không có một pháp tu hạnh Bồ Tát; không có một pháp viên mãn hạnh Bồ Tát; không một pháp giáo hóa điều phục chúng sanh; không một pháp cung kính cúng dường chư Phật; không một pháp ở nơi vô thượng Bồ Đề đã thành, hiện thành, sẽ thành; không có một pháp đã nói, hiện nói, hay sẽ nói. Người nói và pháp đều bất khả đắc, nhưng cũng chẳng bỏ nguyện vô thượng Bồ Đề, vì Bồ Tát cầu tất cả pháp đều vô sở đắc mà xuất sanh vô thượng Bồ Đề. Dầu nơi pháp vô sở đắc mà siêng tu tập pháp đối trị thiện nghiệp thanh tịnh, trí huệ viên mãn, niệm niệm tăng trưởng đầy đủ. Nơi đây Bồ Tát chẳng kính sợ, chẳng nghĩ rằng: ‘Nếu tất cả pháp đều tịch diệt, thời có nghĩa gì mà cầu đạo vô thượng Bồ Đề?’

Thứ mười lăm là Mười Tâm Thắng Diệu: Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 36, có mười tâm thắng diệu. *Thứ nhất* là an trụ tâm thắng diệu

tất cả thế giới ngữ ngôn phi ngữ ngôn. *Thứ nhì* là an trụ tâm thắng diệu tất cả chúng sanh tướng niệm không chỗ y chỉ. *Thứ ba* là an trụ tâm thắng diệu rốt ráo hư không giới. *Thứ tư* là an trụ tâm thắng diệu vô biên pháp giới. *Thứ năm* là an trụ tâm thắng diệu tất cả Phật pháp thâm mật. *Thứ sáu* là an trụ tâm thắng diệu trạng thái thậm thâm vô sai biệt. *Thứ bảy* là an trụ tâm thắng diệu trừ diệt tất cả nghi lầm. *Thứ tám* là an trụ tâm thắng diệu tất cả thế giới bình đẳng vô sai biệt. *Thứ chín* là an trụ tâm thắng diệu tam thế chư Phật bình đẳng. *Thứ mười* là an trụ tâm thắng diệu tất cả Phật lực vô lượng.

Thứ mười sáu là Mười Tâm Thệ Nguyện Đại Thừa Như Kim Cang: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thứ tâm thệ nguyện Đại thừa như Kim Cang. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được trí đại thần thông vô thượng kim cương tánh của Như Lai. *Tâm thệ nguyện đại thừa như kim cương thứ nhất* nói rằng Bồ Tát nghĩ rằng tất cả pháp chẳng có biên tế, chẳng cùng tận. Các ngài dùng tận trí tam thế đều giác liễu khắp cả không sót thừa. *Tâm kim cương thứ nhì* nói rằng nơi đâu lông có vô lượng vô biên chúng sanh, hướng là tất cả pháp giới. Dầu chúng sanh đông bao nhiêu đi nữa, chư Bồ Tát đều dùng vô thượng niết bàn mà diệt độ họ. *Tâm kim cương thứ ba* nói rằng mười phương thế giới vô lượng vô biên không có ngăn mé, không thể cùng tận; chư Bồ Tát sẽ dùng Phật độ tối thượng trang nghiêm, để trang nghiêm tất cả thế giới như vậy, bao nhiêu sự trang nghiêm thấy đều chơn thiệt. *Tâm kim cương thứ tư* nói rằng tất cả chúng sanh vô lượng vô biên không có chùng ngăn, không thể cùng tận; chư Bồ Tát sẽ đem tất cả thiện căn hồi hướng cho họ, dùng trí quang vô thượng chiếu diệu nơi họ. *Tâm kim cương thứ năm* nói rằng chư Phật vô lượng vô biên không có chùng ngăn, không thể cùng tận. Chư Bồ Tát sẽ dùng thiện căn đã gieo hồi hướng cúng dường. Các ngài khiến cùng khắp không chỗ kém thiếu. Rồi sau đó mới thành vô thượng Bồ Đề. *Tâm kim cương thứ sáu* nói rằng đại Bồ Tát thấy chư Phật và nghe thuyết pháp lòng rất hoan hỷ và chẳng chấp tự thân, cũng chẳng chấp Phật thân. Các ngài hiểu thân Như Lai chẳng thiệt chẳng hư, chẳng có chẳng không, chẳng tánh chẳng không tánh, chẳng vật chất chẳng không vật chất, chẳng sắc chẳng không sắc, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thực vô sở hữu, cũng chẳng hoại sở hữu, chẳng thể dùng tánh tướng để chấp lấy. *Tâm kim cương thứ bảy* nói rằng nếu ai đó trách mắng đánh đập Bồ Tát, hoặc chặt tay chặt chân, hoặc móc mắt, hoặc cắt đầu, chư Bồ Tát đều thọ

nhấn tất cả sự khổ nhục, trọn không sanh lòng sân hại. Các ngài tu hạnh Bồ tát trong vô lượng kiếp và nhiếp thọ chúng sanh hằng không phứt bỏ. Tại sao? Vì chư Đại Bồ Tát đã khéo quán sát tất cả các pháp không có hai tướng, tâm chẳng loạn động. Các ngài có thể bỏ thân mình mà nhấn sự khổ đó. *Tâm kim cang thứ tám* nói rằng vị lai thế kiếp vô lượng vô biên không có chướng ngại, chẳng thể cùng tận. Các ngài sẽ tốt số kiếp đó ở một thế giới tu hạnh Bồ Tát và giáo hóa chúng sanh. Như một thế giới, tận pháp giới hư không tất cả thế giới cũng đều như vậy mà lòng không kinh sợ. Đạo Bồ Tát lẽ phải như vậy, vì tất cả chúng sanh mà tu hành vậy. *Tâm kim cang thứ chín* nói rằng vô thượng Bồ Đề do tâm làm gốc. Nếu tâm thanh tịnh thời có thể viên mãn tất cả thiện căn, đạt được vô thượng Bồ Đề. Nếu chư Bồ Tát muốn thành vô thượng Bồ Đề tùy ý liền thành. Nếu muốn dứt trừ tất cả thủ duyên tùy ý liền trừ. Nhưng họ chẳng dứt vì muốn rớt ráo Phật Bồ Đề. Chư Bồ Tát cũng chẳng liền chứng vô thượng Bồ Đề, vì để thành bốn nguyện: tận tất cả thế giới hành đạo Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. *Tâm kim cang thứ mười* nói rằng chư Bồ Tát biết Phật bất khả đắc, Bồ Đề bất khả đắc, Bồ Tát bất khả đắc, tất cả pháp bất khả đắc, chúng sanh bất khả đắc, tâm bất khả đắc, hạnh bất khả đắc, quá khứ bất khả đắc, vị lai bất khả đắc, hiện tại bất khả đắc, tất cả thế gian bất khả đắc, hữu vi vô vi bất khả đắc. Biết vậy, chư Bồ Tát sẽ trụ tịch tịnh, trụ thậm thâm, trụ tịch diệt, trụ vô tránh, trụ vô ngôn, trụ vô nhị, trụ vô đẳng, trụ tự tánh, trụ như lý, trụ giải thoát, trụ niết bàn, trụ thực tế. Mà chẳng bỏ tất cả đại nguyện, chẳng bỏ tâm như thiết trí, chẳng bỏ hạnh Bồ Tát, chẳng bỏ giáo hóa chúng sanh, chẳng bỏ các Ba-La-Mật, chẳng bỏ điều phục chúng sanh, chẳng thừa sự chư Phật, chẳng bỏ diễn thuyết các pháp, chẳng bỏ trang nghiêm thế giới. Tại sao? Vì chư đại Bồ Tát đã phát đại nguyện đầu biết rõ cả pháp tướng mà tâm đại từ đại bi càng tăng trưởng. Vô lượng công đức các ngài đều tu hành đủ. Với các chúng sanh lòng không rời bỏ, vì tất cả pháp đều vô sở hữu, phạm phu ngu mê chẳng hay chẳng biết. Chư Bồ Tát sẽ khiến chúng sanh được khai ngộ, nơi các pháp tánh chiếu rõ phân minh. Vì tất cả chư Phật an trụ tịch diệt mà dùng tâm đại bi nơi các thế gian thuyết pháp giáo hóa chưa từng thôi nghỉ. Suy gẫm như vậy chư Bồ Tát sẽ không rời bỏ chúng sanh, chẳng bỏ đại bi vì chư Bồ Tát đã thệ nguyện quảng đại. Các ngài phát tâm quyết định lợi ích tất cả chúng sanh. Các ngài phát tâm chứa nhóm tất cả thiện căn; phát tâm trụ thiện xảo hồi

hướng; phát tâm xuất sanh trí huệ thậm thâm; phát tâm hàm thọ tất cả chúng sanh; phát tâm bình đẳng với tất cả chúng sanh. Các ngài nói lời chơn thiết chẳng hư dối; nguyện ban cho tất cả chúng sanh đại pháp vô thượng; nguyện chẳng dứt chúng tánh tất cả chư Phật. Chừng nào mà tất cả chúng sanh chưa được giải thoát, chưa thành chánh giác, chưa đủ Phật pháp, đại nguyện Bồ Tát chưa viên mãn và Bồ Tát sẽ không rời bỏ đại bi.

Thứ mười bảy là Mười Tâm Thương Xót: Mười tâm xót thương: *Thứ nhất* là thấy chúng sanh cô độc không chỗ nương tựa mà sanh lòng thương xót. *Thứ nhì* là thấy chúng sanh nghèo cùng túng thiếu mà sanh lòng thương xót. *Thứ ba* là thấy chúng sanh bị lửa tam độc đốt cháy mà sanh lòng thương xót. *Thứ tư* là thấy chúng sanh bị tù trong lục đạo mà sanh lòng thương xót. *Thứ năm* là thấy chúng sanh bị rừng rậm phiền não luôn che chướng mà sanh lòng thương xót. *Thứ sáu* là thấy chúng sanh không khéo quán chiếu mà đem lòng thương xót. *Thứ bảy* là thấy chúng sanh không thích muốn pháp lành mà đem lòng thương xót. *Thứ tám* là thấy chúng sanh bỏ mất Phật pháp mà đem lòng thương xót. *Thứ chín* là thấy chúng sanh lăn trôi trong vòng sanh tử mà đem lòng thương xót. *Thứ mười* là thấy chúng sanh đánh mất phương tiện giải thoát mà sanh lòng thương xót.

Thứ mười tám là Mười Thâm Tâm: Vị Đại Bồ Tát đã thanh tịnh xong nhị địa muốn bước vào tam địa phải có mười thâm tâm sau đây: 1) tâm thanh tịnh, 2) tâm an trụ, 3) tâm nhàm bỏ, 4) tâm lia tham, 5) tâm bất thối, 6) tâm kiên cố, 7) tâm minh tịnh, 8) tâm dũng mãnh, 9) tâm rộng, 10) tâm lớn. Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thâm tâm của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thâm tâm thanh tịnh như thiết trí vô thượng: chẳng nhiễm tất cả pháp thế gian, chẳng tạp tất cả đạo nhị thừa, thấu rõ tất cả Phật Bồ Đề, tùy thuận đạo như thiết chủng trí, chẳng bị tất cả chúng ma ngoại đạo làm động, tịnh tu trí viên mãn của tất cả Như Lai, thọ trì tất cả pháp đã được nghe, chẳng nhiễm trước tất cả chỗ thọ sanh, đầy đủ tất cả trí vi tế, và tu tất cả Phật pháp.

Thứ mười chín là Mười Thâm Tâm Tăng Thượng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười Thâm tâm tăng thượng của chư Đại Bồ Tát: 1) bất thối chuyển vì chứa nhóm tất cả thiện căn; 2) rời nghi hoặc vì hiểu mật ngữ của tất cả Như Lai; 3) chánh trì vì đại nguyện đại hạnh lưu xuất; 4) tối thắng vì thâm nhập tất

cả Phật pháp; 5) làm chủ vì tất cả Phật pháp đều tự tại; 6) tâm tăng thượng quảng đại vì vào khắp tất cả pháp môn; 7) thâm tâm tăng thượng thượng thủ, vì tất cả việc làm đều thành tựu; 8) thâm tâm tăng thượng tự tại, vì tất cả tam muội thân thông biến hóa trang nghiêm; 9) thâm tâm tăng thượng an trụ, vì nhiếp thọ bốn nguyện; 10) thâm tâm tăng thượng không thôi nghỉ, vì thành thực tất cả chúng sanh. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thâm tâm tăng thượng thanh tịnh vô thượng của tất cả chư Phật.

Thứ hai mươi là Mười Tín Tâm: Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Tám, Đức Phật đã nhắc nhở ngài A Nan về mười tín tâm của Bồ Tát: *Thứ nhất, Tín Tâm Trụ:* Tất cả vọng tưởng vô dư đều dứt hết. *Thứ nhì, Niệm tâm trụ:* Người thiện nam đó đều có thể ghi nhớ không sót. *Thứ ba, Tinh tấn tâm trụ:* Diệu viên thuần chân, chân tinh phát ra. *Thứ tư, Tuệ tâm trụ:* Tâm tinh, hiện tiền, thuần là trí tuệ, gọi là tuệ tâm trụ. *Thứ năm, Định tâm trụ:* Giữ gìn trí sáng, khắp cả trạm tịch, tịch diệu thường yên lặng. *Thứ sáu, Bất thối tâm trụ:* Định quang phát sáng, tính sáng tiến sâu vào, chỉ có tiến mà không thoái. *Thứ bảy, Hộ pháp tâm trụ:* Tâm càng tiến tới, càng yên lành, giữ gìn không sai mất. *Thứ tám, Hồi hướng tâm trụ:* Giác minh giữ gìn có thể lấy được diệu lực xoay từ quang của Phật. *Thứ chín, Giới tâm trụ:* Tâm sáng suốt bí mật xoay lại, được thường trụ vô thượng diệu tịnh không gì vượt nổi của Phật. *Thứ mười, Nguyện tâm trụ:* An trụ giới tự tại, có thể dạo chơi mười phương, đến đâu đều theo như nguyện.

Thứ hai mươi một là Mười Tâm Tịnh Độ: Trong Kinh Đại Bảo Tích, Đức Thế Tôn bảo Ngài Di Lặc Bồ Tát: “Mười Tâm cho hành giả Tịnh Độ này không phải hạng phàm ngu, bất thiện, hay kẻ ác nhiều phiền não có thể phát được.” Những gì là mười? *Thứ nhất,* đối với chúng sanh khởi lòng đại từ, không làm tổn hại. *Thứ nhì,* đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, không làm bức nã. *Thứ ba,* với chánh pháp của Phật, hết lòng hộ trì, không tiếc thân mạng. *Thứ tư,* với chánh pháp sanh lòng thẳng nắn, không chấp trước. *Thứ năm,* tâm điềm tĩnh an vui, không tham sự lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng. *Thứ sáu,* tâm cầu chủng trí của Phật trong tất cả thời không quên lãng. *Thứ bảy,* đối với chúng sanh, khởi lòng tôn trọng, cung kính, không cho là hạ liệt. *Thứ tám,* không tham trước thế luận, với phần Bồ Đề sanh lòng quyết định. *Thứ chín,* tâm thanh tịnh, không tạp nhiễm, siêng trông các căn lành. *Thứ mười,* đối với chư Phật, xả ly các tướng, khởi lòng tùy niệm.

Thứ hai mươi hai là Mười Trường Dưỡng Tâm: Mười trường dưỡng tâm: từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, xả tâm, thí tâm, hảo ngữ tâm (lòng nói sự tốt), ích tâm (lòng làm lợi ích), đồng tâm, định tâm, và huệ tâm.

Thứ hai mươi ba là Mười Tâm Vô Biên Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, Thập Định, có mười môn vô biên tâm của chư Đại Bồ Tát: *Thứ nhất*, phát tâm vô biên độ thoát tất cả chúng sanh. *Thứ nhì*, phát tâm vô biên thừa sự tất cả chư Phật. *Thứ ba*, phát tâm vô biên cúng dường tất cả chư Phật. *Thứ tư*, phát tâm vô biên thấy khắp tất cả chư Phật. *Thứ năm*, phát tâm vô biên thọ trì tất cả Phật pháp chẳng quên mất. *Thứ sáu*, phát tâm vô biên thị hiện vô lượng thân biến của tất cả chư Phật. *Thứ bảy*, phát tâm vô biên vì được Phật lực nên chẳng bỏ tất cả Bồ Đề hạnh. *Thứ tám*, phát tâm vô biên nhập khắp cảnh giới vi tế của như thuyết trí diễn thuyết tất cả Phật pháp. *Thứ chín*, phát tâm vô biên nhập khắp cảnh giới quảng đại bất tư nghì của Phật. *Tâm vô biên thứ mười* là phát tâm vô biên ham thích biện tài của Phật và lãnh thọ các Phật pháp. Thị hiện những thân tự tại vào trong chúng hội đạo tràng của tất cả Như Lai.

Thứ hai mươi bốn là Mười Phát Tâm Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười thứ phát tâm của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được tâm đại phát khởi năng sự vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là độ thoát tất cả chúng sanh. *Thứ nhì* là khiến cho tất cả chúng sanh dứt trừ phiền não. *Thứ ba* là khiến cho tất cả chúng sanh tiêu diệt tập khí. *Thứ tư* là dứt trừ tất cả tâm nghi hoặc. *Thứ năm* là diệt trừ khổ não cho tất cả chúng sanh. *Thứ sáu* là diệt trừ tất cả khổ nạn trong các đường dữ. *Thứ bảy* là kính thuận tất cả Như Lai. *Thứ tám* là khéo học tất cả sở học của Bồ Tát. *Thứ chín* là ở chỗ mỗi đầu lông trong tất cả thế gian thị hiện tất cả thành chánh giác của chư Phật. *Thứ mười* là ở nơi tất cả thế giới đánh đại pháp cổ làm cho các chúng sanh tùy theo căn dục của họ đều được ngộ hiểu.

Thứ hai mươi lăm là Mười Hoàn Cảnh Khởi Tâm Đại Bi Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, ngài Phổ Hiền Bồ Tát đã khai thị các vị Bồ Tát về tâm đại bi phải quán sát thấy như sau: *Thứ nhất* là Bồ Tát quán sát thấy các chúng sanh không nơi nương tựa mà khởi tâm đại bi. *Thứ nhì* là Bồ Tát quán thấy chúng sanh tâm tánh chẳng điều thuận mà khởi đại bi tâm. *Thứ ba* là Bồ Tát quán thấy chúng sanh nghèo cùng khổ, không có căn lành mà khởi đại bi tâm. *Thứ tư* là

Bồ Tát quán thấy chúng sanh ngủ say trong đêm dài vô minh mà khởi tâm đại bi. *Thứ năm* là Bồ Tát quán thấy chúng sanh làm những điều ác mà khởi tâm đại bi. *Thứ sáu* là Bồ Tát quán thấy chúng sanh làm những điều ác mà còn thích lao mình thêm vào trong các sự ràng buộc khác nữa, mà khởi tâm đại bi. *Thứ bảy* là Bồ Tát quán thấy chúng sanh bị chìm đắm trong biển sanh tử mà khởi đại bi tâm. *Thứ tám* là Bồ Tát quán thấy chúng sanh bị vướng mang tội khổ lâu dài mà khởi tâm đại bi. *Thứ chín* là Bồ Tát quán thấy chúng sanh không ưa thích pháp lành mà khởi tâm đại bi. *Thứ mười* là Bồ Tát quán thấy chúng sanh xa mất Phật pháp mà khởi tâm đại bi.

Thứ hai mươi sáu là Mười Một Tâm Dẫn Đến Giác Ngộ: Theo Kinh Hoa Nghiêm, có 11 tâm dẫn đến giác ngộ. *Thứ nhất* là Tâm Đại Bi (Maha-karuna-citta (skt), mong bảo bọc hết thảy chúng sanh. Tâm Đại Bi là lòng bi mẫn có nghĩa là tư duy vô hại. “Karuna” được định nghĩa như “tính chất làm cho trái tim của người thiện lành rung động trước những bất hạnh của người khác” hay “tính chất làm khơi dậy những cảm xúc dịu dàng trong một người thiện lành, khi nhìn thấy những khổ đau của người khác. Độc ác, hung bạo là kẻ thù trực tiếp của lòng bi mẫn. Mặc dù sự buồn rầu hay sầu khổ có thể xuất hiện dưới dạng một người bạn, nó vẫn không phải là Karuna thật sự, mà chỉ là lòng trắc ẩn giả dối, lòng trắc ẩn như vậy là không trung thực và chúng ta phải cố gắng phân biệt tâm bi thật sự với lòng trắc ẩn giả dối này. Người có lòng bi mẫn là người tránh làm hại hay áp bức kẻ khác, đồng thời cố gắng xoa dịu những bất hạnh của họ, bố thí sự vô úy hay đem lại sự an ổn cho họ cũng như cho mọi người, không phân biệt họ là ai. Theo Hòa Thượng Thích Thiển Tâm trong Liên Tông Thập Tam Tổ, sao gọi là Từ Bi Tâm? Từ bi là lòng xót thương cứu độ mà lia tương và không phân biệt chấp trước. Nghĩa là thương xót cứu độ mà không có hậu ý lợi dụng. Chẳng hạn như vì thấy người giàu đẹp, sang cả, vân vân, nên giả bộ ‘Từ Bi’ để dụng ý và mưu tính các việc riêng tư có lợi cho mình. Đây chỉ được gọi là ‘Ái Kiến,’ nghĩa là thấy giàu đẹp mà sanh khởi lòng thương theo lối trói buộc của chúng sanh, chớ không phải là Từ Bi. *Thứ nhì* là Tâm Đại Từ (Maha-maitri-citta (skt), luôn luôn muốn làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Trong đạo Phật, Tâm Đại Từ là lòng từ là lòng yêu thương rộng lớn đối với chúng sanh mọi loài, còn gọi là từ vô lượng tâm. Từ vô lượng tâm là lòng thương yêu vô cùng rộng lớn đối với toàn thể chúng sanh mọi loài, và gây tạo

cho chúng sanh cái vui chân thật. Cái vui của thế gian chỉ là cái vui giả tạm, vui không lâu bền, cái vui ấy bị phiền não chi phối; khi tham sân si được thỏa mãn thì vui; khi chúng không được thỏa mãn thì buồn. Muốn có cái vui chân thật, cái vui vĩnh viễn thì trước tiên chúng ta phải nhổ hết khổ đau do phiền não gây ra. “Từ” phải có lòng bi đi kèm. Bi để chỉ nguyên nhân của đau khổ và khuyên bảo chúng sanh đừng gây nhân khổ, từ để chỉ phương pháp cứu khổ ban vui. Tuy nhiên, lòng từ không phải là một đặc tính bẩm sinh. Nếu chúng ta muốn phát triển lòng từ chúng ta phải bỏ nhiều thời gian hơn để thực hành. Ngồi thiền tự nó không mang lại cho chúng ta cái gọi là “lòng từ.” Muốn được lòng từ, chúng ta phải đưa nó vào hành động trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Trong những sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, chúng ta phải phát triển sự cảm thông và gần gũi với người khác bằng cách suy niệm về những khổ đau của họ. Chẳng hạn như khi gặp ai đang khổ đau phiền não thì chúng ta hết lòng an ủi hoặc giúp đỡ họ về vật chất nếu cần. *Thứ ba* là Tâm An Lạc (Sukha-citta (skt), mong làm cho kẻ khác hạnh phúc, vì thấy họ chịu đựng đủ mọi hình thức khổ não. *Thứ tư* là Tâm Lợi Ích (Hita-citta (skt), mong làm lợi ích cho kẻ khác, cứu rỗi họ thoát khỏi những hành vi sai quấy và tội lỗi. *Thứ năm* là Tâm Ai Mẫn (Daya-citta (skt), mong bảo bọc hết thấy chúng sanh thoát khỏi những tâm tưởng khốn quẫn. *Thứ sáu* là Tâm Vô Ngại (Asamga-citta (skt), muốn dẹp bỏ tất cả chướng ngại cho kẻ khác. *Thứ bảy* là Tâm Quảng Đại (Vaipula-citta (skt), tâm đầy khắp cả vũ trụ. *Thứ tám* là Tâm Vô Biên (Ananta-citta (skt), tâm vô biên như hư không. *Thứ chín* là Tâm Vô Cấu Nhiễm (Vimala-citta (skt), tâm thấy hết thấy chư Phật. *Thứ mười* là Tâm Thanh Tịnh (Visuddha-citta (skt), tâm ứng hợp với trí tuệ của quá khứ, hiện tại, và vị lai. Tâm Thanh Tịnh là tâm hoàn toàn giải thoát khỏi tham, sân, si và tất cả những nhiễm trược khác. Bản tánh thanh tịnh của con người vốn đầy đủ. Tâm thanh tịnh thì thân nghiệp và khẩu nghiệp cũng thanh tịnh. Tịnh tâm là một trong những cửa ngõ quan trọng đi vào đại giác, vì nhờ đó mà chúng ta không bị nhiễm trược. *Thứ mười một* là Tâm Trí Tuệ (Jnana-citta (skt), tâm nhờ đó có thể bước vào biển lớn nhất thiết trí.

Thứ hai mươi bảy là Mười Ba Tâm Của Sự Giác Ngộ Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, chư Bồ Tát có mười ba tâm dẫn đến sự giác ngộ tối thượng. *Thứ nhất* là tâm đại bi là yếu tố dẫn đầu. *Thứ nhì* là trí siêu việt là yếu tố chỉ đạo. *Thứ ba* là phương tiện là yếu

tố hộ trì. *Thứ tư* là thâm tâm là chỗ nương tựa. *Thứ năm* là Bồ Đề tâm là kho tàng đồng đẳng với oai lực của Như Lai. *Thứ sáu* là Bồ Đề Tâm có khả năng phân biệt lực và trí của hết thấy chúng sanh. *Thứ bảy* là Bồ Đề tâm hướng tới trí vô ngại. *Thứ tám* là Bồ Đề tâm tùy thuận với trí tự nhiên. *Thứ chín* là Bồ Đề tâm có thể giáo hóa Phật đạo cho hết thấy chúng sanh tùy thuận với trí siêu việt. *Thứ mười* là Bồ Đề tâm trải rộng khắp biên tế của pháp giới rộng lớn như hư không. *Thứ mười một* là trí huệ nơi quả vị Phật, trí đó thấy hết mọi sự trong không gian và thời gian; cái trí vượt ngoài cảnh giới tương đối và sai biệt vì nó thâm nhập khắp mọi biên tế của vũ trụ và trực nhận cái chân thường trong chớp mắt. *Thứ mười hai* là năng lực ý chí đốn ngã mọi chướng ngại nằm cản trở đường đi khi nó muốn đạt tới mục đích tối hậu, nó giải thoát tất cả thế gian ra khỏi sự trói buộc của sống và chết. *Thứ mười ba* là đại từ và đại bi song song với trí và lực không ngớt thi thiết phương tiện đem lại an lành cho hết thấy chúng sanh.

Nói tóm lại, Bồ Tát là một chúng sanh giác ngộ, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thấy chúng sanh. Tất cả chư tâm Bồ Tát vừa kể trên là nền tảng cho mười thứ phát tâm của chư Đại Bồ Tát theo sau đây (theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38). Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được tâm đại phát khởi năng sự vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là độ thoát tất cả chúng sanh. *Thứ nhì* là khiến cho tất cả chúng sanh dứt trừ phiền não. *Thứ ba* là khiến cho tất cả chúng sanh tiêu diệt tập khí. *Thứ tư* là dứt trừ tất cả tâm nghi hoặc. *Thứ năm* là diệt trừ khổ não cho tất cả chúng sanh. *Thứ sáu* là diệt trừ tất cả khổ nạn trong các đường dữ. *Thứ bảy* là kính thuận tất cả Như Lai. *Thứ tám* là khéo học tất cả sở học của Bồ Tát. *Thứ chín* là ở chỗ mỗi đầu lông trong tất cả thế gian thị hiện tất cả thành chánh giác của chư Phật. *Thứ mười* là ở nơi tất cả thế giới đánh đại pháp-cổ làm cho các chúng sanh tùy theo căn dục của họ đều được ngộ hiểu.

Bodhisattvas' Minds

An Overview of Bodhisattvas' Minds: Bodhisattva is one whose mind is bodhi mind and whose wisdom is resulting from direct realization of Truth. Enlightened being is also who is on the path to awakening, who vows to forego complete enlightenment until he or she helps other beings attain enlightenment. The Bodhisattva's mind or the

altruistic mind of enlightenment, or a mind which wishes to achieve attainment of enlightenment for self, spontaneously achieve enlightenment for all other sentient beings. Bodhi mind is the gateway to Enlightenment and attainment of Buddha. An intrinsic wisdom or the inherently enlightened heart-mind, or the aspiration toward perfect enlightenment. "Mind" is another name for Alaya-vijnana. Unlike the material body, immaterial mind is invisible. We are aware of our thoughts and feelings and so forth by direct sensation, and we infer their existence in others by analogy. The mind is the root of all dharmas. In Contemplation of the Mind Sutra, the Buddha taught: "All my tenets are based on the mind that is the source of all dharmas." The mind has brought about the Buddhas, the Heaven, or the Hell. It is the main driving force that makes us happy or sorrowful, cheerful or sad, liberated or doomed. A Japanese term "Kokoro" for heart, mind, soul and spirit. Ancient people believed that 'kokoro' is in the chest area. In Zen, it means either the mind of a person in the sense of all his powers of consciousness, mind, heart and spirit, or else absolutely reality, the mind beyond the distinction between mind and matter. It is for the sake of giving practitioners an easier understanding of Mind, Buddhist teachers usually divide the mind into aspects or layers, but to Zen, Mind is one great Whole, without parts or divisions. The manifesting, illuminating, and nonsubstantial characteristics of Mind exist simultaneously and constantly, inseparable and indivisible in their totality. In Buddhism, Bodhisattvas' mind is the altruistic mind of enlightenment, or a mind which wishes to achieve attainment of enlightenment for self, spontaneously achieve enlightenment for all other sentient beings. Bodhi mind is the gateway to Enlightenment and attainment of Buddha. An intrinsic wisdom or the inherently enlightened heart-mind, or the aspiration toward perfect enlightenment. According to the Lotus Sutra, the Buddha gave eight advices to all Bodhisattvas as follows: "*First*, a Bodhisattva does not harbor an envious or deceitful mind. *Second*, he does not slight or abuse other learners of the Buddha-way even if they are beginners, nor does he seek out their excesses and shortcomings. *Third*, if there are people who seek the Bodhisattva-way, he does not distress them, causing them to feel doubt and regret, nor does he say discouraging things to them. *Fourth*, he should not indulge in discussions about the laws or engage

in dispute but should devote himself to cultivation of the practice to save all living beings. *Fifth*, he should think of saving all living beings from the sufferings through his great compassion. *Sixth*, he should think of the Buddhas as benevolent fathers. *Seventh*, he should always think of the Bodhisattvas as his great teachers. *Eighth*, he should preach the Law equally to all living beings.” Besides, according to the Avatamsaka Sutra, the Buddha still taught a lot more Bodhisattvas' minds as follows:

First, Ten Kinds of Attainment of Peace of Mind: According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment From The World, Great Enlightening Beings have ten kinds of attainment of peace of mind which help them attain the peace of the supreme knowledge of the Buddhas. *First*, abiding themselves in the will for enlightenment, they should also induce to abide in the will for enlightenment, to attain peace of mind. *Second*, ultimately free from anger and strife themselves, they should also free others from anger and strife, to attain peace of mind. *Third*, free from the state of ordinary ignorance themselves, they also free others from the state of ordinary ignorance, and attain peace of mind. *Fourth*, diligently cultivating roots of goodness themselves, they also induce others to cultivate roots of goodness, and attain peace of mind. *Fifth*, persisting in the path of transcendent ways themselves, they also induce others to abide in the path of transcendent ways, and attain peace of mind. *Sixth*, being born themselves in the house of Buddha, they should also enable others to be born in the house of Buddha, to attain peace of mind. *Seventh*, deeply penetrating the real truth of absence of intrinsic nature, they also introduce others into the real truth of absence of inherent nature, and attain peace of mind. *Eighth*, not repudiating any of the Buddhas' teachings, they also cause others not to repudiate any of the Buddhas' teachings, and attain peace of mind. *Ninth*, fulfilling the vow of all-knowing enlightenment, they also enable others to fulfill the vow of all-knowing enlightenment, and attain peace of mind. *Tenth*, entering deeply into the inexhaustible treasury of knowledge of all Buddhas, they also lead others into the inexhaustible treasury of knowledge of all Buddhas, and attain peace of mind.

Second, Ten Kinds of Unshakable Mind: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Detachment from the World.

Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme unshakable mind of omniscience. *First*, to be able to give up all possessions. *Second*, pondering and examining all teachings. *Third*, recollecting and honoring all Buddhas. *Fourth*, pledging not to harm living beings. *Fifth*, caring for all sentient beings without choosing between enemies and friends. *Sixth*, ceaselessly seeking all attributes of Buddhahood. *Seventh*, carrying out the practice of Enlightening Beings for untold ages without wearying or regressing. *Eighth*, perfecting well-rooted faith, clear faith, unpolluted faith, pure faith, extremely pure faith, undefiled faith, faith respecting and honoring all Buddhas, unregressing faith, inexhaustible faith, indestructible faith, ecstatic faith. *Ninth*, perfecting means of renunciation and supreme wisdom. *Tenth*, believing, accepting and not repudiating the methods of practice of Enlightening Beings.

Third, Ten Kinds of Equanimity of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of equanimity of Great Enlightening Beings. Enlightening beings rest in these will attain the supreme great equanimity of Buddhas. *First*, equanimity in accumulating all virtues. *Second*, equanimity in undertaking all different vows. *Third*, equanimity in regard to all living beings. *Fourth*, equanimity in regard to the consequences of actions of all living beings. *Fifth*, equanimity in regard to all phenomena. *Sixth*, equanimity in regard to all pure and defiled lands. *Seventh*, equanimity in regard to understandings of all sentient beings. *Eighth*, equanimity in regard to nonconceptualization of all practices. *Ninth*, equanimity in regard to the nondifference of all Buddhas' powers. *Tenth*, equanimity in regard the wisdom of all Buddhas.

Fourth, Ten Kinds of Equanimity of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of equanimity of Great Enlightening Beings: *First*, Equanimity in accumulating all virtues. *Second*, Equanimity in undertaking all different vows. *Third*, Equanimity in regard to all living beings. *Fourth*, Equanimity in regard to the consequences of actions of all living beings. *Fifth*, Equanimity in regard to all phenomena. *Sixth*, Equanimity in regard to all pure and defiled lands. *Seventh*, Equanimity in regard to understandings of all sentient beings. *Eighth*, Equanimity in regard to nonconceptualization of all practices. *Ninth*, Equanimity in

regard to the nondifference of all Buddhas' powers. *Tenth*, Equanimity in regard the wisdom of all Buddhas. Enlightening beings rest in these will attain the supreme great equanimity of Buddhas.

Fifth, Ten Kinds of Indomitable Mind of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of indomitable attitude of Great Enlightening Beings. Enlightening beings who abide by these can attain the supreme quality of indomitability of Buddhas. *First*, conquer all celestial demons and their cohorts. *Second*, destroy all false teachings. *Third*, they open sentient beings' minds and edify them with good words, making them happy. *Fourth*, they fulfill all transcendent practices throughout the cosmos. *Fifth*, they amass all virtues. *Sixth*, though supreme enlightenment is vast and hard to accomplish, they try to cultivate practice to bring it to complete consummation. *Seventh*, they teach and tame sentient beings with the supreme teaching and the supreme training. *Eighth*, though all worlds are variously different, they still attain enlightenment there in infinite bodies. *Ninth*, while cultivating the conduct of Enlightening Beings, if sentient beings should come and ask for hands, feet, ears, nose, blood, flesh, bones, marrow, spouse, children, elephant, horse or royal status, they give up without a single thought of sorrow or regret, doing so only to benefit all sentient beings, not seeking resulting rewards, beginning with great compassion and ending with great kindness. *Tenth*, all in past, present and future there are all Buddhas, all Buddha teachings, all sentient beings, all lands, all worlds, all times, all realms of space, all realms of phenomena, all realms of verbal usage, all realms of tranquil nirvana. By all means of instantaneous discernment, they will try to know, to be aware of, to see, to realize, to cultivate, to detach from, to have no conceptions of them, being detached from conceptions, not having various notions, having no attributes, no objects. They are neither existent nor nonexistent, not one, not dual. They should know all duality by knowledge of nonduality; know all forms by formless knowledge; know all discriminations by nondiscriminatory knowledge; know all differences by knowledge of nondifference; know all distinctions by nondifferentiating knowledge; know all worlds by nonworldly knowledge; know all time by timeless knowledge; know all sentient beings by knowledge of nonexistence of sentient beings; know all

attachments by unattached knowledge; know all abodes by nonabiding knowledge; know all defilements by undefiled knowledge; know all ends by endless knowledge. They appear physically in all worlds by ultimate knowledge of the realm of reality, make untold statements by speechless knowledge, and enter absence of intrinsic nature by knowledge of intrinsic nature. They manifest in various realms by knowledge of one realm; know all things are inexplicable yet manifest free speech; realize the state of omniscience; and manifest great spiritual powers and displays in all worlds in order to teach and tame all sentient beings.

Sixth, Ten Kinds of Comprehensive Mind of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of comprehensive mind of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the comprehensive adornments of supreme Buddhahood. *First*, a mind comprehending all spaces, their intentions far-reaching. *Second*, a mind comprehending all realms of reality, deeply penetrating infinity. *Third*, a mind comprehending all past, present, and future, knowing them all in a single thought. *Fourth*, a mind comprehending the manifestation of all Buddhas, clearly understand their entry into the womb, birth, leaving home, attainment of enlightenment, teaching activity, and ultimate nirvana. *Fifth*, a mind comprehending all sentient beings, knowing their faculties, inclinations, and habit energies. *Sixth*, a mind comprehending all knowledge, knowing the realms of reality everywhere. *Seventh*, a mind comprehending all infinities, knowing the differentiations of the networks of illusions. *Eighth*, a mind comprehending all non-origination, not apprehending any intrinsic nature in anything. *Ninth*, a mind comprehending all nonobstruction, not dwelling on the mind of self or the mind of other. *Tenth*, a mind comprehending all freedoms, manifesting realization of Buddhahood everywhere in a single instant.

Seventh, Ten Kinds of Mind of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of heart of Great Enlightening Beings. Enlightening beings who abide by these can attain the supreme heart of treasury of light of great knowledge of Buddhas. *First*, a heart of diligence, fulfilling all tasks. *Second*, a heart of perseverance, accumulating embellishing virtuous practices. *Third*, a heart of great courage and strength, crushing all

armies of demons. *Fourth*, a heart acting according to truth, extinguishing all afflictions. *Fifth*, a heart of nonregression, never ceasing until enlightenment is reached. *Sixth*, a heart of inherent purity, knowing the mind is immovable, not having any attachments. *Seventh*, a heart of knowledge of sentient beings, adapting to their understanding and inclinations to emancipate them. *Eighth*, a heart of great kindness, compassion, joy, and equanimity, leading into the way of enlightenment, knowing the various understandings and inclinations of sentient beings, and saving them without using separate paths. *Ninth*, a heart of emptiness, signless, wishlessness, and nonfabrication, seeing the characteristics of the triple world without grasping them. *Tenth*, a heart adorned with an indestructible supreme treasury of marks of felicity, thoroughly invulnerable to all demons. *Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme pure mind of Buddhas: First*, a mind like the earth, able to hold all roots of goodness of all sentient beings and make them grow. *Second*, a mind like the ocean, with the water of truth of infinite great knowledge of all Buddhas all flowing into it. *Third*, a mind like the polar mountain, placing all sentient beings on the supreme transmudane foundations of goodness. *Fourth*, a mind like the finest jewel, their desires being pure and unpolluted. *Fifth*, a mind like diamond, deeply penetrating all truths with certainty. *Sixth*, a mind like the adamantine world-surrounding mountains, being invulnerable to disturbance by any demons or false teachers. *Seventh*, a mind like a lotus blossom, which worldly things cannot affect. *Eighth*, a mind like an udumbara flower, difficult to encounter through all time. *Ninth*, a mind like the clear sun, destroying the darkness. *Tenth*, a mind like space, being immeasurable. *Enlightening beings who abide by these can attain the supreme mind of all Buddhas: First*, a mind of leadership, generating all roots of goodness. *Second*, a stable mind with profound faith steadfast and unwavering. *Third*, a mind of profound penetration, understanding in accord with the teachings of Buddhas. *Fourth*, a mind of insight, knowing the mentalities of all sentient beings. *Fifth*, an undisturbed mind, not adulterated with any afflictions. *Sixth*, a clear, clean mind, which externals cannot stain or adhere to. *Seventh*, a mind observing sentient beings well, not wishing proper timing in dealing with them. *Eighth*, a mind choosing well what to do, never making a mistake anywhere. *Ninth*, a mind closely guarding the

senses, taming them and not letting them run wild. *Tenth*, a mind skilled in entering concentration, entering deeply into the concentration of Buddhas, without egoism or selfishness.

Eighth, Ten Kinds of Mind of Tirelessness: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of heart of tirelessness. Enlightening Beings who possess ten tireless minds will attain the tireless supreme knowledge of Buddhas. *First*, honoring and serving all Buddhas tirelessly. *Second*, attending all spiritual teachers tirelessly. *Third*, seeking all truth tirelessly. *Fourth*, listening to true teaching tirelessly. *Fifth*, expounding true teaching tirelessly. *Sixth*, educating and civilizing all sentient beings tirelessly. *Seventh*, placing all sentient beings in the enlightenment of all Buddhas tirelessly. *Eighth*, spending untold eons in each and every world carrying out enlightening practices tirelessly. *Ninth*, traveling in all worlds tirelessly. *Tenth*, examining and pondering all Buddha teachings tirelessly.

Ninth, Ten Mind That Are Free From Doubt by Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten ways of developing a mind free from doubt by Great Enlightening Beings. *First*, Great Enlightening Beings shall take care of all sentient beings by giving, keeping precepts, tolerance, vigor, meditation, wisdom, benevolence, compassion, joy, and equanimity. When making this determination, they are free from doubt (no doubt can arise in their minds). *Second*, when the future Buddhas appear in the world, they shall serve and honor them in all ways. *Third*, Great Enlightening Beings shall adorn all worlds with various marvelous webs of light. *Fourth*, Great Enlightening Beings shall cultivate the practices of Enlightening Beings throughout all future ages and fully develop countless sentient beings throughout the entire cosmos by means of the supreme methods of teaching and taming. *Fifth*, Great Enlightening Beings shall cultivate the practices of enlightening beings, fulfill the great vows, acquire omniscience, and abide therein. *Sixth*, Great Enlightening Beings carry out the practices of Enlightening Beings for the sake of all beings in the world, become a pure light of all truths, and illuminate all the teachings of Buddhas. *Seventh*, Great Enlightening Beings should know all things are Buddha teachings and explain them to sentient beings according to their

mentalities to enlighten them all. *Eighth*, Great Enlightening Beings will attain the way to nonobstruction in the midst of all things, by knowing that all obstructions are graspable. Thus their minds are free from doubt and they abide in the essence of truth, finally to attain supreme complete perfect enlightenment. *Ninth*, Great Enlightening Beings should know that all things are transmundane things, get rid of all false notions and delusions, and adorn myself with the adornment of unity, their being nothing to adorn. Here they understand by themselves and not through another. *Tenth*, Great Enlightening Beings should realize supreme enlightenment in regard to all things, by getting rid of all false notions and delusions, by attaining instantaneous knowledge, because unity and difference cannot be grasped, by transcending all categories, by ultimate nonfabrication of false descriptions, by detachment from all words, and by dwelling in the realm of ineffability.

Tenth, Ten Diamond-Like States of Mind: Ten indestructible minds, ten indestructible minds, or ten characteristics of the “Diamond heart” as developed by a Bodhisattva: 1) complete insight into all truth; 2) saving of all creatures; 3) the glorifying of all Buddha-worlds; 4) transference of his good deeds; 5) services of all Buddhas; 6) realization of the truth of all Buddha-laws; 7) manifestation of all patience and endurance; 8) unflagging devotion to his vocation; 9) perfection of his work; 10) aiding to all fulfill their vows and accomplish their spiritual ends. *Ten “diamond” steps of firmness associated with ten bestowings one’s merits to others (these are associated with the ten dedications):* the mind of faith, remembrance, bestowing one’s merits on others, understanding, uprightness, no-retreat, mahayana, formlessness, wisdom, and the mind of indestructibility.

Eleventh, Ten Kinds of Mind of Spirit: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, Great Enlightening Beings have ten kinds of spirit: 1) a spirit of service; 2) a spirit of joy; 3) a spirit of noncontention; 4) a spirit of docility; 5) a spirit of not seeking anything else; 6) a spirit of wholehearted devotion; 7) a spirit of having the same virtues; 8) a spirit of having the same vows; 9) a spirit of being in the presence of enlightenment; 10) a spirit of cooperation in perfection of action. When they develop the will for supreme enlightenment and

attend and serve teachers in order to awaken to omniscient knowledge arouse such spirits will attain all kinds of purity.

Twelfth, Ten Minds of Directional Decisions: Also called ten decisions of inclination: 1) the mind of renouncement of the world; 2) the mind of observance of the commandments; 3) the mind of patience or endurance; 4) the mind of zealous progress; 5) the mind of meditation; 6) the mind of wisdom or perfect understanding; 7) the mind of the will for good for oneself and others; 8) the mind of protection of the Triratna (Buddha, Dharma, Sangha); 9) the mind of joy; 10) the highest wisdom.

Thirteenth, Ten Kinds of Universally Good Mind: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of Universally Good Mind developed by Enlightening Beings. Enlightening Beings establish these minds, they will soon be able to achieve the skillful knowledge of the Enlightening Being Universally Good. *First*, they develop a mind of great benevolence, to save all beings. *Second*, they develop a mind of great compassion, to bear suffering in place of all beings. *Third*, they develop a mind of total giving, relinquishing all they have. *Fourth*, they develop a mind that thinks of omniscience above all, gladly seeking all Buddha teachings. *Fifth*, they develop a mind adorned with virtues, learning all practices of Enlightening Beings. *Sixth*, they develop an adamant mind, so as not to become heedless wherever they may live. *Seventh*, they develop an oceanic mind, as all pure qualities flow in. *Eighth*, they develop a mind like a mountain, enduring all harsh words. *Ninth*, they develop a peaceful mind, giving to all sentient beings without fear. *Tenth*, they develop a mind with ultimate transcendent wisdom, skillfully observing that all things have no existence.

Fourteenth, Ten Kinds of Mind Outstanding Like a Mountain of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of mind outstanding like a mountain of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the mountain-like outstanding mind of supremely great knowledge of Buddhas. *First*, attentively cultivate the means of omniscience. *Second*, always observe that fundamental nature of all things is empty and ungraspable. *Third*, Great Enlightening Beings vow to carry out the acts of Enlightening Beings over measureless eons, to

cultivate all pure qualities, and by living according to all good and pure principles, see and know the boundless wisdom of the Buddhas. *Fourth*, in quest of all aspects of Buddhahood, Great Enlightening Beings serve all wise teachers impartially, without seeking anything else, with no ambition to steal the teaching, with nothing but respect, and be able to give up everything they have. *Fifth*, if anyone reviles and slanders them, beats or wounds them, or even kills them. Great Enlightening Beings can accept it all and do not become disturbed or hostile, do not give up their universal vow of great compassion, continually make it grow even more because they are truly emancipated from all things. Great Enlightening Beings have perfected relinquishment, realize the truth of all Buddhas, and have mastered forbearance and gentility. *The sixth outstanding mind* states that Great Enlightening Beings develop overmastering great virtues, virtue overmastering celestials, virtue overmastering humans, virtue overmastering form, virtue overmastering power, virtue overmastering dependents, virtue overmastering desire, virtue overmastering kingship, virtue overmastering sovereignty, virtue overmastering felicity, and virtue overmastering intelligence. Though they perfect such virtues, they are never attached to them, that is they do not cling to enjoyment, do not cling to desire, do not cling to wealth, do not cling to dependents and followers. They only profoundly delight in truth, go according to truth, live according to truth, start out according to truth, end up according to truth, take truth as their reliance, take truth for their salvation, take truth for their refuge, take truth for their home, guard the truth, love the truth, seek the truth, and ponder the truth. Though enlightening beings experience all kinds of delights of truth, they always avoid all manias because in the past they determined to enable all sentient beings to get rid of all manias forever and abide in the realm of Buddhas. *The seventh outstanding mind* states that Great Enlightening Beings have already practiced the way of Enlightening Beings diligently for immeasurable eons in quest of excelled, complete perfect enlightenment, yet they still think of themselves as just having set their hearts on enlightenment and carry out the acts of Enlightening Beings, without fright or fear. Though they are able to attain unexcelled complete perfect enlightenment in an instant, yet for the sake of sentient beings they carry out enlightening practices ceaselessly for

measureless eons. *The eighth outstanding mind* states that Great Enlightening Beings know all sentient beings are by nature neither harmonious nor good; all sentient beings are difficult to harmonize, difficult to liberate, and heedless and ungrateful. Enlightening beings make great vows for the sake of all sentient beings, wishing to enable them to attain mental and intellectual freedom and autonomy, to be unhindered in their actions, to give up evil thoughts, and not to afflict others. *The ninth outstanding mind* states that Great Enlightening Beings also think nobody makes me aspire to enlightenment, and I do not wait for others to help me cultivate practices. I aspire to enlightenment of my own accord, accumulate the qualities of enlightenment, and am determined to work on my own. For this reason now I cultivate the practice of Enlightening Beings. I should purify my own mind and also purify others' minds. I should know my own sphere and also know the spheres of others. I should be equal in perspective to the Buddhas of all times. *The tenth outstanding mind* states that Great Enlightening Beings perform this contemplation: there is not a single thing that cultivate the practice of Enlightening Beings; not a single thing that fulfills the practice of Enlightening Beings; not a single thing that teaches and tames all sentient beings; not a single thing that honors all Buddhas; not a single thing that has been or will be or is ever attained in complete enlightenment; not a single thing that has been or will be or is ever explained in complete enlightenment. The teacher and the teaching are both ungraspable, yet they do not abandon unexcelled, complete perfect enlightenment because enlightening beings search out all things and find they cannot be grasped. This is how they develop supreme perfect enlightenment. Although they do not obtain anything, yet they diligently cultivate dominant good actions and pure curative measures, so that their knowledge and wisdom develop fully, growing moment by moment to total repletion. Enlightening Beings are not frightened by emptiness and do not think, "If all things are null, what is the sense of seeking the path of supreme enlightenment?"

Fifteenth, Ten Kinds of Sublime Mind: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 36, there are ten kinds of sublime mind. *First*, the sublime mind of both worlds of speech nor nonspeech. *Second*, the sublime mind in which none of the perceptions and

thoughts of sentient beings can abide. *Third*, the sublime mind of ultimate realm of space. *Fourth*, the sublime mind of the boundless cosmos. *Fifth*, the sublime mind of all the profound esoteric principles of Buddhahood. *Sixth*, the sublime mind of the extremely profound state of nondifferentiation. *Seventh*, the sublime mind annihilating all doubt and confusion. *Eighth*, the sublime mind of the nondifferentiated equality of all worlds. *Ninth*, the sublime mind of the equality of all Buddhas of past, present, and future. *Tenth*, the sublime mind of the infinity of the power of all Buddhas.

Sixteenth, Ten kinds of Adamantine Mind of Commitment to Universal Enlightenment: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of adamantine mind of commitment to universal enlightenment. Enlightening Beings who abide by these can attain the indestructible supreme spiritual knowledge of Buddhas. *The first adamantine mind of commitment to universal enlightenment* states that Enlightening Beings think all truths are boundless and inexhaustible. They should realize these truths thoroughly by means of knowledge comprehending past, present and future. *The second adamantine mind* states that there are infinite sentient beings even on a point the size of a hairtip, to say nothing of in all universe. No matter how many sentient beings, they should calm them and liberate them by means of unexcelled nirvana. *The third adamantine mind* states that the worlds of the ten directions are measureless, limitless, inexhaustible; they shall adorn them all with the finest adornments of the Buddha-lands, with all the adornments being truly real. *The fourth adamantine mind* states that sentient beings are measureless, boundless, limitless, inexhaustible. Enlightening Beings should dedicate all roots of goodness to them and illumine them with the light of unexcelled knowledge. *The fifth adamantine mind* states that the Buddhas are infinite, boundless, unlimited, inexhaustible. Enlightening beings should dedicate the roots of goodness, they plant to offer to them. They cause those roots of goodness to reach everywhere, with no lack. After that they will attain unexcelled complete perfect enlightenment. *The sixth adamantine mind* states that seeing all Buddhas and hearing their teachings Enlightening Beings become very joyful, not attach to their own bodies or to the bodies of Buddhas. They understand the body of a Buddha is neither real nor unreal; neither existent nor nonexistent, not

of a particular nature, not without nature, not material, not immaterial, not form, not formless, not born, not extinct, really without existence yet not destroying existence, cannot be grasped through any nature or characteristic at all. *The seventh adamantine mind* states that if any one should revile or beat Enlightening Beings, cut off their hands or feet, gouge out their eyes, or even cut off their heads, Enlightening Beings are able to bear it all and never become angry or vicious as a result of this. They cultivate the practices of Enlightening Beings for countless eons, and taking care of sentient beings, never abandoning them. Why? Enlightening Beings have already observed all things to be nondual, their minds are undisturbed. They can give up their own bodies and endure those pains. *The eighth adamantine mind* states that the ages of the future are infinite, boundless, inexhaustible, limitless. They should travel the path of Enlightening Beings throughout those ages in one world and teaching sentient beings. Do the same in all worlds in the space of the cosmos, without fright or fear. This is the way the path of Enlightening Beings should be in principle, cultivated for the sake of all sentient beings. *The ninth adamantine mind* states that unexcelled complete perfect enlightenment is based on the mind. If the mind is pure and clear, one can fulfill all roots of goodness and will surely attain freedom in enlightenment. If they wish to attain supreme consummate enlightenment, they can do so at will. If they wish to annihilate all grasping of objects, they can do that at will. Yet they do not annihilate because they want to reach the ultimate end of enlightenment of the Buddhas. They also do not immediately realize supreme enlightenment, in order to fulfill their original vow to carry out the practice of enlightening beings through all worlds and enlighten sentient beings. *The tenth adamantine mind* states that Enlightening Beings know Buddha is ungraspable, Enlightenment is ungraspable, Enlightening Beings are ungraspable, all things are ungraspable, sentient beings are ungraspable, the mind is ungraspable, action is ungraspable, the past is ungraspable, the future is ungraspable, the present is ungraspable, all worlds are ungraspable, and the created and uncreated are ungraspable. Knowing this, Enlightening Beings dwell in quiescence, dwell in profundity, dwell in silent extinction, dwell in noncontention, dwell in speechlessness, dwell in nonduality, dwell in incomparability, dwell in essence, dwell in truth, dwell in liberation,

dwell in nirvana, and dwell in absolute reality. Yet they do not give up any of their great vows, do not give up the will for omniscience, do not give up the deeds of Enlightening Beings, do not give up teaching sentient beings, do not give up the transcendent ways, do not give up taming sentient beings, do not give up serving Buddhas, do not give up explaining truth, do not give up adorning the world. Why? Because Great Enlightening Beings have made their great vows. Though they comprehend the characteristics of all things, their great kindness and compassion increase. They cultivate measureless virtues. Their minds do not abandon sentient beings, because while things have no absolute existence, ordinary or ignorant beings do not realize this. Enlightening Beings are committed to enlightening them so that they clearly comprehend the nature of things. All Buddhas rest peacefully in quiescence, yet by great compassion they teach in the world ceaselessly. Reflecting on this, Enlightening Beings will not abandon sentient beings, not abandon great compassion. They have already develop great commitment and have vowed to certainly benefit all sentient beings. They accumulate all roots of goodness; persist in appropriate dedication; develop profound wisdom, accommodate all sentient beings, and be impartial toward all sentient beings. They speak truthfully, without falsehood; vow to give all sentient beings the supremely great teaching; vow to perpetuate the lineage of all Buddhas. As long as all sentient beings are not yet liberated, are not yet enlightened, and have not yet realized Buddhahood, the Enlightening Beings' great undertaking is not completed and they will not give up great compassion.

Seventeenth, Ten Minds of Sympathy and Compassion: Ten kinds of mind of sympathy and compassion (pity). Bodhisattvas bring forth a mind of sympathy and pity: *First*, a mind that sees that all living beings are alone and forlorn with nothing to rely on. *Second*, a mind that sees that all living beings are poor and destitute. *Third*, a mind that sees all living beings scorched by the fire of the three poisons. *Fourth*, a mind that sees all living beings are imprisoned (shut up) in the prison of the existence. *Fifth*, a mind that sees all living beings are constantly covered and hemmed in by the dense forest of afflictions. *Sixth*, a mind that sees all living beings are not good at contemplating. *Seventh*, a mind that sees all living beings do not desire wholesome Dharmas.

Eighth, a mind that sees all living beings lose all Buddhadharmas. *Ninth*, a mind that sees all living beings follow along with the cycle of birth and death. *Tenth*, a mind that sees all living beings lose expedients for liberation.

Eighteenth, Ten Profound Minds: A Bodhisattva Mahasattva who has already purified the second ground, and who wishes to enter the third ground, should bring forth ten kinds of profound minds: 1) a purified mind, 2) a peaceful dwelling mind, 3) a mind of disgust and renunciation, 4) a mind free of greed, 5) an unretreating mind, 6) a solid mind, 7) a mind of flourishing brightness, 8) a courageous mind, 9) a vast mind, 10) a great mind. *According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of profound mind of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme, pure, profound mind of omniscience:* a profound mind not stained by any worldly things, not alloyed with the ways of the lesser vehicles of individual salvation, comprehending the enlightenment of all Buddhas of past, present, and future, following the path of omniscience, unmoved by any demons or heretics, clarifying the comprehensive knowledge of all Enlightened Ones, accepting and holding all truths heard, not clinging to any state of life, imbued with all subtle knowledge, and cultivating all qualities of Buddhahood.

Nineteenth, Ten kinds of Intense Profound Mind of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of intense profound mind of Great Enlightening Beings: 1) not backsliding because they accumulate all roots of goodness; 2) removing doubts because they understand the esoteric sayings of all Buddhas; 3) holding truth, being born by great vows and great deeds; 4) deeply penetrating all Buddha teachings; 5) mastering all Buddha teachings; 6) a vast mind which enters into various ways of access to truth; 7) a leading intense profound mind, accomplishing all tasks; 8) a free intense profound mind, adorned by all concentrations, spiritual powers, and mystical transformations; 9) an abiding intense profound mind, embracing their past vows; 10) an unceasing intense profound mind, developing all sentient beings to maturity. Enlightening Beings who abide by these can attain the supremely pure intense profound mind of all Buddhas.

Twentieth, Ten Minds of Faith: In the Surangama Sutra, book Eight, the Buddha reminded Ananda about the ten grades of Bodhisattva faith: *First*, the mind that resides in faith and faith which destroys illusions. *Second*, remembrance (unforgetfulness or the mind that resides in mindfulness). *Third*, zealous progress or the mind that resides in vigor. *Fourth*, wisdom or the mind resides in wisdom. *Fifth*, settled firmness on concentration or the mind that resides in samadhi. *Sixth*, non-retrogression or the mind that resides in irreversibility. *Seventh*, protection of the Truth or the mind that resides in protecting the Dharma. *Eighth*, reflexive powers or the mind that resides in Making Transferences. *Ninth*, the nirvana mind in effortlessness or the mind that resides in precepts. *Tenth*, action at will in anything in anywhere or the mind that resides in vows.

Twenty-First, Ten Minds Developed by the Pure Land Practitioners: In the Maharatnakuta Sutra, Sakyamuni Buddha told Maitreya Bodhisattva: “Ten Minds developed by the Pure Land practitioners cannot be developed by ordinary people, nor those who lack virtue and are beset by afflictions.” What are these ten? *First*, to develop great loving kindness, not to harm sentient beings. *Second*, to develop great compassion, not to cause any afflictions to sentient beings. *Third*, to protect the true Dharma of the Buddha without regard for one’s life. *Fourth*, to develop Supreme Tolerance of the Correct Dharma, without clinging nor grasping. *Fifth*, to be still and peaceful, without seeking gain, support nor respect. *Sixth*, to seek the Buddha’s wisdom at all times. *Seventh*, to be respectful and reverential toward all sentient beings at all times. *Eighth*, to avoid indulging in mundane discussions; to resolve to Bodhi-Mind. *Ninth*, to keep the Mind pure, to plant all good roots. *Tenth*, to give up attachment to the marks of the Buddhas, while always keeping the Buddhas in mind.

Twenty-Second, Ten Dwelling Minds: Ten kinds of well-nourished heart, essential to entry into the cult of the higher patience and endurance: 1) a heart of kindness, 2) a heart of pity, 3) a heart of joy in progress toward salvation of others, 4) a heart of renunciation, 5) a heart of almsgiving, 6) a heart of delight in telling the dharma, 7) a heart of benefitting or aiding others to salvation, 8) a heart of unity or amity, 9) a heart of concentration in meditation, 10) a heart of wisdom.

Twenty-Third, Ten Kinds of Boundless Mind of Great Enlightening Beings: According to The Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten kinds of boundless will of Great Enlightening Beings: *First*, they awaken the boundless will to liberate all sentient beings. *Second*, the boundless will to attend all the Buddhas. *Third*, the boundless will to provide for all Buddhas. *Fourth*, the boundless will to see all Buddhas. *Fifth*, the boundless will to receive and hold all Buddha teachings without forgetting any. *Sixth*, the boundless will to manifest the infinite spiritual metamorphoses of all Buddhas. *Seventh*, the boundless will not to abandon any enlightening practices to attain enlightened power. *Eighth*, the boundless will to enter into the subtle realm of all knowledge and explain all Buddha teachings. *Ninth*, the boundless will to enter into the inconceivable vast realm of Buddhahood. *The tenth boundless will* is to develop profound aspiration for the Buddhas' powers of elucidation and receive all Buddha teachings. To manifest all kinds of free bodies and enter the circles of all Enlightened Ones.

Twenty-Fourth, Ten Determinations of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten determinations of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain Buddhas; mind of great determination and competence. *First*, to liberate all beings. *Second*, to cause all beings to get rid of their afflictions. *Third*, to cause all sentient beings to extinguish their habit energies. *Fourth*, to eliminate all doubts. *Fifth*, to remove all sentient beings' miseries. *Sixth*, to extirpate the difficulties of the states of woe. *Seventh*, to respectfully follow all Buddhas. *Eighth*, to study what all Enlightening Beings should learn. *Ninth*, to show the enlightenment of all Buddhas at each point in all worlds. *Tenth*, to beat the drum of the highest teaching in all worlds, to cause all sentient beings to gain understanding in accord with their faculties and inclinations.

Twenty-Fifth, Ten Circumstances in Which Bodhisattvas Develop Their Compassionate Minds: According to the Avatamsaka Sutra, Samantabhadra Bodhisattva shed light on why Bodhisattvas developed the compassionate mind as follows: *First*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they do not have any place to lean on to develop great compassion. *Second*, Bodhisattvas observe sentient

beings and seeing that they are not kind and good-natured to develop great compassion. *Third*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they suffer in poverty without wholesome karma to develop great compassion. *Fourth*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they sleep soundly in the long night of binding ignorance to develop great compassion. *Fifth*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they carry out wicked actions to develop great compassion. *Sixth*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they are already bound and tied down but are still fond of other bondage to develop great compassion. *Seventh*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they are drowning in the ocean of life and death to develop great compassion. *Eighth*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they are trapped enduring sufferings for an extensive period of time to develop great compassion. *Ninth*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they are not fond of wholesome dharma to develop great compassion. *Tenth*, Bodhisattvas observe sentient beings and seeing that they are far away and have lost the Buddha Dharma to develop great compassion.

Twenty-Sixth, Eleven Minds Lead to Enlightenment: According to The Avatamsaka Sutra, there are eleven minds that lead to enlightenment (desire for enlightenment is really aroused from these minds). *First*, a great loving heart which is desirous of protecting all beings. 'Karuna' means pity or compassion. In Pali and Sanskrit, 'Karuna' is defined as 'the quality which makes the heart of the good man tremble and quiver at the distress of others.' The quality that arouses tender feelings in the good man at the sight of others' suffering. Cruelty, violence is the direct enemy of 'karuna'. Though the latter may appear in the guise of a friend, it is not true 'karuna', but falsely sympathy; such sympathy is deceitful and one must try to distinguish true from false compassion. The compassionate man who refrains from harming and oppressing others and endeavors to relieve them of their distress, gives the gift of security to one and all, making no distinction whatsoever. According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in The Thirteen Patriarchs of Pureland Buddhism, what is the 'compassionate mind?' To be compassionate is to pity and to be empathetic, wishing to help and rescue others without having discriminations or attachment to various characteristics. This means 'altruism' or to have mercy and

compassion, wishing to help others but not to have any intention of taking advantages. For instance, seeing someone rich, beautiful, etc, one pretends to be compassionate by helping, but having ulterior motives of self-gain. This is called “Desirous Views,” or developing love and lust when seeing wealth and beauty according to binding ways of sentient beings; thus, to act in this way cannot be called being ‘compassionate’. *Second*, a great compassionate heart which ever wishes for the welfare of all beings. In Buddhism, loving kindness is the greatest love toward all sentient beings. Immeasurable loving kindness is the greatest love dedicated to all sentient beings, together with the desire to bring them joy and happiness. Human joy is totally impermanent; it is governed by misery, that is, when our passions such as greed, anger, and ignorance are satisfied, we feel pleased; but when they are not satisfied, we feel sad. To have a permanent joy, we must first sever all sufferings. Loving kindness generally goes together with pity whose role is to help the subjects sever his sufferings, while the role of loving kindness is to save sentient beings from sufferings and to bring them joy. However, loving-kindness is not an inborn characteristic. If we really want to develop our loving-kindness, we have to devote more time to practice. Sitting in meditation alone cannot bring us the so-called “loving-kindness.” In order to achieve the loving-kindness, we must put loving-kindness in actions in our daily life. In our daily activities, we must develop empathy and closeness to others by reflecting on their sufferings. For example, when we know someone suffering, we should try our best to console them by kind words or to help them with our worldly possessions if needed. *Third*, the desire to make others happy, which comes from seeing them suffer all forms of pain. *Fourth*, the desire to benefit others, and to deliver them from evils and wrong deeds. *Fifth*, a sympathetic heart which desires to protect all beings from tormenting thoughts. *Sixth*, an unimpeded heart which wishes to see all the impediments removed for others. *Seventh*, a large heart which fills the whole universe. *Eighth*, an endless heart which is like space. *Ninth*, a spotless heart which sees all the Buddhas. *Tenth*, a pure heart which is in conformity with the wisdom of the past, present, and future. Enlightenment and Buddhahood is a pure mind, that is, a mind totally free of greed, anger and delusion (a pure mind is enlightenment, is the Pure Land) and all

other impurities. Pure mind, or the purification of the mind, which is the original Buddha-nature in every man. Pure mind is one of the most important entrances to great enlightenment; for with it, there is no defilement. *Eleventh*, a wisdom-heart by which one can enter the great ocean of all-knowledge.

Twenty-Seventh, Thirteen Minds of Supreme Enlightenment of Great Enlightening Beings: According to the Avatamsaka Sutra, Great Enlightening Beings have thirteen minds leading to supreme enlightenment. *First*, a great compassionate heart which is the chief factor of the desire. *Second*, knowledge born of transcendental wisdom which is the ruling element. *Third*, skilful means which works as a protecting agent. *Fourth*, the deepest heart which gives it a support. *Fifth*, the Bodhicitta of the same measure with the Tathagata-power. *Sixth*, the Bodhicitta endowed with the power to discern the power and intelligence of all beings. *Seventh*, the Bodhicitta directed towards the knowledge of non-obstruction. *Eighth*, the Bodhicitta in conformity with spontaneous knowledge. *Ninth*, the Bodhicitta which is capable of instructing all beings in the truths of Buddhism according to knowledge born of transcendental wisdom. *Tenth*, the Bodhicitta which is extending to the limits of the Dharmadhatu which is as wide as space itself. *Eleventh*, the knowledge which belongs to Buddhahood, and which see into everything that is in space and time, the knowledge which goes beyond the realm of relativity and individuation because it penetrates into every corner of the universe and surveys eternity at one glance. *Twelfth*, the will-power that knocks down every possible obstruction lying athwart its way when it wishes to reach its ultimate end, which is the deliverance of the whole world from the bondage of birth-and-death. *Thirteenth*, an all-embracing love or compassion which, in combination with knowledge and will-power, never ceases from devising all means to promote the spiritual welfare of every sentient being.

In short, a Bodhisattva is an Enlightened being who is on the path to awakening, who vows to forego complete enlightenment until he or she helps other beings attain enlightenment. All these above mentioned minds are bases for the following ten determinations of Great Enlightening Beings (the Flower Adornment Sutra, Chapter 38). Enlightening Beings who abide by these can attain Buddhas; mind of

great determination and competence. *First*, to liberate all beings. Second, to cause all beings to get rid of their afflictions. *Third*, to cause all sentient beings to extinguish their habit energies. *Fourth*, to eliminate all doubts. *Fifth*, to remove all sentient beings' miseries. *Sixth*, to extirpate the difficulties of the states of woe. *Seventh*, to respectfully follow all Buddhas. Eighth, to study what all Enlightening Beings should learn. *Ninth*, to show the enlightenment of all Buddhas at each point in all worlds. *Tenth*, to beat the drum of the highest teaching in all worlds, to cause all sentient beings to gain understanding in accord with their faculties and inclinations.

Chương Ba Mười Lăm
Chapter Thirty-Five

Chư Căn Của Một Vị Bồ Tát

Căn là năng lực của giác quan. Nhiều người cho rằng căn chỉ là năng lực của tâm linh. Tuy nhiên, căn còn là năng lực của cả thân và tâm. Theo Kinh Phúng Tụng trong Trường Bộ Kinh, có năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân. Như trên đã nói, chư Bồ Tát là những người đã giác ngộ, tự hiến đời mình trợ giúp người khác đạt giải thoát, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thủy chúng sanh. Với sự tự tại, trí huệ và từ bi, chư Bồ Tát biểu thị một giai đoạn cao của Phật quả nhưng chưa phải là một vị Phật giác ngộ vô thượng viên mãn hoàn toàn. Ngũ căn có thể là những cửa ngõ đi vào địa ngục, đồng thời chúng cũng là những cửa ngõ quan trọng đi vào đại giác, vì từ đó mà phạm nhân chúng ta gây tội tạo nghiệp, nhưng cũng nhờ đó mà chư Bồ Tát có thể hành trì chánh đạo và đạt thành Phật quả. Đối với Phật tử thuần thành, nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập theo một số pháp tu tiêu biểu của chư Bồ Tát.

Thứ nhất là Mười Bụng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười bụng của chư Đại Bồ Tát. Chư Đại Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được bụng rộng lớn vô thượng của Như Lai, đều có thể dung thọ tất cả chúng sanh. *Thứ nhất* là bụng lia tà vạy, vì tâm thanh tịnh. *Thứ nhì* là bụng lia huyền ngụy, vì tánh chất chơn thật. *Thứ ba* là bụng chẳng hư giả, vì không hiểm dối. *Thứ tư* là bụng không thi đoạt, vì không tham đối với tất cả vật. *Thứ năm* là bụng dứt phiền não, vì đầy đủ trí huệ. *Thứ sáu* là bụng thanh tịnh tâm, vì rời các điều ác. *Thứ bảy* là bụng quán sát ăn uống, vì nhớ đến pháp chơn thật. *Thứ tám* là bụng quán sát vô tác, vì giác ngộ duyên khởi. *Thứ chín* là bụng ngộ tất cả đạo xuất ly, vì khéo thành thực thâm tâm. *Thứ mười* là bụng xa rời tất cả cấu nhơ biên kiến, vì làm cho tất cả chúng sanh nhập vào bụng Phật.

Thứ nhì là Mười Căn Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười căn. Chư Bồ Tát an trụ trong những pháp này thời được căn đại trí viên mãn vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là hoan hỷ căn, vì thấy tất cả chư Phật với lòng tin chẳng hư hoại. *Thứ nhì* là hi vọng căn, vì những Phật pháp đã nghe đều

tổ ngộ tất cả. *Thứ ba* là bất thối căn, vì tất cả tác sự đều rốt ráo. *Thứ tư* là an trụ căn, vì chẳng dứt tất cả Bồ Tát hạnh. *Thứ năm* là vi tế căn, vì nhập lý vi diệu Bát Nhã Ba La Mật. *Thứ sáu* là bất hưu tức căn, vì rốt ráo sự việc tất cả chúng sanh. *Thứ bảy* là như Kim Cang căn, vì chứng biết tất cả những pháp tánh. *Thứ tám* là kim Cang quang diệm căn, vì chiếu khắp tất cả cảnh giới Phật. *Thứ chín* là vô sai biệt căn, vì tất cả Như Lai đồng một thân. *Thứ mười* là vô ngại tế căn, vì thâm nhập mười trí lực của Như Lai.

Thứ ba là Mười Chân Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười chân. Chư Bồ Tát an trụ trong những pháp này thời được những chơn vô thượng tối thắng của Đức Như Lai, khi cất chơn một bước là có thể đến khắp tất cả thế giới. *Thứ nhất* là chơn trì giới, vì đại nguyện thù thắng đều thành tựu viên mãn. *Thứ nhì* là chơn tinh tấn, vì tích tập tất cả pháp Bồ Đề phần không thối chuyển. *Thứ ba* là chơn thân thông, vì tùy theo dục lạc của chúng sanh làm cho hoan hỷ. *Thứ tư* là chơn thần lực, vì chẳng rời một cõi Phật mà qua đến tất cả cõi Phật. *Thứ năm* là chơn thâm tâm, vì nguyện cầu tất cả pháp thù thắng. *Thứ sáu* là chơn kiên thọ, vì tất cả việc làm đều rốt ráo. *Thứ bảy* là chơn tùy thuận, vì chẳng trái lời dạy của các bậc tôn túc. *Thứ tám* là chơn lạc pháp, vì nghe và thọ trì tất cả pháp của chư Phật nói không mỗi lời. *Thứ chín* là chơn pháp vũ, vì đại chúng thuyết pháp không khiếp nhụt. *Thứ mười* là chơn tu hành, vì tất cả các điều ác đều xa lìa.

Thứ tư là Mười Đầu Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười đầu của Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đầu đại trí huệ vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là đầu Niết bàn vì không ai thấy được đánh. *Thứ nhì* là đầu tôn kính, vì tất cả như thiên đều kính lễ. *Thứ ba* là đầu thắng giải quảng đại, vì tối thắng trong đại thiên thế giới. *Thứ tư* là đầu đệ nhất thiện căn, vì tam giới chúng sanh đều tôn kính cúng dường. *Thứ năm* là đầu gánh đội chúng sanh, vì thành tựu tương nhục kế trên đánh. *Thứ sáu* là đầu chẳng khinh tiện người, vì ở tất cả chỗ đều là bậc tôn thắng. *Thứ bảy* là đầu Bát Nhã Ba La Mật, vì trưởng dưỡng tất cả pháp công đức. *Thứ tám* là đầu tương ứng phương tiện trí, vì hiện khắp tất cả thân đồng loại. *Thứ chín* là đầu giáo hóa tất cả chúng sanh, vì thâm nạp tất cả chúng sanh làm đệ tử. *Thứ mười* là đầu thủ hộ pháp nhãn của chư Phật, vì làm cho Tam bảo chủng chẳng đoạn tuyệt.

Thứ năm là Mười Lưỡi Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười lưỡi của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát thành tựu những pháp này thời được lưỡi vô thượng trùm khắp tất cả Phật độ của Đức Như Lai. *Thứ nhất* là lưỡi khai thị điển thuyết vô tận hạnh chúng sanh. *Thứ nhì* là lưỡi khai thị điển thuyết vô tận pháp môn. *Thứ ba* là lưỡi tán thán công đức vô tận của chư Phật. *Thứ tư* là lưỡi diễn xướng từ biện vô tận. *Thứ năm* là lưỡi khai xiển Đại thừa trợ đạo. *Thứ sáu* là lưỡi trùm khắp hư không. *Thứ bảy* là lưỡi chiếu khắp tất cả cõi Phật. *Thứ tám* là lưỡi làm cho tất cả chúng sanh được tỏ ngộ. *Thứ chín* là lưỡi làm cho chư Phật hoan hỷ. *Thứ mười* là lưỡi hàng phục chúng ma ngoại đạo, diệt trừ tử sanh phiền não, và làm cho đến Niết bàn.

Thứ sáu là Mười Mắt Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Đại Bồ Tát có mười mắt. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại trí huệ nhãn vô thượng của Như Lai. *Thứ nhất* là Nhục nhãn, vì thấy tất cả hình sắc. *Thứ nhì* là Thiên nhãn, vì thấy tất cả tâm niệm của tất cả chúng sanh. *Thứ ba* là Huệ nhãn, vì thấy tất cả những căn cảnh giới của tất cả chúng sanh. *Thứ tư* là Pháp nhãn, vì thấy tướng như thật của tất cả pháp. *Thứ năm* là Phật nhãn, vì thấy thập lực của Như Lai. *Thứ sáu* là Trí nhãn, vì thấy biết các pháp. *Thứ bảy* là Quang minh nhãn, vì thấy quang minh của Đức Phật. *Thứ tám* là Xuất sanh tử nhãn, vì thấy Niết Bàn. *Thứ chín* là Vô ngại nhãn, vì chỗ thấy không chướng ngại. *Thứ mười* là Nhứt thiết trí nhãn, vì thấy phổ môn pháp giới.

Thứ bảy là Mười Mũi Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười mũi của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát thành tựu những pháp này thời được vô lượng vô biên thanh tịnh tỳ của Như Lai. *Thứ nhất* là nghe những vật hôi, không cho đó là hôi. *Thứ nhì* là khi nghe những hơi thơm, không cho đó là thơm. *Thứ ba* là thơm hôi đều nghe, nhưng tâm Bồ Tát vẫn bình đẳng. *Thứ tư* là chẳng thơm chẳng hôi, an trụ nơi xả. *Thứ năm* là nếu nghe y phục, giường ngủ và thân thể của chúng sanh thơm hôi, thời biết được họ khởi lòng tham, sân hay si. *Thứ sáu* là nếu nghe hơi của cây cỏ, vân vân, thời biết rõ ràng như đối trước mắt. *Thứ bảy* là nếu nghe mùi của chúng sanh trên trời đến địa ngục thời biết hạnh nghiệp quá khứ của họ đã gây tạo. *Thứ tám* là nếu nghe hơi bố thí, trì giới, đa văn, trí huệ của hàng Thanh Văn thời an trụ tâm nhứt thiết trí chẳng cho tán động. *Thứ chín* là nếu nghe hơi của tất cả Bồ Tát hạnh, thời dùng trí huệ bình đẳng nhập Phật

địa. *Thứ mười* là nghe hơi cảnh giới trí huệ của tất cả Phật, cũng chẳng phé bỏ những hạnh Bồ Tát.

Thứ tám là Mười Tai Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười tai. Chư Bồ Tát thành tựu pháp này thời được đại trí huệ vô thượng của các Đức Như Lai. *Thứ nhất* là nghe tiếng khen ngợi thời dứt trừ tâm tham ái. *Thứ nhì* là nghe tiếng hủy báng thời dứt trừ tâm hờn giận. *Thứ ba* là nghe nói nhĩ thừa thời chẳng ham chẳng cầu. *Thứ tư* là nghe đạo Bồ Tát thời vui mừng hớn hở. *Thứ năm* là nghe những nơi đau khổ phiến toái như địa ngục, súc sanh, ngạ, quỷ thời phát tâm đại bi lập thế nguyện cứu độ rộng lớn. *Thứ sáu* là nghe sự thắng diệu của nhơn thiên thời biết đó đều là những pháp vô thường. *Thứ bảy* là nghe tán thán công đức của chư Phật, thời siêng tu tinh tấn cho mau được viên mãn. *Thứ tám* là nghe nói đến lục độ Ba La Mật và Tứ nhiếp pháp thời phát tâm tu hành nguyện đến bỉ ngạn. *Thứ chín* là nghe tất cả âm thanh trong thập phương thế giới, đều biết chỉ là những âm vang, nên nhập bất khả thuyết diệu nghĩa thậm thâm. *Thứ mười* là từ sơ phát tâm nhĩ đến đạo tràng, thường nghe chánh pháp chưa từng tạm nghỉ, mà hằng chẳng bỏ việc giáo hóa chúng sanh.

Thứ chín là Mười Tạng Của Chư Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười tạng của chư Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thiện căn vô thượng, tạng đại trí huệ bất hoại của Như Lai. Thứ nhất là chẳng dứt Phật chủng là Bồ Tát tạng, vì khai thị Phật pháp vô lượng oai đức. Thứ nhì là tăng trưởng pháp chủng là Bồ Tát tạng, vì xuất sanh trí huệ quang minh quảng đại. Thứ ba là trụ trì Tăng chủng là Bồ Tát tạng, vì làm cho họ được pháp luân bất thối. Thứ tư là giác ngộ chánh định chúng sanh là Bồ Tát tạng, vì khéo theo thời nghi không sai một niệm. Thứ năm là rốt ráo thành thực bất định chúng sanh là Bồ Tát tạng, vì làm cho nhơn tương tục không gián đoạn. Thứ sáu là vì tà định chúng sanh phát sanh lòng đại bi là Bồ Tát tạng, vì làm cho nhơn vị lai đều được thành tựu. Thứ bảy là viên mãn nhơn bất hoại nơi Phật thập lực là Bồ Tát Tạng, vì đầy đủ vô đối thiện căn hàng phục ma quân. Thứ tám là tối thắng vô úy đại sư tử hống là Bồ Tát tạng, vì làm cho tất cả chúng sanh đều hoan hỷ. Thứ chín là được mười tám pháp bất cộng của Phật là Bồ Tát tạng, vì trí huệ vào khắp tất cả xứ. Thứ mười là biết rõ khắp tất cả chúng sanh, tất cả cõi, tất cả pháp, tất cả Phật là Bồ Tát tạng, vì ở trong một niệm đều thấy rõ.

Thứ mười là Mười Vô Tận Tạng Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 18, có mười vô tận tạng thành đạt bởi chư Bồ Tát khi các Ngài thành tựu đầy đủ mười nguyện: vô tận tạng thấy khắp chư Phật, tổng trì chẳng quên, quyết rõ các pháp, đại bi cứu độ, các môn tam muội, phước đức rộng lớn làm thỏa mãn lòng chúng sanh, trí huệ rất sâu có khả năng giải bày tất cả các pháp, báo được thần thông, trụ vô lượng kiếp, nhập vô biên thế giới.

Thứ mười một là Mười Tay Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười tay của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được tay vô thượng của Như Lai, che khắp tất cả thế giới mười phương. Thứ nhất là tay thâm tín, vì nơi lời nói của Phật đều tin sâu và rốt ráo thọ trì. Thứ nhì là tay bố thí, có người đến cầu, tùy chỗ họ muốn đều làm cho được đầy đủ. Thứ ba là tay hỏi thăm trước, vì giờ tay mặt để nghinh tiếp nhau. Thứ tư là tay cúng dường chư Phật, vì chứa nhóm những phước đức không mỗi nhàm. Thứ năm là tay đa văn thiện xảo, vì đều dứt trừ tất cả những nghi hoặc của chúng sanh. Thứ sáu là tay khiến siêu tam giới, vì chư Bồ Tát trao tay ấy cho chúng sanh để vớt họ ra khỏi bùn ái dục. Thứ bảy là tay đặt nơi bỉ ngạn, vì cứu chúng sanh đang đắm trong bốn dòng nước cuộn. Thứ tám là tay chẳng tiếc chánh pháp, vì có bao nhiêu diệu pháp đều đem khai thị. Thứ chín là tay khéo dùng những luận nghị, vì dùng thuốc trí huệ trừ bệnh nơi thân tâm. Thứ mười là tay hằng chấp trì trí bửu, vì khai pháp quang minh phá tối phiền não.

Functions of the Six Faculties of a Bodhisattva

Faculty of sense means the power of the senses or organs of sense. Some people believe that faculties only mean spiritual faculties or power of the spirituality. However, faculty also means bodily and mental power. According to the Sangiti Sutta in the Long Discourses of the Buddha, there are five roots or faculties (indriyani) or the five organs of the senses, or five spiritual faculties: eyes, ears, nose, tongue, and body. As mentioned above, Bodhisattvas are enlightening beings who, deferring their own full Buddhahood, dedicate themselves to helping others attain liberation, and vow to forego complete enlightenment until they help all other beings attain enlightenment. In their self-mastery, wisdom, and compassion Bodhisattvas represent a

high stage of Buddhahood, but they are not yet the supreme enlightened, or fully perfected Buddha. Bodhisattvas have numerous different ways of entry into ages, entry into worlds and births into worlds to help beings, but here, we only mention some typical ways that Bodhisattvas have practiced. The five sense-organs can be entrances to the hells; at the same time, they can be some of the most important entrances to the great enlightenment; for with them, we, ordinary people, create karmas and sins, but also with them, Bodhisattvas can practise the right way and reach the Buddhahood. For devout Buddhists, if practitioners want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should try to cultivate some typical methods of Bodhisattvas' ways of cultivation.

First, Ten Kinds of Guts of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of guts of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can acquire the supreme vast guts of Buddhas, able to contain all sentient beings. *First*, guts free from deception, their hearts being pure. *Second*, guts free from falsehood, being honest by nature. *Third*, nonprevericating guts, having no crookedness. *Fourth*, nonswindling guts, having no greed for anything. *Fifth*, guts cutting off afflictions, being full of wisdom. *Sixth*, pure-minded guts, being free from all evils. *Seventh*, guts examining food and drink, remembering reality. *Eighth*, guts observing noncreation, being aware of interdependent origination. *Ninth*, guts aware of all ways of emancipation, fully developing the will. *Tenth*, guts rid of the defilement of all extreme views, enabling all sentient beings to enter into the guts of Buddha.

Second, Ten Kinds of Faculties of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of faculties of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme faculties of fulfillment of great knowledge of Buddhas. *First*, joyful faculties, seeing all Buddhas, with faith indestructible. *Second*, hopeful faculties, understanding whatever Buddha teachings they hear. *Third*, nonregressing faculties, consummating all their tasks. *Fourth*, steadfast faculties, not stopping the practices of Enlightening Beings. *Fifth*, subtle faculties, entering the subtle principle of transcendent wisdom. *Sixth*, unceasing faculties, consummating the tasks of all sentient beings. *Seventh*, adamant

faculties, realizing the nature of all things. *Eighth*, indestructible glowing faculties, illuminating all spheres of Buddhahood. *Ninth*, undifferentiated faculties, being the same one body as all Buddhas. *Tenth*, unobstructed faculties, deeply penetrating the ten powers of the enlightened.

Third, Ten Kinds of Feet of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of feet of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme feet of Buddhas, which can reach all worlds in one step. *First*, the feet of discipline, fulfilling all higher aspirations. *Second*, the feet of energy, assembling all of enlightenment without regreasing. *Third*, the feet of spiritual knowledge, gladdening all sentient beings according to their desires. *Fourth*, the feet of psychic powers, going to all Buddha-lands without leaving one Buddha-land. *Fifth*, the feet of determination, seeking all higher laws. *Sixth*, the feet of resolute commitment, fulfilling all their tasks. *Seventh*, the feet of accord, not opposing the teachings of all the honorable. *Eighth*, the feet of delight in truth, tirelessly hearing and holding all teachings spoken by Buddhas. *Ninth*, the feet of rain of teaching, lecturing to the masses without timidity. *Tenth*, the feet of cultivation, getting rid of all evils.

Fourth, Ten Kinds of Head of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of head of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme head of knowledge and wisdom of Buddhas. *First*, the head of nirvana, as no one can see the top. *Second*, the head of honor, respected by all humans and celestials. *Third*, the head of universal higher understanding, being supreme in the universe. *Fourth*, the head of foremost roots of goodness, honored by the sentient beings of the three worlds. *Fifth*, the head bearing sentient beings, developing an indestructible crown. *Sixth*, the head of not despising others, in all places always respectful. *Seventh*, the head of transcendent wisdom, nurturing all virtuous qualities. *Eighth*, the head of union of knowledge and skill in means, everywhere appearing in compatible forms. *Ninth*, the head of teaching all sentient beings, taking all sentient beings as disciples. *Tenth*, the head of preservation of the eye of reality of Buddhas, able to perpetuate the seeds of the three treasures.

Fifth, Ten Kinds of Tongue of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of tongue of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who accomplish these will acquire the supreme tongue of Buddhas, which covers all Buddha lands. *First*, a tongue that reveals and explains the acts of infinite sentient beings. *Second*, a tongue that reveals and explains infinite doors to truth. *Third*, a tongue that sings the praises of the infinite virtues of Buddhas. *Fourth*, a tongue of infinite eloquence. *Fifth*, a tongue that expounds aids to the Path of the Great vehicle. *Sixth*, a tongue that covers all space. *Seventh*, a tongue that illuminates all Buddha-fields. *Eighth*, a tongue that awakens the understanding of all sentient beings. *Ninth*, a tongue that causes all to praise the Buddhas. *Tenth*, a tongue that defeats all demons and false teachers, destroys all afflictions of birth and death, and fosters arrival at nirvana.

Sixth, Ten Kinds of Eye of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, chapter 38, there are ten kinds of eye of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these attain the eye of supreme knowledge of Buddhas. *First*, the flesh eye, seeing all forms. *Second*, the celestial eye, seeing the minds of all sentient beings. *Third*, the wisdom-eye, seeing the ranges of the faculties of all sentient beings. *Fourth*, the reality-eye, seeing the true characters of all things. *Fifth*, the Buddha-eye, seeing the ten powers of the enlightened. *Sixth*, the eye of knowledge, knowing and seeing all things. *Seventh*, the eye of light, seeing the light of Buddha. *Eighth*, the eye of leaving birth-and-death, seeing nirvana. *Ninth*, the unobstructed eye, its vision without hindrance. *Tenth*, the eye of omniscience, seeing the realm of reality in its universal aspect.

Seventh, Ten Kinds of Nose of Great Enlightening Beings:

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of nose of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who accomplish these will acquire the infinite, boundless nose of Buddhas. *First*, when they smell foul things, they do not consider them foul. *Second*, when they smell fragrances, they do not consider them fragrant. *Third*, they smell both fragrance and foulness, their minds are equanimous. *Fourth*, neither fragrance nor foulness, abiding in relinquishment. *Fifth*, if they smell the fragrance and foulness of

people's clothes, bedding, or bodies, they can discern their conditions of greed, anger, and delusion. *Sixth*, if they smell the scents of hidden repositories, plants and trees and so on, they can discern them as if they were right before their eyes. *Seventh*, if they smell scents from the hells below to the heaven above, they know the past deeds of the beings there. *Eighth*, if they smell the fragrance of generosity, morality, learning, and wisdom of Buddhas' disciples, they remain steady in the will for omniscience and do not let it be distracted. *Ninth*, if they smell the fragrance of all enlightening practices, they enter the state of Buddhahood by impartial wisdom. *Tenth*, if they smell the fragrance of the sphere of knowledge of all Buddhas, they still do not give up the practices of Enlightening Beings.

Eighth, Ten Kinds of Ear of Great Enlightening Beings: According to The Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of ear of Great Enlightening Beings. Enlightening beings accomplish these will attain the supreme ear of great wisdom of Buddhas. *First*, hearing the voice of praise, they eliminate craving. *Second*, hearing the voice of criticism, they eliminate anger. *Third*, hearing explanation of the two lesser vehicles of individual salvation, they do not cling to or seek them. *Fourth*, hearing the path of Enlightening Beings, they rejoice greatly. *Fifth*, hearing of places of pain and trouble, such as the hells, animals and hungry ghosts, they arouse great compassion and make vows of universal salvation. *Sixth*, hearing tell of wonderful things of the human and celestial worlds, they know these are impermanent phenomena. *Seventh*, hearing praise of the virtues of Buddhas, they work diligently to quickly fulfill them. *Eighth*, hearing tell of practices as the six ways of transcendence and four means of integration, they determine to practice them and reach their ultimate end. *Ninth*, hearing all sounds of the world, they know these are all like echoes and penetrating untold profound meanings. *Tenth*, from the time of their first determination until they reach the site of enlightenment, always hear the true Teaching, yet do not give up the work of transforming sentient beings.

Ninth, Ten Kinds of Internal Organs of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of internal organs of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the indestructible

internal organs of great knowledge with supreme virtues of Buddhas. First, perpetuating the seed of Buddhas is an organ of Enlightening Beings, manifesting the immeasurable spiritual power of the Buddha teaching. Second, causing the seed of the Teaching to grow is an organ of Enlightening Beings, generating the immense light of knowledge. Third, preserving the seed of the spiritual community is an organ of Enlightening Beings, enabling them to gain access to the irreversible wheel of teaching. Fourth, awakening those who are rightly stabilized is an organ of Enlightening Beings, instantly adapting to the time. Fifth, fully developing unstable sentient beings is an organ of Enlightening Beings, producing continuity of causal basis. Sixth, conceiving compassion for wrongly stabilized sentient beings is an organ of Enlightening Beings, causing thorough development of causal basis for the future. Seventh, fulfilling the indestructible bases of the ten powers of Buddhas is an organ of Enlightening Beings, with unopposable roots of goodness and that conquer the armies of demons. Eighth, the supremely fearless lion's roar is an organ of Enlightening Beings, gladdening all sentient beings. Ninth, attaining the eighteen unique qualities of Buddhas is an organ of Enlightening Beings, with knowledge penetrating everywhere. Tenth, knowing all sentient beings, all lands, all things and all Buddhas, is an organ of Enlightening Beings, clearly seeing all in a single instant.

Tenth, Ten Boundless Stores or Ten Inexhaustible Treasures of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 18, there are ten inexhaustible treasures attained by enlightening beings once they have fulfilled ten vows: perception of all the Buddhas, perfect memory power, certain understanding of all the teachings, compassion salvation, various states of concentration, extensive blessings and virtues satisfying the hearts of all beings, profound knowledge to expound all truths, spiritual powers gained as a consequences of practice, subsistence for immeasurable eons, and entry into boundless worlds.

Eleventh, Ten Kinds of Hand of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of hand of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can acquire the supreme hands of Buddhas covering all worlds in the ten directions. First, hands of deep faith, wholeheartedly

accepting and ultimately taking up the teaching of Buddhas. Second, hands of giving, satisfying all those who seek, according to their desires. Third, hands of initiating greetings, extending their right palm to welcome and lead. Fourth, hands of honoring Buddhas, tirelessly gathering blessings and virtues. Fifth, hands of learning and skillfulness, cutting off the doubts of all sentient beings. Sixth, hands of fostering transcendence of the triple world, extending them to sentient beings and extricating them from the mire of craving. Seventh, hands of settlement on the Other Shore, saving drowning sentient beings from the four torrents. Eighth, hands of generosity with right teaching, revealing all sublime principles. Ninth, hands of skillful use of philosophies, quelling diseases of body and mind with the medicine of knowledge and wisdom. Tenth, hands always holding jewels of knowledge, unfolding the light of truth to obliterate the darkness of afflictions.

Chương Ba Mươi Sáu
Chapter Thirty-Six

Bốn Mươi Tâm Bồ Tát
Trong Kinh Phạm Võng

Bồ Tát là một chúng sanh đang trên đường giác ngộ, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sanh. Tâm Bồ Tát là tâm vị tha là tâm luôn mong đạt được giác ngộ cho mình, đồng thời cũng đạt được giác ngộ cho người. Tâm Bồ đề là cửa ngõ giác ngộ và đạt thành quả vị Phật. Đây là trí huệ bẩm sinh, hay giác tâm bốn hữu, hay là sự khao khát giác ngộ. Tâm của người tu phải thanh tịnh. Người tu không nên cầu khả năng dự tri hay sự biết trước. Sự biết trước chẳng mang lại điều gì hay ho, mà ngược lại chỉ gây thêm phiền phức cho chúng ta mà thôi. Nó khiến cho chúng ta phân tâm, không tập trung tinh thần được, do đó vọng tưởng sẽ rối bời và phiền não sẽ chồng chất thêm. Nếu không cầu sự biết trước, chúng ta sẽ không có phiền não, tâm không bị chướng ngại. Theo Bát Nhã Tâm Kinh, Đức Phật dạy: “Bởi không chướng ngại, nên không sợ hãi, viễn ly hết mọi mộng tưởng điên đảo, đó là Niết Bàn cứu cánh.” Đây mới chính là tâm của hành giả trên bước đường tu Đạo. Theo kinh Phạm Võng, có bốn mươi tâm hay bốn mươi giai đoạn phát triển tâm. **Mười giai đoạn phát tâm đầu tiên, những tâm này liên hệ đến Thập Trụ với mười phát thú tâm:** xả tâm, giới tâm, nhẫn nhục tâm, tấn tâm, định tâm, huệ tâm, nguyện tâm, hộ tâm, hỷ tâm, và đỉnh tâm (tâm quyết được Phật thọ ký). **Mười giai đoạn thứ nhì là nuôi dưỡng tâm, những tâm này liên hệ với Thập Hạnh với mười trường dưỡng tâm:** từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, xả tâm, thí tâm, hảo ngữ tâm (lòng nói sự tốt), ích tâm (lòng làm lợi ích), đồng tâm, định tâm, và huệ tâm. **Mười giai đoạn thứ ba là mười tâm Kim Cang phát triển bởi Bồ Tát:** giác liễu pháp tánh, hóa độ chúng sanh, trang nghiêm thế giới, thiện căn hồi hướng, phụng sự đại sư, thật chứng chư pháp, quảng hành nhẫn nhục, trường thời tu hành, tự hạnh mãn túc, linh tha nguyện mãn. **Mười tâm kim cương liên hệ với Thập Hồi Hương:** tín tâm, niệm tâm, hồi hướng tâm, đạt tâm (thông triệt pháp tính), trực tâm, bất thối tâm, đại thừa tâm, vô tướng tâm, tuệ tâm, và bất hoại tâm. **Mười giai đoạn sau cùng là Tam Thừa Thập Địa Bồ Tát**

và *Thập Địa Bồ Tát* bao gồm: Cần Huệ Địa, Tánh địa, Nhập nhơn địa (Nhẫn địa hay Bát Nhân Địa), Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa, Phật địa. Thập Địa Bồ Tát là mười địa vị Đại Thừa Bồ Tát trong Kinh Hoa Nghiêm: Hoan Hỷ địa (Paramudita-bhumi (skt), Ly Cấu địa (Vimala-bhumi (skt), Phát Quang địa (Prabhakari-bhumi (skt), Diễm Huệ địa (Archishmati-bhumi (skt), Cực Nan Thắng địa (Sudurjaya-bhumi (skt), Hiện Tiền địa (Abhimukhi-bhumi (skt), Viễn Hành địa (Duramgama-bhumi (skt), Bất Động địa (Acala-bhumi (skt), Thiện Huệ địa (Sadhupati-bhumi (skt), và Pháp Vân địa (Dharmamegha-bhumi (skt).

Như trên đã nói, chư Bồ Tát là những người đã giác ngộ, tự hiến đời mình trợ giúp người khác đạt giải thoát, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thủy chúng sanh. Với sự tự tại, trí huệ và từ bi, chư Bồ Tát biểu thị một giai đoạn cao của Phật quả nhưng chưa phải là một vị Phật giác ngộ vô thượng viên mãn hoàn toàn. Chư Bồ Tát thể hiện nhiều tâm hóa độ chúng sanh, nhưng nói một cách khái quát, tâm Bồ Tát là tâm vị tha là tâm luôn mong đạt được giác ngộ cho mình, đồng thời cũng đạt được giác ngộ cho người. Nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập theo tâm đạo của chư vị Bồ Tát.

Forty Bodhisattva Positions in Brahma-Net Sutra

Enlightened being is one who is treading the path to awakening, who vows to forego complete enlightenment until he or she helps other beings attain enlightenment. Bodhisattvas' mind is the altruistic mind of enlightenment, or a mind which wishes to achieve attainment of enlightenment for self, spontaneously achieve enlightenment for all other sentient beings. Bodhi mind is the gateway to Enlightenment and attainment of Buddha. An intrinsic wisdom or the inherently enlightened heart-mind, or the aspiration toward perfect enlightenment. The mind of a cultivator must be pure. Do not long for foreknowledge of events. To have this kind of foreknowledge is, in fact, nothing but a lot of trouble, because it leads to discrimination in our thinking and prevents us from being able to concentrate. Being unable to concentrate or focus our energy on cultivation, our idle thoughts run wild, then afflictions come in droves (herds). If we do not crave this

foreknowledge in the first place, then we also will not have afflictions, and we are free of impediments. According to the Heart Sutra, the Buddha taught: “Because there is no impediment, he leaves distorted dream-thinking far behind; ultimately Nirvana!” This, then, should be the mind of a cultivator. According to Brahma-Net Sutra, there are forty Bodhisattva Positions or forty minds or forty phases of developing of minds. ***Ten initial stages of directional decisions, these minds are associated with the ten stages in which the bodhisattvas have the following ten decisions of inclination or ten directional decisions:*** the mind of renouncement of the world, the mind of observance of the commandments, the mind of patience or endurance, the mind of zealous progress, the mind of meditation, the mind of wisdom or perfect understanding, the mind of the will for good for oneself and others, the mind of protection of the Triratna (Buddha, Dharma, Sangha), the mind of joy, and the highest wisdom (the mind of spiritual baptism by the Buddha). ***The second ten steps in the nourishment of perfection are ten minds are associated with the ten necessary activities in which the Bodhisattvas have the following ten kinds of well-nourished heart, essential to entry into the cult of the higher patience and endurance:*** a heart of kindness, a heart of pity, a heart of joy in progress toward salvation of others, a heart of renunciation, a heart of almsgiving, a heart of delight in telling the dharma, a heart of benefitting or aiding others to salvation, a heart of unity or amity, a heart of concentration in meditation, and a heart of wisdom. ***The third ten steps are ten characteristics of the “Diamond heart” as developed by a Bodhisattva:*** complete insight into all truth, saving of all creatures, the glorifying of all Buddha-worlds, transference of his good deeds, services of all Buddhas, realization of the truth of all Buddha-laws, manifestation of all patience and endurance, unflagging devotion to his vocation, perfection of his work, and aiding to all fulfill their vows and accomplish their spiritual ends. Ten “diamond” steps of firmness associated with ten bestowings one’s merits to others (these are associated with the ten dedications): the mind of faith, remembrance, bestowing one’s merits on others, understanding, uprightness, no-retreat, mahayana, formlessness, wisdom, and the mind of indestructibility. ***The last ten steps are “ten stages” of the development of a bodhisattva into a Buddha:*** Dry or

unfertilized stage of wisdom (Unfertilized by Buddha-truth or Worldly wisdom), the embryo-stage of the nature of Buddha-truth, the stage of patient endurances, the stage of freedom from wrong views, the stage of freedom from the first six of nine delusions in practice, the stage of freedom from the remaining worldly desires, the stage of complete discrimination in regard to wrong views and thoughts or the stage of an arhat, Pratyekabuddhahood, Bodhisattvahood, and Buddhahood. *The ten stages of Bodhisattvabhumi*: Joyful stage or land of joy, or ground of happiness or delight; Immaculate stage or land of purity, or ground of leaving filth (land of freedom from defilement), Radiant stage or land of radiance, or ground of emitting light; Blazing stage or the blazing land, or the ground of blazing wisdom; Hard-to-conquer stage or the land extremely difficult to conquer, or the ground of invincibility, Face-to-face stage or land in view of wisdom, or the ground of manifestation; Going-far-beyond stage or the far-reaching land, or the ground of traveling far; Immovable stage or the immovable land; Good-thought stage or the land of good thoughts, or the ground of good wisdom; and Cloud of dharma stage or land of dharma clouds, or the ground of the Dharma cloud.

As mentioned above, Bodhisattvas are enlightening beings who, deferring their own full Buddhahood, dedicate themselves to helping others attain liberation, and vow to forego complete enlightenment until they help all other beings attain enlightenment. In their self-mastery, wisdom, and compassion Bodhisattvas represent a high stage of Buddhahood, but they are not yet the supreme enlightened, or fully perfected Buddha. Bodhisattvas manifest numerous different minds to transform beings, but generally speaking, Bodhisattvas' mind is the altruistic mind of enlightenment, or a mind which wishes to achieve attainment of enlightenment for self, spontaneously achieve enlightenment for all other sentient beings. If practitioners want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should try to cultivate and practice the ways of minds of Bodhisattvas.

Chương Ba Mười Bảy
Chapter Thirty-Seven

Bồ Tát Thập Chung Bất Không

Đây là mười thứ bất không mà chư đại Bồ Tát đạt được khi chứng Quang Minh Trí Tạng. Với quang minh nhãn, chư Bồ Tát có thể thấy được quang minh của Đức Phật. Tưởng cũng nên nhắc lại, quang minh trí là trí sáng như ánh sáng của một vị Phật chủ trì vương quốc ánh sáng (của đức hạnh) nơi Đức Ma Ha Ca Diếp tái sinh như một vị Phật dưới tên Quang Minh Phật. Nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập cho được quang minh trí như những bước tu tập của chư Bồ Tát. **Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, Thập Định, có mười thứ bất không mà chư đại Bồ Tát đạt được khi chứng Quang Minh Tạng Trí:** Thứ nhất là Kiến bất không, vì làm cho chúng sanh phát triển thiện căn. Thứ nhì là Văn bất không, vì làm cho chúng sanh được thành thực. Thứ ba là Đồng trụ bất không, vì làm cho tâm chúng sanh được điều phục. Thứ tư là Phát khởi bất không, vì làm cho chúng sanh thực hành đúng như lời nói, thông đạt tất cả pháp nghĩa. Thứ năm là Hạnh bất không, vì làm cho vô biên thế giới đều thanh tịnh. Thứ sáu là Thân cận bất không, vì ở chỗ vô lượng chư Phật dứt nghi cho vô lượng chúng sanh. Thứ bảy là Nguyện bất không, vì theo sở niệm của chúng sanh khiến làm việc cúng dường thù thắng thành tựu các nguyện. Thứ tám là Thiện xảo pháp bất không, vì làm cho tất cả có thể trụ nơi trí thanh tịnh giải thoát vô ngại. Thứ chín là Mưa pháp vũ bất không, vì nơi vô lượng căn tánh của chúng sanh, phương tiện khai thị hạnh như thiết trí khiến trụ Phật đạo. Thứ mười là Xuất hiện bất không, vì hiện vô biên tướng, làm cho tất cả chúng sanh đều được soi sáng.

Bodhisattvas' Ten Kinds of Fruitfulness

With the eye of light, Bodhisattvas can see the light of Buddha. It should be reminded that the illuminated mind is the mind of clear light of the Buddha who presides the kingdom of light and virtue (glorious virtue), in which Mahakasyapa is to be reborn as a Buddha, under the

name of Rasmiprabhasa. If practitioners want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should try to cultivate to attain the mind of clear light as did Bodhisattvas' ways of cultivation. ***According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten kinds of fruitfulness Great Enlightening Beings attain when they realize the treasury of light of knowledge: First***, Fruitful seeing, because of causing sentient beings to develop roots of goodness. ***Second***, Fruitful hearing, causing sentient beings to gain maturity. ***Third***, Fruitful association, causing sentient beings' minds to be pacified. ***Fourth***, Fruitful aspiration, causing sentient beings to do as they say and master the meanings of all the teachings. ***Fifth***, Fruitful action, causing boundless worlds to be purified. ***Sixth***, Fruitful companionship, cutting off countless beings' doubts in the presence of the Buddhas of countless worlds. ***Seventh***, Fruitful vows, causing whatever sentient beings are thought of to make excellent offerings and accomplish undertakings. ***Eighth***, Fruitful skillful methods, causing all to be able to abide in pure knowledge of unobstructed liberation. ***Ninth***, Fruitful showering of the rain of teaching, expediently revealing the practice of universal knowledge to countless beings of various faculties and causing them to abide in the path of Buddhahood. ***Tenth***, Fruitful appearance, manifesting boundless forms, causing all sentient beings to be bathed in illumination.

Chương Ba Mười Tám
Chapter Thirty-Eight

Nhị Chứng Bồ Tát

Chư Phật và chư Bồ Tát lấy đại bi làm sự nghiệp. Vậy người đã phát tâm Bồ Đề, nếu muốn cứu độ chúng sanh, chỉ nên nguyện sanh trong ba cõi, ở nơi đời ngũ trước, vào ba đường ác mà cứu khổ cho chúng hữu tình. Nếu đã phát tâm tu theo Phật mà lại xa rời chúng sanh, tự sống riêng một cuộc đời an ổn, e rằng thiếu lòng từ bi, chuyên lo tự lợi và trái với đạo Bồ Đề. **Theo Đại Sư Trí Giả và Thiên Như trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, có hai hạng Bồ Tát: Thứ nhất là bậc tu Bồ Tát đạo đã lâu, đã chứng được Vô Sanh Pháp Nhãn:** Bậc này có thể nguyện sanh trong đời ác để cứu độ chúng sanh mà không sợ cùng chúng sanh đắm chìm trong biển sanh tử luân hồi. Luận Đại Trí Độ dạy: “Bậc Bồ Tát đã chứng Vô Sanh Nhãn cũng ví như người có thân nhân bị nước lôi cuốn, mà có đủ đầy khả năng và phương tiện, người ấy tỉnh sáng lấy thuyền bơi ra cứu, nên cả hai đều không bị nạn trầm溺.” **Thứ nhì là bậc chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhãn và hàng phàm phu mới phát tâm Bồ Tát:** Những vị này cần phải thường không rời Phật mới có cơ thành tựu được nhãn lực và có thể ở trong ba cõi, vào nơi đời ác để cứu độ chúng sanh. Cho nên Đại trí Độ Luận nói: “Hạng phàm phu còn đủ mọi sự ràng buộc, dù có lòng đại bi, nhưng vội muốn sanh trong đời ác để cứu độ chúng hữu tình khổ não, đó là điều không hợp lý. Tại sao thế? Vì trong cõi đời ác trước, nghiệp phiền não mạnh mẽ. Khi ấy mình đã không có nhãn lực, tức tâm sẽ tùy cảnh mà chuyển, rồi bị sắc, thanh, danh, lợi trói buộc, sanh ra đủ nghiệp tham, sân, si. Chừng đó tự cứu đã không xong, nói chi là cứu độ chúng sanh? Giả sử được sanh trong cõi người thì cảnh xấu ác, kẻ tà ngoại đầy đầy, người chánh chơn khó gặp, cho nên Phật pháp không dễ gì được nghe, Thánh đạo không dễ gì chứng được. Nếu là người do nhân bố thí, trì giới hay tu phước mà được làm bậc quyền quý, mấy ai không mê đắm cảnh giàu sang, buông lung trong trường dục lạc? Lúc đó dù có bậc thiện tri thức khuyên bảo, họ cũng không chịu tin làm theo, lại vì muốn thỏa mãn lòng tham dục của mình, nương quyền cậy thế sẵn có, gây ra thêm nhiều tội nghiệp. Đến khi chết rồi, bị đọa vào tam đồ trải qua vô lượng kiếp, khi khởi tam đồ đầu có sanh được làm người

cũng phải thọ thân bản tiện; nếu không gặp thiện tri thức lại mê lầm gây thêm tội ác thì lại bị đọa nữa. Từ trước đến nay chúng sanh luân hồi đều ở trong tình trạng ấy. Vì thế mà Kinh Duy Ma nói: “Chính bệnh của mình còn không tự cứu được, đâu có thể cứu được bệnh cho kẻ khác.” Luận Đại Trí Độ cũng nói: “Ví như hai người, mỗi kẻ đều có thân nhân bị nước lôi cuốn, một người tánh gấp nhảy ngay xuống nước để cứu vớt, nhưng vì thiếu khả năng và phương tiện nên cả hai đều bị đắm chìm.” Bậc Bồ Tát mới phát tâm vì chưa đủ nhẫn lực nên chẳng những không cứu được chúng sanh, mà còn hại đến chính bản thân mình. Thế nên Đại Trí Độ Luận dạy tiếp: “Bồ Tát sơ tâm như trẻ thơ không nên rời mẹ, nếu rời mẹ thì hoặc rơi vào hầm giếng, té xuống sông đầm, hoặc đói khát mà chết. Lại như chim non chưa đủ lông cánh, chỉ có thể nhảy chuyền theo cành cây; đợi chừng nào lông cánh đầy đủ, mới có thể bay xa, thong thả vô ngại. Phàm phu không nhẫn lực; chỉ nên chuyên niệm Phật A Di Đà cho được nhất tâm, đợi khi tịnh nghiệp thành tựu, lúc lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh, quyết định không nghi. Khi thấy Đức Phật A Di Đà và chứng quả Vô Sanh rồi, chừng ấy sẽ cỡi thuyền Pháp Nhẫn vào biển luân hồi cứu vớt chúng sanh, mặc ý làm vô biên Phật sự.”

Two Kinds of Bodhisattvas

Great Compassion is the life calling of Buddhas and Bodhisattvas. Thus, those who have developed the Bodhi Mind, wishing to rescue and ferry other sentient beings across, should simply vow to be reborn in the Triple Realm, among the five turbidities and the three evil paths. If we abandon sentient beings to lead a selfish life of tranquility, we lack compassion. A preoccupation with egoistic needs contrary to the path of enlightenment. *According to Masters Chih-I and T'ien-Ju in The Pure Land Buddhism, there are two types of Bodhisattvas: First, those who have realized the Dharma of non-appearance:* Those who have followed the Bodhisattva path for a long time and attained the Tolerance of Non-Birth or insight into the non-origination of phenomena. These Bodhisattvas can vow to be reborn in this evil realm to rescue sentient beings without fear of being drown in the sea of Birth and Death with sentient beings. The Perfection of Wisdom Treatise states: “Take the case of the person who watches a relative drowning

in the river, a person, more intelligent and resourceful, hurries off to fetch a boat and sails to rescue his relative. Thus both persons escape drowning. This is similar to the case of a Bodhisattva who has attained Tolerance of Non-Birth, has adequate skills and means to save sentient beings.” *Second, those who have not realized the Dharma of non-appearance:* Bodhisattvas who have not attained the Tolerance of Non-Birth, as well as ordinary people who have just developed the Bodhi Mind. If these Bodhisattvas aspire to perfect that Tolerance and enter the evil life of the Triple Realm to save sentient beings, they should always remain close to the Buddhas and Good Advisors. The Perfection of Wisdom Treatise states: “It is unwise for human beings who are still bound by all kinds of afflictions, even if they possess a great compassionate Mind, to seek a premature rebirth in this evil realm to rescue sentient beings. Why is this so? It is because this evil, defiled world, afflictions are powerful and widespread. Those who lack the power of Tolerance of Non-Birth are bound to be swayed by external circumstances. They then become slaves to form and sound, fame and fortune, with the resulting karma of greed, anger and delusion. Once this occurs, they cannot even save themselves, how can they save others?” If, for example, they are born in the human realm, in this evil environment full of non-believers and externalists, it is difficult to encounter genuine sages. Therefore, it is not easy to hear the Buddha Dharma nor achieve the goals of the sages. Of those who planted the seeds of generosity, morality and blessings in previous lives and are thus now enjoying power and fame, how many are not infatuated with a life of wealth and honor, allowing in endless greed and lust? Therefore, even when they are counselled by enlightened teachers, they do not believe them nor act accordingly. Moreover, to satisfy their passions, they take advantage of their existing power and influence, creating a great deal of bad karma. Thus, when their present life comes to an end, they descend upon the three evil paths for countless eons. After that, they are reborn as humans of low social and economic status. If they do not then meet good spiritual advisors, they will continue to be deluded, creating more bad karma and descending once again into the lower more realms. From time immemorial, sentient beings caught in the cycles of Birth and Death have been in this predicament. The Vimalakirti Sutra also states: “If you cannot even

cure your own illness, how can you cure the illnesses of others?" The Perfection of Wisdom Treatise further states: "Take the case of two persons, each of whom watches a relative drowning in the river. The first person, acting on impulse, hastily jumps into the water. However, because he lacks capabilities and the necessary means, in the end, both of them drown." Thus newly aspiring Bodhisattvas are like the first individual, who still lacks the power of Tolerance of Non-Birth and cannot save sentient beings. The Perfection of Wisdom Treatise further teaches: "This is not unlike a young child he should not leave his mother, lest he fall into a well, drown in the river or die of starvation; or a young bird whose wings are not fully developed. It must bide its time, hopping from branch to branch, until it can fly afar, leisurely and unimpeded. In the same manner, ordinary people who lack the Tolerance of Non-Birth should limit themselves to Buddha Recitation, to achieve one-pointedness of Mind. Once that goal is reached, at the time of death, they will certainly be reborn in the Pure Land. Having seen Amitabha Buddha and reached the Tolerance of Non-Birth, they can steer the boat of that Tolerance into the sea of Birth and Death, to ferry sentient beings across and accomplish countless Buddha deeds at will."

Chương Ba Mươi Chín
Chapter Thirty-Nine

Tại Gia Bồ Tát

Đạo Phật không bao giờ tự tách mình ra khỏi đời sống thế tục. Ngược lại, Đức Phật luôn nhắc nhở tứ chúng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, ưu bà tắc và ưu bà di, luôn sống đời cao đẹp đúng nghĩa nhất, luôn thụ hưởng những phần lợi lạc nhất trong đời. Tuy nhiên, những phần lợi lạc trong đời sống theo đạo Phật không nên được hiểu là khoái lạc vật chất, mà là hạnh phúc thanh thản và an vui trong tinh thần. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng quả thật chúng ta phải nghiên cứu giáo lý nhà Phật, nhưng việc chính yếu ở đây là chúng ta phải hằng sống với những giáo lý ấy trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Làm được như vậy, chúng ta đang thực sự là đệ tử của đạo Phật sống, ví bằng ngược lại, chúng ta chỉ ôm cái xác của đạo Phật chết mà thôi. Theo Kinh Hoa Nghiêm, có hai sắc thái của đời sống Phật tử. Mọi người đều hy vọng rằng một ngày nào đó những ước nguyện của họ sẽ được thành tựu. Hy vọng tự nó không có gì sai trái vì hy vọng giúp con người cố gắng vươn lên tới những hoàn cảnh tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, khi con người bắt đầu mong muốn mọi việc đều được như ý mình, họ sẽ gặp phiền muộn khi sự việc không xảy ra đúng như ý họ muốn. Chính vì vậy mà Đức Phật dạy: “Cầu bất đắc khổ,” tức là những mong cầu không toại nguyện gây nên đau khổ, đây là một trong bát khổ. Và cũng chính vì vậy mà Đức Phật khuyên mọi người nên thiếu dục tri túc. Thiếu dục là có ít dục lạc; tri túc là biết đủ. Thiếu dục tri túc là ít ham muốn mà thường hay biết đủ. Tri túc là bằng lòng với những điều kiện sinh hoạt vật chất tạm đủ để sống mạnh khỏe tiến tu. Tri túc là một phương pháp hữu hiệu nhất để phá lưới tham dục, để đạt được sự thanh thản của thân tâm và hoàn thành mục tiêu tối hậu của sự nghiệp tu tập. Có một số người nhìn đời bằng bi quan thống khổ thì họ lại bỏ qua những cảm giác bất toại với cuộc đời, nhưng khi họ bắt đầu bỏ qua cuộc sống vô vọng này để thử tìm lối thoát cho mình bằng cách ép xác khổ hạnh, thì họ lại đáng kinh tởm hơn. Nhiều người cho rằng đạo Phật bi quan yếm thế vì quan điểm đặc sắc của nó cho rằng thế gian này không có gì ngoài sự đau khổ, cho đến hạnh phúc rồi cũng phải kết cuộc trong đau khổ. Thật là sai lầm khi nghĩ như vậy. Đạo Phật cho

rằng cuộc sống hiện tại vừa có hạnh phúc vừa có khổ đau, vì nếu ai nghĩ rằng cuộc đời chỉ toàn là hạnh phúc thì kẻ đó sẽ phải khổ đau một khi cái gọi là hạnh phúc chấm dứt. Đức Phật cho rằng Hạnh phúc và khổ đau lồng nhau trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Nếu ai không biết rằng hạnh phúc là mầm của đau khổ, kẻ đó sẽ vô cùng chán nản khi đau khổ hiện đến. Vì thế mà Đức Phật dạy rằng chúng ta nên nhận thức đau khổ là đau khổ, chấp nhận nó như thực kiến và tìm cách chống lại nó. Từ đó mà Ngài nhấn mạnh đến chuyên cần, tinh tấn và nhẫn nhục, mà nhẫn nhục là một trong lục độ Ba La Mật. Nói tóm lại, theo quan điểm Phật giáo, đời có khổ có vui, nhưng ta không được chán nản bi quan khi đau khổ ập đến, cũng như không được trụy lạc khi hạnh phúc đến tay. Cả hai thứ khổ vui đều phải được chúng ta đón nhận trong dè dặt vì hiểu rằng đau khổ nằm ngay trong hạnh phúc. Từ sự hiểu biết này, người con Phật chơn thuần quyết tinh tấn tu tập để biến khổ vui trần thế thành một niềm an lạc siêu việt và miên viễn, nghĩa là lúc nào chúng ta cũng thoát khỏi mọi hệ lụy của vui và khổ. Chúng đến rồi đi một cách tự nhiên. Chúng ta lúc nào cũng sống một cuộc sống không lo, không phiền, không nã, vì chúng ta biết chắc rằng mọi việc rồi sẽ qua đi. Quan điểm của Phật giáo đối với bi quan và lạc quan rất sáng tỏ: Phật giáo không bi quan mà cũng chẳng lạc quan về cuộc sống con người. Hai thái cực lạc quan và bi quan đều bị chặn đứng bởi học thuyết trung đạo của Phật giáo. Đối với người Phật tử, một cuộc sống xứng đáng, theo quan điểm của Phật giáo Đại Thừa, không phải là chỉ trải qua một cuộc sống bình an, tĩnh lặng mà chính là sự sáng tạo một cái gì tốt đẹp. Khi một người nỗ lực trở thành một người tốt hơn do tu tập thì sự tận lực này là sự sáng tạo về điều tốt. Khi người ấy làm điều gì lợi ích của người khác thì đây là sự sáng tạo một tiêu chuẩn cao hơn của sự thiện lành. Các nghệ thuật là sự sáng tạo về cái đẹp, và tất cả các nghiệp vụ lương thiện đều là sự sáng tạo nhiều loại năng lực có ích lợi cho xã hội. Sự sáng tạo chắc chắn cũng mang theo với nó sự đau khổ, khó khăn. Tuy nhiên, người ta nhận thấy cuộc đời đáng sống khi người ta nỗ lực vì điều gì thiện lành. Một người nỗ lực để trở nên một người tốt hơn một chút và làm lợi ích cho người khác nhiều hơn một chút, nhờ sự nỗ lực tích cực như thế chúng ta có thể cảm thấy niềm vui sâu xa trong đời người.

Ngay cả những người tại gia, nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập theo một số pháp tu tiêu biểu của chư Bồ Tát.

Tại gia Bồ Tát là những Phật tử thuần thành đang tu tập Bồ Tát Thừa, trong đó dạy tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sanh và thành Phật quả. Vì mục đích của Bồ Tát thừa là đạt tới Phật tánh tối thượng, nên Bồ Tát Thừa cũng còn được gọi là Phật Thừa hay Như Lai Thừa. Dầu hã còn là Bồ Tát tại gia cũng nên có sự hiểu biết thâm sâu; nên có được trí tuệ biết tứ đế là nhất đế, và dùng nhất đế để hiểu thực tại. Trí tuệ Bồ Tát luôn bén nhạy nên họ luôn có được bi tâm quảng đại. Bồ Tát Hạnh theo truyền thống Phật Giáo Đại Thừa (một vị Bồ Tát muốn thực hành Bồ Tát Hạnh phải trước hết phát tâm Bồ ĐỀ, đối với chúng hữu tình phải có đầy đủ tâm từ bi hỷ xả không ngăn mé. Ngoài ra, Bồ Tát phải luôn thực hành hành nguyện độ tha với lục Ba La Mật. Cuối cùng vị ấy phải lấy Tứ Nhiếp Pháp trong công việc hoằng hóa của mình). Ngoài ra, một vị Bồ Tát tại gia cũng phải học theo hạnh của một vị Bồ Tát là cần phải có bốn thứ không sợ hãi. Thứ nhất là tổng trì bất vong hay thuyết pháp vô úy. Bồ Tát có khả năng nghe hiểu giáo pháp và ghi nhớ các nghĩa mà chẳng quên, nên thuyết pháp không hề e sợ trước đại chúng. Thứ nhì là tận tri pháp được cập chúng sanh căn dục tâm tính thuyết pháp vô úy. Bồ Tát biết cả thế gian và xuất thế gian pháp, cũng như căn dục của chúng sanh nên Bồ tát chẳng sợ khi thuyết pháp ở giữa đại chúng. Thứ ba là thiện năng vấn đáp thuyết pháp vô úy. Bồ Tát khéo biết hỏi đáp thuyết pháp chẳng sợ. Thứ tư là năng đoạn vật nghi thuyết pháp vô úy. Bồ Tát có khả năng dứt mối nghi ngờ cho chúng sanh nên thuyết pháp chẳng e sợ. Tại gia Bồ Tát là những Phật tử thuần thành, đã quy y Tam Bảo. Ngoài việc thọ trì năm giới căn bản, những tại gia Bồ Tát còn thọ trì thêm sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh.

Sáu giới trọng là sáu giới rất quan trọng của tại gia Bồ Tát vì nhờ trì giữ những giới này có thể giúp họ chứng được những Thánh quả. **Thứ nhất là giới giết hại:** Chư Phật tử! Sau khi thọ Bồ Tát tại gia, dù cho mất thân mạng, ngay đến loài trùng kiến, cũng không được giết hại. Nếu phạm giới giết hại, hoặc bảo người giết, hoặc tự mình giết, sẽ lập tức mất giới Bồ Tát; trong hiện đời, không thể chứng được noãn pháp, hướng hồ là Thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm. Kể đó là Bồ Tát phá giới, Bồ Tát xú uế, Bồ Tát cấu ô, Bồ Tát Chiên Đà La, Bồ Tát bị triền phược. **Thứ nhì là giới trộm cắp:** Chư Phật tử! Sau khi thọ Bồ Tát tại gia, dù cho mất thân mạng, ngay đến một đồng xu,

cũng không được trộm cắp. Nếu phạm giới trộm cắp, hoặc bảo người trộm cắp, hoặc tự mình trộm cắp, sẽ lập tức mất giới Bồ Tát; trong hiện đời, không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là Thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm. Kẻ đó là Bồ Tát phá giới, Bồ Tát xú uế, Bồ Tát cấu ô, Bồ Tát Chiên Đà La, Bồ Tát bị triền phược. *Thứ ba là giới vọng ngữ*: Chư Phật tử! Sau khi thọ Bồ Tát tại gia, dù cho mất thân mạng, cũng không được vọng ngữ: Tôi đã chứng được pháp quán bất tịnh,” hoặc “Tôi đã chứng được thánh quả A Na Hàm,” vân vân... Nếu phạm giới vọng ngữ, sẽ lập tức mất giới Bồ Tát; trong hiện đời, không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là Thánh quả Tu đà hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm. Kẻ đó là Bồ Tát phá giới, Bồ Tát xú uế, Bồ Tát cấu ô, Bồ Tát Chiên Đà La, Bồ Tát bị triền phược. *Thứ tư là giới tà dâm*: Chư Phật tử! Sau khi thọ Bồ Tát tại gia, dù cho mất thân mạng, cũng không được tà dâm. Nếu phạm giới tà dâm, sẽ lập tức mất giới Bồ Tát; trong hiện đời, không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là Thánh quả Tu đà hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm. Kẻ đó là Bồ Tát phá giới, Bồ Tát xú uế, Bồ Tát cấu ô, Bồ Tát Chiên Đà La, Bồ Tát bị triền phược. *Thứ năm là giới rao nói tội lỗi của tứ chúng*: Chư Phật tử! Sau khi thọ Bồ Tát tại gia, dù cho mất thân mạng, cũng không rao nói tội lỗi của tứ chúng: tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc và ưu bà di. Nếu phạm giới rao nói tội lỗi của tứ chúng sẽ lập tức mất giới Bồ Tát; trong hiện đời, không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là Thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm. Kẻ đó là Bồ Tát phá giới, Bồ Tát xú uế, Bồ Tát cấu ô, Bồ Tát Chiên Đà La, Bồ Tát bị triền phược. *Thứ sáu là giới bán rượu*: Chư Phật tử! Sau khi thọ Bồ Tát tại gia, dù cho mất thân mạng, cũng không được bán rượu. Nếu phạm giới bán rượu, sẽ lập tức mất giới Bồ Tát; trong hiện đời, không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là Thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, và A na hàm. Kẻ đó là Bồ Tát phá giới, Bồ Tát xú uế, Bồ Tát cấu ô, Bồ Tát Chiên Đà La, Bồ Tát bị triền phược.

Bên cạnh sáu giới trọng còn có hai mươi tám giới khinh: Những giới này giúp cho chư Bồ Tát Tại Gia vun bồi giới hạnh trong cuộc tu hành hằng ngày. *Thứ nhất* là giới không cúng dường cha mẹ và sư trưởng. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, không cúng dường cha mẹ và sư trưởng, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ nhì* là giới uống rượu. Chư Phật tử! Đức

Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, ham mê uống rượu, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ ba* là giới không chăm sóc người bệnh. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, gặp người bệnh khổ, sinh khởi ác tâm, bỏ phế không chăm sóc, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ tư* là giới không bố thí cho người đến xin. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, thấy người đến xin, không tùy sức mình mà bố thí ít nhiều, để cho người đến xin ra về tay không, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ năm* là giới không chào hỏi lễ lạy các bậc tôn trưởng. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, gặp các vị tỳ kheo, tỳ kheo ni, hoặc các vị Bồ Tát tại gia thọ giới trước, không đứng dậy tiếp đón lễ lạy, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ sáu* là giới khinh mạn người phá giới. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, thấy tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc hay ưu bà di phạm giới, bèn sinh tâm kiêu mạn, cho rằng mình hơn họ, họ không bằng mình, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ bảy* là giới không thọ sáu ngày bát quan trai giới mỗi tháng. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, không thọ sáu ngày bát quan trai giới mỗi tháng, không cúng dường Tam Bảo, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ tám* là giới không đi nghe Pháp. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, trong vòng 12 cây số có chỗ giảng kinh thuyết pháp mà không đến nghe, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ chín* là giới thọ dụng đồ dùng của chư Tăng. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, thọ dụng đồ dùng của chư Tăng như ngọc cụ, giường, ghế, v.v., thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười* là giới uống nước có trùng. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, nghi nước có trùng mà vẫn cố ý uống, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm

sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười một* là giới đi một mình trong chỗ nguy hiểm. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, đi một mình trong chỗ nguy hiểm, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười hai* là giới một mình ngủ đêm tại chùa của chư Tăng Ni. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, một mình ngủ đêm tại chùa của chư Tăng Ni, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười ba* là giới vì của đánh người. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, vì tiền của mà đánh đập hay chửi rủa tôi tớ, hoặc người ngoài, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười bốn* là giới bố thí thức ăn thừa cho tứ chúng. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, đem thức ăn thừa bố thí cho tứ chúng, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười lăm* là giới nuôi mèo và chồn. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, nuôi mèo và chồn, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười sáu* là giới nuôi súc vật. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, nuôi dưỡng voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, hoặc cá loại súc vật khác, không chịu tịnh thí cho người chưa thọ giới, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười bảy* là giới không chứa sẵn ba y, bình bát, và tích trượng. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, không chứa sẵn ba y, bình bát, và tích trượng để cúng dường chúng Tăng, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười tám* là giới không lựa chỗ nước sạch, đất cao ráo để trồng trọt. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, làm nghề canh tác sinh sống, nếu không lựa chỗ nước sạch, đất cao ráo để trồng trọt, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ mười chín* là giới buôn bán không chân chánh. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, làm nghề mua bán: lúc

bán hàng, một khi đã đồng ý giá cả, không được lật lọng, đem bán cho kẻ trả giá cao hơn; lúc mua hàng, nếu thấy người bán cân lường gian lận, phải nói lỗi họ, để họ sửa đổi. Nếu không làm như thế, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi* là giới hành dâm không đúng thời đúng chỗ. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, hành dâm không đúng thời đúng chỗ, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi một* là giới gian lận thuế. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, làm nghề thương mại, công nghiệp, v.v., không chịu nộp thuế, hoặc khai thuế gian lận, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi hai* là giới vi phạm luật pháp quốc gia. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, vi phạm luật pháp quốc gia, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi ba* là giới được thực phẩm mới mà không dâng cúng Tam Bảo trước. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, lúc lúa, trái cây, rau cải được mùa, không dâng cúng Tam Bảo trước, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi bốn* là giới không được phép của Tăng già mà thuyết pháp. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, Tăng già không cho thuyết pháp mà vẫn cứ thuyết, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi lăm* là giới đi trước năm chúng xuất gia. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, ra đường đi trước các tỳ kheo, tỳ kheo ni, sa di và sa di ni, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi sáu* là giới phân phối thức ăn cho chư Tăng không đồng đều. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, trong lúc phân phối thức ăn cho chư Tăng, sinh tâm thiên vị, lựa những món ngon, nhiều hơn phần của người khác, để cúng dường thầy mình, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi bảy* là giới nuôi tằm. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ

Tát tại gia, sau khi thọ giới, nuôi tằm lấy tơ, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. *Thứ hai mươi tám* là giới đi đường gặp người bệnh không chăm sóc. Chư Phật tử! Đức Phật đã dạy: Nếu Bồ Tát tại gia, sau khi thọ giới, đi đường gặp người bệnh, không tìm phương tiện chăm sóc, hoặc gửi gắm cho người khác chăm sóc, thì phạm vào tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là kẻ nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

Lay Bodhisattvas

Buddhism never separates itself from the secular life. On the contrary, the Buddha always reminded his followers, monks, nuns, upasakas and upasikas, to live the best and highest life and to get the most out of life. However, the best joy in life according to Buddhism are not the pleasures and materials, but the light-hearted and joyful happiness at all time in mind. Sincere Buddhists should always remember that it is true that we must study the Buddha's teachings, but the main thing is to live them in our daily life. If we can do this, we are truly Buddhists of a living Buddhism. If not, we are only embracing the corpse of a dead Buddhism. According to the Avatamsaka Sutra, there are two aspects of the Buddhist life. Everyone has hopes that his wishes will be fulfilled someday. Hope itself is not wrong, for hope will help people try to reach to better situations. However, when a person begins to expect things have to happen the way he or she wishes, he or she begins to have trouble with disappointment. Thus, the Buddha taught: "Suffering of frustrated desire," or unfulfilled wishes cause suffering (suffering due to unfulfilled wishes), or cannot get what one wants causes suffering. The pain which results from not receiving what one seeks, from disappointed hope or unrewarded effort, one of the eight sorrows. And therefore, the Buddha advised his disciples "content with few desires." "Content with few desires" means having few desires; "knowing how to feel satisfied" means being content. Knowing how to feel satisfied with few possessions means being content with material conditions that allow us to be healthy and strong enough to practice the Way. "Knowing how to feel satisfied and being content with material conditions" is an effective way to cut through the net of

passions and desires, attain a peaceful state of body and mind and accomplish our supreme goal of cultivation. There are some people who regard this life as a life of suffering or pessimists may be tolerated as long as they are simply feeling dissatisfied with this life, but when they begin to give up this life as hopeless and try to escape to a better life by practicing austerities or self-mortifications, then they are to be abhorred. Some people believe that Buddhism is pessimistic because its significant viewpoint on the idea that there is nothing but hardship in this world, even pleasures end in hardship. It is totally wrong thinking that way. Buddhism believes that in this present life, there are both pleasures and hardships. He who regards life as entirely pleasure will suffer when the so-called "happiness" ceases to exist. The Buddha believes that happiness and sufferings intertwine in our daily life. If one is ignorant of the fact that pleasures can cause hardships, one will be disappointed when that fact presents itself. Thus the Buddha teaches that one should regard hardship as hardship, accepting it as a fact and finding way to oppose it. Hence his emphasis on perseverance, fortitude, and forbearance, the latter being one of the six Perfections. In short, according to the Buddhist view, there are both pleasures and hardships in life, but one must not be discouraged when hardship comes, or lose oneself in rapture of joy when pleasure comes. Both pleasures and hardships must be taken alike with caution for we know that pleasures end in hardship. From this understanding, sincere Buddhists will be determined to cultivate diligently to turn both worldly pleasures and hardships to an eternally transcendental joy. It is to say that we are not bound to both worldly pleasures and hardships at all times. They come and go naturally. We are always live a life without worries, without afflictions because we know for sure that everything will pass. The Buddhist point of view on both optimism and pessimism is very clear: Buddhism is not optimistic nor pessimistic on human life. Two extremes of both optimism and pessimism are prevented by the moderate doctrine of Buddhism. To a Buddhist, a worthwhile life, according to Mahayana Buddhist point of view, does not consist in merely spending one's life in peace and quiet but in creating something good for other beings. When one tries to become a better person through his practice, this endeavor is the creation of good. When he does something for the benefit of other people, this is the creation of a

still higher standard of good. The various arts are the creation of beauty, and all honest professions are the creation of various kinds of energy that are beneficial to society. Creation is bound to bring with it pain and hardship. However, one finds life worth living when one makes a strenuous effort for the sake of something good. He endeavors to become a little better a person and to do just a little more for the good of other people, through such positive endeavor we are enabled to feel deep joy in our human lives.

Even lay practitioners who want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should try to cultivate some typical methods of Bodhisattvas' ways of cultivation. The Lay Bodhisattvas are devout Buddhists who follow Bodhisattva-yana which teaches the observance of the six paramitas the perfecting of the self and the benefits of others. The objective is the salvation of all beings and attaining of Buddhahood. The aim of Bodhisattvayana is the attainment of Supreme Buddhahood. Therefore, it is also called the Buddhayana or Tathagatayana. Though still a lay Bodhisattvas, he or she should have a profound understanding; they should have the insight that the four noble truths to understand the true aspects of reality. Bodhisattvas use the one truth to understand the true aspects of reality. The wisdom of the Bodhisattva is always acute, so they often have a broad compassionate mind. According to the tradition of Northern Buddhism, a Bodhisattva wants to practice Bodhisattva's practising must first vow to devote the mind to bodhi (bodhicita). He or she must have loving-kindness to all living beings. He or she must always practise the six Paramitas. Finally, he or she must practise the four all-embracing virtues. Besides, a lay Bodhisattva should also learn Bodhisattva's four kinds of fearlessness. First, Bodhisattva-fearlessness arises from powers of memory and ability to preach without fear. Second, Bodhisattva-fearlessness arises from powers of moral diagnosis and application of the remedy. Third, Bodhisattva-fearlessness arises from powers of ratiocination. Fourth, Bodhisattva-fearlessness arises from powers of solving doubts. The Lay Bodhisattvas are devout Buddhists who already took refuge in the Triple Gem. Besides keeping the five basic precepts, they also keep the six grave sins and the twenty-eight faults.

Six Major Precepts: The six grave sins are extremely important for lay Bodhisattvas, for keeping these precepts will help them attain the Holy fruitions. *The first major precept is the precept of killing:* Followers of the Buddha! After an upasaka or an upasika takes the precepts, even if he or she has to sacrifice his or her life, he or she should not kill any being, even if it is an ant. After taking the precepts, if he or she instructs others to kill or if he or she, himself or herself kills, he or she loses the upasaka or upasika precepts. This person cannot attain even the state of warmth, let alone the fruition of a stream-enterer or a non-returner. He or she is called a precept-breaking upasak or upasika, a stinking upasaka or upasika, an outcast upasaka or upasika, a defiled upasaka or upasika, and an afflicted upasaka or upasika. *The second major precept is the precept of stealing:* Followers of the Buddha! After an upasaka or an upasika takes the precepts, even if he or she has to sacrifice his or her life, he or she should not steal, even as little as a penny. After taking the precepts, if he or she breaks the precept, he or she loses the upasaka or upasika precepts. This person cannot attain even the state of warmth, let alone the fruition of a stream-enterer or a nonreturner. He or she is called a precept-breaking upasak or upasika, a stinking upasaka or upasika, an outcast upasaka or upasika, a defiled upasaka or upasika, and an afflicted upasaka or upasika. *The third major precept is the precept of lying:* Followers of the Buddha! After an upasaka or an upasika takes the precepts, even if he or she has to sacrifice his or her life, he or she should not lie that he or she has mastered the contemplation of impurity or attained the fruition of a non-returner. After taking the precepts, if he or she breaks the precept, he or she loses the upasaka or upasika precepts. This person cannot attain even the state of warmth, let alone the fruition of a stream-enterer or a nonreturner. He or she is called a precept-breaking upasak or upasika, a stinking upasaka or upasika, an outcast upasaka or upasika, a defiled upasaka or upasika, and an afflicted upasaka or upasika. *The fourth major precept is the precept of sexual misconduct:* Followers of the Buddha! After an upasaka or an upasika takes the precepts, even if he or she has to sacrifice his or her life, he or she should not engage in any sexual misconduct. After taking the precepts, if he or she breaks this precept, he or she loses the upasaka or upasika precepts. This person cannot attain even the state

of warmth, let alone the fruition of a stream-enterer or a nonreturner. He or she is called a precept-breaking upasak or upasika, a stinking upasaka or upasika, an outcast upasaka or upasika, a defiled upasaka or upasika, and an afflicted upasaka or upasika. *The fifth major precept is the precept of talking about the wrong deeds of the four categories of Buddha's disciples:* Followers of the Buddha! After an upasaka or an upasika takes the precepts, even if he or she has to sacrifice his or her life, he or she should not speak of the faults of the bhikkhus, bhikkhunis, upasakas, and upasikas. After taking the precepts, if he or she breaks this precept, he or she loses the upasaka or upasika precepts. This person cannot attain even the state of warmth, let alone the fruition of a stream-enterer or a nonreturner. He or she is called a precept-breaking upasak or upasika, a stinking upasaka or upasika, an outcast upasaka or upasika, a defiled upasaka or upasika, and an afflicted upasaka or upasika. *The sixth major precept is the precept of selling alcohol:* Followers of the Buddha! After an upasaka or an upasika takes the precepts, even if he or she has to sacrifice his or her life, he or she should not sell intoxicants. After taking the precepts, if he or she breaks this precept, he or she loses the upasaka or upasika precepts. This person cannot attain even the state of warmth, let alone the fruition of a stream-enterer or a nonreturner. He or she is called a precept-breaking upasak or upasika, a stinking upasaka or upasika, an outcast upasaka or upasika, a defiled upasaka or upasika, and an afflicted upasaka or upasika.

Twenty-Eight Secondary Precepts: Besides the six major precepts, there are also twenty-eight secondary precepts or faults. These precepts help Lay Bodhisattvas nurture their morality on their daily cultivation. *The first secondary precept* is the precept of not making offering to one's parents and teachers. Followers of the Buddha! As the Buddha has said, If an upasaka or upasika, after taking the precept, does not make offerings to his or her parents and teachers, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The second secondary precept* is the precept of indulging in intoxicants. If an upasaka or upasika, after taking the precept, indulges

in intoxicants, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The third secondary precept* is the precept of not visiting and looking after the sick. If an upasaka or upasika, after taking the precept, does not look after those who are sick, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The fourth secondary precept* is the precept of ignoring one's begging. If an upasaka or upasika, after taking the precept, upon seeing supplicants, does not give away whatever he or she can, but rather send them away empty-handed, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The fifth secondary precept* is the precept of not paying respect to the elderly among the four categories of Buddha's disciples. If an upasaka or upasika, after taking the precept, upon seeing bhikkhus, bhikkhunis, elder upasakas or elder upasikas, does not get up to greet and bow to them, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The sixth secondary precept* is the precept of pride when seeing the four categories of Buddha's disciples break the precepts. If an upasaka or upasika, after taking the precept, arouses this arrogant thought upon seeing bhikkhus, bhikkhunis, upasakas, and upasikas who violate the precepts, "I am superior to them, for they are not as good as I," he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the

cycle of birth and death. *The seventh secondary precept* is the precept of not fulfilling the precept of not eating after midday during the six days of a month. If an upasaka or upasika, after taking the precept, does not keep the eight precepts and makes offerings to the Triple Gem for six days each month, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The eighth secondary precept* is the precept of not listening to the Dharma. If an upasaka or upasika, after taking the precept, does not attend the Dharma lectures held within 12 kilometers, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The ninth secondary precept* is the precept of using the Sangha's furniture and utensils. If an upasaka or upasika, after taking the precept, makes use of the Sangha's beds, chairs and utensils, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The tenth secondary precept* is the precept of drinking water that contains insects. If an upasaka or upasika, after taking the precept, suspects that there are living organisms in the water and drink it anyway, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The eleventh secondary precept* is the precept of walking alone in dangerous places. If an upasaka or upasika, after taking the precept, travels alone in places that are considered dangerous, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth

and death. *The twelfth secondary precept* is the precept of staying alone in the bhikkhu's or bhikkhuni's vihara. If an upasaka or upasika, after taking the precept, stays overnight alone in a bhikkhu's or bhikkhuni's vihara, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The thirteenth secondary precept* is the precept of fighting for the sake of wealth. If an upasaka or upasika, after taking the precept, for the sake of wealth, beats and scolds his or her slaves, servants or other people, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The fourteenth secondary precept* is the precept of giving leftover food to the four categories of Buddha's disciples. If an upasaka or upasika, after taking the precept, offers leftover food to bhikkhus, bhikkhunis, upasakas, upasikas, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The fifteenth secondary precept* is the precept of keeping cats or foxes. If an upasaka or upasika, after taking the precept, raises cats or foxes, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The sixteenth secondary precept* is the precept of rearing animals and not giving them away to those who have not taken the precepts. If an upasaka or upasika, after taking the precept, raises elephants, horses, cows, goats, camels, donkeys, or any other animals, and does not give them to those who have not taken the precepts, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads

to transmigration in the cycle of birth and death. *The seventeenth secondary precept* is the precept of not keeping the three outfits, bowls and walking sticks. If an upasaka or upasika, after taking the precept, does not keep the sanghati clothes, bowls, and walking sticks (the daily necessities of the Sangha), he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The eighteenth secondary precept* is the precept of not ensuring that the irrigation water of rice farm is insect free, and to carry out farming on land. If an upasaka or upasika, after taking the precept, needs to farm for a living, but does not ensure that the irrigation water of rice farm is insect free, and to carries out farming on land, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The nineteenth secondary precept* is the precept of using an unjust scale in business. If an upasaka or upasika, after taking the precept, engages in business for a living, that uses a balance or scale to sell goods, then after having made a deal, he or she should not call off a previous deal for a more profitable one. When buying from others, he or she should advise the seller if he or she is trying to be dishonest in using his or her balance or scale. If an upasaka or upasika does not do so, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The twentieth secondary precept* is the precept of having sexual encounter at the wrong time and place. If an upasaka or upasika, after taking the precept, has sexual intercourse in improper places and improper times, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The twenty-first secondary precept* is the

precept of evading government taxes while doing business. If an upasaka or upasika, after taking the precept, evades government taxes while doing business or reports dishonestly, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The twenty-second secondary precept* is the precept of not obeying the country's law. If an upasaka or upasika, after taking the precept, does not obey the country's law, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The twenty-third secondary precept* is the precept of not making offering to the Triple Gem when obtaining new food. If an upasaka or upasika, after taking the precept, does not offer the newly harvested grain, fruits, and vegetables first to the Triple Gem, but consumes them first himself or herself, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The twenty-fourth secondary precept* is the precept of not giving dharma lectures without the Sangha's permission. If an upasaka or upasika, after taking the precept, gives Dharma talks without the Sangha's permission, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The twenty-fifth secondary precept* is the precept of walking in front of the five categories of Buddha's disciples. If an upasaka or upasika, after taking the precept, walks in front of a bhikkhu, bhikkhuni, siksamana, sramanera, sramanerika, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads

to transmigration in the cycle of birth and death. *The twenty-sixth secondary precept* is the precept of not distributing the Sangha food equally. If an upasaka or upasika, after taking the precept of distributing the Sangha food equally, but does not distribute equally, meanwhile offering better food in excessive amount to his or her own master, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The twenty-seventh secondary precept* is the precept of rearing silk worms. If an upasaka or upasika, after taking the precept, raise silk worms, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death. *The twenty-eighth secondary precept* is the precept of ignoring the sick on the road. If an upasaka or upasika, after taking the precept, come across a sick person on the road, if this upasaka or upasika does not look after and arrange a place for this sick person, but rather deserts him or her, he or she commits the fault of not being mindful and losing the initial intention in taking the precept. If he or she does not have the mind of repentance, he or she will deteriorate. He or she is impure and will continue to create defiled karma that leads to transmigration in the cycle of birth and death.

Chương Bốn Mươi

Chapter Forty

Phật Quốc Bồ Tát

Danh từ Phật Sát, Phật Độ hay Phật Quốc không có trong Phật Giáo Tiểu Thừa. Theo Đại Thừa, thì đây là quốc độ đạt đến của vị đã hoàn toàn giác ngộ, nơi đó Phật hướng dẫn giúp chúng sanh chuẩn bị giác ngộ. Trong khi đó, Bồ Tát là những chúng sanh giác ngộ, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sanh cùng nhau đi về Phật quốc. Theo kinh Duy Ma Cật, chương một, Phật dạy rằng: “Này Bảo Tích! Tất cả chúng sanh là cội Phật của Bồ Tát. Vì sao? Bồ Tát tùy chỗ giáo hóa chúng sanh mà lãnh lấy cội Phật; tùy theo chỗ điều phục chúng sanh mà lãnh lấy cội Phật; tùy chúng sanh ứng theo quốc độ nào vào trí tuệ của Phật mà lãnh lấy cội Phật; tùy chúng sanh ứng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ Tát mà lãnh lấy cội Phật. Vì sao thế? Vì Bồ Tát lãnh lấy cội Phật thanh tịnh đều vì muốn lợi ích chúng sanh. Ví như có người muốn xây dựng cung nhà nơi khoảng đất trống, tùy ý được thành công, nếu xây dựng giữa hư không quyết không thành tựu được; Bồ Tát cũng thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện lãnh lấy cội Phật. Nguyện lãnh lấy cội Phật chẳng phải ở nơi trống không vậy. Phật quốc Bồ Tát là những vị có tiếng tăm, đều đã thành tựu trí hạnh Đại Thừa. Do nhờ sự chỉ giáo của chư Phật mà các ngài đã làm thành bậc thành hộ pháp, giữ gìn Chánh Pháp, diễn nói pháp âm tự tại vô úy như sư tử hống giáo hóa chúng sanh, danh đồn xa khắp mười phương. Người đời không cầu thỉnh mà các Ngài sẵn sàng đến chúng hội để tuyên lưu Tam Bảo, không để dứt mất. Các ngài hàng phục tất cả ma oán, ngăn dẹp các ngoại đạo; sáu căn tam nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh; trọn lìa năm món ngăn che và mười điều ràng buộc. Tâm thường an trụ nơi lý vô ngại giải thoát. Nhờ niệm định tổng trì và tâm bình đẳng mà các ngài có khả năng biện tài thông suốt không hề trở ngại. Các ngài đã thành tựu Lục Ba La Mật, các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cũng như giáo pháp phương tiện thiện xảo lợi mình lợi người thảy đều đầy đủ. Tuy nhiên, với các ngài, những thành tựu này không có nghĩa là làm lợi cho chính họ, mà các ngài đã được đến bậc vô sở đắc mà không khởi pháp nhãn (vô sinh pháp nhãn). Các ngài có khả năng tùy thuận

diễn nói pháp luân bất thối; khéo hiểu rõ chân tướng vạn pháp, thấu biết căn cơ chúng sanh; oai đức bao trùm đại chúng và thành tựu pháp vô úy.

Chư Bồ Tát dùng công đức trí tuệ để trau sửa tâm mình, bằng cách lấy tướng tốt trang nghiêm thân hình sắc tướng dung nhan bậc nhất, vì thế bỏ hẳn tất cả trang sức tốt đẹp trong đời. Danh tiếng các ngài cao xa vượt hẳn núi Tu Di. Lòng tin thậm thâm của các ngài bền chắc không bị phá vỡ như kim cương. Pháp bảo của các ngài soi khắp, và mưa cam lồ tuôn đổ nơi nơi. Tiếng thuyết pháp của các ngài là thậm thâm vi diệu bậc nhất. Các ngài đã thâm nhập lý duyên khởi, dứt bỏ các tập khí kiến chấp sai lầm, thoát khỏi nhị biên. Các ngài diễn nói các pháp không sợ sệt như sư tử hống, những lời giảng nói như sấm vang. Các ngài không thể bị hạn lượng hạn chế, vì các ngài đã vượt ra ngoài sự hạn lượng. Các ngài tự chứa nhóm rất nhiều Pháp Bảo như Hải Đạo Sư. Các ngài hiểu rõ nghĩa thậm thâm của các pháp, biết rõ hiện trạng qua lại trong các cảnh thú và hành vi tốt xấu trong tâm niệm của chúng sanh. Các ngài đã đạt đến trạng thái gần như trí tuệ tự tại vô thượng của chư Phật, đã thành đạt thập lực vô úy, và thập bát bất cộng. Dù các ngài đã ngăn đóng các cửa ngõ ác thú, các ngài vẫn hiện thân trong năm đường hóa độ chúng sanh, làm vị đại y vương khéo trị lành các bệnh, tùy theo trường hợp cá nhân mà cho thuốc một cách công hiệu. Vì thế mà các ngài đã thành tựu vô lượng công đức, trang nghiêm thanh tịnh vô lượng cõi Phật. Chúng sanh nào được nghe danh thấy hình đều được lợi ích vì các hành động của các ngài đều không uổng phí. Vì thế các ngài đều đã thành tựu mọi công đức tuyệt hảo.

Danh hiệu của chư vị Bồ Tát: Đẳng Quán Bồ Tát, Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Định Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tướng Bồ Tát, Quang Tướng Bồ Tát, Quang Nghiêm Bồ Tát, Đại Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Biện Tích Bồ Tát, Bảo Thủ Bồ Tát, Bảo Ấn Bồ Tát, Thường Cử Thủ Bồ Tát, Thường Hạ Thủ Bồ Tát, Thường Thảm Bồ Tát, Hỷ Căn Bồ Tát, Hỷ Vương Bồ Tát, Hỷ Vương Bồ Tát, Biện Âm Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Chấp Bảo Cự Bồ Tát, Bảo Động Bồ Tát, Bảo Kiến Bồ Tát, Đế Võng Bồ Tát, Minh Võng Bồ Tát, Vô Duyên Quán Bồ Tát, Huệ Tích Bồ Tát, Bảo Thắng Bồ Tát, Thiên Vương Bồ Tát, Hoại Ma Bồ Tát, Điển Đức Bồ Tát, Tự Tại Vương Bồ Tát, Công Đức Tướng Nghiêm Bồ Tát, Sư Tử Hống Bồ Tát, Lô Âm Bồ Tát, Sơn Tướng Kích

Âm Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bạch Hương Tượng Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Tức Bồ Tát, Diệu Sanh Bồ Tát, Hoa Nghiêm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Phạm Võng Bồ Tát, Bảo Trưởng Bồ Tát, Vô Thắng Bồ Tát, Nghiêm Độ Bồ Tát, Kim Kế Bồ Tát, Châu Kế Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát, cả thảy như thế ba vạn hai ngàn chư vị Bồ Tát.

Lại có mười hai ngàn vị Thi Khí, Phạm Thiên Vương từ bốn cõi thiên hạ khác đến chỗ Phật nghe pháp. Lại có mười hai ngàn vị Thiên đế cũng từ bốn cõi thiên hạ khác đến trong pháp hội. Các hàng chư Thiên có oai lực lớn, cùng Long Thần, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, vân vân đều đến trong pháp hội. Lại có các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di cũng đến trong pháp hội. Bấy giờ Đức Phật nói Pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng đông đảo cung kính vây quanh đầy, ví như núi chúa Tu Di hiện bày nơi biển cả. Ngài ngồi yên trên tòa Sư Tử trang nghiêm bằng các thứ báu, oai đức che trùm tất cả đại chúng. Khi ấy trong thành Tỳ Xá Ly có ông trưởng giả tử tên là Bảo Tích với 500 vị trưởng giả tử đồng cầm lọng bảy báu đi đến chỗ Phật cung kính đánh lễ đầu mặt tiếp chân, rồi mỗi vị đều đem lọng báu của mình hợp nhau cúng dường Phật. Do oai đức của Phật nên khiến các lọng báu ấy hiệp thành một cây trùm khắp cõi Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, mà tướng rộng dài của thế giới đều hiện đủ trong đó. Lại nữa, các núi Tu Di, Mục chơn lân đà, Đại mục chơn lân đà, Tuyết sơn, Hương sơn, Bảo sơn, Kim sơn, Hắc sơn, Thiết vi, Đại thiết vi, bể lớn, sông, rạch ngòi, nguồn suối, cùng với mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, , thiên cung, long cung và cung các vị tôn thần, nơi cõi tam thiên đại thiên thế giới này đều hiện trong lọng bảy báu, và chư Phật trong mười phương, chư Phật đang nói pháp, cũng hiện trong lọng bảy báu ấy.

Trong khi đó tất cả đại chúng thấy thần lực của Phật đều khen ngợi chưa từng có, chấp tay làm lễ, ngấm nhìn dung nhan Phật, mắt không hề nháy. Trưởng giả tử Bảo Tích liền ở trước Phật đọc bài kệ khen rằng:

“Mắt trong dài rộng như sen xanh
 Tâm sạch đã tột các thiên định,
 Lâu chứa tịnh nghiệp nói không cùng,
 Dùng tịch độ chúng nên cúi lạy.
 Đã thấy Đại Thánh dùng thần biến,

Khấp hiện mười phương không lường cõi.
 Trong đấy các Phật diễn nói pháp,
 Nơi đây tất cả đều thấy nghe.
 Pháp lực của Phật vượt quần sanh
 Thường dùng pháp tài thí tất cả,
 Hay khéo phân biệt các Pháp tướng,
 Đối đệ nhưt nghĩa mà không động.
 Đã được tự tại cùng các Pháp
 Cho nên cúi đầu lễ Pháp vương.
 Nói Pháp chẳng có cũng chẳng không
 Vì do nhân duyên các Pháp sanh,
 Không ta, không tạo, không thọ giả,
 Những việc lành dữ cũng chẳng mất.
 Trước tiên hàng ma nơi Phật thọ
 Đặng Cam lồ diệt thành đạo giác,
 Đã không tâm ý, không thọ hành
 Mà xô dẹp hết các ngoại đạo.
 Ba lần chuyển Pháp cõi đại thiên,
 Pháp ấy lâu nay thường thanh tịnh.
 Trời người đắc đạo đó là chứng,
 Tam Bảo vì thế hiện trong đời.
 Dùng Pháp mâu nầy độ chúng sanh
 Thọ rồi không lui, thường vắng lặng,
 Khỏi già bệnh chết đấng Y Vương,
 Lạy ngôi Pháp hải đức không lường.
 Khen chê chẳng động như Tu Di
 Đồng bực thương xót kẻ lành dữ,
 Tâm hạnh bình đẳng như hư không,
 Nghe đấng Nhưn Bảo ai chẳng kính?
 Nay dâng Thế Tôn lọng mọn nầy
 Cõi tam thiên tôi hiện trong đó,
 Thiên cung, Long thần kia nương ở,
 Càn thát cả thủy với Dạ xoa.
 Mọi vật trong đời đều thấy rõ,
 Vì thương Phật hiện tướng biến nầy,
 Thấy việc ít có chúng khen ngợi,
 Nay con lạy đấng Tam Giới Tôn

Đại Thánh chỗ nương của mọi loài,
 Lòng sạch trong đó thấy vui vẻ,
 Đều thấy Thế Tôn ở trước mình,
 Đó là thần lực Pháp bất cộng.
 Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,
 Chúng sanh tùy loại thấy đặng hiểu,
 Đều cho rằng Phật đồng tiếng mình,
 Đó là thần lực Pháp bất cộng.
 Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,
 Chúng sanh chỗ hiểu tùy mỗi hạng,
 Khắp được thọ hành đều lợi ích,
 Đó là thần lực Pháp bất cộng.
 Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,
 Có người kinh sợ hoặc vui mừng,
 Có kẻ dứt nghi hoặc nhàm chán,
 Đó là thần lực Pháp bất cộng.
 Lạy đấng Thập Lực đại tinh tấn,
 Lạy đấng đã đặng không chỗ sợ,
 Lạy đấng trụ nơi Pháp bất cộng,
 Lạy đấng Đạo sư của muôn loài.
 Lạy đấng hay dứt mọi kiết phược,
 Lạy đấng đã đến nơi bờ kia,
 Lạy đấng hay vượt các thế gian,
 Lạy đấng trọn lia đường sanh tử.
 Biết hết chúng sanh tướng đến lui,
 Khéo nói các Pháp được giải thoát,
 Như hoa sen trong đời chẳng nhiễm,
 Thường khéo vào nơi hạnh không tịch.
 Rõ các Pháp tướng không ngăn ngại,
 Lạy đấng không nương tựa hư không.

Sau khi trưởng giả tử Bảo Tích đọc bài kệ tán thán Phật xong bèn bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Năm trăm vị trưởng giả tử này đều đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, nguyện nghe cõi Phật thanh tịnh. Cúi mong Thế Tôn dạy cho những hạnh của Bồ Tát được Tịnh Độ. Phật bảo: “Hay thay Bảo Tích! Ông lại vì các vị Bồ Tát mà hỏi Như Lai những hạnh được Tịnh Độ, vậy hãy lắng nghe chín chắn, suy nghĩ kỹ nhớ lấy, ta sẽ nói cho ông rõ.” Lúc ấy Bảo Tích cùng 500

vị trưởng giả tử vâng lời Phật dạy, cung kính lắng nghe. Phật dạy rằng: “Này Bảo Tích! Tất cả chúng sanh là cội Phật của Bồ Tát. Vì sao? Bồ Tát tùy chỗ giáo hóa chúng sanh mà lãnh lấy cội Phật; tùy theo chỗ điều phục chúng sanh mà lãnh lấy cội Phật; tùy chúng sanh ứng theo quốc độ nào vào trí tuệ của Phật mà lãnh lấy cội Phật; tùy chúng sanh ứng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ Tát mà lãnh lấy cội Phật. Vì sao thế? Vì Bồ Tát lãnh lấy cội Phật thanh tịnh đều vì muốn lợi ích chúng sanh. Ví như có người muốn xây dựng cung nhà nơi khoảng đất trống, tùy ý được thành công, nếu xây dựng giữa hư không quyết không thành tựu được; Bồ Tát cũng thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện lãnh lấy cội Phật. Nguyện lãnh lấy cội Phật chẳng phải ở nơi rỗng không vậy.

Bảo Tích, ông nên biết! a) Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh không dua vạy, sanh sang nước đó. b) Thâm tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ công đức sanh sang nước đó. c) Bồ Đề tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh có tâm Đại Thừa sanh sang nước đó. d) Bồ Thí là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh hay thí xả tất cả mọi vật sanh sang nước đó. e) Trì Giới là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh tu mười điều lành, hạnh nguyện đầy đủ sanh sang nước đó. f) Nhẫn Nhục là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đủ 32 tướng tốt trang nghiêm sanh sang nước đó. g) Tinh Tấn là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh siêng năng tu mọi công đức sanh sang nước đó. h) Thiền Định là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh biết thu nhiếp tâm chẳng loạn sanh sang nước đó. i) Trí Tuệ là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh được chánh định sanh sang nước đó. j) Tứ Vô Lượng Tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh thành tựu từ bi hỷ xả sanh sang nước đó. k) Tứ Nhiếp Pháp là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh được giải thoát sanh sang nước đó. l) Phương Tiện là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh khéo dùng được phương tiện không bị ngăn ngại ở các pháp, sanh sang nước đó. m) Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ niệm xứ, chánh cần, thần túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, sanh sang nước đó. n) Hồi Hướng Tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, được cội nước đầy

đủ tất cả công đức. o) Nói Pháp Trừ Bát Nạn là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước không có ba đường ác và bát nạn. p) Tự Minh Giữ Giới Hạnh-Không Chê Chỗ Kém Khuyết Của Người Khác là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước không có tên phạm giới cấm. q) Thập Thiện là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh sống lâu, giàu to, phạm hạnh, nói lời chắc thật, thường dùng lời dịu dàng, quyến thuộc không chia rẽ, khéo hòa giải việc đua tranh kiện cáo, lời nói có lợi ích, không ghét không giận, thấy biết chân chánh sanh sang nước đó.

Như thế, Bảo Tích! Bồ Tát tùy chỗ trực tâm mà hay phát hạnh; tùy chỗ phát hạnh mà được thâm tâm; tùy chỗ thâm tâm mà ý được điều phục; tùy chỗ ý được điều phục mà làm được như lời nói; tùy chỗ làm được như lời nói mà hay hồi hướng; tùy chỗ hồi hướng mà có phương tiện; tùy chỗ có phương tiện mà thành tựu chúng sanh, tùy chỗ thành tựu chúng sanh mà cõi Phật được thanh tịnh; tùy chỗ cõi Phật thanh tịnh mà nói Pháp thanh tịnh; tùy chỗ nói Pháp thanh tịnh mà trí huệ được thanh tịnh; tùy chỗ trí huệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh; tùy chỗ tâm thanh tịnh mà tất cả công đức đều thanh tịnh. Cho nên, này Bảo Tích! Bồ Tát muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh.” Lúc ấy ông Xá Lợi Phất nương oai thần của Phật mà nghĩ rằng: “Nếu tâm Bồ Tát thanh tịnh chắc chắn cõi Phật phải được thanh tịnh, vậy Thế Tôn ta khi trước làm Bồ Tát, tâm ý lẽ nào không thanh tịnh, sao cõi Phật này không thanh tịnh như thế?” Phật biết ông suy nghĩ vậy liền bảo rằng: “Ý ông nghĩ sao? Mặt trời, mặt trăng há không thanh tịnh sáng suốt ư, sao người mù không thấy?” Xá Lợi Phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải thế. Đó là tại người mù, không phải lỗi ở mặt trời và mặt trăng.” Phật bảo: “Xá Lợi Phất! Cũng thế, bởi chúng sanh do tội chướng nên không thấy được cõi nước của Như Lai thanh tịnh trang nghiêm, chớ không phải lỗi ở Như Lai. Này Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta đây vẫn thanh tịnh mà tại ông không thấy đó thôi.” Lúc bấy giờ ông Loa Kế Phạm Vương thưa với ông Xá Lợi Phất rằng: “Ngài chớ nghĩ như thế, mà cho cõi Phật đây không thanh tịnh. Vì sao? Vì tôi thấy cõi nước của Phật Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh, ví như cung trời Tự Tại.” Xá Lợi Phất nói: “Sao tôi thấy cõi này toàn gò nong, hầm hố, chông gai, sỏi sạn, đất đá, núi non, nhơ nhớp đầy đầy như thế.” Loa Kế Phạm Vương thưa: “Đấy là do tâm của Ngài có cao thấp không nương theo trí

tuệ của Phật nên thấy cõi này không thanh tịnh đó thôi. Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, tâm thanh tịnh y theo trí tuệ của Phật thì mới thấy được cõi Phật này thanh tịnh.” Khi ấy Phật lấy ngón chơn nhấn mạnh xuống đất, tức thì cõi Tam thiên đại thiên thế giới liền hiện ra bao nhiêu trăm ngàn thứ trân bảo trang nghiêm rực rỡ, như cõi Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của Phật Bảo Trang Nghiêm mà tất cả đại chúng ngợi khen chưa từng có và đều thấy mình ngồi trên tòa sen báu.

Phật bảo Xá Lợi Phất: “Ông hãy xem cõi Phật đây trang nghiêm thanh tịnh.” Xá Lợi Phất thưa: “Dạ, bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy chưa từng nghe nói đến cõi nước hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh của Phật.” Phật bảo: “Này Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt nên thị hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như chư Thiên đồng dùng một thứ bát bằng ngọc báu để ăn, nhưng tùy phước đức của mỗi vị mà sắc cơm có khác. Như thế, Xá Lợi Phất! Nếu tâm người thanh tịnh, sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.” Trong khi Phật hiện ra cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, 500 vị trưởng giả tử do ông Bảo Tích dắt đến đều chứng được Vô sanh Pháp nhẫn, tám vạn bốn ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ Phật thâm nhiếp thần túc lại, cõi nước trở thành như xưa. Ba vạn hai ngàn người và trời cầu Thanh Văn thừa đều nhận rõ các Pháp hữu vi là vô thường, xa lìa trần cấu đặng pháp nhãn thanh tịnh, tám ngàn vị Tỳ Kheo không còn chấp thọ các pháp, kiết lậu đã hết, tâm ý được giải thoát.

The Buddha Land Sought by All Bodhisattvas

The term Buddhaksetra, Buddha realm, land or country is absent from Hinayana. In Mahayana it is spiritual realm acquired by one who reaches perfect enlightenment, where he instructs all beings born there, preparing them for enlightenment. Meanwhile, Bodhisattvas are those whose beings or essence is bodhi whose wisdom is resulting from direct perception of Truth with the compassion awakened thereby and who vow to save all sentient beings. Enlightened being who is on the path to awakening, who vows to forego complete enlightenment until he or she helps other beings attain enlightenment and advance together

to the Buddha-land. According to the Vimalakirti Sutra, Chapter One, the Buddha said: “Ratna-rasi, all species of living beings are the Buddha land sought by all Bodhisattvas. Why is it so? Because a Bodhisattva wins the Buddha land, according to the living beings converted by him (to the Dharma); according to the living beings tamed by him; according to the country (where they will be reborn to) realize the Buddha-wisdom and in which they will grow the Bodhisattva root. Why is it so? Because a Bodhisattva wins the pure land solely for the benefit of all living beings. For instance, a man can build palaces and houses on vacant ground without difficulty, but he will fail if he attempts to build them in (empty) space. So, a Bodhisattva, in order to bring living beings to perfection seeks the Buddha land which cannot be sought in (empty) space. All Bodhisattvas in the Buddhaland were well known for having achieved all the perfections that lead to the great wisdom. They had received instructions from many Buddhas and formed a Dharma-protecting citadel. By upholding the right Dharma, they could fearlessly give the lion’s roar to teach sentient beings; so their names were heard in the ten directions. They were not invited but came to the assembly to spread the teaching on the Three Treasures to transmit it in perpetuity. They had overcome all demons and defeated heresies; and their six faculties, karmas of deeds, words and thoughts were pure and clean; being free from the (five) hindrances and the (ten) bonds. They had realized serenity of mind and had achieved unimpeded liberation. They had achieved right concentration and mental stability, thereby, acquiring the uninterrupted power of speech. They had achieved all the (six) paramitas: charity (dana), discipline (sila), patience (ksanti), devotion (virya), serenity (dhyana) and wisdom (prajna), as well as the expedient method (upaya) of teaching which completely benefit self and others. However, to them, these realizations did not mean any gain whatsoever for themselves, so, that they were in line with the patient endurance of the uncreate (anutpattika-dharma-ksanti). They were able to turn the wheel of the Law that never turns back. Being able to interpret the (underlying nature of) phenomena, they knew very well the roots (propensities) of all living beings; they surpassed them all and realized fearlessness.

Bodhisattvas had cultivated their minds by means of merits and wisdom, with which they embellished their physical features which

were unsurpassable, thus, giving up all earthly adornments. Their towering reputation exceeded the height of Mount Sumeru. Their profound faith (in the uncreate) was unbreakable like a diamond. Their treasures of the Dharma illuminated all lands and rained down nectar. Their speeches were profound and unsurpassed. They entered deep into all (worldly) causes but cut off all heretical views, for they were already free from all dualities and had rooted out all (previous) habits. They were fearless and gave the lion's roar to proclaim the Dharma, their voices being like thunder. They could not be gauged, for they were beyond all measures. They had amassed all treasures of the Dharma and acted like (skillful) seafaring pilots. They were well versed in the profound meanings of all Dharmas. They knew very well the mental states of all living beings and their comings and goings (within the realms of existence). They had reached the state near the unsurpassed sovereign wisdom of all Buddhas, having acquired the ten fearless powers (dasabala) giving complete knowledge and the eighteen different characteristics (of a Buddha as compared with Bodhisattvas (avenikadharma). Although they were free from (rebirth in) evil existences, they appeared in five mortal realms as royal physicians to cure all ailments, prescribing the right medicine in each individual case, thereby, winning countless merits to embellish countless Buddha lands. Each living being derived great benefit from seeing and hearing them, for their deeds were not in vain. Thus, they had achieved all excellent merits.

Bodhisattvas' names were: the Bodhisattva Beholding All Things As Equal, the Bodhisattva Beholding All Things As Unequal, the Bodhisattva Beholding All Things As Equal Yet As Unequal, the Bodhisattva of Sovereign Serenity, the Bodhisattva of Sovereign Dharma, the Bodhisattva of Dharma-aspects, the Bodhisattva of Light, the Bodhisattva of Glorious Light, the Bodhisattva of Great Majesty, the Bodhisattva Store of Treasures, the Bodhisattva Store of Rhetoric, the Bodhisattva of Precious Hands, the Bodhisattva of Precious Mudra, the Hand Raising Bodhisattva, the Hand Lowering Bodhisattva, the Always Grieved Bodhisattva, the Bodhisattva Root of Joy, the Bodhisattva Prince of Joy, the Bodhisattva Discerner of Sound, the Bodhisattva Womb of Space, the Bodhisattva Holding the Precious Torch, the Bodhisattva of Precious Boldness, the Bodhisattva of

Precious Insight, the Bodhisattva of Indra-jala, the Bodhisattva Net of Light, the Bodhisattva of Causeless Contemplation, the Bodhisattva of Accumulated Wisdom, the Bodhisattva Precious Conqueror, the Bodhisattva King of Heavens, the Bodhisattva Destroyer of Demons, the Bodhisattva with Lightning Merits, the Bodhisattva of Sovereign Comfort, the Bodhisattva of Majestic Merits, the Bodhisattva of the Lion's Roar, the Bodhisattva of Thundering Voice, the Bodhisattva with a Voice like Rocks Knocking One Another, the Bodhisattva Fragrant Elephant, the Bodhisattva White Fragrant Elephant, the Bodhisattva of Constant Devotion, the Bodhisattva of Unremitting Care, the Bodhisattva of Wonderful Rebirth, the Bodhisattva Garland, the Bodhisattva Avalokitesvara, the Bodhisattva Mahasthama, the Bodhisattva Brahma-jala, the Bodhisattva of Precious Staff, the Unconquerable Bodhisattva, the Bodhisattva of Majestic Land, the Bodhisattva with a Golden Topknot, the Bodhisattva with a Pearl in His Topknot, the Bodhisattva Maitreya, the Bodhisattva Manjusri and other Bodhisattvas numbering in all thirty-two thousand.

There were also ten thousand Brahma-devas including Mahadeva Sikkhin, coming from the four quarters to hear about the Dharma. There were as well twelve thousand kings of heavens who came from the four quarters to sit in the assembly. There were also other devas of awe-inspiring majesty, dragons, spirits, yaksas, gandharas, asuras, garudas, kin-naras and mahoragas who came to sit in the assembly. Many bhiksus, bhiksunis, upasakas and upasikas also came to the assembly. Thus, surrounded by an incalculable number of people circumambulating to pay their respects, the Buddha was about to expound the Dharma. Like the towering Mount Sumeru emerging from the great ocean. He sat comfortably on the lion throne eclipsing the imposing assembly. A son of an elder (grhapati), called Ratna-rasi, came with five hundred sons of elders, with canopies decorated with the seven gems to pay respect and offer them to Him. By using His transcendental powers, the Buddha transformed all the canopies into a single one which contained the great chiliocosm. With Mount Sumeru and all the concentric ranges around it, great seas, rivers, streams, the sun, the moon, planets and stars, and the palaces of devas, dragons, and holy spirits appeared in the precious canopy, which also covered all the Buddhas who were expounding the Dharma in the ten directions.

All those present, who witnessed the Buddha's supernatural powers, praised the rare occurrence which they had never seen before, brought their palms together and gazed at Him without pausing for an instant. Thereupon, Ratna-rasi chanted the following gatha of praise:

“I salute Him whose eyes are broad like the green Lotus,
 Whose mind is unchanging and serene,
 Who has accumulated countless pure deeds
 That lead all beings to the extinction of mortality.
 I have seen the great saint use His transcendental powers
 to create in the ten directions countless lands
 in which Buddhas still proclaim the Dharma;
 all this has the assembly seen and heard.
 The power of your Dharma surpasses all beings
 and bestows on them the wealth of the Law.
 With great skill your discernment all while unmoved in Reality.
 You are from all phenomena released;
 Hence, to the King of Dharma, I bow down.
 You preached neither is nor is not for all things by causes created.
 There is neither self nor doing nor thing done,
 but good or evil karma is infallible.
 Under the Bodhi tree You conquered Mara,
 obtained Ambrosia, realized Nirvana and won Bodhi.
 From mind, thought and feeling are You free,
 Thereby, overcoming heresies,
 Turning thrice in the chiliocosm the wheel of the Law
 That is pure and clean at heart.
 To this gods and men who were saved attested,
 Thus, the Three Treasures appeared in the saha world
 To save living beings with this profound Dharma which,
 when applied, fails never to Nirvana lead.
 You are the king physician
 Who destroys old age, illness and death.
 So your unfathomable Dharma of boundless merits, I salute.
 While like Mount Sumeru you are unmoved
 by both praise and censure.
 Your compassion is extended to both good and evil men,
 Like space thy mind remains impartial.

Does not anyone revere this human Buddha
 after hearing about Him?
 I have offered Him a small canopy,
 which encloses the great chiliocosm with palaces of gods,
 dragons and spirits, Gandharas, yaksas and others such as well.
 As all kings in this world.
 With mercy He used His 'ten powers' to make this change.
 The witnesses praise the Buddha.
 I bow to the most Honoured One in the three realms.
 The whole assembly (now) take refuge in the King of The Law.
 Those gazing at Him are filled with joy,
 each seeing the Bhagavat before him;
 This one of His eighteen characteristics.
 When he proclaims the Dharma with unchanging voice,
 All beings understand according to their natures
 Saying the Bhagavat speaks their own languages;
 This one of His eighteen characteristics.
 When He expounds the Dharma in one voice,
 They understand according to their versions
 deriving great benefit from what they have gathered;
 This is one more of His eighteen characteristics.
 When He expounds the Dharma in one voice,
 Some are filled with fear, others are joyful,
 Some hate it while others are from doubts relieved;
 This is one of His eighteen characteristics.
 I bow to the Possessor of 'ten powers',
 I bow to Him who has achieved fearlessness
 acquiring all eighteen characteristics;
 I bow to Him who guides others like a pilot.
 I bow to Him who has untied all bonds;
 I bow to Him who has reached the other shore;
 I bow to Him who can all worlds deliver;
 I bow to Him who from birth and death is free.
 Who knows how living beings come and go
 and penetrates all things to win His freedom,
 Who is skillful in nirvanic deeds, cannot be soiled like the lotus.
 Who plumbs the depths of everything without hindrance.

I bow to Him, who like space, relies on nothing.

After chanting the gatha, Ratna-rasi said to the Buddha: “World Honoured One, these five hundred sons of elders have set their minds on seeking supreme enlightenments (anuttara-samyak-sambodhi); they all wish to know how to win the pure and clean land of the Buddha. Will the World Honoured One teach us the Bodhisattva deeds that leads to the realization of the Pure Land?” The Buddha said: “Excellent, Ratna-rasi, it is good that you can ask on behalf of these Bodhisattvas about deeds that lead to the realization of the Buddha’s Pure Land. Listen carefully and ponder over all what I now tell you.” At that time, Ratna-rasi and the five hundred sons of elders listened attentively to His instruction. The Buddha said: “Ratna-rasi, all species of living beings are the Buddha land sought by all Bodhisattvas. Why is it so? Because a Bodhisattva wins the Buddha land, according to the living beings converted by him (to the Dharma); according to the living beings tamed by him; according to the country (where they will be reborn to) realize the Buddha-wisdom and in which they will grow the Bodhisattva root. Why is it so? Because a Bodhisattva wins the pure land solely for the benefit of all living beings. For instance, a man can build palaces and houses on vacant ground without difficulty, but he will fail if he attempts to build them in (empty) space. So, a Bodhisattva, in order to bring living beings to perfection seeks the Buddha land which cannot be sought in (empty) space.

“Ratna-rasi, you should know that: a) The straightforward mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, beings who do not flatter will be reborn in his land. b) The profound mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, living beings who have accumulated all merits will be reborn there. c) The Mahayana (Bodhi) mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he attains Buddhahood all living beings seeking Mahayana will be reborn there. d) Charity (dana) is the Bodhisattva’s pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who can give away (to charity) will be reborn there. e) Discipline (sila) is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, living beings who have kept the ten prohibitions will be reborn there. f) Patience (ksanti) is the Bodhisattva’s pure land, for when he attains Buddhahood, living beings endowed with the thirty-two excellent physical marks will be reborn

there. g) Devotion (virya) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who are diligent in their performance of meritorious deeds will be reborn there. h) Serenity (dhyana) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings whose minds are disciplined and unstirred will be reborn there. i) Wisdom (prajna) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have realized samadhi will be reborn there. j) The four boundless minds (catvari apramanani) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have practiced and perfected the four infinites: kindness, compassion, joy and indifference, will be reborn there. k) The four persuasive actions (catuh-samgraha-vastu) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have benefited from his helpful persuasion will be reborn there. l) The expedient methods (upaya) of teaching the absolute truth are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings conversant with upaya will be reborn there. m) The thirty-seven contributory states to enlightenment (bodhipaksika-dharma) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have successfully practised the four states of mindfulness (smrtyu-pasthana), the four proper lines of exertion (samyakpra-hana), the four steps towards supramundane powers (rddhipada), the five spiritual faculties (panca indriyani), the five transcendental powers (panca balani), the seven degrees of enlightenment (sapta bodhyanga) and the eightfold noble path (asta-marga) will be reborn in his land. n) Dedication (of one's merits to the salvation of others) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, his land will be adorned with all kinds of meritorious virtues. o) Preaching the ending of the eight sad conditions is the Buddhahood his land will be free from these evil states. p) To keep the precepts while refraining from criticizing those who do not is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, his country will be free from people who break the commandments. q) The ten good deeds are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, he will not die young, he will be wealthy, he will live purely, his words are true, his speech is gentle, his encourage will not desert him because of his gift of

conciliation, his talk is profitable to others and living beings free from envy and anger and holding right views will be reborn in his land.

So, Ratna-rasi, because of his straightforward mind, a Bodhisattva can act straightforwardly; because of his straightforward deeds, he realizes the profound mind; because of his profound mind his thoughts are kept under control; because of his controlled thoughts, his acts accord with the Dharma (he has heard); because of his deeds in accord with the Dharma, he can dedicate his merits to the benefit of others; because of this dedication, he can make use of expedient methods (upaya); because of his expedient methods, he can bring living beings to perfection; because he can bring them to perfection, his Buddha land is pure; because of his pure Buddha land, his preaching of the Dharma is pure; because of his pure preaching, his wisdom is pure; because of his pure wisdom, his mind is pure, and because of his pure mind, all his merits are pure. Therefore, Ratna-rasi, if a Bodhisattva wants to win the pure land, he should purify his mind and because of his pure mind, the Buddha land is pure.”

As Sariputra was fascinated by the Buddha’s awe-inspiring majesty, he thought: “If the Buddha land is pure, because of the Bodhisattva’s pure mind, is it because the mind of the World Honoured One was not pure when He was still in the Bodhisattva stage, that this Buddha land (i.e. this world) is so unclean (as we see it now)?” The Buddha knew of his thought and said to Sariputra: “Are the sun and the moon not clean when a blind man does not see their cleanliness?” Sariputra said: “World Honoured One, this is the fault of the blind man and not that of the sun and the moon.” The Buddha said: “Sariputra, because of their (spiritual) blindness, living beings do not see the imposing majesty of the Tathagata’s pure land; this is not the fault of the Tathagata. Sariputra, this land of mine is pure but you do not see its purity.” Thereupon, Brahma with a tuft of hair on his head (resembling a conch) said to Sariputra: “Don’t think this Buddha land is impure. Why? Because I see that the land of Sakyamuni Buddha is pure and clean, like a heavenly palace.” Sariputra said: “I see that this world is full of hills, mountains, pits, thorns, stones and earth, which are all unclean.” Brahma said: “Because your mind is up and down and disagrees with the Buddha-wisdom, you see that this land is unclean. Sariputra, because a Bodhisattva is impartial towards all living beings

and his profound mind is pure and clean in accord with the Buddha Dharma, he can see that this Buddha land is (also) pure and clean.” At that time, the Buddha pressed the toes of His (right) foot on the ground and the world was suddenly adorned with hundreds and thousands of rare and precious gems of the great chiliocosm, like the precious Majestic Buddha’s pure land adorned with countless precious merits, which the assembly praised as never seen before; in addition each person present found himself seated on a precious lotus throne.

The Buddha said to Sariputra: “Look at the majestic purity of this Buddha land of mine.” Sariputra said: “World Honoured One, I have never seen and heard of this Buddha land in its majestic purity.” The Buddha said: “This Buddha land of mine is always pure, but appears filthy so that I can lead people of inferior spirituality to their salvation. This is like the food of devas which takes various colours according to the merits of each individual eater. So, Sariputra, the man whose mind is pure sees this world in its majestic purity.” When this Buddha land (i.e. the world) appeared in its majestic purity, the five hundred sons of elders, who came with Ratna-rasi, realized the patient endurance of the uncreate (anutpattika-dharma-ksanti), and eighty-four thousand people developed their minds set on Supreme Enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi). The Buddha then stopped pressing His toes on the ground and the world returned to its previous (filthy) condition. Thirty-two thousand devas and men aspiring to the sravaka stage understood the impermanence of all phenomena, kept from earthly impurities and achieved the Dharma-eye (which sees the truth of the four noble truths); eight thousand bhiksus kept from phenomena and succeeded in putting an end to the stream of transmigration (thus realizing arhatship).

Chương Bốn Mười Một
Chapter Forty-One

Lòng Bi Mẫn Của Bồ Tát

Theo Phật giáo, tư tưởng bi mẫn là tư tưởng vì hạnh phúc của chúng sanh. Đức Phật hy sinh hạnh phúc riêng mình, cũng như để lại tam tạng kinh điển cho hậu thế tiếp tục phổ độ chúng sanh. Ở đây người con Phật với tâm đầy lòng bi mẫn trải rộng khắp nơi, trên, dưới, ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy luôn an trú biến mẫn với tâm bi, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Bi vô lượng tâm còn làm tâm ta rung động khi thấy ai đau khổ. Tâm ao ước mong muốn loại trừ đau khổ của người khác, đối lại với sự tàn ác. Lòng bi mẫn là tâm se lại trước sự đau khổ của chúng sinh khác. Lòng mong muốn loại bỏ những đau khổ của chúng sinh khác. Tiếng Phạn là *Phả Li Nê Phược*, cũng có nghĩa là cái tâm hay tấm lòng bi mẫn thương xót cứu vớt người khác thoát khỏi khổ đau phiền não. Lòng bi là lòng vị tha, không vì bản ngã, mà dựa trên nguyên tắc bình đẳng. Khi thấy ai đau khổ bèn thương xót, ấy là bi tâm. Tâm bi là tâm thiện với những tư tưởng tư tưởng thiện lành, mong cho người khác thoát khỏi khổ đau phiền não. Tâm bi chẳng những mang lại hạnh phúc và an tịnh cho người khác mà còn mang lại cho mình nữa. Tâm bi giúp ta loại bỏ những tư tưởng bất thiện như giận hờn, ganh ghét và đố kỵ. Bi tâm mở rộng không phân biệt chúng sanh mọi loài. Tuy nhiên, bi tâm phải đi kèm với trí tuệ, để có được kết quả đúng đắn. Lòng “Bi” chính là một trong những cửa ngõ quan trọng đi đến đại giác, vì nhờ đó mà chúng ta không giết hại chúng sanh.

Theo Kinh Duy Ma Cật, Phẩm thứ bảy, Quán Chúng Sanh, Bồ Tát Văn Thù khi đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật có hỏi về lòng “bi” như sau: Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi Duy Ma Cật: “Sao gọi là lòng bi của một vị Bồ Tát?” Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát làm công đức gì cốt để chia sẻ cho tất cả chúng sanh.” Lòng bi mẫn của chư vị Bồ Tát là không thể nghĩ bàn. Chư Bồ Tát là những bậc đã giác ngộ, những vị Phật tương lai, tuy nhiên, các Ngài nguyện sẽ tiếp tục trụ thế trong một thời gian thật dài. Tại sao vậy? Vì lợi ích cho tha nhân, vì các ngài muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi cơn đại hồng thủy của khổ đau phiền não. Nhưng còn lợi ích của chính các ngài ở đâu? Với các ngài, lợi ích của chúng

sanh chính là lợi ích của các ngài, bởi vì các ngài muốn như vậy. Tuy nhiên, nói như vậy thì ai có thể tin được? Thật là đúng với những người khô cạn tình thương, chỉ nghĩ đến riêng mình thì thấy khó tin được lòng vị tha của vị Bồ Tát. Nhưng những người có từ tâm thì hiểu nó dễ dàng. Chúng ta chẳng thấy đó sao, một số người nguội lạnh tình thương thấy thích thú trước niềm đau nỗi khổ của người khác, dù cho niềm đau nỗi khổ chẳng mang lại lợi ích chi cho họ? Và chúng ta cũng phải thừa nhận rằng chư Bồ tát, cương quyết trong tình thương, thấy hoan hỷ giúp ích cho kẻ khác không chút lo âu vị kỷ. Chúng ta chẳng thấy sao, những kẻ u minh trước bản chất thật sự của vạn hữu nên coi cái “Ngã” là thật nên trói buộc vào nó và hậu quả là khổ đau phiền não. Trong khi chư Bồ Tát đã xóa bỏ được cái “Ngã” nên ngừng xem những cái “Ta” và “của ta” là thật. Chính vì thế mà chư vị Bồ Tát luôn ân cần từ bi đối với tha nhân và sẵn sàng chịu muôn ngàn khổ đau phiền não vì sự ân cần từ bi này.

Nói tóm lại, chư Bồ Tát là những người đã giác ngộ, tự hiến đời mình trợ giúp người khác đạt giải thoát, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sanh. Với sự tự tại, trí huệ và từ bi, chư Bồ Tát biểu thị một giai đoạn cao của Phật quả nhưng chưa phải là một vị Phật giác ngộ vô thượng viên mãn hoàn toàn. Có nhiều cách thể hiện hóa độ chúng sanh của chư Bồ Tát, nhưng ở đây chúng ta chỉ đề cập đến một số cách tiêu biểu về lòng từ bi mẫn mà chư Bồ Tát đã thực hành. Nếu muốn theo chân Bồ Tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập theo một số pháp tu tiêu biểu của chư Bồ Tát. Tưởng cũng nên nhắc lại, từ bi tâm là một trong tứ vô lượng tâm, khởi lòng từ bi vô lượng với hết thảy chúng sanh. Tâm cứu khổ cho chúng sanh. Ở đây vị Tỳ Kheo với tâm đầy lòng từ bi mẫn trải rộng khắp nơi, trên, dưới, ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy luôn an trú biến mãn với tâm từ bi, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Từ bi vô lượng tâm còn làm tâm ta rung động khi thấy ai đau khổ. Tâm ao ước mong muốn loại trừ đau khổ của người khác, đối lại với sự tàn ác. Tuy nhiên, một vị Bồ Tát lúc nào cũng có hai đặc tính đi kèm nhau trong tu tập là từ bi và trí, vì từ bi và trí là hai đặc tính của chư Bồ Tát trên bước đường tu tập đại giác và cứu độ chúng sanh. Từ bi là dưới thì hạ hóa chúng sanh. Trí là thượng cầu Bồ Đề hay Phật đạo. Theo Phật Giáo Đại Thừa, điển hình của từ bi là Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát; còn Ngài Đại Thế Chí là điển hình của trí. Theo Chân Ngôn Giáo thì Từ Bi là Thai Tạng giới, trong khi

Trí là kim cang giới. Bên cạnh đó, bi và trí còn là hai cửa giúp hành giả với hai mục tiêu: thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh. Đây cũng là một trong những đại nguyện của một vị Bồ Tát. Thứ nhất là Bi Môn: Bi tâm Phật hướng đến cứu độ tha nhân (cửa từ bi hay lòng thương xót chúng sanh. Thấy chúng sanh mê lầm sa ngã, đờn đau khổ não và hoạn nạn thì thương xót và dùng mọi phương tiện để giúp họ được vui. Lòng từ bi của chư Phật và chư Bồ Tát vô cùng vô tận bủa khắp mười phương nên gọi là Đại Bi. Những bậc Bồ Tát trải qua vô lượng kiếp thực hành đại hạnh từ bi này rồi sau mới đắc quả vô thượng Bồ Đề). Thứ nhì là Trí Môn: Trí tuệ Phật dẫn đến giác ngộ Bồ Đề (cửa trí huệ. Tu theo Phật là tu pháp môn trí huệ, nghĩa là dùng trí huệ sáng suốt mà soi xét và đoạn trừ những phiền não tối tăm, những hoặc chướng vô minh; dùng trí huệ để phân định chánh tà, sự lý viên minh. Hành giả tu tập cuối cùng sẽ đạt được trí huệ tối thượng hay nhất thiết trí, hay trí huệ Phật).

Compassion of Bodhisattvas

According to Buddhism, the thought of compassion is the thought that broadly spreads out for the happiness of beings. The Buddha died at 80 instead of 100. He left 20 years of his own happiness to his disciples, and also the Tripitaka for universal salvation. Here a Buddhist, with a heart filled with compassion. Thus he stays, spreading the thought of compassion, above, below, across, everywhere, always with a heart filled with compassion, abundant, magnified, unbounded, without hatred or ill-will. Compassion also makes the heart quiver when other are subject to suffering. It is the wish to remove the suffering of others, and it is opposed to cruelty. Karuna means sympathy, or pity (compassion) for another in distress and desire to help him or to deliver others from suffering out of pity. The compassion is selfless, non-egoistic and based on the principle of universal equality. A compassionate mind is a mind with wholesome thoughts which always wishes others to be released from their sufferings and afflictions. A compassionate mind does not only bring forth happiness and tranquility for others, but also to ourselves. The compassionate mind also helps us dispel our negative thoughts such as anger, envy and jealousy, etc. Compassion extends itself without distinction to all

sentient beings. However, compassion must be accompanied by wisdom in order to have right effect. Karuna or compassion is one of the most important entrances to the great enlightenment; for with it, we do not kill or harm living beings.

According to the Vimalakirti Sutra, Chapter Seventh, Contemplating on Living Beings, when Manjusri Bodhisattava called on to enquire after Vimalakirti's health, he asked Vimalakirti about "Karuna" as follows: Manjusri asked Vimalakirti: "What should be compassion (karuna) of a Bodhisattva?" Vimalakirti replied: "A Bodhisattva's compassion should include sharing with all living beings all the merits he has won." Bodhisattvas' compassion is inconceivable. Bodhisattvas are enlightenment-beings, Buddhas-to-be, however, they vow to continue stay in this world for a long period of time. Why? For the good of others, because they want to become capable of pulling others out of this great flood of sufferings and afflictions. But what personal benefit do they find in the benefit of others? To Bodhisattvas, the benefit of others is their own benefit, because they desire it that way. However, in saying so, who could believe that? It is true that some people devoid of pity and think only of themselves, find it hard to believe in the altruism of the Bodhisattvas. But compassionate people do so easily. Do we not see that certain people, confirmed in the absence of pity, find pleasure in the suffering of others, even when it is not useful to them? And we must admit that the Bodhisattvas, confirmed in pity, find pleasure in doing good to others without any egoistic preoccupation. Do we not see that certain, ignorant of the true nature of the conditioned Dharmas which constitute their so-called "Self", attach themselves to these dharmas, as a result, they suffer pains and afflictions because of this attachment. While we must admit that the Bodhisattvas, detach themselves from the conditioned Dharmas, no longer consider these Dharmas as "I" or "Mine", growing in pitying solicitude for others, and are ready to suffer pains for this solitude?

In short, Bodhisattvas are enlightening beings who, deferring their own full Buddhahood, dedicate themselves to helping others attain liberation, and vow to forego complete enlightenment until they help all other beings attain enlightenment. In their self-mastery, wisdom, and compassion Bodhisattvas represent a high stage of Buddhahood,

but they are not yet the supreme enlightened, or fully perfected Buddha. Bodhisattvas have numerous different ways that they manifest to help beings, but here, we only mention some typical ways of compassion that Bodhisattvas have practiced. If practitioners want to follow in the footsteps of Bodhisattvas, we should try to cultivate some typical methods of Bodhisattvas' ways of cultivation. It should be reminded that the mind of compassion is an infinite pity for all, one of the four immeasurable minds (catvari-apramanani). Boundless pity, to save from suffering. Here a monk, with a heart filled with compassion. Thus he stays, spreading the thought of compassion, above, below, across, everywhere, always with a heart filled with compassion, abundant, magnified, unbounded, without hatred or ill-will. Compassion also makes the heart quiver when other are subject to suffering. It is the wish to remove the suffering of others, and it is opposed to cruelty. However, a Bodhisattva always has two characteristics that go simultaneously in cultivation: pity and wisdom, for these two characteristics of a bodhisattva seeking to attain perfect enlightenment and the salvation of all beings. Karuna or compassion means below is to save sentient beings. Jnana or wisdom means above is to seek Bodhi. In Mahayana Buddhism, Pity is typified by Avalokitesvara and wisdom by Mahasthamaprapta. In the esoteric sects, pity is represented by the garbhadhatu or the womb treasury, while wisdom is represented by the vajradhatu or the diamond treasury. Besides, compassion and wisdom are also two doors (of Karuna and Jnana) that help practitioners with two aims: above to seek bodhi, below to save (transform) beings. This is also one of the great vow of a Bodhisattva. First, Buddha-pity, or Bodhisattva-pity, the way of pity directed to others. Second, Wisdom gate or Buddha-wisdom, or the way of enlightenment.

Chương Bốn Mươi Hai
Chapter Forty-Two

Nhị Tướng Bồ Tát

Tướng là diện mạo hay biểu hiện bên ngoài của sự vật. Tướng còn có nghĩa là các pháp hữu vi hay hiện tượng. Tướng nghĩa là các tính chất thuộc đối tượng cảm quan như mắt, mũi, vân vân. Hình tướng của vật chất có thể nhận biết được qua trần cảnh như vật thể, âm thanh, hay mùi vị, vân vân. Theo kinh *Duy Ma Cát*, chương mười bốn, *Đức Phật bảo Bồ Tát Di Lặc*: “*Di Lặc! Ông phải biết, Bồ Tát có hai tướng: Sao gọi là hai? Một là những người ưa những câu văn hay đẹp, hai là những người không sợ nghĩa sâu xa, hiểu được đúng như thật. Như hạng ưa những câu văn hay đẹp, phải biết đó là Bồ Tát mới học. Nếu ở nơi kinh điển thậm thâm không nhiễm, không trước, không có chút sợ sệt và hiểu rõ được đó, nghe rồi tâm thanh tịnh thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói mà tu hành, phải biết đó là hạng tu hành đã lâu. Nay Di Lặc! Lại có hai pháp gọi là Bồ Tát mới học, không thể quyết định pháp thậm thâm: Hai pháp là chi? Một là những kinh điển thậm thâm chưa từng nghe nếu nghe thời sợ sệt sanh lòng nghi, không tùy thuận được, chê bai không tin rồi nói rằng: “Kinh này từ trước đến giờ ta chưa từng nghe, từ đâu đến đây?” Hai là nếu có người hộ trì giải nói những kinh sâu xa như thế, không chịu gần gũi, cúng dường cung kính, hoặc ở nơi đó nói lời xấu xa của người kia. Có hai pháp đấy, phải biết Bồ Tát mới học chỉ là tự tổn hại, chứ không thể ở nơi pháp thậm thâm mà điều phục được tâm mình. Nay Di Lặc! Lại có hai pháp, Bồ Tát dẫu tin hiểu thâm pháp, vẫn còn tự tổn hại chớ không thể chứng được vô sanh pháp nhẫn. Hai pháp là chi? Một là khinh dễ các Bồ Tát mới học mà không dạy bảo. Hai là tin hiểu thâm pháp mà lại chấp tướng phân biệt.”*

Two Categories of Bodhisattvas

Marks mean external appearance or the appearance of things. Marks also mean appearances or phenomena. Appearances (nimitta) mean qualities belonging to sense-objects such as visual, olfactory, etc.

Rupas which are capable of receiving sense-objects such as visible object, sound, taste, etc. *According to the Vimalakirti Sutra, Chapter Fourteen, the Buddha said to Maitreya, "Maitreya! You should know that there are two categories of Bodhisattvas: First, those who prefer proud words and a racy style, and second, those who are not afraid (of digging out) the profound meanings which they can penetrate. Fondness of proud words and a racy style denotes the superficiality of a newly initiated Bodhisattva; but he who, after hearing about the freedom from infection and bondage as taught in profound sutras, is not afraid of their deep meanings which he strives to master, thereby developing a pure mind to receive, keep, read, recite and practise (the Dharma) as preached is a Bodhisattva who has trained for a long time. Maitreya, there are two classes of newly initiated Bodhisattvas who cannot understand very deep Dharmas: First, those who have not heard about profound sutras and who, giving way to fear and suspicion, cannot keep them but indulge in slandering them, saying: 'I have never heard about them; where do they come from?'* and *second, those who refuse to call on, respect and make offerings to the preachers of profound sutras or who find fault with the latter; these are two classes of newly initiated Bodhisattvas who cannot control their minds when hearing the deep Dharma, thereby harming themselves. Maitreya, further, there are two categories of Boshisattvas who harm themselves and fail to realize the patient endurance of the uncreate in spite of their belief and understanding of the deep Dharma: they are (firstly) those who belittle newly initiated Boshisattva and do not teach and guide them; and (secondly) those who, despite their faith in the deep Dharma, still give rise to discrimination between form and formlessness."*

Chương Bốn Mười Ba
Chapter Forty-Three

Ngữ Nghĩa Của Chữ Đại Bồ Tát

Tổng Quan Về Ngôn Ngữ Văn Tự: Ngôn ngữ văn tự được nhân loại sử dụng để chuyển tải ý nghĩ và tư tưởng của người này qua người khác hay từ thế hệ này qua thế hệ khác. Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật dạy: “Chính do con người không biết rõ cái bản tánh của các ngôn từ, nên người ta xem ngôn từ là đồng nhất với ý nghĩa.” Từ ngữ "Ngôn Thượng Sinh Ngôn, Cú Thượng Sinh Cú" có nghĩa là trên lời thêm lời, trên câu thêm câu. Từ ngữ này cũng có nghĩa là chúng ta đã có ngôn cú lại thêm bình luận giải thích thêm nữa. Từ này cũng ám chỉ mọi thứ vướng mắc trói buộc đều do tâm con người tạo ra. Phật tử chân chánh nên luôn nhớ rằng "Ngôn Đoan Ngữ Đoan", có nghĩa là ngôn ngữ vẫn đúng, nghĩa là dùng ngôn ngữ để hiểu chân ý của Phật và chư tổ để tu tập giác ngộ. Nhớ rằng nếu chấp chặt vào văn tự ngôn ngữ có thể mất đi chân ý. Vì lý do này mà chúng ta phải luôn 'dựa vào nghĩa chứ không phải ở từ ngữ'. Theo Phật giáo, ngôn ngữ bản lai không hay thể tánh của ngôn ngữ là không. Một hôm, Hạo Nguyệt nghi ngờ, hỏi Thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm rằng: "Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói 'Liễu tức nghiệp chướng bản lai không, vị liễu ứng tu hoàn túc trái' là sao?" Trường Sa Cảnh Sầm trả lời: "Ông chưa hiểu nghiệp chướng." Hạo Nguyệt hỏi: "Thế nào là nghiệp chướng?" Trường Sa Cảnh Sầm đáp: "Bản lai không." Hành giả tu Thiền nên luôn nhớ rằng ngôn ngữ thể tánh là không; vì vậy chúng ta phải dùng hơi và lưỡi mới phát ra thành lời (do duyên hợp). Nếu chúng ta vô tình nói ra những lời không vui cho người khác, tức là chúng ta đã tạo nghiệp dữ. Đến lượt người nghe những lời nói tổn thương thì họ cố ý cách đáp trả lại làm cho cơn giận của chúng ta bùng phát lên. Một khi chúng ta biết được thể tánh của ngôn ngữ là không, cơn giận của chúng ta sẽ không sanh khởi, và chúng ta sẽ kiểm soát tình huống bằng một phương cách tích cực hơn. Đây là việc khó khăn nhất trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, nhưng hành giả tu Thiền không có cách nào tốt hơn cách này. Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật nhấn mạnh vào sự đạt tự nội cái chân lý mà hết thấy các Đức Như Lai trong quá khứ, hiện tại và vị lai thể chứng, chứ không phải là ngữ ngôn văn tự. Cảnh giới của Như Lai tạng vốn là

A Lại Da Thức thì thuộc về chữ Bồ Tát Ma Ha Tát theo đuổi chân lý chứ không thuộc các triết gia chấp vào văn tự, học hành và suy diễn suông. Cũng trong Kinh Lăng Già, Đức Phật nhắc Mahamati: “Vị Bồ Tát Ma Ha Tát thành thực với từ ngữ và ý nghĩa, nhận biết rằng từ ngữ không khác không không phải không khác với ý nghĩa, và ngược lại.” Hành giả tu Phật chân thuần nên luôn nhớ rằng “Văn dĩ tải đạo”, nghĩa là văn tự chỉ có công năng chuyên chở Đạo chứ không phải là Đạo.

Ngôn Ngữ Văn Tự Của Chữ Đại Bồ Tát: Mặc dầu trong Phật giáo, nhất là trong nhà Thiền dựa vào thực tập hơn là văn tự sách vở vì tôn giáo này cho rằng ngôn thuyết pháp tướng hay giáo lý bằng ngôn từ trái với sự tự chứng. Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật dạy: “Những ai hiểu rõ sự khác biệt giữa thể chứng và giáo lý, giữa cái biết tự nội và sự giáo huấn, đều được tách xa sự điều động của suy diễn hay tưởng tượng suông.” Giáo lý, sự tụng đọc và chuyện kể, vân vân. Chính vì thế mà Đức Phật nhấn mạnh vào sự đạt tự nội cái chân lý mà hết thấy các Đức Như Lai trong quá khứ, hiện tại và vị lai thể chứng, chứ không phải là ngữ ngôn văn tự. Cảnh giới của Như Lai tạng vốn là A Lại Da Thức thì thuộc về chữ Bồ Tát Ma Ha Tát theo đuổi chân lý chứ không thuộc các triết gia chấp vào văn tự, học hành và suy diễn suông. Chính vì thế mà Đức Phật dạy: “Chính do con người không biết rõ cái bản tánh của các ngôn từ, nên người ta xem ngôn từ là đồng nhất với ý nghĩa.” Trong thuật ngữ Thiền của Nhật Bản có từ ngữ “Ichiji-fusetsu” có nghĩa là “không nói một lời.” “Ichiji-fusetsu” chỉ sự kiện trong bất cứ lời dạy dỗ nào của Đức Phật, Ngài chẳng bao giờ dùng một lời nào để diễn tả hiện thực tối thượng hay bản chất thật của vạn hữu, vì nó thuộc lãnh vực không thể nói được (bất khả thuyết). Do hiểu như vậy nên ngay sau khi đạt được toàn giác, Đức Phật đã không muốn thuyết giảng những gì mình liễu ngộ. Tuy nhiên, vì thương xót chúng sanh bị trói buộc trong luân hồi sanh tử nên Ngài đành chấp nhận đi thuyết giảng. Để làm như vậy, Ngài đã phải tự hạ trình độ Đại Giác của mình xuống thành trình độ hiểu biết thông thường. Trong Thiền, tất cả những lời chỉ dạy của Đức Phật có nghĩa là “ngón tay chỉ trăng” chỉ với mục đích mang lại cho những ai ao ước tu tập con đường dẫn đến giác ngộ và đạt được trí tuệ bát nhã để hiểu được một cách sâu sắc bản chất thật của vạn hữu. Theo truyền thuyết Phật giáo thì sự truyền thụ riêng biệt bên ngoài các kinh điển đã được bắt đầu ngay từ thời Phật Thích ca với thời thuyết giảng trên đỉnh Linh Thứu. Trước một nhóm đông đồ

đệ, Phật chỉ giờ cao một bông sen mà không nói một lời nào. Chỉ có đệ tử Đại Ca Diếp bỗng đại ngộ, hiểu được ý Phật và mỉm cười. Sau đó Phật đã gọi Maha Ca Diếp, một đệ tử vừa giác ngộ của Ngài. Ca Diếp cũng chính là vị trưởng lão đầu tiên của dòng thiền Ấn Độ. Người thực tập thiền thường khuyên “bất lập văn tự.” Đây không nhất thiết là để phủ nhận khả năng diễn đạt của văn tự mà chỉ để tránh sự nguy hiểm của sự mắc kẹt vào ngôn ngữ mà thôi. Người ta khuyên chúng ta nên dùng văn tự một cách khéo léo vì lợi ích của người nghe. Vào thế kỷ thứ 2, ngài Long Thọ đã viết bộ Trung Quán Luận, biểu trưng cho ý thức muốn sử dụng ý niệm để đập vỡ ý niệm. Trung Quán Luận không nhắm tới sự thành lập một ý niệm hay một luận thuyết nào hết mà chỉ nhắm tới việc phá bỏ tất cả mọi ý niệm, đập vỡ hết tất cả mọi chai lọ, ống và bình để cho ta thấy nước là cái gì không cần hình tướng mà vẫn hiện thực. Ngài đã phác họa ra một điệu múa cho chúng ta nhằm giúp chúng ta loại bỏ các khuôn khổ ý niệm trước khi đi vào sự thể nghiệm thực tại, để không tự mãn với chính chúng ta bằng những hình ảnh của thực tại. Nói tóm lại, cho dù chúng ta có nói gì về ngôn ngữ văn tự, lúc nào ngôn ngữ văn tự cũng cần thiết cho đời sống nhất là việc học tập trong tu tập. Trong kinh điển Phật giáo, chư Đại Bồ Tát có nhiều ngữ ngôn; tuy nhiên, trong khuôn khổ hạn hẹp của chương sách này, dưới đây chúng ta chỉ đề cập tới một vài loại tiêu biểu của các ngài:

Mười Ngữ Ngôn Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười ngữ ngôn của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được vi diệu ngữ vô thượng của Như Lai. Nhu nhuyễn ngữ, vì làm cho tất cả chúng sanh đều an ổn. Cam lồ ngữ, vì làm cho tất cả chúng sanh đều thanh lương. Bất cưỡng ngữ, vì bao nhiêu lời nói đều chân thật. Chơn thiệt ngữ, vì nhấn đến trong chiêm bao cũng không vọng ngữ. Quảng đại ngữ, vì khắp tất cả chư thiên đều tôn kính. Thâm thâm ngữ, vì hiển thị pháp tánh. Kiên cố ngữ, vì thuyết pháp vô tận. Chánh trực ngữ, vì phát ngôn dễ hiểu. Chủng chủng ngữ, vì tùy thời thị hiện. Khai ngộ tất cả chúng sanh ngữ, vì tùy theo chỗ dục lạc của họ mà làm cho họ hiểu rõ.

Mười Điều Tĩnh Tu Ngữ Nghiệp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư Bồ Tát có mười điều tịnh tu ngữ nghiệp. Thứ nhất là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách thính lắng nghe âm thanh của Đức Như Lai. Thứ nhì là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách nghe nói công đức của Bồ Tát. Thứ ba là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách chẳng nói

những lời mà chúng sanh chẳng thích nghe. *Thứ tư* là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách xa lìa những lỗi lầm của lời nói. *Thứ năm* là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách hoan hỷ tán thán Như Lai. *Thứ sáu* là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách ở chỗ thấp Như Lai to tiếng khen ngợi công đức như thiết của chư Phật. *Thứ bảy* là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách dùng tâm thanh tịnh ban bố chánh pháp cho chúng sanh. *Thứ tám* là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách dùng âm nhạc ca tụng để tán thán Đức Như Lai. *Thứ chín* là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách ở chỗ chư Phật lắng nghe chánh pháp chẳng tiếc thân mạng. *Thứ mười* là tịnh tu ngữ nghiệp bằng cách xả thân thừa sự tất cả Bồ Tát và các pháp sư để lãnh thọ diệu pháp. Chư Bồ Tát an trụ trong mười pháp tịnh tu ngữ nghiệp này sẽ được mười điều thủ hộ: *Thứ nhất* là được thiên vương cùng thiên chúng thủ hộ. *Thứ nhì* là được long vương và long chúng thủ hộ. *Thứ ba* là được Dạ xoa vương cùng dạ xoa chúng thủ hộ. *Thứ tư* là được Càn thất bà vương cùng Càn thất bà chúng thủ hộ. *Thứ năm* là được A tu la vương và A tu la chúng thủ hộ. *Thứ sáu* là được Ca lâu la vương và Ca lâu la chúng thủ hộ. *Thứ bảy* là được Khẩn na la vương và Khẩn na la chúng thủ hộ. *Thứ tám* là được Ma hầu la già vương cùng Ma hầu la già chúng thủ hộ. *Thứ chín* là được Phạm vương và Phạm chúng thủ hộ. *Thứ mười* là được Như Như Lai Pháp vương và tất cả pháp sư thủ hộ. Được sự thủ hộ này rồi, chư Đại Bồ Tát có thể thành tựu mười đại sự: *Thứ nhất* là làm cho tất cả chúng sanh hoan hỷ. *Thứ nhì* là có thể qua lại tất cả thế giới. *Thứ ba* là tất cả căn tánh đều có thể rõ biết. *Thứ tư* là tất cả thắng giải đều làm cho thanh tịnh. *Thứ năm* là tất cả phiền não đều làm cho đoạn trừ. *Thứ sáu* là tất cả tập khí đều làm cho xả ly. *Thứ bảy* là tất cả dục lạc đều làm cho sáng sạch. *Thứ tám* là tất cả thâm tâm đều làm cho tăng trưởng. *Thứ mười* là tất cả Niết bàn khắp làm cho thấy rõ.

Mười Nghĩa Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười nghĩa của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ tát an trụ trong pháp này thời được như thiết trí vô thượng nghĩa. Đa văn nghĩa vì kiên cố tu hành. Pháp nghĩa, vì khéo suy gẫm lựa chọn. Không nghĩa, vì đệ như nghĩa không. Tịch tịnh nghĩa, vì xa rời những ồn náo của chúng sanh. Bất khả thuyết nghĩa, vì chẳng chấp tất cả ngữ ngôn. Như thiết nghĩa, vì thấu rõ tam thế bình đẳng. Pháp giới nghĩa, vì tất cả các pháp đồng một vị. Chơn như nghĩa, vì tất cả Như Lai thuận nhập. Thiết tế nghĩa,

vì biết rõ rốt ráo chơn thiệt nghĩa của pháp tối thượng. Đại Bát Niết Bàn nghĩa, vì diệt tất cả khổ để tu những hạnh Bồ Tát.

Mười Mật Ngữ Thiện Xảo Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười xảo mật ngữ của chư Đại Bồ Tát. Thứ nhất là xảo mật ngữ nơi tất cả lời giáo huấn của chư Phật. Thứ nhì là xảo mật ngữ nơi tất cả chỗ thọ sanh. Thứ ba là xảo mật ngữ nơi tất cả Bồ Tát thân thông biến hiện thành đẳng chánh giác. Thứ tư là xảo mật ngữ nói về nghiệp báo của chư chúng sanh. Thứ năm là xảo mật ngữ nơi tất cả chúng sanh phát khởi nhiễm tịnh. Thứ sáu là xảo mật ngữ rốt ráo vô chướng ngại nơi tất cả các pháp. Thứ bảy là xảo mật ngữ nơi tất cả hư không giới, mỗi nơi mỗi chỗ đều có thế giới hoặc thành hoặc hoại, trong đó không có chỗ trống. Thứ tám là xảo mật ngữ nơi tất cả pháp giới tất cả mười phương nhĩn đến chỗ vi tế, đều có Như Lai thị hiện sơ sanh nhĩn đến thành Phật nhập đại niết bàn đầy khắp pháp giới, đều phân biệt thấy. Thứ chín là xảo mật ngữ ở chỗ thấy tất cả chúng sanh bình đẳng niết bàn vì không biến đổi mà chẳng bỏ đại nguyện, vì tất cả trí nguyện chưa được viên mãn làm cho viên mãn. Thứ mười là xảo mật ngữ ở chỗ dầu biết tất cả pháp tử ngộ chẳng do người khác mà chẳng rời bỏ các bậc thiện tri thức, đối với Như Lai càng thêm tôn kính, cùng thiện tri thức hòa hiệp không hai. Nơi những thiện căn thời tu tập gieo trồng hồi hướng an trụ. Đồng một sở tác, đồng một thể tánh, đồng một xuất ly, đồng một thành tựu.

Mười Thiệt Nghĩa Phật Pháp Của Chư Đại Bồ Tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, chư đại Bồ Tát có mười câu thiệt nghĩa Phật pháp. Thứ nhất là tất cả pháp chỉ có danh. Thứ nhì là tất cả pháp dường như huyền. Thứ ba là tất cả các pháp dường như bóng. Thứ tư là tất cả pháp chỉ do duyên khởi. Thứ năm là tất cả pháp nghiệp thanh tịnh. Thứ sáu là tất cả pháp chỉ vắng tự làm ra. Thứ bảy là tất cả pháp thực tế. Thứ tám là tất cả pháp vô tướng. Thứ chín là tất cả pháp đệ nhất nghĩa. Thứ mười là tất cả pháp là giới pháp.

Great Bodhisattvas' Languages & Written Words

An Overview of Languages and Written Words: Languages and written words are used by human beings to relay ideas and thoughts from man to man or from generation to generation. In the Lankavatara Sutra, the Buddha taught: “It is owing to his not perfectly understanding

the nature of words that he regards them as identical with the sense.” The term “To add more words to words, and add more sentences to sentences” means we add more commentaries and interpretations to words and sentences that we have had already, the term also implies all kinds bondage are mind-made. Devout Buddhists should always remember that it is alright to utilize words and speeches; however, practitioners should always remember that to use words and speeches to get the correct instructions from the Buddha and patriarchs, so that we can cultivate to attain enlightenment. Remember if we totally attach to words and we can miss the real meanings of the Buddha. For this reason, we must always ‘relying on the meaning and not on the words.’ According to Buddhism, words are basically empty or the substantial nature of spoken words are non-existent. One day, Hsao-ywe, being doubtful of karmic obstructions, asked Zen master Chang Sha Ching Chen, “What does it mean when Master Hsuan-chueh said that ‘When truly understood all karmic obstructions, in their essence, are empty. When there is no realization, all debts must be paid?’” In respond, Master Chang Sha Ching Chen simply said, “You have not fully comprehended the meaning of karmic obstructions.” Hsao-ywe asked again, “Then what is Karma?” Chang Sha Ching Chen said, “It is basically empty!” Zen practitioners should always remember that spoken words are non-existent; so we must use the air and our tongue to form and speak the words. If we inadvertently say unpleasant things to others, we have just created bad karma. In turn, people try to find hurtful words to respond with the intention to provoke our anger. Once we know that words are non-existent, our anger will not arise, and we will control the situation in a more positive way. This is the most difficult thing to do in our life, but Zen practitioners have no other better way. In the Lankavatara Sutra, the Buddha emphasized the inner attainment of the truth, not the teaching realized by all the Tathagatas of the past, present, and future. The realm of the Tathagatagarbha which is the Alayavijnana belongs to those Bodhisattva-Mahasattvas who follow the course of truth and not to those philosophers who cling to the letter, learning, and mere discourse. Also in the Lankavatara Sutra, the Buddha reminded Mahamati: “Oh Mahamati, the Bodhisattva-mahasattva who is well acquainted with words and meaning, recognizes at once that word is neither different nor not

different from meaning, and vice versa. Devout Buddhists should always remember that words and speeches have only one use, that is to carry the Way, but not the Way.

Great Bodhisattvas' Languages & Written Words: Although in Buddhism, especial in Zen or intuitive school does “not set up scriptures” because this religion lays stress on practice and intuition rather than on books and other external aids. Word-teaching contrasted with self-realization. In the Lankavatara Sutra, the Buddha taught: “Those who well understand the distinction between realization and teaching, between inner knowledge and instruction, are kept away from the control of mere speculation.” Teaching, recitation, and stories, etc. Thus the Buddha emphasized the inner attainment of the truth, not the teaching realized by all the Tathagatas of the past, present, and future. The realm of the Tathagatagarbha which is the Alayavijnana belongs to those Bodhisattva-Mahasattvas who follow the course of truth and not to those philosophers who cling to the letter, learning, and mere discourse. Thus, the Buddha taught: “It is owing to his not perfectly understanding the nature of words that he regards them as identical with the sense.” In Japanese Zen terms, the term “Ichiji-fusetsu” means “not a word is said.” “Ichiji-fusetsu” refers to the fact that the Buddha in all his teaching or instruction never made use of a single word to describe ultimate reality, for it is not preachable. In consideration of this fact, after his complete enlightenment, the Buddha did not want to teach at all. However, compassion for beings trapped in the cycle of life and death moved him. In doing this, he had to come down from the level of true insight to that of “everyman’s consciousness.” In Zen, all the teachings and instructions of the Buddha mean a “finger-point” for the purpose of giving those who wish to cultivate a way leading to enlightenment and prajna insight into the true nature of reality. According to a Buddhist legend, the special transmission outside the orthodox teaching began with the famous discourse of Buddha Sakyamuni on Vulture Peak Mountain (Gridhrakuta). At that time, surrounded by a crowd of disciples who had assembled to hear him expound the teaching. The Buddha did not say anything but holding up a lotus flower. Only Kashyapa understood and smiled. As a result of his master, he suddenly experienced a break through to enlightened vision and grasped the essence of the Buddha’s

teaching on the spot. The Buddha confirmed Mahakashyapa as his enlightened student. Mahakashyapa was also the first patriarch of the Indian Zen. People who practice Zen often advise not using words. This is not to discredit words, but to avoid the danger of becoming stuck in them. It is to encourage us to use words as skillfully as possible for the sake of those who hear them. In the second century, Nagarjuna wrote “The Madhyamika Sastra,” in which he used concepts to destroy concepts. He was not trying to create a new doctrine, but to break all the bottles, all the flasks, all the vases, all the containers, to prove that water needs no form to exist. He outlined a dance for us, a dance for us to drop our categories and barriers so that we can directly encounter reality and not content ourselves with its mere reflection. In short, no matter what we say about languages and written words, they're always necessary in life, especially in learning and practicing. In Buddhist scriptures, great Enlightening Beings have many different kinds of languages; however, in the limitation of this chapter, we can only some typical ones as follows:

Ten Kinds of Speech of Great Bodhisattvas: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of speech of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme subtle speech of Buddhas. Gentle speech, causing all sentient beings to be calm. Sweet elixir speech, causing all sentient beings to be clear and cool. Nondeceptive speech, everything they say being true. Truthful speech, not lying even in dreams. Great speech, being honored by all the gods. Profound speech, revealing the essence of things. Steadfast speech, expounding truth inexhaustibly. Straightforward speech, their statements being easy to understand. Various speech, being spoken according to the occasion. Speech enlightening all sentient beings, enabling them to understand according to their inclinations.

Ten Ways of Purifying Speech of Great Enlightening Beings: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten ways of purifying speech of Great Enlightening Beings. *First*, joyfully listening to the voice of Buddhas. *Second*, joyfully listening to the explanations of the virtues of Enlightening Beings. *Third*, not saying anything unpleasant to sentient beings. *Fourth*, truly avoiding all faults of speech. *Fifth*, joyfully praising the enlightened. *Sixth*, signing the

praises of Buddhas aloud at the monuments of deceased Buddhas. *Seventh*, giving teachings to sentient beings with profound, pure mind. *Eighth*, praising Buddha with music and song. *Ninth*, listening to the true teaching without worrying about one's body or life. *Tenth*, giving oneself up to serve all enlightening beings and teachers of truth, and receiving the sublime teaching from them. Enlightening Beings who abide by these ten ways of purifying speech can gain ten kinds of protection: *First*, they are protected by all celestial beings. *Second*, they are protected by all nagas. *Third*, they are protected by all yakshas. *Fourth*, they are protected by all Gandharvas. *Fifth*, they are protected by all titans. *Sixth*, they are protected by all Garudas. *Seventh*, they are protected by all kinnaras. *Eighth*, they are protected by all Maharagas. *Ninth*, they are protected by all Brahmas. *Tenth*, they are protected by all teachers of truth, beginning with the Buddhas. Having received this protection, great enlightening beings are able to accomplish ten great works: *First*, gladdening all sentient beings. *Second*, going to all worlds. *Third*, knowing all faculties. *Fourth*, purifying all devotions. *Fifth*, exterminating all afflictions. *Sixth*, getting rid of all habit energy. *Seventh*, purifying all inclinations. *Eighth*, increasing all profound determinations. *Thứ chín là tất cả pháp giới đều làm cho cùng khắp*: *Ninth*, causing all to pervade all universes. *Tenth*, causing all nirvanas to be clearly seen.

Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Unexcelled Skillful Esoteric Speech: According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of unexcelled skillful esoteric speech of Great Enlightening Beings. *First*, the skillful esoteric sayings in all the discourses of Buddhas. *Second*, skillful esoteric sayings about all places of birth. *Third*, skillful esoteric sayings about all enlightening beings' spiritual manifestations and attainment of enlightenment. *Fourth*, skillful esoteric sayings about the consequences of actions of all sentient beings. *Fifth*, skillful esoteric sayings about the defilement and purity produced by all sentient beings. *Sixth*, skillful esoteric sayings about how to be ultimately unobstructed in the midst of all things. *Seventh*, skillful esoteric sayings about how in every place in space are worlds, some becoming, some decaying, without any gaps in between. *Eighth*, skillful esoteric sayings about how everywhere in all places in all universes, in all phenomena, even in microscopic points, there are

Buddhas manifesting birth, attainment of Buddhahood, and entry into final nirvana, filling the cosmos, each distinctly seen. *Ninth*, skillful esoteric sayings about seeing all sentient beings as equally nirvanic, being unchanged, yet not giving up great aspirations, causing them to be fulfilled by the vow for omniscience. *Tenth*, skillful esoteric sayings about not abandoning teachers in spite of knowing that truths are not realized through the agency of another, honoring the enlightened even more, becoming one with spiritual friends in cultivating, dedicating, and living by virtues, with the same actions, the same essence, the same emancipation, the same fulfillment.

Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Principle: According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of principle of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can attain the supreme principle of omniscience. Principle of great learning, steadfastly putting it into practice. Principle of truth, skillfully thinking about it and discerning it. Principle of emptiness, the ultimate truth being emptiness. Principle of silence and calm, being detached from the clamor and confusion of sentient beings. Principle of inexpressibility, not clinging to words. Principle of according with truth, realizing that past, present and future are equal. Principle of the realm of reality, all things being one in essence. Principle of true Thusness, as all who realize Thusness enter it. Principle of the limit of reality, realizing ultimate truth. Principle of great ultimate nirvana, extinguishing all suffering yet carrying out the practices of Enlightening Beings.

Great Bodhisattvas' Ten Kinds of Expression: According to the Flower Adornment Sutra, Great Enlightening Beings have ten kinds of expression of the true meaning of the Buddhas' Teaching. First, all things only have names. Second, all things are like illusions. Third, all things are like reflections. Fourth, all things only originate conditionally. Fifth, all things are pure in action. Sixth, all things are just made by words. Seventh, all things are the ultimate reality. Eighth, all things are signless. Ninth, all things are the highest truth. Tenth, all things are the realm of reality.

References

1. Bodhi Gaya, Shanti Swaroop Bauddh, New Delhi, 2005.
2. Buddha, Dr. Hermann Oldenberg, New Delhi, 1997.
3. The Buddha's Ancient Path, Piyadassi Thera, 1964.
4. The Buddha Eye, Frederick Franck, 1982.
5. The Buddha and His Dharma, Dr. B.R. Ambedkar, Delhi, 1997.
6. The Buddha and His Teachings, Narada: 1973.
7. Buddhism, Ed. Manan Sharma, New Delhi, 2002.
8. Buddhist Ethics, Hammalawa Saddhatissa, 1970.
9. The Buddhist Handbook, John Snelling, 1991.
10. Buddhist Images of Human Perfection, Nathan Katz, India 1982.
11. Buddhist Logic, 2 Vols., Th. Stcherbatsky, 1962.
12. Buddhist Sects in India, Nalinaksha Dutt, 1978.
13. Buddhist Shrines in India, D.C. Ahir, New Delhi, 1986.
14. Buddhist Thought in India, Edward Conze, 1962.
15. The Chinese Madhyama Agama and the Pali Majjhima Nikaya, Bhikkhu Thích Minh Châu, India 1991.
16. A Compendium of Chief Kagyu Master, Dr. C.T. Dorji, New Dehli, 2005.
17. A Comprehensive Manual of Abhidharma, Bhikkhu Bodhi, Sri Lanka 1993.
18. The Concept of Personality Revealed Through The Pancanikaya, Thích Chơn Thiện, New Delhi, 1996.
19. The Connected Discourses of the Buddha, translated from Pali by Bhikkhu Bodhi, 2000.
20. The Conquest of Suffering, P.J. Saher, Delhi 1977.
21. The Dhammapada, Narada, 1963.
22. Duy Thức Học, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, 1958.
23. Đạo Phật An Lạc và Tỉnh Thức, Thiện Phúc, USA, 1996.
24. Đạo Phật Trong Đời Sống, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 1994.
25. English-Vietnamese Buddhist Dictionary, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 2007.
26. Essential of Buddhism, Gnanarama, Singapore, 2000.
27. Essentials of Buddhism, Kogen Mizuno, Tokyo, 1972.
28. The Flower Ornament Scripture, Shambhala: 1987.
29. Gems of Buddhist Wisdom, many authors, Kular Lumpur, 1983.
30. The Great Buddhist Emperor of Asia, Ven. Dr. Medhankar, Nagpur, India, 2000.
31. The Heart of Wisdom, Dr. C.T. Dorji, New Dehli, 2005.
32. History of Theravada Buddhism in South East Asia, Kanai Lal Hazra, New Dehli, 1981.
33. The Holy Teaching of Vimalakirti, Robert A.F. Thurman: 1976.
34. An Index to the Lankavatara Sutra, Daisetz Teitaro Suzuki, London, 1934.
35. Kim Cang Giảng Giải, Hòa Thượng Thích Thanh Từ, 1992.
36. Kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết, Hòa Thượng Thích Huệ Hưng, 1951.
37. Kinh Đại Bát Niết Bàn, dịch giả Hòa Thượng Thích Trí Tịnh: 1990.
38. Kinh Pháp Bảo Đàn, Hòa Thượng Thích Thanh Từ, 1992.
39. Kinh Tâm Địa Quán, Hòa Thượng Thích Tâm Châu, 1959.
40. Kinh Trường Bộ, Hòa Thượng Thích Minh Châu: 1991.
41. Kinh Trường Bộ, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
42. Kinh Trung Bộ, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
43. Kinh Tương Ưng Bộ, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1993.
44. Kinh Tăng Chi Bộ, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1996.
45. Kinh Tạp A Hàm, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1993.
46. Kinh Trung A Hàm, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.

47. Kinh Trường A Hàm, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
48. Linguistic Approach to Buddhism Thought, Genjun H. Sasaki, Delhi 1986.
49. The Long Discourses of the Buddha, translated from the Pali by Maurice Walshe, 1987.
50. A Manual of Abhidharma, Most Venerable Narada, Kuala Lumpur, 1956.
51. A Manual of Buddhism, Most Venerable Narada, Kuala Lumpur, 1992.
52. The Method of Zen, Eugen Herrigel, 1960.
53. The Middle Length Discourses of the Buddha, translated from the Pali by Bhikkhu Nanamoli, edited and revised by Bhikkhu Bodhi, 1995.
54. Nagarjuna's Philosophy, K. Venkata Ramanan, Delhi 1975.
55. Những Đóa Hoa Vô Ưu, 3 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
56. Niệm Phật Thập Yếu, Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, 1950.
57. Pen Portraits Ninety Three Eminent Disciples of the Buddha, C. de Saram, Singapore, 1966.
58. Phật Giáo và Triết Học Tây Phương, H.T. Thích Quảng Liên, 1996.
59. Phật Pháp Căn Bản (Việt-Anh)—Basic Buddhist Doctrines, 08 volumes, Thiện Phúc, USA, 2009.
60. The Pioneers of Buddhist Revival in India, D.C. Ahir, New Delhi 1989.
61. Rajagraha, Jugal Kishore Bauddh, New Delhi, 2005.
62. A Record of Buddhist Kingdoms, Fa-Hsien, English translator James Legge, 1965.
63. Sarnath, Shanti Swaroop Bauddh, New Delhi, 2003.
64. Seven Works of Vasubandhu, Stefan Anacker, Delhi 1984.
65. The Spectrum of Buddhism, Mahathera Piyadassi, Sri Lanka, 1991.
66. Studies in Ch'an and Hua-Yen, Robert M. Gimello and Peter N. Gregory, Honolulu, 1983.
67. Studies in the Lankavatara Sutra, Daisetz Teitaro Suzuki, London, 1930.
68. Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, 1957.
69. Thiên Trúc Tiểu Du Ký, Thiện Phúc, USA, 2006.
70. Thiên Sư, Thiện Phúc, USA, 2007.
71. Thiên Sư Trung Hoa, Hòa Thượng Thích Thanh Từ: 1995.
72. Thiên Trong Đạo Phật, 3 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
73. Thiên Trong Đời Sống, 1 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
74. Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Tâm Minh Lê Đình Thám, 1961.
75. Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Trí Độ và Tuệ Quang, 1964.
76. Trung A Hàm Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
77. Trung Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
78. Trường A Hàm Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
79. Trường Bộ Kinh, Hòa Thượng Thích Minh Châu: 1991.
80. Trường Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
81. Tương Ứng Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1993.
82. Từ Điển Phật Học Anh-Việt—English-Vietnamese Buddhist Dictionary, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 2007.
83. Từ Điển Phật Học Việt-Anh—Vietnamese-English Buddhist Dictionary, 6 volumes, Thiện Phúc, USA, 2005.
84. Từ Điển Thiền & Thuật Ngữ Phật Giáo Việt-Anh Anh-Việt—Vietnamese-English English-Vietnamese Dictionary of Zen & Buddhist Terms, 12 volumes, Thiện Phúc, USA, 2016.
85. The Vimalakirti Nirveda Sutra, Charles Luk, 1972.
86. Walking with the Buddha, India Dept. of Tourism, New Delhi, 2004.